

Tác giả: Phan Tín Thông
Chuyển ngữ: Vũ Phác

Chu Dịch Nhật Khóa

Chu Dịch Nhật Khóa

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác
vuphac.com

CHU DỊCH NHẬT KHÓA

Tác giả: Phan Tín Thông

Chuyển ngữ: Vũ Phác

MỤC LỤC

TỰ LUẬN	1
1. THIÊN NHÂN CẢM ỨNG VÀ NHẬT KHÓA	3
2. HIỆU ỨNG ĐỒNG BỘ CỦA ĐIỂM BÁO NHẬT KHÓA VÀ NGUYÊN TẮC TẠO KHÓA	6
3. NHÂN TỐ THỨC ĐẨY THÔNG TIN NHẬT KHÓA ĐẠT ĐẾN TIÊU CHUẨN	10
4. NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG DỤNG SỰ NHẬT KHÓA	17
PHẦN MỞ ĐẦU	19
CHƯƠNG 1: CHU DỊCH BÁT QUÁI VÀ HÀ ĐỒ, LẠC THƯ	24
TIẾT 1: THÁI CỰC VÀ BÁT QUÁI	24
TIẾT 2: HÀ ĐỒ VÀ LẠC THƯ	28
TIẾT 3: KINH QUÁI, BIỆT QUÁI, HÀO TƯỢNG, HÀO SỐ VÀ HÀO VỊ	30
CHƯƠNG 2: TỔNG QUÁT VỀ HÌNH TƯỢNG CỦA LỤC THẬP TỨ QUÁI.....	34
TIẾT 1: THỨ TỰ VÀ TÊN GỌI CỦA TỪNG QUÊ TRONG LỤC THẬP TỨ QUÁI	34
TIẾT 2: TỔNG QUÁT VỀ QUY LUẬT TỪ BÁT QUÁI CHUYỂN BIẾN THÀNH LỤC THẬP TỨ QUÁI	35
TIẾT 3: “MAI HOA DỊCH SỐ” VẠN VẬT TƯỢNG LOẠI	36
TIẾT 4: GIẢI THÍCH TỔNG QUÁT VỀ LỤC THẬP TỨ QUÁI	44
(1) Bát quái cung Càn, ngũ hành thuộc Kim	44
(2) Bát quái cung Đoài, ngũ hành thuộc Kim	46
(3) Bát quái cung Ly, ngũ hành thuộc Hỏa.....	47
(4) Bát quái cung Chấn, ngũ hành thuộc Mộc	48
(5) Bát quái cung Tốn, ngũ hành thuộc Mộc	49
(6) Bát quái Cung Khảm, ngũ hành thuộc Thủy	50
(7) Bát quái cung Cấn, ngũ hành thuộc Thổ	51
(8) Bát quái cung Khôn, ngũ hành thuộc Thổ	52
CHƯƠNG 3: TỔNG QUÁT VỀ HÀO TƯỢNG CỦA LỤC THẬP TỨ QUÁI.....	55
TIẾT 1: TOÀN BỘ HÌNH ẢNH VỀ HÀO TƯỢNG LỤC THẬP TỨ QUÁI	55
1. Bát quái nạp Thiên can	55
2. Bát quái nạp Địa chi	55
3. Lục hào phối Lục thân.....	56

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

4. Sắp xếp Thế, Ứng.....	56
5. Bảng an Lục thân và ngũ hành, Thế Ứng của Lục Thập Tứ quái	57
TIẾT 2: Ý NGHĨA CỦA LỤC THÂN, LỤC THÂN TRÌ THẾ VÀ PHÁT ĐỘNG .	65
1. Ý nghĩa của Lục thân.....	65
2. Ý nghĩa của Lục thân trì Thế.....	66
3. Quan hệ sinh khắc của Lục thân	67
TIẾT 3: BIẾN HÓA HỖ KÝ CỦA LỤC THÂN	68
1. Hào Phụ Mẫu	68
2. Hào Tử Tôn.....	68
3. Hào Quan Quỷ.....	68
4. Hào Thê Tài	69
5. Hào Huynh Đệ.....	69
TIẾT 4: LỤC THÂN PHỐI HỢP VỚI LỤC HÀO.....	69
CHƯƠNG 4: ỨNG DỤNG CỦA CÁC THẦN TRONG LỰA CHỌN VÀ DỰ ĐOÁN THÔNG TIN NHẬT KHÓA	72
TIẾT 1: LỰA CHỌN DỤNG THẦN TRONG CÁC LOẠI DỤNG SỰ NHẬT KHÓA	72
1, Xác định dụng thần là lấy loại tượng hào Lục thân.....	72
2, Chọn dụng thần của các loại dụng sự nhật khóa.....	73
3, Dụng thần hóa cát hóa hung.....	74
TIẾT 2: NGUYÊN THẦN, KÝ THẦN VÀ CỪU THẦN	74
1. Nguyên thần sinh dụng thần.....	74
2. Nguyên Thần không thể sinh dụng thần.....	75
3, Nguyên thần, ký thần, cừu thần cùng phát động.....	75
TIẾT 3: PHI THẦN VÀ PHỤC THẦN.....	76
1. Mối quan hệ của phục thần và phi thần.....	77
2. Phục thần hữu dụng.....	77
3. Phục thần vô dụng	78
TIẾT 4: DỤNG THẦN LƯƠNG HIỆN.....	78
TIẾT 5: TIẾN THẦN VÀ THOÁI THẦN.....	80
CHƯƠNG 5: TUẾ PHÁ, NGUYỆT PHÁ, NHẬT PHÁ VÀ SINH VƯỢNG MỘ TUYỆT	83
1. TUẾ PHÁ, NGUYỆT PHÁ.....	83
2. TÁC DỤNG CỦA NHẬT THẦN VÀ NGUYỆT KIẾN ĐỐI VỚI HÀO.....	84
3. ÁM ĐỘNG VÀ NHẬT PHÁ.....	85
4. TÙY QUÝ NHẬP MỘ	85
5. VÔ QUÝ VÔ KHÍ VÀ TRỢ QUÝ THƯƠNG THÂN.....	86
6. TỨ THỜI SINH VƯỢNG.....	86

CHƯƠNG 6: HÀO LỤC THÂN HÌNH XUNG HÓA HỢP TRONG NHẬT KHÓA 88

1. LỤC HỢP CỦA HÀO88
2. LỤC XUNG CỦA HÀO.....89
3. TAM HỢP CỤC CỦA HÀO 90
4. TAM HÌNH CỦA HÀO.....92

CHƯƠNG 7: CÁT THẦN HUNG SÁT VÀ LỤC THÂN QUÝ TIỆN.... 94

1. THIÊN ẤT QUÝ NHÂN.....94
2. DỊCH MÃ94
3. ĐÀO HOA95
4. THỰC LỘC.....95
5. THIÊN LA ĐỊA VĨNG95
6. LỤC GIÁP KHÔNG VONG96

CHƯƠNG 8: THÔNG TIN DỰ ĐOÁN DỤNG SỰ NHẬT KHÓA102

TIẾT 1: PHƯƠNG PHÁP TÍNH VẬN LẬP QUÊ NHẬT KHÓA102

- I. Đánh giá mức độ lâu dài và tác dụng của tên họ trong lập quê nhật khóa102
- II. Lập quê vận nhật khóa105

TIẾT 2: HIỆU ỨNG SINH KHẮC THỂ DỤNG TRONG NHẬT KHÓA107

1. Pháp thể dụng hồ biến107
2. Ví dụ về thể dụng sinh khắc.....108
3. Hiệu ứng sinh khắc của quái tượng112

TIẾT 3: HUNG CÁT ỨNG KỲ CỦA NHẬT KHÓA.....115

1. Hung cát ứng kỳ của dụng sự nhật khóa thời gian ngắn117
2. Hung cát ứng kỳ của dụng sự nhật khóa thời gian dài120
3. Tổng kết xác định ứng kỳ.....123

TIẾT 4: ĐẠI CƯƠNG DỰ ĐOÁN QUÁI TƯỢNG124

1. Dự đoán ngày xây sửa mộ phần.....124
2. Dự đoán ngày kết hôn124
3. Dự đoán ngày khai trương, cầu tài125
4. Dự đoán ngày xuất hành125
5. Giải thích ví dụ về dự đoán quái tượng126

TIẾT 5: ĐẠI CƯƠNG DỰ ĐOÁN LỤC HÀO129

1. Dự đoán ngày xuất hành129
2. Dự đoán ngày tạo táng, chuyển vào nhà mới, kết hôn.....139
3. Dự đoán ngày khai trương kinh doanh cầu tài162

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

**CHƯƠNG 9: DỤNG SỰ NHẬT KHÓA TRÊN PHƯƠNG DIỆN DỰ
ĐOÁN THỜI TIẾT170**

1. DÙNG PHÁP ĐÁO, TƯỢNG DỰ ĐOÁN THỜI TIẾT 172
2. DÙNG PHÁP LỤC HÀO DỰ ĐOÁN THỜI TIẾT 173
3. GIẢI THÍCH VÍ DỤ DỰ ĐOÁN THỜI TIẾT 177
4. TỔNG KẾT CHƯƠNG 184

**CHƯƠNG 10: GIẢI THÍCH VÍ DỤ DỰ ĐOÁN CHU DỊCH NHẬT KHÓA
.....185**

1. DỰ ĐOÁN NHẬT KHÓA TRONG XÂY NHÀ, DỌN VÀO NHÀ MỚI VÀ TU SỬA CẢI TẠO
..... 189
2. VÍ DỤ VỀ CHỌN NGÀY TỐT TRONG AN TÁNG 279
3. VÍ DỤ VỀ CHỌN NGÀY TỐT TRONG HÔN NHÂN 295
4. VÍ DỤ VỀ CHỌN NGÀY TỐT TRONG KHAI TRƯƠNG, CẦU TÀI, XUẤT HÀNH 306

TÁI BÚT.....326

LỜI KẾT327

LỜI TỰA

Rất vui vì Vũ Phác tôi đã đem đến cho mọi người cuốn sách Chu Dịch Nhật Khóa này! Biển học thâm sâu mà vô bờ bến, giới huyền học Trung Quốc sách vở có thể nói chất hàng đồng như núi, thượng vàng hạ cám có đủ cả, tinh hoa cũng không ít nhưng đặc biệt rác thì rất nhiều. Để mà nói, có thể tìm ra được cuốn sách hay, áp dụng được cho hiện trạng Huyền học nước nhà thật không hề đơn giản. Bởi lẽ biết được sách hay đã là khó, nhưng tìm được cuốn sách bản đầy đủ, không bị cắt ghép cũng không phải đơn giản, nhiều khi phải cần cả duyên lành nữa. Rất may mắn, khi tâm và tầm cũng như điều kiện kinh tế hội đủ, thì đó là lúc duyên đến. Tôi đã được một anh tiền bối đáng kính gửi cho tiêu đề cuốn sách này với lời nhắn nhủ rằng: “Em hãy tìm và dịch cuốn này đi!”. Tác giả cuốn sách này là Phan Tín Thông, chỉ cần nhật khóa bằng quẻ dịch cùng với đầu thủ trạch nhật mà có những sự phán đoán như thần, khiến cho rất nhiều người thần phục.

Cuốn sách này đáng lẽ có thể ra mắt sớm hơn, nhưng do vướng phải ví dụ quẻ dịch rất nhiều, theo tôi thống kê lại có khoảng hơn 130 ví dụ quẻ được tác giả giải thích rất chi tiết. Việc hoàn thành một quẻ cho ví dụ của tác giả đòi hỏi rất nhiều thời gian và công sức. Kiến thức trong cuốn sách này cũng rất nhiều và chi tiết, nhưng thực may mắn làm sao, bản thân tôi cũng xuất phát từ Dịch lý đầu tiên nên việc xử lý kiến thức mà tác giả muốn truyền tải vẫn may mắn mà hoàn thành. Cuốn sách này được xuất bản bởi nhà xuất bản ở Quảng Tây, nên ngôn ngữ có đôi phần khác biệt một chút với chữ phổ thông nên bị sai lỗi chính tả rất nhiều. Bản thân tác giả Phan Tín Thông cũng phải viết bài đính chính rằng sách bị sai chính tả nguyên nhân là do khâu biên tập và đánh máy, chứ không phải nguyên nhân do tác giả viết ẩu. Dù tôi đã cố gắng chuyển ngữ theo nguyên tắc giữ đúng nguyên tác nhưng cũng đã phải sửa chữa lại nhiều. Dù kiểm tra lại bản thảo rất nhiều lần nhưng sai sót là không thể tránh khỏi. Kính mong quý vị độc giả góp ý để hoàn thiện cho những bản in sau.

Và đặc biệt hơn hãy mua sách từ chính Vũ Phác, sách được phân phối qua kênh FB cá nhân “Vũ Phác” và fanpage “Nhà Sách Vũ Phác”, trang web vuphac.com. Mọi fanpage bán các đầu sách chuyển ngữ bởi Vũ Phác khác ngoài các kênh trên đây hoàn toàn là giả mạo, xin quý vị độc giả hãy lưu ý. Đây là 1 hành động đáng bị

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

lên án và vi phạm đạo đức nghiêm trọng, ăn cắp chất xám và công sức lao động của Vũ Phác. Thậm chí thô bạo và trắng trợn hơn họ còn nhận đó là sách gốc và họ chính là đại lý phân phối của Vũ Phác, điều này hoàn toàn là bịa đặt! Quý vị độc giả hãy liên hệ mua sách của Vũ Phác để dịch giả có động lực để chuyển ngữ được nhiều tác phẩm hay hơn đóng góp cho nền Huyền học của nước nhà!

Mọi thắc mắc xin liên hệ với Vũ Phác qua facebook "Vũ Phác" hoặc qua SĐT/Zalo: 0972 831 075.

Trân trọng!

Vũ Phác, Hà Nội tháng 2 năm Tân Sửu 2022

TỰ LUẬN

TRƯỚC TIÊN NÓI VỀ CHỌN NGÀY TỐT

Quảng Tây - Phan Tín Thông

Chọn ngày tốt (chọn ngày lành tháng tốt), là một loại hành động tuân theo quy luật của tự nhiên, nhằm cầu bình an cát lợi trong việc tiến hành bất cứ một việc gì, đây cũng là một phong tục truyền thống của xã hội đã khắc sâu vào trong mỗi một con người và cũng đã tồn tại, lưu truyền hơn hai nghìn năm nay. Chọn ngày tốt giờ tốt tháng tốt chính là lựa chọn ngày lành tháng tốt để làm việc. Nó được lựa chọn cẩn thận dựa trên sự phối hợp chặt chẽ giữa các yếu tố như Thiên vận (không gian), Địa vận (thời gian) và Nhân vận (niên mệnh),... mà thành. Dụng sự nhật khóa có khoa học không? Có mê tín không? Từ xưa đến nay đều tồn tại hai cách nhìn nhận. Có một vài người nhìn nhận đó như một sự mê tín, còn đa số những người khác thì coi việc này như một việc mang tính khoa học, là một hành động dựa theo quy luật của tự nhiên để làm việc. Ngày nay, khi nghiên cứu ứng dụng Dịch học vào thuật chọn ngày tốt đã có được những thành tựu cũng như kết quả tốt đẹp, thì mỗi một người nghiên cứu hay học về Dịch học cũng đều có trách nhiệm loại bỏ đi cái mác “mê tín dị đoan” của dụng sự nhật khóa, cũng như thay đổi tên của nó thành một cái tên có tính khoa học chứ không còn là một sự mê tín dị đoan nữa.

1. THIÊN NHÂN CẢM ỨNG VÀ NHẬT KHÓA

Chúng ta biết rằng, Vũ Trụ là một thể rộng lớn bất tận, nó bao gồm tất cả hệ thiên hà mà chúng ta đã biết và chưa biết đến. Tất cả mọi thứ trên mỗi một hành tinh, dù có sinh mệnh hay không có sinh mệnh, hoạt động hay không có hoạt động, sinh trưởng hay tử vong, tất cả chúng đều phát ra những thông tin khác nhau vào Vũ Trụ theo những quy luật vận hành riêng của chúng. Cho nên Vũ Trụ là một thể đa chiều rộng lớn chứa đựng đầy những thông tin.

Con người, cũng là một thể nhỏ bé tồn tại trong Vũ Trụ rộng lớn, là một thể sinh vật nhỏ bé phức tạp độc lập nhưng cũng đầy thống nhất trong Vũ Trụ. Sinh vật nhỏ bé này, cũng lưu trữ rất nhiều thành phần thông tin khác nhau. Những thông tin này, có cái thuộc về chính bản thân con người, cũng có cái thuộc về thế giới tự nhiên bên ngoài. Do đó con người như là một cỗ máy cảm ứng thông tin vừa bí ẩn và vừa khoa học, vậy nên con người mới có cả hai công năng quan trọng là phát ra thông tin cũng như thu nhận thông tin.

Thực tế khoa học đã chứng minh, thông tin của cơ thể chịu ảnh hưởng to lớn từ sự vận hành của đại thiên thể và cả những tiểu thiên thể khác nữa.

Người xưa đem sự ảnh hưởng của đại thiên thể với cơ thể con người tổng kết lại và gọi là “thiên nhân cảm ứng”. Lý luận này lấy mối quan hệ tương sinh tương khắc tỷ hòa của thiên địa âm dương ngũ hành, để nhận biết sự ảnh hưởng của thông tin lên con người là trực tiếp hay gián tiếp, đồng thời con người đối với sự vận hành của thiên thể cũng phát ra các loại thông tin cảm ứng có tính tổng kết khoa học.

Các nhà hiền triết từ xưa đến nay, từ trong nước đến ngoài nước trong quá trình nghiên cứu đã phát hiện ra Vũ Trụ là một thể đa chiều. Trong Vũ trụ có gì, con người cũng có; trong con người có gì, vạn vật cũng có. Cho nên “Vạn vật vô tính mà hữu tính”, vạn vật trong vũ trụ, dù đó chỉ là một viên đá vô tri vô giác, nhưng nó cũng tương tác tình cảm như con người. Mặc dù nó không có thất tình lục dục, nhưng cũng có thể hấp thụ, hay phát tán năng lượng thông tin ra bên ngoài Vũ trụ”. Lý luận đa chiều của Vũ Trụ là một lý luận khoa học, là nền móng cơ bản trong lý luận ứng dụng khoa học vào dự đoán thông tin. Rất nhiều thực nghiệm khoa học đã chứng minh tính khoa học của lý luận “Thiên nhân cảm ứng”, “Vũ trụ và con người hợp nhất” không phải là sự mê tín.

Sự sinh trưởng và phát triển của sự vật trong một không gian hay một vị trí nào, chính là khí mà vật đó nhận được từ dụng sự nhật khóa. Dụng sự nhật khóa, cũng chính là mệnh khí mà sự vật sinh ra nhận được. Dụng sự nhật khóa tứ trụ lưu trữ tất cả những thông tin về thời gian không gian vị trí. Bởi vì dụng sự nhật khóa, trong phương vị và không gian nào đó có thể thấy được hoặc cũng có thể không thấy được sự sinh trưởng và phát triển của tiểu thiên thể trong Vũ Trụ. Cái gọi là có thể thấy được hoặc cũng có thể không thấy được sự tồn tại sinh trưởng của tiểu thiên thể trong Vũ Trụ, chính là bất luận đó là sinh vật thể hay không phải sinh vật thể, cũng đều chịu sự ảnh hưởng của thông tin vận động tinh thể trong Vũ Trụ, đồng thời cũng có công năng tiếp nhận thông tin và phát ra thông tin, ngoài ra còn ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến cả thông tin bên ngoài hay bên trong đối với bản thân vật chủ, dẫn đến vật chủ khi đó sẽ gặp phải hung cát họa phúc như thế nào. Bởi vì dù trong trạng thái vận động hay tĩnh lặng, chúng cũng đều chịu sự ảnh hưởng của thông tin từ các tinh thể trong Vũ Trụ,

và cũng đều có thể tiếp nhận thông tin từ Vũ Trụ, thông tin này đối với một sự vật nhất định sẽ có tính tốt có tính xấu, ngoài ra nó còn tồn tại cả tác dụng đồng bộ thông tin hoặc không đồng bộ thông tin với vật chủ. Như những gì đã nói trên, mà hình thành nên toàn bộ quá trình của sự vận động sinh mệnh con người có hung cát phúc họa, sinh lão bệnh tử, đó cũng chính là toàn bộ quá trình “Thiên nhân cảm ứng”.

Học thuyết chọn ngày tốt là tập hợp tất cả lý luận học thuyết khoa học, tâm lý học, thông tin học, địa lý phong thủy học,... là một hệ thống học thuyết lý luận khoa học hướng cát tránh hung, chúng cũng chính là một bộ phận quan trọng của học thuyết chọn ngày tốt. Từ xưa đến nay, làm chuyện lớn hay chuyện quan trọng đều chọn ngày lành tháng tốt để làm, điều đó đã hình thành nên một phong tục, một tập quán cầu may, đón điều tốt tránh điều xấu, một hành động gia tăng thêm sự tự tin vào bản thân. Bởi vì thuật chọn ngày tốt có thể đem đến cho con người và xã hội sự may mắn, hạnh phúc và cát lợi, nó cũng mang ý nghĩa khoa học sâu sắc, cho nên nó mới có thể trải qua bao nhiêu sóng gió mà vẫn lưu truyền trong hơn 2 nghìn năm lịch sử, đồng thời nó cũng ngày càng phát triển và hoàn thiện, cho đến tận bây giờ nó vẫn tiếp tục cống hiến cho con người và xã hội. Dưới sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật khoa học ngày nay, chọn ngày tốt vẫn có sức hút lớn và mạnh mẽ với rất nhiều người, thậm chí ngay cả những nước đứng đầu trong phát triển khoa học kỹ thuật như Mỹ, Nhật Bản, Đài Loan và Hong Kong,... thì con người vẫn rất hứng thú với việc chọn ngày tốt. Có thể thấy chọn ngày tốt có ý nghĩa nội hàm mang kính khoa học sâu sắc, chuyện này đã được mọi người công nhận từ lâu lắm rồi. Con người chọn ngày tốt để làm việc, thực tế là tuân theo quy luật tự nhiên, nghiên túc dựa theo quy luật của tự nhiên mà làm việc. Như vậy ắt hẳn sẽ đạt được sự hồi báo tốt đẹp từ tự nhiên, cũng như đạt được kết quả như mong đợi.

Các tiêu chuẩn thông tin của dụng sự nhật khóa thông thường bao gồm hạng mục, phương vị, niên mệnh, nhật khóa, tứ trụ,... khi dùng Chu Dịch để dự đoán và lựa chọn, nó còn bao gồm cả Chu Dịch bát quái được thể hiện trong nhật khóa. Nhân mệnh tứ trụ chính là vận mệnh của con người, nhật khóa tứ trụ là mệnh khí của sự vật mà chúng nhận được khi sinh ra, đó đều là những khái niệm toàn diện về thời gian không gian, nó ghi ghép lại và phản ánh lại toàn bộ những thông tin. Cho nên điểm khác biệt ở đây chính là, dụng sự nhật khóa gánh vác sứ mệnh đặc biệt trong chọn nơi tốt

ngày tốt tháng tốt đem đến cát lợi thịnh vượng cho gia chủ. Thông tin trong vận mệnh của con người không chỉ ảnh hưởng đến bản thân và những thành viên trong gia đình, mà nó còn có ảnh hưởng đến cả những người thân có quan hệ huyết thống, mà “mệnh” của sự vật chính là thông tin của dụng sự nhật khóa, ngoại trừ có ảnh hưởng đến gia chủ và những thành viên trong gia đình, đối với những người thân khác sống ở nơi khác, chỉ cần không tham gia vào công việc, thì thông thường sẽ không bị ảnh hưởng gì đến. Ví dụ như chọn ngày xây nhà và dọn vào nhà ở là ngày có tồn tại thông tin xấu, thông tin xấu về tổn hại tài sản thậm chí còn tổn hại cả nhân đinh trong nhà, chỉ cần người thân họ hàng không cùng ở, cũng không tham gia vào việc này, điềm ứng tai họa chỉ ứng nghiệm đến gia chủ hoặc ứng lên những thành viên trong gia đình gia chủ, tuyệt đối sẽ không ứng nghiệm lên những người thân họ hàng hoặc những thành viên trong gia đình họ.

2. HIỆU ỨNG ĐỒNG BỘ CỦA ĐIỀM BÁO NHẬT KHÓA VÀ NGUYÊN TẮC TẠO KHÓA

Tác giả trong quá trình nghiên cứu nhật khóa đã phát hiện, dụng sự nhật khóa có một vấn đề liên quan đến việc đồng bộ thông tin nhật khóa với vận mệnh con người, long sơn, vận mệnh long sơn; cũng lại có một vấn đề việc đạt tiêu chuẩn của thông tin nhật khóa trong dụng sự. Hai vấn đề này, thường hay bị mọi người bỏ qua hoặc thiếu hiểu biết về nó, như vậy nên mới không tránh được sự đồng bộ về thông tin xấu hoặc khiến cho thông tin tốt không thể đạt đến tiêu chuẩn để đồng bộ được, vấn đề này rất quan trọng, chúng ta nên nghiên cứu và ứng dụng sâu hơn về nó.

(1) Hiệu ứng đồng bộ thông tin nhật khóa với thông tin con người

Một người, nếu như trong vận mệnh của anh ta có thông tin xấu bất lợi cho cha mẹ, bất lợi cho vợ con, nếu như không có giải pháp hóa giải nào, vậy nhà của anh ta, từ ngày dọn vào nhà ở sẽ có chuyện bất lợi cho cha mẹ, bất lợi cho vợ con, vì ở đây gia chủ có thông tin xấu, người này bởi vì bản thân có chứa thông tin xấu, lại thêm phúc khí không đủ, bao nhiêu điều tốt đều bị mất đi hết, còn rất hay làm những việc xấu, nên cứ như bị ma xui quỷ khiến mà làm gì cũng không thành. Nếu dụng sự nhật khóa có thông tin bất lợi cho gia chủ, và nó cũng đã ứng nghiệm rồi, thì nó sẽ khiến cho thông tin vận mệnh của cả vợ và con cũng đều bị kéo theo, đều có thông tin bất lợi như của cha chồng của cha, đồng thời thời gian ứng nghiệm thông tin xấu cũng hoàn toàn đồng bộ với thông tin

xấu của nhật khóa. Một người trong vận mệnh có thông tin xấu về tai họa hôn nhân, ngày mà anh ta chọn kết hôn chắc hẳn cũng có nhiều thông tin không tốt về hôn nhân gia đình. Những chuyện được viết ở bên trên tác giả đã thấy rất nhiều trong thực tiễn cuộc sống rồi.

Một người nếu có vận mệnh thất bại hoặc vận mệnh tương lai sẽ thất bại, nếu như phúc khí của anh ta không đủ, lại còn hay làm việc vào những ngày không tốt, hoặc ngày tốt đều bị người ta chiếm lấy mất, anh ta sẽ cứ như ma xui quỷ khiến mà làm việc lúc nào cũng thất bại. Còn nếu vận mệnh thất bại hoặc tương lai sẽ thất bại, nhưng anh ta lại thường xuyên làm những chuyện tốt tư âm tích đức, ông trời có mắt, anh ta nhất định sẽ gặp được người có lòng chỉ điểm cho, giúp cho anh ta hóa giải, những ngày anh ta chọn làm việc sẽ ít gặp thông tin xấu, không gặp tai họa lớn, ngoài ra còn có thể chuyển họa thành phúc. Ngược lại, những người vận mệnh rất tốt, bình thường rất may mắn, cũng rất hay làm chuyện tốt tư âm tích đức, đức cao vọng trọng, vậy cả đời này hoặc trong khoảng thời gian này bình thường sẽ không gặp chuyện xấu gì, còn hay gặp người tốt chỉ điểm, thường xuyên gặp được chuyện may mắn, chuyện xấu cứ như không bao giờ gặp phải. Ngoài ra có một số người vận mệnh không phải quá xấu, nhưng sau đó vì làm nhiều việc xấu, tội nghiệp quá nhiều tổn hại công đức, anh ta sẽ thường xuyên gặp chuyện xấu, đây là ông trời trừng phạt anh ta vì những gì đã làm, đó là báo ứng. Trừ triết lý “táng sơn khởi ốc chủ nhân phú” ra, “âm công tích đức có thiện báo, tạo nghiệp sẽ bị quả báo” cũng là một đạo lý không bao giờ sai, chỉ là nhiều khi báo ứng đến muộn chứ không phải không đến.

Trong quá trình nghiên cứu thực tiễn phát hiện, nếu như vận mệnh của gia chủ bình bình, bây giờ dùng nhật khóa thiên phú đại quý, gia chủ cũng không thể có được vận may lớn, chỉ có được chút thay đổi mà thôi. Nhưng có thể có được vận may cho con cháu về sau. Nếu như vận mệnh của gia chủ tốt, hoặc đang rất tốt, anh ta dùng nhật khóa đại cát như mới nói bên trên, anh ta sẽ như hổ về rừng, có được vận may lớn vô cùng, mà cũng để lại cả vận may cho con cháu về sau, đây là chỉ những người có âm công dương đức. Nếu như gia chủ có vận mệnh kém hoặc vận mệnh thất bại, dùng nhật khóa đại cát ngược lại sẽ có hại cho gia chủ. Bởi vì loại người này “thể quá suy”, không chịu nổi đại bổ, chỉ có thể bổ ít hoặc bổ vừa vừa. Vì đại bổ ngược lại làm không khéo sẽ

dễ dẫn đến gây ra tai họa lớn. Chọn ngày tốt cũng là một loại thuật số “y mệnh”. Chọn lựa ngày tốt cũng cần chọn đúng người.

(2) Nguyên tắc tạo khóa

Sau khi chúng ta đã biết thông tin nhật khóa và thông tin con người có hiệu ứng đồng bộ, chúng ta có những tiêu chuẩn và nguyên tắc nghiêm ngặt trong chọn nhật khóa. Cái này giống với một người bác sĩ vậy, với mỗi một bệnh nhân khác nhau có cách chữa trị khác nhau và yêu cầu khác nhau. Nhìn chung, thông tin nhật khóa bao gồm bốn loại thông tin đinh, tài, quý, thọ, nhưng rất khó để có được ngày tốt có đủ cả 4 loại thông tin này, chỉ có thể có được hai loại hoặc ba loại thông tin mà thôi. Đối với người bình thường mà nói, có được hai loại thông tin tốt là đinh tài cũng đủ rồi. Còn đối với những người làm quan chức cao mà nói, nguyên tắc cơ bản chọn ngày tốt trừ bảo đảm gia đình gia chủ đinh tài đều vượng ra, còn cần duy trì sự ổn định trong công việc địa vị quan chức, nếu như có thể thăng quan tiến chức thì càng tốt! Cho nên, đa số họ đều cố để có được cách cục đinh tài quý, hoặc cách cục đinh tài, cách cục tài quý. Nguyên tắc quan trọng của lựa chọn nhật khóa là những nhật khóa được chọn dùng cần là những nhật khóa tốt và đồng bộ thông tin tốt với vận mệnh của gia chủ, khiến cho gia chủ gặp may mắn hơn hoặc bảo đảm được tình ổn định. Đồng thời, thông tin xấu trong nhật khóa tuyệt đối không được phát sinh hiệu quả đồng bộ với thông tin xấu trong vận mệnh của gia chủ, khiến chúng tăng lên hoặc rút ngắn thời gian gia chủ gặp tai họa bất hạnh, tránh tạo nên cục diện xấu. Còn nữa, chọn dụng sự nhật khóa, ngoài việc cần xem xét đến nhân tố vượng suy của long sơn ra, còn cần chọn đối sách dụng sự tốt nhất ngay khi mà vận mệnh của gia chủ tốt hoặc vận mệnh bình bình. Nếu như chọn dụng sự ngay lúc vận mệnh gia chủ không tốt, thì cần thay gia chủ hóa giải hoặc tìm cách khắc phục hậu quả cho gia chủ. Vì vậy, những trạch nhật sư có kinh nghiệm nhiều trong chọn ngày đều cần dự đoán vận mệnh và tình hình vận mệnh trong năm của gia chủ trước khi chọn ngày, cần nói với gia chủ những chuyện cần chú ý, những biện pháp khắc phục hậu quả rồi mới dụng sự, đề phòng có chuyện bất trắc xảy ra. Do đó trạch nhật sư ngoài thông thạo các thuật chọn ngày tốt ra, còn cần hiểu được và tinh thông thuật dự đoán thông tin của con người, còn cần hiểu cả phương pháp hóa giải tai họa, như vậy mới có thể làm một trạch nhật sư.

Nguồn gốc của chọn ngày tốt trong Trung Quốc có từ rất lâu đời, phương diện lý luận cũng có rất nhiều, có chính có tà. Hình thành nên nhiều trường phái tư tưởng khác nhau, tạo nên bố cục hỗn loạn mâu thuẫn đấu tranh và cũng hỗ trợ lẫn nhau; có người nói đó tốt, nhưng cũng có người nói đó là xấu, khiến cho khó mà có thể thích ứng được, tốt xấu cũng khó phân biệt, làm cho người ta mơ hồ khó hiểu. Tác giả sau khi trải qua một thời gian dài nghiên cứu kiểm chứng đã biết được, nguyên tắc quan trọng chủ yếu của tạo khóa chính là cần dùng lý luận khoa học của ngũ hành sinh khắc chế hóa để phán đoán cát hung của nhật khóa tứ trụ, tổng hợp vận dụng lý luận Thần sát để hỗ trợ duy trì tâm lý con người ổn định. Như vậy có thể đạt được thông tin nhật khóa tốt lại có thể bảo đảm được tâm lý ổn định. Vì thế, phương pháp trách nhật trọng dụng ứng dụng tứ trụ ngũ hành sinh khắc chế hóa, điểm quan trọng chính là dựa vào sự tuần hành của ngũ hành mà giảm nhẹ đi cách cục Thần sát. Đương nhiên, nhật khóa tứ trụ cần chính là có được sự tuần hành của ngũ hành, có tính sinh khắc, có được cát thần trong khóa sẽ thành cát cục, cái này chính là đạt được thượng cát của khóa. Bởi vì, nhật khóa tứ trụ ghi lại toàn bộ thông tin không gian vị trí, bỏ qua tứ trụ ngũ hành sinh khắc chế hóa mà chỉ nói đến cách cục Thần sát, nó giống như vứt đi dưa hấu mà nhặt mỗi dưa leo, điều đó là không nên. Đương nhiên, có cả hai mới là tốt.

Tạo khóa còn có một nguyên tắc quan trọng nữa mà rất hay bị mọi người xem nhẹ, chính là lúc tạo khóa ngoài việc chú ý đến nguyên tắc nói ở trên, còn cần phối hợp với dụng thần trong vận mệnh của gia chủ mà tạo khóa, như vậy gia chủ mới có thể có được cát lợi. Tác giả trong thời gian nghiên cứu thực nghiệm, thấy nhật khóa tứ trụ can chi chủ mệnh hỷ thần, thông tin nhật khóa cát khi đó cát là cát nhất, thông tin nhật khóa cát đạt đến tiêu chuẩn; nếu như tứ trụ can chi là kỵ thần chủ mệnh, thông tin cát của nhật khóa không đạt đến tiêu chuẩn, thông tin hung lại đạt đến tiêu chuẩn. Nếu chủ mệnh sinh thần bát tự Mộc là hỷ thần dụng sự, thì ngày tốt là những ngày Giáp Tý, Ất Hợi, Giáp Dần, Ất Mão,... ngày kỵ là ngày Giáp Thân, Ất Dậu,...; chủ mệnh sinh thần bát tự Hỏa có hỷ thần dụng sự, những ngày tốt là Bính Dần, Đinh Mão, Bính Ngọ, Đinh Mùi,... ngày kỵ là Bính Tý, Đinh Hợi,...; chủ mệnh sinh thần bát tự Thủy có hỷ thần dụng sự, những ngày tốt là Quý Hợi, Nhâm Tý, Nhâm Thân, Quý Dậu hoặc Canh Thân, Tân Dậu,... ngày kỵ là Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Mậu Thìn, Kỷ Ty ...; chủ mệnh sinh thần bát

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

tự Kim là hỷ thần dụng sự, ngày tốt là Canh Thân, Tân Dậu, Canh Tuất, Canh Thìn,... ngày kỵ Canh Ngọ, Bính Ngọ, Đinh Ty,...; chủ mệnh sinh thần bát tự Thổ là hỷ thần dụng sự, có ngày tốt là Mậu Thìn, Kỷ Sửu, Mậu Tuất, Kỷ Mùi,... ngày kỵ là Tuất Dần, Kỷ Mão, Giáp Dần, Ất Mão,...

Tóm lại, không làm thì thôi, còn nếu làm thì thường căn cứ vào nhật chi hoặc nguyệt chi thời chi ắt mọi chuyện sẽ tốt, nếu làm gì cũng không xem xét thì khó có được chuyện tốt. Nhưng nếu như niên nguyệt nhật can chi đều có chủ mệnh hỷ thần dụng sự thì sẽ càng tốt hơn. Như vậy nhật khóa tứ trụ có thể chân chính hoàn thành sứ mệnh đặc biệt đem đến sự may mắn vượng tài cho gia chủ, công đức viên mãn, gia chủ dụng sự có thể đạt được cát lợi. Vấn đề này là dụng thần phải đạt được đến tiêu chuẩn, là vấn đề quan trọng thiết yếu để “niên mệnh của người dụng sự” thực sự đạt được sự thịnh vượng.

3. NHÂN TỐ THỨC ĐẨY THÔNG TIN NHẬT KHÓA ĐẠT ĐẾN TIÊU CHUẨN

Thông tin đạt đến tiêu chuẩn, là chỉ thông tin đạt được tất cả những yêu cầu tiêu chuẩn, hoặc đạt được nguyện vọng ước nguyện đã định trước đó. Vấn đề thông tin con người đạt đến tiêu chuẩn là như nào, thì đây là một vấn đề khách quan tồn tại trong thực tế, nhật khóa tứ trụ là mệnh khí mà sự vật nhận được khi sinh trưởng, đương nhiên cũng sẽ có một tiêu chuẩn để thông tin nhật khóa hướng đến. Chỉ có điều rất ít người biết đến nó, nghiên cứu về nó. Có những ngày rất cát hoặc rất hung, thì tác dụng của hung cát khi dụng sự cũng rất khác nhau, nó cũng khiến cho thông tin hung cát có hay không đạt đến tiêu chuẩn. Ví dụ như dụng sự vào ngày tốt, có người gặp may mắn lớn, có người chỉ hơi may mắn, có người chẳng mất cũng chẳng được gì; dụng sự vào ngày xấu, có người tổn hại đến tiền tài nhân đinh, có người chỉ gặp chút tai họa nhỏ, có người tai họa đến nhanh, có người tai họa đến chậm. Như đã nói ở trên, thông tin nhật khóa và thông tin con người có sự đồng bộ và cũng có sự không đồng bộ với nhau, còn nữa, dưới đây là những nhân tố khiến cho thông tin nhật khóa không đạt đến tiêu chuẩn:

(1) Sự đồng bộ nhân tố hoàn cảnh môi trường Long sơn phong thủy dụng sự với thông tin nhật khóa

Thông tin nhật khóa có phát sinh hiệu ứng đồng bộ với long gia, sơn gia, sơn vận hay không là một nhân tố quan trọng để quyết định xem thông tin nhật khóa có đạt đến tiêu chuẩn hay không. Lấy ngày tốt để nói, nếu phối hợp sử dụng với long sơn tốt thì dụng sự đạt được điều tốt, phối hợp với long sơn không tốt thì dụng sự không thể tốt nổi, ngày tốt phối hợp với long sơn cát dụng sự mặc dù tốt, nhưng nếu như dụng thần trong nhật khóa không thể cùng dụng sự sơn gia, sơn vận phát sinh hiệu ứng đồng bộ thông tin, thông tin nhật khóa đồng thời cũng sẽ không đạt đến tiêu chuẩn. Ví dụ một người có dụng sự nhật khóa đại thượng cát thăng quan tiến chức đại phú đại quý, trừ dụng sự ở nơi phong thủy thăng quan tiến chức đại phú đại quý ra, trong nhật khóa còn cần bắt buộc phải có dụng thần tài tinh quan tinh ngũ hành tương đồng tương sinh tương vượng với sơn gia ngũ hành, đến khi long vận sơn vận đương lệnh vượng thời cùng với tài tinh quan tinh phát sinh hiệu ứng đồng bộ, tài tinh quan tinh gặp ngay lúc sinh vượng ắt sẽ thăng quan tiến chức đại phú đại quý, thông tin nhật quá đạt đến tiêu chuẩn. Nếu như ngày tốt mặc dù dụng sự cùng với long sơn cát, nhưng nhật khóa dụng thần tài tinh quan tinh không tương đồng với sơn gia ngũ hành, sẽ không đạt được tương sinh tương vượng, đến khi sơn gia vận hành sẽ không được tương sinh tương vượng, như vậy dụng thần và sơn gia sơn vận sẽ không đồng bộ, dù cả nhật khóa và sơn gia đều có thông tin thăng quan tiến chức đại phú đại quý, nhưng rất khó mà thăng quan tiến chức đại phú đại quý, hoặc có khi tiêu chuẩn thông tin nhật khóa còn bị hạ thấp xuống. Đây là một trong các nhân tố khiến cho thông tin nhật khóa không đạt đến tiêu chuẩn hoặc không thể hoàn toàn đạt đến tiêu chuẩn. Nếu như nhật khóa dụng thần có tài tinh là Kim, quan tinh là Thủy, đều là tương trợ thịnh vượng, thì sẽ có được nhật khóa mang thông tin thăng quan tiến chức đại phú đại quý. Nhật khóa này phải dùng trong long sơn Càn Đoài thuộc Kim thăng quan tiến chức đại phú đại quý, mới khiến cho dụng thần đạt đến tiêu chuẩn thăng quan tiến chức đại phú đại quý. Bởi vì long sơn Càn Đoài thuộc Kim tử hòa sinh vượng với dụng thần tài tinh quan tinh, lại ở tại sơn long vận hành trong hai vận thuộc Kim là vận 6,7, sơn gia đương lệnh sẽ vượng, vận lại sinh vượng dụng thần tài tinh quan tinh, cho nên sẽ thăng quan tiến chức đại phú đại quý, là dụng thần đạt đến tiêu chuẩn. Nếu tài tinh thuộc Kim, quan tinh

thuộc Thủy mà phối hợp với dụng thần thuộc Hỏa, dụng sự sơn gia Mộc, dù sơn gia có phong thủy thăng quan tiến chức đại phú đại quý, nhưng nếu không phải do quan tinh chịu thoát tiết, thì sẽ là tài tinh chịu thương tổn. Nên dù long sơn vận hành vẫn y như vậy, nhưng tài tinh quan tinh không phải chịu khắc tiết thì cũng phải chịu tù ngục vô khí, cho nên dụng thần nhật khóa khó mà đạt được đến tiêu chuẩn, còn khi phối hợp với long sơn dụng sự thuộc Thổ, Thủy, long sơn, long sơn vận đối với dụng thần tài tinh quan tinh sẽ là một vượng một suy, một sinh một khắc, muốn có được cả hai là không thể, thông tin nhật khóa cũng không hoàn toàn đạt đến tiêu chuẩn.

(2) Phúc phận và đức hạnh của gia chủ

Thông tin nhật khóa tốt, long sơn phong thủy tốt, nếu gia chủ phúc phận lớn, đức hạnh cao, ắt được hưởng ưu đãi lớn của ông trời, nhật khóa dụng thần có thể đạt đến tiêu chuẩn. Nếu như gia chủ phúc phận ít, đức hạnh thấp hoặc đức hạnh không có gì, thông tin tốt của nhật khóa cũng không thể đạt đến tiêu chuẩn hoàn toàn hoặc không đạt đến tiêu chuẩn. Lấy ngày mai táng để nói, nếu nơi tốt chôn người xấu kẻ ác, ông trời sẽ tức giận, xương cốt của người xấu kẻ ác sẽ không được sơn gia long khí chấp nhận, sẽ bị sét đánh lửa đốt, thông tin nhật khóa tốt làm sao mà đạt đến tiêu chuẩn đây? Hai câu tục ngữ tốt có "phúc nhân cư phúc địa, đời chờ phúc nhân đến" "Táng sơn khởi ốc chủ nhân phúc" đều có đạo lý của nó cả. Đối với ngày xấu mà nói, những người phúc phận đức hạnh lớn thì sẽ ít gặp xui xẻo và tai họa có gặp cũng chỉ là tai họa nhỏ, thông tin ngày xấu đối với họ mà nói thì không bao giờ đạt đến tiêu chuẩn hay hoàn toàn đạt đến tiêu chuẩn; còn với những người làm chuyện xấu, thì sẽ gặp phải họa lớn, thông tin ngày xấu sẽ đạt đến tiêu chuẩn, đây là do ông trời trừng phạt và báo ứng cho những gì họ làm.

(3) Hoàn cảnh địa lý và phương vị dụng sự

Dụng sự nhật khóa đối với các loại sơn gia và phương vị, thông tin nhật khóa cũng là nhân tố ảnh hưởng đến việc thông tin nhật khóa có đạt đến tiêu chuẩn hay không đạt đến tiêu chuẩn. Ví dụ như có một dụng sự nhật khóa với thông tin tốt, dụng sự với phương vị tốt và môi trường địa lý tốt, thì thông tin nhật khóa sẽ đạt đến tiêu chuẩn; nhưng nếu như dụng sự với phương vị không tốt hoặc đến phương tam sát tuế phá, không chỉ không có được bình an, mà còn xảy ra tai họa, khiến cho thông tin nhật khóa tốt

không đạt đến tiêu chuẩn. Lấy ngày tốt xuất hành để nói, nếu hào Thế thuộc Mộc, xuất hành đến hướng Đông, hướng Bắc thì hào Thế nhận được sinh vượng, ắt sẽ bình an đại cát, khi đó thì thông tin nhật khóa đạt đến tiêu chuẩn; nếu xuất hành đến hướng Tây thì hào Thế bị phương khắc hoặc xuất hành hào Thế nhập mộ khối, nếu đến phương này sẽ gặp tai họa, khiến cho thông tin nhật khóa cát không đạt đến tiêu chuẩn.

Tài tinh tương vượng của nhật khóa trong khai trương cầu tài; dụng sự ở những môi trường địa lý khác nhau, thì dụng thần đạt đến cũng không giống nhau. Khai trương cầu tài ở thành phố đương nhiên kiếm được nhiều hơn là ở nông thôn, ở nơi náo nhiệt, khu chợ mà khai trương cầu tài sẽ kiếm được nhiều tiền hơn ở nơi hẻo lánh ít người, ở nơi kinh tế tài chính phát triển mạnh mẽ khai trương cầu tài đương nhiên phải kiếm được nhiều tiền hơn ở nơi tài chính kinh tế kém phát triển,...

Lại nói về xây nhà, làm nhà ở vùng trũng ven sông thì có nguy cơ bị nước hay lũ lụt cuốn đi, nếu như xây nhà gần đồi núi, lại có nguy cơ bị đất lở đá rơi. Cho nên, hoàn cảnh môi trường địa lý của dụng sự cũng là một trong những nhân tố quan trọng quyết định dụng thần có đạt đến tiêu chuẩn hay không?.

(4) Hạng mục dụng sự

Dụng sự nhật khóa chia ra các hạng mục dụng sự nhật khóa gồm xuất hành, khai trương cầu tài, kết hôn, xây nhà, chuyển nhà, lễ lạc, an táng, mai táng vân vân. Cũng một nhật khóa, có chuyện tốt, cũng có cả chuyện không tốt. Mỗi một tháng vào hạ nhật, trùng nhật, nếu có chuyện vui thì có nghĩa niềm vui nhân đôi; nếu có chuyện không tốt như đám ma đám tang thì nghĩa là không tốt nhân đôi. Lại lấy lục hào trạch nhật để nói, nếu gặp Quan Quỷ tri Thế, mà đi cầu quan cầu tiền tài thì là dụng sự nhật khóa cát, nhưng nếu dùng để chọn ngày xuất hành thì lại không tốt, có tai họa "Quan Quỷ tri Thế, đi xa hương sẽ không bình an". Lại lấy Tài động khắc Thế (cần hào Thế phải vượng) dụng sự nhật khóa để nói, tài động khắc Thế là tài lộc đến tìm, cầu tài dễ đạt được, dùng để cầu tài khai trương là đại cát; mà dùng ngày này để xây nhà, an táng, sẽ dẫn đến sau này gặp phải con gái và con dâu khó bảo bất hiếu, hoặc dẫn đến gia chủ vì tài sản vì nữ sắc mà gặp họa không mấy tốt đẹp. Tài động khắc Thế, dùng trong sự nghiệp học hành sẽ không gặp may, bởi vì Tài là sát của văn thư, sẽ bất lợi về văn thư học hành.

(5) Niên mệnh của gia chủ với dụng sự

Một trong số các nguyên tắc lựa chọn dụng sự nhật khóa là phù long sơn tướng chủ mệnh. Chủ mệnh là chỉ niên mệnh của gia chủ dụng sự cũng như các thành viên trong gia đình. Chọn ngày an táng sẽ có hóa mệnh vong giả (gọi là tiên mệnh) niên mệnh, chính là năm ngũ hành nạp âm của năm tuổi mà người đó sinh ra. Hóa mệnh hoặc tiên mệnh chính là năm ngũ hành nạp âm của năm tuổi mà người đó mất. Dụng sự nhật khóa trừ việc không thể tương xung tương khắc tương hình với tạo táng long sơn ra, cũng không được tương xung tương khắc tương hình, gây hại đến chủ mệnh hoặc hóa mệnh của gia chủ. Cùng một dụng sự nhật khóa, Trương Tam tương sinh tương hợp với niên mệnh thì có tài lộc phú quý, quý nhân giúp đỡ, là cát; Lý Tứ mặc dù niên mệnh trong tình trạng không xung khắc hình với nhật khóa, nhưng lại không gặp quý nhân giúp đỡ nên chỉ hơi may mắn hoặc có khi không có được gì, mà cũng không mất gì; còn Vương Ngũ dụng sự không chỉ không được tài lộc phú quý phụ trợ, mà nhật khóa ngược lại còn tương xung khắc hình với niên mệnh của Vương Ngũ, gây bất lợi, gây hại cho gia chủ. Cho nên, thông tin nhật khóa có thể đạt đến tiêu chuẩn hay không đều có liên quan đến niên mệnh của gia chủ.

(6) Họ của người dụng sự

Thông tin nhật khóa có đạt đến tiêu chuẩn hay không, còn có liên quan đến một nhân tố khác đó chính là họ của gia chủ. Ví dụ họ Mạc và họ Triệu đều là hai quan chức, cùng chọn ngày "Ất Hợi, Kỷ Sửu, Giáp Dần, Giáp Tý" và cùng chọn một con đường một hướng đi, mặc dù niên mệnh và nhật khóa tứ trụ không xung không khắc không tương hình, nhưng hiệu quả của công việc lại không giống nhau. Sau khi dụng sự, họ Mạc với thân phận là phó quận liên thăng hai bậc lên bí thư quận; mà họ Triệu có thân phận là phó cục trưởng, sau khi dụng sự, lại mất luôn chức phó cục trưởng, vô duyên vô cớ mà biến thành một nhân viên bình thường. Bởi vì thêm pháp họ trong việc lập quẻ nhật khóa, họ Mạc ngày dụng sự có quan tinh vượng mà hóa sinh, còn họ Triệu ngày dụng sự quẻ quan tinh suy mà hóa thoái, cho nên họ Mạc thăng chức còn họ Triệu mất chức. Pháp này vừa đúng với những gì được viết và giải thích trong "Mai hoa dịch số dự đoán học" của Thẩm Bá Xuân tiên sinh, đây cũng là phương pháp chọn ngày dựa theo thông tin nhật khóa kỳ diệu của đại sự Dịch học là thầy Thiệu

Khang Tiết, ông là một bậc thầy nổi tiếng trong trạch nhật chân truyền.

Tác giả cũng đã kiểm chứng trong thực tiễn, lúc dựng sự nhật khóa, nếu vợ cũng tham gia dựng sự, cần phải thêm cả họ của vợ và họ của gia chủ vào bát quái để dự đoán. Nếu như sau khi thêm họ của vợ vào mà thông tin nhật khóa càng tốt lên, thì cần làm việc cùng với vợ; nếu thêm họ vợ vào mà thông tin nhật khóa lại thành xấu, thì vợ không nên tham gia vào công việc, chỉ một mình gia chủ làm mà thôi, để tránh hồng chuyện, gây ra tai họa. Đây là chính tác giả sau khi trải nghiệm đã đưa ra tổng kết chính xác cũng như kinh nghiệm quan trọng.

(7) Bất đồng thông tin bên ngoài

Trong lúc dùng chu dịch dự đoán sự vật, cũng cần quan tâm đến thông tin bên ngoài. Trong dựng sự nhật khóa, cũng cần quan tâm đến hiệu ứng của thông tin bên ngoài. Bởi vì khi dựng sự cũng có thông tin bên ngoài tham gia vào, ở một mức độ nhất định nào đó nó có thể thay đổi thông tin nhật khóa. Cho nên thông tin bên ngoài cũng là một nhân tố ảnh hưởng đến dựng thần trong thông tin nhật khóa có đạt đến tiêu chuẩn hay không.

Thông tin bên ngoài được mọi người gọi là “Triệu đầu”, ngoại trừ việc có thể trực tiếp đảm bảo hoặc phá vỡ sự cân bằng tâm lý và tự tin của con người ra, còn có thể nảy sinh hiệu ứng đồng bộ hoặc không đồng bộ với thông tin nhật khóa. Khiến cho thông tin trong nhật khóa có thể thay đổi thành tốt hoặc xấu. Thông tin bên ngoài mà cát thì như tài lộc quý nhân đến, nó có thể khiến cho thông tin nhật khóa và dựng thần đạt đến tiêu chuẩn, khiến cho thông tin trong ngày xấu không thể đạt đến tiêu chuẩn hoặc giảm nhẹ điều xấu đi. Nếu thông tin bên ngoài xấu, thì như khắc tinh tài lộc phú quý đến, có thể khiến cho thông tin nhật khóa tốt không đạt đến tiêu chuẩn, ngược lại thông tin nhật khóa xấu lại đạt đến tiêu chuẩn. Như họ Lý chọn ngày “Giáp Tuất, Canh Ngọ, Mậu Dần, Kỷ Mùi” để làm ngày xây nhà, nhưng trong ngày này đã có thông tin xấu về mất tiền tài, bởi vì nhật can Mậu Thổ gặp Ty là lộc tinh, mà sinh tiêu của Ty có hình tượng là con rắn, vốn dĩ gặp rắn là sinh tiêu thuộc quý nhân cát, có thể giảm bớt mức độ xấu trong nhật khóa; nhưng gia chủ khi dựng sự không những không gặp rắn, mà lại gặp người bắt rắn còn đem theo dụng cụ bắt rắn đến, đó là đại hung. Thật ra, vốn dĩ ngày này đã có thông tin xấu, lại gặp thông tin bên ngoài xấu, khiến cho gia chủ sau khi dựng sự, tổn thất tiền

tài càng nhanh hơn, số lượng tổn thất cũng nhiều hơn. Họ Lý sau khi dụng sự thág đó mất tiền hai lần, sao đó đàn gia súc lại chết 6 con, giá trị lên đến mấy nghìn tệ.

(8) Tính chủ quan năng động của con người

Trong quá trình dụng sự nhật khóa, nhân gian rất coi trọng tác dụng tính chủ quan năng động của con người, nó bổ trợ và hỗ trợ cho thông tin nhật khóa, nâng cao mức độ cát của thông tin nhật khóa, khiến cho thông tin nhật khóa cát đạt đến tiêu chuẩn, thông tin xấu không đạt được đến tiêu chuẩn.

Ví dụ như ngày kết hôn, nếu ngày hôm đó thời tiết xấu, có gió lớn, có mưa to hoặc có sấm chớp liên hồi, trạch nhật sư nên nói trước những thông tin này với gia chủ. Ở thành phố, thì nên dùng xe hơi để đón dâu, như vậy có thể tránh được tai họa về mưa gió sét đánh. Nhưng ở nông thôn hoặc ở nơi rừng núi xa xôi, điều kiện kém, những người có thể dùng xe hơi đón dâu rất ít, đa phần đều dùng xe máy hoặc xe đạp đón dâu. Bởi vì đường núi rất khó đi, thời tiết lại mưa to gió lớn, đường đi sẽ bị nước mưa hoặc đá lở làm hỏng, đến nhà gái đón dâu có thể xảy ra tai nạn xe hoặc tai nạn về mưa bão. Nên đổi thành để cô dâu đến nhà trai trước, như vậy có thể tránh được tai họa khi đi đón dâu.

Đối với việc chọn ngày cầu tài khai trương mà nói, dù thông tin về tài lộc của nhật khóa có thể thay đổi, nhưng nếu như tên doanh nghiệp của hàng có hung số, số đoán mệnh, hoặc bảng biểu sản phẩm có hung số hoặc số đoán mệnh, doanh nghiệp khó mà phát triển được. Cho nên cửa hàng, doanh nghiệp hoặc nhãn hiệu cần lấy một cái tên cát số, như vậy mới đưa doanh nghiệp thành công phát triển, đây là một phương diện quan trọng của việc phát huy tính năng động chủ quan mà con người có được. Hai là về phương diện nhân tài, tài vật, hoạt động kinh doanh, chất lượng phục vụ,... sẽ có được sự quản lý khoa học một cách nghiêm ngặt, như vậy doanh nghiệp mới phát triển được, kinh doanh mới có thể thành công, đây cũng là một nhân tố quan trọng để quyết định thông tin trạch nhật có đạt đến tiêu chuẩn hay không. Ví dụ như những thương hiệu doanh nghiệp ở Hong Kong có "Hằng Sinh (số 15)", "Tân Hy Vọng (số 23)", đại lục có "Tứ Thông (số 18)", "Hy Vọng (số 18)", "Tân Hy Vọng (số 31)",... bởi vì tên gọi tốt, ý nghĩa các chữ trong tên tốt, nên lý số đại cát, lại thêm có sự quản lý một cách khoa học nghiêm ngặt, khiến cho doanh nghiệp hoặc thương hiệu có được mức độ nổi tiếng cao, ai ai cũng biết, doanh nghiệp phát

triển, kinh doanh thuận lợi, thậm chí có doanh nghiệp còn vươn tầm thế giới.

4. NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG DỤNG SỰ NHẬT KHÓA

Dụng sự nhật khóa là thông tin đa chiều, nó là tập hợp toàn bộ thông tin của thiên, địa, nhân. Bởi vì hiệu ứng hung cát trong thông tin dụng sự nhật khóa do nhiều thông tin, nhiều nhân tố tham gia vào mà quyết định, khiến cho thông tin dụng sự nhật khóa trở nên càng phức tạp và thần bí. Trung Quốc cổ đại có rất nhiều các phương pháp và hệ thống trường phái trong lựa chọn và dự đoán nhật khóa, lý luận cũng nhiều, mà phương pháp cũng nhiều, vì vậy có khi có người thì nói đây tốt, có người lại nói là xấu, nên mâu thuẫn lẫn nhau, rất khó mà thống nhất với nhau được. Vì vậy mỗi một học giả nghiên cứu về dịch học cần đề ra một chủ đề nghiên cứu, kiểm chứng, thực hành, tổng kết vận dụng. Nhằm khiến cho thuật chọn ngày tốt càng ngày càng phát huy hơn để phục vụ cho xã hội và con người. Thông qua việc nghiên cứu kiểm chứng những ví dụ thực tiễn của người xưa, cho thấy đa số chúng đều có tính khoa học nội hàm và tính giá trị thực tiễn cao. Chúng ta là hậu nhân, nên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn và toàn diện hơn về thuật trạch nhật, để bỏ đi những gì không đúng, giữ lại những thứ chính xác vận dụng cho ngày nay, cũng cùng đưa ra bản chất thật sự của thuật chọn ngày tốt ra bên ngoài, để thuật chọn ngày tốt tiếp tục tạo phúc, cống hiến cho xã hội và con người, cũng để tiến thêm một bước nâng cao tinh thần xã hội hiện đại văn minh và vật chất hiện đại văn minh.

Trong quyển sách này, các lý luận và nguyên tắc chỉ đạo dựa theo lý luận khoa học của ngũ hành sinh khắc chế hóa. Trái ngược với các phương pháp trạch nhật cổ xưa trọng dụng cách cục thần sát để định ra hung cát nhật khóa, mà coi thường phương pháp nhật khóa tứ trụ ngũ hành sinh khắc chế hóa. Phương pháp dùng cách cục thần sát để định và chọn ra hung cát của nhật khóa tứ trụ, đến nay vẫn có một vị trí quan trọng trong lòng một số người, vì để bảo đảm sự cân bằng tâm lý con người, trừ việc chú trọng vào sử dụng lý luận ngũ hành sinh khắc chế hóa để phán đoán hung cát của nhật khóa tứ trụ ra, cũng sẽ bổ sung thêm cả lý luận cách cục thần sát định hung cát. Bổ sung cho nhau, có thể khiến cho người dụng sự có được tâm lý bình ổn, lại có thể có được thông tin dụng sự nhật khóa một cách toàn diện nhất.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Khi tác giả viết quyển sách này, đã nhận được sự ủng hộ và cổ vũ mạnh mẽ của các giáo sư như Vương Tôn Đặc, Trương Nãi Bằng, Lưu Đạo Siêu vân vân, họ đều là giáo sư của trường đại học cao đẳng tại Quảng Tây, cũng như sự quan tâm và giúp đỡ của các đồng nghiệp trong giới dịch học, tại đây tôi xin gửi lời chào và sự cảm ơn sâu sắc nhất. Quyển sách này có thể sớm tiếp xúc với đa số các độc giả cũng như những người thích thú về Dịch học, cũng đều là nhờ sự giúp đỡ to lớn và sự hợp tác hữu nghị của Cao Đồ Cao Quảng Thâm tiên sinh, thầy Thiệu Vĩ Hoa và tất cả mọi người tại viện nghiên cứu dịch học Quảng Thâm. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành và sự biết ơn vô cùng! Bởi vì trình độ của tác giả có hạn, trong sách có gì không đầy đủ hay sai sót, kính mong các đồng nghiệp trong giới dịch học và các vị đại sư trong giới trạch nhật đóng góp cho tác giả những ý kiến quý giá, tác giả xin nói trước một tiếng "cảm ơn!". Vì để mở rộng mối quan hệ và sự chỉ giáo từ các đồng nghiệp trong giới dịch học, địa chỉ và số điện thoại của tác giả được để ở phía sau, mong được chỉ giáo và liên hệ, xin cảm ơn!

Viện Nghiên cứu dịch học Quảng Thâm

PHẦN MỞ ĐẦU

Tính khoa học của những thông tin trong dự đoán Chu Dịch bát quái

Bát quái có nguồn gốc từ thời Phục Hy, phát triển ở thời đại nhà Chu, Chu Văn Vương. Bắt đầu từ đó, mở ra sự khởi đầu của văn hóa Trung Hoa. Bởi vì giá trị khoa học và sự thần kỳ cũng như sự linh hoạt trong việc ứng dụng vào dự đoán thông tin bên trong sự vật của Chu Dịch bát quái, nên trong khoảng thời gian của thời đại Tần Thủy Hoàng xảy ra việc đốt sách chống người tài một cách tàn bạo, ít nhiều sách đã bị tiêu hủy mất, nhưng nó đã may mắn được giữ lại và lưu truyền đến tận ngày nay. Bộ sách Chu Dịch, do hai bộ "Dịch Kinh" và "Dịch Truyền" tạo thành. "Dịch Kinh" thời xưa là sách bói toán, "Dịch Truyền" là tác phẩm giải kinh, phát triển trên nền móng của "Dịch Kinh". "Dịch Kinh" lại chia thành 2 kinh, tổng cộng có 64 quẻ (lục thập tứ quái) của quái từ và hào từ. Mỗi quái trước có quái hình, quái danh, sau có quái từ; mỗi hào trước có hào đề, sau có hào từ. Quái từ và Hào từ tổng cộng có 450 điều, hơn 4900 chữ. Căn cứ theo sách mà hậu nhân ghi lại, quái từ là do Chu Văn Vương viết, Hào từ là Chu Công viết. "Chu Dịch", "Liên Sơn" và "Quy Tàng" được gọi chung là Tam Dịch. "Liên Sơn" và "Quy Tàng" được viết thành sách sớm hơn "Chu Dịch". Tam Dịch đã trải qua bề dày lịch sử lâu dài từ Hạ, Thương, Chu, Xuân Thu chiến quốc. Chu Dịch mà ngày nay chúng ta nói, chính là hai bộ sách "Dịch Kinh" và "Dịch Truyền" hợp lại mà thành.

Chu Dịch được coi là bộ kinh đứng đầu trong suốt 2 nghìn năm qua vì tính khoa học linh nghiệm thần kỳ, có công lao to lớn trong việc tạo phúc cho con người. Nó dần dần được hoàn thiện qua các triều đại trong lịch sử, trở thành bộ môn dự đoán học của Trung Quốc cổ đại. Bởi vì nó có tính nội hàm khoa học vô cùng phong phú cũng như quan điểm biện chứng duy vật đơn giản và tư tưởng triết học, lý luận thuật số thần kỳ, nên đã trở thành nguồn gốc của tất cả tư tưởng khoa học cổ đại của Trung Quốc. Trong lĩnh vực khoa học hiện đại, Chu dịch bát quái cũng xây dựng được một lĩnh vực phong phú không thể xóa nhòa trong văn hóa con người, các lĩnh vực khoa học và các phương diện thông tin dự đoán đã có những cống hiến lớn lao cho con người, là kho báu của to lớn của nhân dân Trung Hoa. Chu Dịch bát quái vận dụng quan điểm triết học duy vật và pháp biện chứng, để nói rõ về sự phát triển biến hóa của sự vật, quy luật của tự nhiên và bí ẩn trong Vũ Trụ. Chu

Dịch bát quái là một kho tàng thông tin khổng lồ, tất cả các loại thông tin của thế giới tự nhiên đều chứa đựng trong quái hào của Chu Dịch bát quái. Là quốc bảo của dân tộc Trung Hoa chúng ta. Tác giả trải qua thời gian dài nghiên cứu và thực thành, vận dụng Chu Dịch bát quái để dự đoán các thông tin của dụng sự nhật khóa, đã có được những thành công đáng mừng. Đồng thời, dùng Chu Dịch bát quái để dự đoán thông tin nhật khóa, mức độ ứng nghiệm còn cao hơn, phạm vi cũng lớn hơn, sâu hơn, tỉ mỉ hơn, nó vừa là đương lệnh nhằm dự đoán thông tin nhật khóa vừa là phương pháp có tính khoa học và linh nghiệm thực tiễn cao.

Tại sao ứng dụng Chu Dịch bát quái trong dự đoán các sự vật sự việc, các thông tin hung cát của dụng sự nhật khóa lại nhanh chóng, thần kỳ, có mức độ chính xác cao? Đó đều là bởi vì Chu Dịch bát quái có tình nội hàm khoa học phong phú. Nó dựa vào các lý luận có tính khoa học như lý luận âm dương ngũ hành và thiên nhân cảm ứng, thiên nhân hợp nhất. Chu Dịch bát quái là một kho tàng thông tin khổng lồ, nó bao gồm tất cả, không có gì là không có, cho nên, những thông tin hung cát bên trong dụng sự nhật khóa và bên trong sự vật đều được phản ánh qua âm dương ngũ hành của bát quái. Khi xem quái tượng và quái hào, thông tin hung cát đều xuất hiện ra hết. Cho nên, dùng Chu Dịch bát quái để dự đoán sự vật và dự đoán dụng sự nhật khóa,... sẽ nhanh chóng, đơn giản và chính xác, giống như phương pháp thu thập thông tin đại chúng thông qua điều tra, dò xét, rình rập, thu thập thông tin thiết bị điện tử, các vệ tinh nhân tạo của con người. Vì vậy, trong việc dự đoán thông tin của cổ nhân thời xưa không thể thiếu được Chu Dịch bát quái. Trong thời đại văn hóa phát triển nhanh chóng như ngày nay, dự đoán thông tin lại càng không thể thiếu Chu Dịch bát quái, nó có thể bù đắp các thiếu sót của phương tiện dự đoán thông tin ngày nay. Bởi vì sự hạn chế của các thông tin dự đoán và các thiết bị khoa học hiện nay, nên có nhiều thông tin vi mô không thể có được, chỉ có dùng Chu Dịch bát quái mới có thể bù đắp vào.

Ở trên đã nhắc đến, tại sao ứng dụng Chu Dịch bát quái trong dự đoán các sự vật sự việc, các thông tin hung cát của dụng sự nhật khóa lại khoa học, vừa mở rộng phạm vi, độ sâu, tỉ mỉ vừa tăng cao độ chính xác? Nguyên nhân quan trọng nhất chính là Chu Dịch bát quái không phải là mê tín dị đoan, mà nó là bộ môn có tính khoa học cụ thể nhất. Nhìn từ nền móng vật chất của Chu Dịch bát quái sẽ thấy, nền móng vật chất của Chu Dịch bát quái là quang và khí, quang khí hợp nhất là nền móng vật chất cơ bản của

sự hợp nhất thời không. Quang khí giao cảm sản sinh ra đơn vị vật chất cơ bản là đơn nguyên - tức nguyên tử. Vạn vật trong Vũ Trụ đều là do nguyên tử hợp lại, phân tách biến hóa mà cấu thành. Mà bát quái có Càn Vi Thiên, Khôn Vi Địa, Cấn Vi Sơn, Đoài Vi Trạch, Tốn Vi Phong, Chấn Vi Lôi, Khảm Vi Thủy, Ly Vi Hỏa, mà thiên, địa, trạch, lôi, phong, thủy, hỏa chính là do 5 loại vật chất cơ bản mà bát quái đại diện gồm Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ cấu thành. Bởi vì 5 loại vật chất cơ bản cấu thành nên vạn vật không ngừng biến hóa, cho nên nó đã phản ánh ra những thông tin, vật chất, năng lượng của các nguyên tố vật chất cơ bản mà nó cấu thành nên. Từ đó những thông tin của các vật chất cấu thành nên sự tồn tại của sự vật đều được giấu trong quái hào.

Chu Dịch bát quái ngoài có tính khoa học còn có quan điểm triết học đơn giản. "Thái cực" trong Chu Dịch bát quái gọi chung cho sự rộng lớn đến vô hạn và nhỏ bé đến vô hạn. Như Vũ Trụ là rộng lớn đến vô hạn, hạt cơ bản của vật chất (bé hơn cả nguyên tử), ở hiện tại thì coi là nhỏ bé đến vô hạn (nhưng sau này có thể sẽ còn phát hiện ra vật chất còn nhỏ bé hơn cả hạt cơ bản). "Âm dương" cũng là một danh từ triết học, như hào dương và hào âm là sự thống nhất của âm dương đối lập mâu thuẫn. Sự đối lập mâu thuẫn của âm dương xuyên suốt trong toàn bộ Chu Dịch bát quái. Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, chính là để nói rõ sự thống nhất đối lập của sự vật. "Một chia thành hai", cũng là quan điểm triết học, biểu thị tính hai mặt của sự vật. Âm dương ngũ hành xuyên suốt trong toàn bộ quái hào, chúng phụ thuộc lẫn nhau, sử dụng lẫn nhau, tiêu trưởng biến hóa lẫn nhau, biểu thị hai mặt chính phản và quy luật sinh diệt của sự vật. Đối với quy luật phát triển biến hóa, pháp biện chứng duy vật, tư duy logic, phương thức tư duy đa tầng, thuyết tương đối của sự vật,... đều lấy từ Chu Dịch bát quái hoặc có quan hệ mật thiết với bát quái. Cho nên, Chu Dịch bát quái trong triết học cổ đại Trung Hoa và lịch sử triết học hiện đại có những thành tựu và trách nhiệm to lớn, đó là chuyện không thể phủ nhận. Nói Chu Dịch bát quái là "quốc bảo" cũng chẳng có gì phải bàn cãi.

Bởi vì Chu Dịch bát quái có tình nội hàm khoa học phong phú, dưới tác dụng của âm dương ngũ hành, thiên can địa chi, thời gian và không gian trong các lĩnh vực khoa học khác nhau đã thể hiện được rõ tính khoa học và ứng dụng thực tiễn đặc thù. Như trên các phương diện thiên văn học, thiên thể vật lý học, kinh lạc học, khí tượng học, châm cứu trung y học, công trình di thể học, sinh mệnh

đấu học, hóa học, vô tuyến điện tử học, thông tin học,... đều có mức độ ứng dụng khác nhau. Như trong mật mã Morse học, dùng phím điện tử để bật tắt đường truyền tín hiệu liên tục, tắt bật như vậy sẽ có được một loạt phù hiệu thông tin, như vậy có thể dựa vào tín hiệu mã Morse đó mà chuyển lại thành tổ hợp chữ trong đoạn thông tin cần truyền tải đi, hoàn thành được việc truyền thông tin đi và cũng bảo đảm được mức độ bí mật. Điểm và phẩy của mật mã Morse được biến đổi và có quan hệ mật thiết với hào dương (—) và hào âm (--) trong bát quái. Bởi vì dùng điểm (.) phẩy (,) để phát ra tín hiệu, không chỉ đạt được yêu cầu bảo mật trong truyền thông tin, mà còn nâng cao được công suất phát thông tin đi, nâng cao thêm khoảng cách của truyền đạt tín hiệu thông tin không dây, khiến cho truyền đạt thông tin không dây lên được một tầm cao mới.

Trung Quốc vẫn còn có người cho rằng Chu Dịch bát quái là mê tín dị đoan, đúng là không biết quý trọng kho báu. Cần phải đầy xuống 18 tầng địa ngục mới thỏa đáng, quốc bảo của Trung Quốc bị người ngoại quốc khai quật được, từ Chu Dịch bát quái có được cảm hứng, từ đó mà phát triển thành một máy tính điện tử nhị phân, trở thành mục tiêu đỉnh cao của sự phát triển khoa học ngày nay. Khoa học gia Leibniz người Đức, coi hào dương (—) và hào âm (--) của bát quái coi thành nhị phân "1" và "0", dùng hai số này để đại diện cho 10 chữ số của nhị phân, đó chính là "thông", "đoạn" của điện lưu sử dụng sau này nhằm giải quyết những phép tính tự động phức tạp của điện tử trong thời đại này, do đó có gọi bát quái là "mẹ đẻ của máy tính" cũng chẳng có gì sai. Ở nước ngoài rất nhiều ngành khoa học bắt nguồn từ Chu Dịch bát quái hoặc từ trong bát quái mà có được cảm hứng. Những người có tầm nhìn sâu sắc đã khám phá ra được bí ẩn, chứng minh đầy đủ tính khoa học vĩnh hằng của lý luận khoa học "phân chia âm dương, "phân chia chính phản" trong Chu Dịch bát quái. Nhưng những người coi Chu Dịch bát quái là mê tín dị đoan vẫn bám vào suy nghĩ đó một cách lối bạch, đến những sự thật cơ bản nhất cũng không dám thừa nhận, khiến cho người ta càng thấy buồn cười vô cùng.

Trung Y là y học truyền thống của Trung Quốc, trong chẩn đoán và chữa trị chú trọng đến quan điểm biện chứng luận trị từ ngoài vào trong, trừ trị ngoài còn cần trị gốc, nó vận dụng khái niệm hình tượng, số, lý và khí thời của Chu Dịch, để nói rõ sự biến hóa lý khí âm dương và nguyên tắc biện chứng luận trị của cơ thể, vận dụng

hà lạc lý số để nói rõ khái niệm ngũ tạng, tam tiêu, tứ chi, cửu khiếu, thập nhị kinh,... xây dựng nên Tý Ngọ Lưu Chú Pháp và Linh Quy Bát Pháp trong châm cứu học, khiến cho hiệu quả châm cứu lên một tầng cao mới. Tý Ngọ Lưu Chú Pháp, là chọn ngày chọn giờ để châm cứu, huyết vị đó khi nào thì mở ra, khi nào thì đóng lại, đây là một sự nâng cao hiệu quả điều trị châm cứu, là sự kỳ diệu của châm cứu học Trung Quốc. Đồng thời, dùng thuốc trong Trung Y cũng dựa vào sự biến hóa của âm dương trong cơ thể mà chữa trị, chứ không như Tây Y đau đầu thì chữa đầu mà đau chân thì trị chân, cần có sự điều tiết cân bằng khí âm dương trong cơ thể, như vậy mới khiến cho một vài căn bệnh thường gặp hay bệnh mãn tính chữa được đến tận gốc. Cho nên trong Y học có câu nói như sau: “Y Dịch tương thông”. Chỉ cần là người nghiên cứu và học Trung Y đều cần thông thạo học thuyết âm dương ngũ hành, đồng thời lấy Chu Dịch làm nguồn gốc lý luận. Mà người nghiên cứu Chu Dịch học cần coi “Hoàng đế nội kinh” là một quyển sách tham khảo quan trọng. Cho nên nguyên lý của Chu Dịch bát quái sớm đã dùng trong các lĩnh vực Trung Y học rồi, nó cung cấp cơ sở cho chẩn đoán chính xác việc phòng ngừa và chẩn đoán bệnh tật con người.

Chu Dịch bát quái và lục thập tứ quái còn vận dụng trong cả di truyền học. Lục thập tứ quái tương ứng với mã di truyền của sinh vật. Ví dụ, các phân tử deoxyribonucleic (DNA) và axit ribonucleic (RNA) của quả óc chó, thông qua sự tiếp xúc, kết hợp lặp lại, thì có được 64 loại, nó giống hệt với kết cấu bát quái và lục thập tứ quái. Cho nên thông qua quan sát nghiên cứu cho thấy, mật mã di truyền của phân tử trong sinh vật học, mô hình kết cấu nguyên tử trong thực vật học, ma trận bậc tám của đại số tuyến tính cũng như hệ thống thông tin, nguyên lý số liệu khoa học, mỗi một cái đều phù hợp với hệ thống tượng số trong Chu Dịch về nguyên tắc duy trì cũng như tư duy duy trì, điều này đã nói rõ Chu Dịch bát quái có tính khoa học chứ không phải mê tín dị đoan.

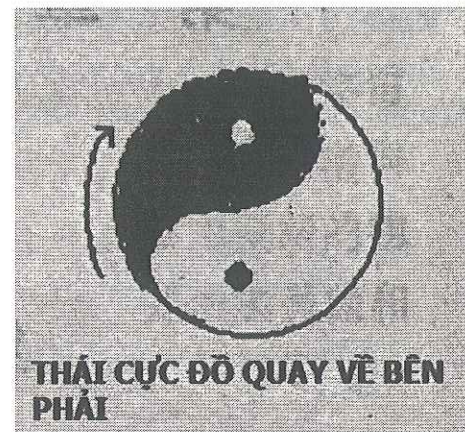
Từ rất nhiều lý luận và sự việc có thể thấy Chu Dịch là khoa học, là biện chứng. Quan điểm Vũ Trụ, thời không, chính thể, phương pháp của nó đều là khoa học tự nhiên, đặc biệt là tư tưởng cơ bản và cơ sở lý luận của sự phát triển “khoa học tiềm ẩn”. Nói rõ Chu Dịch bát quái dự đoán vật và sự việc trên đời, dự đoán thông tin dụng sự nhật khóa, là hoàn toàn có thể, có khoa học, có tính linh nghiệm và thần kỳ thật sự. Chu Dịch bát quái là chìa khóa vàng để mở ra bộ môn “khoa học chưa biết đến”.

CHƯƠNG 1: CHU DỊCH BÁT QUÁI VÀ HÀ ĐỒ, LẠC THƯ

TIẾT 1: THÁI CỰC VÀ BÁT QUÁI

Thái Cực, là âm dương chưa phân chia, là lúc trời đất vẫn còn hỗn độn. “Thanh khí vị sinh, trọc khí vị trầm, du thần vị linh, ngũ sắc vị phân, trung hữu kỳ vật, chân thật nhi tồn, vị chi hỗn độn. Hỗn độn vị Thái Thỉ. Thái Thỉ giả, nguyên thai chi manh dã. Thỉ chi số nhất, nhất vị Thái cực, Thái cực giả, thiên địa chi phụ mẫu dã. Nhất cực dịch, thiên cao minh nhi thanh, địa bác hậu tắc trọc, vị chi Thái Dịch, Thái Dịch giả, thiên địa chi biến hóa dã, Thái Dịch chi số nhị, nhị vị Lưỡng nghi. Lưỡng nghi giả, Âm Dương chi hình dã, vị chi Thái Sơ. Thái Sơ giả, thiên địa chi giao dã. Thái Sơ chi số tứ, tứ doanh dịch, tứ tượng biến, nhi thành vạn vật, vị chi Thái Tố. Thái Tố giả, tam tài chi thỉ dã. Thái Tố chi số tam, tam doanh dịch, thiên địa dụng, nhi sinh nam nữ, vị chi tam tài. Tam tài giả, thiên địa chi bị dã”. Cho nên, Thái cực, có nghĩa là “cực điểm”, “cực đoan”, sau này người ta gọi nó thành “lớn vô hạn” và “nhỏ vô hạn” đến cực điểm, cho nên gọi là Thái Cực. Thái Cực mà quá, vật cực tất phản, xuất hiện phân hóa, âm dương phân ly. Thái Cực sau đó có thiên và địa, trong bản thân thiên thể cũng phân dương và âm. Mà Thái Cực trước đó là vô cực. Vô cực, là vạn vật vô hình vô tượng, vô âm vô dương. Mà Thái Cực là sự xuất hiện tượng của vạn vật, trong âm dương cũng chia thành hình và tượng. Cho nên mới có cách nói “Thái Cực sinh lưỡng nghi”, “nhất âm nhất dương vị chi đạo”, “đạo” là sự tồn tại khách quan của “quy luật pháp biện chứng”.

Phân âm dương, thành lưỡng nghi, lưỡng nghi chính là âm và dương, dương đại diện cho thiên, âm đại diện cho địa. Hào dương và hào âm phù hiệu cơ bản cấu thành bát quái. Hào dương dùng (—) đại diện, hào âm dùng (--) đại diện, đây là nhất âm nhất dương, biến hóa vô hạn, âm dương có hình con cá bơi trong bát quái đó gọi là Thái Cực đồ. Âm dương tương hỗ bao bọc lấy nhau, biểu thị âm dương giao hội, âm dương tương giao, mà hóa sinh vạn vật. Thái Cực âm dương đồ chuyển động không ngừng, có thể thấy sự khác nhau của mỗi bên, nhưng trước mắt thường thấy có hai loại trong Thái Cực đồ là quay về bên tay trái Thái cực và quay về bên tay phải Thái Cực, hình dưới đây:



Thái Cực đồ quay về bên trái và phải vừa hay có hình tượng tương phản nhau. Nó có căn cứ là thiên và phong lôi của thiên đều thuộc cùng một loại, địa và núi sông của địa đều thuộc cùng một loại. Thủy tính hướng xuống, đến từ thiên sau đó cũng quay về địa; hỏa viêm hướng lên, đến từ địa rồi cũng lại quay về thiên. Thiên, Phong, Lôi, Hỏa cùng thuộc một loại; Địa, Sơn, Trạch, Thủy cùng thuộc một loại. Âm dương không ngừng biến hóa thăng giáng. Do đó mà quyết định được khả năng xoay chuyển của Thái Cực đồ, xoay trái hay phải, là đến từ sự vận hành của nhật, nguyệt, tinh.

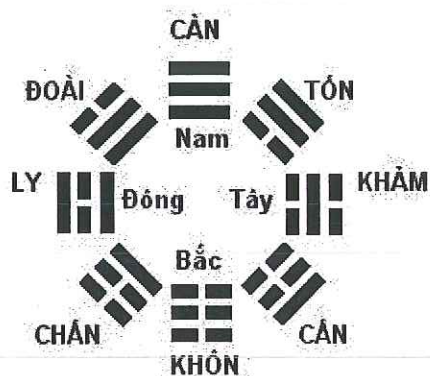
Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, là âm dương giao hợp mà thành. Hào lưỡng dương là thái dương, hào lưỡng âm là thái âm, cũng còn gọi là lão dương và lão âm, hào âm và hào dương giao hợp là thiếu âm; hào dương và hào âm giao hợp là thiếu dương. Hào âm ở trên hào dương là thiếu âm, hào dương ở trên hào âm là thiếu dương. Thái dương, thái âm, thiếu dương, thiếu âm đây thật ra là Tứ tượng do Lưỡng nghi sinh thành.

Tứ tượng sinh bát quái. Bát quái sinh ra thực chất là do lão dương, lão âm, thiếu dương, thiếu âm Tứ tượng và Lưỡng nghi tương hợp mà thành. Như hào của nhất dương nghi và lão dương tương giao được quẻ Càn; hào của nhất âm nghi và lão âm tương giao được quẻ Khôn, theo lý đó, hào của âm dương lưỡng nghi lần lượt cùng lão âm, lão dương, thiếu âm, thiếu dương tương giao được 6 quẻ: quẻ Đoài, quẻ Cấn, quẻ Chấn, quẻ Tốn, quẻ Ly, quẻ Khảm.

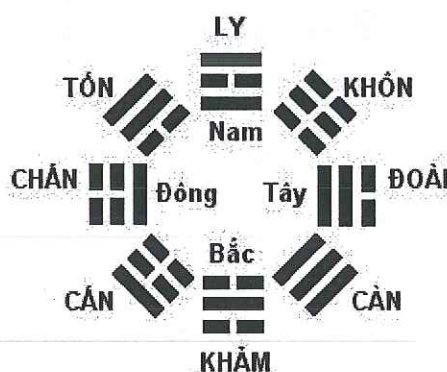
Bát quái đại diện cho 8 phương vị; như hậu thiên phương vị Càn là hướng Tây Bắc, Khôn là hướng Tây Nam, Đoài là hướng Tây, Cấn là hướng Đông Bắc, Chấn là hướng Đông, Tốn là hướng Đông Nam, Ly là hướng Nam, Khảm là hướng Bắc.

Ngoài ra, bát quái cũng đại biểu cho bát tiết.

Bát quái có chia thành Phục Hi Tiên Thiên Bát Quái và Văn Vương Hậu Thiên bát quái, như hình dưới đây:



TIÊN THIÊN BÁT QUÁI



HẬU THIÊN BÁT QUÁI

Phục Hy Tiên Thiên bát quái:

Càn là lão dương ở tại hướng Nam, Khôn là lão âm ở tại hướng Bắc, Chấn ở tại Đông Bắc, Tốn ở tại Tây Nam; Khảm ở Tây, Ly ở Đông; Cấn ở Tây Bắc, Đoài ở Đông Nam. Càn là cha, Khôn là mẹ. Chấn, Khảm, Cấn là thiếu dương, Tốn, Ly, Đoài là thiếu âm, gọi là lục tử của Càn Khôn. Tiên Thiên Bát quái số có Càn 1, Đoài 2, Ly 3, Chấn 4, Tốn 5, Khảm 6, Cấn 7, Khôn 8. Chúng ta khi dự đoán thời gian khởi quẻ chính là dùng số Tiên Thiên bát quái để khởi. Tiên Thiên bát quái, hai quẻ âm dương có số đối nhau đều là 9, là cửu cửu trường viễn, cửu cửu quy chân chi chân đế. Ở lục tử (tức 6 người con) trong Càn Khôn, Chấn là trưởng nam, Tốn là trưởng nữ; Khảm là trung nam, Ly là trung nữ; Cấn là thiếu nam, Đoài là thiếu nữ, bây giờ ở tại phương hướng đối diện với nhau, hình thành nên âm dương tương đối, chính phu phụ tương hợp. Âm dương tương phối, có thể hóa sinh vạn vật, phát đạt dài lâu. Cho nên, Lý Thủy pháp và thuật trạch nhật cổ đại đều chú trọng đến âm dương tương phối, như sơn thủy âm dương tương phối,... Dịch lý nhật khóa thiên can nạp quái, cũng có cùng lý luận như vậy, như quẻ Càn nạp thiên can của quẻ Khôn, quẻ Khôn dùng thiên can của quẻ Càn, lấy của nhau dùng, âm dương tương phối là đỉnh. Ở trong Tiên Hậu Thiên thủy pháp, Tiên Thiên Thủy là đỉnh, Hậu Thiên Thủy là tài. Dịch lý nhật khóa nạp Tiên Thiên quẻ thiên can là sinh, nạp Hậu Thiên quẻ thiên can là tài, nạp Phu Phụ quẻ thiên can là đỉnh,

cho nên Tiên Thiên bát quái trong thuật chọn ngày tốt có tính vận dụng rất lớn.

Văn Vương Hậu Thiên bát quái:

Theo sách viết lại, có vẻ Văn Vương có thể đã nhận ra rằng đến thời nhà Chu, môi trường tự nhiên phát sinh biến hóa, thiên địa và phương vị Tiên Thiên bát quái không nhất quán, Chu Văn Vương đã sửa Phục Hy Tiên Thiên bát quái thành Hậu Thiên bát quái. Số của Văn Vương Hậu Thiên bát quái và số của Phục Hy Tiên Thiên bát quái không giống nhau, phương vị cư trú cũng không giống nhau. Từ Văn Vương Hậu Thiên bát quái' đồ có thể thấy, Ly ở hướng Nam, số là 9; Chấn ở hướng Đông số là 3, Tốn ở hướng Đông Nam, số là 4; Khôn ở hướng Tây Nam số là 2; Đoài ở hướng Tây, số là 7; Cấn ở hướng Đông Nam số là 8; Càn ở hướng Tây Bắc, số là 6, Khảm ở hướng Bắc số là 1, ở giữa là số 5. Số của Hậu Thiên bát quái là sự phân bố của Cửu Cung. Trong đó, số là thần kỳ nhất, là công thức khoa học nhất. Đem Cửu Cung tổng các số theo hàng ngang, dọc, chéo gì cũng đều có tổng là 15.

Như hình dưới đây:

Tốn 4	Ly 9	Khôn 2
Chấn 3	Trung 5	Đoài 7
Cấn 8	Khảm 1	Càn 6

Văn Vương hậu thiên bát quái vận dụng rất rộng trong chọn ngày, như dùng để định phương vị thời không dụng sự,... Văn Vương Hậu Thiên bát quái dựa theo phương vị bát cung định 8 tiết khí. Cung Khảm ở hướng Bắc là Đông Chí, cung Ly ở hướng Nam là Hạ Chí, cung Chấn ở hướng Đông là Xuân Phân, cung Đoài ở hướng Tây là Thu Phân. Tứ Duy quái lần lượt gồm: cung Cấn là Lập Xuân, cung Đoài là Lập Hạ, cung Khôn là Lập Thu, cung Càn là Lập Đông. Trước sau tiết khí tổng có 45 ngày là thời lệnh của các cung sinh vượng, cũng là thời gian dụng sự tốt nhất của các cung, mỗi cung quản tam sơn, mà mỗi sơn lại có thời lệnh tương vượng là 15 ngày.

Bát quái còn gọi là kinh quái, Càn tam phùng, Khôn lục đoạn, Chấn ngưỡng vu, Tốn hạ đoạn, Khảm trung mãn, Ly trung hư, Cấn

phúc uyển, Đoài thượng khuyết. 8 kinh quái sau khi chồng lên nhau và âm dương biến hóa, thì được Lục Thập Tứ (64) quái. Lục Thập Tứ quái còn gọi là quẻ biệt. Quẻ kinh và quẻ biệt đều dùng để dự đoán các loại thông tin

TIẾT 2: HÀ ĐỒ VÀ LẠC THƯ

"Hà Đồ", "Lạc Thư" là một trong những nội dung quan trọng của Dịch học.

Tương truyền, từ thời Phục Hi xa xưa, có một con long mã trên lưng có vẽ "Hà Đồ", xuất hiện trên sông Hoàng Hà, đó là điềm cát lành, người ta sau đó gọi thứ trên lưng nó là "Hà Đồ". Ở thời Đại Vũ trị thủy, cũng có một con thần quy lưng có một loại hình vẽ thần bí khác bơi trong nước, cũng là điềm cát lành, người ta gọi nó là "Lạc Thư", "Hà Đồ" tượng trưng cho "bầu trời tròn", "Lạc Thư" coi là "mặt đất vuông". "Hà Đồ", "Lạc Thư" là hai loại mô hình công thức số học của Trung Quốc cổ đại. Kỳ số vô cùng thần kỳ. "Hà Đồ" là Tiên Thiên chi số, "Lạc Thư" là Hậu Thiên chi số, nên mới có câu nói: "Thiên Địa tự nhiên chi dịch". Người xưa có nói: Phục Hi lấy "Hà Đồ" mà vẽ ra Tiên Thiên bát quái, có Càn Khôn ở vị trí Nam Bắc, ý nghĩa là tương sinh; mà Văn Vương lại lấy "Lạc Thư" vẽ thành Hậu thiên bát quái, có Ly Khảm Thủy Hỏa ở tại vị trí Nam Bắc, nghĩa là tương khắc, số của bát quái cũng hoàn toàn không tương đồng. Số của "Hà Đồ", "Lạc Thư" vừa hay cùng Tiên, Hậu thiên bát quái số tương đồng, cho nên người xưa có cách nói như trên, như trong "Kế Từ" có nói: "Hà xuất đồ, Lạc xuất thư, thần nhân tắc chi". Ý nghĩa là Hoàng Hà xuất "Đồ" Lạc thủy xuất "Thư", "Thánh nhân" dựa vào đó mà vẽ ra bát quái. Cho nên người xưa thông thường hay cho rằng bát quái có nguồn gốc từ "Hà Đồ" và "Lạc Thư". Nhưng theo những gì ngày nay đã tỉ mỉ nghiên cứu suy xét, bát quái có nguồn gốc từ "Hà Đồ", "Lạc Thư" là không có căn cứ. Bởi vì trước thời Tống có rất ít "Hà Đồ", "Lạc Thư", còn về hình ảnh của "Hà Đồ" "Lạc Thư" thì đến thời Tống mới xuất hiện. "Kế Từ" đến từ "Dịch Truyền" mà "Dịch Truyền" ra đời muộn hơn "Dịch Kinh" đến 700-800 năm. "Hà Đồ", "Lạc Thư" có lẽ là sản vật của Chu Dịch bát quái. Nên là có bát quái trước rồi mới có "Hà Đồ" "Lạc Thư", chứ không phải có "Hà Đồ" "Lạc Thư" rồi sau đó mới có Chu Dịch bát quái. Liên quan đến quan điểm này, các khảo cổ gia có bằng chứng rất đầy đủ.

Số của "Hà Đồ" là vẽ trên Hải Mã, nhìn thì có chút giống Tinh tượng đồ. "Hà Đồ" chi số ngũ thập hữu ngũ (55), không chỉ là số

của Tiên Thiên bát quái mà còn là số của thiên địa đại diện. Mà còn là số hóa hợp của Ngũ hành. “Thiên Nhất, Địa Nhị, Thiên Tam, Địa Tứ, Thiên Ngũ, Địa Lục, Thiên Thất, Địa Bát, Thiên Cửu, Địa Thập. Thiên số ngũ, Địa số ngũ, ngũ vị tương đắc nhi các hựu hợp, Thiên số nhị thập hữu ngũ, Địa số tam thập. Phàm Thiên địa chi số 55. Thử sở dĩ thành biến hóa nhi hành quỷ thần dã”. Trong “Hà Đồ” điểm trắng là dương, điểm đen là âm. Nhất, tam, ngũ, thất, cửu là dương, gọi là thiên chi tượng; nhị, tứ, lục, bát là âm, gọi là địa tượng. Các số của thiên địa tương hợp hóa ngũ hành, có “Nhất lục công tông hợp vi Thủy, nhị thất đồng đạo hợp vi Hỏa, tam bát vi bằng hợp vi Mộc, tứ cửu vi hữu hợp vi Kim, ngũ thập đồng đồ hợp vi Thổ”.

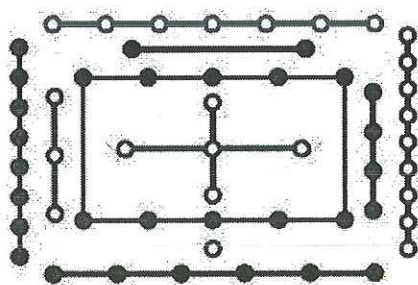
Trong sách có viết, số của thiên địa 55 là đến từ “Kế Từ” của “Dịch Truyền”. Nhưng số của thiên địa trong “Kế Từ” là đến từ đâu? Ngày nay, nhà học giả dự đoán học là thầy Thiệu Vĩ Hoa có phân tích như sau: Số thiên địa 55 rất có khả năng là từ thập thiên can “Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý”. Bởi vì số ngũ dương can Giáp Bính Mậu Canh Nhâm vừa hay là thiên số nhị thập hữu ngũ (25); số của ngũ âm can Ất Đinh Kỷ Tân Quý cũng vừa hay là địa số tam thập (30). Hai số tương hợp vừa hay là 55. Nhưng thiên địa số và thiên can số hóa hợp ngũ hành và pháp có sự khác nhau. thiên địa số 1,6 hóa Thủy, mà Giáp Kỷ hóa Thổ; Thiên Địa số 2,7 hóa Hỏa, mà thiên can Ất Canh hóa Kim, thiên địa số 3,8 hóa Mộc, mà thiên can Bính Tân hóa Thủy; thiên địa số 4,9 hóa Kim, mà thiên can Đinh Nhâm hóa Mộc; thiên địa số 5,10 hóa Thổ, mà thiên can Mậu Quý hóa Hỏa. Số của thiên địa thấy ở “Kế Từ”, mà sự xuất hiện của thập thiên can, sớm hơn “Kế Từ”, cho nên trong “Kế Từ” số của thiên địa rất có khả năng có nguồn gốc từ số của thập thiên can.

“Lạc Thư” là hình ảnh được viết trên lưng của Linh Quy. Là một hình ảnh Cửu Cung đồ có quy luật, trong hình điểm trắng là dương, điểm đen là âm. Nhất, tam, thất, cửu là kỳ số của dương, gọi là thiên tượng; nhị, tứ, lục, bát là ngẫu số của âm, gọi là địa tượng, những số âm dương này đều gọi là tượng số của thiên địa. Từ số trong hình của “Lạc Thư” có thể biết: Đối Cửu lý Nhất, tả Tam hữu Thất, Nhị Tứ vi kiên, Lục Bát vi túc, Ngũ cư trung vị. Hai số đối nhau, đều có tổng là 10, 1 cộng 9 là 10, 2 cộng 8 là 10, 3 cộng 7 là 10, 4 cộng 6 là 10, đều gọi là học thuyết “Hợp thập”. Số “Lạc Thư” phân bố thành “Cửu Cung” trận, từ ngang, dọc, chéo các số đều có tổng là 15, là thiên địa vạn thế bất dung chi số.

"Trong "Lạc Thư" các số trong hàng ngang dọc chéo đều có tổng là 15. Nhất là Thái Cực, nhị là Lưỡng nghi, Tứ là Tứ tượng, tứ Tượng lại sinh bát quái, hợp lại mà được tổng là 15. Lão âm lục, lão dương cửu, thiếu âm bát, thiếu dương thất, lão âm lão dương và thiếu âm thiếu dương đều tổng là 15. 5 và 10 thương thừa, lại được ngũ thập, là số của đại diện. Ngũ là tiểu diện, là 15, thập là đại diện, là 50".

"Số của "Hà Đồ", sinh số bên trong, còn thành số ở bên ngoài". Là nguyên khí vận hành vạn vật sinh thành, đến tận vô cùng. Mà số của "Lạc Thư" "âm dương ngũ hành các ngũ, nhất sinh nhất thành, nhất khí vắng lai bên trong. Từ trong mà bắt đầu, từ bắt đầu mà vào trong, bắt đầu đến khi kết thúc, không chỉ nhất khí, không chỉ nhất trung, gốc của thiên ở bên trong, nhất khí lưu hành vận động không ngừng, thể hiện qua sự vận động có quy luật của vạn vật trong thiên hạ".

ĐỒ HÌNH HÀ ĐỒ



quái lấy số tiên thiên để định: là Càn nhất, Đoài nhị, Ly tam, Chấn tứ, Tốn ngũ, Khảm lục, Cấn thất, Khôn bát. Tượng trưng của bát quái trong vũ trụ là 8 loại hình ảnh trong thế giới tự nhiên: là Càn—Thiên, Khôn—Địa, Chấn—Lôi, Tốn—Phong, Khảm—Thủy, Ly—Hỏa, Cấn—Sơn, Đoài—Trạch. Bát quái còn đại diện cho rất nhiều hình tượng phong phú khác nữa (thấy rõ trong “Mai Hoa Dịch Số” vạn vật muôn hình vạn trạng), mà Thiên, Địa, Phong, Lôi, Thủy, Hỏa, Sơn, Trạch là hình tượng quan trọng nhất và cơ bản nhất. Toàn bộ vật chất trên thế gian đều do Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ 5 loại vật chất cấu thành, bát quái cũng bao gồm cả chúng bên trong.

Cái gọi là “biệt quái”, cũng còn gọi là “Đại thành chi quái”, chính là chỉ Lục Thập Tứ (64) quái được biến hóa từ “kinh quái” mà ra. Là từ hai kinh quái chỉ có 3 hào chồng lên trên dưới nhau mà có được 8 biệt quái thuần. Lại từ sau sự biến hóa âm dương của 8 biệt quái thuần hào kinh, lại biến hoá ra được 56 quẻ khác. Lục Thập Tứ quái có trên dưới là hai kinh quái, kinh quái bên dưới gọi là “nội quái”, kinh quái bên trên gọi là “ngoại quái”. Trong dự đoán bát quái, nội quái chủ bên trong, chủ gần, ngoại quái chủ bên ngoài, chủ xa. Mỗi quái của Lục Thập Tứ quái có 6 hào, 64 quẻ sẽ có tổng cộng 384 hào. Thứ tự của mỗi quái hào là từ dưới lên trên, lần lượt là hào 1, hào 2, hào 3, hào 4, hào 5, hào 6. Hào dương gọi là “Cửu”, lần lượt là: Sơ cửu, Cửu nhị, Cửu tam, Cửu tứ, Cửu Ngũ, Thượng cửu. Hào âm gọi là “Lục” lần lượt là: Sơ lục, Lục Nhị, Lục Tam, Lục Tứ, Lục Ngũ, Thượng lục.

Lục Thập Tứ quái cũng lại dựa theo quái tượng của ngoại quái cùng nội quái và hình ảnh vốn có của kinh quái, lần lượt đặt tên quái, như tên quái “Càn”, hai kinh nội ngoại quái đều là quẻ Càn, gọi là “Càn Vi Thiên”, lại như quẻ “Cấn”, ngoại quái là Càn đại diện cho Thiên, nội quái là Tốn đại diện cho Phong, nên gọi là quẻ “Thiên Phong Cấn”. Lại thêm quẻ “Địa Thiên Thái”, ngoại quái là Khôn đại diện cho Địa, nội quái là Càn đại diện cho Thiên, lấy tên theo tuần tự ngoại quái đến nội quái, nên gọi là quẻ “Địa Thiên Thái”. Cho nên tên quẻ của Lục Thập Tứ quái là dựa trên 8 hình ảnh cơ bản nhất của ngoại quái và nội quái để gọi tên: “Thiên Địa Phong Lôi Thủy Hỏa Sơn Trạch” mà đặt.

Tên các cung của bát quái là 8 quẻ thuần, quẻ Càn Vi Thiên, Đoài Vi Trạch, Chấn Vi Lôi, Tốn Vi Phong, Khảm Vi Thủy, Ly Vi Hỏa, Cấn Vi Sơn, Khôn Vi Địa, hình ảnh cũng đều tương đồng với 8 kinh quái. Bản cung biệt quái của 8 quẻ thuần biến xuất ra, có sự tương

đồng giữa ngũ hành và bản cung quẻ thuần. Như Cung Càn thuộc Kim, toàn bộ 8 biệt quái của cung Càn đều thuộc Kim, cho nên, sau này trong dự đoán, sự vượng suy của bản thể quẻ Lục Thập Tứ quái, chính là dựa theo thời lệnh xác định vượng suy của thuộc tính ngũ hành cung số mà toàn bộ các quẻ trong dụng sự ở tại đó.

Hào tượng, hai loại phù hiệu cơ bản cấu thành nên bát quái - là gồm hào dương và hào âm. Nên có hào tượng của âm và dương. Hào dương biểu tượng dương, thiên, quân tử, người lớn, cha, nam nhân, kỳ số, cương dương, khỏe mạnh, động,... Những hình tượng nói trên đây của hai khí âm dương chính là thuộc phạm trù của khí dương. Hào âm tượng âm, địa, dân thần, tiểu nhân, mẹ, nữ nhân, ngẫu số, âm nhu, nhược, tĩnh,... Những hình tượng nói trên đây của hai khí âm dương chính là thuộc phạm trù của khí âm.

Hào vị: Vị trí trong quẻ mà lục hào cư trú.

(1) Vị trí thiên, địa, nhân

Hào 5 hào 6 là vị trí thiên, hào 3 hào 4 là vị trí nhân, hào 1 hào 2 là vị trí địa. Mà hào 5, hào 1, hào 3 lần lượt là vị trí chính của thiên địa nhân.

(2) Vị trí thượng, trung, hạ.

Hào 6 của quẻ là vị trí thượng, hào trung của quẻ thượng và hào trung của quẻ hạ là vị trí trung, hào 1 là vị trí hạ.

(3) Vị trí dương, âm

Hào 1,3,5 của quẻ là vị trí dương, hào 2,4,6 của quẻ là vị trí âm.

(4) Đồng vị

Mỗi quẻ đều có 6 hào, nội ngoại quái đều có vị trí hào thượng, trung, hạ. Hào 1, hào 4 là đồng vị, là vị trí hạ của nội ngoại quái; hào 2, hào 5 là vị trí trung của nội ngoại quái; hào 3, hào 6 là vị trí thượng của nội ngoại quái. Cho nên hào 1 và hào 4, hào 2 và hào 5, hào 3 và hào 6 đều là đồng vị.

(5) Vị trí quý tiện

Hào 5 là vị trí quý, là "Cửu Ngũ" thiên tử tôn quý, hào 2 là vị trí tiện, là tiểu nhân hèn mọn.

(6) Âm Dương đặc vị

Hào dương ở hào 1, hào 3, hào 5 là hào dương đặc vị; hào âm ở hào 2, hào 4, hào 6 là hào âm đặc vị. Như hào âm hào 1, hào 3, hào 5, hào dương ở hào 2, hào 4, hào 6, là âm dương thất vị, sai vị trí. Hào âm ở trên hào dương, là nhu ức hiếp cương, là thần ức hiếp

quân, là nữ ức hiếp nam; hào âm ở dưới hào dương là nhu thuận cương, là thần thuận quân, nữ thuận nam.

(7) Vị trí hung cát của hào

Hào 2 hào từ danh tiếng nhiều, hào 4 hào từ sợ hãi cần trọng. Hào 2 ở trong nội quái, ở gần, ắt có nhiều danh tiếng; mà hào 4 ngoại quái, ở xa, là nhiều lo lắng sợ hãi.

Hào 3 hào từ đa hung, là ở nội quái cực hung, là vị trí ti tiện, hung nhiều; hào 5 hào từ đa công, là ở vị trí trung của thượng quái, vị trí tôn quý. Hào 3 hào 5 đa hung đa công chia ra chủ yếu là nói về sự phân chia quý tiện của hai hào.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUÁT VỀ HÌNH TƯỢNG CỦA LỤC THẬP TỨ QUÁI

TIẾT 1: THỨ TỰ VÀ TÊN GỌI CỦA TỪNG QUÊ TRONG LỤC THẬP TỨ QUÁI

- Quẻ Càn: Nhất Kim

Càn Vi Thiên, Thiên Phong Cấu, Thiên Sơn Độn, Thiên Địa Bĩ, Phong Địa Quan, Sơn Địa Bác, Hỏa Địa Tấn, Hỏa Thiên Đại Hữu.

- Quẻ Đoài: Nhị Kim

Đoài Vi Trạch, Trạch Thủy Khốn, Trạch Địa Tụy, Trạch Sơn Hàm, Thủy Sơn Kiến, Địa Sơn Khiêm, Lôi Sơn Tiểu Quá, Lôi Trạch Quy Muội.

- Quẻ Ly: Tam Hỏa

Ly Vi Hỏa, Hỏa Sơn Lữ, Hỏa Phong Đỉnh, Hỏa Thủy Vị Tế, Sơn Thủy Mông, Phong Thủy Hoán, Thiên Thủy Tụng, Thiên Hỏa Đồng Nhân.

- Quẻ Chấn: Tứ Mộc

Chấn Vi Lôi, Lôi Địa Dự, Lôi Thủy Giải, Lôi Phong Hằng, Địa Phong Thăng, Thủy Phong Tỉnh, Trạch Phong Đại Quá, Trạch Lôi Tùy.

- Quẻ Tốn: Ngũ Mộc

Tốn Vi Phong, Phong Thiên Tiểu Súc, Phong Hỏa Gia Nhân, Phong Lôi Ích, Thiên Lôi Vô Vọng, Hỏa Lôi Phệ Hạp, Sơn Lôi Di, Sơn Phong Cổ.

- Quẻ Khảm: Lục Thủy

Khảm Vi Thủy, Thủy Trạch Tiết, Thủy Lôi Truân, Thủy Hỏa Ký Tế, Trạch Hỏa Cách, Lôi Hỏa Phong, Địa Hỏa Minh Di, Địa Thủy Sư.

- Quẻ Cấn: Thất Thổ

Cấn Vi Sơn, Sơn Hỏa Bĩ, Sơn Thiên Đại Súc, Sơn Trạch Tốn, Hỏa Trạch Khuê, Thiên Trạch Lý, Phong Trạch Trung Phu, Phong Sơn Tiệm.

- Quẻ Khôn: Bát Thổ

Khôn Vi Địa, Địa Lôi Phục, Địa Trạch Lâm, Địa Thiên Thái, Lôi Thiên Đại Tráng, Trạch Thiên Quải, Thủy Thiên Nhu, Thủy Địa Tỷ.

TIẾT 2: TỔNG QUÁT VỀ QUY LUẬT TỪ BÁT QUÁI CHUYỂN BIẾN THÀNH LỤC THẬP TỬ QUÁI

Lục Thập Tử quái là dựa trên nền móng của 8 kinh quái, trải qua sự chồng chéo và biến hóa mà thành. Sau khi hai kinh quái tương đồng chồng lên nhau, có được bát cung biệt quái thuần, là quẻ đầu tiên của các cung. 7 quẻ còn lại của các cung, là dựa trên cơ sở quẻ đầu tiên của bát cung, hào âm dương của kinh quái biến hóa mà có được. Như vậy quẻ của bát cung biến, tính cả bát cung quẻ thuần quẻ đầu tiên tổng cộng có được 64 quẻ. 64 quẻ tổng cộng có 384 hào, hào âm hào dương mỗi hào có 192 hào. Trong đó mỗi cung có 8 quẻ tổng cộng có 48 hào. Hào dương thuộc quái cung dương có 28 hào, hào âm có 20 hào; còn hào âm thuộc quái cung âm có hào âm là 28, hào dương là 20. Thuộc quái cung dương gồm: Càn, Chấn, Khôn, Cấn; còn thuộc quái cung âm gồm: Khôn, Tốn, Ly, Đoài. Bát cung quẻ âm dương bằng nhau, mà 384 hào của 64 quẻ cũng có âm dương bằng nhau, hỗ trợ cùng tồn tại, thể hiện đầy đủ 64 quẻ, là kho tàng thông tin khổng lồ hé lộ các quy luật hình thành, biến hóa, phát triển của vạn vật trong tự nhiên.

Trong 6 hào của mỗi quẻ trong 64 quẻ theo quy định phối hợp với dung nạp với thiên can địa chi, phối hợp Lục thân ngũ hành và Thế Ứng, có được hình ảnh toàn bộ hào tượng của 64 quẻ.

Bởi vì bát quái biến xuất 64 quẻ nên có một quy luật biến hóa nhất định, như dưới đây:

1, Quẻ thứ nhất là quẻ thuần bát cung, là do hai kinh quái của bát cung chồng lên nhau mà có được;

2, Quẻ thứ 2 đến quẻ thứ 6, là sự biến hóa hào dương biến hào âm, hào âm biến hào dương của hào 1, hào 2, hào 3, hào 4, hào 5 của quẻ thứ nhất (quẻ thuần) ở các cung mà thành. Tức là mỗi lần biến hóa 1 hào, sẽ biến xuất ra quái tượng mới, như quẻ Càn Vi Thiên, hào 1 hào dương biến hào âm, được quẻ "Thiên Phong Cẩu". Hào 2 hào dương biến hào âm được quẻ "Thiên Sơn Độn". Quẻ đầu tiên của mỗi cung chỉ biến đến hào 5 là dừng, từ quẻ đầu tiên hào 1 biến đến hào 5, là có được 5 quái tượng mới.

3, Quẻ thứ 7 có được là do hào 5 (tức là hào trung của ngoại quái) của quẻ đầu tiên các cung sau khi biến hóa âm dương mà có được quẻ mới là quẻ thứ 7 nội quái. Tức là nội quái của quẻ thứ 7 là quẻ đầu tiên của các cung, nội quái tương phản quái hào, như cung Càn quẻ thứ 7 là quẻ "Hỏa Địa Tấn", ngoại quái là quẻ đầu

của cung Càn, ngoại quái Càn Vi Thiên, ở giữa hào dương biến hào âm được quẻ Ly, là quẻ "Hỏa" ở ngoại quái; nội quái là hào tương phản của nội quái Càn Vi Thiên mà có được quẻ Khôn. Như vậy sẽ hình thành nên quẻ Hỏa Địa Tốn. Những quẻ thứ 7 của các cung khác cũng có cùng lý luận như vậy. Quẻ thứ 7 là quẻ Du Hồn, dùng dự đoán người đi, ắt không quay lại.

4, Có được quẻ thứ 8 cũng là có quy luật, giống như quẻ thứ 7, đem hào âm, hào dương ngoại quái ở giữa của quẻ đầu tiên của các cung sau khi biến hóa được quẻ, đó là ngoại quái của quẻ thứ 8, nội quái của quẻ thứ 8 là quẻ nội quái vốn có của quẻ đầu tiên các cung. Như quẻ thứ 8 cung Càn là quẻ "Hỏa Thiên Đại Hữu", ngoại quái là hào ở giữa ngoại quái sau khi hào dương biến hào âm của quẻ đầu tiên Càn Vi Thiên của cung Càn mà được quẻ Ly, thành quẻ thứ 8 ngoại quái của cung Càn. Các quẻ thứ 8 của các cung khác cũng theo như vậy. Quẻ thứ 8 của các cung là quẻ Quy Muội, dùng để dự đoán người đi, người ắt quay lại.

Chúng ta cần nắm vững và thành thực quy luật biến hóa của 64 quẻ, một khi nhìn quái tượng là biết được quẻ thứ mấy thuộc cung nào, quẻ thể có thuộc tính ngũ hành và sinh vượng tử tuyệt như nào cũng đều nhìn là biết, điều này đối với dự đoán học có rất nhiều thuận tiện, gia tăng tốc độ thời gian dự đoán. Như lập quẻ dụng sự nhật khóa quẻ chủ "Phong Địa Quan" quẻ biến "Thủy Địa Tỷ". "Phong Địa Quan" là quẻ thứ 5 cung Càn, quẻ thể ngũ hành thuộc Kim; quẻ "Thủy Địa Tỷ" là quẻ thứ 8 cung Khôn, quẻ thể ngũ hành thuộc Thổ. Đây là quẻ biến đại tượng hóa hồi đầu sinh, là thiên địa giao hợp, thiên địa định vị, chính phu phụ tương phối, nếu dung sự vào tháng Thìn Tuất Thân Dậu Sửu Mùi, quẻ thể sinh vượng, là quái tượng của đại cát đại lợi.

TIẾT 3: "MAI HOA DỊCH SỐ" VẠN VẬT TƯỢNG LOẠI

	CÀN	KHÔN	CHẤN	TỐN
Quẻ số	Nhất	Bát	Tứ	Ngũ
Ngũ hành	Kim	Thổ	Mộc	Mộc
Hệ thống	Thiên Phong Cấu, Thiên Sơn Độn, Thiên Địa Bĩ, Phong Địa Bác,	Địa Lôi Phục, Địa Trạch Lâm, Địa Thiên Thái, Lôi Thiên Đại Tráng,	Lôi Địa Dự, Lôi Thủy Giải, Lôi Phong Hằng, Địa Phong	Phong Thiên Tiểu Súc, Phong Hỏa Gia Nhân, Phong Lôi Ích, Thiên Lôi Vô

Chu Dịch Nhật Khóa

	Hỏa Địa Tấn, Hỏa Thiên Đại Hữu	Trạch Thiên Quải, Thủy Thiên Nhu, Thủy Địa Tỷ	Thăng, Thủy Phong Tĩnh, Trạch Phong Đại Quải, Trạch Lôi Tùy	Vọng, Hỏa Lôi Phệ Hạp, Sơn Lôi Di, Sơn Phong Cổ
Biểu Tượng	Thiên	Địa	Lôi	Phong
Thiên Thời	Trời - Băng - Mưa đá - Tuyết.	Mây âm u - Khí mù.	Sấm	Gió
Địa lý	Hướng Tây Bắc - Kinh đô - Đại quân - Hình thắng chi địa (chỗ đất có phong cảnh đẹp - Chỗ đất cao ráo).	Đồng nội - Làng mạc - Bình địa - Hướng Tây Nam	Hướng Đông - Cây cối - Chỗ náo thị (chợ búa ồn ào) - Đường lớn - Chỗ cây tre, thảo mộc phồn thịnh.	Hướng Đông Nam - Chỗ thảo mộc tươi tốt - Vườn hoa quả, rau,...
Tính vật	Kim, ngọc - Châu báu - Vật tròn - Cây quả - Mũ - Gương soi - Vật cứng.	Vật hình vuông - Vật mềm - Vải lụa - Tơ lụa - Ngũ cốc - Xe - Búa - Đồ sành, đồ gốm	Cây tre - Cỏ lau - Nhạc khí làm bằng cây hay tre - Vật hoa thảo tươi tốt.	Mộc hương - Giày - Vật thẳng - Vật dài - Đồ làm bằng cây tre - Đồ công xảo.
Ốc xá	Đình, công sở, Lâu đài - Nhà cao - Cái nhà lớn - Quán trọ - Ở về hướng Tây Bắc.	Hướng Tây Nam - Thôn dã - Ruộng cấy - Nhà thấp bé - Nền đất - Kho tàng.	Ở về hướng Đông - Xứ sơn lâm - Lầu gác.	Ở về hướng Đông Nam - Chỗ thầy tu ở, chỗ đạo sĩ ở, nhà lâu, vườn hoa - Ở chốn sơn lâm.
Gia trạch	- Mùa Thu chiếm thì gia trạch vượng.- Mùa Hạ chiếm thì sẽ có họa.- Mùa Đông chiếm thì suy bại.- Mùa Xuân chiếm có lợi tốt.	Yên ổn - Nhiều âm khí - Mùa Xuân chiếm không yên.	Trong nhà có sự kinh sợ hoang mang bất thần - Mùa Xuân chiếm thì tốt - Mùa Thu chiếm bất lợi.	Yên ổn, mua bán có lợi - Mùa Xuân chiếm cát - Mùa Thu chiếm bất yên.
Hôn nhân	Thân thuộc - Quý quan - Nhà có danh tiếng	Hôn nhân có lợi - Nên nhà người có thuế sản - Người	Khá thành - Nhà có thanh danh - Lợi kết hôn với trưởng	Thành tựu - Nên kết hôn trưởng nữ - Mùa Thu

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

		cùng hương thôn - Hoặc người quả phụ	nam	chiếm bất lợi.
Ấm thực	Thịt ngựa - Trân vị - Đồ ăn nhiều xương - Gan phổi - Thịt khô - Trái cây - Cái đầu của các vật - Vật hình tròn - Vật cay.	Thịt bò, trâu - Vật ở trong đất - Vị ngọt - Món ăn ở nhà quê - Món ăn ngũ cốc - Khoai lang hoặc măng tre các loại - Vật thuộc bụng, ngũ tạng.	Móng chân thú - Thịt - Đồ ăn thuộc chốn sơn lâm quê mùa - Thịt tươi - Trái vị chua - Rau	Thịt gà - Thức ăn ở chốn sơn lâm - Rau, quả - Vị chua.
Sinh sản	Dễ sinh - Mùa Thu sinh quý tử - Mùa Hạ chiếm thì hao tổn - Lâm sản nên ở hướng Tây Bắc.	Dễ sinh - Mùa Xuân chiếm khó đẻ - Có tổn thất - Hoặc không lợi cho mẹ - Lâm sản nên ở hướng Tây Nam.	Hư kinh (sợ khống) - Thai động bất yên - Sinh con so ắt sinh nam - Mùa thu chiếm ắt có tổn - Lâm sản nên ở hướng Đông.	Dễ sinh - Sinh con so ắt con gái - Mùa Thu chiếm tổn thai - Lâm sản nên ở hướng Đông Nam.
Nhân vật	Vua - Cha - Đại nhân - Lão nhân - Trưởng giả - Hoạn quan - Danh nhân - Người công môn (chức việc).	Bà lão - Mẫu hậu (mẹ vua) - Nông phu - Người đồng làng - Nhân chứng - Người bụng lớn (cái bụng to).	Trưởng nam.	Trưởng nữ - Tu sĩ - Quả phụ - Sơn lâm tiên đạo.
Nhân sự	Cương kiện vũ dũng - Người quả quyết - Người động nhiều tịnh ít - Người chẳng chịu khuất phục ai (cứng đầu).	Hẹp hòi keo cú - Nhu thuận - Nhu nhược - Nhiều người.	Dấy động - Giận - Kinh sợ hoang mang - Nóng nảy, xáo động - Động nhiều - Ít im lặng.	Nhu hòa - Bất định - Vui vẻ khuyến người ta làm - Tiến, thối không quả quyết - Lợi ở chốn thị trường.
Thân thể	Đầu - Xương - Phổi.	Bụng - Lá lách - Dạ dày - Thịt.	Chân - Gan - Tóc - Thanh âm.	Bắp - Cánh tay - Hơi - Phong tật.
Thời tự	Mùa thu - Cuối tháng 9 đầu tháng 10 - Năm, tháng, ngày, giờ Tuất	Tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi - Năm, tháng, ngày giờ Mùi, Thân - Tháng,	Mùa Xuân, tháng 3 - Năm, tháng, ngày giờ Mão - Tháng, ngày 4, 3, 8.	Cuối mùa Xuân đầu mùa Hạ - Năm, tháng, ngày, giờ 3, 5, 8 - Tháng 3 -

Chu Dịch Nhật Khóa

	và Hợi - Năm, tháng, ngày, giờ thuộc ngũ kim.	ngày 5, 8 10.		Năm, tháng, ngày giờ Thìn, Tỵ - Tháng 4.
Động vật	Con ngựa - Con ngỗng trời - Con sư tử - Con voi.	Con trâu - Bách thú - Con ngựa cái.	Rồng - Rắn.	Gà - Bách cầm - Loài cầm, loài trùng ở rừng núi.
Cầu danh	Được danh - Nên tùy cấp trên bổ nhiệm - Hình quan - Võ chức - Chức quyền - Nhiệm thì nên hướng Tây Bắc - Thiên sứ - Dịch quan (người giữ chức dịch điểm hoặc công văn).	Đắc danh - Nên phương Tây Nam - Hoặc giáo, chức quan giữ đền thổ - Mùa Xuân chiêm hư danh.	Đắc danh - Nhiệm sở nên hướng Đông - Chức truyền hiệu, phát lệnh - Quan chương hình ngục - Nhiệm sở về vụ trà, trúc, mộc, thuế khóa - Hoặc là làm chức Tư hòa náo thị.	Đắc danh - Nên nhậm chức, có phong hiến (phong hóa và pháp độ) - Nên nhập phong hiến - Nên giữ chức thuộc về thuế khóa, trà, trúc, hoa quả - Nên nhiệm chức về hướng Đông Nam.
Mưu vọng	Việc thành - Lợi công môn - Có tài trong sự hoạt động - Mùa Hạ chiêm không thành - Mùa Đông chiêm tuy nhiều mưu nhưng ít được vừa lòng.	Cầu mưu có lợi - Cầu mưu ở chỗ làng mạc - Im lặng mà cầu mưu - Mùa xuân chiêm ít được vừa lòng - Mưu nhờ đàn bà.	Khá được - Khá cầu - Trong mưu kế phải hoạt động mạnh - Mùa thu chiêm không vừa lòng.	Mưu vọng khá được - Có tài - Khá thành - Mùa Thu chiêm tuy nhiều mưu nhưng ít được tùy ý.
Giao dịch	Nên giao dịch hàng quý giá - Lợi về kim ngọc - Thành tựu - Mùa Hạ chiêm không lợi.	Giao dịch lợi - Nên giao dịch về điền thổ - Nên giao dịch về ngũ cốc - Hàng hóa tầm thường có lợi - Đồ nặng - Vải lụa - Im lặng hóa ra có tài - Mùa Xuân chiêm bất lợi.	Giao thành thì có lợi - Mùa Thu chiêm khó thành - Lợi về hàng hóa sơn lâm, cây, tre, trà.	Khó thành - Giao dịch về sơn lâm điền thổ - Mùa Xuân chiêm bị tổn thất.
Xuất hành	Xuất hành có lợi - Nên vào chốn kinh đô - Lợi đi về hướng	Nên đi - Nên đi phương Tây Nam - Nên đi chỗ làng mạc -	Có lợi về hướng Đông - Có lợi người thuộc sơn lâm -	Nên đi - Có lợi về chi thu - Nên đi hướng Đông Nam - Mùa Thu

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

	Tây Bắc - Mùa Hạ chiêm không lợi.	Nên đi đường bộ - Mùa xuân chiêm không nên đi.	Mùa Thu chiêm không nên đi - Chỉ sợ kinh hại khổng.	chiêm không có lợi
Yết kiến	Lợi gặp đại nhân - Người có đức hạnh - Nên gặp quý quan - có thể gặp được.	Gặp Thầy - Lợi gặp người làng - Nên gặp bạn thân - Hoặc đàn bà - Mùa xuân không nên gặp.	Gặp Thầy - Nên gặp người thuộc sơn lâm - Nên gặp người có thanh danh.	Gặp được - Gặp được người sơn lâm, có lợi - Gặp được người văn nhân, tu sĩ có lợi.
Tật bệnh	Đầu, mặt - Tật phổi - Tật gân cốt - Bệnh - Thương tiêu - Mùa Hạ chiêm chẳng được yên.	Bệnh bụng - Bệnh tỳ vị - Ăn uống bế tắc - Ăn ngũ cốc không tiêu.	Tật chân - Tật đau gan thường - Sợ hãi cuồng quýt chẳng yên.	Có tật bắp vế, cánh tay - Tật phong - Tật ruột - Trúng phong - Hàn tà - Khí tật.
Phương đạo	Tây Bắc	Tây Nam.	Đông.	Đông Nam.
Ngũ sắc	Sắc đỏ thắm - Sắc huyền.	Vàng - Đen.	Thanh - Lục - Biếc.	Xanh, lục, biếc, trong trắng.
Tính tự (Họ, Tên)	Có chữ Kim đứng một bên - Tiếng thương (ngũ âm) - Hàng vị: 1, 4, 9.	Tiếng cung (ngũ âm) - Họ Tên có chữ Thổ đứng bên - Hàng 5, 8, 10.	Tiếng giác (ngũ âm) - Họ hay tên có đeo chữ Mộc - Hàng vị 4, 8, 3.	Giác âm (ngũ âm) - Họ hay tên có đeo bộ Thảo hay bộ Mộc một bên - Hàng vị 3, 5, 8.
Số mục	1, 4, 9.	5, 8, 10	4, 8, 3.	3, 5, 8.

	KHẢM	LY	CẤN	ĐOÀI
Quẻ số	Lục	Tam	Thất	Nhị
Ngũ hành	Thủy	Hỏa	Thổ	Kim
Hệ thống	Thủy Trạch Tiết, Thủy Lôi Truân, Thủy Hỏa Ký Tế, Trạch Hỏa Cách, Lôi Hỏa Phong,	Hỏa Sơn Lữ, Hỏa Phong Đỉnh, Hỏa Thủy Vị Tế, Sơn Thủy Mông, Phong Thủy	Sơn Hỏa Bí, Sơn Thiên Đại Súc, Sơn Trạch Tổn, Hỏa Trạch Khuê, Thiên Trạch Lý, Phong Trạch	Trạch Thủy Khốn Trạch Địa Tụy, Trạch Sơn Hàm, Thủy Sơn Kiến, Địa Sơn Khiêm, Lôi Thủy Tiểu

Chu Dịch Nhật Khóa

	Địa Hỏa Minh Di, Địa Thủy Sur	Hoán, Thiên Thủy Tụng, Thiên Hỏa Đồng Nhân	Trung Phu, Phong Sơn Tiệm	Quá, Lôi Trạch Quy Muội
Biểu Tượng	Thủy	Hỏa	Sơn	Trạch
Thiên Thời	Mưa - Mặt trắng - Tuyết - Sương mù.	Mặt trời - Chớp - Cầu vồng - nhật rắng	Mây - Mù - Khí núi bốc lên nghi ngút.	Mưa dầm - Trăng mới - Sao.
Địa lý	Hướng Bắc - Sông hồ - Khe rạch - Suối, giếng - Chỗ đất ẩm thấp (chỗ mương, rãnh, chỗ có nước lầy lội).	Hướng Nam - Chỗ đất cao ráo - Lò bếp - Lò xường đúc - Chỗ đất khô khan cần cỗi - Chỗ đất hướng mặt về Nam.	Đường tắt trong núi - Gần sơn thành - Gò động - Phần mộ - Hướng Đông Bắc.	Đầm ao - Chỗ ngập nước - Ao khuyết (dở hự) - Giếng bỏ hoang - Chỗ núi lở, gò sụt - Chỗ đất nước mặn không có cây cối.
Tính vật	Trái có nước - Vật có hơi - Vật uốn nắn như cái cung, niềng xe - Đồ đựng rượu, đựng nước.	Lửa - Thơ - Văn - Áo giáp mũ sắt - Binh khí - Áo khô - Vật khô khan - Vật sắc đỏ.	Đất đá - Dưa, quả - Vật sắc vàng - Vật ở trong đất.	Kim, gai bằng vàng - Loài thuộc Kim - Nhạc khí - Đồ sứ mẻ - Vật vất bỏ, phế thải.
Ốc xá	Ở về hướng Bắc - Ở gần nước - Nhà có gác gần nước - Nhà lâu ở gần sông - Hăng rượu, trà - Nhà ở chỗ ẩm thấp.	Nhà ở về hướng Nam - Nhà ở chỗ sáng sủa thoáng đãng - Cửa sổ sáng sủa - Nhà trống hoặc hư hao.	Nhà ở hướng Đông Bắc - Ở gần núi đá - Nhà ở gần đường.	Ở về hướng Tây - Ở gần ao hồ - Nhà vách tường đổ nát. Cửa hư hỏng.
Gia trạch	Chẳng yên, ám muội - Phòng kẻ trộm.	Yên ổn - Vui vẻ - Mùa Đông chiêm không được yên - quẻ khắc Thổ, chủ hóa tài.	Yên ổn - Mọi việc trở ngại - Người nhà chẳng hòa thuận - Mùa Xuân chiêm bất yên.	Chẳng yên - Phòng khẩu thiệt - Mùa Thu chiêm đẹp đẽ - Mùa hạ chiêm gia trạch hữu họa.
Hôn nhân	Lợi gả hôn nhân với trung nam - Nên nhà rể ở phương	Bất thành - Lợi gả hôn với trung nữ - Mùa Hạ chiêm khá	Cách trở khó thành - Hoặc chậm trễ - Lợi gả hôn với	Chẳng thành - Mùa Thu chiêm khá thành - Có việc

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

	Bắc - Chẳng lợi thành hôn - Chẳng nên gá hôn thảng Thìn, Tuất, Sửu Mùi.	thành - Mùa Đông chiêm bất lợi.	thiếu nam - Nên gá hôn với người đối hương thôn (khác xã).	mừng - Thành hôn cát - Lợi gá hôn với thiếu nữ - Mùa Hạ chiêm bất lợi.
Ẩm thực	Thịt heo - Rượu - Vị lạnh - Hải vị - Canh vị chua - Thức ăn qua đêm - Cá - Đồ ăn có máu - Đồ ăn ngâm ướp - Vật ăn có hạt - Vật ăn ở trong nước - Đồ ăn có nhiều xương.	Thịt chim trĩ - Đồ ăn nấu - xắc hay rang - Đồ ăn thiêu, nướng - Vật ăn đồ khô, thịt khô các loại - Thịt nóng.	Vị vật ở trong đất - Thịt loài thú - Măng tre ở gần bờ ruộng hoặc mồ mả - Vị ăn ở đồng ruộng.	Thịt dê - Vật ở trong ao hồ - Thức ăn cách đêm - Vị cay nồng.
Sinh sản	Nạn sản có hiểm - Thai con thứ thì tốt - Con trai thứ - Tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi - Có tổn hại - Lâm sản nên ở hướng Bắc.	Dễ sinh - Sinh con gái thứ - Mùa Đông chiêm có tổn - Lâm sản ở nên hướng Nam.	Khó sanh - Có ách nạn hiểm trở - Lâm sản nên ở hướng Đông Bắc - Mùa Xuân chiêm bị tổn hại.	Bất lợi - Phòng có tổn hại - Hoặc sinh nữ - Mùa Hạ chiêm bất lợi - Lâm sản nên ở hướng Tây.
Nhân vật	Trưởng nam - Người giang hồ - Người ở ghe thuyền - Trộm cướp.	Trung nữ - Văn nhân - Người có cái bụng to - Người có tật mắt - Kẻ sĩ trong hàng áo mũ.	Thiếu nam - Kẻ nhân rồi - Người ở trong núi.	Thiếu nữ - Vợ hầu - Con hát - Người tay sai - Dịch nhân (người diễn dịch) - Thầy đồng bóng (phù thủy).
Nhân sự	Hiểm ác, thấp kém - Bề ngoài tỏ ra mềm mỏng - Bề trong đục lợi - Trôi dạt chẳng thành - Theo gió bẻ măng (hùa theo).	Chỗ hoạch định văn thơ văn hóa - Thông minh tài giỏi - Gặp nhau mà không đạt được gì hết - Về việc thư từ giấy má.	Trở ngại - Yên lặng - Tiến thoái chẳng quyết - Phản bội - Còn ở đó - Chẳng thấy.	Vui mừng - Khẩu thiệt - Dèm pha - Phỉ báng - Ăn uống.
Thân thể	Tai - Huyết - Thận.	Con mắt - Tâm - Thượng tiêu.	Tay, ngón tay - Xương - Sống mũi - Lưng.	Lưỡi - Miệng - Phổi - Đờm - Nước dãi.
Thời tự	Mùa Đông, tháng 11 -	Mùa Hạ, tháng 5 - Năm, tháng,	Tháng thuộc Đông Xuân -	Mùa Thu, tháng 8 - Năm,

Chu Dịch Nhật Khóa

	Năm, tháng, ngày, giờ Tý - Tháng, ngày 1, 6.	ngày, giờ Ngọ hay thuộc Hỏa - Ngày 2, 3, 7.	Tháng Chạp - Năm, tháng, ngày giờ thuộc Thổ - Tháng ngày 7, 5, 10.	tháng, ngày, giờ Dậu - Năm, tháng, ngày, giờ thuộc Kim - Tháng, ngày số 2, 4, 9.
Động vật	Heo - Cá - Vật ở trong nước.	Chim trĩ - Rùa - Con ba ba - Cua - Ốc - Trai.	Con gấu - Con chuột - Bách cầm - Vật có mỏ đen.	Dê - Vật ở trong ao, hồ, đầm.
Cầu danh	Gian nan - Sợ có tai hãm - Nên nhận chức về Bắc phương - Chức coi việc cá, muối, sông, hồ - Rượu gồm có giấm.	Đắc danh - Nên giữ chức về hướng Nam - Nhậm chức văn quan - Nên giữ chức về việc xưởng trường, lò đúc.	Cách trở không thành danh - Nên nhậm chức về hướng Đông Bắc - Nên giữ chức ở chốn sơn thành.	Nan thành - Vì có danh mà có hại - Lợi nhậm chức về hướng Tây - Nên quan về việc Hình - Võ chức - Chức quan coi về việc hát xướng - Quan phiên dịch.
Mưu vọng	Chẳng nên mưu vọng - Chẳng được thành tựu - Mùa Thu, Đông chiêm khá được, nên mưu.	Mưu vọng khá thành - Nên có văn thơ trong sự mưu vọng.	Trở ngại khó thành - Tiến thối chẳng quyết.	Nan thành - Mưu sự có tổn - Mùa Thu chiêm có sự vui - Mùa Hạ chiêm chẳng vừa lòng.
Giao dịch	Thành giao chẳng có lợi - Đề phòng thất hãm - Nên giao dịch tại bến nước, ven nước - Nên buôn bán hàng cá, muối, rượu - Hoặc giao dịch với người ở ven nước.	Khá được - Nên giao dịch có văn thơ.	Khó thành - Giao dịch về sơn lâm điền thổ - Mùa Xuân chiêm bị tổn thất.	Bất lợi - Phòng khẩu thiệt - Có sự cạnh tranh - Mùa Hạ chiêm bất lợi - Mùa Thu chiêm có tài có lợi trong giao dịch.
Xuất hành	Không nên đi xa - Nên đi bằng thuyền - Nên đi về hướng Bắc - Phòng trộm - Phòng sự hiểm	Nên đi - Nên hoạt động hướng Nam - Đi về việc văn thơ thì thành tựu - Mùa Đông chiêm không	Không nên đi xa - Có trở ngại - Nên đi gần bằng đường bộ.	Chẳng nên đi xa - Phòng khẩu thiệt - Bị tổn thất - Nên đi về hướng Tây - Mùa Thu chiêm nên đi vì

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

	trở hãm hại.	nên đi - Chẳng nên đi bằng thuyền đồ.		có lợi.
Yết kiến	Khó gặp - Nên gặp người ở chốn giang hồ - Hoặc gặp được người có tên hay họ có bộ Thủy đứng bên.	Gặp được người ở hướng Nam - Mùa Đông chiêm không được thuận lợi - Mùa Thu thấy văn thơ khảo sát tài sĩ.	Chẳng gặp - Có trở ngại - Nên gặp người ở chốn sơn lâm.	Đi hướng Tây thì gặp - Bị nguyên rủa rầm rĩ.
Tật bệnh	Đau tai - Tâm tật - Cảm hàn - Thận bệnh - Dạ dày lạnh, thủy tả - Bệnh lạnh đau lâu khó chữa - Huyết bệnh.	Tật mắt - Tật tâm - Thương tiêu - Bệnh nóng sốt - Mùa Hạ chiêm bị trúng nắng - Bệnh truyền nhiễm lưu hành một thời.	Tật tay - Ngón tay - Tỳ vị.	Tật yết hầu, khẩu thiệt - Tật suyễn nghịch khí - Ăn uống chẳng đều.
Phương đạo	Phương Bắc.	Hướng Nam.	Phương Đông Bắc.	Hướng Tây.
Ngũ sắc	Đen	Đỏ - Tía - Hồng.	Sắc vàng	Trắng
Tính tự (Họ, Tên)	Vũ âm (ngũ âm) - Người có tên họ có bộ Thủy đứng bên - Hàng vị 1, 6	Tiếng chùy (ngũ âm) - Người có tên hay họ có bộ Nhân đứng một bên - Hàng vị 3, 2, 7.	Tiếng cung (ngũ âm) - Người có tên họ đeo chữ Thổ ở một bên - Hàng vị 5, 7, 10	Tiếng thương (ngũ âm) - Người có họ hay tên đeo chữ Kim hay chữ Khẩu ở một bên - Hàng vị 2, 4, 9
Số mục	1, 6.	3, 2, 7.	5, 7, 10.	2, 4, 9.

TIẾT 4: GIẢI THÍCH TỔNG QUÁT VỀ LỤC THẬP TỨ QUÁI

(1) Bát quái cung Càn, ngũ hành thuộc Kim

1, Càn Vi Thiên (quẻ Lục xung)

Tượng trưng cho Thiên đạo, vương đạo, dương cương. Thiên đạo là công lý lớn nhất của nhân gian, người xưa coi nó thành công đạo, là đạo của quân.

Ý nghĩa quẻ: Là vạn vật bắt đầu, đó là nguồn gốc sớm nhất lớn nhất. Thiên đạo thông suốt không có trở ngại, có lợi cho vạn vật,

vô biên vô hướng, không có bất cứ sự thiên vị nào cho sự vật, từ đầu đến cuối kiên trì một con đường chân chính của bản thân.

2, Thiên Phong Cấu

Ý nghĩa quẻ: Là tình cờ gặp gỡ, tương hội, nữ nhân và nam nhân tình cờ gặp nhau, vội vàng tương thân, lấy làm vợ, ắt không được lâu dài.

Chú ý: Trong nhân mệnh được quẻ này, đa phần có họa hôn nhân hoặc họa vợ chồng khó mà ở với nhau đến đầu bạc răng long. Là quẻ kỵ thần của nhật khóa tu kiến âm dương trạch, kết hôn,... nó sẽ dẫn đến con cháu ngày sau kết hôn không thuận lợi hoặc tai họa hôn nhân.

3, Thiên Sơn Độn

Là tránh né, lùi lại, tan biến. Độn có nghĩa là lùi, thời gian dài chính là tiêu tán.

Ý nghĩa quẻ: Là khi quân tử thoái lùi mà tiền đồ rộng mở, tiểu nhân được thời xông lên sẽ lợi về chính đạo. Quân tử nên kiên định với mục tiêu, nghiêm khắc với bản thân, không được sợ tiểu nhân xông đến.

4, Thiên Địa Bĩ (quẻ Lục hợp)

Là bế tắc, thiên địa không tương giao, tình hình bất lợi, tiền đồ bế tắc. Ý nghĩa quẻ này đối với nhân sự bất lợi, biểu hiện bất lợi cho quân tử kiên trì trên con đường chính nghĩa. Nguyên nhân là vì dương đi mà âm đến, tiểu nhân đắc chí, đại ý là khi tiểu nhân đương đạo, quân tử nên tránh đi, đừng ham vinh hoa phú quý, đừng cầu danh tiếng thiên hạ.

5, Phong Địa Quan

Nghĩa là phơi bày, ngưỡng mộ quan sát. Ý nghĩa quẻ là trước khi bái lễ cần rửa tay sạch sẽ, chuẩn bị kính cẩn dâng rượu thịt lên tế bái với lòng đầy tôn trọng, loại thái độ cung kính này thật sự rất tốt để biểu thị rõ được sự thành khẩn trong tấm lòng. Nên nhìn nhận rõ tình hình, thuận theo quy luật của tự nhiên. Là quẻ cát.

6, Sơn Địa Bác

Tên quẻ là bong ra, ăn mòn. Ý nghĩa quẻ là khi quân tử bị hại sẽ bất lợi trong việc tiến lên.

7, Hỏa Địa Tấn

Là tiền đồ, thượng thăng, phổ thăng. Ý nghĩa quẻ là có được công trạng, thăng tiến làm quan. Quẻ này là quẻ du hồn. Quẻ cát.

8, Hòa Thiên Đại Hữu

Là rất có phúc. Ý nghĩa quẻ là thời đại có hy vọng lớn, tiền đồ tương lai vô cùng tươi sáng, có nhiều hy vọng, tiền đồ rộng mở. Quẻ này là quẻ quy hồn, quẻ cát.

(2) Bát quái cung Đoài, ngũ hành thuộc Kim

1, Đoài Vi Trạch (quẻ Lục xung)

Là chuyện vui bất ngờ, khiến người khác vui mừng thích thú, tụ họp lại.

Ý nghĩa quẻ: Là chuyện vui mừng thuận lợi, bởi vì kiên trì thuận theo chính đạo, thuận lòng dân trị quốc, thuận theo thiên đạo, hợp với lòng người, vạn sự hanh thông, thuận lợi chính xác.

2, Trạch Thủy Khốn (quẻ Lục hợp)

Là nghèo khó, rắc rối.

Ý nghĩa quẻ là trong lúc khó khăn cực khổ, có thể thuận lợi, là bởi vì sự kiên trì của những nhân vật vĩ đại, cho nên may mắn mà không gặp phải tai họa, có điều lý luận phải kiên trì qua được những ngày khó khăn đã bị những kẻ tiểu nhân nhấn chìm, mọi người không tin. Cho nên những nhân vật vĩ đại qua được những ngày khó khăn, hay nói ít làm nhiều, vậy mọi người mới tin.

3, Trạch Địa Tụ

Nghĩa là hội tụ, tập trung lại

Ý nghĩa quẻ là thuận lợi. Thuận lợi là cố gắng kiên trì trên con đường đúng đắn, có lợi cho tiền đồ. Quẻ cát.

4, Trạch Sơn Hàm

Là cảm ứng, con đường hôn nhân của nam nữ.

Ý nghĩa quẻ là thuận lợi cảm ứng là con đường đúng đắn cho việc thuận lợi trong giao tiếp. Chỉ có đúng đắn mà kiên trì trong giao tiếp nam nữ, lấy được vợ mới may mắn cát tường. Nam nữ giao tiếp tình cảm với nhau một cách đúng đắn thẳng thắn, trung thực, thì lấy nhau mới may mắn cát tường.

5, Thủy Sơn Kiến

Nghĩa là khó khăn, gian nan, nguy hiểm ngăn trở.

Ý nghĩa quẻ là tại hướng Tây Nam sẽ có lợi cho tiền đồ, hướng Đông Bắc sẽ bất lợi cho tiền đồ, có lợi trong việc gặp được đại nhân vật, kiên trì theo con đường chính đạo đúng đắn, chỉ cần đặt

bản thân vào vị trí đúng đắn mới có thể may mắn cát tường. Không thể mạo hiểm tiến lên, cần đợi thời cơ. Quẻ này không cát.

6, Địa Sơn Khiêm

Nghĩa là khiêm tốn, khiêm nhường, kính cẩn nghe theo, không tự mãn.

Ý nghĩa quẻ là đức tính khiêm tốn tốt đẹp nên thuận lợi không gặp trở ngại. Quân tử giữ vững sự khiêm tốn đối đãi với mọi người, bất luận trong tình huống như nào, đều cũng cần giữ vững đến cùng, cần phải giữ vững nguyên tắc này.

7, Lôi Sơn Tiểu Quá

Là nhỏ quá, nhỏ quá mức. Khôn lỏi nhiều hơn thông minh, chuyện nhỏ thành công, chuyện lớn không thành, không cầu được cao sang đại cát.

8, Lôi Trạch Quy Muội

Là thiếu nữ xuất giá, nữ tử về nhà chồng, về ở nhà chồng. Hòa thuận với nhau, nữ lớn hơn nam, không tương ứng, nguy hiểm, không nên kết hôn, đây chính là ý nghĩa của quẻ này.

Chú ý: Quẻ này nhật khóa kết hôn không cát lắm.

(3) Bát quái cung Ly, ngũ hành thuộc Hỏa

1, Ly Vi Hỏa (quẻ Lục xung)

Ý nghĩa quẻ là sáng sủa đẹp đẽ, là mặt trời và mặt trăng trùng hợp ngẫu nhiên gần nhau, tô điểm trên bầu trời, cùng con người hỗ trợ cho nhau, nhu thuận ngay thẳng, tiền đồ thuận lợi cát tường.

2, Hỏa Sơn Lữ (quẻ Lục hợp)

Là lữ hành, kinh doanh. Du lịch nước ngoài, vững vàng đúng đắn, kinh doanh văn minh, ắt sẽ thuận lợi cát tường. Quẻ này cát.

3, Hỏa Phong Đình

Là dụng cụ ăn uống mới, cung cấp nuôi dưỡng. Bỏ cũ lập mới, đại cát đại lợi, là cực kỳ cát tường thuận lợi, quẻ này cát.

4, Hỏa Thủy Vị Tế

Là sự nghiệp vẫn chưa hoàn thành. Khi còn chưa thành công, tiền đồ thuận lợi, nhưng vẫn còn gặp nhiều nguy hiểm, con đường khó khăn gian nan, khó mà đến được bên bờ bên kia.

5, Sơn Thủy Mông

Là dạy dỗ giáo dục cho những chồi non nhi đồng mới chớm. Đối với người không có tâm học, không động não không được dạy dỗ

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

uốn nắn thì không thể dạy dỗ được; đối với người thành tâm học hành cần truyền cảm hứng cho họ động não học hành. Cần giữ vững phương pháp giáo dục đúng đắn.

6, Phong Thủy Hoán

Là rời rạc, tan rã, phân ly. Tiền đồ thuận lợi cần đoán kết nhân dân, mới có thể vượt qua giông bão theo con đường đúng đắn, thuận lợi tiến lên.

7, Thiên Thủy Tụng

Là kiện tụng, tranh giành, tố cáo, thương lượng. Không có lý do gì nhiều, đừng kiện tụng; nếu như mạo hiểm, sẽ khiến tất cả mọi người chìm sâu vào, từ tổng thể mà thấy vụ kiện thất bại, kết quả hung hiểm.

Chú ý: Quẻ nhật khóa cần tránh xa.

8, Thiên Hỏa Đồng Nhân

Là kết hợp với mọi người, và mọi người ở bên nhau hạnh phúc. Thiên hạ quang minh, quân tử đắc chí, vạn sự thuận lợi. Quẻ cát.

(4) Bát quái cung Chấn, ngũ hành thuộc Mộc

1, Chấn Vi Lôi (quẻ Lục xung)

Là chấn động, địa chấn dẫn đến sự hoảng sợ và cảnh giác. Sự việc xảy ra khiến con người kinh sợ nhưng không phải chuyện xấu, có thể khơi dậy sự phòng bị, đề phòng sau này, như vậy mới có thể thuận lợi cát tường. Quẻ này cát.

2, Lôi Địa Dục (quẻ Lục hợp)

Là hòa thuận vui vẻ, vui vẻ đoàn kết cùng nhau phấn đấu, thuận theo thiên thời mà làm, mới có thể được thiên đạo giúp đỡ khen ngợi, lập công lập nghiệp. Quẻ này cát.

3, Lôi Thủy Giải

Là giải trừ, hòa giải làm dịu. Thời cơ thuận lợi, làm hay không, cần sớm hạ quyết tâm, do dự, ngược lại sẽ chịu sự hỗn loạn, sớm hạ quyết tâm mới cát tường may mắn, quẻ này cát.

4, Lôi Phong Hằng

Là vĩnh cửu, là con đường phu thê. Được lâu dài, tiền đồ thuận lợi, giữ vững con đường đúng đắn, có lợi cho tiền đồ. Quẻ này cát (nhưng kết hôn là ít cát).

5, Địa Phong Thăng

Là thăng tiến, cao lớn, thăng cao. Tiền đồ rộng mở, được người lớn coi trọng, không có gì ngăn trở cản trở, hướng chính Nam cát tường, tiền đồ rộng lớn thuận lợi. Quẻ cát.

6, Thủy Phong Tỉnh

Là giếng nước, giếng nước nuôi dưỡng con người. Giếng nước rất quan trọng, cùng vận động tồn tại với con người, tỉnh vượng nhân vượng, tỉnh kiệt nhân hung. Cũng có thể giải thích là tỉnh (yên tĩnh).

7, Trạch Phong Đại Quá

Là quá thịnh, quá nhiều. Có người có tài năng phi thường, mới có thể đảm nhận trọng trách dẫn đầu nặng nề khó khăn, tiền đồ mới thuận lợi, là quái tượng "lợi", "hanh thông".

Chú ý: Nhưng cũng có thể giải thích là qua mất, tai họa.

8, Trạch Lôi Tùy

Là tùy ý, thuận theo, di theo, làm theo. Dễ dãi với mọi người, lập trường nghiêm chỉnh, sự nghiệp vượng phát đạt, không có tai họa. Quẻ này cát.

(5) Bát quái cung Tốn, ngũ hành thuộc Mộc

1, Tốn Vi Phong (quẻ Lục xung)

Là tiến vào, khiêm tốn nhã nhặn, thuận theo, là lấy khiêm tốn nhã nhặn cầu thăng tiến, tiểu nhân vật tiền đồ thuận lợi, có lợi cho tiền đồ, cầu gặp được nhân vật vĩ đại.

2, Phong Thiên Tiểu Súc

Là chỉ những con vật nhỏ sức yếu, ngăn trở, cản trở. Thánh nhân bị tiểu nhân cản trở, đức chính không thể thực hiện được. Bảo đảm giữ vững hoài bão sức mạnh, tích lũy sức mạnh, lý tưởng nhất định có thể thành hiện thực. Quẻ này vốn là quái tượng thuận lợi, nhưng ở hào từ "3" có "phu thê phản mục", cho nên là quái tượng không thuận lợi về hôn nhân. Quái tượng cấm kỵ trong nhật khóa hôn nhân, tu tạo.

3, Phong Hỏa Gia Nhân

Là người chung một nhà, mối quan hệ lý luận đạo đức trong một gia đình. Là một người phụ nữ tài đức chủ gia đình, miệt mài chăm chỉ gánh vác nhiệm vụ gia đình và đất nước, khiến cho cuộc sống gia đình hòa thuận. Quẻ cát.

4, Phong Lôi Ích

Là tăng lên, được lợi ích. Quái tượng chuyện có lợi cho nhân dân có thể đạt được, là tổn trên ích dưới, tăng thêm lợi ích cho nhân dân, nhân dân vui mừng, triều đình đắc chính, hào quang hiển hách lẫy lừng. Có khi được giải thích là, ích giả, tổn dã. Thứ cát.

5, Thiên Lôi Vô Vọng

Không phải giả dối, đạo đức giả, mà hiển nhiên là phải như vậy. "Vô Vọng" cũng còn là "vô vọng" (hai vọng, một vọng quên, một hi vọng). Có nghĩa vốn dĩ chả còn hy vọng gì mà vẫn đạt được, là chuyện vui ngoài mong đợi. Chỉ cần đứng đắn, ắt có niềm vui bất ngờ, nếu không tiền đồ bất lợi.

6, Hỏa Lôi Phệ Hạp

Là giáo đoạn, giáo hợp, hình phạt. Lấy pháp trị quốc, rõ ràng thị phi, chính đạo hanh thông, đây là quái tượng có lợi cho kết thúc kiện tụng thị phi.

7, Sơn Lôi Di

Là chính khẩu nhiếp dinh dưỡng, con người coi lương thực là trời, cần phải dưỡng nhân dưỡng mình đúng đắn, tiền đồ mới có thể cát tường, quẻ thứ cát.

8, Sơn Phong Cổ

Là mục nát, cải cách đổi mới. Vật cực tất phản, tốt xấu tương y tương sinh, tốt lâu quá sẽ biến xấu, xấu lâu quá sẽ biến tốt. Chuyện xấu kết thúc chuyện tốt sẽ bắt đầu, chuyện tốt bắt đầu chuyện xấu sẽ kết thúc.

Cũng có giải thích là "cổ giả, sự dã".

(6) Bát quái Cung Khảm, ngũ hành thuộc Thủy

1, Khảm Vi Thủy (quẻ Lục xung)

Khảm giả, hạm dã. Là gặp nguy hiểm do nước, nguy hiểm khó khăn cản trở. Tài đức là lấy sự tự tin chiến thắng vượt qua khó khăn trùng trùng, nguy hiểm trùng trùng, không ngừng tích lũy. Cần có sự tự tin chiến thắng, mới có thể có được thành công chiến thắng và kết quả thành công. Tượng trưng cho sự nguy hiểm trùng trùng của nước, quẻ không cát.

2, Thủy Trạch Tiết (quẻ Lục xung)

Là tiết chế, ràng buộc, chế ngự. Có tiết chế mới có thể hanh thông, có tiết chế thì sẽ có thống khổ. Tiết chế cần đúng đắn, có tiết chế đúng đắn thì sự nghiệp mới hanh thông. Quân tử nên hi

sinh bản thân mà tiết chế lại, kìm hãm bản thân lại mới thành nhân nghĩa, quẻ cát.

3, Thủy Lôi Truân

Truân giả, nán dã, là nảy sinh, phát sinh. Sự vật khi mới nảy nở rất khó khăn. Sự vật ứng vận mà sinh, lúc ban đầu mới chớm mọc dù yếu đuối bé nhỏ gặp khó khăn, nhưng nhất định có thể trở thành cường tráng to lớn, tiền đồ tương lai vô hạn.

4, Thủy Hỏa Ký Tế

Ký tế giả, hợp dã. Là sự nghiệp đã hoàn thành. Ngày thành công cũng là lúc đi đến sự suy tàn, ứng với việc nên chuẩn bị cho sự nguy hại trong lúc còn yên bình.

5, Trạch Hòa Cách

Cách giả, cải dã. Là thay biến đổi cái cách, cải cách biến hóa, cái cách. Nắm lấy cơ hội, cải cách cái cũ lấy cái mới, mục đích phương pháp đúng đắn, công đức viên mãn không hối hận.

6, Lôi Hỏa Phong

Phong giả, đại dã. Là thịnh đại, giàu có. Chính trị quang minh, quốc gia hưng thịnh, minh quân tại vị, thời kỳ hoàng kim phát đạt. Quẻ cát.

7, Địa Hỏa Minh Di

Là bị thương. Ánh sáng chìm xuống bên dưới, tình thế khó khăn, thời cơ ẩn giấu. Quẻ không cát.

8, Địa Thủy Sư

Là binh chủng. Thành lập quân đội, trị quân hưng sư là nền móng cơ bản trong việc chỉ huy cai quản. Quẻ này nhất dương thống ngũ âm, hào dương đắc vị, lấy binh chính quốc, vương là sư, quẻ đại cát.

(7) Bát quái cung Cấn, ngũ hành thuộc Thổ

1, Cấn Vi Sơn (quẻ Lục xung)

Cấn giả, chỉ dã, là dừng lại, tĩnh lại. Làm việc cần biết khi nào thích hợp mà dừng lại, lúc nào cần làm thì làm, dừng thì dừng.

2, Sơn Hỏa Bí (quẻ Lục hợp)

Là trang sức, trang điểm. Nhờ trang sức có được sự thuận lợi là ở một mức độ nhỏ mà có được tiền đồ. Đồ trang sức mặc dù chỉ là để làm đẹp, nhưng không thể nào thay đổi được thực chất của sự việc, quẻ cát.

3, Sơn Thiên Đại Súc

Đại súc giả, tụ dã, là tích trữ lớn, ngăn trở lớn. Hành thiện tích đức, bất khả chiến bại, xuất môn làm quan, nhiều chuyện vui. Quẻ cát.

4, Sơn Trạch Tổn

Là giảm thiểu, thương tổn, tổn thất. Quẻ này chủ yếu biểu thị sự mất mát tổn thất. Đồng thời dạy dỗ mọi người không nên dễ dàng làm tổn hại đến lợi ích của nhân dân, muốn có được sự tín nhiệm của nhân dân, cần phải chịu khổ giản dị, cùng nhân dân đồng cam cộng khổ.

Quẻ cấm kỵ của nhật khóa tu tạo, nhập trạch,... đặc biệt là hào 2, hào 6 hào Ứng động khắc hào Thế, ắt có thị phi kiện tụng, thoái nhân định, tai họa lớn.

5, Hỏa Trạch Khuê

Là lệch lạc, rời bỏ. Sự mâu thuẫn thống nhất của sự tương hỗ phân ly, trong sự khác biệt tìm sự tương đồng, chuyện nhỏ có thể thành công.

6, Thiên Trạch Lý

Là thực tiễn, thực hành. Khi sự nghiệp đang thuận lợi, tiền đồ vô hạn không có trở ngại, tiền đồ thuận lợi.

7, Phong Trạch Trung Phu

Là chính trực, chân thật, thành thật từ tận đáy lòng, cảm động vạn vật, cuội mây đập gió, chính đạo thông suốt. Nhưng quẻ này dùng trong tạo táng hôn nhân là thứ cát.

8, Phong Sơn Tiệm

Là tiền lên dần dần, khi gả con gái, không nên hấp tấp, mà cần từ từ tiến hành.

(8) Bát quái cung Khôn, ngũ hành thuộc Thổ

1, Khôn Vi Địa (quẻ Lục Xung)

Khôn giả, thuận dã. Nghĩa là địa đạo, thần đạo, hòa thuận. Tượng trưng cho vẻ đẹp âm nhu. Biết được quy luật tự nhiên, thuận ứng theo quy luật tự nhiên, nhìn chuẩn xác hướng tiến lên, cố gắng đoàn kết đồng chí đồng bào, những người cùng chí hướng, giữ vững con đường đúng đắn, tiền đồ mới có thể cát tường may mắn, quẻ này cát.

2, Địa Lôi Phục (quẻ Lục hợp)

Là hồi phục, lập lại, phục sinh. Quân tử chân chính, thời đến vận chuyển, từng bước tiến lên, tiền đồ cát tường, quẻ này cát.

3, Địa Trạch Lâm

Là đến gần, ép gần, âm dương tiêu trưởng, một thịnh một suy, tuần hoàn liên tục, tương hỗ đối mới lẫn nhau, thượng Khôn là thuận, hạ Đoài là duyệt. Hạ duyệt mà thượng thuận, tượng trưng cho tiền đồ thuận lợi. Quẻ này cát.

4, Địa Thiên Thái

Là trời đất tương giao, thông đạt, an thái. Âm dương tương giao, tiêu trưởng cân bằng, hình ảnh an thái, cát tường thuận lợi.

Quẻ này dụng sự nhật khóa là quẻ thượng cát.

5, Lôi Thiên Đại Tráng

Là tráng đại, dương khí đại tráng, sấm sét vang trời, chính khí thượng thăng, âm khí bị chấn động mà lui đi.

6, Trạch Thiên Quải

Là quyết liệt, trừ đi, mất đi. Quyết là quyết định, giải trừ, mất đi. Quyết (đọc là quải) là buông dây cung, đứt dây cung, thả mũi tên ra, khiến nó mất đi. Cần quyết liệt chống lại tiểu nhân, hành động của nhân dân phải đảo đảm cùng với quân thần thống nhất, như vậy mới có thể đưa quốc gia tiến lên.

7, Thủy Thiên Nhu

Là chờ đợi thời cơ, tiến hành ăn uống, chờ đợi cơ hội. Cần có sự tự tin, cần nắm bắt sự việc, tiền đồ mới vĩnh viễn đại cát tường, núi đao biển lửa cũng có thể vượt qua, quẻ này cát.

8, Thủy Địa Tỷ

Là hàng xóm láng giềng sống hòa thuận giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau đoàn kết, dưới sự lãnh đạo của người đức cao vọng trọng mới quốc thái dân an, mọi người đồng lòng, không chút nghi ngờ. Quẻ này cát.

Trên đây nói rõ về quái danh quái ý của bát cung 64 quẻ. Khi lựa chọn quẻ dụng sự nhật khóa, ngoài phải có được quẻ cát, cũng cần có cả hào cát, đồng thời cũng cần có Thế Ứng tương sinh. Như vậy mới thật sự là quẻ cát. Nếu quẻ cát hào không cát, ắt quẻ cát biến hung. Nếu ở tháng 1 hoặc tháng 2 tháng Dần Mão dụng sự, có được quẻ "Địa Thiên Thái" vốn là quẻ cát, nhưng nếu hào 2 Quan Quỷ Dần Mộc đương lệnh phát động mà khắc hào Thế, hào Thế Huỳnh Đệ Thìn Thổ ở tháng 1, 2 nguyệt lệnh vào hưu tù tử

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

tuyệt địa, lại có hào 2 là hào Quan Quỷ Dần Mộc động mà hóa khắc hào Thế, là hung càng thêm hung, gia chủ ắt xảy ra chuyện đại họa, nếu có được quẻ hung, lại có cả hào hung, vậy hung lại càng thêm hung. Cần vô cùng chú ý khi lựa chọn quẻ dụng sự nhất khóa.

Sách được phân phối qua kênh FB cá nhân như sau: **"Vũ Phác"**, fanpage **"Nhà Sách Vũ Phác"**, Zalo **0972831075** và trang web **vuphac.com**. Mọi fanpage bán các đầu sách chuyển ngữ bởi Vũ Phác khác ngoài các kênh trên đây hoàn toàn là giả mạo, xin quý vị độc giả hãy lưu ý. Đây là 1 hành động đáng bị lên án và vi phạm đạo đức nghiêm trọng, ăn cắp chất xám và công sức lao động của Vũ Phác. Thậm chí thô bạo và trắng trợn hơn họ còn nhận đó là sách gốc và họ chính là đại lý phân phối của Vũ Phác, điều này hoàn toàn là bịa đặt! Quý vị độc giả hãy liên hệ mua sách của Vũ Phác để dịch giả có động lực để chuyển ngữ được nhiều tác phẩm hay hơn đóng góp cho nền Huyền học của nước nhà!

Mọi thắc mắc xin liên hệ với Vũ Phác qua facebook **"Vũ Phác"** hoặc qua SĐT/Zalo: 0972 831 075.

Trân trọng!

CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

1. Chính Ngũ Hành Trạch Nhật Học – Lại Cửu Đỉnh
2. Giá Thú Trạch Nhật Học – Lại Cửu Đỉnh
3. Giáo Trình Nhập Môn Tam Hợp – Phong Thủy Học Chính Thống Trung Quốc
4. Huyền Không Tử Bạch Quyết Tinh Giải – Bạch Hạc Minh
5. Kỳ Môn Độn Giáp Tốc Thành Bí Kíp – Vân Văn Tử
6. Thần Kỳ Chi Môn – Trương Chí Xuân (2 tập)
7. Thuật Thời Tiết Và Phong Thủy Của Đạo Giáo
8. Lục Nhâm Đấu Thủ Trạch Nhật Pháp – Trương Tài Thông
9. Chu Dịch Nhật Khóa – Phan Tín Thông
10. Kỳ Môn Độn Giáp Dự Trắc Học – Yêu Học Thanh
11. Tam Nguyên Dương Trạch Đại Thành – Trần Long Vũ
12. Thiên Tinh Dương Trạch 14 Án Lệ Tập

CHƯƠNG 3: TỔNG QUÁT VỀ HÀO TƯỢNG CỦA LỤC THẬP TỨ QUÁI

TIẾT 1: TOÀN BỘ HÌNH ẢNH VỀ HÀO TƯỢNG LỤC THẬP TỨ QUÁI

8 kinh quái sau khi hai quẻ chồng lên nhau có được 8 biệt quái thuần. 8 biệt quái thuần sau khi âm dương tương hổ biến hóa, lại có được 56 biệt quái khác, thêm cả 8 biệt quái thuần ban đầu, tổng cộng có 64 quẻ. Mỗi quẻ lại có hai quái nội ngoại, quẻ thượng là ngoại quái, quẻ hạ là nội quái. Mỗi quẻ có 6 hào, lần lượt phối hợp với Lục thân, gồm Quan Quỷ, Thê Tài, Tử Tôn, Huynh Đệ, Phụ Mẫu; lại nạp Thiên can Địa chi (Thiên can lược tả) và thuộc tính ngũ hành, thêm lên cả Thế, Ứng, thì có được toàn bộ hình ảnh của hào. Lục thân của mỗi quẻ, đều lấy pháp nạp Giáp để định. Vì để đơn giản thuận tiện, trong Lục thân chỉ viết nạp Địa chi và thuộc tính ngũ hành, nạp Thiên can lược tả không ghi vào.

1. Bát quái nạp Thiên can

- Quẻ Càn: Nạp Giáp Nhâm; nội quái nạp Giáp, ngoại quái nạp Nhâm.
- Quẻ Khôn: Nạp Ất Quý; nội quái nạp Ất, ngoại quái nạp Quý.
- Quẻ Đoài: Nạp Đinh. Quẻ Cấn: Nạp Bính.
- Quẻ Chấn: Nạp Canh. Quẻ Tốn: Nạp Tân.
- Quẻ Khảm: Nạp Mậu. Quẻ Ly: Nạp Kỷ.

2. Bát quái nạp Địa chi

- Quẻ Càn: Nội quái nạp Tý Thủy, Dần Mộc, Thìn Thổ;
Ngoại quái nạp Ngọ Hỏa, Thân Kim, Tuất Thổ.
- Quẻ Khôn: Nội quái nạp Mùi Thổ, Tỵ Hỏa, Mão Mộc;
Ngoại quái nạp Sửu Thổ, Hợi Thủy, Dậu Kim.
- Quẻ Khảm: Nội quái nạp Dần Mộc, Thìn Thổ, Ngọ Hỏa;
Ngoại quái nạp Thân Kim, Tuất Thổ, Tý Thủy.
- Quẻ Cấn: Nội quái nạp Thìn Thổ, Ngọ Hỏa, Thân Kim;
Ngoại quái nạp Tuất Thổ, Tý Thủy, Dần Mộc.
- Quẻ Chấn: Nội quái nạp Tý Thủy, Dần Mộc, Thìn Thổ;
Ngoại quái nạp Ngọ Hỏa, Thân Kim, Tuất Thổ.
- Quẻ Tốn: Nội quái nạp Sửu Thổ, Hợi Thủy, Dậu Kim;

Ngoại quái nạp Mùi Thổ, Ty Hỏa, Mão Mộc.

-Quẻ Ly: Nội quái nạp Mão Mộc, Sửu Thổ, Hợi Thủy;

Ngoại quái nạp Dậu Kim, Mùi Thổ, Ty Hỏa.

-Quẻ Đoài: Nội quái nạp Ty Hỏa, Mão Mộc, Sửu Thổ;

Ngoại quái nạp Hợi Thủy, Dậu Kim, Mùi Thổ.

3. Lục hào phối Lục thân

Nguyên tắc của Lục hào phối Lục thân là: Khắc ngũ tức bị khắc (chỉ âm, hạ đồng) là Quan Quỷ, ngũ khắc (đi khắc) là Thê Tài, sinh ngũ (đi sinh) là Tử Tôn, sinh ngũ là Phụ Mẫu, vai kề vai là Huynh Đệ. Như quẻ Càn, ngũ hành thuộc Kim. Nội quái hào 1 là Tý Thủy, là quẻ sinh hào, ngũ sinh là Tử Tôn, cho nên hào 1 là Tử Tôn Tý Thủy; hào 2 là Dần Mộc, là quẻ khắc hào, ngũ khắc là Thê Tài, cho nên hào 2 là Thê Tài Dần Mộc; hào 3 là Thìn Thổ, là hào sinh quẻ, sinh ngũ là Phụ Mẫu, cho nên hào 3 là Phụ Mẫu Thìn Thổ; hào 4 là Ngọ Hỏa, là hào khắc quẻ, khắc ngũ là Quan Quỷ, cho nên hào 4 là Quan Quỷ Ngọ Hỏa; hào 5 là Thân Kim, là hào và quẻ kề vai nhau, kề vai nhau là Huynh Đệ, cho nên hào 5 là Huynh Đệ Thân Kim; hào 6 là Tuất Thổ, lại là hào sinh quẻ, sinh ngũ là Phụ Mẫu, cho nên hào 6 lại là Phụ Mẫu Tuất Thổ. Những quẻ khác cũng y như vậy mà xếp. Các quẻ nạp Địa chi ngũ hành không thay đổi, nhưng sau mỗi quẻ, Lục thân lại thay đổi, nhưng Địa chi ngũ hành là không thay đổi. Biến hóa thay đổi cũng đều dựa theo nguyên tắc biến hóa ở trên. Như 3 hào của nội quái Càn, dùng tại cung Khôn, bởi vì cung Khôn ngũ hành thuộc Thổ, hào 1 quẻ Càn ban đầu là Tý Thủy bị Khôn Thổ khắc, nên là Thê Tài Tý Thủy; hào 2 Dần Mộc, khắc Khôn Thổ, cho nên hào 2 là Quan Quỷ Dần Mộc; hào 3 lại là Thìn Thổ, cùng Khôn Thổ vai kề vai, cho nên hào 3 là Huynh Đệ Thìn Thổ. Các loại khác cũng tính theo y như vậy.

4. Sắp xếp Thế, Ứng

Một quẻ có 6 hào, lại có hào Thế và hào Ứng, sắp xếp Thế Ứng cũng có nguyên tắc quy luật, hễ là quẻ thuần bát cung (quẻ Lục xung), hào 6 là hào Thế, hào 3 là hào Ứng. Những biến hóa khác có sẽ được 7 quẻ còn lại. Mỗi cung, quẻ thứ 2: Hào 1 là hào Thế, hào 4 là hào Ứng; quẻ thứ 3: Hào 2 là hào Thế, hào 5 là hào Ứng; quẻ thứ 4: hào 3 là hào Thế, hào 6 là hào Ứng; quẻ thứ 5: hào 4 là hào Thế, hào 1 là hào Ứng; quẻ thứ 6: hào 5 là hào Thế, hào 2 là hào Ứng; quẻ thứ 7 và quẻ thứ 4 giống nhau: hào 3 là hào Thế, hào 6 là hào Ứng. Quẻ thứ 7 của mỗi cung là quẻ Du Hồn, quẻ thứ 8 là

quẻ Quy Hồn, cho nên sắp xếp Thế Ứng cần cùng sắp xếp tương ứng với hai quẻ là quẻ thứ 4, 5 của cung đó.

5. Bảng an Lục thân và ngũ hành, Thế Ứng của Lục Thập Tứ quái

Bát quái cung Càn thuộc Kim

Càn Vi Thiên	Thiên Phong Cầu
— Phụ Mẫu Tuất thổ (Thế)	— Phụ Mẫu Tuất thổ
— Huynh Đệ Thân kim	— Huynh Đệ Thân kim
— Quan Quỷ Ngọ hỏa	— Quan Quỷ Ngọ hỏa (Ứng)
— Phụ Mẫu Thìn thổ (Ứng)	— Huynh Đệ Dậu kim
— Thê Tài Dần mộc	— Tử Tôn Hợi thủy (phục Tài Dần)
— Tử Tôn Tý thủy	— Phụ Mẫu Sửu thổ (Thế)

Thiên Sơn Độn	Thiên Địa Bĩ
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Phụ Mẫu Tuất thổ (Ứng)
— Huynh Đệ Thân kim (Ứng)	— Huynh Đệ Thân kim
— Quan Quỷ Ngọ hỏa	— Quan Quỷ Ngọ hỏa
— Huynh Đệ Thân kim	— Thê Tài Mão mộc (Thế)
— Quan Quỷ Ngọ hỏa (phục Tài Dần) (Thế)	— Quan Quỷ Tị hỏa
— Phụ Mẫu Thìn thổ (phục Tử Tý)	— Phụ Mẫu Mùi thổ (phục Tử Tý)

Phong Địa Quan	Sơn Địa Bác
— Thê Tài Mão mộc	— Thê Tài Dần mộc
— Quan Quỷ Tị hỏa (phục Huynh Thân)	— Tử Tôn Tý thủy (phục Huynh Thân) (Thế)
— Phụ Mẫu Mùi thổ (Thế)	— Phụ Mẫu Tuất thổ
— Thê Tài Mão mộc	— Thê Tài Mão mộc
— Quan Quỷ Tị hỏa	— Quan Quỷ Tị hỏa (Ứng)
— Phụ Mẫu Mùi thổ (phục Tử Tý) (Ứng)	— Phụ Mẫu Mùi thổ

Hỏa Địa Tấn	Hỏa Thiên Đại Hữu
— Quan Quỷ Tị hỏa	— Quan Quỷ Tị hỏa (Ứng)

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

- | | |
|---------------------------------------|---------------------------|
| ▬▬ Phụ Mẫu Mùi thổ | ▬▬ Phụ Mẫu Mùi thổ |
| ▬▬ Huynh Đệ Dậu kim (Thế) | ▬▬ Huynh Đệ Dậu kim |
| ▬▬ Thê Tài Mão mộc | ▬▬ Phụ Mẫu Thìn thổ (Thế) |
| ▬▬ Quan Quỷ Tị hỏa | ▬▬ Thê Tài Dần mộc |
| ▬▬ Phụ Mẫu Mùi thổ (phục Tử Tý) (Ứng) | ▬▬ Tử Tôn Tý thủy |

Bát quái cung Đoài thuộc Kim

Đoài Vi Trạch	Trạch Thủy Khốn
▬▬ Phụ Mẫu Mùi thổ (Thế)	▬▬ Phụ Mẫu Mùi thổ
▬▬ Huynh Đệ Dậu kim	▬▬ Huynh Đệ Dậu kim
▬▬ Tử Tôn Hợi thủy	▬▬ Tử Tôn Hợi thủy (Ứng)
▬▬ Phụ Mẫu Sửu thổ (Ứng)	▬▬ Quan Quỷ Ngọ hỏa
▬▬ Thê Tài Mão mộc	▬▬ Phụ Mẫu Thìn thổ
▬▬ Quan Quỷ Tị hỏa	▬▬ Thê Tài Dần mộc (Thế)
Trạch Địa Tụ	Trạch Sơn Hàm
▬▬ Phụ Mẫu Mùi thổ	▬▬ Phụ Mẫu Mùi thổ (Ứng)
▬▬ Huynh Đệ Dậu kim (Ứng)	▬▬ Huynh Đệ Dậu kim
▬▬ Tử Tôn Hợi thủy	▬▬ Tử Tôn Hợi thủy
▬▬ Thê Tài Mão mộc	▬▬ Huynh Đệ Thân kim (Thế)
▬▬ Quan Quỷ Tị hỏa (Thế)	▬▬ Quan Quỷ Ngọ hỏa (phục Tài Mão)
▬▬ Phụ Mẫu Mùi thổ	▬▬ Phụ Mẫu Thìn thổ
Thủy Sơn Kiến	Địa Sơn Khiêm
▬▬ Tử Tôn Tý thủy	▬▬ Huynh Đệ Dậu kim
▬▬ Phụ Mẫu Tuất thổ	▬▬ Tử Tôn Hợi thủy (Thế)
▬▬ Huynh Đệ Thân kim (Thế)	▬▬ Phụ Mẫu Sửu thổ
▬▬ Huynh Đệ Thân kim	▬▬ Huynh Đệ Thân kim
▬▬ Quan Quỷ Ngọ hỏa (phục Tài Mão)	▬▬ Quan Quỷ Ngọ hỏa (phục Tài Mão) (Ứng)
▬▬ Phụ Mẫu Thìn thổ (Ứng)	▬▬ Phụ Mẫu Thìn thổ
Lôi Sơn Tiểu Quá	Lôi Trạch Quy Muội

— — Phụ Mẫu Tuất thổ	— — Phụ Mẫu Tuất thổ (Ứng)
— — Huynh Đệ Thân kim	— — Huynh Đệ Thân kim
— — Quan Quỷ Ngọ hỏa (phục Tử Hợi) (Thế)	— — Quan Quỷ Ngọ hỏa (phục Tử Hợi)
— — Huynh Đệ Thân kim	— — Phụ Mẫu Sửu thổ (Thế)
— — Quan Quỷ Ngọ hỏa (phục Tài Mão)	— — Thê Tài Mão mộc
— — Phụ Mẫu Thìn thổ (Ứng)	— — Quan Quỷ Tị hỏa

Bát quái cung Ly thuộc Hỏa

Ly Vi Hỏa	Hỏa Sơn Lữ
— — Huynh Đệ Tị hỏa (Thế)	— — Huynh Đệ Tị hỏa
— — Tử Tôn Mùi thổ	— — Tử Tôn Mùi thổ
— — Thê Tài Dậu kim	— — Thê Tài Dậu kim (Ứng)
— — Quan Quỷ Hợi thủy (Ứng)	— — Thê Tài Thân kim (phục Quan Hợi)
— — Tử Tôn Sửu thổ	— — Huynh Đệ Ngọ hỏa
— — Phụ Mẫu Mão mộc	— — Tử Tôn Thìn thổ (phục Phụ Mão) (Thế)

Hỏa Phong Đỉnh	Hỏa Thủy Vị Tế
— — Huynh Đệ Tị hỏa	— — Huynh Đệ Tị hỏa (Ứng)
— — Tử Tôn Mùi thổ (Ứng)	— — Tử Tôn Mùi thổ
— — Thê Tài Dậu kim	— — Thê Tài Dậu kim
— — Thê Tài Dậu kim	— — Huynh Đệ Ngọ hỏa (phục Quan Hợi) (Thế)
— — Quan Quỷ Hợi thủy (Thế)	— — Tử Tôn Thìn thổ
— — Tử Tôn Sửu thổ (phục Phụ Mão)	— — Phụ Mẫu Dần mộc

Sơn Thủy Mông	Phong Thủy Hoán
— — Phụ Mẫu Dần mộc	— — Phụ Mẫu Mão mộc
— — Quan Quỷ Tý thủy	— — Huynh Đệ Tị hỏa (Thế)
— — Tử Tôn Tuất thổ (phục Tài Dậu) (Thế)	— — Tử Tôn Mùi thổ (phục Tài Dậu)
— — Huynh Đệ Ngọ hỏa	— — Huynh Đệ Ngọ hỏa (phục Quan Hợi)

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

— Tử Tôn Thìn thổ	— Tử Tôn Thìn thổ (Ứng)
— Phụ Mẫu Dần mộc (Ứng)	— Phụ Mẫu Dần mộc
Thiên Thủy Tụng	Thiên Hỏa Đồng Nhân
— Tử Tôn Tuất thổ	— Tử Tôn Tuất thổ (Ứng)
— Thê Tài Thân kim	— Thê Tài Thân kim
— Huynh Đệ Ngọ hỏa (Thế)	— Huynh Đệ Ngọ hỏa
— Huynh Đệ Ngọ hỏa (phục Quan Hợi)	— Quan Quỷ Hợi thủy (Thế)
— Tử Tôn Thìn thổ	— Tử Tôn Sửu thổ
— Phụ Mẫu Dần mộc (Ứng)	— Phụ Mẫu Mão mộc

Bát quái cung Chấn thuộc Mộc

Chấn Vi Lôi	Lôi Địa Dục
— Thê Tài Tuất thổ (Thế)	— Tài Tài Tuất thổ
— Quan Quỷ Thân kim	— Quan Quỷ Thân kim
— Tử Tôn Ngọ hỏa	— Tử Tôn Ngọ hỏa (Ứng)
— Thê Tài Thìn thổ (Ứng)	— Huynh Đệ Mão mộc
— Huynh Đệ Dần mộc	— Tử Tôn Tị hỏa
— Phụ Mẫu Tý thủy	— Thê Tài Mùi thổ (phục Phụ Tý) (Thế)

Lôi Thủy Giải	Lôi Phong Hằng
— Thê Tài Tuất thổ	— Thê Tài Tuất thổ (Ứng)
— Quan Quỷ Thân kim (Ứng)	— Quan Quỷ Thân kim
— Tử Tôn Ngọ hỏa	— Tử Tôn Ngọ hỏa
— Tử Tôn Ngọ hỏa	— Quan Quỷ Dậu kim (Thế)
— Thê Tài Thìn thổ (Thế)	— Phụ Mẫu Hợi thủy (phục Huynh Dần)
— Huynh Đệ Dần mộc (phục Phụ Tý)	— Thê Tài Sửu thổ

Địa Phong Thăng	Thủy Phong Tỉnh
— Quan Quỷ Dậu kim	— Phụ Mẫu Tý thủy
— Phụ Mẫu Hợi thủy	— Thê Tài Tuất thổ (Thế)
— Thê Tài Sửu thổ (phục Tử Ngọ) (Thế)	— Quan Quỷ Thân kim (phục Tử Ngọ)

— Quan Quỷ Dậu kim	— Quan Quỷ Dậu kim
— Phụ Mẫu Hợi thủy (phục Huynh Dần)	— Phụ Mẫu Hợi thủy (phục Huynh Dần) (Ứng)
— Thê Tài Sửu thổ (Ứng)	— Thê Tài Sửu thổ
Trạch Phong Đại Quá	Trạch Lôi Tù
— Thê Tài Mùi thổ	— Thê Tài Mùi thổ (Ứng)
— Quan Quỷ Dậu kim	— Quan Quỷ Dậu kim
— Phụ Mẫu Hợi thủy (phục Tử Ngọ) (Thế)	— Phụ Mẫu Hợi thủy (phục Tử Ngọ)
— Quan Quỷ Dậu kim	— Thê Tài Thìn thổ (Thế)
— Phụ Mẫu Hợi thủy (phục Huynh Dần)	— Huynh Đệ Dần mộc
— Thê Tài Sửu thổ (Ứng)	— Phụ Mẫu Tý thủy

Bát quái cung Tốn thuộc Mộc

Tốn Vi Phong	Phong Thiên Tiểu Súc
— Huynh Đệ Mão mộc (Thế)	— Huynh Đệ Mão mộc
— Tử Tôn Tị hỏa	— Tử Tôn Tị hỏa
— Thê Tài Mùi thổ	— Thê Tài Mùi thổ (Ứng)
— Quan Quỷ Dậu kim (Ứng)	— Thê Tài Thìn thổ (phục Quan Dậu)
— Phụ Mẫu Hợi thủy	— Huynh Đệ Dần mộc
— Thê Tài Sửu thổ	— Phụ Mẫu Tý thủy (Thế)
Phong Hỏa Gia Nhân	Phong Lôi Ích
— Huynh Đệ Mão mộc	— Huynh Đệ Mão mộc (Ứng)
— Tử Tôn Tị hỏa (Ứng)	— Tử Tôn Tị hỏa
— Thê Tài Mùi thổ	— Thê Tài Mùi thổ
— Phụ Mẫu Hợi thủy (phục Quan Dậu)	— Thê Tài Thìn thổ (phục Quan Dậu) (Thế)
— Thê Tài Sửu thổ (Thế)	— Huynh Đệ Dần mộc
— Huynh Đệ Mão mộc	— Phụ Mẫu Tý thủy
Thiên Lôi Vô Vọng	Hỏa Lôi Phệ Hạp
— Thê Tài Tuất thổ	— Tử Tôn Tị hỏa

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| — Quan Quỷ Thân kim | — Thê Tài Mùi thổ (Thế) |
| — Tử Tôn Ngọ hỏa (Thế) | — Quan Quỷ Dậu kim |
| — Thê Tài Thìn thổ | — Thê Tài Thìn thổ |
| — Huynh Đệ Dần mộc | — Huynh Đệ Dần mộc (Ứng) |
| — Phụ Mẫu Tý thủy (Ứng) | — Phụ Mẫu Tý thủy |

Sơn Lôi Di

Sơn Phong Cổ

- | | |
|---------------------------------------|--------------------------------|
| — Huynh Đệ Dần mộc | — Huynh Đệ Dần mộc (Ứng) |
| — Phụ Mẫu Tý thủy | — Phụ Mẫu Tý thủy (phục Tử Tị) |
| — Thê Tài Tuất thổ (phục Tử Tị) (Thế) | — Thê Tài Tuất thổ |
| — Thê Tài Thìn thổ (phục Quan Dậu) | — Quan Quỷ Dậu kim (Thế) |
| — Huynh Đệ Dần mộc | — Phụ Mẫu Hợi thủy |
| — Phụ Mẫu Tý thủy (Ứng) | — Thê Tài Sửu thổ |

Bát quái cung Khảm thuộc Thủy

Khảm Vi Thủy

Thủy Trạch Tiết

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| — Huynh Đệ Tý thủy (Thế) | — Huynh Đệ Tý thủy |
| — Quan Quỷ Tuất thổ | — Quan Quỷ Tuất thổ |
| — Phụ Mẫu Thân kim | — Phụ Mẫu Thân kim (Ứng) |
| — Thê Tài Ngọ hỏa (Ứng) | — Quan Quỷ Sửu thổ |
| — Quan Quỷ Thìn thổ | — Tử Tôn Mão mộc |
| — Tử Tôn Dần mộc | — Thê Tài Tị hỏa (Thế) |

Thủy Lôi Truân

Thủy Hỏa Ký Tế

- | | |
|------------------------------------|--|
| — Huynh Đệ Tý thủy | — Huynh Đệ Tý thủy (Ứng) |
| — Quan Quỷ Tuất thổ (Ứng) | — Quan Quỷ Tuất thổ |
| — Phụ Mẫu Thân kim | — Phụ Mẫu Thân kim |
| — Quan Quỷ Thìn thổ (phục Tài Ngọ) | — Huynh Đệ Hợi thủy (phục Tài Ngọ) (Thế) |
| — Tử Tôn Dần mộc (Thế) | — Quan Quỷ Sửu thổ |
| — Huynh Đệ Tý thủy | — Tử Tôn Mão mộc |

Trạch Hỏa Cách

Lôi Hỏa Phong

- | | |
|--------------------|---------------------|
| — Quan Quỷ Mùi thổ | — Quan Quỷ Tuất thổ |
|--------------------|---------------------|

— Phụ Mẫu Dậu kim	— Phụ Mẫu Thân kim (Thế)
— Huynh Đệ Hợi thủy (Thế)	— Thê Tài Ngọ hỏa
— Huynh Đệ Hợi thủy (phục Tài Ngọ)	— Huynh Đệ Hợi thủy
— Quan Quỷ Sửu thổ	— Quan Quỷ Sửu thổ (Ứng)
— Tử Tôn Mão mộc (Ứng)	— Tử Tôn Mão mộc

Địa Hỏa Minh Di	Địa Thủy Sư
— Phụ Mẫu Dậu kim	— Phụ Mẫu Dậu kim (Ứng)
— Huynh Đệ Hợi thủy	— Huynh Đệ Hợi thủy
— Quan Quỷ Sửu thổ (Thế)	— Quan Quỷ Sửu thổ
— Huynh Đệ Hợi thủy (phục Tài Ngọ)	— Thê Tài Ngọ hỏa (Thế)
— Quan Quỷ Sửu thổ	— Quan Quỷ Thìn thổ
— Tử Tôn Mão mộc	— Tử Tôn Thân kim

Bát quái cung Cấn thuộc Thổ

Cấn Vi Sơn	Sơn Hỏa Bí
— Quan Quỷ Dần mộc (Thế)	— Quan Quỷ Dần mộc
— Thê Tài Tý thủy	— Thê Tài Tý thủy
— Huynh Đệ Tuất thổ	— Huynh Đệ Tuất thổ (Ứng)
— Tử Tôn Thân kim (Ứng)	— Thê Tài Hợi thủy (phục Tử Thân)
— Phụ Mẫu Ngọ hỏa	— Huynh Đệ Sửu thổ (phục Phụ Ngọ)
— Huynh Đệ Thìn thổ	— Quan Quỷ Mão mộc (Thế)

Sơn Thiên Đại Súc	Sơn Trạch Tốn
— Quan Quỷ Dần mộc	— Quan Quỷ Dần mộc (Ứng)
— Thê Tài Tý thủy (Ứng)	— Thê Tài Tý thủy
— Huynh Đệ Tuất thổ	— Huynh Đệ Tuất thổ
— Huynh Đệ Thìn thổ (phục Tử Thân)	— Huynh Đệ Sửu thổ (phục Tử Thân) (Thế)
— Quan Quỷ Dần mộc (phục Phụ Ngọ) (Thế)	— Quan Quỷ Mão mộc
— Thê Tài Tý thủy	— Phụ Mẫu Tị hỏa

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Hỏa Trạch Khuê	Thiên Trạch Lý
— Phụ Mẫu Tị hỏa	— Huynh Đệ Tuất thổ
— Huynh Đệ Mùi thổ (phục Tài Tỵ)	— Tử Tôn Thân kim (phục Tài Tỵ) (Thế)
— Tử Tôn Dậu kim (Thế)	— Phụ Mẫu Ngọ hỏa
— Huynh Đệ Sửu thổ	— Huynh Đệ Sửu thổ
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc (Ứng)
— Phụ Mẫu Tị hỏa (Ứng)	— Phụ Mẫu Tị hỏa
Phong Trạch Trung Phu	Phong Sơn Tiệm
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc (Ứng)
— Phụ Mẫu Tị hỏa (phục Tài Tỵ)	— Phụ Mẫu Tị hỏa (phục Tài Tỵ)
— Huynh Đệ Mùi thổ (Thế)	— Huynh Đệ Mùi thổ
— Huynh Đệ Sửu thổ (phục Tử Thân)	— Tử Tôn Thân kim (Thế)
— Quan Quỷ Mão mộc	— Phụ Mẫu Ngọ hỏa
— Phụ Mẫu Tị hỏa (Ứng)	— Huynh Đệ Thìn thổ

Bát quái cung Khôn thuộc Thổ

Khôn Vi Địa	Địa Lôi Phục
— Tử Tôn Dậu kim (Thế)	— Tử Tôn Dậu kim
— Thê Tài Hợi thủy	— Thê Tài Hợi thủy
— Huynh Đệ Sửu thổ	— Huynh Đệ Sửu thổ (Ứng)
— Quan Quỷ Mão mộc (Ứng)	— Huynh Đệ Thìn thổ
— Phụ Mẫu Tị hỏa	— Quan Quỷ Dần mộc (phục Phụ Tị)
— Huynh Đệ Mùi thổ	— Thê Tài Tý thủy (Thế)

Địa Trạch Lâm	Địa Thiên Thái
— Tử Tôn Dậu kim	— Tử Tôn Dậu kim (Ứng)
— Thê Tài Hợi thủy (Ứng)	— Thê Tài Hợi thủy
— Huynh Đệ Sửu thổ	— Huynh Đệ Sửu thổ
— Huynh Đệ Sửu thổ	— Huynh Đệ Thìn thổ (Thế)
— Quan Quỷ Mão mộc (Thế)	— Quan Quỷ Dần mộc (phục Phụ Tị)
— Phụ mẫu Tị hỏa	

Thê Tài Tý thủy	
Lôi Thiên Đại Tráng	Trạch Thiên Quải
— Huynh Đệ Tuất thổ	— Huynh Đệ Mùi thổ
— Tử Tôn Thân kim	— Tử Tôn Dậu kim (Thế)
— Phụ Mẫu Ngọ hỏa (Thế)	— Thê Tài Hợi thủy
— Huynh Đệ Thìn thổ	— Huynh Đệ Thìn thổ
— Quan Quỷ Dần mộc	— Quan Quỷ Dần mộc (phục Phụ Tị) (Ứng)
— Thê Tài Tý thủy (Ứng)	— Thê Tài Tý thủy
Thủy Thiên Nhu	Thủy Địa Tỷ
— Thê Tài Tý thủy	— Thê Tài Tý thủy (Ứng)
— Huynh Đệ Tuất thổ	— Huynh Đệ Tuất thổ
— Tử Tôn Thân kim (Thế)	— Tử Tôn Thân kim
— Huynh Đệ Thìn thổ	— Quan Quỷ Mão mộc (Thế)
— Quan Quỷ Dần mộc (phục Phụ Tị)	— Phụ Mẫu Tị hỏa
— Thê Tài Tý thủy (Ứng)	— Huynh Đệ Mùi thổ

TIẾT 2: Ý NGHĨA CỦA LỤC THÂN, LỤC THÂN TRÌ THẾ VÀ PHÁT ĐỘNG

1. Ý nghĩa của Lục thân

- Hào thế: Là bản thân, là gia chủ, là hào mà các lục thân cư trú;
- Hào ứng: Là chuyện khác người khác, là nhà cửa, là sơn phần, là kế hoạch, là đường đi tha hương, là hào mà các lục thân cư trú.
- Hào Phụ Mẫu: Là người lớn, gia chủ lớn tuổi, là trưởng bối, là nhà cửa, là văn thư, là xe cộ thuyền bè, là đồ nội thất, là hành lý.
- Hào Tử Tôn: Là con cái, là tiểu bối, là gia súc gia cầm, là bác sĩ thuốc men.
- Hào Thê Tài: Là nữ nhân, là tiền tài, là hàng hóa; là vợ.
- Hào Huynh Đệ: Là anh em, là đồng đội, là người đồng hành, là bạn bè, là người hợp tác làm ăn.
- Hào Quan Quỷ: Là quan tinh, là công danh, là thị phi kiện tụng, là trộm cướp, là bệnh tật, là chồng.

2. Ý nghĩa của Lục thân trì Thế

Hào Phụ Mẫu trì Thế: Phụ Mẫu là thần vất vả, chủ vất vả gấp rút. Hào Phụ Mẫu khắc chế hào Tử Tôn, chủ hôn nhân khó khăn. Muốn quẻ nhật khóa được nhân đình vượng, kỵ hào Phụ Mẫu trì Thế. Càng kỵ vượng tướng phát động hơn. Nếu quẻ nhật khóa có người học hành văn thư, lại có hào Phụ Mẫu trì Thế, còn có hào Quan động mà sinh, ắt xuất hiện người học rộng làm quan. Khi hào Thế vượng tướng, kỵ Tài khắc, kỵ Thế động hóa hồi đầu khắc, kỵ hóa mộ hóa tuyệt hóa hình xung, dẫn đến gia chủ tuổi thọ ngắn, cũng chủ sẽ có con dâu bất hiếu, cần đề phòng gia chủ vì tiền tài hoặc nữ nhân mà gặp họa.

Hào Tử Tôn trì Thế: Tử Tôn là phúc thần, cũng là nguyên thần của Tài, muốn quẻ nhật khóa đình tài lưỡng vượng, cần hào Tử Tôn trì Thế. Mà nên vượng tướng, không nên động hóa hồi đầu khắc, không nên hóa mộ hóa phá hóa hình xung, sẽ có họa con cái yếu nhược hoặc con cái khó nuôi dưỡng. Quẻ nhật khóa tu tạo, cầu tài, khai trương, xuất hành,... tốt nhất nên có Tử Tôn trì Thế. Hào Tử Tôn khắc chế hào Quan Quỷ, bất lợi cho cầu công danh và cầu thăng quan tiến chức. Bây giờ muốn quẻ dụng sự nhật khóa cầu quan chức, hoặc muốn cầu được công danh, xuất quan quý, kỵ hào Tử Tôn vượng tướng hoặc trì Thế và phát động, tất có họa mất chức giáng chức hoặc làm quan không lâu dài được. Không nên có hào Phụ Mẫu khắc chế hào Tử Tôn, bất lợi cho con cháu và cầu Tài; càng không nên có hào của quẻ biến hóa hồi đầu khắc hào Tử Tôn, gia chủ gặp họa, con cái khó nuôi hoặc có tai họa chết yếu, còn cần đề phòng thị phi kiện tụng, tai họa thoái tài. Nhà nam đến nhà nữ vào ngày kết hôn, đa phần kỵ hào Tử Tôn trì Thế và phát động mà khắc chế Quan tinh chồng của bên nữ.

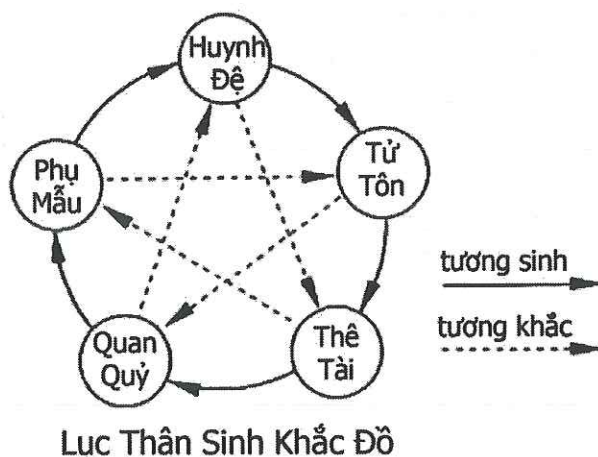
Hào Quan Quỷ trì Thế: Quan Quỷ là thần của ưu hoạn, nên việc đến thân khó mà làm. Đặc biệt là nhật khóa xuất hành, kỵ nhất là Quan Quỷ trì Thế, không bệnh tật thì cũng gặp phải chuyện thị phi kiện tụng, tài vật thường thất tán. Hào Tử Tôn khắc chế hào Quan Quỷ, phát động hóa khắc hoặc bị hào của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, đề phòng gia chủ gặp họa mất chức, hoặc gặp tai họa thị phi kiện tụng. Dụng sự là những người đang làm quan hoặc những người muốn đọc sách làm quan, càng nên cần có Quan tinh trì Thế và tương sinh, càng cần có Tài động sinh. Nhưng Quan Quỷ quá vượng và phát động, lại bất lợi cho Huỳnh Đế, nên đề phòng tai họa khắc tổn anh em đồng bào.

Hào Thê Tài trì Thế: Thê là nội trợ, Tài là tài thần, là nguồn nuôi dưỡng mệnh. Muốn quẻ dụng sự nhật khóa Tài Quan cùng tốt đẹp, nên có hào Tài trì Thế và sinh vượng. Muốn Tài vượng, cần có hào Tử Tôn phát động sinh Tài, càng là thân cường lực tráng, chủ tài vinh càng vượng. Tử Tôn động sinh Tài, Tài động sinh Quan, là Tài Quan cùng tốt đẹp. Hào Tài phát động bất lợi đối với Phụ Mẫu văn thư, nhưng lợi cầu quan cầu chức. Hào Huỳnh Đệ là thần của kiếp tài, không nên để hào Huỳnh Đệ phát động và hóa hồi đầu khắc hào Tài, vạn sự hung cần cẩn trọng, có họa thoái tài, nữ nhân hoặc gia chủ gặp họa, nhẹ thì bị bệnh, thị phi, thoái tài, nặng thì kiện tụng thị phi hoặc mất mạng. Hễ là dụng sự nhật khóa tu tạo, xuất hành, khai trương, cầu tài, kết hôn, thăng quan nhận chức,... cần có hào Tài trì Thế và vượng tướng, nhưng đối với dụng sự nhật khóa kết hôn, tu tạo, đa phần kỵ hào Tài phát động, Tài động sinh Quan xảy ra chuyện phong lưu, vượng Tài động khắc Phụ lục ẩn tinh, đối với văn thư bất lợi hoặc khó mà lấy được người con dâu hiền thuận, nhà cửa gặp tổn thất.

Hào Huỳnh Đệ trì Thế: Huỳnh Đệ là hung thần khắc Thê và kiếp Tài, hoạn của phá tài, kỵ của tranh giết cướp đoạt. Nhật khóa có hào Huỳnh Đệ trì Thế sinh vượng, là nhật khóa đình vượng tài nhược, nếu phát động, Huỳnh hóa Đệ, Đệ hóa Quỷ, có họa thoái đại tài hoặc thương tổn nữ đình. Cũng chủ về ngày sau chuyện hôn nhân của con cái không thuận lợi. Quan động mà chế Huỳnh, hoặc hào của quẻ biến hóa hồi đầu khắc hào Thế Huỳnh Đệ, đề phòng gia chủ bất trắc hoặc anh em gặp họa. Nhẹ thì thị phi kiện tụng thoái đại tài, nặng thì tổn thương gia chủ hoặc anh em. Thông thường dụng sự nhật khóa đều kỵ hào Huỳnh Đệ trì Thế và phát động.

3. Quan hệ sinh khắc của Lục thân

- Tương sinh của Lục thân: Tử Tôn sinh Thê Tài, Thê Tài sinh Quan Quỷ, Quan Quỷ sinh Phụ Mẫu, Phụ Mẫu sinh Huỳnh Đệ, Huỳnh Đệ sinh Tử Tôn.
- Tương khắc của Lục thân: Tử Tôn khắc Quan Quỷ, Quan Quỷ khắc Huỳnh Đệ, Huỳnh Đệ khắc Thê Tài, Thê Tài khắc Phụ Mẫu, Phụ Mẫu khắc Tử Tôn.



TIẾT 3: BIẾN HÓA HỖ KỶ CỦA LỤC THÂN

1. Hào Phụ Mẫu

Hào Phụ Mẫu động hóa hào Phụ Mẫu, hoặc hóa tiến thần, lợi cho người đọc sách học cao làm quan, hoặc trưởng bối cha mẹ sống thọ, hoặc nhà cửa đồ nội thất không bị tổn hại. Hóa Tử Tôn không thương tổn con cháu. Hóa Quan tinh hồi đầu sinh, cha mẹ trưởng bối trường thọ, hoặc có con cháu học cao làm quan. Hóa Thê Tái hồi đầu khắc, để tang cha mẹ hoặc nhà cửa đồ nội thất phương tiện giao thông có tổn hại, hoặc người đọc sách học hành không đỗ đạt, học không cao, gia đình có con dâu bất hiếu.

2. Hào Tử Tôn

Hào Tử Tôn động hóa tiến thần, là đình vượng tài vượng; hóa thoái thần, nếu hào Tử Tôn không vượng, ắt vượng trước suy sau. Hóa Tài là tài vượng, hóa Huỳnh hồi đầu sinh là đình vượng, hóa Phụ Mẫu hồi đầu khắc thương tổn tiểu bối hoặc cầm súc kiêm thoái tài. Hào Tử Tôn động hóa tiến thần bất lợi cho cầu danh cầu quan, mà còn có nghĩa làm quan không được lâu, nhưng lợi cầu tài thôi đình.

3. Hào Quan Quỷ

Hào Quan Quỷ động hóa tiến thần, lợi về cầu quan cầu danh, hóa Phụ Mẫu lợi về văn thư, lợi cho trưởng bối, lợi cho tiền đồ người học hành, hóa Thê Tái hồi đầu sinh, cầu quan được quan, cầu chức được chức; nhưng cũng chủ về người làm quan dễ có tình nhân bên ngoài, lại thêm cả gặp vận đào hoa, làm quan dễ phong lưu đa tình. Hóa Tử Tôn hồi đầu khắc, nhẹ thì mất chức

giáng chức, nặng thì rước phải thị phi kiện tụng, nhưng gia chủ mà nhà không có ai làm quan thì không cần kỵ.

4. Hào Thê Tài

Thê Tài động hóa tiến thần, tiền tài vào ùn ùn, hóa Tử Tôn hồi đầu sinh, là tài đại khí thô, tiền tài tăng lên nhiều lần, cũng là cầu tài dễ hoặc được tiền tài bất ngờ. Hóa Huỳnh Đệ hồi đầu khắc, nhẹ thì thoát tài, nặng có thương tổn nữ đình gặp họa. Hóa Quan Quỷ, là hao tài, hoặc chủ nữ nhân xinh đẹp phong lưu hoặc có kẻ thứ 3 bước vào hôn nhân gia đình.

5. Hào Huỳnh Đệ

Hào Huỳnh Đệ hóa tiến thần thoát đại tài hoặc tổn nữ đình, động hóa thoát thần thoát tài trung bình hoặc nhỏ hoặc chủ nữ đình xảy ra tai họa. Hóa Tử Tôn trước tiên kiếp tài sau có tiền tài. Huỳnh Đệ đồng hóa mộ, khi xung hình mộ khổ sẽ kiếp tài hoặc anh em gặp họa. Huỳnh Đệ động hóa Tài, tài không mất mà hóa xuất tài, Huỳnh Đệ động hóa hồi đầu sinh, mặc dù đình vượng nhưng tổn tài hoặc con cháu ngày sau khó lấy được vợ hoặc có họa về hôn nhân. Hóa hồi đầu khắc có tổn thương anh chị em. Hễ là nhật khóa có ở cùng với anh em và an táng tổ tiên vong linh, trừ hào Huỳnh Đệ không nên phát động ra, còn kỵ hào Huỳnh Đệ bị hào Quan Quỷ hóa hồi đầu khắc. Nếu không sẽ bất lợi cho anh em hoặc có họa tổn hại anh chị em.

TIẾT 4: LỤC THẦN PHỐI HỢP VỚI LỤC HÀO

Lục Thần, chính là Thanh Long, Chu Tước, Đẳng Xà, Câu Trần, Bạch Hổ, Huyền Vũ. Chúng không phải loại "thần sát" chân chính, mà là đại danh từ đại diện cho dương cương chính khí cùng âm ác tà khí trong dự đoán bát quái "âm dương hai khí". Trong dự đoán Lục hào, Lục thần phối hợp Lục hào, không chỉ có thể phân loại, mà còn có thể tham gia đoán hung cát, nâng cao mức độ chính xác và mở rộng thêm về thông tin dự đoán.

Lục thần có ngũ hành gồm: Thanh Long thuộc Mộc; Chu Tước thuộc Hỏa; Câu Trần, Đẳng Xà thuộc Thổ; Bạch Hổ thuộc Kim; Huyền Vũ thuộc Thủy. Trong Lục thần, chỉ có đúng Thanh Long là cát thần. Chủ chuyện vui mừng, hoặc chủ ở tại hào lục thân nào thì nó sinh đẹp sáng lạng, có chuyện vui hứa hẹn, cát tường may mắn, được phúc nhiều.

Chu Tước chủ văn ấn và thị phi miệng lưỡi kiện tụng. Sinh trợ hào Phụ Mẫu, chủ văn chương xuất chúng hoặc làm quan văn; ở

tại hào Huỳnh Đệ hào Quan Quỷ chủ miệng lưỡi thị phi; động khắc hào Quan Quỷ, cũng chủ về thị phi kiện tụng, động khắc những Lục thân khác cũng là chủ thị phi miệng lưỡi. Chu Tước lấy sinh Lục thân là cát, lấy khắc Lục Thân là thứ cát. Chu tước là thần của cả hung và cát.

Câu Trần chủ lao tù. Đẳng Xà chủ chuyện kinh sợ, lấy sinh Lục thân và phá Lục thân, khắc chế là cát. Đẳng Xà ở tại hào Quan Quỷ, chủ xuất quan hành chính pháp luật, đa phần không đem theo súng. Hoặc chức quan văn quản chuyện quan võ.

Bạch Hổ là thần hung nhất, chủ hung thương hiếu phục. Kỵ phát động, kỵ khắc Lục thân, hào Lục thân đến khắc chế là cát, bởi vì Bạch Hổ thuộc Kim, ở tại Lục thân có ngũ hành Ty Ngọ Hỏa là cát. Bạch Hổ ở tại vị trí Quan, chủ xuất chức quan võ hoặc chức quan văn mà quản chuyện quan võ, hoặc xuất nhân viên làm ở bộ phận thi hành pháp luật (đa số là người mang theo súng). Bạch Hổ phát động mà không được khống chế, có họa hung thương máu chảy hoặc thương tổn nhân đinh. Bạch Hổ sinh trợ hào Lục thân, Lục thân nào thì hào Lục thân, Lục thân được sinh đó có tính tình thô bạo hoặc không hòa hợp, không có tình cảm; mà lại bị hào khác hóa hồi đầu khắc, Bạch Hổ và hào chủ khắc vào năm tháng càng sinh vượng, các Lục thân ở tại đó đa phần gặp họa mất mạng hoặc gặp phải đại họa. Bạch Hổ ở tại hào Quan Quỷ động mà không khắc chế; có chức quan võ tình tính thô bạo vô lễ, hoặc có hành vi sai trái, hoặc làm trò này kia mà gây ra tai họa bất ngờ. Cho nên, dụng sự nhật khóa đa phần kỵ không có hào nào có thể khắc chế được Bạch Hổ phát động. Một khi phát động, Bạch Hổ điên cuồng, không có hung thương hiếu phục ắt có tai họa khác ập đến.

Huyền Vũ chủ trộm cướp, ám vị, bệnh tật. Trong nhật khóa cũng kỵ Huyền Vũ phát động, đặc biệt là kỵ ở tại hào Huỳnh Đệ, hào Quan Quỷ mà phát động, Huyền Vũ khắc dụng thần Tử Tôn thì không cát, chủ con cháu bất hiếu, trộm cướp hoặc bệnh tật,... chuyện ám vị. Thần Huyền Vũ nên bị các hào Lục Thân ở tại đó khắc chế mới là cát, sinh khắc hào Lục thân đều là thứ cát. Tóm lại, quẻ cát gặp Thanh Long phát động càng cát, sinh dụng thần là thứ cát, quẻ hung gặp Bạch Hổ hoặc hung thần phát động và khắc chế dụng thần càng hung.

Phương pháp Lục thần phối hợp với quẻ hào là: Quẻ nhật khóa Giáp Ất, hào 1 là Thanh Long; quẻ nhật khóa Bính Đinh, hào 1 là

Chu Tước; quẻ nhật khóa Mậu, hào 1 là Câu Trần; quẻ nhật khóa Kỷ, hào 1 là Đằng Xà; quẻ nhật khóa Canh Tân, hào 1 là Bạch Hổ; quẻ nhật khóa Nhâm Quý, hào 1 là Huyền Vũ. Phối hợp thuộc tính ngũ hành Lục thần của hào 1 quẻ khóa phải cùng tương đồng với thuộc tính ngũ hành nhật can. Như nhật can Giáp Ất, ngũ hành thuộc Mộc, Thanh Long ngũ hành cũng thuộc Mộc. Nhật can Bính Đinh ngũ hành thuộc Hỏa, Chu Tước ngũ hành cũng thuộc Hỏa; nhật can Mậu Kỷ ngũ hành thuộc Thổ; Câu Trần, Đằng Xà ngũ hành cũng thuộc Thổ; nhật can Canh Tân ngũ hành thuộc Kim, Bạch Hổ ngũ hành cũng thuộc Kim; nhật can Nhâm Quý ngũ hành thuộc Thủy, Huyền Vũ ngũ hành cũng thuộc Thủy. Đây là nguyên tắc hào sơ quẻ nhật khóa phối hợp với Lục thần. Các hào từ 2 đến 6 cũng lần lượt thuận theo thứ tự vậy mà phối hợp, như bảng dưới đây:

ngày hào	Ngày Giáp Ất	Ngày Bính Đinh	Ngày Mậu	Ngày Kỷ	Ngày Canh Tân	Ngày Nhâm Quý
Hào 6	Huyền Vũ	Thanh Long	Chu Tước	Câu Trần	Đằng Xà	Bạch Hổ
Hào 5	Bạch Hổ	Huyền Vũ	Thanh Long	Chu Tước	Câu Trần	Đằng Xà
Hào 4	Đằng Xà	Bạch Hổ	Huyền Vũ	Thanh Long	Chu Tước	Câu Trần
Hào 3	Câu Trần	Đằng Xà	Bạch Hổ	Huyền Vũ	Thanh Long	Chu Tước
Hào 2	Chu Tước	Câu Trần	Đằng Xà	Bạch Hổ	Huyền Vũ	Thanh Long
Hào 1	Thanh Long	Chu Tước	Câu Trần	Đằng Xà	Bạch Hổ	Huyền Vũ

CHƯƠNG 4: ỨNG DỤNG CỦA CÁC THẦN TRONG LỰA CHỌN VÀ DỰ ĐOÁN THÔNG TIN NHẬT KHÓA

TIẾT 1: LỰA CHỌN DỤNG THẦN TRONG CÁC LOẠI DỤNG SỰ NHẬT KHÓA

Dụng thần là tên đại diện của Lục thân trong quẻ dự đoán con người sự việc. Dụng sự nhật khóa chọn lấy dụng thần chính là muốn cầu sau khi dụng sự đạt được mục đích và hiệu quả như mong muốn, dụng thần lần lượt đại diện cho Lục thân trong quẻ. Như nhật khóa khai trương cầu tài, mục đích của nhật khóa khai trương cầu tài là cầu phát tài. Tài này, chính là dụng thần của nhật khóa khai trương cầu tài, trong quẻ dùng hào Thê Tài để đại diện. Lại như nhật khóa kiến trạch, yêu cầu đỉnh tài hưng vượng, tài nguyên dồi dào, nhân đỉnh và tài chính là dụng thần của nhật khóa kiến trạch này, dùng quẻ trong khóa lấy hào Tử Tôn và hào Thê Tài để đại diện.

1. Xác định dụng thần là lấy loại tượng hào Lục thân

- Phụ Mẫu: Chỉ cha mẹ hoặc những người thân cùng ngang hàng với cha mẹ, trưởng bối có quan hệ huyết thống, giáo viên, đơn vị, nhà cửa, văn thư, giấy tờ chứng chỉ, xe cộ thuyền bè, hành lý,...
- Huynh Đệ: Đồng bảo thủ túc, anh chị em có quan hệ huyết thống khác, bạn bè, cộng sự,...
- Thê Tài: Vợ, bồ, người tình, vợ của anh em, tiền tài, vật chất, dụng cụ. Dựa theo kiểm chứng thực tế, hào Thê Tài trong quẻ khóa đa phần chỉ nữ nhân và tiền tài.
- Quan Quỷ: Chồng, công danh, quan phủ, tư pháp, thiên tai, quỷ thần, kiện tụng, trộm cướp, hình pháp, bệnh tật, xác chết,...
- Tử Tôn: Con cái, hậu bối, môn đồ, bác sĩ, thuốc men, công chức, binh sĩ, chăn nuôi, gia cầm,...

Dụng thần là trọng tâm của toàn bộ dự đoán sự việc, toàn bộ sự việc của nhật khóa đều cần đạt đến mục đích và hiệu quả yêu cầu. Dụng thần của dụng sự nhật khóa phải đắc lệnh phải sinh vượng, kỵ hào Dụng thần bị khắc phá lâm Không Vong nhập mộ khố. Dụng thần cát, chuyện sẽ cát, dụng thần hung, chuyện ắt cũng hung. Ngoài ra, dụng thần nên tĩnh không nên động, động ắt sẽ biến. Nguyên tắc cơ bản nhất chính là Dụng thần không được để hào lâm Thái Tuế nhật kiến nguyệt lệnh và hào động hóa khắc và xung phá.

2. Chọn dụng thần của các loại dụng sự nhật khóa

(1) Nhật khóa khai trương, cầu tài:

Lấy hào Thê Tài làm dụng thần

(2) Nhật khóa thăng quan tiến chức

Lấy hào Quan Quỷ làm dụng thần

(3) Nhật khóa kết hôn

Đầu tiên lấy hào Tử Tôn làm dụng thần. Nữ đến nhà nam ở thì lấy hào Thê Tài làm dụng thần; nam đến nhà nữ ở thì lấy hào Quan Quỷ làm dụng thần.

(4) Nhật khóa kiến trạch, nhập trạch, chuyển nhà, tạo táng

- Cách cục Đinh Tài:

Lấy hào Tử Tôn, hào Thê tài làm dụng thần

- Cách cục Quan Viên:

Lấy hào Quan Quỷ, hào Phụ Mẫu làm dụng thần

- Cách cục Vượng Đinh:

Lấy hào Tử Tôn làm dụng thần

- Cách cục Tài Quý:

Lấy hào Quan Quỷ, hào Thê Tài làm dụng thần

- Cách cục Đinh Tài:

Lấy hào Tử Tôn, hào Thê Tài làm dụng thần

(5) Nhật khóa xuất hành

- Một mình xuất hành: Lấy hào Thế, hào Phụ Mẫu làm dụng thần.

- Xuất hành tập thể: Lấy hào Thế, hào Thê Tài, hào Phụ Mẫu làm dụng thần

- Cùng trưởng bối xuất hành: Lấy hào Thế, hào Phụ Mẫu làm dụng thần.

- Cùng văn bối xuất hành: Lấy hào Thế, hào Tử Tôn, hào Phụ Mẫu làm dụng thần.

- Cùng vợ con xuất hành: Lấy hào Thế, hào Thê Tài, hào Phụ Mẫu làm dụng thần.

(6) Nhật khóa công kiến (xây công trình công cộng, công trình chung)

- Cơ quan quan phủ: Lấy hào Quan Quỷ, hào Phụ Mẫu, hào Thê Tài làm dụng thần.

- Hội trường nhà ăn trường học: Lấy hào Quan Quỷ, hào Phụ Mẫu làm dụng thần.
- Công trình bệnh viện: Lấy hào Tử Tôn, hào Thê Tài làm dụng thần.
- Công trường xí nghiệp: Lấy hào Thê Tài làm dụng thần.
- Nhà kho trạm xăng: Lấy hào Phụ Mẫu làm dụng thần.
- Cầu đường mương rạch: Lấy hào Phụ Mẫu làm dụng thần.
- Cửa hàng chợ búa: Lấy hào Thê Tài làm dụng thần.

Trên đây là những loại dụng sự nhật khóa chọn dùng, đều lấy hào Thê là gia chủ, là bản thân, là nền móng; lấy dụng thần sinh hợp hào Thê là cát, hình xung khắc hại hào Thê là hung, mà dụng thần không bị Tuế nhật nguyệt và hào động xung khắc.

3. Dụng thần hóa cát hóa hung

- Dụng thần hóa cát:

Dụng thần hóa tiến thần, hóa hồi đầu sinh, hóa trường sinh, hóa đế vượng, hóa tử hòa, hóa nhật nguyệt Thái Tuế, đều là hóa cát.

- Dụng thần hóa hung:

Dụng thần suy mà hóa thoái thần, hóa hồi đầu khắc, hóa mộ hóa tuyệt, hóa Không Vong, hóa Quỷ, lại không có nguyên thần động đến sinh, đều là hóa hung.

TIẾT 2: NGUYÊN THẦN, KỶ THẦN VÀ CỪU THẦN

Nguyên thần, là hào sinh dụng thần. Như nhật khóa khai trương, lấy hào Thê Tài làm dụng thần. Hào Tử Tôn sinh hào Thê Tài, thì hào Tử Tôn là nguyên thần của hào Tài. Hào Thê Tài là dụng thần, ngũ hành thuộc Kim, hào Tử Tôn thuộc Thổ, Thổ sinh Kim, Thổ là nguyên thần của Kim. Kỷ thần, là hào khắc dụng thần. Như hào Thê Tài ngũ hành thuộc Kim, hào Huynh Đệ thuộc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Huynh Đệ Hỏa là kỷ thần của hào Tài Kim. Cừu thần, là hào sinh kỷ thần. Như kỷ thần là Huynh Đệ Hỏa, cừu thần là Phụ Mẫu Mộc, Mộc sinh Hỏa, Phụ Mẫu Mộc sẽ là cừu thần của Thê Tài Kim.

1. Nguyên thần sinh dụng thần

- Nguyên thần vượng tương với nhật nguyệt kiến, hữu lực;
- Nguyên thần hóa tiến thần, hóa hồi đầu sinh, hóa đế vượng;
- Nguyên thần lâm Thái Tuế, nguyệt, nhật;
- Nguyên thần và kỷ thần cùng động;
- Nguyên thần vượng tương mà lâm Không hoặc động hóa Không.

2. Nguyên Thần không thể sinh dụng thần

- Nguyên thần hư tù, lại gặp tuyệt địa, hoặc bị Tuế phá, nguyệt phá, nhật phá.
- Nguyên thần hư tù bất động hoặc hóa tuyệt, hóa hồi đầu khắc.
- Nguyên thần suy mà hóa mộ khố, hóa chân thoái thần, hóa tán, hóa phá.
- Nguyên thần suy mà lâm Không hoặc động hóa Không.
- Nguyên Thần suy mà còn bị thù thần động mà khắc sát.

3, Nguyên thần, kị thần, cừu thần cùng phát động

- Nguyên thần, kị thần cùng động, không chỉ không khắc dụng thần, ngược lại còn khiến cho nguyên thần sinh dụng thần càng có lực hơn, dụng thần đắc đại ích lợi.
- Kị thần, cừu thần cùng động, không chỉ khắc sát dụng thần. Mà còn khắc sát với lực lớn nhất, hào dụng thần thương tổn rất nghiêm trọng, xảy ra tai họa vô cùng lớn.
- Kị thần động khắc dụng thần, nếu kị thần động mà hóa thoái, hóa tử tuyệt, hóa Không Vong, dụng thần chịu khắc ở mức độ nhẹ; kị thần động khắc dụng thần, nếu kị thần động hóa tiến thần, hóa cừu thần hồi đầu sinh, hào dụng thần chịu khắc mức độ rất nghiêm trọng, đa phần có đại họa xuất hiện.

Dụng sự nhật khóa là sự vật sinh sôi nảy nở dưới tác dụng của khí, quả dụng sự nhật khóa của nó và quả sinh mệnh của con người là y như nhau, đều chứa đựng rất nhiều thông tin bên trong, là quả với nhiều tầng thông tin hội tụ lại. Quả thông tin nhật khóa chủ yếu bao gồm thông tin đỉnh tài quý thọ Tiên Thiên. Trong quả nhật khóa, dụng thần, nguyên thần, kị thần, cừu thần đều thuộc hào Lục thân trong quả, như cách cục đỉnh tài, dụng thần đều lấy hào Tử Tôn, hào Thê Tài. Nguyên thần của hào Tử Tôn là hào Huỳnh Đế, nhưng hào Huỳnh Đế lại là kị thần của hào Thê Tài. Hào Huỳnh Đế phát động, vượng đỉnh kiếp tài, bất lợi đối với hào Thê Tài, vì vậy, muốn đạt được quả nhật khóa đỉnh tài lưỡng vượng, cần hào Huỳnh Đế và hào Tử Tôn cùng phát động (bao gồm minh động ám động), mới có thể vượng đỉnh vượng tài; hoặc hào Tử Tôn lâm Thái Tuế nguyệt lệnh, phát động sinh hào Tài, mới có thể có được đỉnh tài cùng vượng, mới có thể thật sự đạt được quả nhật khóa đỉnh tài lưỡng vượng. Nhật khóa kiến trạch, nhập trạch, an táng,... quả nhật khóa có nhiều loại thông tin cùng tồn tại, nó cùng với quả nhật khóa chỉ mỗi cầu tài thôi không giống nhau, cần

phải xử lý tốt mối quan hệ sinh khắc của dụng thần, nguyên thần, kỵ thần,... của nhật khóa, mới có thể khiến cho dụng thần được chọn lựa của nhật khóa đạt đến tiêu chuẩn.

Cho nên, lựa chọn nhật khóa tứ trụ phải khiến cho nhật khóa ngũ hành hòa hoặc tổ hợp đắc thời đắc địa, mới có thể khiến cho các loại dụng thần trong nhật khóa có hiệu quả cùng giúp đỡ nhau, làm cho các dụng thần trong nhật khóa hỗ trợ nhau cùng sinh cùng vượng, không khắc chiến, mới có được các loại thông tin nhật khóa cát, khiến cho dụng thần trong nhật khóa đạt đến tiêu chuẩn điều kiện nhất định.

TIẾT 3: PHI THẦN VÀ PHỤC THẦN

Trong quẻ dụng sự nhật khóa cần có hào dụng thần, không được thiếu dụng thần, không có hào dụng thần là dụng thần không lên quẻ hoặc dụng thần không xuất hiện. Như nhật khóa khai trương cầu tài, lấy hào Thê Tài làm dụng thần, nhưng trong quẻ lại không có hào Thê Tài, là dụng thần không xuất hiện hoặc dụng thần không lên quẻ. Nếu hào Thê Tài lâm nhật nguyệt, lấy nhật nguyệt làm dụng thần. Nếu hào Thê Tài cũng không phải nhật nguyệt, ắt phải mượn dụng thần, cần từ trong 8 quẻ thuần lấy ra hào Thê Tài, viết vào bên cạnh hào tương ứng trong quẻ nhật khóa. Đó là mượn dụng thần đến gọi là phục thần, đối với hào tương ứng của quẻ nhật khóa thì gọi là phi thần.

Ví dụ: Dụng sự giờ Mão ngày 30 tháng 3 năm Ất Hợi năm 1995 âm lịch, dụng sự nhật khóa trợ giúp con đường học hành của con cái, Tháng Thìn ngày Canh Dần được quẻ.

Phục

- Tử Tôn Dậu kim
- Thê Tài Hợi thủy
- Ư -- Huynh Đệ Sữu thổ
- Huynh Đệ Thìn thổ
- Quan Quỷ Dần mộc Phụ Mẫu Ty hỏa
- T — Thê Tài Tý thủy

Khóa này là khóa trợ giúp con đường học hành của con cái, lấy hào Quan Quỷ, hào Phụ Mẫu làm dụng thần. Nay hào Phụ Mẫu không hiện lên quẻ, dụng thần không xuất hiện, nên phải ở quẻ

thuần cung Khôn “Khôn Vi Địa” lấy ra hào 2 “Phụ Mẫu Tỵ Hỏa” viết vào hào 2 bên cạnh “Quan Quỷ Dần Mộc” của quẻ “Địa Lôi Phục”. Như vậy, hào Quan Quỷ Dần Mộc là phi thần, Phụ Mẫu Tỵ Hỏa là phục thần.

1. Mối quan hệ của phục thần và phi thần

Phục khắc phi thần là xuất bạo;
Phi đến khắc phục ngược lại thương thân;
Phục đi sinh phi là tiết khí;
Phi đến sinh phục được trường sinh;
Hào gặp phục khắc phi vô sự;
Dụng thấy thi thương phục bất an;
Phi phục bất hòa là vô trợ;
Phục tàng xuất hiện xem xét nguyên nhân.

Phục thần khắc phi thần là xuất bạo. Xuất bạo, nhanh mà hung; phi thần khắc phục thần là thương thân, hào phục thần bị chế (khắc chế, khống chế), có cũng như không. Phục thần sinh phi thần là tiết khí, có hao tổn. Phi thần sinh phục thần được trường sinh. Như trên, phục thần “Phụ Mẫu Tỵ Hỏa” được phi thần “Quan Quỷ Dần Mộc” sinh, lại được nhật khóa nguyệt nhật thời tạo thành tam hội phương Đông Mộc cục Dần Mão Thìn đến sinh trợ, đây là phục thần được sinh vượng mà hữu dụng. Tháng Giáp Thân tức tháng 7 âm lịch, nguyệt lệnh xung phi thần Quan Quỷ Dần Mộc, người dụng sự đang thi đại học không còn phải chịu đau đầu, mà còn có được thành tích ưu tú thi đỗ vào trường đại học trọng điểm quốc gia, trở thành sinh viên. Là người đầu tiên làm sinh viên của cả gia tộc.

2. Phục thần hữu dụng

- Phục thần lâm nhật nguyệt kiến, trong nhật khóa thời gian dài cũng có thể là hào lâm Thái Tuế;
- Phục thần được phi thần sinh hoặc được hào vượng động đến sinh;
- Nhật nguyệt và hào động xung khắc phi thần (ngoại trừ phi thần là nguyên thần của phục thần ra).
- Phục Thần được nhật, nguyệt kiến sinh;
- Phi thần Không Vong, phá mộ tuyệt tại nhật nguyệt (khi phi thần không phải là nguyên thần của phục thần).

3. Phục thần vô dụng

- Phục thần bị Thái Tuế, nhật, nguyệt xung phá.
- Phi thần không phải là nguyên thần của phục thần lại vượng tướng tại nhật nguyệt hoặc được hào lâm nhật nguyệt động mà sinh phù.
- Phục thần hưu tù tử tuyệt lại không được sinh phù;
- Phục thần nhập mộ tại nhật nguyệt của phi thần;

Phục thần là dụng thần, cát hung và sinh khắc tương đồng với dụng thần thông thường, nhưng không tương đồng là: trong đó các hào khác đối với tác dụng sinh khắc của phục thần cần thông qua một tầng "ngăn cách" của phi thần mới có thể phát huy hết tác dụng. Ví dụ như phục thần là Hỏa, phi thần là Mộc, kỵ thần là Thủy khắc Hỏa, trừ khi Thủy đặc biệt vượng, Hỏa Mộc đặc biệt suy, nếu không kỵ thần Thủy sẽ rất khó khắc thương phục thần Hỏa. Lại có phục thần là Hỏa, phi thần Thủy là kỵ thần, trừ khi phục thần được nhật nguyệt sinh, mà phi thần Thủy hưu tù Không Phá hoặc bị nhật nguyệt động lại khắc chế, phục thần rất khó xuất hiện. Bởi vì, nếu như phi thần là kỵ thần của phục thần, phi thần sẽ giống như đè trên đầu của phục thần một con dao sắc, phi thần được sinh vượng, phục thần làm gì mà xuất hiện cho được? Cho nên, sự ảnh hưởng của phi thần đối với phục thần đương nhiên là rất lớn.

TIẾT 4: DỤNG THẦN LƯƠNG HIỆN

Sau khi lập xong quẻ dụng sự nhật khóa, có dụng thần phục tàng không xuất hiện, cần mượn dụng thần đến để giải quyết. Nhưng đối với dụng thần lưỡng hiện, thì phải lấy hào nào để làm dụng thần? Khi dùng Chu Dịch bát quái dự đoán sự vật, nguyên tắc chọn dùng thông thường là: Chọn lấy vượng tướng, bỏ hưu tù, bỏ nguyệt phá, nhật phá; dùng hào động, không dùng hào tĩnh, chọn không bị xung khắc hình thương, bỏ hào bị mộ xung khắc hình thương; lục thần tương đồng, có ở hào Thể hoặc hào Ứng, lấy hào Thể hào Ứng làm dụng thần.

Quẻ dụng sự nhật khóa và quẻ dự đoán sự việc có sự khác nhau. Nếu như trong quẻ dụng thần lưỡng hiện, có thể nhận thấy trong quẻ khóa này loại dụng thần này nhiều, nếu nhật khóa tạo táng hoặc cầu tài, trong quẻ có hai tài, nhận thấy nhật khóa có dụng thần lưỡng hiện, bởi vì hào Tài cũng là dụng thần của nhật khóa tạo táng, cầu tài, ứng với tài càng nhiều càng tốt. Không cần biết là ở hào nào, ở nội quái hay ngoại quái, hào Tài được sinh

vượng, gia chủ đều có được lợi ích. Hào Tài bị khắc, gia chủ đều bị thoái tài hoặc nữ đình gặp họa; ở ngoại quái ứng với thoái tài bên ngoài hoặc nữ đình ở ngoại địa gặp họa, ở nội quái ắt ứng với nội địa hoặc trong nhà thoái tài hoặc nữ đình ở trong nhà gặp họa. Cho nên, dụng sự nhật khóa dụng thần lưỡng hiện, đều là hào dụng thần của nhật khóa, đồng thời cùng chọn lấy dùng. Đây là điểm không giống với phương pháp chọn dụng thần dự đoán sự việc.

Ví dụ: Lấy giờ Tý ngày 15 tháng 11 năm Giáp Tuất năm 1994 âm lịch xây lên tầng 2 Căn kiem Sứ trạch. Lập được quẻ năm dụng sự quẻ chủ "Phong Hỏa Gia Nhân", quẻ biến "Phong Sơn Tiệm", hào sơ phát động.

Tháng Tý ngày Đinh Sửu

Gia Nhân			Tiệm		
—	Huỳnh	Đệ Mão mộc	—	Huỳnh	Đệ Mão mộc
Ư	—	Tử Tôn Ty hỏa	—	Tử Tôn	Ty hỏa
--	Thê	Tài Mùi thổ	--	Thê	Tài Mùi thổ
—	Phụ	Mẫu Hợi thủy	—	Quan	Quỷ Thân kim
T	--	Thê Tài Sửu thổ	--	Tử	Tôn Ngọ hỏa
—	Huỳnh	Đệ Mão mộc	--	Thê	Tài Thìn thổ

Quẻ nhật khóa, quẻ chủ Phong Hỏa Gia Nhân, hào 2 Sửu Thổ tri Thế, hào 4 Mùi Thổ, đều là hào Thê Tài, là hào dụng thần của nhật khóa. Bây giờ hào thế Thê Tài Sửu Thổ là hào lâm nhật kiến, theo quy tắc thường quy chọn lấy dụng thần, chỉ chọn dùng hào Thế, nên không chọn hào 4 Thê Tài Mùi Thổ lâm nhật phá. Nhưng quẻ nhật khóa ắt không giống. Giờ hào 2, hào Thế Thê Tài Sửu Thổ và hào 4 Thê Tài Mùi Thổ bị Hào sơ Huỳnh Đệ Mão Mộc động đến khắc, có thông tin nữ chủ nhân gặp họa hoặc thoái đại tài. Bởi vì dụng thần lưỡng hiện đều là bị hào xung phá bị khắc phục, rõ ràng xuất hiện thông tin thoái tài trong ngoại, ứng với hai lần thoái tài. Vì kỵ thần vượng, thoái đại tài hoặc nữ đình gặp họa.

Năm đó tháng 12 là tháng Sửu, hào 4 Thê Tài Mùi Thổ lại bị nguyệt lệnh thật sự xung phá, con của gia chủ ở ngoại địa cầu tài ngược lại lại bị thoái tài tới 2 nghìn vạn. Tháng 2 âm lịch năm 1995, kỵ thần Mão Mộc trực phùng đương lệnh, nữ chủ nhân khi

rời khỏi nhà đi rút tiền từ sổ tiết kiệm cách nhà tầm hơn 100 mét, rút 2 vạn tệ tiền mặt muốn mua chút đồ đạc trong nhà, trên đường về nhà bị cướp ngay giữa ban ngày ban mặt, mất một món tiền lớn. Sau mặc dù có báo án, nhưng không cách nào lấy lại được.

Có thể thấy, hào động thần nào một khi đã bị khắc phá, không cần biết là nội quái hay ngoại quái, đối với gia chủ đều bất lợi, đối với Lục thân bất lợi. Cho nên, nhật khóa có dụng thần lưỡng hiện, đều nên ứng với nguyên nhân để lựa chọn dụng thần.

TIẾT 5: TIẾN THẦN VÀ THOÁI THẦN

Vạn vật trên thế gian này đều không ngừng vận động. Có động tất sẽ có biến hóa, biến hóa sẽ lại có hiện tượng tiến và thoái. Trong quẻ nhật khóa, các dụng thần sau khi động biến, sẽ chia ra là tiến thần và thoái thần. Tiến thần, hào động mà hóa tiến, như Dần hóa Mão, Tỵ hóa Ngọ, Thân hóa Dậu, Hợi hóa Tý, Sửu hóa Thìn, Thìn hóa Mùi, Mùi hóa Tuất. Tiến thần, biểu thị sự vật không ngừng tiến lên, không ngừng phát triển, phát triển mạnh mẽ, phát đạt hưng thịnh, sinh cơ. Thoái thần, là hào động mà hóa thoái, như Mão hóa Dần, Ngọ hóa Tỵ, Dậu hóa Thân, Tý hóa Hợi, Tuất hóa Mùi, Mùi hóa Thìn, Thìn hóa Sửu. Thoái thần biểu thị cho hiện tượng sự vật dần dần biến hóa đến thoái, cũng là hiện tượng sự vật dần dần biến hóa suy bại. Tiến thần và thoái thần có hỷ có kỵ, cát thần phải hóa tiến, hung thần thì phải hóa thoái.

Trong dụng sự nhật khóa, tiến thần thoái thần của hào Lục thân lại phân ra thật giả. Cát thần chân tiến thần và kỵ thần chân tiến thần, ắt được đại phúc; cát thần giả tiến thần và kỵ thần giả tiến thần, ắt ích nhỏ hoặc khó có được ích lợi. Phân chia chân giả tiến thần và thoái thần như sau:

1, Hóa thần vượng tướng tại nhật nguyệt, động vượng tướng mà hóa vượng tướng, là chân tiến thần. Như tháng 1,2 hoặc tháng Hợi Tý được hào động Dần hóa Mão, Dần Mão Mộc vượng tướng tại nguyệt lệnh hóa tiến, là chân tiến thần.

2, Hóa thần hưu tù tại nhật nguyệt, động hưu tù mà hóa hưu tù mà tiến, là giả tiến thần. Như tháng 5,6 hoặc tháng 7,8 được hào động Dần hóa Mão, Dần Mão Mộc hưu tù tại nguyệt lệnh, mặc dù hóa tiến nhưng cũng là giả tiến thần.

3, Hóa thần tương vượng tại nhật nguyệt hoặc được hào động sinh phù, thừa thế mà thoái, là giả thoái thần. Như ở tháng 1,2 hoặc tháng 10,11 được hào Mão hóa Dần, Dần Mão Mộc vượng

tướng tại nguyệt lệnh, mặc dù hóa thoái, nhưng không giảm vượng khí. Vẫn bảo đảm cục diện hưng vượng, cho nên, đây là giả thoái thần.

4, Hóa thần hưu tù hoặc bị khắc tại nhật nguyệt, hoặc khi Không Vong, khi nhập mộ khố, khi động hưu tù hóa hưu tù mà thoái, đây là chân thoái thần. Như tháng 5,6 hoặc tháng 7,8 đắc lệnh hào Mão hóa Dần, Dần Mão Mộc hưu tù và hào khắc tại nguyệt lệnh, hóa thoái, là chân thoái thần.

Hề là dụng thần, nguyên thần nên là chân tiến thần, giả thoái thần, là cát; hề là kỵ thần, cừu thần nên là chân thoái thần, giả tiến thần là gặp tai họa nhỏ; dụng thần, nguyên thần là chân thoái thần và kỵ thần, cừu thần là chân tiến thần, giả thoái thần là không cát, xảy ra họa lớn.

Ví dụ: Lấy giờ Dần ngày mùng 3 tháng 11 năm Nhâm Tuất năm 1982 âm lịch dọn vào ở Càn trạch. Lập được quẻ thời gian dài được quẻ chủ "Tồn", quẻ biến "Di". Hào 2 phát động

Tháng Tý ngày Giáp Tuất

Tồn	Di
Ư — Quan Quỷ Dần mộc	— Quan Quỷ Dần mộc Vũ
— Thê Tài Tý thủy	— Thê Tài Tý thủy Hổ
— Huynh Đệ Tuất thổ	— Huynh Đệ Tuất thổ Xà
T — Huynh Đệ Sửu thổ Tử Thân	— Huynh Đệ Thìn thổ Câu
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Dần mộc Tước
— Phụ Mẫu Ty hỏa	— Thê Tài Tý thủy Long

THỔ

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này hào 2 kỵ thần Quan Quỷ Mão Mộc động hóa Quan Quỷ Dần Mộc là thoái thần. Nhưng Quan Quỷ Dần Mão Mộc vượng tướng tại nguyệt lệnh, là giả thoái thần, đồng thời vẫn bảo đảm được khoảng vượng khí. Hào Thế Huynh Đệ Sửu Thổ hóa Thìn Thổ, là tiến thần, nhưng hóa xuất Thìn Thổ phá tại nguyệt kiến, hưu tù tại nguyệt lệnh, là giả tiến thần. Hào Thế bị hào giả thoái thần Quan Quỷ Mộc khắc sát, hào Thế hữu tửu vô sinh. Hào Thế là gia chủ, gia chủ bị khắc, là khóa khắc chủ tồn nhân đình, tháng 12 năm dụng sự lão chủ nhân chết vì bệnh tật. Năm Giáp Tuất 1994, thiếu chủ nhân cũng mất mạng, hưởng thọ 47 tuổi.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Hung cát của hào tiến thần và thoái thần lấy hỷ kỵ để phán đoán phân biệt. Hễ dụng thần, nguyên thần hóa tiến thần không bị xung khắc là cát, hóa thoái thần không được sinh phù là thứ cát. Hễ kỵ thần, cừu thần hóa tiến thần không bị xung khắc tất hung, hóa thoái thần mà là chân thoái thần lại không được sinh phù ắt thứ hung. Dụng thần, nguyên thần hóa chân tiến thần, hóa giả thoái thần cát, kỵ thần cừu thần hóa chân tiến thần, giả thoái thần thì không cát.

Sách được phân phối qua kênh FB cá nhân **"Vũ Phác"** và fanpage **"Nhà Sách Vũ Phác"**, trang web **vuphac.com**. Mọi fanpage bán các đầu sách chuyển ngữ bởi Vũ Phác khác ngoài các kênh trên đây hoàn toàn là giả mạo, xin quý vị độc giả hãy lưu ý. Đây là 1 hành động đáng bị lên án và vi phạm đạo đức nghiêm trọng, ăn cắp chất xám và công sức lao động của Vũ Phác. Thậm chí thô bạo và trắng trợn hơn họ còn nhận đó là sách gốc và họ chính là đại lý phân phối của Vũ Phác, điều này hoàn toàn là bịa đặt! Quý vị độc giả hãy liên hệ mua sách của Vũ Phác để dịch giả có động lực để chuyển ngữ được nhiều tác phẩm hay hơn đóng góp cho nền Huyền học của nước nhà!

Mọi thắc mắc xin liên hệ với Vũ Phác qua facebook **"Vũ Phác"** hoặc qua SĐT/Zalo: 0972 831 075.

Trân trọng!

CHƯƠNG 5: TUẾ PHÁ, NGUYỆT PHÁ, NHẬT PHÁ VÀ SINH VƯỢNG MỘ TUYỆT

1. TUẾ PHÁ, NGUYỆT PHÁ

Trong quẻ nhật khóa hào Lục thân bị Tuế chi xung phá, gọi là Tuế phá; bị nguyệt chi xung phá, gọi là Nguyệt phá. Đa phần hễ hào bị Thái Tuế, nguyệt lệnh sinh hợp thì là cát, dụng thần hưu tù lại còn bị Thái Tuế nguyệt lệnh xung phá khắc hại là đại hung. Hào Lục thân nào bị Thái Tuế nguyệt lệnh xung phá đa phần là hào vô dụng, hào Lục thân ở đó đa phần không cát, nhẹ thì gặp họa, nặng thì gặp chuyện hung hiểm phá thân.

Trong nhật khóa hào Thế là nền móng, là gia chủ, rất kỵ bị Thái Tuế nguyệt lệnh xung phá. Dụng thần bị Thái Tuế nguyệt lệnh xung phá, như cây gỗ khô mục, gặp sinh sinh không nổi, gặp thương càng thương nghiêm trọng hơn. Đối với dụng sự nhật khóa thời gian dài, chỉ cần không gặp Thái Tuế phá, nếu gặp nguyệt lệnh phá, có nhật kiến hoặc hào động sinh phù, mặc dù nguyệt lệnh đang phá, ra khỏi nguyệt lệnh sẽ không phá nữa, gặp nguyệt lệnh hợp ắt không phá. Chỉ có tĩnh mà không động, lại không có nhật thần hào động đến sinh trợ, là chân phá, chân phá ắt càng hung hơn. Cho nên, dụng thần, hào Thế của quẻ dụng sự nhật khóa đều kỵ bị Thái Tuế phá, nguyệt lệnh phá. Thái Tuế xung phá, chủ yếu gặp hung hiểm, sẽ là một năm khó khăn. Thái Tuế nguyệt lệnh phá kỵ nhất là Tý Ngọ, Dần Thân, Mão Dậu, Tỵ Hợi xung phá, nếu nền móng bị xung phá, như cây gỗ khô mục, dần dần chết, gặp sinh sinh không nổi, gặp thương phá càng suy hơn. Dụng thần đến Thái Tuế nguyệt lệnh xung phá ắt hung, kỵ thần đến Thái Tuế nguyệt lệnh xung phá ắt cát; nguyên thần đến Thái Tuế nguyệt lệnh xung phá, chuyện tốt khó kéo dài, phục thần đến Thái Tuế nguyệt lệnh xung phá khó mà dùng, phi thần khi không phải nguyên thần của phục thần, đến Thái Tuế nguyệt lệnh xung phá, phục thần dễ xuất hiện. Tháng Thìn thì Tuất phá, tháng Tuất thì Thìn phá, tháng Sửu thì Mùi phá, tháng Mùi thì Sửu phá, vì Thổ có ý xung động kích vượng, cho nên hào Thổ xung có ý xung vượng, Thổ phá không hẳn phải kỵ, nhưng tất cả không bị xung phá vẫn là tốt nhất.

Hào của nguyệt lệnh phá, nếu không có nhật thần, hào động sinh phù, ngược lại bị khắc phục, hoặc gặp mộ hóa mộ, gặp Không hóa Không, hóa hồi đầu khắc, là chân phá, khi được ra khỏi nguyệt lệnh, hào cũng vô dụng.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ: Huyện Đăng Quảng Đông có một trạch sự tự chọn giờ Ngọ ngày 20 tháng 10 năm Kỷ Mão năm 1999 âm lịch tu tạo nhà bếp tại hướng Đông.

Nhật khóa: Kỷ Mão Ất Hợi Quý Mùi Mậu Ngọ

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Trạch Thiên Quải", quẻ biến "Lôi Thiên Đại Tráng", hào 5 phát động.

Quải	Đại Tráng
-- Huynh Đệ Mùi thổ	-- Huynh Đệ Tuất thổ Hổ
T -- Tử Tôn Dậu kim	-- Tử Tôn Thân kim Xà
-- Thê Tài Hợi thủy	-- Phụ Mẫu Ngọ hỏa Câu
-- Huynh Đệ Thìn thổ	-- Huynh Đệ Thìn thổ Tước
Ư -- Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ty	-- Quan Quỷ Dần mộc Long
-- Thê Tài Tý thủy	-- Thê Tài Tý thủy Vũ

THỔ

Không Vong: Thân, Dậu

Quẻ khóa này hào Thế Dậu Kim là gia chủ, hưu tù tại nguyệt lệnh lại động mà hóa thoái, là chân thoái thần. Giờ còn phát động khắc hào Ứng Quan Quỷ Dần Mộc vượng tướng, hình thành phản khắc, chủ ắt bị thương. Hào Thế lại có hào Thái Tuế Mão Mộc tam hợp cục đến xung phá, hào Thế vào tử tuyệt, khóa này ắt tổn hại gia chủ không chút nghi ngờ, sau khi dụng sự ngày thứ 3 ngày Ất Dậu, hào Thế trực phùng bị Thái Tuế phá, gia chủ mất mạng.

2. TÁC DỤNG CỦA NHẬT THẦN VÀ NGUYỆT KIẾN ĐỐI VỚI HÀO

Dụng sự nhật khóa địa chi của ngày dụng sự còn gọi là nhật thần, hay là nhật kiến hoặc nhật lệnh. Nhật thần là đế chủ của một ngày, có cùng công năng quyền thế như nguyệt kiến, và cùng quyết định sự vượng suy cường nhược của hào như nguyệt kiến. Nguyệt lệnh và nhật kiến là cơ sở quan trọng trong việc đo lường mức độ mạnh yếu của hào.

Kết quả tác dụng của nguyệt kiến và nhật lệnh đối với hào trong quẻ như sau:

1, Nhật nguyệt có ngũ hành tương đồng, hào nào lâm nhật nguyệt sẽ rất vượng;

2, Nhật nguyệt sinh trợ cho hào nào thì lực lượng của hào đó vô cùng cường đại, những hào động khác khó mà khắc chế được hào đó. Nếu hào đó bị hào động khắc hoặc hóa hồi đầu khắc, gặp họa mức độ nhẹ hoặc ứng kỳ còn lâu mới đến.

3, Nhật nguyệt đều khắc tổn hào, nếu hào đó vừa không vượng động vừa không có hào thông quan sinh trợ thì hào đó bị thương tổn nghiêm trọng vô cùng; hào đó không chỉ không thể phát sinh tác dụng với các hào khác, mà nếu hào đó bị hào động khắc, tai họa nghiêm trọng mà ứng kỳ đến còn nhanh nữa.

4, Hào gặp nguyệt khắc nhật sinh, hoặc nguyệt sinh nhật khắc, lực lượng cơ bản có thể tương đương nhau. Hào đó nếu được hào động trong quẻ sinh trợ ắt được vượng cường, nếu bị hào động trong quẻ xung khắc, sẽ chuyển nhược, yếu.

3. ÁM ĐỘNG VÀ NHẬT PHÁ

Trong quẻ, hào tĩnh vượng tướng, bị nhật thần xung là ám động; trong quẻ, hào tĩnh hưu tù không vượng, bị nhật thần xung là nhật phá.

Dụng thần gặp nhật phá là bất lợi đối với dụng thần. Hào bị nhật phá nếu có căn có khí, thì ra khỏi nhật phá sẽ không phá nữa. Hào mà hưu tù lâm Không Vong bị nhật phá, không được hào động đến sinh là chân phá, cần đợi thời mới dùng.

Ám động, coi là chưa động, thực tế đã động rồi, chỉ là ẩn tàng không hiện rõ thôi. Động ắt có lực, và cũng giống y như hào minh động, có khả năng biến hóa như hào minh động. Tượng của hào ám động phản ánh trong cuộc sống như là phúc đến mà không biết, họa đến mà không hay, đặc biệt là chuyện hung họa tai họa, bởi vì không dễ gì mà cảm nhận để biết được, khó mà đề phòng. Do đó, dụng thần, nguyên thần ám động không bị khắc phá ắt cát, kỵ thần ám động mà lại còn không có nguyên thần minh động ám động thông quan ắt hung. Phục thần ám động dễ xuất hiện, nhưng phi thần ám động khắc chế phục thần thì không cát.

4. TÙY QUỶ NHẬP MỘ

Xưa có nhật mộ, động mộ, hóa mộ đó là tam mộ. Nếu Mộc sinh trưởng tại Hợi, vượng tại Mão, mộ tại Mùi; Kim sinh trưởng tại Ty, vượng tại Dậu, mộ tại Sửu; Thủy sinh trưởng tại Thân, vượng tại Tý, mộ tại Thìn; Hỏa sinh trưởng tại Dần, vượng tại Ngọ, mộ tại Tuất, lại cũng có sách nói, Thổ ký sinh tại Thủy, nên cũng lấy Thổ sinh trưởng tại Thân, vượng tại Tý, mộ tại Thìn. Có hào Thế tùy Quỷ

nhập mộ, có dụng thần tùy Quỷ nhập mộ, quái thân tùy Quỷ nhập mộ, thế thân tùy Quỷ nhập mộ. Nếu dụng sự ngày Mùi tháng Mùi, được quẻ "Thủy Địa Tỷ", hào Thế là Mão Mộc, thì hào Thế tùy Quỷ nhập mộ, là người làm quan đề phòng có tai họa mất chức giáng chức, hoặc khó có người làm quan quý xuất hiện. Nhưng nếu hào Thế vượng, hoặc được tài động sinh Thế, nguyệt niên xung mộ hưng gia. Nhưng nếu hào Thế Không Vong phá hư tù, ất gia phá thân suy. Xưa có nói: Thân cư mộ khố, nạn hữu ly khởi chi thời.

5. VÔ QUỶ VÔ KHÍ VÀ TRỢ QUỶ THƯƠNG THÂN

Hễ trong quẻ không có hào Quan Quỷ, là nhật vô khí.

Quỷ, vô hình mà hữu dụng, trong quẻ không thể không có, nên tĩnh không nên động, trừ quẻ nhật khóa xuất hành không có hào Quan Quỷ là cát ra, hễ là dụng sự nhật khóa tu tạo, kết hôn,... Đều cần có hào Quan Quỷ xuất hiện mới cát. Bởi vì Quan Quỷ có thể giúp xuất quan viên, có thể khắc chế Huynh Đệ là thần kiếp tài. Trong quẻ không có hào Quan Quỷ khó mà phú quý. Huynh Đệ thần kiếp tài làm chuyện ác không bị khống chế, trong nhà khó mà có được ngày nào bình yên. Nhưng lại không nên có Quỷ động Tài động mà thương Huynh, bất lợi với Huynh Đệ. Nếu hào Huynh Đệ là hào Thế, càng không nên có Tài động trợ Quỷ thương thân. Hễ quẻ có Quỷ khắc Thân khắc Thế, Tài không nên động trợ giúp Quỷ, Quỷ suy ất hung tai hữu hạn, nhưng có Tài động trợ giúp Quỷ ất Quỷ vượng tướng, hung càng thêm hung. Nhưng nếu có Tử Tôn phát động giải cứu, có thể phản hung thành cát, chuyển họa thành phúc.

6. TỬ THỜI SINH VƯỢNG

Dụng sự nhật khóa diễn giải thành các quẻ, có vượng suy của quái tượng, của hào. Dụng sự nhật khóa thời gian ngắn thì dùng nguyệt lệnh, nhật kiến để phân biệt; dụng sự nhật khóa thời gian dài, trừ dùng nguyệt lệnh, nhật kiến phân biệt ra, còn phải dùng Thái Tuế để đo lường. Trong quẻ dụng thần, quái tượng sinh vượng ất cát, hư tù tử tuyệt ất hung. Lưu niên Thái Tuế, tứ quý tiết lệnh, nhật nguyệt kiến, trong dự đoán nhật khóa vô cùng quan trọng, chúng là căn cứ quan trọng trong đo lường vượng suy của quái tượng, hào tượng.

Nhật nguyệt niên Dần Mão, ngũ hành Mộc đương lệnh, ngũ hành Hỏa vượng tướng, ngũ hành Thổ vào tử địa, các ngũ hành khác hư tù.

Nhật nguyệt niên Ty Ngọ, ngũ hành Hỏa đương lệnh, ngũ hành Thổ vượng tướng, ngũ hành Kim vào tử địa, các ngũ hành khác hưu tù.

Nhật nguyệt niên Thân Dậu, ngũ hành Kim đương lệnh, ngũ hành Mộc vượng tướng, ngũ hành Hỏa vào tử địa, các ngũ hành khác hưu tù;

Nhật nguyệt niên Hợi Tý, ngũ hành Thủy đương lệnh, ngũ hành Mộc vượng tướng, ngũ hành Hỏa vào tử địa, các ngũ hành khác hưu tù.

Nhật nguyệt niên Thìn, Thìn Thổ đương lệnh, Kim là vượng tướng, Mộc khí hữu dư, Thủy nhập mộ, các ngũ hành khác hưu tù.

Nhật nguyệt niên Mùi, Mùi Thổ đương lệnh, Kim vượng tướng, Hỏa khí hữu dư, các ngũ hành khác hưu tù.

Nhật nguyệt niên Tuất, Tuất Thổ đương lệnh, Kim vượng tướng, Hỏa nhập mộ, các ngũ hành khác hưu tù;

Nhật nguyệt niên Sửu, Sửu Thổ đương lệnh, Thủy khí hữu dư, Kim nhập mộ, các ngũ hành khác hưu tù.

Còn có dùng "Bảng nhật can sinh vượng tử tuyệt" tra vượng suy của hào.

Trong quẻ nhật khóa, các dụng thần là hào lâm Thái Tuất, nguyệt lệnh nhật kiến, đắc phúc bất thiển (được phúc lâu dài), phát đạt lâu dài. Được Thái Tuất, nguyệt lệnh, nhật kiến sinh vượng ắt cát; nếu vào nơi hưu tù thì bình thường; nếu Thái Tuất, nguyệt lệnh, nhật kiến xung hình khắc hại, lại vào nơi tử tuyệt là hung. Dụng thần nhập mộ, nếu là vượng tướng, xung khởi ắt cát, nếu vào tử địa, xung hình thì hung.

CHƯƠNG 6: HÀO LỤC THÂN HÌNH XUNG HÓA HỢP TRONG NHẬT KHÓA

1. LỤC HỢP CỦA HÀO

Lục hợp, là Tý hợp với Sửu, Dần hợp với Hợi, Thìn hợp với Dậu, Tỵ hợp với Thân, Ngọ hợp với Mùi, Mão hợp với Tuất của hào. Dưới tình hình thông thường, hóa hợp là cát, có nghĩa là tương hợp tương hảo. Ứng đến hợp với Thế, là tha đến hợp với ngộ. Thế khứ (đi) hợp với Ứng, là ngộ khứ hợp với tha. Trong Lục hợp có hợp trung hữu khắc, có hợp trung hữu sinh. Hợp trung hữu sinh là Dần hợp với Hợi, Thìn hợp với Dậu, Ngọ hợp với Mùi; hợp trung hữu khắc là Tý hợp với Sửu, Mão hợp với Tuất, Tỵ hợp với Thân. Lục hợp lại chia ra có hợp trung vọng hình, hợp trung vọng khắc và hợp trung vọng sinh.

Trong thực tế phát hiện, lục hợp của hào, có lúc cũng không cát, cần dựa theo tình hình cụ thể để nói. Hợp khứ (mất) hung thần ắt cát, hợp khứ với dụng thần ắt không cát. Kỵ thần phát động cùng nguyệt lệnh nhật kiến và hào lục hợp, chỉ tham hợp mà quên khắc nghĩa là cát; nhưng dụng thần bị nguyệt lệnh nhật kiến xung động vị trí hào hợp, dụng sự nhật khóa chậm thành hoặc khó thành hoặc có xuất hiện điềm báo không cát. Nếu đang là người làm quan, kỵ thần Quan tinh động mà hóa hợp, mặc dù không khắc thương Huynh Đệ thủ túc, nhưng vì hợp mất Quan tinh, khiến cho người dụng sự mất chức giáng chức.

Ví dụ: Chọn lấy giờ Mão ngày 27 tháng 12 năm 1993 âm lịch dọn vào nhà mới (Khảm trạch), lập được quẻ gồm quẻ chủ "Sơn Hỏa Bí", quẻ biến "Cấn Vi Sơn", hào sơ phát động.

Tứ trụ: Quý Dậu Ất Sửu Giáp Dần Đinh Mão

Bí

Cấn

— Quan Quỷ Dần mộc

— Quan Quỷ Dần mộc Vũ

-- Thê Tài Tý thủy

-- Thê Tài Tý thủy Hổ

Ư -- Huynh Đệ Tuất thổ

-- Huynh Đệ Tuất thổ Xà

— Thê Tài Hợi thủy Tử Thân

— Tử Tôn Thân kim Câu

-- Huynh Đệ Sửu thổ Phụ Ngọ

-- Phụ Mẫu Ngọ hỏa Tước

T — Quan Quỷ Mão mộc

-- Huynh Đệ Thìn thổ Long

THỔ

Không Vong: Tý, Sửu

Hào Thế Quan Quỷ Mão Mộc, mặc dù được nhật kiến vượng, nhưng bị Thái Tuế xung phá, đã là không cát rồi, giờ còn phát động mà tương hợp với hào 4 âm Huỳnh Đệ Tuất Thổ, hóa hợp mặc dù tham hợp mà quên khắc Huỳnh Đệ, nhưng hợp mất Quan tinh, gia chủ ắt có họa mất chức giáng chức. Ứng kỳ từ tháng 8 đến tháng 9 năm 1994 âm lịch ứng nghiệm, gia chủ sau khi nhập trạch đến tháng 8 năm giáp Tuất 1994 xuất hiện thị phi kiện tụng mà vào tháng 9 thì bị cách chức.

Nhật khóa xuất hành cũng y như vậy, nếu hào Thế động và cùng nhật thần hóa hợp, xuất hành ắt gặp chuyện ngăn trở bức dọc mà không nên xuất hành lúc này. Từ đa số quẻ nhật khóa cầu tài, mặc dù hào Tài tri Thế, nhưng hào Tài động cùng với hào Ứng hóa hợp, là bị đối phương hợp mất Tài, ắt là cầu tài không thành hoặc khó thành. Cho nên, lục hợp của hào, có chia ra hỷ kỵ, cần dựa vào tình hình thực tế mà tỉ mỉ phân tích. Lục hợp của hào, nếu là cát xung hợp ắt cát, nếu là hung xung hợp ắt xảy ra tai họa.

2. LỤC XUNG CỦA HÀO

Lục xung của hào, là hào Tý Ngọ tương xung, Dần Thân tương xung, Mão Dậu tương xung, Thìn Tuất tương xung, Sửu Mùi tương xung, Tỵ Hợi tương xung. Dưới tình hình thông thường, Lục xung là không cát, một khi xung sẽ phá, một khi xung sẽ tán, đặc biệt là dụng thần bị xung khắc càng là không cát. Đặc biệt khi hào Thế bị Thái Tuế, nguyệt lệnh xung phá càng đại hung hơn nữa. Nhưng lục xung cũng có cát, cát ở những phương diện dưới đây:

1, Phục thần không xuất hiện, xung đuổi phi thần đi, phục thần được xuất hiện là cát;

2, Xung đuổi kỵ thần, hung thần đi là cát;

3, Xung mở mộ khố, xung động Mã tinh là cát.

Đây đa phần là chỉ nhật khóa chỉ có một dụng thần, còn đối với nhật khóa từ 2 dụng thần, thì cần phải phân tích tỉ mỉ.

Lục hợp và Lục xung, là nhật kiến nguyệt lệnh xung hợp, hào động xung hợp. Nói tóm lại, Lục hợp là cát, Lục xung là hung. Nói từ quái tượng, chuyện tốt Lục hợp là cát, Lục xung là hung; chuyện xấu Lục xung là cát, Lục hợp là hung. Chuyện tốt Lục xung biến Lục hợp là trước xấu sau tốt, Lục hợp biến Lục xung là trước tốt sau xấu, Lục xung biến Lục xung là trước sau đều xấu. 8 quẻ thuần

đều là quẻ Lục xung, Càn, Đoài, Chấn 3 quẻ này là quẻ địa khố tương xung hơi cát. Còn Ly, Chấn, Khôn, Cấn 4 quẻ này là hào Ứng xung khắc hào Thế, cho nên là thứ cát; quẻ Khôn là Thế xung khắc Ứng, là mình đi xung khắc đối phương, nếu hào Thế vượng tướng tại nguyệt lệnh nhật kiến, là cát; nếu ở nguyệt lệnh nhật kiến hào Ứng vượng Thế suy, sẽ xuất hiện phản xung khắc, là không cát. Bởi vì trong quẻ dụng sự, hào Thế là gia chủ, hào Ứng là nhà cửa phòng ốc, là người khác, Ứng xung khắc Thế, đối với ngày sau của gia chủ có sát cơ họa ám tàng, cho nên dùng quẻ Lục xung cần đặc biệt thận trọng.

Lục xung của hào ở hai quẻ chủ biến, còn gọi là phản ngâm. Phản ngâm chủ kêu ca bất an, có chia ra nội quái và ngoại quái phản ngâm, cũng có toàn bộ 6 hào đều phản ngâm. Nội quái phản ngâm nội bất an, ngoại quái phản ngâm ngoại bất an, nội ngoại phản ngâm là nội ngoại bất an, quẻ phản ngâm trong dụng sự nhật khóa cực ít xuất hiện, cho nên chỉ viết một chút đến đây thôi.

3. TAM HỢP CỤC CỦA HÀO

Tam hợp hóa cục là Thân Tý Thìn tam hợp Thủy cục, Tỵ Dậu Sửu tam hợp Kim cục, Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa cục, Hợi Mão Mùi tam hợp Mộc cục.

Tam hợp hóa cục có các loại sau:

- 1, Quẻ có hai hào động cùng nguyệt kiến hoặc nhật kiến hợp cục;
- 2, Trong quẻ có một hào động cùng hào nguyệt kiến, hào nhật kiến hợp cục;
- 3, Trong quẻ có 3 hào động mà hóa hợp thành cục;
- 4, Nội quái hào sơ, hào 3 động và hào biến xuất ra mà hợp cục;
- 5, Ngoại quái hào 3, hào 6 động và biến xuất ra hào mà hợp cục.

Tam hợp hóa cục, phải có đủ 3 chữ Thân Tý Thìn mới thành cục. nhiều một chữ hoặc ít một chữ tạm thời không thể thành cục. Thiếu một chữ phải đợi thời cơ hợp mà điền vào hợp thành cục; nhiều một chữ, phải đợi sau khi có một hào lục hợp khác đến hợp mới thành cục được. Như Thân Tý Thìn cục, trước mắt có hai chữ Thân Tý rồi, phải đợi nguyệt lệnh nhật kiến Thìn nữa mới thành cục, những nguyệt lệnh nhật kiến khác không thành cục được. Còn nếu có 2 chữ Tý, cũng không thành cục được, chỉ có: 1, cần 1 chữ Tý trong đó động cùng hào chữ Sửu khác hoặc sau khi lục hợp với hào nguyệt lệnh nhật kiến chữ Sửu khác, chỉ còn lại đúng 3 chữ

Thân Tý Thìn mới có thể thành cục; 2, Phải đợi sau đó gặp được nguyệt lệnh nhật kiến Sửu mới có thể thành cục, những nguyệt lệnh nhật kiến khác không thành cục được; 3, Trong tam hợp hóa cục có một chữ là Không Vong và phá, đợi đến ngày điền được vào đó mới thành cục được, có một hào nhập mộ, đợi nguyệt lệnh nhật kiến xung mở mộ mới thành cục được.

Ví dụ như dùng dụng sự nhật khóa ngày Mậu Thìn tháng Giáp Thân âm lịch, được quẻ “Chấn Vi Lô”, hào sơ dương phát động.

Chấn

T	--	Thê Tài	Tuất thổ
	--	Quan Quỷ	Thân kim
	—	Tử Tôn	Ngọ hỏa
Ư	--	Thê Tài	Thìn thổ
	--	Huỳnh Đệ	Dần mộc
	—	Phụ Mẫu	Tý thủy

Khóa này hào sơ Phụ Mẫu Tý Thủy phát động, cùng với nguyệt lệnh và nhật kiến tạo thành tam hợp Thân Tý Thìn ẩn tinh cục.

Tam hợp cục có cát có hung, mức độ cát hung hoàn toàn được lấy từ dụng thần, nguyên thần hợp cục hay là kỵ thần, cừu thần hợp cục. Dụng thần, nguyên thần hợp cục là cát, kỵ thần, cừu thần hợp cục thì hung. Như ví dụ trên tam hợp cục, dụng sự tại thăng quan thi thố là cát, bởi vì thăng quan thi thố lấy Quan tinh, Phụ Mẫu ẩn tinh làm dụng thần, giờ Quan vượng Phụ hưng, lại có tam hợp Quan tinh cục, cho nên là đại cát. Nhưng dùng vào nhật khóa cầu tài, thôi đinh (cầu con cái) là hung. Bởi vì nhật khóa cầu tài, thôi đinh lấy hào Tử Tôn làm nguyên thần hoặc dụng thần, giờ trong khóa có tam hợp Phụ Mẫu ẩn tinh cục khắc Tử Tôn, là khóa cầu tài vô nguyên, tài đinh không có hy vọng, mặc dù có người học cao làm quan xuất hiện, nhưng hào Tử Tôn bị khắc, ngày sau sẽ ít thì hiếm muộn con cái hoặc con cái gặp họa khó nuôi dưỡng.

Trong dụng sự nhật khóa, được hợp cục sinh vượng lục thân đắc ích, hào hợp cục xung khắc lục thân thì không được gì hoặc gặp họa. Cho nên, trong quẻ nhật khóa sau khi tam hợp hóa cục, hào lục thân bị xung khắc, nhất định phải được sinh vượng, mới có thể giảm nhẹ đi xung khắc của hợp cục, nếu có xảy ra tai họa cũng không phải họa lớn gì; nếu hào lục thân bị xung khắc còn hưu tù tử

tuyệt, hào lục thân bị hợp cục xung khắc tất gặp họa lớn hoặc chết mất mạng. Tục ngữ có nói: Tài vượng khắc Phụ Mẫu hoặc khó học cao; Tử Tôn vượng khắc Quan tinh, Quan tinh vượng khắc Huynh Đệ, Huynh Đệ bại kiếp tài, Phụ Mẫu ảm tinh vượng khắc con cái. Nếu lục thân bị khắc càng sinh vượng hoặc hóa thành tam hợp cục, có thể giảm nhẹ đi mức độ bị khắc hoặc không bị khắc nữa. Đối với nhật khóa có một hoặc chỉ có 2 loại dụng thần, lại còn là dụng thần tam hợp hóa cục, hóa Tài cục là tài vượng, hóa Tử Tôn cục là đình vượng, hóa Quan cục là Quan vượng, hóa Phụ Mẫu cục là ảm vượng, văn chương cái thế mà trường bối sống thọ:

Dụng sự nhật khóa tứ trụ cũng cấu thành tam hợp cục hoặc tam hội phương cục sinh khắc hào lục thân, lục thân của hào sinh đắc ích đắc phúc; lục thân bị khắc sẽ gặp họa gặp hung. Đối với hào tam hợp hóa cục khắc chế lục thân, ứng với tại một nhật khóa khác lấy sinh vượng hoặc tam hợp cục sinh, như vậy mới có thể cân bằng lại được vượng suy của lục thân. Nếu nhật khóa kiến trạch hào Quan tinh khắc, ở nhật khóa nhập trạch nên lấy Quan vượng để bù đắp hóa giải. Cho dù Quan tinh ở nhật khóa kiến trạch không bị khắc mà vào nơi hưu tù tử tuyệt, nhật khóa nhập trạch cũng nên lựa chọn biến pháp vượng Quan, như vậy mới tổng hợp bình hằng, mới có thể đạt được cách cục đình tài quý, điểm này là điểm rất quan trọng, là nguyên tắc quan trọng trong lựa chọn dự đoán thông tin nhật khóa.

4. TAM HÌNH CỦA HÀO

Trong nhật khóa tứ trụ và nhân mệnh tứ trụ có tam hình. Tý hình Mão, Mão hình Tý, là vô lễ chi hình; Ty hình Thân, Thân hình Dần, Dần hình Ty, là trì thế chi hình; Sửu hình Tuất, Tuất hình Mùi, Mùi hình Sửu, là vô ân chi hình; Thìn Ngọ Dậu Hợi là tự hình. Trong quái hào nhật khóa cũng có tam hình như ở trên. Tương hình, không chỉ trong quẻ nhật khóa hào động mà cấu thành, mà còn trong quẻ cùng với nguyệt lệnh, nhật kiến hoặc Thái Tuế cũng cấu thành tam hình. Tam hình cũng có Ty hình Thân, Thân hình Dần, Dần hình Ty có đủ tất cả mới gọi là tam hình, thiếu 1 chữ hoặc nhiều 1 chữ thì không phải hình, nhưng có thể đợi để điền vào hoặc hợp đi một chữ mà cấu thành tam hình. 3 Tý có thể hình 1 Mão, 1 Mão có thể hình 3 Tý. Nhưng hai Mão một Tý, một Tý hai Mão tạm thời không hình, nhưng đến khi Thái Tuế, nguyệt lệnh, nhật kiến điền vào, có thể thành tam hình.

Tam hình chủ chuyện hình hại, chủ thương hại, bệnh tật hoặc tai họa tù hình. Trong dụng sự nhật khóa, Lục thân bị hình đa phần gặp họa, ứng kỳ một khi đến sẽ xuất hiện tai họa ngay.

Ví dụ: Người họ Quân và cháu trai vào giờ Thìn ngày 23 tháng 6 năm 1995 âm lịch cũng xuất phát đến Quảng Đông thăm cha mẹ cháu trai. Lập được quẻ chủ "Sơn Lôi Di", quẻ biến "Địa Lôi Phục", hào 6 phát động.

	Niên	Nguyệt	Nhật	Thời			
Nhật khóa:	Ất Hợi	Quý Mùi	Nhâm Dần	Giáp Thìn			
Di	Phục						
—	Huỳnh Đệ Dần mộc		--	Quan Quỷ Dậu kim Hổ			
--	Phụ Mẫu Tý	thủy Tử Ty	--	Phụ Mẫu Hợi thủy Xà			
T --	Thê Tài	Tuất thổ	--	Thê Tài Sửu thổ Câu			
--	Thê Tài	Thìn thổ	Quan Dậu	--	Thê Tài	Thìn thổ	Tước
--	Huỳnh Đệ Dần mộc		--	Huỳnh Đệ Dần mộc		Long	
Ư --	Phụ Mẫu Tý	thủy	--	Phụ Mẫu Tý	thủy Vũ		
MỘC	Không Vong: Thìn, Ty						

Quẻ khóa này có hào 4 Thê Tài Tuất Thổ trị Thế, là gia chủ, cùng với hòa hóa xuất là Thê Tài Sửu Thổ và nguyệt lệnh Mùi Thổ cấu thành tam hình. Hào 5 Phục Thần Tử Tôn Ty Hỏa, cùng nhật kiến Dần Mộc tương hình, lại bị Thái Tuế xung phá, bất lợi cho gia chủ và con cái. Lại thêm hào 6 Huỳnh Đệ Dần Mộc lâm Bạch Hổ phát động lâm nhật kiến khắc hào Thế, do đó xuất hành ắt có hung thương, thoái tài và họa thị phi kiện tụng. Khi họ Quân vừa đến được đến nơi, cháu trai bị xe tông thương nặng, nhập viện tổn mất hơn 1 nghìn nhân dân tệ còn xảy ra kiện tụng với tài xế xe.

CHƯƠNG 7: CÁT THẦN HUNG SÁT VÀ LỤC THÂN QUÝ TIỆN

Trong dự đoán nhật khóa, cần luận quý tiện của hào Lục thân, trừ dùng vị trí cư trú của hào Lục thân ra (như hào 5 ở vị trí quý, hào 2 ở vị trí tiện), chủ yếu dùng Lục Mã Quý Nhân,... thần sát và Lục thân Thanh Long, Chu Tước, Câu Trần, Đằng Xà, Bạch Hổ, Huyền Vũ để phân biệt. Sau khi lập xong quẻ nhật khóa, Lục thân quý tiện lập tức thể hiện rõ ràng trong nháy mắt.

1. THIÊN ẤT QUÝ NHÂN

Giáp Mậu (Canh) Tíng Ngưu Dương (Sửu Mùi), Ất Kỷ Thử Hầu Hương (Tý Thân), Bính Đinh Trư Kê Vị (Hợi Dậu), Nhâm Quý Xà Thổ Tàng (Mão Ty), (Canh) Tân Phùng Mã Hổ (Dần Ngọ), đều là phương quý nhân.

Thiên Ất Quý Nhân là cát tinh, là tinh giải nguy, cứu trợ. Trong hào nếu Lục thân gặp Thiên Ất Quý Nhân, là Lục thân gặp nguy có người cứu, gặp khó khăn có người giúp, là gặp hung hóa cát. Khởi pháp lấy niên can, nhật can làm chủ. Như năm Giáp hoặc ngày Giáp, lập được quẻ dụng sự nhật khóa hào Thế là Sửu Thổ, Mùi Thổ, hoặc Lục thân nào khác là Sửu Thổ, Mùi Thổ, thì nhận đó là quý nhân hoặc Lục thân nào ở tại Mùi Thổ, Sửu Thổ thì là gặp Thiên Ất Quý Nhân. Cứ như vậy mà tính ra.

Có sách xác định can Canh gặp địa chi Sửu Mùi là Thiên Ất Quý Nhân, mà cũng có sách xác định Canh can gặp Dần Ngọ chi là Thiên Ất Quý Nhân, mỗi cái có lý của nó, cho nên Canh can gặp Mùi Thổ hoặc Dần Ngọ đều nói đó là Thiên Ất Quý Nhân.

2. DỊCH MÃ

Thân-Tý-Thìn Mã ở Dần, Dần-Ngọ-Tuất Mã ở Thân.

Tý-Dậu-Sửu Mã ở Hợi, Hợi-Mão-Mùi Mã ở Ty.

Dịch Mã tinh chủ hiếu động, đi lại. Khởi pháp giống với Thiên Ất Quý Nhân. Như quẻ nhật khóa của nhật khởi, năm Thân Tý Thìn, nếu trong hào Lục thân có Dần chi, là lục thân đó đến Dịch Mã tinh. Còn lại cứ tính theo y như vậy. Ví dụ như quẻ nhật khóa, có nhật khởi năm Tý hoặc ngày Tý, trong quẻ có Lục thân là Thê Tài Dần Mộc, thì hào Lục thân Thê Tài Dần Mộc lâm Dịch Mã tinh.

Hào Lục thân lâm Dịch Mã tinh, chủ hiếu động, hoặc có nghĩa là ngày sau đa phần ra ngoài chạy nhảy khắp giang sơn. Hào Lục

thân gặp Mã tinh cũng là Lộc tinh, ắt là người làm ăn; nhưng Mã tinh gặp hào Thê Tài, mặc dù là nữ cường nhân, nhưng tâm thân bất an, là thứ cát; Mã tinh gặp Quan Quỷ, là người làm quan, là đi lại hoặc thường có di chuyển biến động.

3. ĐÀO HOA

Dần Ngọ Tuất đào hoa tại Mão, Tỵ Dậu Sửu đào hoa tại Ngọ, Thân Tý Thìn đào hoa tại Dậu, Hợi Mão Mùi đào hoa tại Tý.

Đào Hoa tinh đến vị trí Lục thân tất chủ nhân xinh đẹp, phong lưu, rộng lượng sống thoáng. Nam dễ được nữ nhân yêu, nữ dễ được nam nhân theo đuổi. Đào Hoa đến vị trí Lục thân, chủ nhân đa sắc đa phúc, nếu tự ái tự cường, thì sự nghiệp ắt có thành tựu nhất định, nếu tham lam tình sắc, đa phần có chuyện phong lưu háo sắc, ảnh hưởng đến sự nghiệp tiền đồ bản thân.

Pháp tra giống y như Mã tinh; đều là lấy niên chi, nhật chi mà tra. Nếu quẻ nhật khóa nhật khởi năm Tý hoặc ngày Tý, quẻ có hào là Thê Tài Dậu Kim, ắt Thê Tài Dậu Kim gặp Đào Hoa tinh, Thê Tài là chỉ nữ đỉnh, ngày sau nữ đỉnh ắt sẽ xinh đẹp, phong lưu, rộng lượng sống thoáng. Hoặc lấy được người vợ xinh đẹp phong lưu.

4. THỰC LỘC

Giáp Lộc tại Dần, Ất Lộc tại Mão, Bính Mậu Lộc tại Tỵ, Đinh Kỷ Lộc tại Ngọ, Canh Lộc tại Thân, Tân Lộc tại Dậu, Nhâm Lộc tại Hợi, Quý Lộc tại Tý.

Thực Lộc tinh, là phúc lộc tài lộc. Lục thân gặp Thực Lộc tinh, là dấu hiệu của phúc. Cho nên nếu gặp Lục thân của hào Ứng, phúc lộc vô cùng, không phúc thì cũng là quý!

Pháp tra của Thực Lộc tinh lấy nhật can làm chủ. Như quẻ dụng sự nhật khóa ngày Giáp, được hào Tử Tôn là Tử Tôn Dần Mộc, ắt nhận thấy, Tử Tôn sau này phúc lộc vô biên. Cứ vậy mà tính những cái còn lại.

5. THIÊN LA ĐỊA VĨNG

Thìn là Thiên La, Tuất là Địa Vĩng.

Thiên La Địa Vĩng, đa phần chỉ phạm hình pháp hoặc có nỗi đau bệnh tật bị thương, chuyện ám vị. Trong quẻ dụng sự nhật khóa hào Lục thân gặp nó là không cát, nhẹ thì dễ rước thị phi kiện tụng, chuyện ám vị, nặng thì đa phần chỉ phạm hình pháp hoặc họa thương bệnh.

Thìn gặp Ty, Ty gặp Thìn là Thiên La; Tuất gặp Hợi, Hợi gặp Tuất là Địa Vong. Lục thân nam sợ gặp Thiên La, Lục thân nữ sợ gặp Địa Vong. Tra pháp của Thiên La Địa Vong lấy niên chi, nhật chi làm chủ. Như quẻ dụng sự nhật khóa ngày Thìn hoặc năm Thìn, Lục thân Tử Tôn là Ty Hỏa, hoặc Lục thân khác gặp Ty Hỏa, hoặc quẻ dụng sự nhật khóa năm Ty hoặc ngày Ty gặp Lục thân Tử Tôn là Thìn Thổ, hoặc Lục thân khác gặp Thìn Thổ, là Thiên La đến vị trí Lục thân. Lại có, nếu như quẻ dụng sự nhật khóa ngày Tuất hoặc năm Tuất, hào Lục thân là Hợi Thủy; hoặc quẻ dụng sự nhật khóa ngày Hợi hoặc năm Hợi, hào Lục thân là Tuất Thổ, thì là hào Lục thân gặp Địa Vong. Hào Lục thân gặp Thiên La Địa Vong đều là hạ cát, đều sẽ có mức độ tai họa không giống nhau.

Nhưng có Quý Nhân giải cứu có thể giảm nhẹ tai họa.

6. LỤC GIÁP KHÔNG VONG

Trong tuần Giáp Tý thì Tuất Hợi Không Vong, trong tuần Giáp Tuất thì Thân Dậu Không Vong, trong tuần Giáp Thân thì Ngọ Mùi Không Vong, trong tuần Giáp Ngọ thì Thìn Ty Không Vong, trong tuần Giáp Thìn thì Dần Mão Không Vong, trong tuần Giáp Dần thì Tý Sửu Không Vong.

Các loại dụng thần của quẻ nhật khóa nếu hư tù tử tuyệt mà lại gặp Lục Giáp Không Vong là không cát. Lục thân mà gặp ắt có tai họa với mức độ không giống nhau. Nhưng hào Lục thân dụng thần vượng tướng, mặc dù gặp Lục Giáp Không Vong, vượng xuất Không Vong thì không còn là Không Vong, xuất khỏi tuần ắt không còn là Không Vong nữa; động mà không Không Vong, động mà tỷ hòa Không Vong là không Không Vong. Xuất Không Vong điền vào không là Không Vong. Nhưng gặp hư tù tử tuyệt, Thái Tuế, nguyệt lệnh xung phá ắt là chân Không Vong. Chân Không Vong là không cát. Dụng thần gặp Lục Giáp Không Vong không cát; kỵ thần, cừu thần gặp Lục Giáp Không Vong ắt cát.

Một dụng sự nhật khóa, không cần biết nhật khóa tứ trụ như nào, một khi lập quẻ, Lục thân đều thấy trong đó. Lục thân nào đặc ích, lục thân nào khổ sở, nhìn phát là biết ngay. Cho nên lấy vị trí dụng thần thần sát để phân biệt quý tiện của Lục thân, tổng hợp hung cát của toàn bộ nhật khóa để phán đoán, khá chuẩn xác và ứng nghiệm.

Trong quẻ Lục thân gặp Lộc tinh, Thiên Ất Quý Nhân, ắt có quý nhân tương trợ, không phúc cũng quý. Dịch Mã tinh đến vị trí Lục

thân, chủ vất vả, nhưng đến cùng với Lộc tinh hoặc Quý Nhân, rõ ràng là phú quý. Đào Hoa tinh đến vị trí Lộc thân, chủ Lộc thân đó xinh đẹp phong lưu, rộng lượng phóng khoáng, nhưng dễ chìm vào sắc hay có tình nhân bên ngoài; nếu có Lộc tinh, Thiên Ất Quý nhân đến cùng, tất là đại cát; Thiên La Địa Vọng cũng đến, ắt tham sắc dục mà gặp họa.

Thiên La Địa Vọng là hung thần, gặp tất cả Lộc thân đều không cát, không phải hung thương bệnh tật thì là tai họa thị phi kiện tụng. Thiên La Địa Vọng gặp Chu Tước phát động chủ thị phi kiện tụng. Gặp Bạch Hổ phát động khắc phục ắt có thương bệnh thị phi kiện tụng hoặc mất mạng. Thiên La Địa Vọng gặp Huyền Vũ phát động vì trộm cướp bị phán hình hoặc bệnh tật quẩn lầy thân. Đào Hoa gặp Thiên La Địa Vọng, vì háo sắc mà phạm thị phi kiện tụng hoặc bị bệnh. Lộc tinh gặp Thiên La Địa Vọng lại gặp Huyền Vũ phát động, tài phát vô nguyên hoặc xảy ra trộm cướp không đáng; gặp Bạch Hổ phát động vì tham lam mà làm chuyện xấu hoặc cướp bóc mà xảy ra họa. Hễ là hung thần đến, không phát động không khắc dụng thần thì không tai họa hoặc họa nhỏ; hung thần phát động, lại khắc dụng thần ắt gặp họa mà còn là họa lớn.

Phụ lục: Bảng danh sách cát hung của cát thần hung thần khi đến vị trí lộc thân.

Thần Sát	Thiên Ất Quý Nhân	Lộc Tinh	Mã Tinh	Đào Hoa	Lộc Giáp Không Vong	Thiên La Địa Vọng
Thanh Long	Đại cát đại lợi, không phú cũng quý	Đại cát đại lợi, không phú cũng quý	Cát lợi, nhưng đa phần hay phải di chuyển	Xinh đẹp, phong lưu, rộng lượng hào phóng	Bình thường	Vui quá hóa buồn
Chu Tước	Tiền đồ văn chương có quý nhân xuất hiện	Tiền đồ văn chương đặc lộc	Nhờ văn mà quý, đi khắp chốn	Tiền đồ văn chương có thành tựu nhưng dễ rước phải thị phi	Tiền đồ văn chương không được gì mà còn rước thị phi	Đa phần có thị phi miệng lưỡi kiện tụng
Đẳng Xà	Vi vô đắc quý, nhân viên thi hành pháp luật	Vi vô đắc lộc	Bình thường	Vi tài sắc, chuyện kinh sợ ảm gặp họa	Có chuyện kinh sợ	Đa phần có thị phi kiện tụng và chuyện kinh sợ

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Câu Trần	Sinh thân vì thế, có nhân viên pháp luật	Sinh thân ắt cát, vì võ đặc lộc	Bình thường	Vì sắc gặp họa	Chuyện thị phi kiện tụng	Có thị phi kiện tụng hoặc thoái tài
Bạch Hổ	Bạch Hổ chịu chế thể của quan viên pháp luật	Bạch Hổ chịu khắc chế ắt võ đặc lộc	Bạch Hổ chịu khắc chế ắt quý	Bạch Hổ chịu chế quý mà phong lưu	Có tai họa mất máu, đại họa chết yếu	Có họa thị phi kiện tụng hoặc mất máu
Huyền Vũ	Mặc dù được quý nhưng con cái bất hiếu bất thuận	Tài phát vô nguyên	Ở bên ngoài làm chuyện tào lao gây họa	Thứ cát	Bất hiếu bất thuận, bệnh tật triển miên	Bất hiếu bất thuận, họa thị phi kiện tụng thương bệnh
Thiên Ất Quý Nhân		Đại cát đại lợi, không phú cũng quý	Đa phần đi công tác, đi làm ăn	Phú quý phong lưu	Xuất Không Vong ắt cát	Bình thường
Lộc Tinh	Đại cát đại lợi, không phú cũng quý		Đa phần là đi làm ăn mới phát đạt	Phú quý phong lưu	Thứ cát	Vì tài sắc mà gặp họa
Mã Tinh	Cát lợi, nhưng đa phần hay phải di chuyển	Đa phần vì kinh doanh đi lại mà phát đạt		Phong lưu nhưng hoạt bát	Thứ cát	Động ắt gặp họa
Đào Hoa	Xinh đẹp, phong lưu, rộng lượng hào phóng	Phú quý nhưng phong lưu	Phong lưu nhưng hoạt bát		Vì sắc gặp họa	Vì sắc gặp họa
Lục giáp Không Vong	Bình thường	Xuất Không Vong ắt cát	Thứ cát	Vì sắc gặp họa		Đại hung
Thiên La Địa Vong	Vui quá hóa buồn	Vì tài mà gặp họa	Thứ cát	Vì sắc gặp họa	Đại hung	

Ví dụ: Lấy giờ Tý ngày mùng 3 tháng 1 năm 1995 âm lịch kiến
Khôn trạch.

Niên Nguyệt Nhật Thời
Giáp Tuất Đinh Sửu Giáp Tý Giáp Tý

Thêm họ lập được quẻ gồm quẻ chủ “Thủy Sơn Kiến”, quẻ biến
“Thủy Hỏa Ký Tế”, hào sơ phát động.

Kiến	Ký Tế
-- Tử Tôn Tý thủy	-- Tử Tôn Tý thủy Vũ
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Phụ Mẫu Tuất thổ Hổ
T -- Huynh Đệ Thân kim	-- Huynh Đệ Thân kim Xà
— Huynh Đệ Thân kim	— Tử Tôn Hợi thủy Câu
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Phụ Mẫu Sửu thổ Tước
Ư -- Phụ Mẫu Thìn thổ	— Thê Tài Mão mộc Long

Hào 2 âm Quan Quỷ Ngọ Hỏa bị nhật thần xung phá, lại còn
nhập mộ tại Thái Tuế, nguyên thần Quan Quỷ Ngọ Hỏa của dụng
thần Phụ Mẫu trở thành hào vô dụng, Dụng thần Phụ Mẫu Thìn Thổ
hữu tử vô sinh. Hào 3 âm Huynh Đệ Thân Kim, hào 4 dương Huynh
Đệ Thân Kim là Mã tinh ở Thái Tuế, nhưng là vượng thần của kiếp
tài, lại chủ khó khăn vất vả. Hào 5 âm Phụ Mẫu Tuất Thổ mặc dù là
hào lâm Thái Tuế lại được nguyệt lệnh sinh vượng, nhưng lại
Không Vong tại nhật kiến, mà Bạch Hổ ở đó, lại bị hào sơ phát
động đến xung động, Bạch Hổ sinh vượng mà điên cuồng làm ác,
thực lực ám tàng họa hung thương hiếu phục. Hào 6 âm Tử Tôn Tý
Thủy lâm Huyền Vũ, ngày sau con cái bất hiếu hoặc có chuyện ám
vị. Khóa này toàn bộ quẻ lục hào đều không ở Lộc tinh và Thiên Ất
Quý Nhân, đều là Lục thân đa tiện. Hào sơ Phụ Mẫu mặc dù có cát
thần Thanh Long ở đó, nhưng hóa khắc dụng thần, là vui quá hóa
buồn, có cũng như không. Khóa này tàng thông tin hung thương
hiếu phục và chủ thoái tài. Khôn trạch chủ tổn mẫu, gia chủ dụng
sự mới 3 ngày, mẹ vốn đang yên lành lại mất, tổn nhân đình còn
thoái tài, khiến cho một cái tết đang vui vẻ hơn hờ tốt đẹp lại bao
trùm một bầu không khí buồn tủi thương tâm.

Lại có ví dụ: Lấy giờ dụng sự là giờ Dậu ngày 30 tháng 11 năm
Đinh Dậu 1957 kiến Đoài trạch.

Niên	Nguyệt	Nhật	Thời
Đinh Dậu	Quý Sửu	Bính Thân	Đinh Dậu

Thêm họ lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Trạch Lôi Tù", quẻ biến "Thủy Lôi Truân", hào 4 phát động.

Tù	Truân
Ư -- Thê Tài Mùi Thổ	-- Phụ Mẫu Tý thủy Long
-- Quan Quỷ Dậu Kim	-- Thê Tài Tuất thổ Vũ
-- Phụ Mẫu Hợi Thủy Tử Ngọ	-- Quan Quỷ Thân kim Hổ
T -- Thê Tài Thìn Thổ	-- Thê Tài Thìn thổ Xà
-- Huynh Đệ Dần Mộc	-- Huynh Đệ Dần mộc Câu
-- Phụ Mẫu Tý Thủy	-- Phụ Mẫu Tý thủy Tước

Quẻ khóa này có hào sơ dương Phụ Mẫu Tý Thủy lâm Chu Tước là văn ấn vượng, hào 2 âm Huynh Đệ Dần Mộc lâm Câu Trần lại không gặp Lộc Mã Quý Nhân. Cho nên Huynh Đệ không phát đạt. Bởi vì trạch này vốn là của bản thân gia chủ, không liên quan gì đến Huynh Đệ. Hào 3 âm Thê Tài Thìn Thổ, là gia chủ, vượng tại nguyệt lệnh là Tài vượng, mà gia chủ hữu thọ. Hào 4 dương Phụ Mẫu Hợi Thủy, cũng là chủ mẫu, là Thiên Ất Quý Nhân của Thái Tuế, được nhật kiến sinh, động hóa hồi đầu sinh, mặc dù Bạch Hổ động, nhưng Bạch Hổ sinh không cần phòng ngừa. Hào này vượng tại Thái Tuế và nguyệt lệnh, trừ chủ mẫu sống thọ đặc phúc lâu dài ra, còn xuất hiện người văn hay tài cao. Tử Tôn Ngọ Hỏa là phục thần, là Lộc tinh của Thái Tuế, giờ phi thần Phụ Mẫu Hợi Thủy phát động, phục thần được dịp xuất hiện, mà lại còn chế phục Bạch Hổ Kim thần, con cháu có tiền đồ. Hào 5 dương là Quan Quỷ Dậu Kim, là Thiên Ất Quý Nhân của Thái Tuế, nhật kiến, lại ở tại vị trí tôn quý của hào 5 dương, còn được Thê Tài Tuất Thổ hóa hồi đầu sinh, còn là hào lâm Thái Tuế, lại có nhật kiến nguyệt lệnh sinh vượng cho Quan, là Quan tinh vượng đại. Mặc dù lâm Huyền Vũ, nhưng được hào biến Thê Tài Tuất Thổ chế phục, gặp họa nhẹ. Hào 6 Thê Tài Mùi Thổ, Thanh Long cát thần ở đó, là nữ đình được phúc lâu bền. Gia chủ trước và sau khi kiến trạch có sinh 4 con trai 2 con gái, đều có những tiền đồ ở mức độ khác nhau. Con trai đầu làm

quan viên cấp huyện ở phương Tây quê nhà, hai người con trai khác đều học đại học trọng điểm quốc gia, sau khi tốt nghiệp thì du học ở Mỹ, đều lần lượt có được học vị thạc sĩ, trở thành nhân tài đất nước. Một người con trai nữa ở nhà làm ăn phát đạt, hai con gái không phụ công nuôi dưỡng, mà gả cho người chồng như ý. Vợ chồng gia chủ vốn vất vả cực khổ nửa đời người, cuối cùng cũng được đền đáp lại sự cực khổ bấy lâu, nay hậu thế đều thành tài, xuân phong đắc ý, tuổi đã hơn 60 rồi, cơ thể vẫn rất khỏe mạnh, là biểu hiện của sống lâu trường thọ. Mẹ của gia chủ cũng đã hơn 90 mà không có bệnh tật gì nhiều.

CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

1. Chính Ngũ Hành Trạch Nhật Học – Lại Cửu Đình
2. Giá Thú Trạch Nhật Học – Lại Cửu Đình
3. Giáo Trình Nhập Môn Tam Hợp – Phong Thủy Học Chính Thống Trung Quốc
4. Huyền Không Tử Bạch Quyết Tinh Giải – Bạch Hạc Minh
5. Kỳ Môn Độn Giáp Tốc Thành Bí Kíp – Vân Văn Tử
6. Thần Kỳ Chi Môn – Trương Chí Xuân (2 tập)
7. Thuật Thời Tiết Và Phong Thủy Của Đạo Giáo
8. Lục Nhâm Đầu Thủ Trạch Nhật Pháp – Trương Tài Thông
9. Chu Dịch Nhật Khóa – Phan Tín Thông
10. Kỳ Môn Độn Giáp Dự Trắc Học – Yêu Học Thanh
11. Tam Nguyên Dương Trạch Đại Thành – Trần Long Vũ
12. Thiên Tinh Dương Trạch 14 Án Lệ Tập

CHƯƠNG 8: THÔNG TIN DỰ ĐOÁN DỤNG SỰ NHẬT KHÓA

TIẾT 1: PHƯƠNG PHÁP TÍNH VẬN LẬP QUÊ NHẬT KHÓA

I. Đánh giá mức độ lâu dài và tác dụng của tên họ trong lập quê nhật khóa

Đồng thời, vì dùng Chu Dịch bát quái để dự đoán thông tin của nhật khóa, nên đầu tiên cần đem dụng sự nhật khóa diễn giải thành bát quái, rồi dựa theo quái tượng và hào tượng để phán đoán thông tin hung cát bên trong nhật khóa. Lập quê dụng sự nhật khóa, cũng chính là lập quê theo số của Tiên thiên bát quái. Tiên thiên bát quái có: Càn là 1, Đoài là 2, Ly là 3, Chấn là 4, Tốn là 5, Khảm là 6, Cấn là 7, Khôn là 8. Phương pháp lập quê của dụng sự nhật khóa ngoài có vài nét tương đồng với phương pháp dự đoán sự việc dựa trên thời gian phương hướng thông thường ra, còn có vài đặc điểm khác như sau:

1, Dùng niên chi và số của tháng, của ngày, của giờ để lập quê, định hung cát của năm dụng sự, cái này tương đồng với phương pháp dựa vào thời gian lập quê để dự đoán sự việc thông thường, quê này cũng được gọi là “Địa chi quái”, là thông tin của quê thuần trong năm dụng sự. Thông thường dụng sự trong dụng sự nhật khóa của một năm, chỉ lập địa chi quái, để phán đoán thông tin hung cát của dụng sự trong năm đó.

2, Dùng niên can và số của tháng, của ngày, của giờ để lập quê, còn gọi là “Thiên can quái”, để phán đoán hung cát trong khoảng thời gian dài hơn từ 2 năm trở lên. Đây là một trong số những phát hiện mà tác giả đã phải nghiên cứu sâu trong một thời gian dài mới có được.

Vì để giải quyết vấn đề về thông tin ở mức độ lâu dài hơn trong việc dùng Chu dịch bát quái để dự đoán, tác giả đã lấy cảm hứng từ phương pháp lập quê thêm thiên can năm sinh, số giờ, số ngày, số tháng để dự đoán vận mệnh của một người từ khi sinh ra đến khi chết đi mà thầy Thiệu Vĩ Hoa đã dùng. Tác giả liên tục làm đi làm lại thực nghiệm và kiểm chứng, từ một lượng lớn các ví dụ ứng nghiệm từ xưa đến nay, rút ra được dùng niên can và số tháng, ngày, giờ lập quê sẽ thành công có được thông tin nhật khóa trong

thời gian lâu dài hơn, bù đắp lại khoảng trống của thông tin nhật khóa khi dùng bát quái để dự đoán thông tin lâu dài.

Tại sao thêm niên can của năm dụng sự thì thông tin về lâu dài của nhật khóa càng chính xác, mà thêm địa chi của năm dụng sự để lập quẻ thì thông tin về lâu dài của nhật khóa không quá chuẩn? Mặc dù nguyên nhân không rõ ràng, nhưng tác giả nhận thấy, có thể vì nó và nhật khóa thiên can tứ trụ dự đoán thông tin lâu dài của nhật khóa có mối liên quan với nhau. Số của tứ trụ năm tháng ngày giờ, lưu trữ thông tin về không gian thời gian phương vị dụng sự, mà trong số cũng lưu trữ toàn bộ thông tin sự "sinh giáng" của vạn vật trong vũ trụ. Dụng sự nhật khóa là "mệnh" của sự vật, nó giống với tứ trụ nhân mệnh, đều lấy thiên can tứ trụ để dự đoán thông tin lâu dài. Trong sách cổ đều nói: "Thiên can là quân, địa chi là thần", "xem trọng can hơn chi". Cho nên thêm số thiên can của năm dụng sự vào lập quẻ sẽ có thông tin nhật khóa lâu dài hơn, mà cũng có độ chính xác trong dự đoán hơn, đó là hoàn toàn có căn cứ. Nhiều năm lại đây, tác giả vận dụng phương pháp này (có khi còn thêm cả tên họ) để dự đoán thông tin lâu dài của nhật khóa, xác suất ứng nghiệm khá cao, đối với những thông tin quang trọng lâu dài của dụng sự nhật khóa, về cơ bản cũng đều dự đoán chính xác.

3, Chỉ dùng số của năm, tháng, ngày, giờ để lập quẻ dự đoán là lập quẻ quẻ thuần nhật khóa, dùng để nói tổng thể hung cát của nhật khóa. Mức độ hung cát mạnh thì tồn tại lâu dài, hiệu ứng hung cát ngắn thì nằm trong ngày giờ dụng sự, dài thì có khi đến mấy năm. Quẻ thuần nhật khóa là bước đầu tiên trong dự đoán những thông tin liên quan đến nhật khóa, bởi vì nó bao gồm toàn bộ thông tin về không gian thời gian phương vị trong lúc dụng sự.

4, Dùng thêm số nét chữ của tên địa danh và số của năm, tháng, ngày, giờ để lập quẻ, để xác định thông tin hung cát của phương vị dụng sự. Phạm vi của địa danh thông thường lấy số nét chữ tên huyện (thành phố) là chủ (Vũ Phác: cái này là số nét viết chữ tiếng Trung phần thể. Ví dụ chữ "tôi" tiếng Trung là 我 gồm 7 nét viết, chữ "Lê" có 14 nét), để càng chính xác hơn, còn có thể dùng số nét chữ tên thôn (làng) để lập quẻ, rồi tổng hợp lại để dự đoán. Số nét chữ tên địa danh dùng chữ phần thể trong "Khang Hy Tự Điển" làm tiêu chuẩn, để dự đoán mức độ hiệu ứng hung cát lớn hay bé.

5, Lấy số nét chữ viết họ của người dụng sự thêm số của năm, tháng, ngày, giờ để lập quẻ, để phân biệt được mức độ ảnh hưởng

hung cát trong dụng sự nhật khóa với những người có họ tên khác nhau sẽ có hiệu quả khác nhau như nào. Phương pháp này rất quan trọng, mà mức độ hiệu ứng cũng rất lớn. Có khi dùng quẻ thuần nhật khóa không phán đoán ra được sự hung cát, nhưng nếu dùng thêm phương pháp thêm họ vào lập quẻ, thì cát hung lại thể hiện rõ ràng. Pháp này tại sao lại dự đoán linh nghiệm vậy, nguyên nhân tác giả cũng không rõ lắm. Nhưng tác giả nhận thấy, họ của con người chính là phù hiệu của con người, cũng là sự phản ánh của ngũ hành, họ của con người là thiên cách của con người, tên là địa cách và nhân cách của con người, chúng đều phân chia thành ngũ hành (thấy trong luận thư "Họ tên và nhân sinh"). Ngũ hành với thiên cách khác nhau, thì thông tin trong cơ thể của người mang tên họ đó cũng khác nhau. Thầy Thiệu Khang Tiết, bậc thầy về dịch học nổi tiếng thời nhà Tống đã dùng pháp thêm tên họ để dự đoán hiệu quả dụng sự của những người có tên họ khác nhau, kết quả đều rất ứng nghiệm.

"Giờ Ngọ ngày mừng 1 tháng 12 năm Dần, có một vài người muốn xây nhà, đều ở khu đất gần thành phố, có 3 người xây nhà đều lấy giờ Ngọ ngày mừng 1 tháng 12 năm Dần, mời thầy Thiệu Khang Tiết đến lập quẻ dự đoán. Nếu như cùng dùng một quẻ, cả ba nhà sẽ lẫn lộn không rõ ràng, hung cát cũng không thể biện ra được. Vậy là Thiệu Ung dùng quẻ số có được dựa vào thời gian thêm số nét chữ viết họ gia chủ vào, chia ra lập quẻ dự đoán cho bọn họ, vậy là tất cả đã đều ứng nghiệm".

"Không chỉ có mỗi xây nhà cửa mới dùng số của năm, tháng, ngày, giờ thêm số nét chữ viết họ gia chủ để lập quẻ, kết hôn hay mai táng, chuyện vui hay buồn, cũng đều có thể dùng phương pháp trên thêm số nét chữ viết họ vào để lập quẻ. Có điều, kết hôn là chuyện đại sự hai bên nam nữ, bắt buộc thêm cả họ của hai vợ chồng vào mới được. Dân tộc thiểu số ở tại biên giới phía Bắc không có họ, thì có thể dùng tên thêm vào cũng được; nếu như tên khó biện thì có thể dựa vào thanh điệu khi gọi tên (tham khảo "Thanh điệu khởi châm pháp"). Nếu như vô danh vô họ, có thể dựa vào tên nơi mà họ ở để lập quẻ". Những câu trong dấu ngoặc kép đa số đều được trích trong "Mai Hoa Dịch Số Dự Đoán Học" của thầy Bá Xuân.

Đối với những người cùng họ và cũng một ngày dụng sự, như ngày kết hôn của nam nữ, để phân biệt ra hung cát, còn nên thêm cả họ của nữ chủ và họ của nam chủ vào để lập quẻ. Số nét chữ

viết họ của nam nữ nên lấy chữ phồn thể trong “Khang Hy Tự Điển” làm chuẩn.

6, 10 năm từ năm Giáp Tý đến năm Quý Dậu, bởi vì số niên can chi giống nhau, chỉ lập một quẻ là được. Còn với 5 năm từ năm Giáp Tuất đến năm Quý Hợi, bởi vì số niên can chi không giống nhau, nên đều phải chia ra lập quẻ thiên can và địa chi để phán đoán hung cát dụng sự trong năm, mức độ lâu dài của hung cát dụng sự nhật khóa, hung cát dụng sự nhật khóa theo họ gia chủ.

Sau khi lập quẻ nhật khóa xong, dựa theo mối quan hệ ngũ hành sinh khắc chế hóa của quái tượng, quái ý và hào tượng,... phối hợp với lục thần,... dự đoán mức độ lâu dài của hung cát trong năm dụng sự.

II. Lập quẻ vận nhật khóa

1, Dùng niên chi (hoặc thiên can) số của tháng, ngày, giờ lập quẻ. Niên chi và số giờ: Lấy Tý là số 1, Sửu là số 2,... đến Hợi là số 12. Niên can: lấy Giáp là số 1, Ất là số 2,... đến Quý là số 10. Tháng: lấy tháng 1 là số 1, tháng 2 là số 2,... đến tháng 12 là số 12. Ngày: Lấy ngày mùng 1 là số 1, mùng 2 là số 2,... đến ngày 29 là số 29, 30 là số 30. Số của năm tháng ngày dùng lập quẻ đều lấy lịch âm làm chuẩn.

2, Xác định thượng hạ quái. Cộng tổng số của năm, tháng, ngày lại rồi lấy tổng chia cho 8, có được số dư thì đó là số thượng quái; nếu vừa hay chia hết, thì lấy 8 là số thượng quái. Cộng tổng số của năm, tháng, ngày, giờ lại rồi lấy tổng chia cho 8, có được số dư thì đó là số hạ quái, nếu vừa hay chia hết, thì lấy 8 là số hạ quái. Có được số thượng hạ quái, thì dùng số Tiên thiên bát quái lập quẻ, cụ thể như sau: Càn là 1, Đoài là 2, Ly là 3, Chấn là 4, Tốn là 5, Khảm là 6, Cấn là 7, Khôn là 8.

3, Xác định hào động, lập quẻ biến. Cộng tổng số của năm, tháng, ngày, giờ được tổng chia cho 6, được số dư là số hào động; nếu như vừa hay chia hết, thì lấy 6 là số hào động. Quẻ có chứa hào động là quẻ dụng, quẻ không chứa hào động là quẻ thể. Xác định được hào động, thì có thể xác định được quẻ biến. Hào động của quẻ chủ do hào dương biến thành hào âm hoặc do hào âm biến thành hào dương, những hào khác không có gì thay đổi, thì sẽ lập được quẻ biến. Ví dụ như Càn là quẻ Thiên. Hào cử tam (hào 3) dương động, sẽ biến thành quẻ Thiên Trạch Lý. Lại có Khôn là địa, hào 1 âm động ất sẽ biến thành quẻ Địa Lôi Phục. Hào động

dùng (0), (x) là ký hiệu, (0) là dương động, (x) là âm động, có nghĩa là dương động biến thành âm, âm động biến thành dương.

Ví dụ: Lấy giờ Ty ngày 24 tháng 3 âm lịch năm Giáp Tuất là lúc dụng sự. Lập quẻ địa chi (dưới đây là sơ lược về quẻ địa) như sau:

Năm Giáp Tuất niên chi Tuất là số 11, tháng 3 là số 3, ngày 24 là số 24, giờ Ty là số 6.

Xác định thượng quái: Cộng số của niên chi, tháng, ngày lại rồi chia cho 8, được số dư là thượng quái.

$$[11 (\text{niên chi}) + 3 (\text{tháng}) + 24 (\text{ngày})] = 38 \div 8 = 4 \text{ dư } 6$$

Xác định hạ quái: Cộng số niên chi, tháng, ngày, giờ lại rồi chia cho 6, được số dư là hạ quái.

$$[11 (\text{niên chi}) + 3 (\text{tháng}) + 24 (\text{ngày}) + 6 (\text{giờ})] \div 8 = 44 \div 8 = 5 \text{ dư } 4$$

Xác định hào động: Cộng số chi năm, tháng, ngày lại rồi chia cho 6, được số dư là hào động.

$$[11 (\text{niên chi}) + 3 (\text{tháng}) + 24 (\text{ngày}) + 6 (\text{giờ})] \div 6 = 44 \div 6 = 7 \text{ dư } 2$$

Thượng quái số 6 được quẻ Khảm, hạ quái số 4 được quẻ Chấn, hai quẻ tương trùng lên nhau được quẻ Thủy Lôi Truân. Hào 2 dương phát động, biến quẻ ban đầu thành quẻ Thủy Trạch Tiết. Cho nên khóa có được quẻ chủ là quẻ Thủy Lôi Truân, quẻ biến là quẻ Thủy Trạch Tiết.

Lập quẻ thiên can (dưới đây gọi tắt là thiên quái) cũng có cùng nguyên lý như vậy, chỉ là lúc lập quẻ đem niên chi đổi thành niên can, còn những số của tháng, ngày, giờ không đổi. Cũng dùng y chang phương pháp trên để lập quẻ.

Phương pháp xác định quẻ hồ:

Sau khi có được quẻ chủ, có thể xác định quẻ hồ. Trong lục hào của quẻ chủ, trừ ra hào sơ và hào thượng không dùng, do hào 2,3,4,5 cấu thành. Lấy hào 3,4,5 là thượng quái; hào 2,4,5 là hạ quái. Như quẻ Thủy Lôi Truân ở trên, chia thành hai hào là sơ hào, thượng hào, còn lại hào 2,3,4,5, lấy hào 3,4,5 hợp thành quẻ Cấn, lấy hào 2,3,4 hợp thành quẻ Khôn. Hai quẻ tương trùng được quẻ Sơn Địa Bác.

Như vậy, đã có được 3 quái tượng, quẻ chủ Lôi Thủy Truân, quẻ hồ Sơn Địa Bác, quẻ biến Thủy Trạch Tiết.

Thông thường mà nói, ứng nghiệm với quẻ chủ là sự việc lúc ban đầu, quẻ hồ là ứng với sự việc ở giai đoạn giữa, quẻ biến là kết quả sự việc. Nhưng trong quẻ nhật khóa, thông thường quẻ chủ là chủ, mối quan hệ ngũ hành sinh khắc của quẻ biến và quẻ chủ ứng nghiệm cho kết quả của sự việc. Nếu quái tượng, hào tượng của quẻ chủ, bị quái tượng, hào tượng của quẻ hóa hồi đầu sinh, hóa về tỉ hòa thì là cát; nếu bị quái tượng, hào tượng của quẻ hóa hồi đầu khắc, phá, mộ, tuyệt thì là hung. Như quẻ chủ của ví dụ trên là Thủy Lôi Truân, quẻ biến Thủy Trạch Tiết, đều là bát quái cung Khảm, ngũ hành đều thuộc Thủy, quái tượng hóa tỉ hòa, là cát; hào tượng hào Thế là Tử Tôn Dần Mộc, bởi vì dụng sự “ngày Nhâm Dần tháng Giáp Thìn” hào Thế đắc sinh vượng, lại động hóa ra Tử Tôn Mão Mộc tiến thân, là Thế vượng, là nguyên thần của Tài, nếu chọn làm ngày cầu tài, khai trương, sẽ là ngày tốt, là ngày Tài vượng đến.

TIẾT 2: HIỆU ỨNG SINH KHẮC THỂ DỤNG TRONG NHẬT KHÓA

1. Pháp thể dụng hồ biến

Sau khi lập xong quẻ dụng sự nhật khóa, có được quẻ chủ, quẻ hồ và quẻ biến. Các quẻ lại chia ra quẻ thể và quẻ dụng, những quẻ có chứa hào động là quẻ dụng, quẻ không chứa hào động là quẻ thể. Như ví dụ quẻ Thủy Lôi Truân ở bài trước, hào 2 phát động, thượng quái quẻ Khảm là quẻ thể, hạ quái quẻ Chấn là quẻ dụng. Quẻ thể là bản thân, là gia chủ, là chủ nhà; quẻ dụng là người khác, chuyện khác, là “tiểu thiên thể” được sinh ra sau khi dụng sự. Ngày xuất hành quẻ thể là bản thân, quẻ dụng là người khác, là đường đi, là tha hương. Ngày kết hôn quẻ thể là nhà trai, quẻ dụng là nhà gái. Quẻ dụng sinh thể, thể dụng tỉ hòa là đại cát. Thể khắc dụng là cát, thể sinh dụng là có sự hao tổn. Dụng khắc thể là hung, mức độ hung cát lại phân biệt dựa theo sự vượng suy của hai quẻ thể dụng. Ví dụ quẻ thể có ngũ hành thuộc Kim, dụng sự tháng Mậu Tuất mùa thu năm Thân, bởi vì quẻ thể sinh vượng đắc lệnh, nên không sợ quẻ thể sinh dụng tiết khí, hao tổn ít hoặc không hao tổn gì, cũng không sợ quẻ dụng khắc phạt thuộc Hỏa hưu tù vô khí, gặp tai họa nhỏ hoặc không gặp tai họa, nhưng vẫn cần dựa theo cả nguyên tố hành vận suy vượng và hào tượng của gia chủ để tổng hợp lại và đưa ra kết luận. Như quẻ thể thuộc Kim, dưới tình hình quẻ dụng thuộc Hỏa, lại ở trong tháng 1,2 và tháng 4,5, thông thường sẽ không xảy ra tai họa gì, tổng thể sẽ là bình an vô sự.

Nếu cần làm việc gì trong thời gian lâu dài, vẫn nên xem ảnh hưởng của Thái Tuế đối với sự vượng suy của quẻ thể dụng để định cục cát hung.

Trong 64 quẻ, 8 quẻ thuần Càn Vi Thiên, Khảm Vi Thủy, Cấn Vi Sơn, Chấn Vi Lôi, Tốn Vi Phong, Ly Vi Hỏa, Đoài Vi Trạch, Khôn Vi Địa và quẻ Thiên Trạch Lý, Phong Lôi Ích, Trạch Thiên Quải, Địa Sơn Khiêm, Sơn Địa Bác, Lôi Phong Hằng là quẻ tử hòa. Không hẳn mà nói cứ là quẻ tử hòa thì đều tốt, cần phân tích cụ thể từ tên quẻ, ý nghĩa của quẻ và quái hào, Thế Ứng, còn phải xem dụng sự là làm việc gì. Thông thường mà nói, quẻ Lục xung dùng trong chuyện xấu như kiện tụng, tang lễ,... là tốt, nhưng dùng cho chuyện vui như kết hôn, khai trương, xây nhà,... sẽ làm xung, xua tan đi không khí vui vẻ, thông thường không nên dùng, nhưng cũng cần dựa vào quái tượng, hào tượng để phân tích cụ thể hơn nữa. Nhưng quẻ tử hòa khác cũng vậy, cần dựa vào hỷ kỵ, quái tượng và hào tượng,... của dụng sự mà phân tích cụ thể, không thể nói cứ quẻ tử hòa là tốt.

Lại có ví dụ quẻ sinh thể, không nhất định quẻ sinh thể là tốt. Nên dựa theo ngũ hành sinh khắc của quái tượng, hào tượng mà tổng hợp lại để định cục. Như chọn ngày xây nhà có quẻ Tốn, hào 6 phát động, quẻ dụng quẻ Cấn sinh quẻ thể quẻ Đoài, mặc dù là quẻ dụng sinh thể, nhưng ý nghĩa của quẻ là thương tổn, tổn hại, là không tốt cho lắm. Lại phân tích hào tượng, là hào Ứng khắc hào Thế, thì nhà cửa khắc gia chủ, là quẻ khắc chủ, là quẻ hung, tháng Ngọ năm Dần, ất có tai họa khắc gia chủ, tổn thương đến nhân đinh trong nhà. Cho nên nếu chỉ dùng mỗi thể sinh dụng xác định ra quẻ cát thì hơi phiến diện, mà nên tổng hợp quái tượng, hào tượng để phán đoán định ra hung cát mới toàn diện, mới khoa học. Bởi vì lấy quái tượng định hung cát chỉ nói về quái tượng mà không nói đến dụng thần, mà lấy hào tượng định hung cát lại chỉ nói về dụng thần mà không nói về quái tượng, chỉ có kết hợp cả hai cái lại để phán đoán, mới có thể có được quẻ cát hung đúng của nhật khóa. So sánh hai cái, thì dùng hào tượng, dụng thần định hung cát có mức độ chính xác và linh nghiệm cao hơn rất nhiều so với định hung cát chỉ dùng mỗi thể dụng mà không xem xét đến dụng thần.

2. Ví dụ về thể dụng sinh khắc

Sau khi lập quẻ nhật khóa xong, cần biện luận đến hung cát, ngoại trừ xem quái tượng và ý nghĩa quẻ ra, còn cần xem cả quái tượng và ngũ hành sinh khắc vượng suy của thể dụng, đó được

xem là bước đầu tiên để biện ra hung cát, rồi dùng pháp dự đoán Lục hào, cuối cùng định ra cách cục hung cát. Đương nhiên trước khi lập thành quẻ, đầu tiên cần xếp xong nhật khóa tứ trụ. Nếu nhật khóa tứ trụ cát, quái tượng hào thể cũng cát, đây là ngày thượng cát, sau dụng sự sẽ bình an may mắn và phát triển mạnh. Ví dụ như một ngày lễ kỷ niệm ăn mừng, có tứ trụ nhật khóa là "Kỷ Sửu - Quý Dậu - Giáp Tý - Nhâm Thân", có ngày giờ là ngày cát giờ hoàng đạo. Nói đến thể tượng thì đó là thể tượng đại cát đại lợi, canh tượng là cát. Dựa vào tên họ và mức độ thời gian lâu dài lập quẻ được quẻ chủ "Địa Thiên Thái", quẻ biến "Địa Trạch Lâm". Quẻ chủ "Thái" là quẻ có 3 hào âm 3 hào dương, thể dụng tương sinh, cương nhu cùng tồn tại, âm dương tương hội. Tượng trưng cho thiên địa tương hòa, định vị trí Càn Khôn, quái tượng là "thông đạt, cuộc sống bình an, cát tường hanh thông"; quẻ biến là quẻ "Lâm", quẻ có nghĩa là "tiếp cận, đến gần". Quẻ "Lâm" có "Thượng Khôn là thuận, hạ Đoài là duyệt, biểu tượng cho tiền đồ rộng lớn". Ý nghĩa của hai quẻ hợp lại là, "cuộc sống an nhiên, nhiều may mắn cát tường" đang "đến gần", là quái tượng đại cát đại lợi. Hai quẻ chủ biến này đều là bát quái cung Khôn, ngũ hành thuộc Thổ, đại tượng hóa tỷ hòa hóa vượng, đồng thời vượng tại Thái Tuất, là đấu thể sinh vượng. Lại nói từ hào tượng, nếu có được hào cát nữa, thì đây hẳn là một ngày rất tốt.

Bên trên đã nói qua, được quẻ "Tổn" thì đó là quẻ không tốt, là quái tượng "tổn thất, giảm đi" và "thương tổn". Ví dụ như quẻ "Thiên Phong Cẩu" và "Phong Thiên Tiểu Súc", đều có quái tượng không tốt, chọn ngày để làm mai táng không tốt cho lắm, chọn làm ngày kết hôn còn càng không tốt nữa. Quẻ "Cẩu" có ý nghĩa "chờ dùng lấy con gái", bởi vì nó là một người con gái mạnh mẽ cường tráng vũ thê; quẻ "Tiểu Súc" có tại họa "vợ chồng bất hòa", là quẻ hôn nhân nam nữ không thuận lợi, sau khi dụng sự, quẻ có thông tin nhật khóa "hôn nhân không thuận lợi" ắt sẽ dẫn đến các thành viên và cả con cháu trong gia đình gia chủ ngày sau sẽ gặp phải tai họa về hôn nhân, dẫn đến khó lấy vợ hoặc có lấy được cũng khó mà sống với nhau đến bạc đầu. Những quẻ này mặc dù là quẻ thể khắc dụng hoặc dụng sinh thể nhưng chẳng có gì tốt mà nói cả. Nhưng nếu như dưới tình hình có được quẻ cát, cần xem thể dụng có sinh vượng không, hào tượng có cát không, đại cát có hóa sinh hóa tỷ hòa không. Nếu như tất cả những quẻ nói trên đều cát, lại có dụng sinh thể, thì tốt càng thêm tốt. Nói đến quẻ cát, thể khắc dụng, dụng sinh thể, thể dụng tỷ hòa là cát; dụng khắc thể là

không tốt cho lắm, thể sinh dụng là hao tổn vật chất tiền tài. Nhưng nhiều khi có tình huống dụng sinh thể cát rồi mới hung, thể khắc dụng hung. Rốt cuộc đó có thật sự là hung là cát hay không, còn phải dựa vào lục hào để dự đoán mới biết được.

Ví dụ 1: Quẻ thể không vượng, thể khắc dụng cũng hung.

Gia chủ vào giờ Dần ngày 27 tháng 2 năm Ất Hợi âm lịch kiến Mùi Sửu kiêm Khôn Cấn trạch.

Tứ trụ: Ất Hợi Kỷ Mão Đinh Mùi Nhâm Dần

Có quẻ số: $12+2+17+11(\text{họ})=42$ $42+3=45$

Lập được quẻ chủ “Trạch Phong Đại Quá” quẻ biến “Trạch Thuỷ Khốn”.

Quẻ chủ “Trạch Phong Đại Quá”, ý nghĩa của quẻ là “sai lầm, họa”. Quẻ thể Đoài là Kim, quẻ dụng Tốn là Mộc. Thể khắc dụng vốn là cát, nhưng quẻ thể hưu tù ở tại Thái Tuế và nguyệt lệnh, quẻ dụng vượng tướng ở Thái Tuế và nguyệt lệnh, lại có được tam hợp cục Mộc sinh vượng, quẻ dụng đương lệnh cực vượng. Bây giờ quẻ thể hưu tù không những không thể khắc quẻ dụng, mà còn bị quẻ dụng cực vượng khắc ngược lại, cho nên mới xuất hiện tai họa. Gia chủ sau khi dụng sự vào tháng 8 của năm đó, nữ chủ phạm phải kiện tụng liên quan mạng người mà bị vào tù, sau đó bị phán án hình 10 năm tù, mà còn vì kiện tụng mà bị hao hụt tiền tài tới hơn hai vạn tệ, nguyên do cũng là vì quẻ biến thể sinh dụng tiết khí của thể mà hao tổn tiền tài vật chất. Cho nên quẻ này không tốt, mà thể khắc dụng cũng là quẻ xấu.

Ví dụ 2: Quái tượng không cát, thể sinh dụng hao tổn, dụng khắc thể còn càng xấu hơn.

Gia chủ chọn giờ Dần ngày mùng 3 tháng 11 năm 1982 âm lịch để vào ở Cấn trạch.

Tứ trụ: Nhâm Tuất Nhâm Tý Giáp Tuất Bính Dần

Có quẻ số: $9+11+3=23$ $23+3=26$

Lập được quẻ chủ “Sơn Trạch Tốn”, quẻ biến “Sơn Lôi Di”.

Quẻ chủ của nhật khóa “Sơn Trạch Tốn”, có ý nghĩa là “thương tổn, tổn thất, giảm đi”, là quái tượng không tốt nhất. Bây giờ quẻ chủ, quẻ thể sinh quẻ dụng, đều có tai họa hao tổn, quẻ biến là quẻ dụng khắc quẻ thể, vậy nên hung càng thêm hung. Quẻ dụng khắc thể vượng tại nguyệt lệnh, cho nên họa càng lớn. Nếu thêm cả đại tượng hóa hồi đầu khắc, thì tai họa không ngừng đến. Gia chủ sau

khi nhập trạch thì chỉ trong một tháng, cha chết vì bệnh tật, gia chủ 20 năm sau cũng chết, hưởng thọ 47 tuổi.

Ví dụ 3: Dụng khắc thể, dụng sinh thể chưa chắc đã hung.

Gia chủ chọn giờ Mão ngày 12 tháng 10 năm Mùi là năm 1979 âm lịch

Tứ trụ: Kỷ Mùi Ất Hợi Nhâm Dần Quý Mão

Có quẻ số: $6+10+12+12$ (họ)=40 $40+4=44$

Lập được quẻ chủ “Địa Lôi Phục”, quẻ biến “Địa Trạch Lâm”, hào 2 phát động.

Quẻ chủ “Địa Lôi Phục”, có thể là “Khôn Thổ”, dụng là “Chấn Mộc”, là dụng khắc thể. Quẻ biến “Địa Trạch Lâm”, thể là Khôn Thổ, dụng là Đoài Kim, là thể sinh dụng, vốn là không tốt. Nhưng quẻ hồ thể dụng đều là Khôn Thổ, tất cả giống nhau, quẻ biến Đoài Kim được tất cả sinh nên có thể khắc phục quẻ dụng Chấn Mộc, nên không thể thành hung, mà hóa hung thành cát. Gia chủ sau khi dụng sự sẽ bình an đại cát. Có 4 người con trai, trong đó có 2 người làm quan chức cao trong nhà nước, hai người còn lại đều làm ăn phát tài, có đình có tài có quý, cha mẹ cũng sống lâu hưởng thọ, con dâu hiếu thuận tôn trọng cha mẹ, vợ chồng hòa thuận.

Ví dụ 4: Thể suy sinh dụng, vượng dụng khắc thể, đình tài bại tuyệt.

Gia chủ chọn giờ Dần ngày 16 tháng 2 năm Mậu Thìn 1928 âm lịch kiến Hợi kiêm Mão trạch.

Tứ trụ: Tuất Thìn Ất Mão Bính Ngọ Canh Dần

Có số quẻ: $5+2+16=23$ $23+3=26$

Lập được quẻ chủ “Sơn Trạch Tổn” quẻ biến “Địa Trạch Lâm”, hào 2 phát động.

Quẻ chủ của khóa là “Sơn Trạch Tổn”, có nghĩa là tổn thất, thương tổn, giảm đi, là quẻ xấu nhất. Quẻ thể Cấn Thổ, tử tại nguyệt lệnh nên không cát, quẻ dụng Đoài Kim biến Chấn Mộc vượng tại nguyệt lệnh nhưng mà phương Đông tam hội Mộc cục khắc quẻ thể là đại hung, quẻ thể hữu tử vô sinh, quẻ có nghĩa là đình tài bại tuyệt. Cho nên dụng sự của trạch này đến năm 1999, đã trải qua hơn 71 năm, giờ đây trạch này chỉ còn đúng một ông già cao tuổi còn ở, nhưng vẫn không lấy được vợ, muốn biết cụ thể thì đọc tiếp sẽ rõ.

3. Hiệu ứng sinh khắc của quái tượng

Sau khi lập xong quẻ của dụng sự nhật khóa, sẽ có được hai tổ hợp quái tượng hoặc ba tổ hợp quái tượng của nhật khóa. Quẻ thuần của nhật khóa (bao gồm quẻ địa chi, thiên can giống dưới đây) và thêm quẻ tên họ cũng như quẻ địa danh. Quái tượng chủ yếu gồm quẻ chủ và quẻ biến, nếu nhất định cần thêm quẻ thời gian thì có thêm quẻ hỗ. Quái tượng nên vượng không nên suy, nên hóa sinh, hóa tử hòa, không nên hóa hồi đầu khắc, hóa hồi đầu xung. Nếu quẻ chủ là quẻ "Cấn Vi Sơn", biến là quẻ "Khôn Vi Địa", dù quái tượng hóa tử hòa, nhưng cũng không dễ gì bởi vì hóa đối xung. Bởi vì hai quẻ Cấn và Khôn có phương hướng tương phản, là quẻ tương xung, là cát ít. Đương nhiên, tất cả nhật khóa đều có một hào động, không thể có hai hào động mà có được quẻ Lục xung từ hai quẻ có phương hướng tương phản nhau. Nhưng ngoại trừ hai cung phương hướng tương phản nhau thì những bát quái khác lại khác. Ví dụ như cung Cấn quẻ "Tốn" có hào 6 phát động, biến thành quẻ "Lâm" của cung Khôn. Bởi vì quẻ "Tốn" không tốt, đại tượng hóa hồi đầu xung, càng không tốt. Mà quái tượng, hào tượng đều cát, đại tượng hóa hồi đầu xung, không hóa hồi đầu khắc, như vậy vẫn có thể tạm được. Quẻ chủ sinh vượng lại bị quẻ biến đại tượng hóa hồi đầu sinh, hóa tử hòa, chủ đại cát, chủ đỉnh tài cả hai đều vượng, phát tài dài lâu, đồng thời trong nhà ai cũng hưởng thọ sống lâu; như quẻ chủ, quẻ biến hưu tù tử tuyệt, chủ khó mà thêm đỉnh phát tài. Nếu quẻ chủ có hào sinh vượng đại tượng hóa hồi đầu khắc, thêm hào tượng không tốt, gia chủ ắt có tổn thương bệnh tật, tiền tài, hoặc tổn khắc nhân đinh, nhân định tổn thọ hoặc chết sớm. Nhưng nếu quái tượng hóa hồi đầu sinh, cần phân tích tỉ mỉ lại. Nếu có quẻ cát hào cát, lại có đại tượng hóa hồi đầu sinh, hóa tử hòa, tốt càng thêm tốt. Nếu có quẻ hung và hào tượng cũng không cát, đại tượng hóa hồi đầu sinh, ngược lại trở thành hung, đại tượng hóa hồi đầu khắc, hung càng thêm hung. Nhẹ thì mất tài lộc bị thương bệnh tật, nặng thì thành viện trong gia đình chết, mất mạng hoặc bị kiện tụng, đỉnh tài đều tận.

Phương pháp phán đoán vượng suy của quái tượng:

1, Xem hai quẻ chủ biến thuộc vào cung nào của bát quái, thuộc vào hành nào của ngũ hành, lấy bát cung và ngũ hành để xác định tính chất của quẻ.

2, Quái tượng nhật khóa thời gian ngắn thì lấy nguyệt lệnh, nhật kiến để định ra vượng suy; nhật khóa thời gian lâu dài hơn trừ dùng

nguyệt lệnh, nhật kiến để phán đoán ra, còn ứng dụng cả Thái Tuế để phán đoán vượng suy.

3, Sự vượng suy của quẻ thể dụng và quẻ chủ, quẻ biến, trừ dùng phương pháp bên trên để phán đoán ra, còn dùng tập hợp quần thể để phán đoán vượng suy.

Ví dụ 1: Đại tượng hóa hồi đầu khắc, thoái tài tổn đình khắc gia chủ.

1, Chọn giờ Dần ngày mùng 3 tháng 11 năm 1982 âm lịch để vào nhà mới.

Tứ trụ: Nhâm Tuất Nhâm Tý Giáp Tuất Bính Dần

Lập được quẻ chủ "Sơn Trạch Tổn" (bát quái cung Cấn, ngũ hành thuộc Thổ), quẻ biến "Sơn Lôi Di" (bát quái cung Tốn, ngũ hành thuộc Mộc).

Khóa này quẻ chủ "Sơn Trạch Tổn", là quẻ không cát, thuộc cung Cấn quái thứ 4, ngũ hành thuộc thổ, quẻ biến "Sơn Lôi Di" cung Tốn quẻ thứ 7, ngũ hành thuộc Mộc. Hôm đó quẻ biến sinh vượng, đại tượng hóa hồi đầu khắc quẻ chủ làm suy nhược đại tượng (Mộc khắc Thổ), gia chủ thoái tài tổn đình. Gia chủ sau khi vào nhà mới trong một tháng cha chết vì bệnh. Gia chủ vào năm 1994 cũng chết, hưởng thọ 47 tuổi.

2, Chọn giờ Dần ngày 16 tháng 2 năm 1928 âm lịch để kiến Ất trạch.

Tứ trụ: Mậu Thìn Ất Mão Bính Ngọ Canh Dần

Lập quẻ nhật khóa được quẻ "Sơn Trạch Tổn", quẻ biến "Sơn Lôi Di".

Quẻ ở đây giống với ví dụ bên trên, quẻ "Sơn Trạch Tổn" thuộc cung Cấn quẻ thứ 4, ngũ hành thuộc thổ, tử tại nguyệt lệnh, lại bị tứ trụ Dần Mão Thìn phương Đông Mộc cục hợp lại mà khắc phạt, quẻ chủ "Sơn Trạch Tổn" vốn là tử tuyệt đã rất hung rồi. Quẻ biến "Sơn Lôi Di" thuộc cung Tốn quẻ thứ 7, vượng tại nguyệt lệnh lại còn được hội phương cục thành công tử vượng, thực lực Mộc khí quá vượng đến mức cang thừa, bây giờ vượng mạnh đến mức đại tượng háa hồi đầu khắc tử tuyệt đại tượng (Mộc khắc Thổ), quẻ chủ đại tượng hữu tử vô sinh, là ngày tài bại tuyệt. Khóa này dụng sự đến nay đã được hơn 70 năm rồi, tại đây có một ông già hơn 60 tuổi ở, nhưng đến giờ vẫn không lấy được vợ.

Ví dụ 2: Đại tượng hóa hồi đầu sinh, hạnh phúc cát tường.

1, Gia chủ chọn giờ Dậu ngày 30 tháng 11 năm Dậu 1957 kiến Dậu trạch.

Tứ trụ: Đinh Dậu Tân Hợi Bính Thân Đinh Dậu

Thêm họ lập được quẻ chủ "Trạch Lôi Tuyền", quẻ biến "Thủy Lôi Truân".

Khóa này quẻ chủ "Trạch Lôi Tuyền" thuộc cung Chấn quẻ thứ 8, ngũ hành thuộc Mộc, đắc nguyệt lệnh sinh. Quẻ biến "Thủy Lôi Truân" thuộc cung Khảm quẻ thứ 3, ngũ hành thuộc Thủy, vượng tại nhật lệnh và thời thần. Bấy giờ đại tượng hóa hồi đầu sinh nện đắc tượng vượng, là tượng đại cát. Gia chủ sau khi dựng sự đến bấy giờ đã hơn 20 năm, đình tài quý thọ đều có cả. Gia chủ có 4 đứa con trai và 2 đứa con gái, mỗi người có những mức độ vượt trội khác nhau. Con trai lớn cung vận hanh thông, nhiều lần thăng chức, bây giờ đang giữ chức cao trong quận; con trai thứ 2 làm ăn cũng rất phát tài, con trai thứ 3, 4 học tại trường đại học trọng điểm toàn quốc sau khi tốt nghiệp, lại du học ở Mỹ, còn có được học vị thạc sĩ, hai cô con gái đều không phụ công nuôi dưỡng, gả cho những người chồng tốt, vợ chồng gia chủ cũng mạnh khỏe sống lâu.

2, Chọn giờ Dần ngày mùng 2 tháng 11 năm Nhâm Thân 1992 âm lịch để dọn vào ở nhà mới.

Tứ trụ: Nhâm Thân Tân Hợi Ất Ty Mậu Dần

Lập được quẻ chủ "Phong Địa Quan", quẻ biến "Thủy Đại Tỷ".

Khóa có quẻ chủ "Phong Địa Quan" thuộc cung Càn quẻ thứ 5 ngũ hành thuộc Kim, vượng tại Thái Tuế. Quẻ biến "Thủy Đại Tỷ" là cung Khôn quẻ thứ 8 ngũ hành thuộc Thổ, vượng tại nhật kiến. Hôm đó quẻ biến đại tượng hóa hồi đầu sinh quẻ chủ, đó chính là vợ chồng tương phối, định vị thiên địa Càn Khôn, là quái tượng đại cát đại lợi. Gia chủ sau khi dựng sự, tất cả đều thuận lợi, vợ chồng liên tục thăng chức, bây giờ đã thăng chức đến phó tỉnh, cấp trưởng quận, nắm trong tay quyền dân mệnh và sinh sát. Con trai học hành giỏi giang, là học sinh ưu tú trong trường nổi tiếng, bây giờ còn được trường đại học trọng điểm toàn quốc gửi giấy mời nhập học. Cha mẹ mạnh khỏe sống lâu, hơn 80 tuổi mà nhìn vẫn như mới hơn 60, tinh thần vui vẻ, đi lại nói chuyện thoải mái.

Từ rất nhiều ví dụ về nhật khóa có thể khảo chứng, dưới tiền đề có được quẻ cát, thông thường dựng sinh thể, thể dụng tỷ hòa cát. Dụng khắc thể ít cát, thể sinh dụng có hao tổn. Nhưng quẻ cát và

hào tượng cát, thì chỉ cần quẻ thể vượng, có lúc sẽ suy dụng khắc vượng thể, thể sinh dụng cũng sẽ không gặp phải tai họa, quan trọng là ở tổng hợp tất cả lại để phán đoán. Như có quẻ "Tồn", ý nghĩa quẻ đã không tốt rồi, lại hào 6 phát động, tuy quẻ dụng sinh thể, nhưng không có gì tốt để nói. Bởi vì hào 6 lâm Ứng động khắc hào Thể, ắt sẽ khắc cung chủ gặp họa. Lại thêm quẻ "Ích", quái tượng có hàm ý là ích tiến, ích hào, lại có quẻ thể dụng tỷ hòa, vốn là quẻ cát, nếu hào 6 Huỳnh Đề Mão Mộc lâm Ứng hoặc hào 2 Huỳnh Đề Dần Mộc phát động, mặc dù là quẻ tỷ hòa, nhưng không cát, sẽ có khắc chủ hoặc phụ nữ gặp tai họa hoặc có họa thoái tài; hào 6 động hóa xuất quẻ "Truân", đại tượng hóa sinh, quẻ này có thông tin hung xuất hiện, không có gì tốt để mà bàn.

Tác giả có kinh nghiệm sau việc trải qua khảo nghiệm vô số ví dụ nhật khóa, dùng quái tượng dự đoán là có chỗ chính xác, những cũng có phương diện không được chính xác lắm. Bởi vì dùng quái tượng dự đoán hoàn toàn không nói đến dụng thần sinh vượng tử tuyệt, chỉ nói một phương diện nên đương nhiên mức độ chính xác của dự đoán không cao. Chỉ có kết hợp quái tượng và hào tượng để tiến hành dự đoán, mới là khoa học nhất, chính xác nhất, linh nghiệm nhất. Với kinh nghiệm của tác giả, muốn đoán được thông tin của một nhật khóa, trừ việc đầu tiên là cần xếp xong tứ trụ ra, cần chú ý hung cát của quái tượng, đồng thời dùng lục hào dự đoán là phương pháp dự đoán rộng lớn bao quát nhất, có độ chính xác nhất, linh nghiệm nhất, nó là tinh túy của nhật khóa dự đoán học.

TIẾT 3: HUNG CÁT ỨNG KỲ CỦA NHẬT KHÓA

Dụng sự nhật khóa sau khi thông qua dự đoán quái tượng và hào tượng xong, thông tin hung cát của nhật khóa đã rõ ràng. Nhưng khi nào thì ứng nghiệm cần phải dự đoán ra được. Cho nên xác định hung cát ứng kỳ là vô cùng quan trọng. Nó có liên quan đến kết quả thành bại sau khi dự đoán tính vận. Chính xác có thể tạo phúc cho nhân dân và xã hội, nâng cao danh tiếng cho dự đoán, không chính xác thì họa quốc họa dân, hủy hoại dự đoán học, hạ thấp danh tiếng của dự đoán học. Bên trên đã nói qua, quẻ cát, một khi ứng kỳ sẽ vô cùng may mắn, nhưng cũng cần phải nắm bắt lấy thời cơ, phát huy tính chủ quan năng động của con người, không để vụt mất thời cơ tốt để phát huy, cho nên ứng kỳ dù có sai sót thì cũng không có vấn đề gì to lớn; nhưng quẻ hung, nếu như dự đoán ứng kỳ không chuẩn, khiến cho người dụng sự không

phòng bị hay có chuẩn bị trước, không cách nào có cách hóa giải hay cách đối phó khi thời gian ứng kỳ đến, kết quả khi ứng kỳ đến xảy ra tai họa, khiến cho người dụng sự trở tay không kịp, khiến cho người dụng sự và xã hội xảy ra tai họa tổn thất.

Thời gian ứng nghiệm hung cát của dụng sự nhật khóa có dài có ngắn. Có khi chỉ trong thời gian trong ngày dụng sự, có khi dài đến mấy chục năm sau khi dụng sự. Cái này có liên quan đến những gì nói trong sách và những tổng kết trong thực tiễn của tác giả, hễ là nhật khóa của dụng sự nhật khóa trong vòng 1 năm thì đó là nhật khóa thời gian ngắn, như xuất hành, cầu tài,... có thời gian hung cát ứng kỳ chỉ trong giờ, ngày, tháng. Dụng sự nhật khóa thời gian dài là ngày kết hôn, xây nhà, vào nhà mới, an táng,... thì đó là nhật khóa thời gian dài, hung cát ứng kỳ chia làm hai giai đoạn: giai đoạn ứng kỳ thứ nhất là quẻ địa chi ứng kỳ của năm dụng sự, lấy lấy giờ, ngày, tháng của năm dụng sự xác định ứng kỳ, cái này tương đồng với dụng sự nhật khóa ứng kỳ thời gian ngắn; giai đoạn ứng kỳ thứ 2 là năm thứ 2 đến mấy chục năm sau dụng sự, hung cát ứng kỳ theo năm và tháng. Tác giả trong quá trình nghiên cứu và thực nghiệm thực tế phát hiện ra, rất nhiều dụng sự nhật khóa trong năm dụng sự hoặc sau mấy năm dụng sự vẫn cát, thậm chí còn rất may mắn, nhưng với những quẻ nhật khóa thời gian dài có chứa thông tin hung, thì cũng ứng kỳ trong vài năm sau dụng sự đến tận mấy chục năm sau, ứng kỳ một khi đến, cần dự đoán trước, đồng thời xác định chuẩn ứng kỳ, trước khi ứng kỳ đến cần tìm cách hóa giải cứu chữa, để có thể loại trừ đi tai họa sắp đến hoặc giảm nhẹ đi mức độ của tai họa. Nhưng, có một vài nhật khóa trước thì cát sau lại hung, gia chủ trước mắt thì may mắn, có nói với gia chủ nhà anh ta trong 3-5 năm hoặc lâu hơn chút có thể khắc gia chủ, gia chủ sẽ không tin, có khi còn nói bạn thấy anh ta phát tài may mắn nên ghen tị, nói lung tung. Cho nên, dự đoán ra hung họa và ứng kỳ, có thể tiến hành hóa giải hay không còn xem phúc phận của gia chủ. Theo những gì tác giả đã từng gặp qua, nếu như người dụng sự sau khi dụng sự trong năm đó gặp tai họa, lại biết được thời gian ứng nghiệm, anh ta mới tin, cần dự đoán ra được một tai họa xảy ra vào lúc nào đó trước, sau anh ta mới hoàn toàn chủ động gọi bạn giúp đỡ hóa giải. Đương nhiên, trong ứng nghiệm chuyện tốt cũng cần giúp cho gia chủ nắm bắt thời cơ, nắm lấy cơ hội, như vậy mới may mắn.

Phương pháp định hung cát ứng kỳ của dụng sự nhật khóa như sau:

Hung cát ứng kỳ của dụng sự nhật khóa có hai loại dụng sự thời gian ngắn và dụng sự thời gian dài. Dụng sự nhật khóa thời gian ngắn là nhật khóa trong năm dụng sự, trong đó bao gồm cả hung cát của dụng sự nhật khóa thời gian dài trong năm đó. Tam sát, bát sát nhật khóa ứng nghiệm nhanh chóng, những nhật khóa khác thì hơi chậm hơn. Dụng sự nhật khóa thời gian ngắn có thời gian ứng nghiệm là giờ, ngày, tháng. Nếu nhanh ứng nghiệm trong ngày giờ, chậm chút thì là tháng. Dụng sự nhật khóa thời gian dài là thời gian dụng sự từ 2 năm trở lên, như chọn ngày tạo táng, tu tạo, dịch chuyển, kết hôn, mở rộng kinh doanh doanh nghiệp,... Thời hạn ứng nghiệm trừ hung cát trong năm dụng sự ra, còn có cả hung cát lâu dài hơn. Như có nhật khóa cát trước hung sau và hung trước cát sau. Có cái thì sẽ cát hết hoặc không có cũng không mất gì. Dụng sự nhật khóa thời gian dài lấy thời hạn là năm, nhanh thì 2-3 năm, chậm thì mấy chục năm,... trong dự đoán nên dự đoán ứng định đúng giới hạn năm, tháng.

Phương pháp xác định ứng kỳ rất nhiều, mà cũng rất phức tạp, khi xác định ứng kỳ nên tổng hợp các phương pháp lại để phán đoán, lập đi lập lại để so sánh, thực nghiệm, tích lũy kinh nghiệm, mới có thể đưa ra được ứng kỳ chính xác. Bây giờ tác giả lấy một vài ví dụ và kinh nghiệm của tác giả khi dự đoán để tham khảo.

1. Hung cát ứng kỳ của dụng sự nhật khóa thời gian ngắn

1, Lấy số hào động hoặc hào biến của quẻ chủ để xác hung cát ứng kỳ. Hoặc dựa vào số quẻ từ những hào động hóa ra đó để xác định ứng kỳ.

Ví dụ quẻ chủ Càn Vi Thiên, hào 5 Huỳnh Đệ Thân Kim phát động, có thông tin về tổn tài thoái tài, hào 5 động là số 5, là 5 tiếng, 5 ngày, 5 tháng. Hào 5 phát động biến xuất ra quẻ Ly, là số 3, là 3 tiếng, 3 ngày hoặc 3 tháng chính là thời gian ứng nghiệm.

2, Lấy sinh khắc dụng thần của hào trực phùng đương lệnh hoặc sinh vượng xác định tháng, ngày giờ ứng kỳ.

Ví dụ hào Thìn Thổ Mão Mộc hóa hồi đầu khắc, ngày Giáp Ất Dần Mão là ngày ứng kỳ, hoặc ngày Hợi Tý Nhâm Quý là ngày ứng kỳ.

3, Lấy hào nguyên thần sinh dụng thần, hào động kỵ thần xuất ra hào phùng tam hợp của khắc dụng thần để xác định ngày tháng ứng kỳ.

Ví dụ hào dụng thần là Sửu Thổ, hào kỵ thần là Dần Mộc, động xuất thành Tý hoặc Hợi Thủy, có Thân Tý Thìn và Hợi Mão Mùi là ngày tháng ứng kỳ của dụng thần bị khắc.

4, Lấy số quẻ thể dụng của quẻ chủ và quẻ biến để xác định ứng kỳ.

Ví dụ quẻ chủ “Càn Vi Thiên”, quẻ biến “Hỏa Thiên Đại Hữu”, số quẻ thể dụng của quẻ chủ là 2, số quẻ thể dụng của quẻ biến là 4. Có thể xác định được đó là 2 ngày, 2 tháng hoặc 4 ngày, 4 tháng.

5, Lấy nguyên thần, kỵ thần vượng mà gặp Không Vong, lấy ngày xuất Không xung Không là ngày ứng kỳ của sinh khắc dụng thần.

Ví dụ quẻ nhật khóa thuộc tuần Giáp Tý, có kỵ thần Tuất Hợi là Không Vong, nếu vượng tướng, vượng thì không còn là Không, mà tại ngày xung Không hoặc điền thực sẽ xảy ra tai họa; nếu là nguyên thần, vào ngày xung Không hoặc xuất Không ắt đặc ích.

6, Lấy nhật nguyệt mà nguyên thần, kỵ thần động mà gặp hợp, hoặc ngày tháng xung hợp là thời gian ứng kỳ sinh khắc.

Ví dụ dụng thần là Hợi Thủy, kỵ thần là Sửu Thổ động hóa Tý Thủy, tại tháng ngày Ngọ Mùi xung hợp, mà Sửu thổ vô hợp, nên khắc dụng thần Hợi Thủy.

7, Lấy nguyên thần, kỵ thần hóa tiến thần trực phùng trực hợp là thời gian ứng kỳ.

Ví dụ Thân động hóa Dậu, là hóa tiến thần, cố họa có phúc, ứng vào ngày tháng Thân, ứng vào ngày tháng Tý, nguyên thần ắt đặc phúc, nếu là kỵ thần ắt gặp tai họa.

8, Nhập mộ khố, xác định ứng kỳ vào ngày xung mộ.

Ví dụ nguyên thần, kỵ thần là Ngọ Hỏa, nhập mộ tại Tuất, sau gặp ngày Thìn xung khai mộ khố ắt ứng nghiệm.

Ví dụ 1: Chọn giờ Mùi ngày 16 tháng 3 năm Ất Hợi 1995 âm lịch xây bếp ở hướng Bắc.

Tứ trụ: Ất Hợi Canh Thìn Mậu Dần Kỷ Mùi

Lập quẻ được quẻ chủ năm đó là “Càn Vi Thiên”, quẻ biến “Hỏa Thiên Đại Hữu” hào 5 Huỳnh Đế Thân Kim phát động, có thông tin thoái tài. Nhật khóa vốn là nhật khóa tam sát, ứng nghiệm nhanh, xác định số ngày ứng kỳ thoái tài xảy ra.

(1) Quẻ biến “Hỏa Thiên Đại Hữu” số thể dụng là số 4, là 4 ngày.

(2) Hào 5 động biến xuất quẻ Ly, Ly là số 3, là 3 ngày.

(3) Hào động là số 5, là ở 5 ngày sẽ thoái tài.

Tổng hợp lại: Sau khi dụng sự trong vòng 3 đến 5 ngày sẽ thoái tài, số ứng cũng là số thoái tài, mất tầm 3 đến 5 trăm tệ (bởi vì Tài gặp nhật kiến, mà tháng 3 hữu khí, kỵ thần mặc dù xung động nhưng vẫn ở mộ khố, cho nên số tiến mất chỉ tầm trăm tệ, không đến nghìn tệ).

Ứng nghiệm: Trong 3 ngày sau khi dụng sự, chim gà chết, mất dao cùi và mất một chiếc xe đạp phượng hoàng mới mua, tổng giá trị khoảng 500 tệ.

Ví dụ 2: Chọn giờ Tý ngày mùng 3 tháng 1 năm Ất Hợi âm lịch xây nhà ở Khôn trạch.

Tứ trụ: Ất Hợi Đinh Sửu Giáp Tý Giáp Tý

Thêm họ vào lập quẻ được quẻ của năm: Quẻ chủ “Thủy Sơn Kiến”, quẻ biến “Thủy Hỏa Ký Tế”, hào sơ phát động, có tai họa khắc nữ chủ (Khôn là mẫu).

1, Lấy số hào động biến xuất của quẻ chủ để xác định ứng kỳ, hào 1 động biến xuất quẻ Ly, Ly là số 3, là 3 ngày, 3 tháng.

2, Có khắc Phụ Mẫu Thìn Thổ là kỵ thần Thê Tài Mão Mộc đặc lệnh trực phùng là ngày tháng ứng kỳ, tháng 1 ngày mùng 5 Bính Dần là ngày giao tiết Lập Xuân, vậy ngày mùng 6 Đinh Mão sau lập xuân là ngày ứng kỳ.

Tổng hợp phán đoán được ngày mùng 6 Đinh Mão tháng 1, là 3 ngày, không phải 3 tháng, bởi vì 3 tháng là tháng Thìn, Phụ Mẫu Thìn thổ đương lệnh sẽ không bao giờ xuất khắc.

Ứng nghiệm: Mẹ của gia chủ đang rất yên ổn tốt lạnh, vào ngày mùng 6 Đinh Mão tháng 1 đột ngột mất. Ứng kỳ vừa hay là 3 ngày.

Ví dụ 3: Chọn giờ Thìn ngày 4 tháng 8 năm Ất Sửu 1985 âm lịch là ngày vào nhà mới (Canh trạch).

Tứ trụ: Ất Sửu Ất Dậu Canh Thìn Canh Thìn

Khóa này thêm họ lập được quẻ của năm đó có quẻ chủ “Trạch Sơn Hàm”, quẻ biến “Trạch Hỏa Cách”, hào sơ phát động, có tai họa khắc chủ.

1, Lấy số thể dụng của quẻ biến “Trạch Hỏa Cách” xác định ứng kỳ, số thể dụng là ứng nghiệm sau 5 ngày, 5 tháng.

2, Lấy ngày tháng năm hào kỵ thần khắc dụng thần đặc lệnh trực phùng xác định ứng kỳ.

Khắc hào 1 Phụ Mẫu Thìn Thổ là hào kỵ thần Thê Tài Mão Mộc, sau dụng sự ngày thứ 5 là ngày Ất Dậu xung khắc hào kỵ thần, cho

nên ứng kỳ không phải 5 ngày sau. Nhưng 1996 năm Bính Dần tháng 1,2 là kỵ thần Thê Tài Mão Mộc đương lệnh trực phùng, ứng với tháng khắc chủ, muốn nhất sẽ không quá tháng 2 tháng Mão mà ứng kỳ đến.

Tổng hợp lại phán đoán: Sau khi dụng sự 5 tháng là tháng 1 năm Bính Dần 1986, mà không phải tháng 2, xác định được tháng 1 năm Bính Dần 1986 khắc chủ, đó vừa đủ 5 tháng ứng kỳ khắc chủ.

Ứng nghiệm: Cha gia chủ sau khi vào nhà ở vì công việc nên bị thương nhẹ mà dẫn đến bị trúng phong, làm lỡ mất thời gian điều trị, cứu chữa không thành công nên vào tháng 1 năm 1986 âm lịch mất, hưởng thọ 40 tuổi, khắc chủ ứng nghiệm đúng 5 tháng sau dụng sự.

2. Hung cát ứng kỳ của dụng sự nhật khóa thời gian dài

1, Lấy số thể dụng của quẻ biến xác định ứng kỳ.

2, Lấy số thể dụng của hai quẻ chủ-biến hoặc số thể dụng của ba quẻ chủ-hỗ-biến để xác định ứng kỳ, lấy tổng số hoặc bình quân tổng số.

3, Lấy niên nguyệt sinh vượng của hào sinh khắc dụng thần là thời gian ứng kỳ, hoặc lấy niên nguyệt tam hợp cục của hào sinh khắc dụng thần để xác định ứng kỳ. Như hào động Dần mộc sinh khắc dụng thần, xác định được năm tháng Giáp Hợi Dần Mão hoặc năm tháng Dần Ngọ Tuất sẽ ứng nghiệm.

4, Lấy niên nguyệt sinh vượng trực phùng hoặc tam hợp của hào động sinh khắc dụng thần mà hóa xuất là thời gian ứng kỳ. Như Mão Mộc hóa xuất Tý Thủy, có thể xác định năm tháng Hợi Tý hoặc năm tháng Thân Tý Thìn sẽ ứng nghiệm.

Ví dụ 4: Chọn giờ Dần ngày mùng 3 tháng 11 năm Nhâm Tuất 1982 âm lịch để vào nhà mới.

Tứ trụ: Nhâm Tuất Nhâm Tý Giáp Tuất Bính Dần

Lập được quẻ chủ "Sơn Trạch Tồn", quẻ biến "Sơn Lôi Di", hào 2 Quan Quỷ Mão Mộc phát động khắc Huynh Đệ Sửu Thổ, có đại họa khắc chủ. Càn trạch là Dương là nam, chắc chắn khắc nam chủ.

Ứng kỳ như sau:

1, Lấy số thể dụng của quẻ biến "Sơn Lôi Di" để xác định ứng kỳ, số thể dụng quẻ biến là số 11, khắc chủ ứng kỳ là 11 năm.

2, Có khắc hào Thế của Dần Mão Mộc trực phùng năm Giáp Ất Dần hoặc năm tam hợp Dần Ngọ Tuất của Quan Quỷ Mão Mộc hóa xuất để xác định năm ứng kỳ. Năm 1994 là năm Giáp Tuất, hợp với hai điều kiện ứng kỳ bên trên, xác định năm Giáp Tuất 1994 là năm khắc chủ, nhưng dụng sự đến năm 1994 là 12 năm.

Tổng hợp phán đoán: Nếu một ứng kỳ là 11 năm, một là 12 năm, chính xác ứng kỳ là số bình quân của hai ứng kỳ này, xác định được 11 năm 6 tháng sẽ khắc chủ. Chính lá tháng 5,6 năm Giáp Tuất 1994 khắc chủ.

Ứng nghiệm: Gia chủ vào cuối tháng 5 năm 1994 âm lịch, gặp phải sự cố ngoài ý muốn mà mất mạng, hưởng thọ 47 tuổi, ứng kỳ vừa hay đúng 11 năm 6 tháng.

Ví dụ 5: Chọn giờ Ngọ ngày 14 tháng 2 năm Tân Mùi 1991 âm lịch xây nhà ở Ly trạch.

Tứ trụ: Tân Mùi Tân Mão Mậu Tuất Mậu Ngọ

Khóa này thêm họ lập được quẻ chủ "Địa Sơn Khiêm", quẻ biến "Thủy Sơn Kiềm", hào 5 Tử Tôn Hợi Thủy trì Thế động hóa Phụ Mẫu Tuất Thổ hồi đầu khắc, có khắc chủ hoặc khắc con cái hoặc có tai họa kiện tụng. Hào 6 Huynh Đệ Dậu Kim lại được nguyệt kiến xung động, có tai họa thất thoát tài sản lớn.

Ứng kỳ: Lấy hóa khắc của hào thế Tử Tôn Hợi Thủy là năm mà Phụ Mẫu Tuất Thổ trực phùng để xác định năm ứng kỳ, năm Giáp Tuất 1994, kỵ thần Phụ Mẫu Tuất Thổ trực phùng, ắt có tai họa. Bởi vì Tuất Thổ và nguyệt lệnh Mão Mộc tương hợp, tháng Thìn xung hợp, ứng với tháng 3 năm 1994 âm lịch xảy ra tai họa.

Ứng nghiệm: Tiết Thanh Minh tháng 3 năm 1994 âm lịch, con trai gia chủ đang học cao trung về quê tảo mộ, tham gia đánh nhau, phạm phải kiện tụng liên quan mạng người, bị phán nhất 12 năm, sau khi trưởng thành chịu hình phạt, hủy hoại sự nghiệp học hành và tiền đồ phía trước, lại còn hao tổn tiền tài đến hơn 1 vạn.

Ví dụ 6: Chọn giờ Mão ngày mùng 5 tháng 1 năm 1981 âm lịch xây nhà tại Càn trạch.

Tứ trụ: Tân Dậu Canh Dần Kỷ Mùi Đinh Mão

Khóa thêm họ lập được quẻ chủ "Lôi Địa Dự", quẻ biến "Hỏa Địa Tấn", hào 6 phát động, quẻ cát hào cát, là cách cục lợi về văn chương học hành, thi đậu đại học.

Ứng kỳ:

1, Lấy số thể dụng của quẻ biến "Tấn" xác định ứng kỳ. Số thể dụng của quẻ "Tấn" là số 11, là 11 năm sau có người học đại học.

2, Lấy hào động của sinh Quan tinh, năm tam hợp hào 6 Thê Tài Tuất Thổ hóa xuất hào Tử Tôn Tỵ Hỏa xác định ứng kỳ có người học đại học, là năm Kỷ Dậu.

3, Lấy Quan Ấn đặc sinh vượng xác định năm ứng kỳ. Quan tinh là Kim, Ấn tinh là Thủy, nên năm Nhâm Quý Thân Dậu là năm ứng kỳ.

Tổng hợp phán đoán: 11 năm ứng với năm Nhâm Thân 1992; theo điều 2,3 xác định là năm Quý Dậu 1993. Mặc dù năm Nhâm Thân 1992 Quan Ấn trực phùng tương vượng, nhưng năm Nhâm Thân 1992 và hào động Thê Tài Tuất thổ hóa xuất Tỵ Hỏa hợp trứ, cho nên xác định năm Quý Dậu 1993 và Tỵ Hỏa hợp Quan cục có người học đại học.

Ứng nghiệm: Con trai gia chủ năm Kỷ Tỵ 1989 sau khi tốt nghiệp cấp 3 thì thi đỗ cao đẳng, nhưng vì nhiều nguyên nhân khác nhau mà không trúng tuyển. Sau này tiếp tục học ôn lại, đến năm Quý Dậu 1993 thì thi đỗ một trường cao đẳng y ở hướng Tây, trở thành cử nhân. Năm 1989 năm Kỷ Tỵ mặc dù thi đỗ nhưng vẫn không trúng tuyển, 1 là vì khóa này là học đại học chứ không phải học cao đẳng, hai là vì quẻ khóa này trong Quan tinh Thân Kim bị lưu niên Kỷ Tỵ hợp trứ, Quan tinh bị hợp mà thất bại.

Ví dụ 7: Chọn 6 giờ 30 chiều ngày 30 tháng 11 năm 1957 âm lịch để bắt đầu xây nhà ở Dậu trạch.

Tứ trụ: Đinh Dậu Quý Sửu Bính Thân Đinh Dậu

Khóa thêm họ vào lập quẻ được quẻ chủ "Trạch Lôi Tỳ", quẻ biến "Thủy Lôi Truân", hào 4 Phụ Mẫu Hợi Thủy phát động hóa Quan tinh Thân Kim hồi đầu sinh, trong quẻ Tài Quan Ấn tam tinh cùng vượng, ắt có chuyện thăng quan tiến chức và có người học thạc sĩ, tiến sĩ.

Ứng kỳ:

1, Lấy năm của quan tinh trực phùng là năm ứng kỳ, quan tinh Dậu Kim, xác định năm Thân Dậu là năm ứng kỳ.

2, Lấy năm hào tam hợp của hóa xuất là năm ứng kỳ, hào 4 Phụ Mẫu Hợi Thủy hóa Thân Kim Quan tinh hồi đầu sinh, xác định được năm Giáp Tý là năm ứng nghiệm, phú quý.

Ứng nghiệm:

1, Con trai lớn của gia chủ thăng thêm một chức vào năm Giáp Tý 1984, năm Nhâm Thân 1992 lại thăng chức lên phó quận, năm Bính Tý 1996 lại liên tục thăng liên hai chức lên làm bí thư tại một khu ở phía Tây.

2, Con trai thứ 3,4 của gia chủ đến 17 tuổi đều vào học trường đại học trọng điểm của đất nước, sau đó du học ở Mỹ, đều có được học vị thạc sĩ, thành nhân tài đất nước, thời gian ứng nghiệm cũng trùng với quan ấn tương vượng trực phùng.

3. Tổng kết xác định ứng kỳ

Xác định hung cát ứng kỳ của dụng sự nhật khóa là một việc phức tạp và khá khó, đặc biệt là hung cát ứng kỳ của nhật khóa thời gian dài. Tác giả phát hiện, trừ dùng phương pháp ở trên để xác định ra, còn nên tham khảo để rất nhiều nhân tố, quan trọng là xem sơn gia hành vận. Như ví dụ 2,6,7 đều là cát trạch, có người học hành làm quan, ứng kỳ linh nghiệm ở vận 7 là lúc sơn gia hành vận. Bởi vì Càn Đoài sơn gia thuộc Kim, nên ứng nghiệm ở vận Thất Xích thuộc Kim. Mà nếu sơn gia không phải Càn Đoài, mà là Chấn Tốn, bởi vì Chấn Tốn thuộc Mộc, hành vận 7 là sát vận, sơn gia thất vận, sao mà thành quan phú quý được cho nổi?

Cho nên, một dụng sự nhật khóa có thể làm quan phú quý hay không, cần có những điều kiện: 1, là trong quẻ tài Quan tinh phải vượng; 2, là cần đồng bộ với ngũ hành tọa sơn: như Càn Đoài trạch, trong quẻ của khóa Quan tinh ứng Kim; Chấn Tốn trạch, trong quẻ của khóa Quan tinh ứng với Mộc,... đó là đồng bộ; 3, là sơn gia cần hành vận sinh vượng. Phù hợp với những điều kiện trên, gặp vận mà Quan tinh trực phùng được sinh vượng, tất có phú quý. Nếu như thông tin không đồng bộ, sẽ không có phú quý. Ví dụ như Đoài trạch quẻ của khóa có Quan tinh là Mộc, dù vượng, nhưng sơn gia ngũ hành trạch vận không đồng bộ, khó mà nói có phú quý hay không. Nếu thông tin đồng bộ, thông thường là dụng thần sinh vượng trực phùng hoặc năm tam hợp là năm ứng nghiệm.

Đối với ứng kỳ nhất định cần tổng hợp phán đoán linh hoạt. Như phán đoán quẻ nhật khóa của gia trạch này trong 10 năm có người học đại học, nhưng gia chủ không có điều kiện học hành đọc sách, mà người trong nhà cũng không có ai đọc sách học hành, năm ứng kỳ cũng không có ai thi đại học, thì lấy đâu ra sinh viên? Những nguyên tố này cần được xem xét mới có thể phán đoán được. Tóm lại, phán đoán hung cát ứng kỳ của dụng sự nhật khóa

rất khó và phức tạp, phán đoán có chính xác hay không là tiêu chuẩn đánh giá trình độ cao thấp của người thầy. Cho nên, cần ứng dụng các phương pháp phán đoán và các nhân tố nội ngoại tổng hợp lại mới có thể có được mức độ phán đoán chính xác cao, phán đoán hung cát ứng kỳ phải chuẩn, chỉ có như vậy mới tạo phúc cho dân được.

TIẾT 4: ĐẠI CƯƠNG DỰ ĐOÁN QUÁI TƯỢNG

1. Dự đoán ngày xây sửa mộ phần

Lấy quẻ thể là người dụng sự, quẻ dụng là phòng ốc nhà cửa hoặc sơn phần. Thể dụng tỷ hòa, thể khắc dụng, đại tượng hóa sinh hóa tỷ hòa, sống yên ổn. Dụng sinh thể, đại tượng hóa hồi đầu sinh, cát càng thêm cát, có tiến ích có hỷ. Thể sinh dụng, đại tượng hóa tiết khí, có hao tổn tiền tài vật chất. Dụng khắc thể, đại tượng hóa hồi đầu khắc, gia chủ gặp tai họa, thoái tài, bị thương bị bệnh, gặp chuyện thị phi kiện tụng thậm chí còn hao tổn nhân đinh, đó là họa đại hung.

Quẻ có Lục hợp là cát. Quẻ có Lục hợp, Thế Ứng tương sinh tỷ hòa, cát thêm cát. Quẻ không phải Lục hợp, nhưng là quẻ cát, lại có Thế Ứng tương sinh tỷ hòa thì vẫn là cát. Lục xung biến Lục hợp, trước khó sau dễ, trước kém sau tốt. Lục hợp biến Lục xung, trước tốt sau kém hoặc cứ bình bình. Quẻ Địa Thiên Thái, Thủy Thiên Nhu, Địa Lôi Phục, Địa Trạch Lâm, Phong Hỏa Gia Nhân, Sơn Thiên Đại Súc, Lôi Hỏa Phong, Lôi Phong Hằng, Địa Phong Thăng, Trạch Lôi Tùy, Thủy Địa Tỷ, Hỏa Thiên Đại Hữu, Phong Địa Quan vân vân đều là quẻ cát. Nếu như được Sơn Trạch Tồn, Thiên Phong Cấu, Phong Thiên Tiểu Súc, Thủy Sơn Kiến,... là quẻ không cát. Đặc biệt là Sơn Trạch Tồn, là quẻ xấu nhất.

2. Dự đoán ngày kết hôn

Lấy quẻ thể là nhà chủ hôn, nhà trai, là chồng; lấy dụng là nhà gái, là nhà vợ. Quẻ thể vượng, ắt môn hộ nhà trai thẳng; quẻ dụng vượng, ắt nhà gái tiền tài thẳng. Dụng sinh thể, ắt nhà trai có tiền tài, hoặc vợ chồng tương thân tương ái. Thể sinh dụng, chồng yêu thương vợ, hoặc nhà trai chủ động thân thiết nhà gái, hoặc chồng chủ động thân thiết chiều chuộng vợ. Thể dụng tỷ hòa, vợ chồng tương thân tương ái, hoặc nhà trai và nhà gái gắn kết giúp đỡ lẫn nhau.

Dụng khắc thể, thể khắc dụng đều là ít cát, sau kết hôn không thuận lợi hoặc vợ chồng bất hòa.

Đại tượng hóa hồi đầu sinh, vợ chồng ở với nhau đến răng long đầu bạc, hóa tử hòa, vợ chồng bách niên giai lão. Đại tượng hóa hồi đầu khắc, hoặc hóa khắc nhưng đại tượng được sinh vượng, chủ vợ chồng khó mà sống với nhau đến già hoặc có tai họa hôn nhân không thuận lợi.

Ngày kết hôn tốt là ngày có được quẻ Lục hợp, chủ đại cát đại lợi, kỵ nhất là quẻ Thiên Phong Cấu, Phong Thiên Tiểu Súc, chủ vợ chồng khó mà ở với nhau đến đầu bạc răng long, hoặc tình cảm không hòa hợp hoặc có đại họa sinh ly tử biệt.

3. Dự đoán ngày khai trương, cầu tài

Quẻ thể là bản thân, quẻ dụng là kinh doanh là tài sản và đối tác bạn bè. Dụng sinh thể, kinh doanh phát đạt, đối tác bạn bè chăm chỉ siêng năng, cầu tài đắc ích, thể dụng tử hòa, thể khắc dụng, đối tác bạn bè đồng tâm, tiền tài được như ý. Thể sinh dụng lợi ít hoặc khó kinh doanh; dụng khắc thể, đối tác bạn bè không đồng tâm, kinh doanh không thành hoặc hao tổn tiền tài đến mức đóng cửa, quẻ thể nên vượng không nên suy.

Ngày khai trương tốt nhất là có được quẻ Lục hợp, Phong Hỏa Gia Nhân, Sơn Thiên Đại Súc, Địa Phong Thăng, Trạch Lôi Tùy, Thủy Thiên Nhu,... kỵ quẻ Lục xung nhất. Lục xung biến Lục hợp, trước khó khăn sau thành công. Lục hợp biến Lục xung, trước tốt sau thất bại. Lục xung biến Lục xung, cầm bao nhiêu tiền trong tay cũng hết.

4. Dự đoán ngày xuất hành

Quẻ thể là bản thân, quẻ dụng là đường đi hoặc đi tha hương, thể khắc dụng, dụng sinh thể, thể dụng tử hòa, đi tha hương bình an.

Thể sinh dụng có hao tổn tiền tài. Dụng khắc thể, trên đường đi xa gặp tai họa.

Đại tượng hóa hồi đầu sinh, trên đường đi thuận lợi như ý. Đại tượng hóa hồi đầu khắc, trên đường đi xa có tai họa xe cộ.

Hễ là xuất hành, thể nên vượng, thường là quẻ sinh thể, quẻ thể Càn Chấn đa phần là chủ động, Khôn Cấn đa phần là bị động, Tốn thường đi bằng thuyền, Ly đi thẳng, Khôn phòng thất thoát, Đoài chủ tranh chấp.

5. Giải thích ví dụ về dự đoán quái tượng

Ví dụ 1: Cổ khóa: Chọn giờ Ngọ ngày mùng 1 tháng 12 năm Dần, họ Điền, họ Vương và họ Hàn ba nhà lần lượt xây nhà, thầy Thiệu Khang Tiết thêm họ vào để dự đoán, kết quả đều ứng nghiệm.

1, Họ Điền dụng sự lập được quẻ chủ Thủy Phong Tỉnh, hào 5 động được quẻ biến Địa Phong Thăng, quẻ hồ gặp Ly, Đoài là Hỏa trạch vượng. Tồn Mộc là quẻ thể, hào quẻ dụng Khảm Thủy sinh phù, mặc dù nội hồ quẻ Đoài Kim khắc chế thể Mộc, nhưng có ngoại hồ Ly Hỏa khắc chế, mùa đông tháng 12 Thủy vượng Hỏa tử, Ly Hỏa vô khí, nhưng cuối cùng đây vẫn là nguyên tố khắc chế Đoài Kim, ngay cả như vậy, Đoài Kim vẫn là một nhân tố cực kỳ có hại. Bởi vì, mỗi khi gặp ngày tháng năm có địa chi Dậu Kim, thì có tổn hại đến tài sản vật chất; mỗi khi gặp ngày tháng năm có địa chi thuộc Hợi Tý Thủy sẽ có chuyện vui bất ngờ về tài vật, hoặc có được tài vật nhiều, đây là cơ duyên quẻ Khảm Thủy sinh phù quẻ thể; mà mỗi lần gặp ngày tháng năm có địa chi thuộc Dần Mão Mộc, thì có chuyện rất vui mừng. Bởi vì Dần Mão Mộc và quẻ thể Tồn Mộc tương tỷ hòa. Nhưng trong nhà sẽ có lo lắng về chuyện thị phi, bởi vì quẻ hồ Đoài kim chủ chuyện rắc rối.

Quẻ thể Tồn Mộc tiến vào mùa xuân, hoặc hỷ Khảm Thủy sinh phù, nhà họ Điền sẽ thịnh vượng phát tài, nhưng 29 năm sau, sẽ phá sản. Bởi vì quẻ chủ, hồ, biến tổng số là số 29. Nếu trong quẻ không có quẻ hồ Đoài Kim. Vậy thì 29 năm sau vẫn bình an vô sự.

(2) Họ Vương xây nhà. Dụng cùng một phương pháp lập được quẻ Lôi Hỏa Phong hào 3 động, được quẻ biến Chấn Vi Lôi, hồ gặp Đoài Kim, Tồn Mộc, thì có quẻ Trạch Phong Đại Quá, quẻ chủ Chấn Mộc là quẻ thể, Ly Hỏa là quẻ dụng. Đoài Kim là quẻ hồ của thể, khắc hại quẻ thể đều là sát, mặc dù Ly Hỏa chế ước, nhưng lực lượng không lớn. Bởi vì thể Mộc sinh phù dụng Hỏa, hao tiết khí quẻ thể, hoặc vì phụ nữ mà có tổn thất. Cho nên mỗi lần gặp ngày tháng năm địa chi thuộc Hỏa, chủ chuyện hao tổn tiền tài xảy ra. Hoặc vì phụ nữ mà có tổn thất. Được quẻ này, thì gia chủ nhà nhiều nữ giới. Nếu gặp ngày tháng năm địa chi thuộc Hợi Tý, thì gia chủ nhận được đất đai tiền tài. Bởi vì Chấn Mộc là quẻ thể, mặc dù trong quẻ không có Khảm Thủy, nhưng cuối cùng vẫn gặp thuận lợi vào ngày tháng năm sinh thể khí thuộc Thủy. Còn gặp Dần Mão Mộc,... cũng là lúc quẻ thể đắc lệnh, cho nên ngày tháng năm thuộc Dần Mão Mộc, cũng là ngày vui lớn. Quẻ này có sức mạnh dài lâu, bởi vì quẻ Chấn là thể, được quẻ biến là quẻ thuận

Chấn tử hòa. Nhưng 22 năm sau, nhà sẽ gặp phải tai họa về đại hỏa, hỏa hoạn mà bị hủy hoại. Cũng giống như ví dụ về nhà của họ Điền, toàn bộ quẻ số đều ứng nghiệm.

(3) Họ Hàn xây nhà. Dùng cùng một phương pháp lập quẻ, được quẻ chủ Phong Lôi Ích và quẻ biến Phong Trạch Trung Phu, hào 2 phát động, hồ gặp Cấn, Khôn. Quẻ biến Đoài Kim khắc quẻ thể, chủ gia chủ cẩn thận kiện tụng, ứng nghiệm vào ngày tháng năm có địa chi thuộc Dậu, hoặc gặp năm Thân Dậu sẽ bị bệnh tật. May năm quẻ dụng Chấn Mộc và quẻ thể Tốn Mộc tử hòa, năm tháng ngày địa chi thuộc Dần Mão, sẽ có chuyện vui đến. 31 năm sau, căn nhà gặp phải chuyện nguy hiểm, bị hủy hoại vào năm thuộc Kim, hoặc vào giữa năm Dậu khắc thể. Nếu như trong quẻ không có Đoài Kim, hoặc mặc dù có Đoài Kim nhưng có nhất Khảm sinh phù quẻ thể. Thì 31 năm sau, nhà cửa vẫn bình an vô sự.

Ví dụ 2: Dự đoán quái tượng dụng sự nhật khóa hiện đại.

1, Chọn giờ Dậu ngày 30 tháng 11 năm Đinh Dậu 1957 âm lịch xây nhà Đoài trạch.

Tháng 5 ngày Bính Thân.

Thêm họ vào lập được quẻ của nhật khóa thời gian dài, có quẻ chủ là "Trạch Lôi Tuyền", quẻ biến "Thủy Lôi Truân", hào 4 phát động, quẻ hồ "Phong Sơn Tiệm". Quẻ chủ quẻ thể Chấn Mộc, quẻ dụng Đoài Kim, dụng khắc thể vốn là không cát. Nhưng quẻ dụng Đoài Kim động sinh xuất Khảm Thủy, hóa sinh quẻ thể Chấn Mộc, lại hồ quẻ dụng Tốn Mộc giúp vượng quẻ thể, là quái tượng trước khó khăn sau cát lợi. Gặp năm Nhâm Quý Hợi Tý hoặc năm Giáp Ất Dần Mão, quẻ thể đắc niên sinh vượng, trạch sẽ phú quý, có tiền tài chuyện vui đến.

Ứng nghiệm: Gia chủ vốn có 4 đứa con trai và 2 đứa con gái, con cái nhiều, đầu năm gia đình khó khăn, năm 1995 năm Ất Mão con trai lớn có được việc làm, năm 1984 năm Giáp Tý thăng một chức, năm 1992 năm Nhâm Thân lại thăng chức lên làm phó quận. Con trai thứ 3 và thứ 4 đều thi đậu vào trường đại học có tiếng toàn quốc. Con trai thứ 3 sau khi du học, con trai thứ 4 năm 1995 năm Ất Hợi lại được ông chủ ở Hong Kong tài trợ cho 30 vạn tệ rồi đi du học ở Mỹ, năm 1996 năm Bính Tý, con trai lớn lại được thăng liền hai chức. Trở thành quan chức cấp cao của quận, năm 1998 năm Mậu Dần, con trai thứ 3 tốt nghiệp xong, sau khi có được học vị thạc sĩ, lại được một trường đại học có tiếng ở nước ngoài giữ

lại học tiến sĩ, và làm việc với mức lương ban đầu là 5 nghìn đô la Mỹ.

Ví dụ 3: (1) “Thời báo Công Hợi” đăng tải: Hơn 9 giờ tối ngày 28 tháng 6 năm 1996 dương lịch, có một người thanh niên ngồi taxi đi từ Ngô Châu Quảng Tây đến huyện Đằng, người thanh niên này giữa đường lòi dao ra hung hãn uy hiếp cướp của tài xế xe, tài xế chống cự dẫn đến xe bị tai nạn lao xuống mương. Tài xế bò từ trong xe ra chạy đi báo cảnh sát, may thay người thanh niên đã bị bắt về quy án vào ngày Bính Thân tháng Giáp Ngọ âm lịch (tháng 5 ngày 23).

Lập được quẻ chủ “Hỏa Thủy Vị Tế”, hào 6 động, quẻ biến “Lôi Thủy Giải”, hồ thể Ly Hỏa, hồ dụng Khảm Thủy. Quẻ chủ, mặc dù quẻ thể Khảm Thủy khắc dụng Ly Hỏa, là quẻ cát, nhưng quẻ dụng thì quẻ Ly Hỏa biến xuất Chấn Mộc là tiết khí của quẻ thể; đồng thời sinh trợ quẻ dụng. Lại hồ thể biến xuất Ly Hỏa, làm hao tổn nguyên khí của quẻ thể, cho nên lần này đi xe có nguy hiểm bất ngờ, nhưng chỉ có họa hao tổn tiền tài xe cộ. Vốn dĩ ngày xuất hành thể khắc dụng cát, nhưng thể chỉ vượng ở ngày kiến, mà quẻ dụng lại vượng ở nguyệt lệnh, được quẻ hóa hồi đầu khắc, dụng vượng tại thể, tạo thành bị khắc ngược lại, may mà hồ dụng hóa xuất Khảm Thủy chế, cho nên chỉ có tai họa thoái tài, người vẫn bình an vô sự, chỉ chịu phải sự kinh sợ mà thôi.

(2) “Thời sự Đài Quảng Tây” có đưa tin ngày 19 tháng 12 năm 1996: lúc hơn 10 giờ tối ngày mùng 10 tháng 10 năm 1996 âm lịch, thành phố Ngọc Lâm có một tài xế họ Diệp, lái xe khách từ Nam Ninh đến Bắc Lưu, khoảng 11 giờ tối, ở Nam Ninh có gặp 5 vị khách lên xe sau đó giờ súng ra cướp tiền của hành khách tổng cộng hơn 1 vạn 5 nghìn 8 trăm tệ. Đó là ngày Tân Dậu tháng Hợi.

Lập quẻ được quẻ chủ Phong Thiên Tiểu Súc, hào 3 động, quẻ biến Phong Trạch Trung Phu. Quẻ hồ thể gặp Ly hỏa, hồ dụng gặp Đoài Kim. Quẻ thể Tốn Mộc, vượng tại tháng Hợi, nhưng hào bị khắc tại nhật kiến, chịu đồng thời quẻ dụng Càn Kim, quẻ biến Đoài Kim, quẻ hồ Đoài Kim khắc, lại hóa Ly Hỏa mà tiết khí của quẻ thể. Càn Đoài Kim đều vượng tại nhật kiến, cho nên trong lúc lái xe sẽ gặp phải tai họa xe cộ hoặc tổn thất tiền tài vật chất. Bởi vậy, hành khách bị cướp một lượng lớn tiền bạc vật chất.

Ví dụ 4: Chọn ngày khai trương kinh doanh.

Chọn 9 giờ 40 phút chiều ngày 11 tháng 1 năm Đinh Sửu âm lịch là ngày khai trương một cửa hàng quần áo tại một thành phố.

Ngày Canh Dần tháng Nhâm Dần. Lập quẻ năm đó được quẻ chủ Thủy Lôi Truân, hào 2 phát động, quẻ biến Thủy Trạch Tiết. Quẻ hồ thể Cấn Thổ, hồ dụng Khôn Thổ. Quẻ chủ Thủy Lôi Truân, Khảm Thủy là quẻ thể, Chấn Mộc là quẻ dụng, thể sinh dụng, vốn là ngày có hao tổn, nhưng Chấn Mộc động biến xuất Đoài Kim mà sinh thể, lại là đại cát, lại có quẻ hồ là Sơn Địa Bác, thể dụng đều là Thổ, có quẻ thể sinh quẻ biến quẻ dụng Đoài Kim, Đoài Kim lại sinh thể, là quẻ đại cát đại lợi, tiền vào làm ăn thuận lợi. Ngày đó từ giờ Mùi đến giờ Dậu, là đắc lợi, mà còn nửa sau vào các tháng 7,8,9,10,11,12 quẻ thể đắc sinh vượng, càng nhiều cát lợi tiến vào hơn.

Ứng nghiệm: Sau dụng sự gia chủ báo lại với tác giả, ngày đó làm ăn rất tốt, tổng cộng kiếm được hơn 2 nghìn tệ, là lần buôn bán được nhất từ trước đến khi bắt đầu mở các cửa hàng, sau này làm ăn vẫn liên tục phát triển, đặc biệt là nửa cuối năm.

TIẾT 5: ĐẠI CƯƠNG DỰ ĐOÁN LỤC HÀO

1. Dự đoán ngày xuất hành

Dự đoán ngày xuất hành, lấy hào Thế là bản thân gia chủ, hào 5 là đường đi, hào Ứng là đi tha hương, gian hào là người bầu bạn người đi cùng, hào Phụ Mẫu là phương tiện giao thông hoặc hành lý. Hào Thế đắc sinh vượng, hoặc Ứng sinh Thế, động mà hóa cát, hóa Tử Tôn lại càng cát. Hào Thế hưu tù nhập mộ, động mà hóa mộ, bị nguyệt lệnh xung phá hình khắc nếu không được hào động hóa sinh ắt hung, hào Ứng hóa khắc hoặc những hào khác động mà hóa khắc cũng hung. Hào Thế bị hào của quẻ biến hóa hồi đầu khắc thì càng hung. Hào Ứng, hào Phụ Mẫu nên vượng không nên suy, càng không nên nhập Không Vong, vậy thì chủ sự mới thuận lợi.

Hào Thế thuộc Kim, thích hợp ở hướng Tây, hướng Tây Bắc, hướng Tây Nam, hướng Đông bắc; kỵ ở hướng Nam.

Hào Thế thuộc Mộc, thích hợp ở hướng Đông, hướng Đông Nam, hướng Bắc; kỵ ở hướng Tây.

Hào Thế thuộc Thủy, thích hợp ở hướng Tây, hướng Tây Bắc, hướng Bắc; kỵ ở hướng Đông Bắc, hướng Tây Nam.

Hào Thế thuộc Hỏa, thích hợp ở hướng Đông, hướng Đông Nam, hướng Nam; kỵ ở hướng Bắc.

Hào Thế thuộc Thổ, thích hợp ở hướng Nam, hướng Đông Bắc, hướng Tây Nam; kỵ ở hướng Đông, hướng Đông Nam. Ở tại hướng kỵ thần hay gặp chuyện bất lợi hoặc gặp tai họa.

Hào Tử Tôn trì Thế, Thế hóa Tử Tôn, Tử Tôn phát động, không bao giờ gặp phải tai họa khó khăn.

Hào Quan Quỷ trì Thế, con đường tha hương không bình an. Lâm Bạch Hổ động khắc Thế, tai họa lớn.

Thế động hóa Quỷ hoặc Quỷ động khắc Thế, cần đề phòng những tai họa không lường trước được.

Thế Ứng tương sinh hoặc tỷ hòa, không có hào khác khắc hào Thế, xuất hành đại cát.

Ứng khắc Thế, hoặc hào khác (đặc biệt là hào 5) động khắc Thế, con đường tha hương ắt gặp tai họa. Hào của quẻ biến hóa hồi đầu khắc Thế, xuất hành ắt gặp tai họa đại hung, bị thương bị hại, thị phi kiện tụng. Hào Phụ Mẫu là phương tiện giao thông và hành lý, nên sinh vượng mới đại cát, xe cộ an toàn hành lý không mất không thiếu. Tài động khắc Phụ, xe cộ bị hao tổn, hành lý bị mất. Phụ Mẫu hưu tù tử tuyệt lại chịu hình xung, xe cộ thuyền bè trên đường đi gặp nhiều hao tổn hoặc hành lý thiếu mất, nặng có khi đại họa lật xe chìm thuyền.

Huynh Đệ trì Thế hoặc phát động, đề phòng thoái tài.

Hào động khắc Thế, phòng gặp gió bão phong ba ngăn cản hoặc họa liên quan hành lý, xe cộ thuyền bè, nặng thì kiện tụng thị phi hoặc bị thương bệnh.

Quẻ không có Quan Quỷ xuất hành tốt, Tử Tôn không có trong quẻ xuất hành không tốt.

Trong quẻ Quỷ động phải đề phòng có kẻ cướp giết.

Lưỡng Quỷ giáp Thế, Quỷ phục bên cạnh Thế phải đề phòng tai họa.

Nguyệt lệnh sinh thế hợp Thế, đặc biệt là hào 5 động sinh Thế, xuất hành đại phúc đại cát, hay có quý nhân chăm sóc giúp đỡ. Nguyệt lệnh xung khắc Thế hoặc hào 5 động khắc Thế chủ hung, gặp Hổ Xà động càng đại hung hơn, ắt gặp phải kiện tụng thị phi lớn, bị thương tai họa máu chảy.

Thế nhập mộ khố hoặc Không Vong, hoặc bị nguyệt lệnh xung phá, quẻ Lục xung Thế tĩnh Quỷ Không, xuất hành ắt gặp phải đại hung.

Thế gặp tam hình, có tai họa bị thương hoặc thị phi kiện tụng, nhất định không được xuất hành.

Tài động khắc Thế, Thế nhược Tài vượng thì đặc biệt xấu. Tài khắc Thế phải đề phòng vì tài vì sắc mà gây họa, tham tài hao sắc xảy ra họa.

Thế khắc Ứng, xuất hành đi xa hay gần đều được. Nhưng hào Thế phải ở nơi vượng, nếu không sẽ hình thành khắc ngược lại, đường tha hương gặp phải tai họa.

Thế gặp Thiên Ất quý nhân là cát, gặp nguy sẽ có người cứu giúp, gặp khó khăn sẽ có người giúp đỡ. Thế vào Thiên la Địa võng hoặc gặp Hồ Xà phát động, đề phòng kiện tụng thị phi, bệnh tật hoặc tai họa bị thương máu chảy.

Hào 5 là đường đi, có Quan Quỷ Hồ Xà cư tại đó phải đề phòng có tai họa. Mà Bạch Hổ phát động tại hào 5, trên đường đi ắt gặp phải tai họa bị thương chảy máu, nhất định không được xuất hành.

Gian hào là bạn đồng hành, sinh Thế đại cát. Quỷ động ở gian hào, bạn đồng hành không hòa hợp.

Hào động có Hồ Xà khắc Thế, không nên xuất hành, trên đường đi tha hương sẽ gặp phải tai họa. Bạch Hổ ở tại Thế, khắc Thế không nên xuất hành.

Quỷ động khắc Thế, phòng ngừa tai họa, Quỷ vượng phòng chuyện kiện tụng hoặc tai họa liên quan tính mạng, Chu Tước ở tại Quỷ động khắc Thế, có lo lắng về kiện tụng thị phi hoặc thoái tài.

Tài động hóa hồi đầu khắc, chủ thoái tài hoặc người phụ nữ bên cạnh gặp họa.

Hào Tử Tôn hình khắc, hoặc bị nguyệt lệnh xung phá, đề phòng họa quẩn thân hoặc bạn đồng hành nhỏ tuổi hơn gặp họa. Hào gian hào hình khắc, đề phòng bạn đồng hành xảy ra họa.

Lục thần gặp Quỷ đều là không cát, Chu Tước động gặp Quỷ, chủ thị phi miệng lưỡi kiện tụng. Đằng Xà động gặp Quỷ, chủ đường đi gặp gió bạo phong ba nguy hiểm kinh sợ, có chuyện kinh sợ xảy ra. Bạch Hổ động gặp Quỷ, chủ có họa bị thương hoặc bệnh tật triền miên quẩn lầy. Huyền Vũ động gặp Quỷ, chủ có lo lắng trộm cắp hoặc tai họa bệnh tật. Thanh Long động gặp Quỷ, chủ chuyện vui quá hóa buồn.

Ví dụ 1: Thê Tài bị hóa hồi đầu khắc, họa bị thương thoái tài rước phải kiện tụng.

Người A sau khi làm xong việc 5 giờ 30 chiều ngày 15 tháng 10 năm Ất Hợi 1995 âm lịch từ quê lái xe quay lại cơ quan.

Tứ trụ: Ất Hợi Đinh Hợi Tân Mùi Đinh Dậu

Lập được quẻ chủ "Hỏa Phong Đỉnh", quẻ biến "Hỏa Thủy Vị Tế" hào 3 phát động.

Đỉnh		Vị Tế
—	Huỳnh Đệ Ty hỏa	— Huỳnh Đệ Ty hỏa Xà
Ư --	Tử Tôn Mùi thổ	-- Tử Tôn Mùi thổ Câu
—	Thê Tài Dậu kim	— Thê Tài Dậu kim Tước
—	Thê Tài Dậu kim	-- Huỳnh Đệ Ngọ hỏa Long
T —	Quan Quỷ Hợi thủy	— Tử Tôn Thìn thổ Vũ
--	Tử Tôn Sửu thổ	-- Phụ Mẫu Dần mộc Hổ
HỎA		Không Vong: Tuất, Hợi

Khóa có quẻ chủ hào 2 Quan Quỷ Hợi Thủy trì Thế, lại có hào Ứng Tử Tôn Mùi thổ khắc Thế, là đường đi tha hương không bình an. Hào Thế lại hóa Tử Tôn Thìn Thổ hồi đầu khắc Thế, hào sơ Tử Tôn Sửu Thổ lâm Bạch Hổ có nhật kiến xung ám động đến khắc Thế, đều là biểu tượng cho "đường đi tha hương sẽ có tai họa", Bạch Hổ động là tai họa bị thương máu chảy, tai họa kiện tụng. Hào 3 Thê Tài Dậu Kim ở tại Thanh Long phát động, lại hóa Huỳnh Đệ Ngọ Hỏa hồi đầu khắc, là "Tài động hóa khắc chủ thoái tài" tai họa chuyện vui quá hóa buồn. Hào 6 Huỳnh Đệ Ty Hỏa có hào Đẳng Xà bị nguyệt lệnh xung ám động là bị cướp tiền tài, lại còn gặp chuyện kinh sợ. May mà được hào Thế vượng tại nguyệt lệnh, lại được hào 6 Ty Hỏa, hào 3 Dậu Kim, hào 1 Sửu Thổ cấu thành tam hợp cục Ty Dậu Sửu Kim cục đến sinh Thế, gặp hung hóa cát, gia chủ dù gặp họa, nhưng không chết hoặc bị thương nặng. Quẻ của khóa vốn là họa bị thương chảy máu, kiện tụng thị phi, thoái tài, có cả 3 mà xuất hành thì là quẻ đại hung, tai họa xe cộ xảy ra sau khi xuất hành 1 tiếng đến 3 tiếng đồng hồ. Lấy hào động xác định giờ Thìn sẽ ứng nghiệm.

Người A xuất phát một tiếng sau, trên một đoạn đường đột nhiên gặp một chiếc xe đạp xông đến từ đằng trước, vì để tránh

cho hai xe tông vào nhau, anh ta vội vàng tránh qua một bên. Tránh được hai xe tông nhau. Nhưng vừa hai có một ông chú ở bên đường, vì tránh không tông vào ông chú mà vội vàng phanh xe lại. Nhưng do quán tính của xe, vẫn đụng trúng ông chú, gây nên chấn thương sọ não, bản thân còn bị thương nhẹ. Hai người được đưa vào bệnh viện chữa trị, dùng đến gần 1 vạn nhân dân tệ, lúc đến nhờ vả tác giả, chân bị thương vẫn còn chưa khỏi hẳn, còn ông chú vẫn ở trong bệnh viện chữa trị, còn kiện tụng phí bồi thường với người bị thương vẫn chưa đâu đến đâu.

Ví dụ 2: Bất chấp đến phương kỳ thần tai họa bị thương kèm theo họa kiện tụng.

Người B vào 8 giờ sáng ngày 29 tháng 12 năm 1994 âm lịch cùng với bạn gái đến huyện thành ở hướng Bắc chơi, mua sắm đồ cho năm mới.

Tứ trụ: Giáp Tuất Đinh Sửu Canh Thân Canh Thìn

Lập được quẻ chủ "Lôi Thiên Đại Tráng", quẻ biến "Lôi Trạch Quy Muội", hào 3 phát động.

Đại	Quy
Tráng	Muội
-- Huynh Đệ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Tuất thổ Xà
-- Tử Tôn Thân kim	-- Tử Tôn Thân kim Câu
T -- Phụ Mẫu Ngọ hỏa	-- Phụ Mẫu Ngọ hỏa Tước
-- Huynh Đệ Thìn thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Long
-- Quan Quỷ Dần mộc	-- Quan Quỷ Mão mộc Vũ
Ư -- Thê Tài Tý thủy	-- Phụ Mẫu Ty hỏa Hổ
THỔ	Không Vong: Tý, Sửu

Quẻ chủ của khóa vốn là hào 4 hào Phụ Mẫu trì Thế là gia chủ, là xe cộ, bây giờ nhập mộ tại Thái Tuế, hưu tù tại ngày tháng, là gia chủ bất an, "tổn hại về xe cộ", xuất hành không tốt. Hào Ứng Thê Tài Tý Thủy là đường đi tha hương, bây giờ vượng tướng khắc hào Thế, là "đường đi tha hương sẽ có tai họa", lại có Bạch Hổ, có họa bị thương chảy máu. Bây giờ hào 3 Huynh Đệ Thìn Thổ động mà kiếp tài, lại cùng nhật kiến và hào ứng tạo thành tam hợp cục mà xung khắc hào Thế (giờ Ngọ xung động hào Ứng Tý Thủy) cũng là đại hung. Thanh Long ở tại hào Huynh Đệ phát động, là chuyện vui

quá hóa buồn, may thay có hào 2 Quan tinh Dần Mộc ám động hóa tiến thần khắc Huynh sinh Thế, là gặp hung được cứu giúp. Hào Ứng là đường đi tha hương, là địa điểm ở hướng Bắc, "hào thế thuộc Hỏa, kỵ ở hướng Bắc". Hướng Bắc có Bạch Hổ ở đó, là nơi cấm kỵ đại hung. Bây giờ người B xông thẳng đến hướng kỵ thần, xông đến nơi của Bạch Hổ, ắt sẽ gặp phải tai họa bị thương chảy máu, kiện tụng hao tổn tiền tài, hoặc vui quá mà hóa buồn. May thay hào 2 Quan Quỷ ám động sinh Thế mà khắc Huynh, tài tuy mất nhưng không nhiều, giảm nhẹ được mức độ tai nạn, không gây nên mất mạng.

Người B cùng bạn gái sau khi đi, đến khi bọn họ lái xe đến hướng Bắc, trên một đoạn đường ở hướng Bắc, bị một chiếc xe khách của thành phố tông gãy chân trái, bị thương nặng vào bệnh viện, bạn gái chỉ bị thương nhẹ. Người nhà nói với tác giả, nếu như hai xe gần nhau thêm 10 cm nữa, hai người họ và xe máy đều không còn gì, đây là trong cái rủi có cái may. Sau khi nằm viện, tiêu hao lượng lớn tiền tài và nhân lực, tết nhất năm mới, cả nhà không vui nổi. Đến tận cuối tháng 9 năm 1995, kiện tụng với tài xế chịu trách nhiệm gây ra tai nạn vẫn chưa kết thúc.

Ví dụ 3: Quý ở tại Huyện Vũ động khắc Thế, xuất hành cầu tài ngược lại thoát tài.

Người D vào giờ Thìn ngày mùng 3 tháng 2 năm 1996 âm lịch đi công tác đến Quảng Đông để kinh doanh cầu tài.

Tứ trụ: Bính Tý Tân Mão Đinh Ty Giáp Thìn

Lập được quẻ chủ "Thủy Hỏa Ký Tế", quẻ biến "Địa Hỏa Minh Di", hào 5 phát động.

Ký	Minh
Tế	Di
Ư -- Huynh Đệ Tý thủy	-- Phụ Mẫu Dậu kim Long
-- Quan Quỷ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Hợi thủy Vũ
-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Quan Quỷ Sửu thổ Hổ
T -- Huynh Đệ Hợi thủy Tài Ngọ	-- Huynh Đệ Hợi thủy Xà
-- Quan Quỷ Sửu thổ	-- Quan Quỷ Sửu thổ Câu
-- Tử Tôn Mão mộc	-- Tử Tôn Mão mộc Tước

THỦY

Không Vong: Tý, Sửu

Hào 5 Quan Quỷ Tuất thổ gặp Huyền Vũ phát động khắc Thổ, “chủ có lo lắng về trộm cắp tiền tài”. May thay Quan Quỷ Tuất thổ hưu tù tại nguyệt kiến, lại hợp với nguyệt kiến, mặc dù không có lo lắng về tính mạng, nhưng Quỷ được nhật kiến sinh thể nào cũng sẽ có trộm cắp cướp giật. Lại có hào 3 Huỳnh Đề Hợi Thủy ở tại Đăng Xà bị nhật kiến Tỵ Hỏa xung mà ám động, cũng có thông tin về thoát tài sợ hãi. Xuất tại vị trí Quỷ cư trú tại hào 5, lại có Huyền Vũ thì tai họa bị trộm cắp cực kỳ hung ác, lại hóa xuất Huỳnh Đề Hợi Thủy, cho nên thoát đại tài.

Số thoát tài: Lấy số thể dụng của hai quẻ chủ biến xác định số tiền, quẻ chủ “Thủy Hỏa Ký Tế” số thể dụng là 9, quẻ biến số thể dụng là 11, bình quân hai số là số 10 (bởi vì ngồi xe là động, nên lấy số chia đôi), là 100 tệ, 1000 tệ, 10000 tệ. Xảy ra ở vị trí có Quỷ cư trú hào 5, cho nên số tiền mất lớn, trong khoảng 100 tệ đến 10000 tệ.

Thời gian ứng nghiệm: Lấy thời gian hào tam hợp của hào động biến xuất để xác định thời gian ứng kỳ là giờ Hợi Mão Mùi, giờ Mão đã qua, xác định giờ Mùi hoặc Hợi là giờ ứng nghiệm.

Ứng nghiệm: Người D ngồi trên xe buýt để đi làm, khoảng 2 giờ chiều (giờ Mùi) bị móc túi trên xe mất 1 vạn tệ, túi bị rách nhiều vết, sau khi sự việc xảy ra mới phát hiện, nhưng tiền đã bị móc mất rồi, trộm cũng đã chạy mất, không cách nào đuổi theo được.

Ví dụ 4: Chọn ngày tốt xuất hành đi xa, đi đường bình an may mắn.

Lý và Hoàng hai người quyết định 8 giờ tối ngày mùng 6 tháng 11 năm Bính Tý 1996 âm lịch ngồi chuyến xe đêm từ Bình Nam đến Nam Ninh để giải quyết công việc tại Nam Ninh, gọi nhờ tác giả dự đoán thời gian xuất hành có tốt không? Tác giả dựa vào thời gian 7 đến 8 giờ tối là thời gian xuất hành, phát hiện thấy có thông tin hung. Gọi bọn họ bảo bọn họ trước 6 giờ 50 nên ra khỏi nhà rồi đợi xe (trạm xe cách nơi hai người họ ở khoảng 100 mét) để tránh tai họa, nếu sau 7 giờ ra khỏi cửa đón xe, hậu quả không dám nghĩ đến. Sau này hai người Lý và Hoàng quay lại phản hồi với tác giả, quả đúng như những gì tác giả dự đoán. Bây giờ phân tích như sau:

1, Bình Nam đến Nam Ninh xe ban đêm xuất phát lúc giờ Thìn (là 8 giờ tối) ngày mùng 6 tháng 11 năm 1996 âm lịch.

Tứ trụ: Bính Tý Canh Tý Đinh Hợi Canh Tuất

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Lập quẻ nhật khóa được quẻ chủ “Trạch Phong Đại Quá”, quẻ biến “Lôi Phong Hằng”, hào 5 phát động.

Đại Quá	Hằng
-- Thê Tài Mùi thổ	-- Thê Tài Tuất thổ Long
— Quan Quỷ Dậu kim	-- Quan Quỷ Thân kim Vũ
T — Phụ Mẫu Hợi thủy Tử Ngọ	— Tử Tôn Ngọ hỏa Hổ
— Quan Quỷ Dậu kim	— Quan Quỷ Dậu kim Xà
— Phụ Mẫu Hợi thủy Huynh Dần	— Phụ Mẫu Hợi thủy Câu
Ư -- Thê Tài Sửu thổ	-- Thê Tài Sửu thổ Tước
MỘC	Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này là “Ứng khắc Thế, đường đi tha hương không bình an”. Hào 5 Quan Quỷ Dậu Kim có Huyền Vũ phát động, hào 5 chủ đường đi, trên đường đi ắt có nỗi lo bị trộm cướp “Quý ở tại Huyền Vũ động, chủ lo âu về trộm cướp”. Quý ở tại vị trí quân (hào 5), lại có tứ quý giáp Thế, là quẻ nhật khóa xuất hành xấu nhất. Phục thần là hào Tử Tôn Ngọ Hỏa bị nguyệt lệnh xung phá, lại bị đè xuống, không thể xuất hiện. Phục thần vô dụng không thể khắc chế Quý, Quý ắt sẽ làm chuyện ác độc điên cuồng. Bây giờ xe vừa hay khởi hành ngay vị trí tứ Quý vượng, cho nên ác quỷ không khống chế (mà trong quẻ tứ Quý, chính là chỉ 4 tên trộm) khiến cho ác quỷ trộm cắp sau khi hành án sẽ không bị bắt. Hào Phụ Mẫu Hợi Thủy là xe cộ, vượng tại nhật nguyệt, cho nên xe cộ không vấn đề gì, chỉ có bị cướp trên xe mất tiền mà thôi.

Hành khách trên đường và lân cận gần bên xe, bởi vì đa số đều sau 7 giờ mới đến bến xe đón xe, đa số họ đều bị 4 tên cướp cướp của (3 nam 1 nữ), bị tổn thất lớn, chỉ có Lý và Hoàng và một số nhỏ đi sớm hơn nên may mắn tránh được. 4 tên cướp cướp lên trong xe trên đường Quý Cảng, cướp tiền của hành khách sau đó xuống xe ở trạm Đàm Khoáng, chạy thoát mất. Những hành khách ngồi trên xe bị cướp hết, nó như một cơn ác mộng, kinh hãi một trận.

2, Hai người Lý và Hoàng đợi đến gần 6 giờ 50 là giờ Dậu chiều ngày mùng 6 tháng 11 mới ra khỏi nhà đón xe.

Tứ trụ: Bính Tý Canh Tý Đinh Hợi Kỷ Dậu

Lập được quẻ chủ “Trạch Lôi Tuyền” quẻ biến “Thủy Lôi Truân”, hào 4 phát động.

Tuyền	Truân
Ư -- Thê Tài Mùi thổ	-- Phụ Mẫu Tý thủy Long
-- Quan Quỷ Dậu kim	-- Thê Tài Tuất thổ Vũ
-- Phụ Mẫu Hợi thủy Tử Ngọ	-- Quan Quỷ Thân kim Hổ
T -- Thê Tài Thìn thổ	-- Thê Tài Thìn thổ Xà
-- Huynh Đệ Dần mộc	-- Huynh Đệ Dần mộc Câu
-- Phụ Mẫu Tý thủy	-- Phụ Mẫu Tý thủy Tước

MỘC

Không Vong: Ngọ, Mùi

Quẻ của khóa này là hào thể Thê Tài Thìn Thổ, hào Ứng Thê Tài Mùi Thổ, “Thế Ứng tỷ hòa, không có hào khác động khắc hào Thế, xuất hành đại cát”. Hào 4 Phụ Mẫu Hợi Thủy, là xe cộ và hành lý, vượng tại nhật nguyệt, lại động hoá hồi đầu sinh, là thông tin xe cộ an toàn, hành lý không mất thiếu, nhưng Bạch Hổ ở tại hào Phụ Mẫu phát động, nên biết trên xe có thông tin không tốt, nặng thì sẽ có họa bị thương chảy máu trên xe. Phục thần Tử Tôn Ngọ Hỏa mặc dù bị khắc chế, nhưng phi thần phát động, phục thần cũng dễ xuất hiện, mặc dù không có sức chế quẻ tặc. Nhưng đối với hươu tù của Quỷ thì cũng có chút ảnh hưởng, khiến cho quẻ tặc không dám làm gì ác độc đến bản thân. Như vậy ngày xuất hành này cũng là ngày an toàn.

Hai người Lý và Hoàng từ 6 giờ 50 chiều ra khỏi nhà và đi chơi xung quanh, cho đến 8 giờ tối mới đón xe đi từ Bình Nam đến Nam Ninh để làm việc. Xe đi đến đoạn đường của thành phố Quý Cảng, có 4 người 3 nam 1 nữ lên xe ở Bình Nam đến lúc này mới lộ súng ra uy hiếp cướp của đa số khách trên xe. Bởi vì Lý và Hoàng đợi xe nên ngồi tận cuối xe, bọn họ tránh được vụ cướp trên xe, chỉ bị một trận kinh hãi mà thôi, cũng an toàn đến được mục tiêu là Nam Ninh.

Hai người Lý và Hoàng đều đồng ý Dịch học là tốt nhất, trải qua lần này đúng thật sự là được trải nghiệm sâu sắc, đối với tính khoa học của Chu Dịch là càng tin hơn không chút nghi ngờ, đồng thời cũng cố gắng nỗ lực học Chu Dịch, có được bước tiến bộ rất lớn, sau này mỗi lần ra ngoài, đều dự đoán trước, tính toán trong lòng, đề phòng có chuyện thì cũng có thể bình an mà đến được đến nơi.

Ví dụ 5: Xuất hành gặp phải Bạch Hổ cản đường, gây tai nạn liên quan mạng người dẫn đến kiện tụng.

Người E sau khi mua xe vào giờ Ngọ ngày mùng 1 tháng 11 năm 1999 âm lịch lái xe đến một nơi ở hướng Bắc để cầu tài khai trương.

Tứ trụ: Kỷ Mão Bính Tý Giáp Ngọ Canh Ngọ

Lập được quẻ chủ "Địa Sơn Khiêm", quẻ biến "Thủy Sơn Kiến", hào 5 phát động.

Khiêm	Kiến
-- Huynh Đệ Dậu kim	-- Tử Tôn Tý thủy Vũ
T -- Tử Tôn Hợi thủy	-- Phụ Mẫu Tuất thổ Hổ
-- Phụ Mẫu Sửu thổ	-- Huynh Đệ Thân kim Xà
-- Huynh Đệ Thân kim	-- Huynh Đệ Thân kim Câu
Ư -- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tước
-- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Phụ Mẫu Thìn thổ Long
KIM	Không Vong: Thìn, Ty

Khóa này hào 2 là hào Ứng là đi tha hương, có Chu Tước ở tại hào Quỷ bị nguyệt kiến xung động, có kiện tụng thị phi. Hào 5 lại cũng là đường đi, Bạch Hổ ở tại đó gặp hào Thế phát động lại hóa Phụ Mẫu Tuất Thổ hồi đầu khắc, biểu hiện thông tin trên đường đi sẽ gặp phải chuyện chảy máu phạm vào kiện tụng, Phụ Mẫu là xe cộ, hưu tù vào nguyệt lệnh, chỉ có nhật kiến đến sinh, xe này chắc chắn là xe cũ không có gì nghi ngờ nữa. Hào Thế Tử Tôn Hợi Thủy là gia chủ, bây giờ đang lâm nguyệt lệnh, gia chủ không có chuyện gì, nhưng Bạch Hổ động ắt định sẽ gặp phải tai họa bị thương chảy máu, cho nên sẽ là làm chết người ngoài. Do Phụ Mẫu Tuất Thổ là xe cộ, gia chủ sẽ vì xe cộ mà xảy ra sự cố chết người mà bị kiện tụng. Thời điểm xảy ra chuyện sẽ là khi hóa khắc của hào Thế là Phụ Mẫu Tuất Thổ được sinh vượng lại tương hình, khi kết hợp với Bạch Hổ thì giờ Mùi là giờ sinh vượng (là 1 giờ - 3 giờ chiều) sẽ ứng nghiệm.

Gia chủ lúc lên xe lái xe đến nơi kinh doanh thì khoảng tầm 1 giờ 30 chiều, xe gặp tai nạn ở một đoạn đường tại hướng Bắc, tông chết một già một trẻ kết cục là bị kiện tụng. Gây chấn động rất lớn ở địa phương khi đó.

Tác giả có hỏi một thầy trạch sư lớn tuổi, ông ấy nói ngày đó giờ đó dụng sự có thông tin ngoại ứng cực kỳ xấu. Xe vừa khởi động, bánh xe phía sau có văng ra một cái ốc mà văng trúng người một cậu bé đứng bên cạnh, cậu bé đau đớn kêu lên: "Cái xe này của chú hỏng rồi, đi nửa đường tông chết người ta cho coi" vừa mới nói xong, lúc sau đã ứng nghiệm luôn.

2. Dự đoán ngày tạo táng, chuyển vào nhà mới, kết hôn

Quẻ của ngày tu tạo dương trạch và chuyển vào ở nhà mới, lấy hào Thế là gia chủ, lấy hào Ứng hoặc hào Phụ Mẫu là nhà cửa, lấy hào Tử Tôn là con cái người trông nhà, lấy hào Thê Tài là tài, lấy hào Quan Phụ là quý, lại lấy hào Phụ là người người lớn trong nhà.

Ngày kết hôn lấy hào Thế là nhà trai, hào Ứng là nhà gái, hào Tài là vợ, hào Tử Tôn là con cái sau này. Quẻ của ngày kết hôn nhà trai đến nhà gái lấy hào Quan là chồng.

Quẻ của ngày tu tạo âm trạch lấy hào Thế là thầy tế, hào Ứng là tổ tiên hoặc sơn phần. Cũng có khi lấy hào Phụ Mẫu là sơn phần.

Nên có Thế Ứng tương sinh, tương tử hòa. Nên Ứng sinh Thế, không nên lấy Ứng khắc Thế. Nên lấy Thế Ứng đều sinh vượng, không nên lấy hưu tù tử tuyệt hoặc hình xung khắc hại. Nên lấy đại tượng vượng sinh hoặc hóa tử hòa, hóa hồi đầu sinh, không nên lấy hóa hồi đầu khắc. Hào Thế và đại tượng kỵ hưu tù tử tuyệt nhập mộ khổ, là không tốt.

(1) Dự đoán thông tin vượng suy nhân đinh của nhật khóa

Hào Tử Tôn vượng tướng hoặc trì Thế, nhân đinh vượng.

Hai quẻ chủ biến hào dương nhiều, nam đinh vượng, hào âm nhiều nữ đinh nhiều.

Tam hợp cục Tử Tôn nhân đinh vượng. Tam hội cục Tử Tôn thì nhân đinh cũng vượng.

Hào Phụ Mẫu vượng tướng hoặc trì Thế, nhân đinh suy, hoặc có nhiều con cháu là nữ.

Hào Phụ Mẫu phát động khắc thương Tử Tôn, vượng động hoặc hóa tiến thần, nhân đinh suy nhược.

Hào Huynh Đệ vượng, đinh vượng tài suy.

Hào Huynh Đệ động, vượng đinh nhưng mất tài, hoặc hao tổn tâm tư của người vợ.

Hào Quan Quỷ động thương Huynh Đệ thủ túc bất lợi. Anh em không thể sống chung với nhau, nhưng cũng kỵ dụng sự âm trạch.

Hào Tử Tôn vượng, sinh con dễ dàng, nhân đình vượng.

Hào Tử Tôn tử tuyệt hoặc nhập Không Vong, Thiên la Địa võng, hoặc bị nguyệt lệnh xung phá, con cái yếu ớt lắm bệnh mà khó nuôi hoặc có họa chết yếu.

Hào Tử Tôn dương biến dương, âm biến dương, sinh con trai trước hoặc con trai nhiều; âm biến âm, dương biến âm, sinh con gái trước hoặc con gái nhiều. Cái này không có minh ám động biến.

Hào Tử Tôn có phục thần sinh vượng hoặc lâm nhật nguyệt, hoặc được phi thần sinh phục thần, nhân đình vượng.

Hào Tử Tôn hóa tiến thần, hóa vượng, hóa hồi đầu sinh nhân đình vượng; hóa chân thoái thần, hóa phá, hóa mộ khố, hóa tuyệt là nhân đình suy bại.

Hào động hóa khắc, hoặc hào của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, chủ có họa về con cái, nặng thì chết yếu.

Huỳnh Đệ lại hóa vượng hóa tiến thần, hóa hồi đầu sinh, mặc dù nhân đình vượng, nhưng không có lợi về Thê Tài.

Ứng vượng, bên cạnh hào động khắc Thế vượng, thương tổn đến gia chủ hoặc hào ở cùng của Lục thân, ứng kỳ chậm. Xảy ra tai họa đa phần thì phi kiện tụng, tai họa thương bệnh, nặng thì có thể mất mạng.

Nguyệt lệnh lâm hào động vượng khắc các hào Lục thân, nhẹ thì bất lợi cho Lục thân, nặng thì sẽ thương tổn đến hào Lục thân, nếu tạo cục hợp khắc phạt, nhân đình đại bại.

Hào Thế bị hào khác động khắc hoặc hào của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, thương tổn gia chủ hoặc hào Thế toàn bộ Lục thân có liên quan, ứng kỳ dài. Thế suy bị hào khác động hóa khắc hoặc hóa hồi đầu khắc tổn gia chủ hoặc toàn bộ Lục thân có liên quan, tai họa ứng kỳ nhanh.

Hào Phụ Mẫu bị hóa hồi đầu khắc, thương tổn người lớn trong nhà hoặc nhà cửa gia sản. Hào Huỳnh Đệ hóa hồi đầu khắc, thương tổn anh em trong nhà, hào Tử Tôn hóa hồi đầu khắc, thương tổn con cháu hoặc lục súc. Hào Thê Tài hóa hồi đầu khắc, thương tổn nữ đình hoặc thoái tài.

Hào Thế theo Quỷ nhập mộ, vào ngày tháng động mộ, giờ trực phùng có tai họa, giờ xung mộ cát, những Lục thân khác cũng luận như vậy.

Hào Thế, hào Tử Tôn, hào Tài kỵ nhập mộ, kỵ hưu tử tử tuyệt, gặp tam hình, gặp Thiên la Địa võng, ắt mệnh ngắn chết yếu, nhiều tai họa và tài bại.

Nếu hào Lục thân bị Hồ Xà khắc phạt, tính cách hung bạo không thể thành tài mà còn hung dữ hoặc bị họa thị phi kiện tụng.

(2) Dự đoán thông tin vượng suy của Tài tinh trong nhật khóa

Trong quẻ của nhật khóa hào Thê Tài nên lấy vượng không nên lấy suy, kỵ nguyệt lệnh xung phá, kỵ hưu tử tử tuyệt, kỵ nhập mộ Không Vong.

Hào Tài là hào nguyệt lệnh, không bị hào Huynh kiếp khắc, Tài tinh cực vượng, hào đến nhật kiến cũng như vậy.

Cục tam hợp Tử Tôn hoặc cục tam hợp Tài, đến ngày tháng kiến sinh vượng, là Tài tinh cực vượng, ở quê nuôi heo chóng lớn, nuôi gà chóng thành, trồng cây nhanh giàu.

Cục Thê Tài được tứ vị cục tam hợp sinh vượng, hoặc đến cục phương tứ trụ hợp lại vượng, là Tài cực vượng.

Tài tinh hóa tiến thần lại được tháng ngày vượng, ắt Tài cực vượng.

Hào tài hóa tiến thần, tiền tài năm nào cũng có.

Tử Tôn vượng mà hóa tiến thần, Tài cực vượng, nuôi lục súc đều thành.

Huynh Đệ cùng động không có được tiền tài, khi Tử vượng thì phản sinh.

Hào Tử Tôn hào Tài vượng trì Thế, là Tài vượng.

Hào Tử Tôn hoặc hào Tài được hào của quẻ biến hóa hồi đầu sinh, Tài vượng hoặc được tài lộc, phát đạt lâu dài, hào của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, tài bại hoặc thương tổn nhân đinh. Nhẹ thì tổn thất lục súc.

Hào Tài là phục thần, hào lâm nguyệt lệnh, hoặc được nguyệt lệnh đến sinh, hoặc được phi thần sinh, Tài cực vượng.

Tử Tôn là nguyên thần của Tài, gặp Phụ Mẫu động mà khắc thương, Tài suy.

Hào Tài gặp Lộc Mã Quý nhân, gia chủ gặp quý nhân cầu tài.

Trong quái hào Tài nhiều, là nhiều tài.

Tài động khắc Thế, chủ tài đến tìm gia chủ, nhưng bất lợi cho Phụ Mẫu và gia chủ. Nhẹ thì mẹ chồng con dâu không hòa thuận, nặng thì vì tài sắc mà xảy ra họa hoặc có tang cha mẹ.

Tài động hóa Quỷ chủ hao tài, hoặc gia chủ nữ đình có chuyện phong lưu đa tình.

Tam hợp cục Huynh Đệ động chủ bại đại tài, hoặc nữ đình gặp đại họa.

Huynh Đệ động hóa tiến thần, vượng thì thoái đại tài hoặc nữ đình gặp đại họa, hoặc bởi vì sắc mà thoái tài. Nhẹ thì thoái tài, nặng thì có tang nữ đình.

Huynh động mất tiền tài hoặc vì sắc mà thoái tài.

Chu Tước ở tại Huynh động, bởi vì chuyện thị phi kiện tụng mà thoái tài. Huyền Vũ ở tại Huynh động, bởi vì trộm cắp hoặc bệnh tật mà thoái tài. Bạch Hổ ở tại Huynh động, bởi vì tai họa bị thương tổn hại nhân đình mà thoái tài. Trong quẻ cục tam hợp Phụ Mẫu hoặc Phụ Mẫu vượng, Tài nhược mà cầu Tài vất vả.

Tài suy lại bị nguyệt lệnh xung phá, thoái đại tài hoặc nữ đình bị họa phá thân.

(3) Dự đoán thông tin sang hèn của Lục thân trong nhật khóa

Lấy hào Quan Phụ Tài là dụng thần. Phụ vượng Quan hưng định xuất tiền tài. Quẻ gặp Lục xung biến Lục hợp, thi thố đứng top đầu. Vượng Quan có thể sinh suy Phụ, lợi về con đường học hành.

Quan tinh trì Thế được sinh vượng, Tài động tương sinh, hoặc Thế lâm Tài hóa Tài, Tài động hóa Quan, Quan động hóa hồi đầu sinh, là cách cục phú quý.

Quý nhân lâm Thế, Quan Phụ được sinh vượng, hoặc ngày tháng năm sinh phục Quan Tinh hào Thế, là khóa có phú quý giàu sang.

Quan tinh trì Thế, hào 5 lâm Tài được nguyệt lệnh sinh phù, hoặc Phụ Mẫu trì Thế, hào 5 Quan tinh được nguyệt lệnh sinh, ắt sẽ có chuyện vui thăng quan, thăng cấp, hoặc con đường thăng quan tiến chức rộng mở, đa số xuất đại quan đại văn hào.

Thái Tuế gặp hào 5 sinh hợp hào Thế, hoặc Thế lâm Quan hợp thành cục, ắt sẽ thăng chức có tài lộc, được cấp trên hoặc được quý nhân đề bạt coi trọng, hoặc con đường thăng quan tiến chức rộng mở.

Hào Phụ Mẫu là hào nguyệt lệnh, hoặc được Quan tinh đến vào nguyệt lệnh sinh vượng, sẽ có người làm quan hoặc văn hào.

Phụ Mẫu được sinh vượng hoặc được hóa hồi đầu sinh, xuất quan quý nhân văn hào. Quan tinh bị Tài hóa hồi đầu sinh là Quan vượng, chủ tài từ trên trời xuống hoặc gặp bên ngoài; Phụ lộc Ấn

ting hóa Quan ting hồi đầu sinh, đa số được quý nhân đề bạt hỗ trợ hoặc văn chương ưu tú xuất thế.

Quan Phụ ở hào 4,5 được sinh vượng, xuất đại quan hoặc đại văn hào; gặp hào 3,4, gặp hào 1,2 là chức quan nhỏ hoặc làm văn thư.

Cục tam hợp Quan là Quan vượng, nhưng hào Thế phải ở trong cục.

Cục tam hợp Ấn là văn vượng, nhưng hào Thế phải ở trong cục. Nếu lại được Quan động tương sinh, có xuất đại quan văn hào, cát.

Quan ting lấy Tý Ngọ Dậu Mão là nhân viên quan chức cấp trưởng. Lấy Dần Thân Tỵ Hợi là nhân viên quan chức cấp phó. Lấy Thìn Tuất Sửu Mùi là nhân viên cấp thấp hoặc chức quan nhỏ; nhưng nếu sinh vượng, cũng chủ có quan chức.

Quan ting gặp Bạch Hổ, chủ xuất võ quan hoặc là quan chức có đem theo vũ khí của cục chính trị pháp luật. Như quân đội hay cảnh sát.

Quan ting gặp Đằng Xà, chủ là quan chức không đem vũ khí theo trong cục thi hành pháp luật, ví dụ quản lý kinh doanh, quản lý nhân sự,...

Phụ Mẫu Ấn ting gặp Bạch Hổ, chủ chức văn nhưng quản vũ, hoặc làm thư ký, chức văn thư hoặc nhân viên chính trị trong cục thi hành pháp luật.

Phụ Mẫu Ấn ting gặp Đằng Xà, cũng chủ quan chức làm việc trong cục thi hành pháp luật, đa số là làm văn thư thư ký.

Quan ting gặp Chu Tước, chủ quan văn hoặc làm quan văn trong đơn vị vũ trang. Phụ Mẫu Ấn ting gặp Chu Tước, đa số làm chức văn thư thư ký.

Quan ting gặp Thanh Long, đa số là quan chức trong sạch chân chính.

Quan ting gặp Huyền Vũ, nếu phát động, đa số là quan chức không liêm chính.

Quan ting được Thê Tài hóa sinh, đa số được Tài hoặc sau khi kết hôn thăng quan tiến chức.

Tài phục dưới Quan hoặc Tài hóa hồi đầu sinh Quan, chủ quan đa số có ám tài hoặc gặp hao sắc.

Tử Tôn trì Thế, vô quan hoặc chức quan nhỏ. Tử Tôn phát động, không làm quan hoặc có làm quan cũng không làm lâu dài được.

Quan tinh trì Thế, suy mà theo Quỷ nhập mộ, hoặc hóa hào Tử Tôn hồi đầu khắc, có làm quan có tiền tài cũng mất chức, không làm quan thì phạm vào thị phi kiện tụng. Hóa khắc hào vượng, đề phòng người làm quan chết sớm chết yếu hoặc gia chủ phạm kiện tụng.

Quan Phụ hưu tù tử tuyệt, khó có người học hành làm quan, Tài nhược không có phúc, Quan nhược không có quý, Phụ nhược không có người học cao làm quan.

Phụ Mẫu trì Thế chủ vất vả, nếu hào động khắc hóa khắc, hóa khắc hào vượng, đa số tổn hại trường bối, người lớn tuổi, gia chủ hoặc người học hành trong nhà.

Cục tam hợp Tử Tôn, không làm quan hoặc mất chức.

Cục tam hợp Thê Tài, không có ai học hành thăng tiến.

Quan quá vượng tổn hại thủ túc, Phụ Mẫu quá vượng thương tổn Tử Tôn hoặc sinh nhiều con gái, Tài quá vượng vô Quan, động sinh Ấn, có người học hành mà làm quan.

Hào Thế gặp tam hình, tương vượng đem theo Quý nhân và còn được quý nhân giúp đỡ, chủ nắm quyền lực sinh sát, suy thì bị xung khắc, chủ kiện tụng vào tù hoặc tai họa bị thương bị bệnh.

Hào Thê Tài trì Thế, trong nhà nhiều nữ cường, đều do nữ quản chuyện trong nhà.

Lục thân gặp Lộc tinh hoặc Quý nhân, nên Lục thân có triển vọng, đắc ích nhiều; gặp Mã tinh, nên Lục thân đa phần chạy động.

Lục thân gặp Thanh Long cát thần, nên Lục thân nhân nghĩa hiếu thuận, ưu tú hoặc thông minh linh hoạt.

Lục thân gặp hào 5 lại gặp Quý nhân, được Quý nhân ủng hộ, nên Lục thân có chí lớn, nếu là Quan Ấn, xuất đại quan hoặc đại văn hào.

Lục thân gặp đào hoa, chủ xinh đẹp phong lưu, nhưng dễ bị sa vào mỹ sắc, đa tình.

Lục thân gặp Huyền Vũ, đa số bị bệnh tật ám vị. Nếu động mà khắc thế khắc Phụ Mẫu, đa phần chủ mất dạy bất hiếu.

Thê Tài gặp Huyền Vũ khắc Phụ Mẫu, đa phần chủ con dâu mất dạy bất hiếu; nếu động xuất hào Quan sinh hào Phụ Mẫu, thì đa phần vì chuyện ngoại tình bên ngoài mà bất hòa với cha mẹ.

Hào Lục thân gặp Huyền Vũ, Đằng Xà, Bạch Hổ động khắc hào Thế, đa phần chủ lục thân mất dạy bất hiếu hoặc khó vượt trội.

Huyền Vũ gặp Lục thân phát động, sinh trợ Lục thân, ở tại Lục thân khó thành công; khắc Thế khắc Phụ Mẫu, mất dạy bất hiếu, hoặc đã phần có chuyện ám vị, hoặc dẫn đến trộm cướp bệnh tật bị thương.

Bạch Hổ gặp hào Lục thân, động sinh trợ Lục thân, đa phần chủ Lục thân hung bạo hoặc không có tình nghĩa gì; động khắc Lục thân, Lục thân suy nên phòng có họa bị thương máu chảy, thị phi kiện tụng.

Chu Tước gặp hào Lục thân, có hỷ có kỵ. Gặp sinh hào Phụ Mẫu, chủ con đường học hành dài rộng thăng tiến; gặp Quan tinh chủ quan văn hoặc có hoặc không; gặp Huynh Đệ chủ rước phải thị phi kiện tụng; gặp các hào Lục thân khác, sinh trợ là cát, hóa khắc là rước thị phi.

(4) Dự đoán thông tin thọ yếu của Lục thân trong nhật khóa

Dụng sự nhật khóa, đặc biệt là dụng sự nhật khóa thời gian dài, ngoài dự đoán thông tin đình, tài, quý trong nhật khóa ra, còn cần dự đoán thông tin thọ yếu trong nhật khóa. Thọ, chỉ nhật khóa dẫn đến thọ nguyên của gia chủ và các thành viên trong gia đình dài hoặc sự nghiệp phát đạt lâu dài. Theo như cũ thì có nhất nguyên bất bại, nhị nguyên bất bại hoặc tam nguyên bất bại (một nguyên là 60 năm), thì gọi là thọ, người có thể sống đến 60 tuổi là thọ, không hơn 60 tuổi là không thọ mà là yếu. Mà sau khi dụng sự mặc dù may mắn, nhưng vài năm hoặc hơn 10 năm lại đại bại, gia chủ hoặc thành viên trong gia đình đa phần là trung niên chết sớm hoặc thiếu niên chết yếu, gọi là yếu. Dụng sự nhật khóa mặc dù dẫn gia chủ hoặc thành viên trong gia đình phát phú phát quý, nhưng nhân định thọ yếu, đa phần trung niên chết sớm, phú quý có ích gì? Cho nên dự đoán thông tin thọ yếu của nhật khóa dụng sự cũng rất quan trọng. Nếu như nhân đình bình an trường thọ, ăn ở đạm bạc, không có ai chết sớm ở tuổi trung niên hoặc chết yếu tuổi thiếu niên, thì cũng là niềm vui của nhân gian này rồi. Nếu như nhân đình thọ yếu, dù có làm quan lớn, phát đại tài, nhanh phát cũng nhanh bại nhanh mất, tài quan có làm gì? Nếu như có người thành quan lớn, đại văn hào, có trăm năm, vạn năm giàu sang phú quý, nhưng không đến 50 tuổi, thậm chí 30 tuổi đều mất, cái danh tài quan có ích gì? Tài là vật ngoài thân, sống không đem đến, chết không mang đi, phát tài nhiều vậy thì có gì chứ. Mà có người, một khi thăng quan, không đến nửa năm đã kiến mã khắc ân. Lại có thần đồng, trung niên làm công việc khoa học, vừa mới có tiếng,

vừa mới vang danh, đã phải chết yếu và gặp họa chết sớm. Những người thọ yếu này, trừ thông tin vận mệnh tiên thiên ra còn liên quan đến âm trạch sơn phần và các loại dụng sự nhật khóa khác, còn liên quan đến cả các nhân tố hoàn cảnh môi trường của hậu thiên. Bình thường mọi người hay nói đến câu: Bản thân tự nắm lấy vận mệnh bản thân. Nhưng nắm lấy như nào? Không phải chỉ là một câu nói không có căn cứ. Đây là một vấn đề thực sự phức tạp rất nhiều về tính năng động chủ quan của con người trong dẫn dắt thông tin Tiên thiên và Hậu thiên. Phát hiện sự dẫn dắt của thông tin Tiên thiên và phát huy tính chủ quan năng động của Hậu thiên, mới có thể thật sự nắm bắt lấy vận mệnh của bản thân. Nếu không "tự nắm bắt vận mệnh bản thân" chỉ là một câu nói trống rỗng. Thuật dự đoán chọn ngày tốt là vì thay đổi vận mệnh mà cải tạo lại điều kiện Tiên-Hậu thiên. Khi chọn ngày tốt, đầu tiên cần lấy thọ mệnh làm chuẩn. Đầu tiên cần nhân định trường thọ, sau đó mới suy nghĩ đến vấn đề tài quý vượng suy. Nhân gian có câu "không cầu phú quý chỉ cầu bình an", đã chứng minh đầy đủ trong lòng mỗi người, bình an cát lợi rất quan trọng, đem định thọ đặt lên vị trí đầu tiên, rồi sau đó là tài, cuối cùng mới là quý. Nếu định tài quý thọ đều có được, vậy thì thật sự là khóa đại cát đại lợi rồi.

Dự đoán thông tin thọ yếu trong nhật khóa, tương ứng với sự tổng hợp phân tích phán đoán từ các phương diện dưới đây:

a. Phân tích từ tứ trụ của nhật khóa

Lấy nhật can và tứ chi thực thần tài tinh đắc lệnh đắc địa, ngũ hành bình hòa là thọ. Lấy nhật can và thực thần tài tinh hưu tù tử tuyệt lại có hào khắc hoặc nhật can ứng thừa quá vượng quá thịnh mà vô khắc là yếu. Sách có nói "nhật can hưu tù, phi thiên tắc bản", "nhật can cương thừa quá thịnh nhi vô khắc, vật cực tất phản". Nhật can ngũ hành bình hòa, chỉ nhật khóa tứ trụ ngũ hành hòa hợp nhịp nhàng, có sinh có khắc, âm dương ngũ hành tương hỗ cùng tồn tại. Nhật can đắc lệnh chỉ tháng 1,2 dùng ngày Giáp Ất Bính Đinh. Tháng 4,5 dùng ngày Bính Đinh Mậu Ty. Tháng 7,8 dùng ngày Canh Tân Nhâm Quý, tháng 10,11 dùng ngày Nhâm Quý Giáp Ất, tháng 3,6,9,12 dùng ngày Tuất Ty.

Nhật can đắc địa, chỉ nhật can có địa chi tàng khí. Như ngày Ất Mão, trong nhật chi Mão có tàng Ất Mộc, Ất can có Mão chi tàng khí, nên nhật can Ất đắc địa. Lại như ngày Giáp Dần, trong nhật chi Dần tàng 3 khí Giáp Mộc, Tuất Thổ, Bính Hỏa, nhật can Giáp là ngày trong Dần chi có khí tỏa ra của Giáp Mộc, cho nên nhật can

Giáp làm gì cũng đắc địa. Lại có như ngày Ất Dậu, trong nhật chi Dậu chỉ tàng Tân Kim mà không tàng Ất Mộc, cho nên ngày Ất Dậu nhật can Ất không đắc địa, nhật can Ất Mộc là vô căn mộc.

Ví dụ: Chọn giờ Dần ngày 16 tháng 2 năm Mậu Thìn 1928 âm lịch xây Ất trạch.

Niên Thực	Nguyệt Ấn	Nhật	Thời Tài
Mậu Thìn	Ất Mão	Bính Ngọ	Canh Dần

Nhật can của khóa là Bính Hỏa, ở tháng Mão đắc vượng, lại tự đem theo Dương Nhận, và được nguyệt can Ất Mộc sinh, vốn dĩ vượng cực, địa chi lại hội tụ Dần Mão Thìn ở hướng Đông nhất khí Mộc sinh, thực sự cang thừa quá vượng quá nhiều. Vượng thì ứng cần tiết chế, cú đầu có thời can Canh Kim tiết vượng khí. Nhưng thời can Canh Kim Tài tinh lại vô căn nhược Kim, khó mà đánh thắng được; lại lấy Quan tinh Thủy chế vượng khí của Hỏa, trụ niên có Thực thần tiết vượng khí, Thực thần tử tuyệt, Quan tinh Thủy nhập mộ khố hưu tù, bản thân khó giữ, sao mà chống lại kẻ thù? Khóa này có nhật can cang thừa quá cực, vật cực tất phản, Thực thần Mậu Thổ tử tuyệt tại nguyệt lệnh là cách cục Đinh Tài bại tuyệt. Khóa này dụng sự từ năm 1999, đã trải qua hơn 70 năm rồi, trước mắt chỉ còn lại một người con trai, tuổi cũng đã hơn 60, nhưng vẫn chưa lấy được vợ, nếu không nhanh chóng tìm cách giải quyết hóa giải, kết quả thế nào không nghĩ cũng biết.

b. Phân tích từ quái tượng

1, Nếu hai quẻ chủ biến đều được sinh vượng là hữu thọ, nếu hai quẻ chủ biến hưu tù tử tuyệt tại ngày tháng tuổi là chết yếu.

2, Nếu quẻ thể sinh quẻ hoặc quẻ dụng sinh thể, thể dụng tỷ hòa là hữu thọ; nếu quẻ thể hưu tù tử tuyệt, quẻ dụng khắc thể là chết yếu.

3, Nếu được quẻ cát lại được đại tượng hóa hồi đầu sinh, hóa tỷ hòa, hóa tương sinh là hữu thọ; nếu được quẻ hung lại có đại tượng hóa hồi đầu khắc là chết yếu.

Như ví dụ trên: Lập được quẻ lâu dài có quẻ chủ "Sơn Trạch Tồn", quẻ biến "Sơn Lô Di", hào 2 phát động. Quẻ "Tồn" có nghĩa là thương tổn, giảm bớt, hao tổn, là quẻ xấu nhất, quẻ chủ quẻ Tồn là quẻ cung Cấn, Ngũ hành thuộc Thổ, tử tuyệt tại nguyệt lệnh, lại có hào Dần Mão Thìn ở hướng đông hội Mộc khí khắc. Có quẻ biến "Di" là bát quái cung Tốn, Ngũ hành thuộc Mộc, vượng tại nguyệt lệnh, lại được tứ trụ Dần Mão Thìn hội khí mộc vượng tại phương

Đông. Bây giờ đại tượng vượng thịnh khắc đại tượng suy nhược, cho nên khóa này đình tài bại tuyệt, là khóa chết yếu.

c. Phân tích từ hào tượng

1, Lấy Ứng đến sinh hào Thế, Thế Ứng tỷ hòa tương sinh tương hợp là hữu thọ. Nếu hào Ứng khắc hào Thế, hào Thế hưu tử tử tuyệt lại bị hình khắc là chết yếu. Ứng với gia chủ hoặc hào Thế làm hào Lục thân tương ứng.

2, Lấy hào của quẻ biến hóa hồi đầu sinh, hóa tỷ hòa, hóa vượng là hữu thọ; lấy hào của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, hóa mộ khổ, hóa phá hóa tuyệt là chết yếu. Ứng với toàn bộ hào của Lục thân.

3, Hào Lục thân hóa tiến thân, hóa tam hợp cục thì hào vốn có của Lục thân và hào được sinh ra bởi Lục thân đó hữu thọ; bị khắc phạt nên Lục thân suy là chết yếu.

4, Hào Lục thân được sinh vượng, hào vốn có của Lục thân hữu thọ. Hào Lục thân bị tam hình, bị nguyệt lệnh xung khắc nhiều họa nhiều nạn hoặc chết yếu.

5, Hào Lục thân suy hoặc lâm Không Vong, lâm Thiên la Địa võng, bị nguyệt lệnh xung khắc, nếu không được hào khác hóa sinh, hào vốn có của Lục thân tất chết yếu; nếu được hào khác hóa sinh, thì cũng có bệnh tật bị thương hoặc tai họa thị phi kiện tụng.

Như ví dụ trên, lập được quẻ chủ "Sơn Trạch Tổn" và quẻ biến "Sơn Lôi Di", hào 2 phát động.

Tứ trụ: Mậu Thìn Ất Mão Bính Ngọ Canh Dần

Tổn	Di
Ư — Quan Quỷ Dần mộc	— Quan Quỷ Dần mộc Long
-- Thê Tài Tý thủy	-- Thê Tài Tý thủy Vũ
-- Huynh Đệ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Tuất thổ Hổ
T -- Huynh Đệ Sửu thổ Tử Thân	-- Huynh Đệ Thìn thổ Xà
— Quan Quỷ Mão mộc	-- Quan Quỷ Dần mộc Câu
— Phụ Mẫu Ty hỏa	— Thê Tài Tý thủy Tước
THỔ	Không Vong: Dần, Mão

Hào Thế Huynh Đệ Sửu Thổ, tử tuyệt tại nguyệt lệnh, lại bị tứ trụ hội cục Dần Mão Thìn phương Đông nhất khí Mộc khắc phạt, là luận hào Thế tử tuyệt, hào thế hóa xuất Thìn Thổ là giả tiến thân, hào 2 Quan Quỷ Mão Mộc cực vượng động khắc Thế, mặc dù hóa

Dần Mộc thoái thần, có thể bảo trì được chút vượng khí, là giả thoái thần, hào vốn có Lục thân (gia chủ và anh em) chết yếu. Tử Tôn Thân Kim là phục thần, là thế hệ sau, ở nơi hưu tù, hào Thế Huỳnh Đề Sửu Thổ có hào Quan Quỷ ở bên cạnh, hào Thế Huỳnh Đề Sửu Thổ bản thân khó giữ, thì làm sao có thể sinh Tử Tôn được! Hào 5 Thê Tài Tý Thủy, nhập mộ tại Thái Tuế, hưu tù tại nguyệt lệnh, bị ngày Thìn Ngọ Hỏa phản xung khắc, cho nên không có vợ hoặc Thê Tài thọ yếu. Hào 2 Quan Quỷ Mão Mộc cực vượng do có tam hội cục nhất khí Mộc cục động khắc hào Thế, hào gia chủ Huỳnh Đề khắc tổn. Hào Thê Tài, Tử Tôn cũng phản xung khắc. Quẻ này Lục thân đa phần thọ yếu, là khóa đỉnh tài bại tuyệt.

d. Giải thích phân tích ví dụ dự đoán lục hào

Ví dụ 6: Nhật khóa tử lục súc kiêm con cái gặp nạn phá thân.

Trạch Giáp Canh kiêm Mão Dậu, chọn giờ Mão ngày 26 tháng Mão năm Bính Tý âm lịch động thổ.

Nhật khóa: Bính Tý Tân Mão Tân Hợi Tân Mão

Thêm họ (7 nét) lập được quẻ của năm đó gồm quẻ chủ là "Hỏa Sơn Lữ" và quẻ biến "Hỏa Địa Tấn", hào 3 phát động, hào 6 ám động.

Lữ	Tấn
— Huỳnh Đề Ty hỏa	— Huỳnh Đề Ty hỏa Xà
-- Tử Tôn Mùi thổ	-- Tử Tôn Mùi thổ Câu
Ư — Thê Tài Dậu kim	— Thê Tài Dậu kim Tước
— Thê Tài Thân kim Quan Hợi	-- Phụ Mẫu Mão mộc Long
-- Huỳnh Đề Ngọ hỏa	-- Huỳnh Đề Ty hỏa Vũ
T -- Tử Tôn Thìn thổ Phụ Mão	-- Tử Tôn Mùi thổ Hồ
HỎA	Không Vong: Dần, Mão

Khóa này hai quẻ chủ biến vốn là quẻ cát. Quẻ chủ "Hỏa Sơn Lữ" là quẻ cung Ly, đại tượng tương vượng, lại tương sinh với Thế Ứng, là cát. Lại có hào Ứng Thìn Thổ hóa Mùi Thổ tiến thần vốn là rất đẹp rồi, nhưng đáng tiếc hưu tù tại nguyệt lệnh nhật kiến, là giả tiến thần. Lại có Bạch Hổ ở đó, rất không tốt, hào 3 động hóa xuất Phụ Mẫu Mão Mộc khắc hào Thế (Mão Mộc và nhật kiến Hợi Thủy, hào thế hóa xuất Mùi Thổ tạo thành tam hợp cục Hợi Mão Mùi Mộc cục) gia chủ hoặc con cháu hoặc lục súc gặp họa thương tổn,

may mà hào 6 Huỳnh Đệ Ty Hỏa ám động (mặc dù là kiếp tài) đến sinh hào Thế mà hóa giải được, không sẽ khiến cho họa tình mở rộng ra. Bạch Hổ lâm Thế, phải thấy máu chảy, lại có Chu Tước ở tại hào Ứng hào 4 bị nguyệt lệnh xung phá, hào 6 Huỳnh Đệ Ty Hỏa vượng tại nguyệt lệnh ám động khắc, là thoát tài và nữ đình có họa phá thân. "Huỳnh Đệ động kiếp tài hoặc nữ đình gặp tai họa", "hào Tài suy mà bị xung phá, thoát đại tài hoặc nữ đình có họa phá thân". Khóa này có thông tin hung thương tổn lục súc, nữ đình phá thân hoặc thoát đại tài.

Ứng kỳ: Có thần kiếp tài Huỳnh Đệ Ty Hỏa được sinh vượng vào tháng 2; lại có hào Thê Tài Dậu Kim vào nguyệt lệnh phản xung phá tại tháng 2; lại có hào Thế Tử Tôn Thìn Thổ bị khắc sát vào tháng 2, ứng nghiệm có tai họa.

Số thoát tài: Có hào 4 Thê Tài Dậu Kim bị xung phá hào. Bởi vì là thoát tài, nên mất 4 nghìn tệ hoặc 4 vạn tệ.

Ứng nghiệm: Gia chủ vào tháng dụng sự, đầu tiên chết mất hai con heo, mất hơn 1 nghìn tệ; hai là con gái đang học tiểu học bị viêm ruột thừa cấp phải vào viện phẫu thuật, lại dùng gần 3 nghìn tệ, hai cái này cộng lại đã tổn mất khoảng 4 nghìn tệ.

Ví dụ 7: Ngày xấu tổn hại nữ chủ.

Hai nhà cùng họ đều chọn giờ Sửu ngày 11 tháng 8 năm Mậu Dần 1998 âm lịch là ngày tu sửa ở hướng Đoài.

Tứ trụ nhật khóa: Mậu Dần Tân Dậu Tân Ty Kỷ Sửu

Lập được quẻ của năm đó có quẻ chủ "Thủy Địa Tỷ", quẻ biến "Phong Địa Quan", hào 6 phát động.

Tỷ	Quan
U Thê Tài Tý thủy Quan Quỷ Mão mộc Xà Huỳnh Đệ Tuất thổ Phụ Mẫu Ty hỏa Câu Tử Tôn Thân kim Huỳnh Đệ Mùi thổ Tước T Quan Quỷ Mão mộc Quan Quỷ Mão mộc Long Phụ Mẫu Ty hỏa Phụ Mẫu Ty hỏa Vũ Huỳnh Đệ Mùi thổ Huỳnh Đệ Mùi thổ Hổ	

THỔ

Không Vong: Thân, Dậu

Luận quẻ khóa quẻ chi quái tượng quẻ chủ "Thủy Địa Tỷ" là quẻ cung Khôn, quẻ biến "Phong Địa Quan" thuộc cung Càn vốn đều là

quẻ cát. Thiên địa định vị, âm dương tụ hội, lại có đại tượng tương sinh. Nhưng do nguyệt lệnh đối với hào tượng nên không tốt, gây nên hào tượng biến thành hung, mà quẻ cát cũng biến thành quẻ hung. Quẻ chủ hào Thế Quan Quỷ Mão Mộc tử tại nguyệt lệnh nhật kiến, lại bị xung phá, lại có nhật khóa tam hợp cục Tỵ Dậu Sửu Kim cục đến khắc phạt, nên khắc chủ phá thân đại hung. Mặc dù tương vượng trên hào 6 Thê Tài Tý Thủy động mà sinh, nhưng tử Mộc gặp Thủy cũng khó mà hoàn sinh, chưa nói lại còn có tử phá Mộc? Thê Tài Tý Thủy phát động mà hóa Quỷ hóa phá, lại có Đằng Xà ở tại đó phát động, đều là đại hung khó tránh. Thê Tài Tý Thủy lại là thê thiếp, động mà hóa phá hóa quỷ, là thông tin thọt yếu, bởi vì dụng sự ở phương vị cung Đoài, Đoài lại là nữ, cho nên ứng với nữ chủ nhân. Nữ chủ nhân ắt sẽ gặp phải họa phá thân, chết sớm!

Ứng kỳ:

1, Lấy số hào động để xác định ứng kỳ, hào 6 động là 6 tháng.

2, Lấy số quẻ của hào động biến xuất xác định ứng kỳ, hào động biến xuất quẻ là Mão, Tồn là 5, xác định ứng kỳ là 5 tháng.

Tổng hợp lại để nói: Ứng với sau khi dụng sự 5 đến 6 tháng sẽ ứng nghiệm gặp họa, nhanh nhất là tháng 12 năm 1998 âm lịch gặp họa, chậm nhất là tháng 1 năm 1999 âm lịch gặp họa.

Ứng nghiệm: Nữ chủ hai nhà đều gặp tai nạn xe mà chết, ứng với họa nữ chủ phá thân. Một nhà thì nữ chủ vì tai nạn xe chết tháng 12 âm lịch năm 1998, một nhà khác thì nữ chủ nhân gặp tai nạn xe chết tháng 1 năm 1999 âm lịch, sự bi thảm của họa phá thân thực sự khó mà dùng chữ viết nào để biểu đạt ra.

Ví dụ 8: Khảo chứng cổ khóa: Chọn ngày kết hôn có họa vợ chồng ly hợp kèm theo kiện tụng.

Dựa theo cuốn sách "Lưu Lạc Vương Kỳ" có viết, người em trai Phổ Kiệt của vị Hoàng Đế cuối cùng của Trung Quốc là Phổ Nghi có vợ là Saga Hiro (sau khi kết hôn đổi thành Ái Tân Giác La Hiro). Em trai vị hoàng đế cuối cùng của Trung Quốc là Ái Tân Giác La Phổ Kiệt cùng với cô gái Nhật Bản Saga Hiro tiến hành đại hôn vào hơn 3 giờ chiều ngày 3 tháng 4 năm 1937 (là giờ Thân trong ngày 22 tháng 2 năm Đinh Sửu âm lịch).

Quan Thương Tài

Đinh Sửu Quý Mão Canh Thân Giáp Thân

Luận theo tứ trụ, khóa này vốn là Thương Quan gặp cung cách, có thị phi kiện tụng. Người nữ có thông tin chết yếu, hung (nam

gặp Thương Quan là nữ). Lại có ngày Thân Dậu là ngày Ngũ Ly, kỵ kết hôn, có sinh ly tử biệt, tứ trụ nhật khóa không cát.

Thêm tên chồng (Ái 13 Tân 13 Giác 10 La 20) vợ (Sa 13 Ga 10) vào để lập quẻ, lập được quẻ chủ "Hỏa Lôi Phệ Hạp" và quẻ biến "Sơn Lôi Di", hào 4 phát động.

Quẻ của khóa là quẻ thông tin nhật khóa thời gian dài về hôn nhân của Phổ Kiệt và Saga hiro. Hai quẻ chủ biến đều là quẻ cung Tốn, ngũ hành thuộc Mộc, vượng tại nguyệt lệnh, quẻ là quẻ đại tượng tử hòa.

Phệ	Di							
Hạp								
—	Tử Tôn	Ty	hỏa	—	Huỳnh Đệ	Dần	mộc Xà	
T	--	Thê Tài	Mùi thổ	--	Phụ Mẫu	Tý	thủy Câu	
—	Quan Quý	Dậu	kim	--	Thê Tài	Tuất thổ	Tước	
--	Thê Tài	Thìn thổ	--	Thê Tài	Thìn thổ	Long		
Ư	--	Huỳnh Đệ	Dần	mộc	--	Huỳnh Đệ	Dần	mộc Vũ
—	Phụ Mẫu	Tý	thủy	—	Phụ Mẫu	Tý	thủy Hổ	
MỘC	Không Vong: Tý, Sửu							

- Luận từ quái tượng:

Quẻ chủ "Phệ Hạp", thể là Chấn Mộc, vượng tại nguyệt lệnh, nhưng nhật kiến thì khắc; quẻ dụng Ly Hỏa, vượng tại nguyệt lệnh, hưu tù tại nhật, hổ thể Cấn Thổ, hổ dụng Khảm Thủy, đối với quẻ thể có sinh có tiết. Quẻ chủ thể sinh dụng, quẻ biến thể khắc dụng, đối với ngày kết hôn là cát, thì đó là cát ít. Khóa này hễ gặp năm Hợi Tý, Dần, Mão hoặc Sửu (Kim nhập khố), quẻ thể được sinh vượng, có gặp chuyện vui, hễ vào giữa năm Dậu, gặp Kim khắc quẻ thể là năm gặp tai họa.

- Luận từ hào tượng:

Hào Thể Thê Tài Mùi Thổ, có nhật can Canh Kim là Thiên Ất quý nhân, là chủ nhân gặp nạn có người cứu, gặp nguy có người giúp, chủ nhân có phúc, gặp hung hóa cát. Đáng tiếc hào Thể Thê Tài Mùi Thổ, bị Thái Tuế Sửu Thổ xung phá, lại cùng với hào 4 Quan Quý Dậu Kim động hóa xuất thành Tuất Thổ tạo thành tam hình, lại bị hào ứng 2 Huỳnh Đệ Dần Mộc vượng tại nguyệt lệnh ám động khắc phạt, gia chủ có thông tin kiện tụng hoặc có tai họa thương

bệnh. Hào 6 Tử Tôn Ty Hỏa là con cái, và hóa xuất Huynh Đệ Dần Mộc cùng nhật kiến Thân Kim lại thành tam hình, có nghĩa là “có con cái khó nuôi dưỡng, nhiều bệnh tật, chế yếu”.

Khóa này quẻ Thế là chồng, Ứng là thê thiếp, hiện tại Thế Ứng không những tương sinh mà còn tương khắc, là có thông tin xấu sau kết hôn sẽ sinh ly tử biệt. Sau khi ly biệt lại gặp tin vui, quẻ “Hỏa Lôi Phệ Hạp” có “giảo đoạn, giảo hợp, hình phạt”. “Hình phạt, giảo đoạn, giảo hợp” là hai vợ chồng gặp chuyện kiện tụng bị phán phạt hình lao động cải tạo, hôn nhân đứt đoạn, nhưng sau đó lại gặp lại. Con cái khó nuôi hoặc chết yếu ứng với con gái lớn, bởi vì hai quẻ chủ biến đều thuộc bát quái cung Tốn, Tốn là trưởng nữ.

Tình hình ứng nghiệm:

Gia chủ vào năm Ất Dậu 1945, nhà Mãn Châu sụp đổ, ở Phụng Thiên bị hồng quân Liên Xô bắt được, phạt ngồi tù 14 năm, 14 năm sau là năm Kỷ Hợi 1959 là năm sinh quẻ thể được giải cứu. Năm Đinh Dậu 1957, con gái lớn Tuệ Sinh đang học tại đại học ở Nhật Bản đã mất tại núi Aegin của Nhật Bản. Năm Tân Sửu 1961, là năm khắc quẻ thể năm Canh Kim nhập mộ khố, vợ chồng Phổ Kiệt dưới sự giúp đỡ của thủ tướng Chu đã gặp lại nhau sau 16 năm chia cắt. Nửa cuối năm 1966, Trung Quốc bắt đầu “cải cách văn hóa”. Đến sau tháng 5 năm Mậu Thân 1968, hai vợ chồng đều chịu xung kích, đều là năm Canh Kim khắc quẻ thể, năm Giáp Dần 1974, là năm quẻ thể Mộc vượng, cải cách văn hóa kết thúc, vợ chồng gia chủ quay lại Trung Quốc gặp người thân, năm Ất Mão 1975, vợ chồng gia chủ quay lại Bắc Kinh định cư, tận hưởng cuộc sống bình yên hạnh phúc đến cuối đời. Sau đó Phổ Kiệt nhận chức Chủ tịch Ủy ban Quốc gia của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và mạng lưới truyền thông Đại hội nhân dân toàn quốc. Con gái thứ hai Hộ Sanh sau khi tốt nghiệp đại học Nhật Bản, cũng lấy chồng và có cuộc sống hạnh phúc.

Vợ chồng Phổ Kiệt nhiều lần được thủ tướng Chu quan tâm chăm sóc, cũng là hào Thế Thê Tài Mùi thổ là nhật can Thiên Ất quý nhân.

Ví dụ 9: Ngày hung tổn phòng Tử Phụ khắc Đệ.

Chọn giờ Mão ngày 20 tháng 11 năm Quý Dậu 1993 âm lịch vào ở căn nhà Cấn kiêm Dần trạch mới xây.

Nhật khóa: Quý Dậu Giáp Tý Đinh Hợi Quý Mão

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Lập được quẻ chủ “Thiên Phong Cấu”, quẻ biến “Thiên Thủy Tụng”, hào 3 phát động.

Cấu	Tụng
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Phụ Mẫu Tuất thổ Long
— Huynh Đệ Thân kim	— Huynh Đệ Thân kim Vũ
Ư — Quan Quỷ Ngọ hỏa	— Quan Quỷ Ngọ hỏa Hổ
— Huynh Đệ Dậu kim	— Quan Quỷ Ngọ hỏa Xà
— Tử Tôn Hợi thủy Tàì Dàn	— Phụ Mẫu Thìn thổ Câu
T — — Phụ Mẫu Sửu thổ	— Thê Tài Dàn mộc Tước
KIM	Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này quẻ chủ “Thiên Phong Cấu” là quẻ cung Càn, Ngũ hành thuộc Kim, vượng tại Thái Tuế. Quẻ biến “Thiên Thủy Tụng” là quẻ cung Ly, ngũ hành thuộc Hỏa, tử tại nguyệt lệnh nhật kiến, mặc dù đại tượng hóa hồi đầu khắc, nhưng tạm thời không có gì trở ngại. Nhưng quẻ chủ mặc dù quẻ thể (thuộc Kim) khắc quẻ dụng (thuộc Mộc), nhưng Mộc mạnh Kim suy, hình thành phản khắc; không tốt. Hào sơ Phụ Mẫu Sửu Thổ trị Thế, bị hào biến Thê Tài Dàn Mộc vượng tại nguyệt lệnh nhật kiến hóa hồi đầu khắc, là có tai họa tổn hại phụ mẫu và tổn hại nhà cửa. Hào 2 Tử Tôn Hợi Thủy, vượng tại nhật nguyệt lệnh nhưng hào biến Phụ Mẫu Thìn Thổ hóa hồi đầu khắc, hào Tử Thê nhất định gặp họa bị hại, hào 3 Huynh Đệ Dậu Kim lâm Thái Tuế phát động, có tai họa thoái tài lớn; nhưng bị Quan Quỷ Ngọ Hỏa hồi đầu khắc chế, mặc dù có thể giảm nhẹ được mức độ thoái tài, nhưng cũng dẫn đến thông tin Huynh Đệ gặp tai họa. Lại có hào 4 Quan Quỷ Ngọ Hỏa có Bạch Hổ ở tại đó, hào tại nguyệt lệnh xung ám động, có thông tin hung thương, có tang sự, khóa này không cát.

Ứng kỳ: Có hóa hồi đầu khắc Phụ Mẫu dụng thần là hào Thê Tài Dàn mộc của năm tháng tam hợp là năm tháng ứng kỳ. Năm 1994 là năm Giáp Tuất, là năm tam hợp của hào khắc, cho nên ứng với năm 1994 là năm khắc Phụ Mẫu, đồng thời gặp họa tổn hại nhà cửa, thoái tài, Huynh Đệ bị thương.

Ứng nghiệm:

1, Tháng 5 năm 1994, đầu tiên là nhà bị núi lở sập mất nhà chính.

2, Tháng 9 năm 1994, cha của gia chủ chết vì bệnh cấp.

3, Năm 1994, em trai thứ của gia chủ ngã cầu thang bị thương nặng.

4, Năm 1994, em dâu thứ của gia chủ bị bệnh phải uống thuốc thường xuyên.

5, Gia chủ vì sửa lại nhà và làm tang lễ cho cha đã dùng đến hơn ấy nghìn nhân dân tệ.

Khóa này thật sự ứng họa đại hung chết người sập nhà.

Ví dụ 10: Ngày hung mất xe ,tổn thất lục súc, rước phải chuyện kiện tụng.

Hai nhà đều chọn giờ Thìn ngày 16 tháng 10 năm Mậu Dần âm lịch xây nhà Dần trạch và động thổ Dần trạch.

Nhật khóa: Mậu Dần Quý Hợi Ất Hợi Canh Thìn

Khóa này lập được quẻ năm đó với quẻ chủ "Phong Trạch Trung Phu", quẻ biến "Thiên Trạch Lý", hào 4 phát động.

Trung Phu	Lý
— Quan Quỷ Mão mộc	— Huynh Đệ Tuất thổ Vũ
— Phụ Mẫu Ty hỏa Tài Tý	— Tử Tôn Thân kim Hồ
T — — Huynh Đệ Mùi thổ	— Phụ Mẫu Ngọ hỏa Xà
— — Huynh Đệ Sửu thổ Tử Thân	— Huynh Đệ Sửu thổ Câu
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Tước
Ư — — Phụ Mẫu Ty hỏa	— Phụ Mẫu Ty hỏa Long
THỔ	Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này có hào 1, hào 5 là trường bối là hào Phụ Mẫu Ty Hỏa, là nhà cửa, là xe cộ, bị nguyệt lệnh xung phá, có thông tin xấu về Phụ Mẫu xảy ra tai họa, nhà cửa chịu hư tổn, tổn thất xe cộ. Lại có hào 5 là đường đi lâm Bạch Hổ ở đó, có thông tin đi xe bị tai nạn xe người bị thương chảy máu. Hào 2 là hào Quan Quỷ Mão Mộc bị nhật kiến xung ám động mà khắc Thổ, cũng có thông tin chuyện kiện tụng thị phi. Hào 4 Huynh Đệ Mùi Thổ động hóa Phụ Mẫu Ngọ Hỏa hồi đầu sinh, có thông tin thoái tài; lại có hào 5 động hóa xuất Tử Tôn Thân Kim ở tại vị trí Bạch Hổ, có thông tin tổn hại lục súc. Khóa này là khóa cực kỳ xấu.

Ứng kỳ:

1, Một nhà dụng sự tại nông thôn năm đó xe đi trên đường tông bị thường người ta, sau đó chết mất một con heo lớn, kiện tụng và thoái tài cùng tổn thất hết gần 4 nghìn tệ.

2, Một nhà dụng sự tại thành phố ngày thứ 4 là ngày Mậu Tý, nhật can xung hào 4 Huỳnh Đề Mùi Thổ động hóa xuất Ngọ Hỏa, khiến hào Mùi Thổ hợp mà mất tiền của, bị ăn trộm trộm mất chiếc xe máy Dabaisha, giá trị hơn vạn tệ.

Ví dụ 11: Khóa trước hung sau cát (cách cục tài vượng).

Thân kiêm Canh trạch, chọn giờ Tý ngày 14 tháng 10 năm Giáp Tý 1984 âm lịch, là ngày động thổ thi công.

Tứ trụ: Giáp Tý Giáp Tuất Giáp Thìn Giáp Tý

Khóa này chủ là trước Lập Đông một ngày. Là ngày tứ tuyệt, nhưng vì là khóa có tuyệt gặp sinh, lập quẻ (thêm họ 16 nét) được quẻ chủ "Thiên Trạch Lý", quẻ biến "Đoài Vi Trạch", hào 6 Huỳnh Đề Tuất Thổ phát động.

Lý	Đoài
— Huỳnh Đề Tuất thổ	-- Huỳnh Đề Mùi thổ Vũ
T — Tử Tôn Thân kim Tài Tý	— Tử Tôn Dậu kim Hổ
— Phụ Mẫu Ngọ hỏa	— Thê Tài Hợi thủy Xà
-- Huỳnh Đề Sửu thổ	-- Huỳnh Đề Sửu thổ Câu
Ư — Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Tước
— Phụ Mẫu Tý hỏa	— Phụ Mẫu Tý hỏa Long

THỔ

Không Vong: Dần, Mão

Khóa này có hào 5 là hào Thế, vị trí quý ở tại hào 5, Tử Tôn Thân Kim trì Thế, lại hóa Dậu Kim là chân tiến thần, cùng nguyệt lệnh Tuất tam hội phương Tây nhất khí Kim cục, là cách cục đỉnh tài cực vượng (Tài tinh Tý Thủy là Thái Tuế phục dưới hào Thế được sinh vượng). Hào 6 Huỳnh Đề Tuất Thổ, ở nguyệt lệnh phát động mà kiếp tài, có thông tin mất tiền tài nhiều, nhưng hóa thoái thần, làm mất tiền trước sau phát. Tử Tôn là nguyên thần của Tài, lại có con cái, là đỉnh nhiều tài nhiều.

Khóa này gia chủ sau khi dùng để xây nhà, trong vòng 4 năm (lấy số thể dụng của quẻ biến), bại về đất đai: 1, kinh doanh bị đền bù hai mươi mấy vạn tệ; 2, vợ chồng ly hôn, đồng thời đem cả con cái đi. Chỉ còn lại mỗi gia chủ cô đơn một mình. Gia chủ sau đó lại

phát tài hơn, phát tài phát đến hơn 100 vạn, thành một người có tài sản kếch xù, sau đó lấy vợ và sinh liên tiếp 5 người con, có được vượng cả hai đinh và tài. Lại định cư lập nghiệp, đó là chuyện sau khi dụng sự kiến trạch khoảng 10 năm.

Ví dụ 12: Khóa làm quan viên đời đời.

Chọn giờ Ngọ ngày 16 tháng 7 năm Nhâm Thân 1872 âm lịch kiến Càn thêm Tuất trạch

Tứ trụ: Nhâm Thân Mậu Thân Mậu Thân Mậu Ngọ

Thêm họ (7 nét) lập được quẻ chủ “Sơn Thủy Mông”, quẻ biến “Hỏa Thủy Vị Tế”, hào 4 phát động.

Mông		Vị Tế
—	Phụ Mẫu Dần mộc	— Huynh Đệ Ty hỏa Tước
--	Quan Quỷ Tý thủy	-- Tử Tôn Mùi thổ Long
T --	Tử Tôn Tuất thổ	— Thê Tài Dậu kim Vũ
--	Huynh Đệ Ngọ hỏa	-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Hổ
—	Tử Tôn Thìn thổ	— Tử Tôn Thìn thổ Xà
Ư --	Phụ Mẫu Dần mộc	-- Phụ Mẫu Dần mộc Câu
HỎA		Không Vong: Dần, Mão

Khóa này có quẻ chủ hào 5 Quan Tinh Tý Thủy, sinh vượng tại nguyệt lệnh, Tý lại ở tại vị trí tôn quý của hào 5, là trưởng quan mà là quan to. Đáng tiếc quẻ biến có hào Tử Tôn Mùi Thổ hồi đầu khắc, mặc dù có tai họa, nhưng vì thời gian ứng kỳ không dài, lại có Thanh Long cát thần ở đó, nên vẫn là thanh liêm, cho nên vẫn làm quan to. Phụ Mẫu Dần Mộc là Ấn tinh, mặc dù bị nhật kiến nguyệt lệnh đến khắc, nhưng vượng Quan có thể sinh suy Phụ, lại lâm Chu Tước, chủ có người học hành cao làm quan to. Hào 4 Tử Tôn Tuất Thổ, mặc dù không đắc lệnh, nhưng được trường sinh tại nhật nguyệt (Thổ, Thủy sinh trưởng tại Thân), cũng là đẹp. Quẻ biến Thê Tài Dậu Kim, vượng tại nhật nguyệt, là Tài tinh cực vượng, vừa có Tài vừa sinh Quan, Quan có thể sinh Ấn, khóa này chủ yếu là cách cục phú quý.

Dựa theo khảo chứng của tác giả, trạch này Tử Tôn từ Triều Thanh đến thời kỳ Tân Trung Quốc đã trải qua hơn 120 năm, trải qua 3 triều đại, triều đại nào cũng có người làm quan, chức quan đều từ trung tâm đến tỉnh lẻ, mà đa số đều là quan thanh liêm, có

thời gian làm quan lâu dài, đều đa số là học đại học ra. Dựa vào đó có thể thấy, khóa này là khóa của một thầy có tiếng thời nhà Thanh.

Khóa này Tài tinh Dậu Kim, Quan tinh Tý Thủy đều đồng bộ với sơn gia, sơn vận ngũ hành, cho nên dụng thần có thể đại tiêu chuẩn, là cách cục đại phú đại quý.

Ví dụ 13: Hiệu ứng thần kỳ của thông tin nhật khóa.

Tọa Nhâm hướng Bính kiêm Tý Ngọ trạch, tác giả chọn dùng 6 giờ 20 phút sáng ngày 17 Canh Dần tháng 12 âm lịch năm 1992 năm Nhâm Thân dọn vào nhà ở.

Chủ mệnh hỷ dụng thần: Kim, Thủy, Mộc.

Nhật khóa tứ trụ: Nhâm Thân Quý Sửu Canh Dần Kỷ Mão

Thêm họ lập được quẻ của năm đó và quẻ dụng sự nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Thủy Trạch Tiết" và quẻ biến "Đoài Vi Trạch", hào 4 phát động.

Tiết	Đoài
-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Quan Quỷ Mùi thổ Xà
-- Quan Quỷ Tuất thổ	-- Phụ Mẫu Dậu kim Câu
Ư -- Phụ Mẫu Thân kim	-- Huynh Đệ Hợi thủy Tước
-- Quan Quỷ Sửu thổ	-- Quan Quỷ Sửu thổ Long
-- Tử Tôn Mão mộc	-- Tử Tôn Mão mộc Vũ
T -- Thê Tài Ty hỏa	-- Thê Tài Ty hỏa Xà
THỦY	Không Vong: Ngọ, Mùi

Quẻ của khóa có hào Thê Tài Ty Hỏa, vượng tại nhật kiến, có Thái Tuế là Thiên Ất quý nhân, lại có Tài hóa Tài là cát. Hào 2 Tử Tôn Mão Mộc, là con cái, lại có Thái Tuế là Thiên Ất quý nhân, vượng tại nhật kiến cũng cát, con cái ắt vượt trội. Hào 3 Quan Quỷ Sửu Thổ lâm nguyệt kiến là vượng, mà lại có nhật kiến là Thiên Ất quý nhân (VP: chắc tác giả nhầm lẫn), có Quan hóa Quan, có thông tin xuất quý. Hào 4 hào Phụ Mẫu Thân Kim, là hào lâm Thái Tuế, lại có ngày là ngày Lộc Mã, có được hào 5 Quan Quỷ Tuất Thổ nhiếp thân sinh. Là con đường thăng quan rộng mở, có tài văn chương xuất sắc, đại cát. Khóa này hào Thế và nhật kiến cùng hào 4 Phụ Mẫu Thân Kim cấu thành Dần Ty Thân tam hình, theo như thông thường mà nói là không cát, nhưng tam hình đem theo Lộc

Mã Quý, ngược lại là cát! Thêm cả hào 4 hào Phụ Mẫu Thân Kim phát động hóa xuất Hợi Thủy, hình thành cùng với Thế, năm, ngày thành Dần Thân Tỵ Hợi cả 4 đều là tứ sinh trưởng, cát lại càng thêm cát. Khóa này đại tượng hồi đầu sinh, mặc dù khóa quẻ Lục hợp biến Lục xung nhưng không kỵ, mà lại là quái tượng đại cát. Khóa này ắt hẳn đã dẫn dắt tác giả thành công trong sự nghiệp nghiên cứu Dịch học, con cái học cái vượt trội, phú quý song toàn, ứng kỳ vào năm Thìn Tuất Sửu Mùi xuất văn quý, năm Dần Mão Tỵ Ngọ được tài vượng. Mà sau đó có thể giúp cho sự nghiệp của tác giả thành công, một là người sinh vào năm Dần Thân Tỵ Hợi. Hai là người có sức giúp đỡ lớn, sinh vào năm Dậu Tuất. Bởi vì Tuất Dậu ở tại quẻ khóa này ở vị trí hào 5, sinh trợ Phụ Mẫu Ấn tinh Thân Kim là có sức mạnh lớn nhất.

Tác giả sau khi vào ở nhà mới, toàn bộ đều căn cứ thông tin thời gian trong quẻ của nhật khóa để thực hiện, quả nhiên ứng nghiệm thần kỳ, khó mà có thể dùng văn vở để nói hết ra được.

Năm Giáp Tuất năm 1994, vì là năm Phụ Mẫu Thân Kim được Quan tinh Tuất Thổ sinh vượng, tác giả bắt đầu viết sách "Ứng dụng nhật khóa dự đoán học". Sau khi viết xong, lập tức liên hệ với giáo viên của tác giả là Trương Nãi Bằng (giảng dạy chuyên ngành phát thanh, có rất nhiều tác phẩm liên quan đến phương diện điện cơ và vô tuyến điện), nhờ ông ấy tìm các vị giáo sư ở các trường đại học giúp kiểm duyệt lại và giúp liên hệ với các nhà xuất bản. Đồng thời lập tức gọi bạn cũ của ông ấy là giáo sư Vương Tử Trì giúp đỡ (thầy Vương cũng đã có nhiều phát biểu và luận văn cùng tác phẩm, sau ông ấy gọi tác giả dự đoán ông ấy và vợ thì mới biết ông ấy sinh vào năm Quý Dậu), quả nhiên có được sự chỉ điểm và giúp đỡ rất lớn từ ông ấy. Sau đó nhờ sự giúp đỡ của thầy Trương tác giả có liên lạc với vài nhà xuất bản ở Quảng Tây, có được câu trả lời đều là trước mắt những tác phẩm liên quan đến Dịch học ở Quảng Tây tạm thời không xuất bản, thầy Trương kiến nghị tác giả ra hải ngoại xuất bản hoặc phát hành nội bộ. Năm Đinh Sửu 1997, là năm nhật khóa quẻ Quan Ấn sinh vượng, năm này, vài chuyện vui đến; một là sau khi con gái thứ hai tốt nghiệp đại học, được sự giúp đỡ đề bạt của lãnh đạo cấp quận (là cuối năm Ất Dậu), có được công việc tại Cục thi hành pháp luật. Cùng năm đó vào nửa đầu năm, các nhân viên có liên quan của Cục được quan tâm và cho theo học lớp trung cấp kỹ thuật do phòng của Trường trung cấp kỹ thuật tổ chức, và hiện tại đã lấy được bằng trung cấp kỹ thuật. Đồng thời kỳ thi năm đó, con trai cũng thi đỗ vào một

Trường trung cấp chuyên nghiệp trọng điểm ngoại tỉnh ở hướng Tây Bắc là vị trí Càn, nó hoàn toàn đồng bộ với thông tin quẻ của nhật khóa. Nửa cuối năm 1997, tác giả lại có được may mắn liên hệ được với Trung tâm Dịch học Hàm Ninh của thầy Thiệu vĩ Hoa, được mở mang tầm mắt, sau đặt tạp chí "Chu Dịch và ứng dụng", đã giúp ích rất lớn đến sự nghiệp nghiên cứu Chu Dịch của tác giả, bắt đầu từ năm 1998, cũng là năm tác giả đăng vài bài luận lên trên tạp chí. Năm 1998 và năm 1999, là năm mà quẻ nhật khóa Tử Tôn Mão Mộc đắc vượng gặp Tài vượng, tác giả tiếp đãi một lượng lớn quan viên và những người trẻ tuổi có tiền, đương nhiên cũng thu lại được khá khả quan, con gái lớn năm 1998 được tăng lương, con gái thứ hai ở năm Dậu cũng được tăng lương. Là năm mà tác giả thu được khả quan nhất từ khi xuất đạo. Năm 1999, con gái lớn cũng học Chu Dịch, tứ trụ và có thành quả, có được các loại chứng chỉ, bây giờ có thể bắt đầu phát triển công việc.

Liên quan đến phương vị xuất bản sách và nhân mệnh của người giúp đỡ tác giả thành công, tác giả cũng dựa theo thông tin lựa chọn quẻ trong nhật khóa. Thông qua nghiệm chứng: Cũng đã chứng minh được hiệu ứng ứng nghiệm thần kỳ thâm sâu của thông tin nhật khóa (thông tin thâm sâu trong nhật khóa đồng bộ với thông tin mệnh cục của tác giả). Bởi vì hướng Bắc là phương vị dụng thần của tác giả, cũng là phương vị tọa sơn nhà tác giả ở, cho nên tác giả mới chọn hợp tác với cơ sở nghiên cứu Dịch học ở vị trí hướng Bắc. Lần đầu tiên chọn hợp tác cùng Trung tâm Dịch học của thầy Thiệu Vĩ Hoa, dù Hàm Ninh là ở hướng Bắc so với nơi tác giả ở, nhưng thầy Thiệu Vĩ Hoa lại là người sinh vào năm Bính Tý, Tổng Giám đốc Thiệu Hồng sinh năm Dần, đều không phải niên mệnh Tuất Dậu của người giúp đỡ được nhiều nhất cho tác giả. Sau giám đốc Thiệu Hồng gửi tin đến nói sách của tác giả tên và mục lục rất hay, có ý hợp tác, nhưng cần đợi thầy Thiệu ở nước ngoài quay về cùng ông ấy thương lượng mới có thể quyết định. Cho nên sau này Trung tâm xảy ra vài chuyện sóng gió lại chuyển đến Quảng Ngoại, sự tình không thể làm được gì. Sau này lại nhận được tin từ thầy Triệu Chí Quân, lại muốn cùng thầy Triệu hợp tác. Lúc đó thầy Triệu vừa thành lập cơ sở, công việc bận rộn, mặc dù đồng ý hợp tác, nhưng cần đợi một thời gian nữa, bởi vì thầy Triệu Chí Quân sinh năm Tuất, niên mệnh mặc dù là niên mệnh giúp tác giả thành công, nhưng không phải người có thể giúp đỡ nhiều nhất, và cũng vì cảm thấy Hà Bắc quá xa, sau này đi lại không tiện, tác

giả đã từ bỏ. Năm 1999, thấy Cao Quảng Thâm thành lập Viện nghiên cứu Dịch học Quảng Thâm, tác giả thấy thầy Cao có niên mệnh Bính Tuất, tương sinh với niên mệnh của tác giả, lại là người giúp đỡ nhiều nhất mạnh nhất có nói trong quẻ nhật khóa, hợp tác với ông ấy nhất định thành công, tác phẩm của tác giả cùng hợp tác với ông ấy sau này nhất định có thể vào năm Canh Thìn 2000 năm tuổi Quan Ấn sinh vượng ra mắt, cho những độc giả yêu thích Dịch học tham khảo, tạo phúc cho nhân loại. Vì để cẩn thận hơn nữa, tác giả lại lập quẻ dự đoán, thông tin hoàn toàn đồng bộ. Tác giả vội vàng chỉnh sửa lại sách. Chuẩn bị cùng hợp tác với Viện nghiên cứu Dịch học Quảng Thâm của thầy Cao. Cuối tháng 11 năm 1999, tác giả lại lập quẻ dự đoán một lần nữa chuyện cùng hợp tác với thầy Cao, có được quẻ cát hào cát, đem đến cho tác giả hy vọng, tác giả lập tức viết thư (đồng thời gửi một luận văn trạch nhật và các bản dự đoán quái tượng) liên lạc với thầy Cao, quả nhiên ứng với thông tin trong quẻ, thầy Cao rất nhanh trả lời thư và rất chân thành đồng ý hợp tác, đem tài liệu trạch học quý giá này giới thiệu cho toàn bộ đồng nghiệp trong giới dịch học toàn quốc. Tháng Canh Thìn năm Canh Thìn 2000, năm Quan Ấn trong quẻ nhật khóa gặp trực sinh vượng, tác phẩm “Giáo trình ứng dụng nhật khóa dự đoán học” của tác giả, thông qua Viện Dịch học giúp đỡ và truyền bá toàn quốc, được tiếp cận với số đông những độc giả và đồng nghiệp nghiên cứu dịch học. Việc này đã đánh dấu sự hợp tác chân thành giữa tác giả và thầy Cao để xuất bản ra quyển sách này, đã thành công tạo phúc cho nhân loại, với số đông những người yêu thích dịch học đọc quyển sách này, hy vọng có thể thêm lên hai chữ “hài lòng”.

Trong xã hội thường xuyên nghe thấy một vài câu nói: “phong thủy tiên sinh bất ích tự kỷ, trạch nhật tiên sinh chuyên ích biệt nhân”. Ý nghĩa trong câu nói là người dựa vào phong thủy địa lý chọn ngày khó mà đem về lợi ích cho bản thân, mà truyền lại cho người khác. Thực nghiệm của tác giả trong trạch nhật, đầy đủ chứng thực về việc phản bác lại câu nói phỉ lý vô cùng bên trên. Nếu như thầy chọn ngày theo phong thủy địa lý có thể tinh thông âm dương ngũ hành, không những tạo phúc cho người khác, mà cũng tạo phúc được cho chính bản thân. Nếu như bản thân không thể có được ích lợi gì mà lại đi truyền lại ích lợi cho người khác được thì quả thật là vô lý, đây là những điều mà những kẻ không ra gì hay nói. Như năm 1997, con trai tác giả thi đậu vào một trường ở trung tâm thành phố Đức Dương tỉnh Tứ Xuyên, đầu tháng 9 cần

phải đến nhập học, lúc đó con trai tác giả mới 16 tuổi, từ trước đến nay chưa đi xa nhà, mà từ Tứ Xuyên đến Bình Nam lại xa tới mấy nghìn km, vì để an toàn thông thường người lớn sẽ đưa con cháu học. Bởi vì tác giả không thể tách rời công việc, mà lộ phí đi lại cũng rất đắt; tác giả cũng không muốn gọi người khác đến đi cùng con trai, tác giả nói với con trai, tác giả xem ra được một ngày xuất hành của con trai khi đi một mình, trên đường sẽ gặp được quý nhân giúp đỡ bình an cát tường. Con trai sau khi biết được kết quả dự đoán, biểu thị đồng ý một mình với một bạn học tự mình đến trường. Sau khi đến được địa điểm, con trai gọi điện thoại về nhà, đúng là tác giả dự đoán rất đúng, bình an đến được trường học. Con trai nói, đến Nam Ninh, có được sự đón tiếp nhiệt tình từ chú của bạn học. Vừa lên tàu, lại vừa hay đi cùng hai chú cảnh sát phải đi công tác ngồi đối diện hai đứa, cười nói với nhau, trở thành thần bảo hộ cho hai đứa, trên tàu có tội phạm muốn ra tay cũng không dám (trên cùng một toa tàu có một phụ huynh đưa con đi học bị móc túi mất hơn mấy nghìn tệ học phí), thuận lợi đến được Thành Đô. Con trai trước nay chưa từng được đến thành phố lớn, không biết quy tắc của thành phố, ở bến xe đứng đợi nhờ một bãi nước bọt, bị người ta bắt nộp phạt, vừa hay có một giáo viên nhận nhiệm vụ đón tân sinh viên của đại học Thành Đô giúp đỡ giải vây, không bị phạt. Sau đó giáo viên đó còn đưa cậu ta đến tận bến đón xe và dặn dò phải ngồi xe nào mới đến được thành phố Đức Dương, xe vừa đến, lại gặp một vị phụ huynh của học sinh ở Quảng Tây. Nên người này lại giúp con trai tác giả đi mua vé xe đến Đức Dương, sau này con trai tác giả trả lại tiền mua vé xe cho người này, người này nhất định không nhận. Thuận lợi đến được trường học, bởi vì con trai tác giả không nói sõi tiếng Tứ Xuyên, tiếng phổ thông cũng không nói sõi, chủ nhiệm lớp của cậu ta nhờ một học sinh nói sõi tiếng Quảng Đông để giúp đỡ chăm sóc cậu ta, cho nên chủ nhiệm lớp có ấn tượng rất sâu sắc với con trai tác giả, sau này chủ nhiệm lớp không những trở thành thầy giáo của con trai tác giả, mà còn đối với con trai tác giả như bạn bè, có được sự chăm sóc giúp đỡ và bảo vệ rất lớn từ giáo viên.

3. Dự đoán ngày khai trương kinh doanh cầu tài

a. Đại cương dự đoán:

Dự đoán ngày khai trương, cầu tài, trừ một bộ phận tương đồng với phương pháp dự đoán thông tin vượng suy của tài trong chọn ngày tu tạo ra, còn có những đặc điểm dưới đây:

Hào Thế là gia chủ, hào Ứng là kinh doanh, là tiền tài là đồng nghiệp. Cần Thế Ứng đương lệnh trực vượng. Ứng sinh Thế, cầu tài dễ được, bạn bè đồng nghiệp đồng tâm.

Hào Tài tương vượng, cầu Tài vừa có mà vừa thuận lợi; động đến sinh Thế khắc Thế là tài đến tìm chủ ắt có được tiền tài. Nhưng hào Thế hưu tù, Tài đến khắc Thế phải đề phòng Tài đến mà sinh họa.

Ứng khắc thế, thế khắc tài, cầu tài khó mà được, kinh doanh khó khăn.

Thế sinh ứng, cầu tài khó, thế hợp ứng, cầu tài khó hoặc không mấy thuận lợi.

Ứng khắc Thế, bạn bè đồng nghiệp không đồng tâm.

Hào Thế hào động hợp cục tài, Tài của gia chủ vượng; hào Ứng hào động hợp Tài cục, Tài của người khác vượng.

Tài tinh trì Thế, Tài hóa Tài, đồng thời có được nguyệt lệnh sinh, thực sự là Tài tinh trì Thế chủ vinh hoa tiền tài, lại được Thế Tài tương hợp, hào Quan gặp nguyệt lệnh, Quan Tài tương sinh, thực sự có được vượng phúc tài quý, vượng thân, nếu như mở nhà máy hay công ty, kinh doanh ắt phát đạt.

Tài tinh vượng tướng, mà còn đồng bộ tương tinh tương hợp giữa hạng mục kinh doanh và tiền tài quả mệnh của gia chủ, chủ kinh doanh phát đạt.

Hào Phụ Mẫu trì Thế, là cầu tài vất vả, hào Tài động đến khắc Thế, là tài đến tìm chủ, có nghĩa có được tiền tài, nhưng hào Tài ở tại tử địa, hóa thoái, hóa phá là vô tài, Tử Tôn không hiện lên quẻ là vô nguyên vô tài.

Mặc dù hào Tài trì Thế, nhưng Tài khí lại nhập mộ địa, Tử Tôn là phúc thần, gặp nhật phá, gặp tuyệt địa, lại có nguyệt kiến và hào động khắc, đúng là Tài tinh, phúc tinh, hào Thế nhập mộ; không những cầu tài không có tài, mà khai trương không kinh doanh được, còn đề phòng gia chủ gặp tai họa.

Hào Tài tứ trùng gặp nguyệt kiến vượng địa; Quan tinh trì Thế, được nguyệt kiến hào Tài sinh, lại hóa Tài hồi đầu sinh, trong quẻ mặc dù không có Tử Tôn phúc thần, nhưng Tử Tôn phúc thần đến Thái Tuế, nguyệt kiến, là vượng phúc, tài vượng thân vượng, ắt cực tài đại tài.

Hào tài trì Thế gặp nhật nguyệt kiến là vượng địa, được phúc thần hóa hồi đầu sinh, lại có tam hợp cục Tài, lại có Thái Tuế là phúc thần, ắt cực kỳ phát tài đến cả trăm vạn.

Phúc thần hợp Thế sinh Thế, lại gặp vượng địa, ắt đại phát tài.

Phúc thần ở vượng địa lại hào tiến thần, hào tài tương vượng, tiền tài đang đến. Như đến bệnh viện, gặp y bác sĩ giỏi, có thuốc hết bệnh.

Hào tài trì Thế động hợp hào Ứng, là tài của người khác, bản thân không có tiền tài hay lợi ích gì.

Hào Tài trì Thế, gặp Không Vong, lại hóa Huynh Đệ hồi đầu khắc hoặc hóa hợp, là hợp Tài đi, là mất tiền tài. Thế Không ắt là khó cầu tài được.

Hào Huynh gặp nguyệt lệnh phát động, mất tiền tài nhiều và thâm, hào đến khi lâm nhật lại mất tiếp.

Hào Huynh gặp nguyệt lệnh hóa tiến thần, không những không được tiền tài mà còn phải đề phòng mất một lượng lớn tiền tài.

b. Quả nhật khóa của các tháng cầu tài khai trương có tài tình vượng nhất

1, Tháng 1,2 ngày Dần Mão Ty Ngọ (kỵ ngày Thân Dậu) được:

Thủy Lôi Truân biến Thủy Trạch Tiết, Địa Thủy Sư biến Lôi Thủy Giải, Địa Thủy Sư biến Sơn Thủy Mông, Địa Thủy Sư biến Khôn Vi Địa.

2, Tháng 3,6 ngày Ty Ngọ hoặc tháng 4,5 (kỵ ngày Thân) được:

Lôi Địa Dự biến Hỏa Địa Tấn; Lôi Thủy Giải biến Lôi Địa Dự; Lôi Thủy Giải biến Hỏa Thủy Vị Tế; Lôi Thủy Giải biến Địa Thủy Sư; Trạch Lôi Tùy biến Thủy Lôi Truân. Lôi Phong Hằng biến Hỏa Phong Đỉnh; Địa Phong Thăng biến Địa Thiên Thái. Phong Hỏa Gia Nhân biến Thiên Hỏa Đồng Nhân.

3, Tháng 5 ngày Dần được: Địa Thủy Sư biến Lôi Thủy Giải, Địa Thủy Sư biến Khôn Vi Địa.

4, Tháng 7, 8 (kỵ ngày Thìn Tuất) được: Thủy Thiên Nhu biến Địa Thiên Thái; Địa Lôi Phục biến Địa Trạch Lâm.

5, Tháng 9 ngày Ty Ngọ được: Lôi Phong Hằng biến Hỏa Phong Đỉnh; Lôi Phong Hằng biến Lôi Thiên Đại Tráng; Địa Phong Thăng biến Địa Thiên Thái; Thủy Phong Tỉnh biến Thủy Thiên Nhu; Lôi Địa Dự biến Hỏa Địa Tấn; Lôi Địa Dự biến Hỏa Thủy Vị Tế.

6, Tháng 10 ngày Ngọ, tháng 11 ngày Ty được: Phong Địa Quan biến Thủy Địa Tỷ; Phong Địa Quan biến Thiên Địa Bĩ; Trạch Thủy Khốn biến Trạch Địa Tụy; Sơn Thiên Đại Súc biến Phong Thiên Tiểu Súc (kỵ ngày Thìn Tuất); Thủy Thiên Nhu biến Địa Thiên Thái (ngày Dậu được, kỵ ngày Thìn Tuất); Thủy Địa Tỷ biến Phong Địa Quan (ngày Thân được, kỵ ngày Thìn).

7, Tháng 12 ngày Ty Ngọ (kỵ ngày Thân Dậu) được: Địa Phong Thăng biến Địa Thiên Thái; Thủy Phong Tỉnh biến Thủy Thiên Nhu; Lôi Thủy Giải biến Địa Thủy Sư; Lôi Thủy Giải biến Thủy Hỏa Ký Tế; Lôi Thủy Giải biến Lôi Địa Dự; Trạch Lôi Tùy biến Thủy Lôi Truân, Phong Hỏa Gia Nhân biến Thiên Hỏa Đồng Nhân.

Thông tin nhật khóa khai trương cầu tài, tốt nhất là có hiệu ứng đồng bộ với thông tin của Tài trong mệnh gia chủ, thông tin phương vị cầu tài, hạng mục kinh doanh cầu tài,... thêm vào sự quản lý khoa học của Hậu thiên, cùng với sự phối hợp hiệu quả tài năng làm việc. Nếu như trong mệnh của gia chủ Tài tinh là Thủy, hạng mục kinh doanh của anh ta nên là Ngũ Kim, kinh doanh rượu, đồ uống,... phương vị cầu tài ứng với trong sách có ghi là hướng Tây hoặc hướng Bắc, dụng thần của dụng sự nhật khóa ứng lấy Thủy là dụng thần, Kim là nguyên thần. Dụng thần và nguyên thần nhất định cần ở vị trí vượng. Như vậy, với những loại thông tin đồng bộ như trên thì doanh nghiệp nhất định phát đạt phát tài, kinh doanh càng ngày càng được nhiều ủng hộ. Nếu như thông tin không đồng bộ, nhẹ thì dụng thần không đạt đến tiêu chuẩn, giảm đi số lượng phát tài, nặng thì kinh doanh khó khăn vất vả, thậm chí còn thất bại. Đây là điều kiện Tiên thiên quan trọng để dẫn dắt thông tin Thiên tiên, thêm vào Hậu thiên tình năng động chủ quan của con người thì sẽ phát huy như thế nào, sẽ là nhân tố quan trọng quyết định sự thành bại của kinh doanh.

(3) Giải thích ví dụ dự đoán nhật khóa cầu tài khai trương kinh doanh

Ví dụ 14: Phúc thần tương vượng hóa tiến thần, kinh doanh phát đạt thu lợi nhuận gấp nhiều lần.

Một cặp vợ chồng mở một cửa tiệm quần áo ở tại một thành phố, mấy năm lại đây kinh doanh rất khó khăn vất vả, bức ép đến mức bất lực phải chuyển đến một nơi khác kinh doanh, có nhờ chú ruột gọi cho tác giả chọn một ngày tốt để mở lại khai trương cửa hàng. Chọn 9 giờ 40 phút sáng ngày 11 tháng 1 năm 1997 âm lịch để khai trương.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Tứ Trụ: Đinh Sửu Nhâm Dần Canh Dần Tân Tỵ

Lập được quẻ của năm đó gồm quẻ chủ "Thủy Lôi Truân", quẻ biến "Thủy Trạch Tiết", hào 2 phát động.

Truân	Tiết
-- Huynh Đệ Tỵ thủy	-- Huynh Đệ Tỵ thủy Xà
Ư -- Quan Quỷ Tuất thổ	-- Quan Quỷ Tuất thổ Câu
-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Phụ Mẫu Thân kim Tước
-- Quan Quỷ Thìn thổ Tài Ngọ	-- Quan Quỷ Sửu thổ Long
T -- Tử Tôn Dần mộc	-- Tử Tôn Mão mộc Vũ
-- Huynh Đệ Tỵ thủy	-- Thê Tài Tỵ hỏa Hổ

THỦY

Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này có hào 2 Tử Tôn Dần Mộc trì Thế là hào lâm nhật nguyệt kiến, lại hóa tiến thần, là Thế vượng, nguyên thần của Tài vượng. Tài tinh Ngọ Hỏa, mặc dù phạm trúng Không Vong, nhưng vượng tại nhật nguyệt kiến, là vượng mà bất Không, bây giờ dù là Phục thần, nhưng phục mà sinh trưởng tại nguyệt kiến nhật lệnh, quẻ biến lại tương ấu (ấu ả) với Thê Tài Tỵ Hỏa. Khóa này vốn vượng thân (hào Thế), vượng phúc (hào Tử Tôn), khóa quẻ tài, mà lại khai trương vào giờ Tỵ, là giờ mà Tài tinh trực phùng, cho nên hôm đó ắt sẽ có được đại tài.

Sau này nhận được hồi báo, gia chủ hôm đó khai trương, chính là ngày lễ hội của nơi đó, kinh doanh vô cùng được, khách không ngừng đến, tiệm nhỏ của hai vợ chồng chỉ mỗi hôm đó mà kiếm được hơn 3 nghìn tệ, lợi nhuận ngày hôm đó của gia chủ lên đến hơn 1 nghìn tệ. Gia chủ lợi nhuận kinh doanh một ngày mà so với kinh doanh 1 tháng khi trước còn nhiều hơn. Cái này ứng với "Hào Tử Tôn vượng hóa tiến thần, tài cực vượng", "vượng thân, vượng phúc, vượng tài, ắt sẽ phát cực tài". Sau này kinh doanh của gia chủ vẫn luôn tốt đẹp như vậy.

Ví dụ 15: Phúc thần tương vượng hóa tiến thần, y thuật cao minh tài vượng vào nhà.

Tác giả giúp một bác sĩ chọn 9 giờ sáng ngày mùng 10 tháng 2 năm 1997 âm lịch làm ngày khai trương phòng khám.

Tứ Trụ: Đinh Sửu Quý Mão Kỷ Mùi Kỷ Tỵ

Lập được quẻ: Quẻ chủ “Thủy Lô Truân” , quẻ biến “Thủy Trạch Tiết”, hào 2 phát động.

Truân	Tiết
-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Huynh Đệ Tý thủy Câu
Ư — Quan Quỷ Tuất thổ	— Quan Quỷ Tuất thổ Tước
-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Phụ Mẫu Thân kim Long
-- Quan Quỷ Thìn thổ Tài Ngọ	-- Quan Quỷ Sửu thổ Vũ
T -- Tử Tôn Dần mộc	— Tử Tôn Mão mộc Hổ
— Huynh Đệ Tý thủy	— Thê Tài Tỵ hỏa Xà
THỦY	Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này vốn là cách cục Lộc bao quanh. Giờ Kỷ Tỵ ngày Kỷ Mùi là Lộc bao quanh. Mở phòng khám cho nên lấy hào Tử Tôn là bác sĩ, là thuốc, vượng hóa tiến thần, bác sĩ y thuật cao minh, tay sờ đến đâu biết bệnh đến đó, thuốc đến đâu hết bệnh đến đó. Hào Tử Tôn lại là nguyên thần của Tài, Hào Tử Tôn vượng, Tài cũng vượng. Quẻ trong khóa này có hào 2 Tử Tôn Dần Mộc trì Thế, vượng tại nguyệt lệnh, nay lại động hóa tiến thần, là hào Tử Tôn cực vượng, cũng là vượng thân. Tài Tinh Ngọ Hỏa là dụng thần, vượng tại nguyệt lệnh, lại cùng ngày giờ tạo thành tam hội Tỵ Ngọ Mùi nhất phương cục tài, là cách cục quẻ Tài tinh cực vượng. Khóa vốn là cách cục thượng cát “Phúc thần đến vượng địa lại hóa tiến thần, hào Tài cực vượng, nếu khai trương phòng khám bệnh viện, bác sĩ y thuật cao minh, thuốc đến đâu hết bệnh đến đó, tiền tài cứ thế mà đến”, kinh doanh vô cùng tốt, bệnh nhân bạn bè truyền tai nhau không ngừng, đều là đau đớn đến, vui vẻ hơn hờ khi đi, hôm đó kiếm được hơn 1 nghìn 3 trăm tệ, sau này mỗi ngày đều có hơn trăm tệ. Gia chủ vốn dĩ thuê nhà mở phòng khám, nhưng bây giờ mở luôn tại nhà, hiển nhiên không mất tiền thuê nhà nữa, hiệu quả kinh doanh cũng cao lên hơn so với khi thuê nhà làm nghề nhiều.

Ngày này cũng là ngày mà thủ tướng Lý Bằng đã chủ trì buổi lễ chúc mừng kết nối đoạn đường sắt đông tây Nam Lương.

Ví dụ 16: Kiếp thần cực vượng khắc Thế Tài, tai họa kiện tụng hao tổn tiền bạc.

Một người chọn giờ Thìn ngày mùng 10 tháng 3 năm 1997 âm lịch để xây chuồng nuôi heo ở hướng Nam Bắc, để nuôi heo cầu tài.

Tứ Trụ: Đinh Sửu Giáp Thìn Mậu Tý Bính Thìn

Lập được quẻ năm đó gồm quẻ chủ "Sơn Lô Di", quẻ biến "Sơn Trạch Tổn", hào 2 phát động.

Di				Tổn			
	—	Huỳnh Đệ	Dần mộc	—	Huỳnh Đệ	Dần mộc	Tước
	--	Phụ Mẫu	Tý thủy	--	Phụ Mẫu	Tý thủy	Long
T	--	Thê Tài	Tuất thổ	--	Thê Tài	Tuất thổ	Vũ
	--	Thê Tài	Thìn thổ	--	Thê Tài	Sửu thổ	Hổ
	--	Huỳnh Đệ	Dần mộc	—	Huỳnh Đệ	Mão mộc	Xà
Ư	—	Phụ Mẫu	Tý thủy	—	Tử Tôn	Tỵ hỏa	Câu
MỘC				Không Vong: Ngọ, Mùi			

Quẻ ngày này có hào Thế Thê Tài Tuất Thổ, là gia chủ, là tiền tài, giờ lâm Huyền Vũ bị nguyệt lệnh Thìn xung phá, đã không cát rồi. Lại xung đụng hào bên cạnh có Bạch Hổ, xác định có tai họa xảy ra không chút nghi ngờ gì nữa. Hào 2 Huỳnh Đệ Dần Mộc, động mà hóa tiến, cùng nguyệt lệnh tam hội Dần Mão Thìn phương Đông Mộc cục, kỵ thần cực vượng khắc thẳng hào Thế Thê Tài Tuất Thổ, trong quẻ đã hiện rõ thông tin gia chủ thoái đại tài hoặc rước chuyện thị phi kiện tụng. Bây giờ Tử Tôn Tý Hỏa là lục súc, là nguyên thần của Tài, hưu tù tại nguyệt lệnh, tử tại nhật kiến, đồng thời phục dưới hào 5 Phụ Mẫu Tý Thủy, khó mà xuất hiện, phục thần vô dụng. Ngày này cầu tài thì không có được tài, ngược lại còn thoái đại tài rước thị phi kiện tụng.

Xuất tại phương vị tai họa là kỵ thần Huỳnh Đệ Dần Mão Mộc ở tại hướng Đông.

Lấy số của hào động xác định ứng kỳ và số tiền mất. Hào động là số 2, là 2 tiếng hoặc 2 ngày sau khi dụng sự, bởi vì ngày này là ngày Tam sát, ứng nghiệm nhanh. Vì vậy thoái đại tài sẽ là 2 nghìn tệ hoặc hai vạn tệ trở lên.

Gia chủ sau dụng sự 10 giờ sáng, lái xe máy tới điểm đến tại hướng Đông. Do một vài nguyên nhân, tông trúng một ông già qua đường, sau đó đưa đến bệnh viện cấp cứu nhưng không kịp mà chết. Do bộ phận có liên quan xử lý, bồi thường hơn 2 vạn tệ cho người nhà của người đã mất mới kết thúc kiện tụng.

Ví dụ 17: Tài phúc hưu tù gặp thoái phá, cầu tài không tới mà ngược lại còn phá tài.

Hai người chọn giờ Mùi ngày 16 tháng 4 năm 1995 âm lịch xuất phát đi công tác đến Quảng Đông bán đồ cầu tài.

Tứ Trụ: Ất Hợi Tân Tỵ Bính Thìn Ất Mùi

Lập được quẻ chủ “Đoài Vi Trạch”, quẻ biến “Trạch Lôi Tùy”, hào 2 phát động.

Đoài		Tùy
T --	Phụ Mẫu Mùi thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Long
—	Huỳnh Đệ Dậu kim	— Huỳnh Đệ Dậu kim Vũ
—	Tử Tôn Hợi thủy	— Tử Tôn Hợi thủy Hổ
Ư --	Phụ Mẫu Sửu thổ	-- Phụ Mẫu Thìn thổ Xà
—	Thê Tài Mão mộc	-- Tử Tôn Dần mộc Câu
—	Quan Quỷ Tỵ hỏa	— Thê Tài Tỵ thủy Tước
KIM		Không Vong: Tỵ, Sửu

Ngày này có quẻ chủ “Đoài Vi Trạch” là quẻ Lục xung, cầu tài không tốt. Hào Thế Phụ Mẫu Mùi Thổ, vượng tại ngày này luôn là rất đẹp, nhưng Phụ Mẫu tri Thế là cầu tài vất vả, nó lại không hề tốt! Hào 2 hào Thê Tài Mão Mộc là dụng thần hưu tù tại nhật nguyệt lại hóa thoái thần, là chân thoái thần. Nguyên thần của hào Tài là Tử Tôn Hợi Thủy bị nguyệt lệnh xung phá, lại nhập mộ vào nhật kiến, hại càng thêm hại, bản thân khó giữ được, thì sao có thể sinh tài? Kỵ thần Huỳnh Đệ Dậu Kim được sinh trưởng tại nguyệt lệnh, được nhật kiến sinh hợp, là kỵ thần vượng, bây giờ ở tại vị trí hào 5, là vị trí cửu ngũ. Ngày này có Tài tinh dụng thần thật sự hóa thoái, lại không có Nguyên thần của Tài, dùng để cầu tài không những không được tài, ngược lại còn bại tài thoái đại tài, ngày không tốt.

Lấy số của hai quẻ chủ biến xác định số lượng tiền tài bị mất. Quẻ chủ có số thể dụng là 4, quẻ biến có số thể dụng là 6, lấy bình

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

quân hai số là số 5, bởi vì làm kinh doanh cũng khá lớn hơn nên mất tiền tầm 5 nghìn, 5 vạn.

Ứng nghiệm: Gia chủ bán hàng hóa nhưng giấy tờ lại làm chưa tốt, chưa xong, không có chứng chỉ giấy phép kinh doanh, kinh doanh tại một nơi ở tại Quảng Đông bị bộ phận có liên quan bắt được thu hồi hàng hóa, còn phạt 8 nghìn tệ. Giá trị hàng hóa lên đến 4 vạn tệ, lại thêm tiền phí đi lại tổng cộng mất đến khoảng 5 vạn tệ.

*Sách được phân phối qua kênh FB cá nhân **"Vũ Phác"** và fanpage **"Nhà Sách Vũ Phác"**, trang web vuphac.com. Mọi fanpage bán các đầu sách chuyển ngữ bởi Vũ Phác khác ngoài các kênh trên đây hoàn toàn là giả mạo, xin quý vị độc giả hãy lưu ý. Đây là 1 hành động đáng bị lên án và vi phạm đạo đức nghiêm trọng, ăn cắp chất xám và công sức lao động của Vũ Phác. Thậm chí thô bạo và trắng trợn hơn họ còn nhận đó là sách gốc và họ chính là đại lý phân phối của Vũ Phác, điều này hoàn toàn là bịa đặt! Quý vị độc giả hãy liên hệ mua sách của Vũ Phác để dịch giả có động lực để chuyển ngữ được nhiều tác phẩm hay hơn đóng góp cho nền Huyền học của nước nhà!*

*Mọi thắc mắc xin liên hệ với Vũ Phác qua facebook **"Vũ Phác"** hoặc qua SĐT/Zalo: 0972 831 075.*

Trân trọng!

CHƯƠNG 9: DỤNG SỰ NHẬT KHÓA TRÊN PHƯƠNG DIỆN DỰ ĐOÁN THỜI TIẾT

Dụng sự nhật khóa trên phương diện dự đoán thời tiết cũng là một vấn đề tương đối quan trọng và khá chính xác. Nói về sự quan trọng, 1 là có thể dùng ngoại ứng thời tiết để bổ sung vào những phương diện thông tin thiếu sót của dụng sự nhật khóa; 2 là có thể dự đoán trước thông tin về phương diện thời tiết cho người dụng sự, đối với ngoại ứng thời tiết bất lợi mà tìm các phương pháp cứu trợ hóa giải, đem đến cho người dụng sự càng nhiều lợi ích và may mắn hơn. Nói đến khó, chính là cùng một dụng sự nhật khóa bởi vì địa điểm dụng sự không giống nhau, nên thời tiết ngày hôm đó cũng không tương đồng. Cho dù có là cùng một thành phố, cũng chia ra thành trung tâm thành phố và ngoại ô thành phố, thời tiết cũng không hoàn toàn tương đồng, đặc biệt là sau mùa Thu. Dụng sự nhật khóa hầu hết đều được chọn trước, hoàn toàn không thể tham khảo thông tin khí tượng vật tượng khi đó vào để dự đoán, hoàn toàn là đơn thuần dụng bát quái để dự đoán. Nhưng bất luận như nào, chỉ cần kỹ thuật dự đoán đủ cứng, lặp đi lặp lại dự đoán một cách tỉ mỉ, dù có khó nhưng tỷ lệ dự đoán chính xác ứng nghiệm cũng được tầm 70-80%.

Lập quẻ dự đoán thời tiết, chính là dùng số của niên, nguyệt, nhật, thời thêm vào số nét viết tên địa danh để lập quẻ. Vì để khiến cho dụng sự nhật khóa dự đoán thời tiết càng chính xác hơn, thành phố thì dùng tên thành phố, nông thôn thì dùng tên thôn. Nếu ở hương thôn cách xa thôn thành, có thể dùng tên hương thôn để lập quẻ tổng hợp mà phán đoán. Số nét viết tên địa danh thông thường dùng số số nét chữ phồn thể làm chuẩn. Về thời thần, vì để càng chính xác hơn nữa, có thể chia ra lần lượt dùng các giờ, thời thần tổng hợp lại phán đoán. Nếu kỹ thuật cứng, thông thường lấy giờ lúc dụng sự và thời thần dụng sự để lập quẻ, lần lượt phán đoán tình hình thời tiết ngày dụng sự và tình hình thời tiết lúc dụng sự. Chỉ lập hai quẻ này, cũng có thể dự đoán tương đối chính xác tình hình thời tiết gió, sấm, mưa, âm u, nắng, sương, mù, tuyết của dụng sự nhật khóa.

Dự đoán thời tiết có hai loại phương pháp là dùng quái tượng dự đoán và dùng lục hào dự đoán. Vì để dự đoán càng chính xác hơn, thông thường dùng cả hai cách trên để tổng hợp lại dự đoán.

Vì sao lại thêm cả số nét viết tên địa danh lại có thể dự đoán chính xác trước được tình hình thời tiết ở những nơi khác nhau? Mà còn phải là số nét viết chữ phồn thể, còn giản thể lại không chuẩn? Dựa vào lý luận gì? Dùng phương pháp khoa học của hiện đại thực sự khó mà có thể làm rõ bí ẩn bên trong. Nhưng Thiệu Vĩ Hoa, bậc thầy dự đoán, dùng phương pháp bên trên dự đoán thời tiết, xác suất chính xác của dự đoán lên đến trên 89%. Dùng Chu Dịch bát quái dự đoán thời tiết có độ chính xác thần kỳ, dù có dùng phương pháp khoa học hiện đại cũng khó có thể làm sáng tỏ được bí ẩn bên trong!

1. Dùng pháp đẩu, tượng dự đoán thời tiết

Dự đoán thời tiết, không cần chia ra quẻ thể quẻ dụng, mà tổng quan quẻ chủ, hổ, biến, lấy lý luận âm dương ngũ hành tỉ mỉ suy luận. Quẻ Ly thuộc Hỏa, đa phần chủ trời nắng; quẻ Khảm thuộc Thủy, đa phần chủ trời mưa; quẻ Khôn thuộc Thổ, đa phần chủ trời âm u; quẻ Càn thuộc Thiên, đa phần chủ trời nắng; quẻ Chấn thuộc Lô, đa phần chủ hai mùa xuân hạ có sấm chớp; quẻ Tốn là Phong, đa phần chủ tứ thời có gió; quẻ Cấn là Sơn, trời mưa âm u lâu ngày ắt có nắng; quẻ Đoài là Trạch, là chỉ không mưa, không có tuyết rơi thì trời cũng âm u mù mịt. Nhật khóa mùa hạ, đa phần gặp quẻ Ly, mà không có quẻ Khảm, ắt ngày nóng nực khó chịu. Nhật khóa ngày đông, gặp quẻ Khảm, mà không thấy quẻ Ly, ắt Đông Bắc tuyết lớn gió lạnh, phương Nam ắt âm u mưa nhiều liên tục.

Quẻ Khôn là thái âm, thuộc cực hạn của âm. Dự đoán gặp Khôn, ắt trời nắng lâu ngày sẽ có mưa, xung âm khí tiết tán. Dự đoán được quẻ thuộc Kim, vì sinh phù mà khí bại, ắt trời mưa lâu rồi sẽ nắng. Nếu được hai quẻ Khảm, hoặc hai quẻ Ly, như Thủy Hỏa Ký Tế, Hỏa Thủy Vị Tế, thì là lúc nắng lúc mưa. Quẻ Khảm là Thủy ắt chuyển mưa, quẻ Ly là hỏa ắt chuyển nắng. Càn Đoài thuộc Kim, mùa thu được hai quẻ này, thời tiết nắng, mùa Đông được hai quẻ này, phương Nam mưa phùn triền miên, phương Bắc tuyết rơi lất phất. Xuân chiêm gặp Cấn Thổ, là Xuân Vũ Đại Trạch; Hạ chiêm gặp Ly Hỏa, là Thử Khí Đằng Chung. Hai quẻ Cấn Tốn tương phù, là Phong Vũ Tế Hội, Phi Sa Tấu Thạch, Già Thiên Tế Nhật; luận theo sự trùng phù của hai quẻ, không phải vì sự biến hóa của tứ thời mà bất đồng. Quẻ Khảm ở trên quẻ Cấn, Thủy Vụ Đằng Chung, là mây mù che lấp. Nếu quẻ Khảm ở trên quẻ Đoài, là Thủy Trạch Tiết, trời mưa to hoặc phương Bắc Ngưng Sương Phiêu Tuyết (chỉ trời cuối thu đầu đông). Quẻ Càn quẻ Đoài thuộc Kim, là

sương tuyết mưa đá. Quẻ Ly thuộc Hỏa, Ly là thái dương, cầu vòng, mây ngũ sắc, chớp. Quẻ Chấn là sấm chớp vang trời, Chấn Ly tương hội, là sấm chớp luân phiên. Lại có Khảm Chấn tương hợp, là Thủy Lôi Truân, là có mưa có sấm. Hai quẻ Chấn tương phùng, là sấm chớp kinh thiên động địa, hai quẻ Khảm tương phùng, là mưa lớn ngập cửu châu.

Hai quẻ thể không giống nhau tương phùng, so sánh thuộc tính âm dương để tổng hợp phán đoán. Như Địa Thiên Thái, Thủy Thiên Nhu, hai quẻ Thổ đều thuộc âm, âm là ám động, cho nên hai quẻ đều có nghĩa mưa lất phất. Thiên Địa Bĩ, Thủy Địa Tỹ, quẻ Bĩ là dương cùng địa âm ly tuyết, dương khí bao phủ mặt đất; nên quẻ là hai quẻ trùng điệp, mà hai quẻ đều tượng trưng cho tối tăm. Được quẻ thuần Ly, mùa hạ ắt thời tiết khô hạn, những mùa khác được quẻ này, là trời nắng. Được quẻ thuần Khảm, mùa Đông ắt không khí lạnh lẽo, những mùa khác được quẻ này, đa phần là thời tiết mưa ẩm thấp. Thời tiết mưa mãi không nắng được quẻ Cấn, mưa lâu ắt nắng hoặc nắng lâu ắt mưa. Thủy Hỏa Ký Tế, là hiện tượng Âm Thanh Phong Tuyết khó dự đoán, cần dựa vào sự tổng hợp lục hào mà phán đoán. Được Phong Trạch Trung Phu hoặc Trạch Phong Đại Quá, phương Nam mưa, phương Bắc tuyết rơi. Thủy Sơn Kiến, Sơn Thủy Mông, mưa lớn, xung quanh 1000 bước đều phải đem theo dù. Địa Phong Thăng, Phong Địa Quan, trong bất cứ thời điểm nào của 4 mùa đều không thể đi thuyền. Hỏa Sơn Lữ, sáng nắng chiều âm u hoặc mưa. Hỏa Lôi Phệ Hạp, Hỏa Địa Tấn, sáng sớm trời mưa chiều nắng. Phong Thiên Tiểu Súc, Phong Sơn Tiệm, Phong Hỏa Gia Nhân,... cũng cần linh hoạt phán đoán, không thể cứ bám vào lý thuyết. Như Chấn Vi Lôi Đình, Ly là chớp, ứng phán đoán vào mùa hạ, mùa xuân. Càn Đoài là sương mù, ứng phán đoán vào mùa đông. Lý luận thiên địa quá tuyệt vời. Sự thần kỳ của lý số, quá tuyệt vời! Nhưng người biết nó, đều xem nó như bảo vật.

2. Dùng pháp lục hào dự đoán thời tiết

Dùng pháp lục hào dự đoán thời tiết, người xưa đều lấy hào Ứng là thiên, hào Thế là địa, Thế khắc Ứng ắt có biến hóa phi thường. Nhưng tổng quan trong sách, khi dự đoán thời tiết, đều là lấy lục thân là chủ chọn lấy dụng thân. Lục thân trong phương diện dự đoán thời tiết có những luật thuật như sau.

a. Hào Phụ Mẫu chủ trời mưa

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Càn là thiên là Phụ, Khôn là địa là Mẫu, thiên địa âm dương tương hợp, mà hóa sinh vạn vật, cho nên thiên địa là Phụ Mẫu của vạn vật. Chỉ có thiên địa âm dương hai khí tương hợp, mới có thể từ khí hóa mưa, nhuận sinh vạn vật, cho nên hào Phụ Mẫu chủ mưa.

Hào Phụ Mẫu chủ mưa là có điều kiện. Không nói trong quẻ chỉ thấy hào Phụ Mẫu là có mưa, hoặc trong quẻ không có hào Phụ Mẫu là không có mưa, mà là hào Phụ Mẫu động mà sinh vượng ất trời mưa. Phụ Mẫu là thiên địa, an tĩnh chủ trời nắng; động ất có biến, biến ất sương mù nhiều mây, che nhật che nguyệt, ất có mưa. Hào Tử Tôn chủ nắng, hào Phụ Mẫu khắc hào Tử Tôn, hào Tử Tôn bị khắc, đương nhiên chủ mưa.

Hào Phụ Mẫu minh động hoặc bị nhật kiến nguyệt lệnh xung động, ám động, đều chủ mưa. Hào Phụ Mẫu trực phùng Tuần Không, ra khỏi Tuần Không ất mưa.

Hào Phụ Mẫu nhập khố, khi xung khai ất mưa; hào Phụ Mẫu hào Quan Quỷ tĩnh mà gặp Không Vong, nhật kiến xung ất trời mưa.

Hào Phụ Mẫu hóa hào Huỳnh Đệ, ất có mưa lớn.

Hào Phụ Mẫu vượng tướng, động mà hóa Quan Quỷ hồi đầu sinh, ất có mưa xối xả; hào Phụ Mẫu suy nhược, Quan Quỷ vượng động, nhiều mây mưa ít.

Hào Phụ Mẫu và hào Tử Tôn cùng động, vừa nắng vừa mưa.

Trước sấm chớp sau mưa, ất là Quan Quỷ động mà xung khai hợp Phụ Mẫu.

Hào Phụ Mẫu Không Vong, nhật thần xung, xung Không thì không là Không, trực nhật thần ất mưa.

Tam hợp cục Phụ Mẫu chủ mưa, vượng tướng mưa to, hưu tù mưa nhỏ.

Hào Phụ Mẫu, hào Huỳnh Đệ vượng tướng mà động, mùa Xuân Hạ Thu có mưa có gió; mùa Đông có gió, phương Bắc tuyết rơi bay bay.

Hào Phụ Mẫu chủ mưa, nhưng trong tình hình thoái hạ thì lại không có mưa. Nếu hào Phụ Mẫu hưu tù bất động, không có mưa; hào Phụ Mẫu hóa thoái, sau mưa không lâu sẽ nắng; hào Phụ Mẫu nhập mộ, động mà hóa khố chủ nắng; hào Phụ Mẫu hóa hào Tử Tôn, sau mưa trời nắng; hào Phụ Mẫu tĩnh mà vô trợ, hạn hán là bình thường; hào Phụ Mẫu lại có hào Thê Tài khắc, không có mưa.

b. Hào Tử Tôn chủ trời nắng

Hào Tử Tôn là dương, là ngày, là tháng, là minh. Vượng tướng, là sáng chói; suy là mờ, khổ tuyệt tối tăm, Không Vong không hiện lên quẻ là mịt mờ.

Tử Tôn vượng tri Thế phát động, trời trong không gợn một tí mây; Tử Tôn lại còn hóa tiến thân, trời trong xanh như được rửa. Hào Tử Tôn động, vượng tướng trời trong xanh quang mây, tam hợp Tử Tôn cục chủ trời nắng.

Hào Tử Tôn hưu tù Không Vong không hiện lên quẻ, trời nắng vừa, mây trắng bay, sương mù mỏng.

Mưa gặp phúc thần, là có chớp là có cầu vồng. Quái tượng khi có mưa, hào Tử Tôn động không có sấm chớp mà có cầu vồng.

Hào Huỳnh Đế hóa hào Tử Tôn, mây tan, trời nắng; hào Huỳnh Đế hào Tử Tôn cùng động, sấm chớp rền vang có cả cầu vồng.

c. Hào Thê Tài chủ trời nắng

Hào Thê Tài khắc hào Phụ Mẫu, Phụ Mẫu chủ trời mưa bị khắc, đương nhiên trời không mưa mà trời nắng.

Hào Thê Tài động chủ trời nắng, minh động ám động đều chủ trời nắng.

Hào Thê Tài động khắc hào Phụ Mẫu sinh cho hào Thế là chủ về nắng.

Hào Thê Tài vượng lại được nhật, nguyệt kiến, hào động sinh cho là chủ về nắng hạn.

Hào Thê Tài tam hợp cục là có ráng màu mà không mưa.

Hào Tài phát động tại cung Càn, lại gặp nhật kiến nguyệt lệnh hào động sinh phù, trời nắng khô hạn.

Hào Thê Tài vượng, Tử Tôn Tuần Không, chờ đến ngày ra khỏi Không thì nắng.

Hào Thê Tài hóa hào Quan Quỷ thì lúc nắng, lúc âm u.

Hào Quan vượng hào Tài suy, sương mù dày đặc như mưa phùn; Quỷ suy Tài vượng, sương mù mau tan có nắng.

Hào Thê Tài vượng trời nắng, không có mây; hào hợp hào Thê Tài bị hào Huỳnh Đế khắc bại, không gió không nắng; hào Thê Tài hóa thoái trời nắng nhưng không lâu.

d. Hào Huỳnh Đế chủ gió mây

Hào Huỳnh Đế là thần của kiếp tài, là nguồn gốc của bất hòa. Bất hòa chính là có tranh đấu, tranh đấu chính là động, động ắt sinh ra gió. Tranh đấu ắt có tiến thoái, tiến thoái là biểu tượng của

Tổn là Tổn Vi Phong. Gió thổi hủy trăm vật, vì vậy Huỳnh Đệ là thần của kiếp tài phá hoại. Lại có vì có gió nên có mây, có "Phong Vân Tế Hội", cho nên hào Huỳnh Đệ chủ gió mây.

Hào Huỳnh Đệ phát động chủ về gió mây, hào Huỳnh Đệ vượng là gió to, suy là gió nhỏ. Mộc đến hào Huỳnh Đệ gặp Không Vong, nhật kiến xung là chủ gió. Hào Huỳnh Đệ đến Tuần Không, hoặc bị nhật kiến xung là chủ về gió nhẹ có sương mù. Hào Huỳnh Đệ tam hợp cục chủ về gió. Trong quẻ hào Huỳnh Đệ động và hào Phụ Mẫu động là mưa gió xen nhau. Hào Huỳnh Đệ hóa thành hào Phụ Mẫu là trước gió sau mưa. Hào Huỳnh Đệ hóa hào Thê Tài, trước âm u sau nhiều mây hoặc nắng. Hào Huỳnh Đệ động, gió to hoặc nhiều mây.

5. Quan Quỷ chủ về sấm chớp mây mù

"Muốn biết sấm chớp phải xem hào Quan Quỷ". "Ngũ Lôi Khu Điện, Ích Lục Quỷ Phát Ly Cung". "Quan Quỷ Lôi Trí Điện Vụ". "Quan" là cái có quyền lập pháp và phát hiệu lệnh, hiệu lệnh thiên hạ, sấm chớp rền tai, cho nên có loại tượng là sấm chớp. Có sấm thì có chớp. Chớp là hỏa, có hỏa thì có khói, khói là loại tượng mây mù. Cho nên quan quỷ loại tượng về sấm chớp mây mù.

Hào Quan Quỷ là sấm chớp mây mù, nếu phát động tại cung Chấn, ắt có sấm. Kim quỷ động mà gặp Tuần Không, thoái vào nhật kiến nguyệt lệnh xung ắt có sấm. Kim Quỷ hóa thành Kim Quỷ thì sấm đến rất nhanh, cần ẩn nấp. Hỏa Quỷ phát động gầm thét Kim xà, ám mà phùng cung, trời mù như có khói. Quan Quỷ động tất mây mù nặng, trời tối, về mùa hạ thì oi bức, mùa đông thì giá rét. Khúc Viện Thượng Quỷ, Hoàng Sa Đa Xá, hào Quan Quỷ xung hào Thế, là Kim Hoàng hội, là mây mù. Quan Quỷ động mà tri Thế, hoặc xung khắc hào Ứng, hoặc đến phát động đều chủ về mây mù dày đặc. Hào Thê Tài và Quan Quỷ cùng động là nhiều mây mù. Hào Quan Quỷ hóa tiến thần là sấm vang trời, ở vùng xa mưa to, ở chỗ mình mưa nhỏ. Hào Quan Quỷ và hào Phụ Mẫu cùng động là trước sấm sau mưa. Quan Quỷ tam hợp cục là mù tối trời, sấm giạt chớp loé. Quan Quỷ hóa thoái thần là mưa sắp tạnh.

Quan Quỷ là sấm chớp nên căn cứ theo từng mùa mà biện cho thích hợp. Như phương Nam mùa Xuân, Hạ nói sấm, mùa Thu thông thường không có sấm ít chớp. Nhưng phương Nam tháng 7 âm lịch có khi có sấm, phương Bắc lại có sương giá, phương Nam mùa Đông không có sương giá, hay là sương giá không kéo dài, dự

đoán cần linh hoạt mà phán đoán, không được dính chặt vào lý thuyết.

Dụng sự nhật khóa trên phương diện dự đoán thời tiết, cần dựa vào tổng hợp toàn diện đối xứng mà phán đoán. Nếu kinh nghiệm đủ, kỹ thuật cứng thì xác suất chính xác cao. Dùng Chu Dịch bát quái dự đoán thời tiết, có khi còn chính xác hơn so với dùng các kỹ thuật khoa học hiện đại ngày nay. Nó có thể dự đoán được ra năm nào tháng nào ngày nào có thời tiết như nào, mà không chịu sự giới hạn của thời không và vị trí địa lý lại có thể dự đoán từ xa. Nếu như dự đoán trong khoảng thời gian ngắn (như 1 tuần), có thể căn cứ vào thiên tượng, vật tượng, quái tượng và hào tượng để tổng hợp lại phán đoán, có thể nói xác suất chính xác đạt đến hơn 91%. Trước đây trong dân gian đã có rất nhiều câu tục ngữ dự đoán thời tiết, có thể lấy tham khảo phân tích, để nâng cao mức độ chính xác. Như tục ngữ “Bính Đinh Thiên Đại Hận, Nhâm Quý Thủy Liên Thiên”, “Triều Phá Hồng Vân Thiên Tương Phủ, Mậu Phát Hồng Vân Đại Hận Thiên”, “Diêm Hàng, Thủy Quân Xuất Thủy Thiên Tương Vũ?”,... đa phần đều ứng nghiệm. Mùa Xuân, dân gian có “Hồi Nam Chuyển Bắc, Chủy Thần Lãnh Hắc” chỉ thời tiết trở lạnh, phương Bắc ắt có không khí lạnh từ phương Nam xuống. Mùa Xuân Hạ Thu có “Nhất Nhật Đông Phong Tam Nhật Vũ, Tam Nhật Đông Phong Hữu Mễ Hữu Tử Chủ”, chính là chỉ ở hướng Đông Nam gió lên, dùng theo cách nói ngày nay thì là có bão đang đến, ắt sẽ mưa liên tiếp mấy ngày liên. Lại có “Xuân Hàn Vũ Chí, Đông Hàn Bất Thấp Dã”. “Chí Dẫn Xuất Lộ Sái Thành Khô, Văn Tử Quá Lộ Đại Thủy Thôi”,... những tục ngữ này đều ứng nghiệm, lại có cách nói “Vũ Gian Xuất Thái Hồng, Vũ Tương Chỉ”, “Vũ Trung Xuất Thái Hồng, Hữu Vũ Diệc Bất Đại”, ứng nghiệm nhiều trong khảo nghiệm thực tiễn. Nhưng thông thường nhật khóa kết hôn, tu tạo, nhập trạch,... dụng sự sau một đến vài tháng hoặc sau 1 năm, cái này chủ yếu dựa vào dự đoán bát quái, cái gì mà thiên tượng, vật tượng, tuyệt nhiên không hề dùng đến.

3. Giải thích ví dụ dự đoán thời tiết

Ví dụ 1: Thời tiết quả nhiên trời âm u có nắng.

Huyện Bình Nam thôn Bình Giới, người họ Hoàng chọn lấy ngày mùng 4 tháng 11 năm Nhâm Thân 1992 âm lịch tiến hành hôn lễ, dùng cùng ngày vào buổi chiều 5 giờ 40 phút xếp giường tân nương.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Dùng ngày giờ dụng sự khi đó thêm địa danh (Bình Nam, Bình Giới đều có 14 nét) lập được quẻ gồm quẻ chủ "Thủy Sơn Kiến", quẻ biến "Thủy Hỏa Ký Tế", hào sơ âm phát động.

Theo quái tượng, quẻ chủ "Thủy Sơn Kiến", là "sương mù nước, mây che phủ", quẻ biến "Thủy Hỏa Ký Tế", là thời tiết "trời âm u có nắng", phán đoán là thời tiết "trời âm u có nắng".

Tháng Tý ngày Đinh Sửu dùng lục hào dự đoán.

Kiến	Ký Tế
-- Tử Tôn Tý thủy	-- Tử Tôn Tý thủy
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Phụ Mẫu Tuất thổ Ứng
T -- Huynh Đệ Thân kim	-- Huynh Đệ Thân kim
— Huynh Đệ Thân kim	— Tử Tôn Hợi thủy Thế
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Phụ Mẫu Sửu thổ
Ư -- Phụ Mẫu Thìn thổ	— Thê Tài Mão mộc

KIM

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này hào sơ Phụ Mẫu Thìn Thổ vượng tại nhật lệnh, phát động hóa xuất Thê Tài Mão Mộc hóa hồi đầu khắc, là trước mưa sau âm u có nắng, Thê Tài Mão Mộc vượng tại nguyệt lệnh, là giờ Mão, thời tiết ngày sau chuyển âm u có nắng. "Hào Thê Tài chủ trời nắng, không có mây". Ứng với phán đoán ngày hôm đó thời tiết sau 5 giờ sáng trời nắng.

Tác giả trước đó hơn 20 ngày đem tình hình thời tiết "trời âm u có nắng" vào ngày dụng sự viết lên trên nhật khóa. Nhưng trước ngày mừng 3 tháng 11 mấy ngày, thời tiết mưa lớn, đến tận tối mừng 3 mới vẫn chưa tạnh. Người dụng sự cứ bán tính bán nghi nghi ngờ tác giả dự đoán không chính xác, đồng thời cũng không tin trước ngày dụng sự hơn 20 ngày lại có thể dự đoán chính xác thời tiết ngày dụng sự, trừ khi là "thần tiên giáng thế". Nhưng sau đó sự thật đã chứng minh, tối mừng 3 vẫn còn mưa không ngớt, nhưng đến sáng sớm mừng 4, thời tiết quả nhiên không mưa nữa, chỉ là nhiều mây mà thôi. Đến giữa trưa, mặt trời đã ló ra. Bởi vì đã mưa tới mấy ngày liên tiếp, mọi người đều rất phiền muộn lo lắng, nhưng bây giờ trời lại nắng, còn có thể thấy mặt trời, rất vui mừng, cũng khiến cho hôn lễ của người dụng sự diễn ra thuận lợi và may mắn, nhưng vừa đến sáng sớm mừng 5, trời lại mưa tiếp.

Ví dụ 2: Hôm đó trời quả nhiên âm u.

Người họ Phương chọn ngày 24 tháng 12 năm Ất Hợi 1995 âm lịch làm ngày tân gia dọn đến ở nhà mới. Gọi nhờ tác giả dự đoán trước xem tình hình thời tiết hôm đó như nào, để còn biết mà chuẩn bị, nếu là thời tiết xấu còn biết mà tìm cách giải quyết.

Dùng giờ Tý ngày 24 tháng 12 năm Ất Hợi thêm vào tên địa danh "Bình Nam" (14 nét) được quẻ chủ "Thủy Sơn Kiến", quẻ biến "Thủy Địa Tỷ", hào 3 dương phát động.

Tháng Dần ngày Kỷ Mão.

Kiến	Tỷ
-- Tử Tôn Tý thủy	-- Tử Tôn Tý thủy
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Phụ Mẫu Tuất thổ
T -- Huynh Đệ Thân kim	-- Huynh Đệ Thân kim
— Huynh Đệ Thân kim	-- Thê Tài Mão mộc
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa	-- Quan Quỷ Tý hỏa
Ư -- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ

KIM Không Vong: Thân, Dậu

Từ quái tượng mà nói, quẻ chủ "Thủy Sơn Kiến" là quái tượng mưa lớn nặng hạt, trong vòng nghìn bước phải đem theo dù. "Thủy Địa Tỷ" là quái tượng âm u tối tăm, nước trên mặt đất, là thời tiết âm u, tổng hợp lại phán đoán, hôm đó ứng với trời âm u hoặc thời tiết có mưa nhẹ rải rác.

Từ hào tượng mà nói, hào Tử Tôn hưu tù, rõ ràng là thời tiết không nắng. Hào Phụ Mẫu Thìn Thổ cũng tử tuyệt tại nguyệt lệnh nhật kiến, lại không phát động, cũng là thông tin trời không có mưa. Hào 3 dương Huynh Đệ Thân Kim phát động hóa xuất Thê Tài Mão Mộc vượng tại nguyệt lệnh nhật kiến, cũng là thông tin trời không mưa. Ứng với phán đoán thời tiết ngày hôm đó nhiều mây âm u, đồng thời còn có gió, nhưng hào Huynh Đệ Thân Kim hưu tù mà Tuần Không, cho nên không có gió. Khóa này thời tiết nhiều mây âm u.

Ứng nghiệm: Trước đó vài ngày ngày 23 thời tiết Bình Nam trời trong xanh không có mây, nhưng đến sáng sớm ngày 24 vừa mới dậy nhìn, quả nhiên thời âm u nhiều mây, tương đồng với đài dự

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

báo khí tượng Quảng Tây, dự đoán ngày 24 tại Bình Nam trời âm u nhiều mây.

Ví dụ 3: Hôm đó thời tiết nắng nhiều mây.

Chọn giờ Tý ngày 25 tháng 8 năm Bính Tý 1996 âm lịch dụng sự tại trấn Bình Nam.

Thêm “Bình Nam” (14 nét) dùng thời gian ngày tháng đó lập được quẻ chủ “Địa Thiên Thái”, quẻ biến “Địa Phong Thăng”, hào sơ dương phát động.

Tháng Dậu ngày Đinh Sửu.

Thái	Thăng
Ư -- Tử Tôn Dậu kim	-- Tử Tôn Dậu kim
-- Thê Tài Hợi thủy	-- Thê Tài Hợi thủy
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ
T -- Huynh Đệ Thìn thổ	-- Tử Tôn Dậu kim
-- Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ty	-- Thê Tài Hợi thủy
-- Thê Tài Tý thủy	-- Huynh Đệ Sửu thổ

THỔ

Không Vong: Thân, Dậu

Từ quái tượng mà nói, quẻ “Địa Thiên Thái” thượng quái thuộc âm, là sương mù và mưa. Quẻ biến “Địa Phong Thăng”, thượng quái cũng thuộc âm, cũng là sương mù. Nhưng quẻ “Thái” hạ quái là Càn, nghĩa là trời có nắng. Quẻ “Thăng” hạ quái là Tốn là gió, sương mù là trên trời nhiều mây, nhưng gió thổi mây bay, gió có thể thổi mây tán đi, cũng có thể biến thành trời nắng. Tổng hợp phán đoán, ứng với thời tiết trời nhiều mây như có nắng.

Từ hào tượng mà nói, Hào 6 âm Tử Tôn Dậu Kim vốn vượng tại nguyệt lệnh, nhưng vào tháng Tuần Không, thời tiết khó mà nắng nổi. Phục thần Phụ Mẫu Ty Hỏa không vượng, mặc dù phục hạ được trường sinh nhưng cũng khó mà vượng nổi, không có thông tin có mưa xuất hiện. Hào sơ dương Thê Tài Tý Thủy phát động, biến xuất Huynh Đệ Sửu Thổ lâm nhật kiến mà hợp cư, không có thông tin trời không có nắng. Bởi vì Huynh Đệ chủ gió mây, đương nhiên ngày đó ắt có gió mây. Tổng hợp phán đoán, hôm đó ứng với nhiều mây hoặc thời tiết trời nắng nhiều mây, nhưng trên trời cũng có gió.

Ứng nghiệm: Hôm nhật khóa đó là thời tiết nhiều mây, cũng không có mưa, gió thổi mây bay, có thấy mặt trời ló ra một chút, nhưng một lúc mây lại che lấp, cả ngày thời tiết đều đa phần là nhiều mây.

Ví dụ 4: Dùng bát quái dự đoán thời tiết, có lúc còn chuẩn hơi dự báo của đài khí tượng.

Dụng sự ngày 11 tháng 2 năm Bính Tý 1996 âm lịch.

Dùng lúc dụng sự thêm địa danh Bình Nam (14 nét) lập được quẻ chủ "Lôi Phong Hằng" quẻ biến "Trạch Phong Đại Quá", hào 5 âm phát động.

Tháng Mão ngày Ất Sửu.

Hằng				Đại			
				Quá			
Ư	--	Thê Tài	Tuất thổ	--	Thê Tài	Mùi thổ	
	--	Quan Quỷ Thân kim		--	Quan Quỷ Dậu kim		
	—	Tử Tôn	Ngọ hỏa	—	Phụ Mẫu	Hợi thủy	
T	—	Quan Quỷ Dậu kim		—	Quan Quỷ Dậu kim		
	—	Phụ Mẫu	Hợi thủy	—	Phụ Mẫu	Hợi thủy	
	--	Thê Tài	Sửu thổ	--	Thê Tài	Sửu thổ	
MỘC							

Không Vong: Ngọ, Mùi

Quẻ khóa này hào 2 dương hào Phụ Mẫu Hợi Thủy hưu tù tại nguyệt lệnh nhật kiến, được hào 5 âm Quan Quỷ Thân Kim động hóa tiến thần đến sinh, lại được hào 3 dương hào Thế Quan Quỷ Dậu Kim bị nguyệt kiến xung động được nhật kiến sinh, cũng là được sinh vượng, vốn có nghĩa là có sấm chớp và mưa hoặc giá buốt sương mù. Nhưng hào 2 dương Phụ Mẫu Hợi Thủy lại ở đất Không Vong (ngày Ất Sửu là trong tuần Giáp Tý có Tuất Hợi là Tuần Không) là "Hào Phụ Mẫu nhập Không Vong, ngày xuất Không Vong ắt mưa". Cho nên hôm đó không mưa, nhưng hào Thế là địa, lại có Quan Quỷ ở tại đó, hào 5 âm Quan Quỷ Thân Kim động hóa tiến thần. "Quan Quỷ chủ sấm chớp sương mù". Không có mưa ắt cũng sẽ không có có chớp, chỉ có sương mù, mây. Cho nên hôm đó thời tiết nhiều mây âm u.

Vào tối ngày mùng 10 tháng 2 âm lịch xem truyền hình Quảng Tây phần dự báo thời tiết, dự báo dự báo về thời tiết tại Bình Nam

ngày 11 tháng 2 có mưa vừa. Xem dự báo thời tiết, tác giả cũng nghi ngờ bản thân có phải dự đoán từ 2 tháng trước không đúng hay không. Ai mà biết được, đến sáng sớm ngày 11 tháng ra nhìn trời, chỉ thấy bầu trời có một tầng mây, còn chưa thấy mặt trời lộ ra, đến sáng thì trời nắng nhiều mây, đến chiều lại âm u nhiều mây, đến tận hơn 10 giờ tối vẫn không thấy mưa. Đây chỉ là nói về thời tiết ở Bình Nam mà thôi, đối với những huyện thành ở xa hơn, đó là vấn đề khác.

Ví dụ 5: Hào Huỳnh Đệ vượng động, không có gió ắt có mây.

Dùng ngày 11 tháng 12 năm Bính Tý 1996 âm lịch đãi tiệc tân gia nhà mới.

Dùng thời gian dụng sự lập quẻ, được quẻ chủ “Thủy Sơn Kiến”, quẻ biến “Thủy Địa Tỷ”, hào 3 dương phát động.

Tháng Sửu ngày Tân Dậu dụng sự ở huyện thành Bình Nam.

Kiến	Tỷ
-- Tử Tôn Tý thủy	-- Tử Tôn Tý thủy
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Phụ Mẫu Tuất thổ
T -- Huỳnh Đệ Thân kim	-- Huỳnh Đệ Thân kim
— Huỳnh Đệ Thân kim	-- Thê Tài Mão mộc
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa	-- Quan Quỷ Tý hỏa
Ư -- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ
KIM	Không Vong: Tý, Sửu

Từ quái tượng “Thủy Sơn Kiến” mà nói về thời tiết ngày này, là quái tượng có mưa lớn đến. Quẻ biến “Thủy Địa Tỷ” cũng là quái tượng sương mù có mưa. Hai quẻ hai Khảm Thủy, một Cấn Thổ, một Khôn Thổ, Cấn là dừng lại, Khôn là u ám, là hàng trăm rắc rối nhỏ, đa phần là thời tiết sương mù nhiều mây. Từ lục hào mà nói, hào 6 âm Tử Tôn Tý Thủy là Không Vong, là “Tử Tôn chí ưu hoài hung, nguyệt thiên”. Hào 3 dương Huỳnh Đệ Thân Kim, vượng tại nguyệt lệnh nhật kiến, động hóa Tài. “Huỳnh Đệ chủ gió mây, vượng động, có gió mây hoặc nhiều mây”, “Huỳnh Đệ động hóa hào Thê Tài, trước âm u sau nhiều mây hoặc nắng”. Bởi vì hóa xuất Thê Tài Mão Mộc hưu tù tại nguyệt kiến, lại bị nhật kiến xung phá, là hôm đó trời không nắng, chỉ có thể đoán trời âm u nhiều mây hoặc thời tiết có sương mù, cũng có cả gió.

Ứng nghiệm: Khóa này thời tiết từ sáng sớm đã sương mù dày đặc, đến sau 8 giờ, sương mù bốc hơi dần, biến thành mây, là thời tiết âm u nhiều mây, có chút gió.

Ví dụ 6: Hào Tử Tôn hào Huỳnh Đệ cùng động, trời nắng có gió.

Vào ngày mùng 5 tháng 12 năm Bính Tý 1996 âm lịch tại thôn Bình Giới (14 nét) dựng sự nhập trạch.

Dùng thời gian dựng sự thêm nét viết tên địa danh lập được quẻ chủ “Địa Thiên Thái”, quẻ biến “Địa Trạch Lâm”, hào 3 dương phát động, hào 6 âm ám động.

Tháng Sửu ngày Ất Mão.

Thái	Lâm
Ư -- Tử Tôn Dậu kim	-- Tử Tôn Dậu kim
-- Thê Tài Hợi thủy	-- Thê Tài Hợi thủy
-- Huỳnh Đệ Sửu thổ	-- Huỳnh Đệ Sửu thổ
T — Huỳnh Đệ Thìn thổ	-- Huỳnh Đệ Sửu thổ
— Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ty	— Quan Quỷ Mão mộc
— Thê Tài Tý thủy	— Phụ Mẫu Ty hỏa
THỔ	Không Vong: Tý, Sửu

Quẻ này là quẻ tình hình thời tiết cơ bản của ngày dựng sự. Quẻ chủ Địa Thiên Thái, là ngày hôm đó âm u, Địa Trạch Lâm cũng là ngày âm u, theo quái tượng ứng là thời tiết âm u. Luận theo lục hào thì lại không tương đồng. Quẻ chủ Địa Thiên Thái, hào 3 dương Huỳnh Đệ Thìn Thổ tri Thế phát động là “Phong Vân Tề Hội”, hào 6 âm Tử Tôn Dậu Kim, vượng tại nguyệt lệnh bị nhật kiến Mão Mộc tương xung ám động mà còn hóa xuất Tử Tôn Dậu Kim, là “Hào Tử Tôn vượng động, trời trong xanh không có mây”. Bởi vì Hào Huỳnh Đệ và Hào Tử Tôn cùng động, hào Tử Tôn vượng tướng, là ngày hôm đó thời tiết có gió. Bởi vì hào 3 dương Huỳnh Đệ Thìn Thổ động mà hóa thoái thần, cho nên ngày hôm đó mặc dù có gió nhưng gió không to, dù có mây nhưng mây không nhiều. Có gió mây nhiều là trước giờ Sửu, nhưng theo lục hào sau thì buổi sáng 6 giờ tức giờ Mão thời tiết ắt sẽ biến thành trời nắng ít mây.

Bởi vì dùng quái tượng và hào tượng dự đoán xảy ra mâu thuẫn, đa phần lấy lục hào để định. Có thời tiết ứng với trời nắng có gió.

Ứng nghiệm: Ngày mùng 5 Ất Mão tháng 12 năm Bính Tý, gia chủ ngủ dậy nhìn trời, quả nhiên có gió và có rất ít mây đang bay, nhưng cả ngày bầu trời trong xanh như ngọc bích, hôm đó thời tiết cả ngày đều có nắng, khiến cho người dụng sự làm hỷ sự rất thuận lợi và may mắn. (Chú ý: địa danh dụng sự và địa danh Bình Nam đều có số nét viết tương đồng).

4. Tổng kết chương

Dụng sự nhật khóa trên phương diện dự đoán thời tiết, bởi vì địa lý phương vị dụng sự có nhiều khác biệt, nên đó cũng là một vấn đề khá là khó khăn. Đặc biệt là dụng sự nhật khóa vào 1 tháng sau thậm chí là một năm sau lận. Nếu một thành phố, khu ngoài ô và trung tâm thành phố lớn cũng cách nhau tầm mấy chục km, ngày hôm đó thời tiết đại khái tương đồng, nhưng cũng có lúc có sự khác biệt. Đặc biệt là vào sau mùa Hạ, mùa Thu, dân gian có nói là “Phân Long”, là có tình trạng “Phía Đông thì mưa phía Tây thì nắng”. Khi ở nông thôn, cùng một huyện, cũng có khu Bắc và khu Nam có sự phân chia không giống nhau về thời tiết. Đài truyền hình có đặt cả đài khí tượng dự báo thời tiết, có dụng cụ máy móc khoa học hiện đại và thủ đoạn hiện đại ngày nay để dự đoán thời tiết, đó là khoa học, nhưng xác suất chính xác cũng không thể nào đạt đến được 100%. Như dự báo thời tiết của một huyện có mưa, nhưng không thể nào mà cả huyện đó đều mưa, có lúc toàn bộ cả huyện sẽ có mưa, nhưng có lúc chỉ có phía Bắc có mưa còn phía Nam nắng, có khi lại chỉ có mưa cục bộ. Bởi vì thời tiết biến hóa dị thường và nhanh chóng, dụng sự nhật khóa dự đoán thời tiết, là dự đoán thời tiết cục bộ, cho nên so với dự đoán thời tiết toàn bộ cục diện khó khăn hơn nhiều. Do đó dự đoán thời tiết cục bộ so với dự đoán thời tiết toàn bộ cục diện xác suất chính xác thấp hơn nhiều. Nếu dự đoán thời tiết một huyện thành có mưa, đây không cần biết phía Nam hay phía Bắc mưa, có mưa là coi như chính xác. Nhưng dụng sự phương vị ở hướng Nam, mà thời tiết lại có mưa ở hướng Bắc, nhưng hướng Nam không mưa mà lại nắng, bạn coi như dự đoán không chuẩn rồi. Đặc biệt là hai mùa Xuân Hạ, thời tiết biến hóa thất thường, trong một huyện thời tiết của một ngày không giống nhau. Cho nên, muốn dự đoán chuẩn xác tình hình thời tiết cục bộ của một huyện thành, là rất khó, có được xác suất chính xác các như trên từ lục hào là đã coi như không tồi rồi. Nếu như kỹ thuật dự đoán cứng và còn có kinh nghiệm phong phú, mức độ xác suất dự đoán chính xác còn cao hơn.

CHƯƠNG 10: GIẢI THÍCH VÍ DỤ DỰ ĐOÁN CHU DỊCH NHẬT KHÓA

Chu Dịch là bộ kinh đứng đầu trong tất cả các bộ kinh của Trung Quốc, là kết tinh của trí tuệ mà nhân dân đã vất vả tích lũy từ thời cổ đại, là bảo vật của Trung Quốc. Trong Chu Dịch bát quái có chứa đựng tính khoa học nội hàm vô cùng phong phú, trải qua sự phát triển của các triều đại, dự đoán học của Trung Quốc cổ đại đã dần dần hoàn thiện. Công năng dự đoán thần kỳ của Chu Dịch bát quái dần dần có được sự tín nhiệm và bội phục của tầng lớp lãnh đạo và nhân dân. Thật ra trong khoảng thời gian Tần Thủy Hoàng bắt đầu hành vi tàn bạo đốt sách kháng nho chống người tài; nó đã may mắn được giữ lại và bảo tồn tới ngày nay. Chu Dịch bát quái là một trong những nguồn gốc của tất cả tư tưởng khoa học cổ đại Trung Quốc, đồng thời trong các lĩnh vực khoa học hiện đại ngày nay, cũng đã thành lập được một vị trí không thể xóa nhòa. Nó thể hiện rõ những vấn đề bí ẩn về sự phát triển của sự vật và quy luật biến hóa của tự nhiên trong vũ trụ, là vũ khí sắc bén để con người nhận biết về tự nhiên, chinh phục tự nhiên và cấu tạo tự nhiên, là nguồn gốc trí tuệ của sự sinh tồn và phát triển của con người. Chu Dịch bát quái và lục thập tứ quái được sinh ra từ bát quái, là một kho tàng thông tin khổng lồ, nó bao gồm toàn bộ thông tin trên trời, dưới đất, nhân gian, nói nó bao gồm vạn sự vạn vật cũng không phải là nói quá, nói nó có chứa đựng ý nghĩa nội hàm khoa học phong phú cũng không phải là nói không có căn cứ mà đó là sự thật. Dùng Chu Dịch bát quái dự đoán sự vật vĩ mô và thông tin vi mô, là sự mở rộng phương pháp dự đoán khoa học hiện đại, và cũng là một loại phương pháp giúp con người chúng ta thu được những thông tin dự đoán.

Dụng sự nhật khóa là “mệnh” của khí khi sự vật sinh ra và phát triển nhận được, nó đương nhiên hội tụ toàn bộ thông tin của thời không phương vị, bao hàm thông tin trên trời, dưới đất và nhân gian con người, là tổng hợp hội tụ thông tin của thiên, địa, nhân. Thông tin của dụng sự nhật khóa có hung cát, nó có thể phát sinh hiệu ứng với thông tin của con người, khiến cho người dụng sự phát sinh sự thay đổi biến hóa về hung cát họa phúc. Thông tin hung cát của dụng sự nhật khóa trừ chuyên dùng phương pháp tứ trụ âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa để dự đoán ra, còn có thể dùng phương pháp dự đoán Chu Dịch để dự đoán. Dùng Chu Dịch bát quái tiến hành dự đoán thông tin nhật khóa, có thể trực

tiếp nghiệm chứng thời gian lựa chọn dụng sự có chính xác hay không? Nghiệm chứng xác suất sử dụng thời gian lựa chọn dụng sự có tạo phúc cho người dụng sự hay không? Khiến gia chủ lựa chọn ngày dụng sự thật sự có được ích lợi cho bản thân.

Chu Dịch bát quái dự đoán thông tin hung cát của dụng sự nhật khóa, có lý luận cơ sở hoàn toàn là lý luận âm dương ngũ hành sinh khắc chế hóa. Nó là lý luận của toàn bộ dự đoán học, cũng là lý luận cơ sở của toàn bộ thông tin dự đoán học. Còn với khoa học tự nhiên, nó đã trở thành cơ sở tư tưởng và căn cứ lý luận của sự phát triển khoa học đặc biệt là “khoa học tiềm ẩn”, “khoa học giao thoa”. Tác giả trải qua thời gian dài nghiên cứu và thực hành dự đoán thông tin của dụng sự nhật khóa, phát hiện ra dùng Chu Dịch bát quái dự đoán thông tin hung cát của nhật khóa là có ứng nghiệm, cũng có khoa học. Nó không chịu sự trói buộc của cách cục, thần sát, tướng số,... dụng sự nhật khóa cổ đại có thể chính xác dự đoán ra thông tin hung cát của dụng sự nhật khóa, cũng có thể trên một trình độ nhất định hóa giải được cục diện hỗn loạn hung cát trong lĩnh vực trạch cát trước đó có người thì nói cát, có người lại nói hung, chân chính và chính xác dự đoán ra thông tin hung cát của dụng sự nhật khóa, tạo phúc cho con người và xã hội.

Chu Dịch bát quái dự đoán thông tin hung cát nhật khóa, so với phương pháp dự đoán sự vật thông thường có những điểm giống và khác nhau. Bởi vì phương pháp dự đoán sự vật thông thường lấy 1-2 loại làm dụng thần, mà dụng sự nhật khóa đặc biệt là tạo táng nhật khóa, có nhiều dụng thần cũng tồn tại. Như hào Phụ Mẫu vừa chủ nhà cửa, lại vừa chủ cha mẹ trưởng bối người lớn; hào Thê Tài vừa chủ tài vật vừa chủ phụ nữ, con gái; hào Tử Tôn chủ tiểu bối, con cháu nhỏ tuổi vừa chủ lục súc, vật nuôi; hào Huynh Đệ chủ anh em thủ túc bạn bè; hào Quan Quỷ chủ quan viên và quyền lực, cũng lại chủ Quan Sát bệnh phù,... Lục thân của tạo táng nhật khóa vừa là dụng thần cũng vừa là kỵ thần, cho nên cần tổng hợp xem xét. Mỗi loại Lục thân đều không nên bị khắc, nếu bị khắc đối với Lục thân đều là không có lợi, cho nên các loại Lục thân đều cần hòa bình cùng ở với nhau. Hào Lục thân nào động mà đi khắc, nhẹ thì không có lợi với Lục thân, nặng thì xảy ra tai họa, đây là điểm đầu tiên không giống với dự đoán sự vật thông thường chỉ lấy 1-2 loại ra làm dụng thần. Hai là sự phân chia ra làm hai loại: dụng sự nhật khóa thời gian ngắn và thời gian dài, tạo mộ nhật khóa cần xem xét sự hung cát trong năm đó và về sau

này nữa, mà không phải chỉ dự đoán hung cát của sự vật trong một năm ngắn ngủi. Dụng sự thời gian ngắn giống với dự đoán sự vật thông thường, sự bại suy của quái hào đều luận định theo nguyệt lệnh và nhật kiến, mà dụng sự nhật khóa thời gian dài, còn ứng với sự tổng hợp của Thái Tuế và tứ trụ để xác định hung cát, cái này lại là một điểm không giống với dự đoán sự vật thông thường. Cho nên, dụng sự nhật khóa cần xác định vượng suy của quái hào, cần quan sát toàn bộ tứ trụ mới xác định được. Như nhật khóa của ngày Giáp Tý tháng Ty, giả dụ có được hào Tử Tôn là Kim, chỉ dựa vào nguyệt lệnh, nhật kiến để phán đoán vượng suy sẽ nhận định Tử Tôn Kim hưu tù bị khắc. Nhưng nếu như Thái Tuế là Dậu mà giờ dụng sự là giờ Sửu, ắt tứ trụ tam hợp Ty Dậu Sửu Kim cục, lại có Tuế nguyệt thời can là Tân, chính là tứ trụ Kim vượng, như vậy, Tử Tôn Kim không những không hưu tù bị khắc, mà ứng là vượng. Cho dù giờ dụng thần không phải giờ Sửu, chỉ cần không xung Dậu và Ty, nguyệt lệnh và Thái Tuế Dậu cũng có thể tạo thành tam hợp cục Kim, Tử Tôn Kim Nhẫn, không hề yếu. Ba là cùng một dụng sự nhật khóa, bởi vì đem tên họ, niên mệnh và phương vị xem xét thêm vào, tổng hợp phán đoán mới có được thông tin hung cát chính xác. Như dụng sự ở hướng Nam, mức độ khắc hào nặng, họa là đại họa. Đồng thời, gia chủ chính hành vận tốt hào khắc nhẹ đi, gia chủ chính hành vận bại hoặc trong mệnh cục có thông tin khắc Thê, thì gia chủ sẽ xuất hiện tai họa thoái tài tổn Thê, đại hung. Cho nên, dụng sự nhật khóa cần xem xét rất nhiều nhân tố.

Dụng sự nhật khóa chia ra thành thông tin năm dụng sự và thông tin thời gian dài. Năm dụng sự ứng định là thời gian đối năm, như tháng 8 năm nay năm dụng sự đến tháng 8 năm tới là đối năm. Thông tin trước tháng 8 năm tới quy về quẻ năm dụng sự quản. Thông tin từ sau tháng 9 năm tới quy về quẻ của thông tin thời gian dài quản. Quẻ thông tin năm dụng sự dùng niên chi và số của tháng, ngày, giờ để lập quẻ. Quẻ thông tin thời gian dài lấy niên can và số của tháng, ngày, giờ để lập quẻ. Theo nghiệm chứng thực tế, quẻ thông tin năm dụng sự lấy cát hung tương đối là được, quẻ thông tin thời gian dài nhất định phải cát. Quẻ thông tin năm dụng sự cát, mà quẻ thông tin thời gian dài hung, thông thường không lấy dùng; như quẻ thông tin năm dụng sự có chút hung nhỏ, nhưng không tạo nên tổn hại gì đến người và gia súc gia cầm, còn quẻ thông tin thời gian dài đặc biệt cát, nên hỏi ý kiến của gia chủ

về dụng sự, đồng ý thì dùng luôn, nhưng cũng cần tìm cách tránh được tai họa cho gia chủ.

Dựa theo sự nghiên cứu nghiệm chứng lâu dài của tác giả, thông tin nhật khóa tứ trụ cát dùng Chu Dịch bát quái dự đoán, thông tin nhật khóa ắt là cát. Nếu như nhật khóa tứ trụ hung, dùng Chu Dịch bát quái dự đoán được quái hào cũng hung. Hai loại phương pháp dự đoán này là đồng bộ với nhau. Vì để có thể thật sự dự đoán chính xác chuẩn chỉ thông tin hung cát của nhật khóa, dùng đồng thời cả dự đoán nhật khóa tứ trụ và dự đoán Chu Dịch bát quái, tiến hành dự đoán hai lần là điều cần thiết. Có thể nói như này, dự đoán thông tin nhật khóa, dự đoán tứ trụ là bước đầu tiên, đem nhật khóa diễn biến thành dự đoán Chu Dịch bát quái là bước thứ 2, làm như vậy, có thể làm vừa lòng tâm lý tâm nguyện của tất cả mọi người, lại có thể dự đoán chính xác được thông tin nhật khóa, hội tụ lại một cách đầy đủ khiến cho thuật chọn ngày tốt tạo phúc cho con người và xã hội.

Dưới đây là một bộ phận nhỏ về vài ví dụ thực tiễn khá điển hình trong trong dự đoán Chu Dịch nhật khóa, bây giờ đưa ra cho độc giả tham khảo, nhằm giúp đỡ các học viên của "Giáo trình ứng dụng Chu Dịch nhật khóa dự đoán học" hiểu sâu hơn và cũng như nâng cao kỹ thuật dự đoán thông tin nhật khóa, để sau này có thể chân chính tạo phúc cho con người và xã hội, tích lũy âm công tư phúc đức, đồng thời góp một phần công hiến cho sự thúc đẩy Dịch học phát triển.

(Vũ Phác: Tác giả Phan Tín Thông còn có 1 cuốn sách là "Tứ Trụ Nhật Khóa" cũng rất xuất sắc, theo lối chính ngũ hành nhưng thuần nhất hơn cuốn Chính Ngũ Hành Trạch Nhật Học của tác giả Lại Cửu Đình, rất đáng để nghiên cứu. Cuốn này cũng đang được chuyển ngữ, sẽ sớm ra mắt trong thời gian tới, mời quý độc giả cùng đón chờ. Có thể nói cuốn này thuộc về tài liệu trạch nhật Chính Ngũ Hành cao cấp).

1. Dự đoán nhật khóa trong xây nhà, dọn vào nhà mới và tu sửa cải tạo

Ví dụ 1: Người họ Mạc kiến Dậu kiêm Tân trạch vào giờ Dậu ngày 30 tháng 11 năm 1957 âm lịch.

Nhật khóa: Đinh Dậu Quý Sửu Bính Thân Đinh Dậu

Thêm họ (13 nét) lập được quẻ thông tin thời gian dài quẻ chủ "Trạch Lôi Tuyền", quẻ biến "Thủy Lôi Truân", hào 4 phát động.

Tuyền	Truân
Ư -- Thê Tài Mùi thổ	-- Phụ Mẫu Tý thủy Long
-- Quan Quỷ Dậu kim	-- Thê Tài Tuất thổ Vũ
-- Phụ Mẫu Hợi thủy Tử Ngọ	-- Quan Quỷ Thân kim Hổ
T -- Thê Tài Thìn thổ	-- Thê Tài Thìn thổ Xà
-- Huynh Đệ Dần mộc	-- Huynh Đệ Dần mộc Câu
-- Phụ Mẫu Tý thủy	-- Phụ Mẫu Tý thủy Tước

MỘC

Không Vong: Thìn, Ty

Khóa này có quẻ chủ "Trạch Lôi Tuyền" là quẻ cung Chấn, ngũ hành thuộc Mộc; quẻ biến "Thủy Lôi Truân" là quẻ thuộc cung Khảm, ngũ hành thuộc Thủy, đại tượng hóa hồi đầu sinh đại cát. Quẻ "Tuyền" và "Truân" đều là quẻ cát. Thế Ứng tử hòa là cát, hào 3 Thê Tài Thìn Thổ tri Thế, vượng tại nguyệt lệnh là Tài tinh vượng, hào Thế là cơ sở nền móng, là gia chủ, cho nên nhân đình hữu thọ. Hào 4 Phụ Mẫu Hợi Thủy vượng tại nhật kiến và Thái Tuế, cũng động hóa hồi đầu sinh, là hào Phụ Mẫu cực vượng, có thông tin mẹ sống thọ và có bậc thầy về văn chương. Phụ Mẫu hóa Quan tinh Thân Kim hồi đầu sinh, Thân Kim là phương Tây, ắt có thông tin con cháu học cao sau này ra nước ngoài du học. Tử Tôn Ngọ Hỏa là phúc thần, mà bây giờ phi thần động nên xuất lộ, mặc dù không quá vượng tướng, không bị khắc, cho nên cũng là Tử Tôn khá vượng, con cháu cũng khá nhiều. Hào 5 Quan tinh Dậu Kim được Tuất Thổ hóa hồi đầu sinh, là hào lâm Thái Tuế, cũng vượng tại thời nhật nguyệt lệnh, là Quan tinh cực vượng, có thông tin có người làm quan chức lớn xuất hiện. Mà mà người làm quan đa phần ở tại hướng Tây so với quê nhà, khóa này là đình tài quý thọ đều chu toàn, là ngày thượng cát.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Thực tế: Gia chủ trước và sau khi xây nhà, có sinh được 4 con trai và 2 con gái, bây giờ đều có mức độ vượt trội khác nhau. Con trai lớn vừa mới 40 tuổi đã trở thành bí thư huyện ủy cấp thành phố của một địa phương, con trai thứ 2 kinh doanh phát đạt phát tài, xây được cả nhà to, con trai thứ 3,4 sau khi tốt nghiệp trường đại học trọng điểm toàn quốc lần lượt đi du học ở Mỹ, có được học vị thạc sĩ, trở thành nhân tài đất nước. Hai đứa con gái lấy được chồng tốt, không phụ công nuôi dưỡng. Mẹ của gia chủ đã hơn 90 tuổi rồi mà không bệnh tật gì nhiều. Vợ chồng gia chủ đã hơn 60 tuổi, cơ thể xương cốt vẫn tốt, đó đều là hưởng thọ, đang tận hưởng cuộc sống hạnh phúc những năm tuổi già.

Ví dụ 2: Người họ Hoàng vào ở nhà mới tại vị trí Nhâm Trạch vào giờ Dần ngày mùng 2 tháng 11 năm 1992 âm lịch.

Nhật khóa: Nhâm Thân Tân Hợi Ất Ty Mậu Dần

Khóa này thêm họ (12 nét) lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Trạch Phong Đại Quá" quẻ biến "Trạch Thiên Quải", hào sơ phát động.

Đại Quá		Quải
-- Thê Tài	Mùi thổ	-- Thê Tài Mùi thổ Vũ
— Quan Quỷ	Dậu kim	— Quan Quỷ Dậu kim Hổ
T — Phụ Mẫu	Hợi thủy Tử Ngọ	— Phụ Mẫu Hợi thủy Xà
— Quan Quỷ	Dậu kim	— Thê Tài Thìn thổ Câu
— Phụ Mẫu	Hợi thủy Huynh Dần	— Huynh Đệ Dần mộc Tước
Ư -- Thê Tài	Sửu thổ	— Phụ Mẫu Tý thủy Long

MỘC

Không Vong: Dần, Mão

Khóa này quẻ chủ hào 4 Phụ Mẫu Hợi Thủy, vượng tại nguyệt lệnh và Thái Tuế, là cha mẹ sống lâu, con cái học hành thăng tiến, xuất văn hào, gia chủ có hiếu với cha mẹ. Tử Tôn Ngọ Hỏa là phúc thần, phục bên cạnh Phụ Mẫu Hợi Thủy, vượng tại nhật kiến, có nhật kiến Ty Hỏa phi thần, phúc thần được xuất hiện, là đình vượng. Hào 5 Quan tinh Dậu Kim, vượng tại Thái Tuế, lại ở tại vị trí cao quý của hào 5, là có người làm quan chức lớn xuất hiện, nhưng đều nhận chức và làm việc tại phương Tây. Bạch Hổ ở tại đó, ứng với có chức vụ tại bộ phận thi hành pháp luật. Hào sơ Thê Tài Sửu Thổ động mà hóa vượng địa, lại vượng tại nhật kiến, là tài vượng.

Lại có hào 6 Tài tinh Mùi Thổ, là trong ngoài đều có tài, Tài tinh đại vượng. Khóa này là đỉnh tài quý thọ đều có, là khóa thượng cát.

Thực tế: Gia chủ từ ngày dựng sự đến nay cũng đã hơn 8 năm rồi, tất cả đều đại cát đại lợi, hai vợ chồng đều nhiều lần thăng chức, gia chủ là quan chức cấp trưởng tỉnh, vợ là quan chức cấp phó tỉnh, còn nắm trong tay quyền sinh sát. Con cái học hành tiến bộ, con trai năm 1998 có thành tích học tập ưu tú đã vào học tại trường đại học trọng điểm toàn quốc. Cha mẹ mạnh khỏe sống lâu, bây giờ đã hơn 80 tuổi, cơ thể xương cốt vẫn rất tốt, tinh thần minh mẫn thoải mái, nhìn giống như chỉ khoảng 70 tuổi.

Ví dụ 3: Người họ Hoàng kiến Ất kiêm Thìn trạch vào giờ Mão ngày 12 tháng 10 năm 1979 âm lịch.

Nhật khóa: Kỷ Mùi Ất Hợi Nhâm Dần Quý Mão

Thêm họ (12 nét) lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Địa Lôi Phục" quẻ biến "Chấn Vi Lôi", hào 4 phát động.

Phục	Chấn
-- Tử Tôn Dậu kim	-- Huỳnh Đệ Tuất thổ Hổ
-- Thê Tài Hợi thủy	-- Tử Tôn Thân kim Xà
Ư -- Huỳnh Đệ Sửu thổ	-- Phụ Mẫu Ngọ hỏa Câu
-- Huỳnh Đệ Thìn thổ	-- Huỳnh Đệ Thìn thổ Tước
-- Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ty	-- Quan Quỷ Dần mộc Long
T -- Thê Tài Tý thủy	-- Thê Tài Tý thủy Vũ
THỔ	Không Vong: Thìn, Ty

Khóa này quẻ chủ thuộc cung Khôn, ngũ hành thuộc Thổ, vượng tại Thái Tuế. Quẻ biến thuộc cung Chấn, ngũ hành thuộc Mộc, vượng tại nguyệt lệnh. Mặc dù đại tượng hóa hồi đầu khắc, nhưng hai quẻ đều có lực, không có gì đáng lo ngại. Hào sơ Thê Tài Tý Thủy trì Thế, là nền móng, là gia chủ, là tiền tài, cũng là phụ nữ con gái, vượng tại nguyệt lệnh, Tài vượng và gia chủ hữu thọ. Hào 5 lại là Thê Tài Hợi Thủy, vượng tại nguyệt lệnh mà hóa hồi đầu sinh, là Tài vượng. Hào 6 là Tử Tôn, sinh tại Thái Tuế, còn được quẻ biến hào Huỳnh Đệ Tuất Thổ hóa hồi đầu sinh, là nhân đỉnh vượng. Nhưng đáng tiếc lại ở hào Âm, con cháu là gái nhiều hơn trai. Hào 4 Huỳnh Đệ Sửu Thổ động khắc hào Tài, nhưng lại tham hợp mà quên khắc với hào Thế, nữ đỉnh ở trong nhà không có vấn đề gì xảy

ra, nhưng nữ đình ở bên ngoài thì không thuận lợi, nam đình ở bên ngoài có tai họa khắc vợ kiếp tài. Hào 2 Quan Quỷ Dần Mộc Vượng tại nhật lệnh và nguyệt kiến, nhưng ở vị trí hào 2 thấp hèn, mặc dù có người làm quan, nhưng đa số đều là quan chức cấp văn thư văn phòng. Tổng quan thông tin quẻ khóa này cũng tốt, đều là cát nhiều hung ít, trong đó chỉ có một số ít không ổn là nam đình nữ đình không cân bằng và nam đình ở bên ngoài sinh sống làm việc hôn nhân không được thuận lợi.

Thực tế: Khóa này từ ngày dựng sự đến nay đã hơn 20 năm, tổng thể thì vẫn cát lợi, vợ chồng gia chủ đều hữu thọ. Gia chủ có 4 người con trai đều có những mức độ thành công khác nhau, con trai lớn là quan chức cấp trưởng của quận, nhưng đáng tiếc hôn nhân không thuận lợi, sau khi kết hôn vợ đã lại mất sớm, sau tái hôn tiếp. Còn có một đứa con nữa làm việc ở bên ngoài, làm toàn thời gian. Ngoài ra còn 2 đứa con trai ở nhà làm nông, nhưng sau khi cải cách mở lại rất biết làm ăn, phát tài, có nhiều nhà cửa. Lấy vợ cũng đều là nữ viên chức, nhưng đối đã với hai vợ chồng gia chủ rất hiếu thảo, thật ra là vì hào Thế lại có Thê Tài Tý Thủy trì Thế mà ra.

Ví dụ 4: Người họ Lưu động thổ kiến Tý kiêm Quý trạch vào giờ Sửu ngày mùng 2 tháng 4 năm 1991 âm lịch.

Nhật khóa: Tân Mùi Quý Tý Ất Dậu Đinh Sửu

Lập được quẻ năm dựng sự và quẻ nhật khóa thời gian dài với quẻ chủ đều là "Địa Trạch Lâm", quẻ biến là "Địa Lôi Phục", hào 2 phát động.

Lâm	Phục
-- Tử Tôn Dậu kim	-- Tử Tôn Dậu kim Vũ
Ư -- Thê Tài Hợi thủy	-- Thê Tài Hợi thủy Hổ
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Xà
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Thìn thổ Câu
T -- Quan Quỷ Mão mộc	-- Quan Quỷ Dần mộc Tước
-- Phụ Mẫu Tý hỏa	-- Thê Tài Tý thủy Long

THỔ

Không Vong: Ngọ, Mùi

Từ quái hào nhìn thấy, khóa này là khóa đình tài lưỡng vượng (cả hai cùng vượng), nhưng mà lại chịu nạn mà khó cát. Hào 6 Tử

Tôn Dậu Kim, được tứ trụ nhật khóa tam hợp Kim cục đến sinh trợ, là đình vượng. Hào 5 Thê Tài Hợi Thủy, tứ trụ có tam hợp cục Kim đến sinh, là tài vượng. Hào 2 Quan Quỷ Mão Mộc động mà hóa thoái, may có nguyệt lệnh xung động hào 5 Thê Tài Hợi Thủy và hào Thái Tuế Mùi Thổ tạo thành tam hợp Hợi Mão Mùi Mộc cục đến củng trợ, có thể giữ được nền móng của hào Thê không hao tổn, không đến nỗi khiến gia chủ thọ yếu, nhưng muốn cứu lấy chức quan địa vị thì sẽ hơi khó. Khóa này chủ yếu là đình tài lương vượng, là khóa khó mà xuất hiện quan quý. Hào Thê Tài ở vị trí hào 5, lại có Bạch Hổ ở đó, có thể thấy vợ của gia chủ là nữ cường, ắt hẳn giữ chức vụ ở bộ phận thi hành pháp luật. Hào sơ Phụ Mẫu Ty Hỏa, vượng tại nguyệt lệnh, nhưng hào biến Thê Tài Tý Thủy hóa hồi đầu khắc, rõ ràng không có lợi cho cha mẹ, nếu như cha mẹ không cùng ở với gia chủ hoặc đã ly biệt, thì không có trở ngại gì. Nhưng năm Bính Tý 1996, Tài tinh gặp Thái Tuế, mặc dù phát tài, nhưng có tai họa hao tổn xe cộ, đồ nội thất. Gia chủ được hào 5 sinh, nhưng Quan tinh hóa thoái, mặc dù được lãnh đạo coi trọng, nhưng là khóa khó mà thăng chức được.

Thực tế: Gia chủ nói với tác giả, sau dụng sự đúng là tất cả đều thuận lợi, còn khá là phát tài. Mỗi lần lãnh đạo đều rất coi trọng gia chủ, nhưng lại không hề có đề bạt gì cả, bây giờ anh ta vẫn là người nhân viên bình thường giúp đỡ lãnh đạo làm việc trong bộ phận kinh doanh. Vợ mặc dù là một nhân viên pháp luật, công việc rất tốt, nhưng cũng không hề có tí thông tin gì sẽ được thăng chức, cũng chỉ là một nhân viên bình thường. Năm 1995, cái ti vi màu mới mua không lâu hơn 2 nghìn tệ, không biết vì sao mà tự dưng lại nổ. Bởi vì hào Phụ Mẫu cũng là đồ nội thất trong nhà, điện thuộc Hỏa, ti vi màu bị hỏng là do có thông tin nhật khóa dẫn dắt mà thành.

Ví dụ 5: Người họ Lưu kiến (xây) Cấn kiêm Dần trạch vào giờ Dần ngày mùng 8 tháng 1 năm 1997 âm lịch.

Nhật khóa: Tý Sửu Nhâm Dần Đinh Hợi Nhâm Dần

Thêm họ (6 nét) lập được quẻ thông tin năm dụng sự gồm quẻ chủ "Hỏa Thủy Vị Tế", quẻ biến "Lôi Thủy Giải", hào 6 phát động.

Vị Tế	Giải
U <u> </u> Huynh Đệ Ty hỏa	<u> </u> Tử Tôn Tuất thổ Long
<u> </u> Tử Tôn Mùi thổ	<u> </u> Thê Tài Thân kim Vũ
<u> </u> Thê Tài Dậu kim	<u> </u> Huynh Đệ Ngọ hỏa Hổ
T <u> </u> Huynh Đệ Ngọ hỏa Quan Hợi	<u> </u> Huynh Đệ Ngọ hỏa Xà
<u> </u> Tử Tôn Thìn thổ	<u> </u> Tử Tôn Thìn thổ Câu
<u> </u> Phụ Mẫu Dần mộc	<u> </u> Phụ Mẫu Dần mộc Tước

HỎA

Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này quẻ chủ hào 6 Huynh Đệ Ty Hỏa là anh em, động mà hóa Tuất Thổ mộ khổ, là rất xấu, lại hóa xuất Tuất Thổ Địa vống tại nhật kiến, đối với con trai của anh em đây là thông tin đại hung, có chuyện hao tổn con trai của anh em. Thông thường, nếu như anh em không ở chung, cũng không tham gia vào dụng sự, tai họa sẽ không ứng nghiệm đến anh em, nhưng hào 4 Thê Tài Dậu Kim hưu tù tại nhật nguyệt, lại bị Huynh Đệ Ty Hỏa động khắc, lại bị Huynh Đệ Ngọ Hỏa hóa Ngọ Hỏa đến khắc, anh em chắc chắn gặp họa thoái tài. Khóa này có họa thương tổn đến con trai anh em và thoái đại tài. Ứng kỳ khi xung khai mộ khổ, ứng nghiệm vào tháng 3.

Thực tế: Gia chủ vốn nghe theo lời nói tào lao của trạch sư trước đó, cho rằng Cấn là thiếu nam. Chỉ cần để thiếu nam giúp động thổ trước thì sẽ càng phát tài. Bởi vì con trai của gia chủ còn nhỏ, không thể dụng sự, sau đó mới gọi đứa con trai độc nhất của người anh cả làm quan chức nhà nước đến giúp đỡ dụng sự. Đến giữa tháng 3 âm lịch, đứa con trai độc nhất của người anh cả vì lo chuyện bao đồng mà gặp tai nạn xe chết, hưởng thọ 20 năm. Gia chủ đang xây nhà, xây cũng đến quá đầu rồi, xảy ra chuyện lớn, bị ép đập hết những gì mới xây đi, sau này cũng không dám xây gì ở mảnh đất đó nữa, vừa mất công còn mất tiền. Bởi vì, khi đào móng xây nhà có đào được một phần mộ, mảnh đất này không sạch sẽ, âm khí trùng trùng mà còn không gọi thầy "đi rửa sạch", thêm vào

nhật khóa lại cũng là ngày hung, xảy ra họa thương tổn nhân đinh và hao tổn đại tài, tạo nên một trận bi kịch đau buồn.

Ví dụ 6: Người họ Quân dọn vào ở Nhâm kiêm Tý trạch vào giờ Sửu ngày 17 tháng 10 năm 1996 âm lịch.

Nhật khóa: Bính Tý Tý Hợi Mậu Dần Quý Sửu

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thủy Địa Tỷ", quẻ biến "Trạch Địa Tụy", hào 4 phát động.

Tỷ	Tụy
Ư -- Thê Tài Tý thủy -- Huynh Đệ Mùi thổ Tước	
-- Huynh Đệ Tuất thổ -- Tử Tôn Dậu kim Long	
-- Tử Tôn Thân kim -- Thê Tài Hợi thủy Vũ	
T -- Quan Quỷ Mão mộc -- Quan Quỷ Mão mộc Hổ	
-- Phụ Mẫu Tỵ hỏa -- Phụ Mẫu Tỵ hỏa Xà	
-- Huynh Đệ Mùi thổ -- Huynh Đệ Mùi thổ Câu	
THỔ	Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ "Thủy Địa Tỷ", vốn là quẻ cát, nhưng quái hào hung. Hào Thế Quan Quỷ Mão Mộc vượng tại nguyệt lệnh, bây giờ tứ trụ nhật khóa tam hội hóa thành công ở hướng Bắc Hợi Tý Sửu Thủy cục đến sinh, lại có hào Ứng Tý Thủy sinh, hào 4 Tử Tôn Thân Kim động hóa Thê Tài Hợi Thủy đến sinh, thực sự sinh nhiều đến quá độ, mà phản sinh thành khắc. Thủy nhiều Mộc ắt lung lay trôi nổi, ắt thối rữa gốc mà chết, nên có họa khắc chủ. Hào 2 Phụ Mẫu ứng cha mẹ, tử tại nguyệt lệnh, lại có hào cùng cục Thủy khắc sát, Tỵ Hỏa hữu tử vô sinh. Có cha mẹ ứng với cha mẹ, không có cha mẹ ứng với xe cộ, nhà cửa hoặc đồ nội thất trong nhà. Hào 4 Tử Tôn Thân Kim hưu tù tại nhật nguyệt và thái tuế, hào 4 còn bị nhật kiến xung phá, lại hào Phụ Mẫu Tỵ Hỏa bị xung động cùng nhật kiến Dần Mộc cấu thành tam hình, ứng lục súc, con cháu gặp tai họa. Khóa này là khóa đại hung, có thông tin cực hung về thương tổn nhân đinh, tổn lục súc và thoái đại tài.

Thực tế: Khóa này sau khi dụng sự vừa thương tổn nhân đinh vừa thương tổn lục súc,... tổng cộng thoái tài hơn 2 vạn tệ. Đương nhiên, gia chủ cũng là người gặp họa đầu tiên.

Ví dụ 7: Có hai nhà tu sửa Tân trạch hướng Tây vào giờ Sửu ngày 11 tháng 8 năm 1998 âm lịch.

Nhật khóa: Mậu Dần Tân Dậu Tân Tỵ Kỷ Sửu

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thủy Địa Tỷ", quẻ biến "Phong Địa Quan", hào 6 phát động.

	Tỷ		Quan	
Ư	Thê Tài	Tỷ	thủy	Quan Quỷ Mão mộc Xà
	Huỳnh Đệ	Tuất	thổ	Phụ Mẫu Tỵ hỏa Câu
	Tử Tôn	Thân	kim	Huỳnh Đệ Mùi thổ Tước
T	Quan Quỷ	Mão	mộc	Quan Quỷ Mão mộc Long
	Phụ Mẫu	Tỵ	hỏa	Phụ Mẫu Tỵ hỏa Vũ
	Huỳnh Đệ	Mùi	thổ	Huỳnh Đệ Mùi thổ Hổ

THỔ Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ "Tỷ", quẻ biến "Quan" đều là quẻ cát, lại có đại tượng tương sinh, thiên địa định vị, vốn là cát, nhưng lại đại hung.

Hào Thế Quan Quỷ Mão Mộc, là gia chủ, là nền móng, bây giờ bị Tỵ Dậu Sửu Kim cục cực vượng ở tứ trụ nhật khóa xung phá, ắt gặp họa phá thân. Lại có hào 6 Thê Tài Tỷ Thủy mặc dù vượng tại nguyệt lệnh, nhưng hóa Quỷ hóa phá, là vợ hoặc con gái có đại họa phá thân. Bởi vì Đoài trạch chủ phụ nữ, quái cung Khôn cũng chủ phụ nữ con gái, cho nên hào Thế Quan Quỷ Mão Mộc là nữ chủ nhân, khóa này có nữ chủ nhân gặp đại họa phá thân. Mộc bị Kim khắc, ắt ứng với tai nạn xe cộ hoặc bị vật cứng sắt thép đụng trúng, dẫn đến phá thân mà mất mạng. Ứng kỳ tai họa xuất hiện lấy hào động để xác định, hào 6 phát động, ứng với không quá 6 tháng tai họa sẽ ứng nghiệm.

Thực tế: Nữ chủ nhân hai nhà lần lượt vào tháng 12 năm đó và tháng 1 năm sau bị tai nạn xe mà mất mạng. Đồng thời cũng tổn một số tiền lớn.

Ví dụ 8: Người họ Tạ động thổ xây Cấn kiêm Dần trạch vào giờ Tý ngày 29 tháng 7 năm 1986 âm lịch.

Nhật khóa: Bính Dần Bính Thân Canh Tuất Bính Tý

Thêm họ (12 nét) lập được quẻ chủ “Địa Thiên Thái”, quẻ biến “Địa Trạch Lâm”, hào 3 phát động.

Thái			Lâm		
Ư	--	Tử Tôn	Dậu kim	--	Tử Tôn
				Dậu kim	Xà
--		Thê Tài	Hợi thủy	--	Thê Tài
				Hợi	thủy Câu
--		Huỳnh Đệ	Sửu thổ	--	Huỳnh Đệ
				Sửu	thổ Tước
T	—	Huỳnh Đệ	Thìn thổ	--	Huỳnh Đệ
				Sửu	thổ Long
	—	Quan Quỷ	Dần mộc	Phụ Ty	—
				Quan Quỷ	Mão mộc Vũ
	—	Thê Tài	Tý thủy	—	Phụ Mẫu
				Ty	hỏa Hổ
THỔ			Không Vong: Dần, Mão		

Khóa này quẻ chủ “Thái”, ứng với quẻ cát, nhưng quái hào hung. Hào 3 Huỳnh Đệ Thìn Thổ trì Thế, là gia chủ, là nền móng, hưu tù tại nguyệt lệnh, tử tại Thái Tuất, bị nhật phá, bây giờ lại động hóa thoái, xuất hiện thông tin gia chủ thọ yếu. Hào 2 Quan Quỷ Dần Mộc lâm Thái Tuất, bây giờ bị nguyệt lệnh xung động hóa tiến thần đến khắc Thế, khóa này rõ ràng có thông tin khắc chủ, Quỷ ở tại Huyền Vũ là bệnh hoạn liên miên, gia chủ ắt vì bệnh tật mà mất mạng. Bây giờ hào Thế Thìn Thổ động khắc Thủy, Thủy chủ thận, gia chủ ứng với bệnh thận hoặc bệnh tật về phương diện huyết dịch.

Ứng kỳ lấy số thể dụng của quẻ biến để xác định, số thể dụng của quẻ biến là số 10 là 10 năm. 10 năm sau là năm Bính Tý, Thái Tuất và nhật khóa nguyệt lệnh và quái hào trở thành Thân Tý Thìn Thủy cục, năm này Thủy không bị khắc, nhưng năm Đinh Sửu 1997 Thủy bị khắc, mà có năm Sửu thì hào Thế động hóa thoái thần, ứng nghiệm xuất hiện tai họa. Tháng 7 (tháng Thân) âm lịch xung động Quan Quỷ Dần Mộc khắc hào Thế, ứng định tháng 7 năm 1997 âm lịch gia chủ mất mạng vì bệnh tật.

Thực tế: Tháng 7 năm 1997 âm lịch, gia chủ chết vì hội chứng thận hư, hưởng thọ 49 tuổi.

Ví dụ 9: Người họ Phan kiến Tuất kiêm Càn trạch tại Huyện Thành vào giờ Tý ngày 19 tháng 9 năm 1994 âm lịch.

Nhật khóa: Giáp Tuất Giáp Tuất Nhâm Ngọ Ất Ty

Lập được quẻ thông tin của năm dụng sự gồm quẻ chủ "Sơn Phong Cổ", quẻ biến "Sơn Thủy Mông", hào 3 phát động.

Cổ	Mông
Ư — Huynh Đệ Dần mộc	— Huynh Đệ Dần mộc Hổ
-- Phụ Mẫu Tý thủy Tử Ty	-- Phụ Mẫu Tý thủy Xà
-- Thê Tài Tuất thổ	-- Thê Tài Tuất thổ Câu
T — Quan Quỷ Dậu kim	-- Tử Tôn Ngọ hỏa Tước
— Phụ Mẫu Hợi thủy	— Thê Tài Thìn thổ Long
-- Thê Tài Sửu thổ	-- Huynh Đệ Dần mộc Vũ

MỘC

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ hào sơ Thê Tài Sửu Thổ, hào 2 Phụ Mẫu Hợi Thủy, hào 3 Quan Quỷ Dậu Kim trì Thế đều là quẻ có hào biến hóa hồi đầu khắc. Gia chủ có thông tin gặp chuyện thị phi kiện tụng, cha mẹ, nhà cửa, đồ nội thất,... bị tổn hại, vợ gặp họa hoặc tai họa thoái tài, lại có hào 5 hào Phụ Mẫu Tý Thủy bị khắc tại nguyệt lệnh và bị nhật kiến Ngọ Hỏa xung phá. Có tai họa cha mẹ nhà cửa hoặc đồ nội thất bị khắc tổn. Nếu như cha mẹ gia chủ không còn, ắt ứng lên nhà cửa hoặc đồ nội thất.

Ứng kỳ tổng hợp lại để xác định. Một là hào sơ Thê Tài Sửu Thổ bị Dần Mộc hóa hồi đầu khắc, định Dần Mộc đương lệnh vào tháng 1 họa thoái tài xuất hiện, 2 là hào 5 Phụ Mẫu Tý Thủy ám động bị khắc, hào 5 là số 5, ứng với 5 tháng sẽ ứng nghiệm nhà cửa chịu tổn hại. Tổng hợp lại xác định được sau dụng sự 5 tháng chính là tháng 1 (tháng Dần). Đầu tiên sẽ ứng nghiệm tai họa thoái tài. Số tiền mất lấy tổng số số thể dụng của quẻ biến và số hào động để xác định. Số thể dụng của quẻ biến là số 11, hào động là số 3, tổng cộng là số 14, bởi vì số thoái tài là lấy số trung bình cộng, nên xác định được số thoái tài là 1400 tệ.

Thực tế: Gia chủ vào tháng 1 năm 1995 khi đang lát gỗ ở tầng 2 trong nhà, bởi vì chốt giữ gỗ bị lỏng, lung lay rơi ra nên tấm gỗ rơi xuống, khiến cho toàn bộ gỗ lát tầng 2 đều rơi hết xuống, tiền mất tật mang, mất tiền phí nguyên liệu tổng cộng hơn 1 nghìn 4 trăm tệ. Sau nữ chủ nhân lại vì bị bệnh mà vào viện, cũng mất một

khoản tiền vào chuyện này, đồng thời gia chủ cũng gặp chuyện thị phi, tóm lại là không cát lợi gì.

Ví dụ 10: Người họ Tạ kiến Ngọ kiêm Đinh trạch vào giờ Dần ngày mùng 4 tháng 5 năm 1989 âm lịch.

Nhật khóa: Kỷ Ty Canh Ngọ Mậu Tuất Giáp Dần

Lập được quẻ thông tin năm dụng sự và thông tin thời gian dài gồm quẻ chủ "Sơn Địa Bác", quẻ biến "Sơn Thủy Mông", hào 2 phát động.

Bác	Mông
— Thê Tài Dần mộc	— Thê Tài Dần mộc Tước
T -- Tử Tôn Tý thủy	-- Tử Tôn Tý thủy Long
-- Phụ Mẫu Tuất thổ	-- Phụ Mẫu Tuất thổ Vũ
-- Thê Tài Mão mộc	-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Hổ
Ư -- Quan Quỷ Ty hỏa	— Phụ Mẫu Thìn thổ Xà
-- Phụ Mẫu Mùi thổ	-- Thê Tài Dần mộc Câu

KIM

Không Vong: Thìn, Ty

Khóa này quẻ chủ hào 5 trê Thế là gia chủ, là con cái, là lục súc, bị khắc tại nhật kiến, bị xung tại nguyệt lệnh, cực kỳ xấu, ắt có tai họa lo lắng thoái tài, tổn lục súc hoặc chủ nhân gặp tai họa. Hào 2 Quan Quỷ Ty Hỏa là thị phi kiện tụng, là bệnh tật triển miên, bây giờ chính là hào lâm Thái Tuế vượng tại nhật lệnh, phát động phản khắc hào Thế, gia chủ ắt gặp thị phi kiện tụng. Hào sơ Phụ Mẫu Mùi Thổ, mặc dù vượng tại Tuế và Nguyệt, nhưng hào quẻ biến hóa hồi đầu khắc khiến cha mẹ, nhà cửa, xe cộ bất lợi, chỉ là ứng kỳ thời gian hơi dài. Ứng kỳ một là lấy số cung (VP: theo Tiên thiên bát quái) mà hai quẻ chủ biến ở tại đó và xác định ứng kỳ. Quẻ chủ ở cung 1 (Càn), quẻ biến ở cung 3 (Ly), tổng cộng là 4 là 4 năm. Hai là lấy Tài tinh Dần Mộc bị khắc gặp tam hình để xác định ứng kỳ thoái tài vào giữa năm. Năm Nhâm Thân 1992, Thái Tuế Thân Kim xung khắc Tài tinh Dần Mộc, lại có Tài tinh Dần Mộc và hào động Quan Quỷ Ty Hỏa và lưu niên Thân Kim cấu thành tam hình, mà dẫn đến có tai họa thị phi kiện tụng nên thoái tài. Ứng kỳ là 4 năm, vừa hay là năm Nhâm Thân 1992, hai loại ứng kỳ khớp với nhau, xác định năm Nhâm Thân 1992 vì cha mẹ hoặc xe cộ dẫn đến thị phi kiện tụng thoái tài.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Thực tế: Gia chủ là tài xế xe cơ giới, năm 1992 vì hợp đồng kinh doanh vận tải mà vướng thị phi kiện tụng mất tiền nghìn tệ, đương nhiên sau khi kiến trạch đã có thông tin lục súc bị thương tổn, con cái không yên. Sau này gia chủ tìm đến tác giả, sau khi làm một vài phương pháp hóa giải nhân định mới bình yên lại chút, những chuyện không tốt khác cũng bình yên hơn.

Ví dụ 11: Người họ Phan động thổ kiến Giáp kiêm Dần trạch vào giờ Mão ngày 26 tháng 11 năm 1989 âm lịch.

Nhật khóa: Kỷ Ty Bính Tý Đinh Ty Quý Mão

Lập được quẻ thời gian dài của khóa này gồm quẻ chủ "Thiên Phong Cấu", quẻ biến "Càn Vi Thiên", hào sơ phát động.

Cấu	Càn
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Phụ Mẫu Tuất thổ Long
— Huynh Đệ Thân kim	— Huynh Đệ Thân kim Vĩ
Ư — Quan Quỷ Ngọ hỏa	— Quan Quỷ Ngọ hỏa Hổ
— Huynh Đệ Dậu kim	— Phụ Mẫu Thìn thổ Xà
— Tử Tôn Hợi thủy Tài Dần	— Thê Tài Dần mộc Câu
T — Phụ Mẫu Sửu thổ	— Tử Tôn Tý thủy Tước

KIM

Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này quẻ chủ "Thiên Phong Cấu" là quẻ không cát cho hôn nhân, hào sơ Phụ Mẫu Sửu Thổ vượng tại Thái Tuế và nhật kiến, động khắc hào 2 Tử Tôn Hợi Thủy, lại có hào 2 Tử Tôn Hợi Thủy bị Thái Tuế xung phá, ắt có tai họa tổn hại lục súc, tổn hại con trai. Hào 4 âm Ứng có Bạch Hổ ở tại đó, bị nguyệt lệnh xung động, có thông tin hung thương hiếu phục, Giáp sơn gia là trưởng nam, là ứng nghiệm con trai lớn gặp tai họa. Ứng kỳ vào lúc Tử Tôn Hợi Thủy đã nhập mộ mà còn bị khắc, ứng nghiệm vào năm Giáp Tuất 1994.

Thực tế: Tháng 6 năm 1994 âm lịch, lưu niên Thái Tuế và lưu nguyệt cùng hào thế Sửu Thổ hình thành tam hình, hình khởi vượng Thổ mà khắc Tử Tôn Hợi Thủy, con trai gia chủ ở vị trí hướng Đông vì gặp sự cố mà mất mạng, hưởng thọ 32 tuổi. Người mất đã kết hôn, sinh được một gái một trai, sau khi tác giả dự đoán về thông tin vận mệnh của vợ và con cái xong biết cả hai đều có thông tin khắc chồng khắc cha nghiêm trọng. Bởi vì thông tin

nhật khóa hung và thông tin hung của vợ, con cái phát sinh hiệu ứng đồng bộ, mà dẫn đến xuất hiện tai họa đại hung.

Ví dụ 12: Người họ Lê mẫu kiến Càn kiêm Hợi trạch vào giờ Dần ngày 27 tháng 10 năm 1984 âm lịch.

Nhật khóa: Giáp Tý Bính Tý Đinh Hợi Nhâm Dần

Lập được quẻ thời gian dài với quẻ chủ "Thủy Thiên Nhu" và quẻ biến "Địa Thiên Thái", hào 5 phát động.

Nhu	Thái
-- Thê Tài Tý thủy	-- Tử Tôn Dậu kim Long
— Huynh Đệ Tuất thổ	-- Thê Tài Hợi thủy Vũ
T -- Tử Tôn Thân kim	-- Huynh Đệ Sửu thổ Hổ
— Huynh Đệ Thìn thổ	— Huynh Đệ Thìn thổ Xà
— Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ty	— Quan Quỷ Dần mộc Câu
Ư — Thê Tài Tý thủy	— Thê Tài Tý thủy Tước
THỔ	Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này hai quẻ chủ biến đều là quẻ cát, nhưng quái hào lại không cát. Quẻ chủ hào 4 là hào Thế Tử Tôn Thân Kim, là gia chủ, là con trai, là nền móng, hưu tù tại Thái Tuế và Nguyệt lệnh, bị xung tại thời thần, vô cùng suy yếu, bây giờ lại nhập mộ khố, thông tin gia chủ thọ yếu xuất hiện trong quẻ, bởi có quẻ Càn là cha, là quân, cho nên ứng vào gia chủ thọ yếu. Hào 5 Huynh Đệ Tuất Thổ có Bạch Hổ ở tại đó, vốn muốn động sinh hào thế, nhưng ngược lại hóa xuất Thê Tài Hợi Thủy tiết cạn nguyên khí của hào thế, Bạch Hổ phát động ắt có hung thương hiếu phục, ứng nghiệm vào năm Tuất Hợi. Khóa này còn xuất hiện thông tin khắc chủ. Giờ lại có hào Thế là gia chủ tiết khí cho hào vượng Thủy, Thủy chủ thận, ắt hẳn gia chủ vì mắc bệnh liên quan thận mà thọ yếu. Ứng kỳ lấy số thể dụng quẻ biến và năm Bạch Hổ trực phùng để xác định. Số thể dụng quẻ biến là số 9, nhưng Bạch Hổ động năm Tuất Hợi số 10, 11, lấy ở giữa, 10 năm là hợp lý nhất. Năm Giáp Tuất 1994 ứng nhiệm xuất hiện tai họa khắc gia chủ. Bởi vì năm Giáp Tuất 1994 và ứng kỳ khi dùng tứ trụ xác định đồng bộ với nhau.

Thực tế: Gia chủ đúng là vào tháng 2 (tháng Mão) năm Giáp Tuất 1994 âm lịch, tháng nguyệt chi hợp, gia chủ chết do hội chứng thận hư. Sau tác giả lại dự đoán thông tin vận mệnh của vợ

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

và con cái gia chủ, cũng phát hiện ra thông tin hung, khắc chồng khắc cha, vừa hay là vào đúng năm 1994 hung tai đến, những loại thông tin hung đồng bộ với nhau, làm gì mà không hại đến gia chủ cho được.

Ví dụ 13: Người họ Thái xây dựng Khôn kiêm Thân trạch vào giờ Tý ngày mùng 3 tháng 1 năm 1995 âm lịch. (Bởi vì mùng 5 tháng 1 mới giao với Lập Xuân năm Ất Hợi, nên ngày mùng 3 tháng 1 vẫn nói theo tháng 12 năm Giáp Tuất).

Nhật khóa: Giáp Tuất Đinh Sửu Giáp Tý Giáp Tý

Lập được quẻ năm dụng sự với quẻ chủ “Sơn Địa Bác” quẻ biến “Hỏa Địa Tấn”, hào 4 phát động.

Bác				Tấn			
—	Thê Tài	Dần	mộc	—	Quan Quỷ Ty	hỏa	Vũ
T —	Tử Tôn	Tý	thủy	—	Phụ Mẫu	Mùi	thổ
—	Phụ Mẫu	Tuất	thổ	—	Huỳnh Đệ	Dậu	kim
—	Thê Tài	Mão	mộc	—	Thê Tài	Mão	mộc
Ư —	Quan Quỷ Ty	hỏa		—	Quan Quỷ Ty	hỏa	Tước
—	Phụ Mẫu	Mùi	thổ	—	Phụ Mẫu	Mùi	thổ

KIM

Không Vong: Tuất, Hợi

Quẻ chủ hào Thế Tử Tôn Tý Thủy, là con cái, là lục súc, bởi vì dụng sự quẻ Khôn, cũng là nữ chủ nhân. Bây giờ mặc dù vượng tại nhật kiến, nhưng bị khắc tại Thái Tuế và nguyệt lệnh, giờ có hào 4 Phụ Mẫu Tuất Thổ là hào lâm Thái Tuế có Đằng Xà ở đó, Thổ động khắc hào Thế, lại có Bạch Hổ ở tại hào Thế hóa Phụ Mẫu Mùi Thổ hời đầu khắc, hào Thế hữu tử vô sinh. Khóa này xuất hiện thông tin khắc nữ chủ nhân và tổn hại lục súc. Ứng kỳ lấy số hào động để xác định, là 4 ngày (không phải 4 tháng, bởi vì giao năm Ất Hợi hào Thế được Thái Tuế Hợi Thủy đến vượng).

Thực tế: Khóa này sau khi dụng sự vào mùng 6 tháng 1 năm 1995 âm lịch vừa đúng 4 ngày, nữ chủ nhân chết, khiến cho năm mới đang vui vẻ lại biến thành một cái tết đau thương, thực tại khiến cho người ta đau lòng vô cùng.

Ví dụ 14: Người họ Diêu động thổ xây căn nhà 2 tầng, tọa Cấn kiêm Sửu trạch vào giờ Tý ngày 15 tháng 11 năm 1994 âm lịch.

Nhật khóa: Giáp Tuất Bính Tý Đinh Sửu Ất Tý

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Phong Hỏa Gia Nhân" quẻ biến "Phong Sơn Tiệm", hào sơ phát động.

Gia Nhân		Tiệm	
—	Huỳnh Đệ Mão mộc	—	Huỳnh Đệ Mão mộc Long
Ư	— Tử Tôn Ty hỏa	—	Tử Tôn Ty hỏa Vũ
--	Thê Tài Mùi thổ	--	Thê Tài Mùi thổ Hổ
—	Phụ Mẫu Hợi thủy	—	Quan Quỷ Thân kim Xà
T	-- Thê Tài Sửu thổ	--	Tử Tôn Ngọ hỏa Câu
—	Huỳnh Đệ Mão mộc	--	Thê Tài Thìn thổ Tước

MỘC

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này hào sơ Huỳnh Đệ Mão Mộc vượng tại nguyệt lệnh động khắc hào Thê Tài Sửu Thổ (hào Thế mặc dù là lâm nhật kiến, nhưng hưu tù tại nguyệt lệnh) ắt nữ chủ nhân gặp tai họa hoặc có tai họa thoái đại tài. Hào Ứng Tử Tôn Ty Hỏa là nguyên thần của Tài, nhập mộ tại Thái Tuế, bị khắc tại nguyệt lệnh, hưu tù tại nhật kiến, là Tử Tôn gặp họa hoặc có tai họa thoái tài. Hào 4 Thê Tài Mùi Thổ và nhật kiến với Thái Tuế cấu thành tam hình, nữ chủ nhân gặp tai họa hoặc thoái tài. Khóa này ít nhất có hai lần thoái tài, bởi vì thần kiếp tài Huỳnh Đệ Mão Mộc vượng mà tài suy nhược, ắt thoái đại tài. Ứng kỳ của thoái tài lấy tháng kỵ thần Mão Mộc đương lệnh là tháng Tý và tháng 2, ứng nghiệm tháng 1, 2.

Thực tế: Gia chủ sau khi dụng sự vào đầu tháng 12 (là tháng 1 nguyệt lệnh) thoái tài hết 2 nghìn tệ. Tháng 1 năm 1995 âm lịch, vợ của gia chủ đi rút tiền tiết kiệm khoảng 2 nghìn tệ tiền mặt, trên đường về nhà bị cướp mất, sau này báo án cũng không cách nào mà bắt cướp đòi lại tiền được.

Ví dụ 15: Người họ La mẩu dọn vào ở Càn kiêm Hợi trạch vào giờ Dần ngày mùng 3 tháng 11 năm 1982 âm lịch.

Nhật khóa: Nhâm Tuất Nhâm Tý Giáp Tuất Bính Dần

Lập được quẻ thời gian dài với quẻ chủ "Sơn Trạch Tổn", quẻ biến "Sơn Lôi Di", hào 2 phát động.

	Tổn		Di
Ư	— Quan Quỷ Dần mộc	—	Quan Quỷ Dần mộc Vũ
	-- Thê Tài Tý thủy	--	Thê Tài Tý thủy Hổ
	-- Huynh Đệ Tuất thổ	--	Huynh Đệ Tuất thổ Xà
T	-- Huynh Đệ Sửu thổ	--	Huynh Đệ Thìn thổ Câu
	— Quan Quỷ Mão mộc	--	Quan Quỷ Dần mộc Tước
	— Phụ Mẫu Ty hỏa	—	Thê Tài Tý thủy Long

THỔ

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ "Sơn Trạch Tổn", là quẻ xấu nhất, có ý nghĩa thương tổn hao tổn, là quẻ thuộc cung Cấn, ngũ hành thuộc Thổ. Quẻ biến "Sơn Lôi Di" cũng là quẻ không tốt, quẻ thuộc cung Tổn, ngũ hành thuộc Mộc, bây giờ đại tượng hóa hồi đầu khắc, càng không tốt nữa.

Hào sơ Phụ Mẫu Ty Hỏa, bị khắc tại nguyệt lệnh, nhập mộ khố tại Thái Tuế và nhật kiến, lại có hào Thê Tài Tý Thủy vượng hóa hồi đầu khắc, Phụ Mẫu hữu tửu vô sinh ất khắc cha (Càn là dương, là cha), ứng nghiệm trong năm dụng sự. Hào 2 Quan Quỷ Mão Mộc, vượng tại nguyệt lệnh mà động khắc hào Thế, mặc dù động hóa thoái nhưng cũng không giải bớt được vượng khí. Khóa này xuất hiện thông tin cực hung trong quái hào, có hai lần khắc chủ. Ứng kỳ khắc chủ thời gian dài, một là lấy số bình quân tổng số thể dụng của hai quẻ chủ biến để xác định ứng kỳ, tổng số hai quẻ chủ biến là 20, số bình quân là 10, xác định sau dụng sự 10 năm khắc chủ. Lại dùng hào động hóa xuất năm tháng tam hợp của Dần Mộc để xác định. Năm Canh Ngọ hào thế vượng, lại không đủ 10 năm, chỉ có năm Giáp Tuất 1994 là chuẩn. Một là năm Giáp Tuất vừa hay là 10 năm sau dụng sự, 2 là năm tam hợp của Dần Mộc, 3 là năm Tuất và hào thế hóa xuất Thìn Thổ cấu thành 3 Tuất xung 1 Thìn, gia chủ làm gì mà không gặp họa cho được. Cho nên, khóa này ngoại trừ tháng 12 năm dụng sự có thông tin khắc cha ra, lại có sau dụng sự 10 năm chính là năm Giáp Tuất 1994 có thông tin

hung khắc chủ. Lại có khóa này Quan tinh là kỵ thần, ấn tinh bị khắc, hậu thế của gia chủ khó mà xuất hiện người học cao làm quan.

Thực tế: Người họ La tại năm vào nhà mới, ở tháng 12 năm đó cha tạ thế, lại có tháng 5 năm Giáp Tuất 1994 âm lịch, người họ La tạ thế, hưởng thọ 47 tuổi. Sau này tác giả lại dự đoán thông tin vận mệnh của vợ con của người họ La. Đều có thông tin hung khắc chồng khắc cha. Lại có dụng sự nhật khóa khắc chủ, gia chủ liên tục bị khắc, lại không được cao nhân giúp đỡ hóa giải, người họ La sao mà thoát được?

Ví dụ 16: Người họ Chu vào ở Nhâm kiêm Tý trạch vào giờ Mão ngày 17 tháng 12 năm 1993 âm lịch.

Nhật khóa: Quý Dậu Ất Sửu Giáp Dần Đinh Mão

Lập được quẻ năm dụng sự và quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Sơn Hỏa Bí", quẻ biến "Sơn Lôi Di", hào 3 phát động.

Bí	Di
— Quan Quỷ Dần mộc	— Quan Quỷ Dần mộc Vũ
-- Thê Tài Tý thủy	-- Thê Tài Tý thủy Hổ
Ư -- Huynh Đệ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Tuất thổ Xà
— Thê Tài Hợi thủy Tử Thân	-- Huynh Đệ Thìn thổ Câu
-- Huynh Đệ Sửu thổ Phụ Ngọ	-- Quan Quỷ Dần mộc Tước
T — Quan Quỷ Mão mộc	— Thê Tài Tý thủy Long
THỔ	Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này quẻ chủ "Sơn Hỏa Bí", là quẻ lục hợp là cát, quẻ cung Cấn, ngũ hành thuộc Thổ, vượng tại nguyệt lệnh vốn là quẻ cát, nhưng quái hào không cát, lại bị đại tượng của "Sơn Lôi Di" là quẻ cung Tốn ngũ hành thuộc Mộc hóa hồi đầu khắc, cũng là cát ít. Hào sơ Quan Quỷ Mão Mộc trì Thế, vốn vượng tại nguyệt và nhật kiến, nhưng bị Thái Tuế Dậu Kim xung nên là đại hung, may mà được hào động và biến xuất Tài tinh Hợi Thủy trợ giúp, nếu không thật sự không thể tưởng tượng nổi, nhưng gia chủ gặp chuyện thị phi kiện tụng và mất chức giáng chức thì khó mà tránh được. Hào 3 Thê Tài Hợi Thủy hữu khí, được Thái Tuế sinh, vốn là cát. Nhưng động mà hóa Huynh Đệ Thìn Thổ hồi đầu khắc, ắt có tai họa vợ bị thương tổn hoặc thoái tài, Thê Tài gặp phải họa vào năm thứ 2 ứng

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

nghiệm tháng 3 đến tháng 6, mất chức giáng chức hoặc gia chủ gặp họa sẽ ứng nghiệm vào nửa cuối năm. Toàn bộ tài khắc kiếp lúc ký thần vào tháng đương lệnh mà xảy ra tai họa.

Thực tế: Gia chủ sau dụng sự từ tháng 3 năm 1994 âm lịch, đầu tiên là vợ bị tai nạn gãy tay, sau lại bị trộm mất một chiếc xe phượng hoàng mới mua, mất một khoản tiền lớn. Nửa cuối năm 1994, lại vì gia chủ bị nghi ngờ về vấn đề kinh doanh mà mất chức, chỉ còn làm một người công nhân bình thường.

Ví dụ 17: Người họ Phan xây nhà bếp tại phương Nhâm Tý Quý vào giờ Mùi ngày 18 tháng 3 năm 1995 âm lịch.

Nhật Khóa: Ất Hợi Canh Thìn Mậu Dần Kỷ Mùi

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Càn Vi Thiên" quẻ biến "Hỏa Thiên Đại Hữu", hào 5 phát động.

Càn				Đại Hữu			
T	—	Phụ Mẫu	Tuất thổ	—	Quan Quỷ	Ty hỏa	Tước
	—	Huỳnh Đệ	Thân kim	—	Phụ Mẫu	Mùi thổ	Long
	—	Quan Quỷ	Ngo hỏa	—	Huỳnh Đệ	Dậu kim	Vũ
Ư	—	Phụ Mẫu	Thìn thổ	—	Phụ Mẫu	Thìn thổ	Hổ
	—	Thê Tài	Dần mộc	—	Thê Tài	Dần mộc	Xà
	—	Tử Tôn	Tý thủy	—	Tử Tôn	Tý thủy	Câu

KIM

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ "Càn Vi Thiên", hào sơ Tử Tôn Tý Thủy, nhập mộ ở nguyệt lệnh, là con cái bất lợi hoặc tổn hại lục súc. Hào 5 Huỳnh Đệ Thân Kim vượng tại nguyệt lệnh phát động, lại hóa Mùi Thổ hồi đầu sinh, có thông tin thoái tài tương đối lớn. Ứng kỳ thoái tài lấy hào động để xác định, bởi vì là ngày Tam sát, sẽ ứng nghiệm trong vòng 5 ngày. Lại lấy số quẻ của động biến xuất xác định ứng kỳ, quẻ Càn biến quẻ Ly, Ly là 3, xác định 3 đến 5 ngày ứng kỳ. Số lượng thoái tài lấy số thể dụng của quẻ biến xác định, số thể dụng quẻ biến là số 4, thoái tài khoảng 4 trăm tệ.

Thực tế: Gia chủ ngày thứ 3 sau dụng sự, chết mất một con gà trống lớn; sau dụng sự ngày thứ 5, bị mất một bộ xe phượng hoàng mới mua khi đi đến Bát Thành và một cái rìu, giá trị khoảng 400 tệ.

Ví dụ 18: Người họ Hoàng xây trại heo ở vị trí hướng Tây vào giờ Thân ngày mùng 8 tháng 1 năm 1995 âm lịch.

Nhật khóa: Ất Hợi Mậu Dần Kỷ Ty Nhâm Thân

Lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Sơn Địa Bác", quẻ biến "Sơn Thủy Mông", hào 2 phát động.

	Bác		Mông	
	— Thê Tài	Dần mộc	— Thê Tài	Dần mộc Câu
T	-- Tử Tôn	Tý thủy	-- Tử Tôn	Tý thủy Tước
	-- Phụ Mẫu	Tuất thổ	-- Phụ Mẫu	Tuất thổ Long
	-- Thê Tài	Mão mộc	-- Quan Quỷ	Ngọ hỏa Vũ
Ư	-- Quan Quỷ	Ty hỏa	-- Phụ Mẫu	Thìn thổ Hổ
	-- Phụ Mẫu	Mùi thổ	-- Thê Tài	Dần mộc Xà
	KIM		Không Vong: Tuất, Hợi	

Ngày xây trại heo ngoài dựa theo phương diện tu sửa mà nói, còn ứng với nhật khóa câu tài để nói. Lấy hào Tử Tôn và hào Tài là dụng thần. Cần có nhất là hào Tử Tôn và hào Tài vượng tướng, ngày sau mới nuôi heo làm giàu được. Khóa này quẻ chủ hào Thế Tử Tôn Tý Thủy, vượng tại Thái Tuế, là hào Tử Tôn vượng. Hào 3 Thê Tài Mão Mộc, hào 6 Thê Tài Dần Mộc đều là hào lâm nguyệt lệnh và vượng tại Thái Tuế, là Tài tinh cực vượng, khóa này nuôi heo mau lớn chóng giàu, là khóa cát. Nhưng bởi vì phương vị dụng sự là phương Thái Tuế Tam sát, mặc dù thông tin quái hào đều là cát, nhưng gia chủ phúc lực không đủ cũng sẽ có hiện tượng tổn hại gia súc, nhưng ngày sau ắt được tiền tài bất ngờ và phát tài.

Thực tế: Khóa này vào ngày dụng sự, chết mất một con gà con, nhưng sau đó nhiều lần có được tiền tài bất ngờ đến tầm 60-70 tệ, sau khi đưa heo vào chuồng nuôi, chúng rất ngoan, ăn ngon ngủ kỹ. Mà còn biết đi vệ sinh đúng nơi đúng chỗ, chuồng heo rất sạch sẽ, một tuần cũng không cần phải rửa chuồng lấy 1 lần. Gia chủ dùng chuồng nuôi heo, heo lớn rất nhanh, mà lúc bán heo cũng được giá cao, được nhiều tiền hơn.

Ví dụ 19: Người họ Phan động thổ tại phương vị Nhâm Tý Quý xây trại heo vào giờ Dần ngày mùng 5 tháng 8 năm 1995 âm lịch.

Nhật khóa: Ất Hợi Giáp Thân Quý Ty Giáp Dần

Lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Sơn Trạch Tốn", quẻ biến "Địa Trạch Lâm", hào 6 phát động.

Tốn	Lâm
Ư — Quan Quỷ Dần mộc	-- Tử Tôn Dậu kim Hổ
-- Thê Tài Tý thủy	-- Thê Tài Hợi thủy Xà
-- Huynh Đệ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Câu
T -- Huynh Đệ Sửu thổ Tử Thân	-- Huynh Đệ Sửu thổ Tước
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Long
— Phụ Mẫu Ty hỏa	— Phụ Mẫu Ty hỏa Vũ

THỔ

Không Vong: Ngọ, Mùi

Ngày xây trại heo ngoài dựa theo phương diện tu sửa cải tạo mà nói, còn ứng với nhật khóa nuôi gia súc cầu tài để mà nói, lấy hào Tử Tôn và hào Thê Tài làm dụng thần, cần nhất là hào Tử Tôn và hào Thê Tài ở vị trí vượng tướng. Khóa này quẻ chủ Sơn Trạch Tốn vốn là không cát, nhưng dụng sự kiến tạo chuồng gia súc mới, chủ yếu cần dụng thần được sinh vượng, còn lại không cần để ý. Bây giờ hào 6 Quan Quỷ Dần Mộc vốn muốn động khắc hào Thê, nhưng bị nguyệt lệnh xung phá kiêm động hóa Tử Tôn Dậu Kim hồi đầu khắc, không gây hại gì, cho nên là cát. Tử Tôn Thân Kim là phục thần, là hào nguyệt lệnh, phục được sinh phù là hào Tử Tôn vượng. Hào 5 Thê Tài Tý Thủy, vượng tại Thái Tuế và nguyệt lệnh, lại hóa xuất Thê Tài Hợi Thủy vượng tướng, là Tài tinh cực vượng. Quẻ khóa này là quẻ khóa cát, nuôi heo ắt sẽ lớn nhanh, bán được giá cao. Tập trung được nhiều nguyên tố tốt cho chăn nuôi, thêm cả quản lý khoa học của Hậu thiên, ắt có thể giàu lên từ nuôi heo.

Thực tế: Gia chủ trong khi xây dựng trại heo tất cả đều thuận lợi, sau khi thả heo vào chuồng, heo ngoan ngoãn, ăn no ngủ kỹ, đồng thời cũng tự đi vệ sinh đúng chỗ, trại heo sạch sẽ. Gia chủ hồi báo có nói, dùng trại heo nuôi heo, heo lớn nhanh, càng khiến cho gia chủ kinh ngạc hơn chính là, cứ hễ là heo anh ta nuôi, giá bán sẽ cao hơn, bán được giá tốt.

(Chú ý: Quẻ của khóa này dùng để tạo táng không cát).

Ví dụ 20: Người họ Hoàng để động thổ xây bếp ở vị trí Nhâm Tý Quý phương vào giờ Tý ngày 25 tháng 8 năm 1995 âm lịch.

Nhật khóa: Ất Hợi Ất Dậu Quý Sửu Nhâm Tý

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Phong Thủy Hoán", quẻ biến "Thiên Thủy Tụng", hào 4 phát động.

Hoán	Tụng
— Phụ Mẫu Mão mộc	— Tử Tôn Tuất thổ Hổ
T — Huynh Đệ Tý hỏa	— Thê Tài Thân kim Xà
— Tử Tôn Mùi thổ Tài Dậu	— Huynh Đệ Ngọ hỏa Câu
— Huynh Đệ Ngọ hỏa Quan Hợi	— Huynh Đệ Ngọ hỏa Tước
Ư — Tử Tôn Thìn thổ	— Tử Tôn Thìn thổ Long
— Phụ Mẫu Dần mộc	— Phụ Mẫu Dần mộc Vũ

HỎA

Không Vong: Dần, Mão

Khóa này quái hào 5 Huynh Đệ Tý Hỏa trì Thế, bị hào Thái Tuế xung phá tuy rằng hợp với hào của quẻ biến, nhưng vẫn không thuận lợi cho gia chủ, có chuyện kinh hãi xảy ra. Hào 4 Tử Tôn Mùi Thổ cùng với nhật kiến Sửu Thổ và hào 6 Phụ Mẫu Mão Mộc hóa xuất Tử Tôn Tuất Thổ, tạo thành Mùi Sửu Tuất tam hình, lại có Bạch Hổ ở tại đó, không có lợi cho con cái, hoặc có chuyện tổn hại lục súc thoái tài.

Ứng kỳ xảy ra tai họa lấy số bình quân thể dụng của hai quẻ chủ biến để xác định, bình quân là số 10, ứng trong 10 ngày ứng nghiệm.

Thực tế: Gia chủ trong 10 ngày sau khi dụng sự, xuất hiện nhân đinh bất an, gia chủ cũng không thuận lợi, sau lại chết mất một con heo, mất hơn 500 tệ.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 21: Người họ Mông động thổ kiến Canh kiêm Dậu trạch vào giờ Sửu ngày 11 tháng 8 năm 1994 âm lịch.

Nhật khóa: Giáp Tuất Quý Dậu Ất Ty Đinh Sửu

Lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Lôi Thủy Giải", quẻ biến "Địa Thủy Sư", hào 4 phát động.

Giải

Sư

-- Thê Tài Tuất thổ

-- Quan Quỷ Dậu kim Vũ

Ư -- Quan Quỷ Thân kim

-- Phụ Mẫu Hợi thủy Hổ

-- Tử Tôn Ngọ hỏa

-- Thê Tài Sửu thổ Xà

-- Tử Tôn Ngọ hỏa

-- Tử Tôn Ngọ hỏa Câu

T -- Thê Tài Thìn thổ

-- Thê Tài Thìn thổ Tước

-- Huynh Đệ Dần mộc

-- Huynh Đệ Dần mộc Long

MỘC

Không Vong: Dần, Mão

Khóa này quẻ chủ và quẻ biến đều là quẻ cát, mà đại tượng hóa hồi đầu sinh, là đại cát. Hào 2 Thê Tài Thìn Thổ tri Thế là tài, là gia chủ, là cơ sở nền móng, vượng tại nhật kiến, hợp tại nguyệt lệnh, mặc dù xung với Thái Tuế Tuất Thổ, hào Thổ xung phản vượng cũng là cát. Tử Tôn Ngọ Hỏa vượng tại nhật kiến, bây giờ phát động sinh hào Tài, là đỉnh tài lưỡng vượng. Hào 5 Quan Quỷ Thân Kim vượng tại nguyệt lệnh và Thái Tuế, mặc dù Tử Tôn phát động tương khắc, nhưng hóa xuất Thê Tài Sửu Thổ phản sinh, là Quan vượng, có thăng quan tiến chức, hào đẹp, khóa này có cách cục cát, đỉnh tài đều vượng.

Thực tế: Sau khi gia chủ dụng sự tất cả đều thuận lợi, cùng phát đình lần phát tài. Không lâu sau lại từ thôn quê được điều đến huyện cục nhận chức, chức quan có thay đổi, khóa này là một khóa hiếm có, ít gặp được khóa thượng cát như này.

Ví dụ 22: Người họ Lương xây dựng Khôn kiêm Thân trạch vào giờ Mão ngày mùng 4 tháng 10 năm 1994 âm lịch.

Nhật khóa: Giáp Tuất Giáp Tuất Bính Thân Tân Mão

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thiên Phong Cấu", quẻ biến "Hỏa Phong Đỉnh", hào 5 phát động.

Cấu	Đỉnh
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Quan Quỷ Ty hỏa Long
— Huynh Đệ Thân kim	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Vũ
Ư — Quan Quỷ Ngọ hỏa	— Huynh Đệ Dậu kim Hồ
— Huynh Đệ Dậu kim	— Huynh Đệ Dậu kim Xà
— Tử Tôn Hợi thủy Tài Dần	— Tử Tôn Hợi thủy Câu
T -- Phụ Mẫu Sửu thổ	-- Phụ Mẫu Sửu thổ Tước
KIM	Không Vong: Thìn, Ty

Khóa này hào 5 hào Huynh Đệ Thân Kim vượng tại nhật nguyệt và phát động hóa hồi đầu sinh, ắt có thông tin thoát đại tài. Hào biến Mùi Thổ cùng nguyệt lệnh và hào sơ Sửu Thổ trì Thế cấu thành tam hình, mà hào biến có Huyền Vũ ở tại đó, ắt bất lợi cho gia chủ, có chuyện ám vị hoặc có bệnh tật. Khóa này rõ ràng có thông tin gia chủ có chuyện ám vị hoặc bị bệnh tật mà thoát đại tài. Ứng kỳ lấy số hào động, số thể dụng của quẻ biến để xác định. Hào động có số là số 5, là 5 tháng, số thể dụng của quẻ biến là 8, là 8 tháng, có thể xác định sau dụng sự từ 5 tháng đến 8 tháng tai họa sẽ ứng nghiệm.

Thực tế: Gia chủ sau khi dụng sự tháng 1 năm 1995 cảm thấy cơ thể không thoải mái, đến tháng 4 âm lịch cảm thấy không chịu nổi nữa, phải đưa đến ở lại bệnh viện nằm viện mấy tháng liền, sau khi ra viện vẫn phải đi cầu bác sĩ khắp nơi, tiêu hao hết hơn 1 vạn 5 nghìn tệ. Bởi vì gia chủ nghĩ việc không mua bảo hiểm, nên tất cả viện phí đều do gia chủ tự mình lấy tiền túi ra trả.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 23: Người họ Hoàng động thổ xây nhà bếp tại hướng Bắc vào giờ Tý ngày 22 tháng 7 năm 1995 âm lịch.

Nhật khóa: Ất Hợi Giáp Thân Canh Thìn Tân Ty

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thiên Sơn Độn", quẻ biến "Hỏa Sơn Lữ" hào 5 phát động.

Độn	Lữ
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Quan Quỷ Ty hỏa Xà
Ư — Huynh Đệ Thân kim	— Phụ Mẫu Mùi thổ Câu
— Quan Quỷ Ngọ hỏa	— Huynh Đệ Dậu kim Tước
— Huynh Đệ Thân kim	— Huynh Đệ Thân kim Long
T — Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Dần	— Quan Quỷ Ngọ hỏa Vũ
— Phụ Mẫu Thìn thổ Tử Tý	— Phụ Mẫu Thìn thổ Hổ
KIM	Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ hào 5 Huynh Đệ Thân Kim vượng tại nguyệt lệnh phát động, ắt có tai họa thoái tài, nếu như gia chủ phúc lực ít, ắt sẽ thoái đại tài.

Thực tế: Gia chủ sau khi dụng sự không lâu đã mất 100 tệ. Sau còn bị trộm vào nhà lấy mất đồ đạc, may mà gia chủ vẫn chưa dọn đến ở hẳn, nên không mất gì đáng giá, cho nên tổn thất không nhiều. Đây là gia chủ phúc khí lớn, cho nên, dù bị trộm cắp dòn ngó, nhưng âm mưu không thành công. Nếu như gia chủ phúc bạc, hậu quả không thể tưởng nổi.

Ví dụ 24: Người họ Phan dọn vào ở Tân kiêm Dậu trạch vào giờ Tý ngày mùng 8 tháng 12 năm 1998 âm lịch.

Nhật khóa: Mậu Dần Ất Sửu Bính Tý Mậu Tý

Thêm họ (16 nét) lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Sơn Địa Bác", quẻ biến "Hỏa Địa Tấn", hào 4 phát động.

Bác	Tấn
— Thê Tài Dần mộc	— Quan Quỷ Ty hỏa Long
T -- Tử Tôn Tý thủy	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Vũ
-- Phụ Mẫu Tuất thổ	— Huynh Đệ Dậu kim Hồ
-- Thê Tài Mão mộc	-- Thê Tài Mão mộc Xà
Ư -- Quan Quỷ Ty hỏa	-- Quan Quỷ Ty hỏa Câu
-- Phụ Mẫu Mùi thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Tước

KIM

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ hào 5 Tử Tôn Tý Thủy trì Thế là hào lâm nhật kiến, lục hợp tại nguyệt lệnh, vốn là cát. Nhưng lại bị hào 4 Phụ Mẫu Tuất Thổ vượng tại nguyệt kiến động khắc Thế, lại còn bị quẻ biến có hào Phụ Mẫu Mùi Thổ hóa hồi đầu khắc thế, gia chủ hoặc con trai hoặc lục súc ắt gặp họa. Bởi vì dụng sự tại quẻ Đoài, Đoài là thiếu nữ, không có thiếu nữ ắt ứng thiếu nam gặp họa. Phụ Mẫu là trưởng bối, người lớn, là nhà cửa, là xe cộ (biến xuất Dậu Kim là thiếu nam) ắt nhà cửa hoặc xe cộ phạm vào thị phi kiện tụng mà gặp tai họa. Ứng kỳ tai họa là khi kỵ thần trực lệnh tháng 9 năm 1999.

Thực tế: Gia chủ chỉ có 2 người con trai, không có con gái. Tháng 9 năm 1999 âm lịch, bị cơ quan công an bắt giữ vì có liên quan đến một tên trộm xe trong thôn. Nguyên nhân là như thế này, con trai thứ hai của gia chủ đã mua một chiếc xe máy giá 900 tệ từ tên ăn trộm xe trong thôn, sau vì tiền xây nhà không đủ nên đã bán chiếc xe đó cho người khác với giá 910 tệ. Sau đó tên trộm bị bắt, vì chuyện đó mà bị liên lụy, cho nên bị giam giữ. Phải đến cơ quan công an nộp phạt 1000 tệ mới được thả, gia chủ có nhờ một cậu thanh niên trong thôn cầm số tiền giúp nộp lên cơ quan công an, nhưng cậu thanh niên này đem số tiền đó đi đánh bạc thua (sau có đến Quảng Đông để đòi lại khoản tiền, nhưng lại gặp tai nạn xe mất mạng), không nộp tiền phạt lên, đến hạn mà vẫn chưa

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

nộp tiền phạt, con trai thứ 2 của gia chủ phải ở lại trại giam, không được thả, đáng thương vô cùng.

Ví dụ 25: Người họ Phan mẫu vào ở Canh kiêm Dậu trạch vào giờ Thìn ngày 24 tháng 8 năm 1985 âm lịch.

Nhật khóa: Ất Sửu Ất Dậu Canh Thìn Canh Thìn

Thêm họ (16 nét) lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Trạch Sơn Hàm", quẻ biến "Trạch Hỏa Cách", hào sơ phát động.

Hàm	Cách
Ư -- Phụ Mẫu Mùi thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Xà
-- Huynh Đệ Dậu kim	-- Huynh Đệ Dậu kim Câu
-- Tử Tôn Hợi thủy	-- Tử Tôn Hợi thủy Tước
T -- Huynh Đệ Thân kim	-- Tử Tôn Hợi thủy Long
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Phụ Mẫu Sửu thổ Vũ
-- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Thê Tài Mão mộc Hổ

KIM

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ hào sơ Phụ Mẫu Thìn Thổ mặc dù là hào lâm nhật kiến, nhưng động mà hóa phá hóa hồi đầu khắc, có thông tin khắc tổn cha mẹ xuất hiện trong quẻ, lại có Bạch Hổ ở đó phát động, ắt có hung thương hiếu phục. Bởi vì hào Phụ Mẫu Thìn Thổ động hóa ra Tài tinh Mão Mộc hóa hồi đầu khắc, nhưng hào biến ở năm dụng sự lại ở trạng thái hưu tù, không cách nào có sức mạnh để khắc hào động, nhưng một khi giao tháng Giêng năm Bính Dần 1986, khắc thần Dần Mão Thìn hội cục thành công và đương lệnh, cha ắt sẽ mất mạng không nghi ngờ gì. Nguyên nhân khiến cho cha bị mất mạng là vì hung thương. Bởi vì Bạch Hổ chủ hung thương, động ắt sẽ gặp họa máu chảy.

Thực tế: Tháng Giêng năm Bính Dần 1986 âm lịch, cha của gia chủ bị viêm nhiễm vết thương, dẫn đến uốn ván, do tin vào lời nói của lang băm, làm chậm trễ thời gian đưa đến bệnh viện cứu chữa nên đã mất, hưởng thọ hơn 40 tuổi.

Ví dụ 26: Người họ Phan mẫu động thổ xây nhà bếp tại vị trí hướng Tốn giờ Mão ngày 15 tháng 10 năm 1995 âm lịch.

Nhật khóa: Ất Hợi Đinh Hợi Tân Mùi Tân Mão

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Phong Thiên Tiểu Súc", quẻ biến "Sơn Thiên Đại Súc", hào 5 phát động.

—	Tiểu Súc	Đại Súc
—	Huỳnh Đệ Mão mộc	Huỳnh Đệ Dần mộc Xà
—	Tử Tôn Ty hỏa	Phụ Mẫu Tý thủy Câu
Ư	Thê Tài Mùi thổ	Thê Tài Tuất thổ Tước
—	Thê Tài Thìn thổ	Thê Tài Thìn thổ Long
—	Huỳnh Đệ Dần mộc	Huỳnh Đệ Dần mộc Vũ
T	Phụ Mẫu Tý thủy	Phụ Mẫu Tý thủy Hổ
MỘC	Không Vong: Tuất, Hợi	

Quẻ khóa này rất rõ ràng không có lợi cho con cháu lục súc, ắt có tai họa thương tổn lục súc và con cháu. Hào 5 Tử Tôn Ty Hỏa là trẻ nhỏ, là lục súc, tuyệt tại nguyệt lệnh, hưu tù tại nhật kiến, bây giờ lại bị Thái Tuế và nguyệt lệnh xung phá, động hóa hồi đầu khắc. Trong quẻ đã xuất hiện thông tin trẻ nhỏ, lục súc gặp tai họa. Ứng kỳ là ứng nghiệm vào tháng dụng sự và tháng 11.

Thực tế: Gia chủ sau khi dụng sự trước tiên bị chết mất một con gà lớn, trong tháng con trai bị bệnh, bệnh còn nặng thêm. Sau giao tháng 11 tiết Đại Tuyết, bệnh của đứa trẻ càng nghiêm trọng hơn, đến ngay cả bác sĩ có tiếng ở địa phương cũng không chữa trị được, kêu gia chủ nhanh chóng đưa đến bệnh viện quận nhập viện. Sau đó đưa đứa trẻ đi đến bệnh viện quận được 2 hôm đầu, bệnh càng nghiêm trọng hơn, tiêm thuốc không có tác dụng. Cha mẹ đứa bé ngày nào cũng khóc lóc. Sau đó, tác giả dựa theo thông tin để dự đoán, dẫn dắt bọn họ lập tức thực hiện hóa giải. Chiều ngày thứ 3 sau khi đã thực hiện hóa giải, cha mẹ của đứa trẻ cùng đứa trẻ đến gặp tác giả, nói đứa trẻ đã khỏe hơn rồi, chuẩn bị được xuất viện. Hóa ra vào buổi chiều cái hôm dự đoán đứa trẻ, bà của đứa trẻ nghe theo tác giả quay về thực hiện hóa giải, đến sáng sớm ngày thứ 2, đứa trẻ tiêm thuốc và uống thuốc xong thấy có hiệu quả, trải qua 2 ngày chữa trị, bệnh đã đỡ nhiều. Nếu không kịp

thời tìm cách thực hiện hóa giải, đưa trẻ liệu còn có thể sống sót nổi qua bệnh tật?

Ví dụ 27: Người họ Phan mẫu động thổ kiến Cấn kiêm Dần trạch giờ Mão ngày 20 tháng 11 năm 1993 âm lịch.

Nhật khóa: Quý Dậu Giáp Tý Đinh Hợi Quý Mão

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ “Thiên Phong Cấu”, quẻ biến “Thiên Thủy Tụng”, hào 3 phát động.

Cấu	Tụng
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Phụ Mẫu Tuất thổ Long
— Huynh Đệ Thân kim	— Huynh Đệ Thân kim Vũ
Ư — Quan Quỷ Ngọ hỏa	— Quan Quỷ Ngọ hỏa Hổ
— Huynh Đệ Dậu kim	— Quan Quỷ Ngọ hỏa Xà
— Tử Tôn Hợi thủy Tài Dần	— Phụ Mẫu Thìn thổ Câu
T — Phụ Mẫu Sửu thổ	— Thê Tài Dần mộc Tước

KIM

Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này quẻ chủ trong quái hào Phụ Mẫu Sửu Thổ, Tử Tôn Hợi Thủy, Huynh Đệ Dậu Kim đều bị hào của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, là quẻ xấu nhất. Hào sơ Phụ Mẫu Sửu Thổ trì Thế, hưu tù tại niên nhật nguyệt, bị Thê Tài Dần Mộc tương vượng tại nhật nguyệt hóa hồi đầu khắc, Phụ Mẫu hữu tử vô sinh. Hào Phụ Mẫu chủ cha mẹ, nhà cửa hoặc đồ nội thất văn thư. Lại có hào 4 Quan Quỷ Ngọ Hỏa lâm Bạch Hổ bị nguyệt kiến xung động, nhà cửa ắt có tai họa hung thương hiếu phục. Hào Tử Tôn, hào Huynh Đệ bị hào quẻ biến hóa hồi đầu khắc, bất lợi cho con trai và lục súc, anh em, ắt gặp phải tai họa, đến tháng khắc tinh trực phùng sẽ ứng nghiệm. Khóa này là tổn đình thoái tài tổn thất nhà cửa, khóa đại hung. Ứng kỳ đều ứng nghiệm trong 1 năm sau dụng sự.

Thực tế: Khóa này sau dụng sự liên tiếp xảy ra vài chuyện không tốt, một là con trai gặp họa, thường xuyên phải uống thuốc, hai là anh em bị ngã dẫn đến bị thương, ba là bị nước lũ ngập nửa nhà, tiền mất tật mang, bốn là cha đột nhiên qua đời. Đây là nhật khóa đại hung “chết người hồng nhà”.

Ví dụ 28: Người họ Mạc động thổ xây lại tường và dọn lại vào ở Mùi kiêm Đinh trạch giờ Dần ngày 17 tháng 2 năm 1995 âm lịch .

Nhật khóa: Ất Hợi Kỷ Mão Đinh Mùi Nhâm Dần

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Sơn Trạch Tồn", quẻ biến "Hỏa Trạch Khuê", hào 4 phát động.

Tồn	Khuê
Ư — Quan Quỷ Dần mộc	— Phụ Mẫu Ty hỏa Long
-- Thê Tài Tý thủy	-- Huynh Đệ Mùi thổ Vũ
-- Huynh Đệ Tuất thổ	— Tử Tôn Dậu kim Hổ
T -- Huynh Đệ Sửu thổ Tử Thân	-- Huynh Đệ Sửu thổ Xà
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Câu
— Phụ Mẫu Ty hỏa	— Phụ Mẫu Ty hỏa Tước
THỔ	Không Vong: Dần, Mão

Khóa này quẻ chủ ""Sơn Trạch Tồn"", là quái tượng xấu nhất cho việc kiến tiến trạch, quẻ này ắt có chuyện thương tổn, hao tổn. Hào 3 Huynh Đệ Sửu Thổ trì Thế bị nhật kiến xung ám động, cùng hào 4 động Huynh Đệ Tuất Thổ cấu thành tam hình, chủ chuyện kiện tụng thị phi tai họa thương tổn. Hào 4 Huynh Đệ Tuất Thổ động mà hóa phá, lại lâm Bạch Hổ động, ắt vì chuyện tranh giành mà xuất hiện tai họa máu chảy bị thương hoặc mất mạng. Hào 4 là hào phục bên cạnh hào 3 hào Huynh Đệ, tất bởi vì chuyện tranh giành mà bị thương chảy máu hoặc thị phi kiện tụng. Lại có Huynh Đệ phát động tất sẽ kiếp tài, đa phần nữ chủ nhân gặp họa hoặc thoái đại tài. Xuất tại hào Thế trình tam hình, hào Thế là gia chủ, bây giờ Mùi trạch ở tại Khôn, chủ về việc nữ chủ nhân gặp tai họa. Hai bên tranh giành mà khắc Thê Tài Tý Thủy, lại có thể định được bởi vì chuyện tranh giành mà xảy ra kiện tụng thị phi. Sâu hơn thì là vì nữ chủ nhân tranh giành mà dẫn đến tai họa bị thương máu chảy, kiện tụng mạng người, đồng thời còn có tai họa thoái đại tài. Ứng kỳ tai họa là vào tháng 8 hào 4 Huynh Đệ hóa phá.

Thực tế: Khóa này sau khi dụng sự vào tháng 8, nữ chủ nhân bởi vì chuyện đất đai mà cãi nhau với vợ của người hàng xóm cạnh nhà rồi vướng vào chuyện kiện tụng liên quan đến mạng người. Bị cơ quan chính phủ bắt giữ, sau bị phán 19 năm tù, đồng thời cũng vì chuyện kiện tụng này mà tiêu tốn hơn 1 vạn tệ. Gia chủ có con trai học đại học, vốn là làm về công nghệ khoa học, luôn cho rằng

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Chu Dịch là mê tín dị đoan, bây giờ được tác giả dự đoán, không thể không tin tính khoa học của Chu Dịch. Tác giả lại dự đoán về thông tin vận mệnh của anh ta, phát hiện năm nay chính là năm bại vận, lại gặp vận tuổi đến. Cho nên ứng với mẹ gặp đại họa. Bởi vì chuyện đã xảy ra rồi, không cách nào cứu vớt được, nhưng tác giả vì những ngày sau không xảy ra chuyện như vậy nữa, vẫn là giúp anh ta hóa giải. Tác giả lại một lần nữa lập quẻ, một lần nữa động thổ và nhập trạch lại, mới có thể khiến cho mọi thứ bình an, có một khởi đầu mới. Sau khi dụng sự lại, con trai của gia chủ từ một đơn vị không tốt đẹp gì điều đến làm việc tại một khu khác tốt hơn, sau đó nên duyên với một cô gái, lấy được một người vợ làm kiểm soát viên. Tháng 3 năm 200, con trai của gia chủ từ một thành phố gọi điện cho tác giả, biết được anh ta có một cậu con trai, còn nhờ tác giả dự đoán vận mệnh cho cậu bé. Trải qua lần nghiệm chứng này, con trai của gia chủ đã bội phục sự thần kỳ của Chu Dịch.

Ví dụ 29: Người họ Trần kiến Ngô kiêm Đinh trạch giờ Ngọ ngày 24 tháng 2 năm 1991 âm lịch.

Nhật khóa: Tân Mùi Tân Mão Mậu Tuất Mậu Ngọ

Thêm họ được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Địa Sơn Khiêm", quẻ biến "Thủy Sơn Kiến", hào 5 phát động.

Khiêm				Kiến			
--	Huỳnh Đệ Dậu	kim	--	Tử Tôn	Tý	thủy	Tước
T --	Tử Tôn	Hợi	thủy	--	Phụ Mẫu	Tuất	thổ Long
--	Phụ Mẫu	Sửu	thổ	--	Huỳnh Đệ Thân	kim	Vũ
--	Huỳnh Đệ Thân	kim	--	Huỳnh Đệ Thân	kim	Hổ	
Ư --	Quan Quỷ	Ngọ	hỏa	--	Quan Quỷ	Ngọ	hỏa Xà
--	Phụ Mẫu	Thìn	thổ	--	Phụ Mẫu	Thìn	thổ Câu
KIM				Không Vong: Thìn, Ty			

Khóa này quẻ chủ hào 5 Tử Tôn Hợi Thủy, hưu tù tại Tuế nguyệt nhật, là địa vong của nhật kiến, đã là không cát rồi, bây giờ còn phát động hóa nhật kiến Tuất Thổ hồi đầu khắc, thông tin kiện tụng bệnh tật bị thương xuất hiện. Hào Tử Tôn là con cái, hào biến là dương hào, là con trai. Lại có hào Ứng Quan Quỷ Ngọ Hỏa, vượng tại nguyệt lệnh, phản khắc hào Thế Tử Tôn, có thông tin con trai phạm phải thị phi kiện tụng. Hào Tử Tôn là nguyên thần của

Tài, bây giờ bị khắc, lại có thông tin thoái đại tài. Bởi vì hào Tử Tôn ở ngoại quái, con trai của gia chủ ở ngoại địa phạm kiện tụng thị phi. Hào 6 Huynh Đệ Dậu Kim lâm Chu Tước bị nguyệt kiến xung động, có ở ngoại địa vì tranh đấu mà phạm kiện tụng. Bây giờ hào Tử Tôn hóa xuất Tuất Thổ sinh hào 6 Huynh Đệ Dậu Kim, rất rõ ràng là vì giúp đỡ anh em tính kế tranh giành mà xảy ra chuyện. Ứng kỳ có Tử Tôn Hợi Thủy gặp Địa vồng và Tuất Thổ khắc hào Thế trực phùng năm Giáp Tuất 1994 xảy ra chuyện. Lại có Thanh Long phát động là vui quá hóa buồn.

Thực tế: Con trai độc nhất của gia chủ vốn là một học sinh lớp 12 có thành tích học hành tốt, tiết Thanh Minh năm 1994 quay về nhà tảo mộ, tham gia vào đánh nhau mà ngộ sát mạng người, gây nên cái chết cho đối phương, mặc dù không phải chủ mưu, nhưng cũng phải chịu sự trừng trị của pháp luật, sau bị phán 20 năm tù, trở thành tội phạm vị thành niên, cắt ngang tiền đồ học hành. Gia chủ vì chuyện này mà mất hơn 1 vạn tệ. Gia chủ là công thần và là thương binh liệt sĩ, do Quốc Gia trợ cấp nuôi dưỡng về già, vốn đang rất hạnh phúc, nhưng từ sau khi con trai xảy ra chuyện, thật sự lại là vui quá hóa buồn.

Ví dụ 30: Người họ Dư động thổ kiến Giáp kiêm Mão trạch giờ Mão ngày 26 tháng 1 năm 1996 âm lịch.

Nhật khóa: Bính Tý Tân Mão Tân Hợi Tân Mão

Thêm họ (17 nét) lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Hỏa Sơn Lữ", quẻ biến "Hỏa Địa Tấn", hào 3 phát động.

Lữ	Tấn
— Huynh Đệ Ty hỏa	— Huynh Đệ Ty hỏa Xà
-- Tử Tôn Mùi thổ	-- Tử Tôn Mùi thổ Câu
Ư — Thê Tài Dậu kim	— Thê Tài Dậu kim Tước
— Thê Tài Thân kim Quan Hợi	-- Phụ Mẫu Mão mộc Long
-- Huynh Đệ Ngọ hỏa	-- Huynh Đệ Ty hỏa Vũ
T -- Tử Tôn Thìn thổ Phụ Mão	-- Tử Tôn Mùi thổ Hổ
HỎA	Không Vong: Dần, Mão

Khóa này quẻ chủ "Hỏa Sơn Lữ" quẻ biến "Hỏa Địa Tấn" đều là quẻ cát, nhưng quái hào không cát. Hào 4 Thê Tài Dậu Kim lâm Ứng hưu tù tại nhật kiến, phá tại nguyệt lệnh, đã là không cát rồi,

bây giờ lại có hào vượng tại nguyệt lệnh là hào 6 Huynh Đệ Tỵ Hỏa ám động mà khắc sát, hung càng thêm hung. Khóa này trong quẻ đã xuất hiện thông tin thương tổn nữ đình và thoát tài. Thê Tài Dậu Kim bị nhật nguyệt tam hợp Mộc phản xung phá, nữ đình ắt bị tai họa quần lấy thân. Lại có Bạch Hổ ở tại vị trí hào Thế Tử Tôn, mặc dù không phát động, nhưng Tử Tôn hưu tù tại nhật kiến, tử tại nguyệt lệnh, trừ con trai và đặc biệt là con gái sẽ gặp tai họa ra, còn có tổn lại đến lục súc. Bởi vì Bạch Hổ trong quẻ tuy không động, nhưng một khi gặp ngày Thìn xung ám động, tai họa ắt đến bất ngờ không hề báo trước. Nữ đình gặp họa phá thân, gặp chuyện máu chảy. Ứng kỳ ứng nghiệm trong tháng dụng sự. Số thoát tài lấy số hào 4 của hào Tài bị xung phá để xác định, bởi vì Tài tinh bị hợp cục phản xung phá, nên thoát tài vừa phải, ứng với tầm 4 nghìn tệ.

Thực tế: Gia chủ ngay trong tháng sau khi dụng sự, đầu tiên chết liên tiếp hai con heo lớn, sau đó con gái lại bị bệnh cấp cứu phải đưa đến bệnh viện quận để phẫu thuật, ứng với Bạch Hổ chủ chuyện hung thương máu chảy. Gia chủ nói với tác giả, thật sự là tổn mất tầm 4 nghìn tệ cho tất cả chuyện này.

Ví dụ 31: Người họ Lâm mẫu dọn vào Tý kiem Quý trạch giờ Tý ngày mùng 9 tháng 12 âm lịch năm 1995.

Nhật khóa: Ất Hợi Tỵ Sửu Giáp Tý Giáp Tý

Thêm họ lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thiên Trạch Lý", quẻ biến "Đoài Vi Trạch", hào 6 phát động.

Lý

Đoài

— Huynh Đệ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Mùi thổ Vũ
T — Tử Tôn Thân kim Tài Tý	— Tử Tôn Dậu kim Hổ
— Phụ Mẫu Ngọ hỏa	— Thê Tài Hợi thủy Xà
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Câu
Ư — Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Tước
— Phụ Mẫu Tỵ hỏa	— Phụ Mẫu Tỵ hỏa Long

THỔ

Không Vong: Tuất, Hợi

Khóa này quẻ chủ hào 6 Huynh Đệ Tuất Thổ gặp nguyệt lệnh lâm Huyền Vũ phát động, ắt có thông tin trộm cướp tài sản. Bây giờ Huynh Đệ Tuất Thổ kiếp thần vượng động, lại biến xuất Mùi

Thổ, cùng nguyệt lệnh Sửu Thổ cấu thành tam hình, càng khiến kiếp thần hình càng vượng, cho nên ắt có thoái đại tài. Ứng kỳ ứng với ngày thứ 2 ngày Ất Sửu kiếp thần đương lệnh. Khóa này xuất hiện thông tin cực hung khắc sát cha mẹ trưởng bối, nếu như không xảy ra chuyện thoái tài, nhất định là sẽ xuất hiện thông tin đại hung tổn hại cha mẹ, hỏng hóc đồ nội thất trong nhà.

Thực tế: Gia chủ sau khi tiến trạch sáng sớm ngày thứ 2 phát hiện ra quà chúc mừng tân gia nhà mới đều bị mất hết, bị trộm vào nhà vào đêm hôm đó lấy đi sạch (là sáng sớm ngày Ất Sửu, ngày thứ 2 tiến trạch), ước chừng giá trị khoảng hơn 2 vạn 5 nghìn tệ. Gia chủ mất số tiền lớn, cho rằng đó là ngày xấu, lập tức chuyển đi, không dám ở lại căn nhà mới này nữa.

Ví dụ 32: Một người động thổ kiến Tân kiêm Dậu trạch giờ Thân ngày 22 tháng 7 năm 1994 âm lịch.

Nhật khóa: Giáp Tuất Nhâm Thân Bính Tuất Bính Thân

Lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ “Thủy Sơn Kiến”, quẻ biến “Thủy Địa Tỷ”, hào 3 phát động.

Kiến	Tỷ
-- Tử Tôn Tý thủy	-- Tử Tôn Tý thủy Long
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Phụ Mẫu Tuất thổ Vũ
T -- Huynh Đệ Thân kim	-- Huynh Đệ Thân kim Hổ
— Huynh Đệ Thân kim	-- Thê Tài Mão mộc Xà
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Quan Quỷ Tý hỏa Câu
Ư -- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Tước

KIM

Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này quẻ chủ “Thủy Sơn Kiến”, là quái tượng rất gian nan khó khăn, nguy hiểm ngăn trở, là nhật khóa không cát. Hào Huynh Đệ Thân Kim là hào nguyệt lệnh, lại được tương sinh tại Tuất nhật, là kỵ thần cường vượng; bây giờ lại có Đăng Xà ở tại đó phát động, ắt có chuyện kiếp tài tổn thê xảy ra, hoặc nữ đình gặp phải chuyện kinh sợ. Bây giờ lại có Huynh Đệ Thân Kim phát động hóa xuất Thê Tài Mão Mộc và hợp Thái Tuất, khiến cho mức độ tai họa giảm nhẹ đi, không đến mức khiến cho nữ đình mất mạng. Phục thần Thê Tài Mão Mộc hưu tù tại Thái Tuất và nhật kiến, bị khắc tại nguyệt

lệnh, lại còn sinh phi thần mà xuất bạo, khó cầu được tài mà còn thương xuyên thoái tài.

Thực tế: Gia chủ nói với tác giả, sau khi dụng sự liên tục mất tiền, mà vợ còn hai lần gặp chuyện, tốn mất khá nhiều tiền. Anh ta vốn là kinh doanh vận tải hành khách, xe dạo này cứ bị hỏng ngay khi thời tiết tốt và đông khách làm ăn được, trời mưa thời tiết xấu làm ăn bình thường thì xe lại không bị gì, gây nên tổn thất lớn. Làm ăn kinh doanh phương diện khác thì lại không thành công, cứ công việc đang làm ăn tốt mà anh ta làm là y rằng tổn thất thua lỗ.

Ví dụ 33: Người họ Lê vào giờ Ngọ ngày 24 tháng 5 năm 1908 âm lịch sửa lại căn nhà cũ.

Nhật khóa: Mậu Thân Mậu Ngọ Mậu Thân Mậu Ngọ

Lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Trạch Thiên Quải", quẻ biến "Lôi Thiên Đại Tráng", hào 5 phát động.

Quải	Đại Tráng
-- Huynh Đệ Mùi thổ	-- Huynh Đệ Tuất thổ Tước
T -- Tử Tôn Dậu kim	-- Tử Tôn Thân kim Long
— Thê Tài Hợi thủy	— Phụ Mẫu Ngọ hỏa Vũ
— Huynh Đệ Thìn thổ	— Huynh Đệ Thìn thổ Hổ
Ư -- Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ty	— Quan Quỷ Dần mộc Xà
— Thê Tài Tý thủy	— Thê Tài Tý thủy Câu
THỔ	Không Vong: Dần, Mão

Khóa này quẻ chủ hào sơ Thê Tài Tý Thủy là tài, bị nguyệt lệnh xung phá, được Tuế nhật sinh, trong đó quẻ đều ở trạng thái thù địch, nên Tài tinh bình thường, khó mà phát tài được. Hào 2 Quan Quỷ Dần Mộc, bị Thái Tuế xung phá, Ẩn tinh mặc dù vượng tại nguyệt lệnh nhưng cùng Tuế nhật hợp hình, mà cũng cùng Quan tinh, Tuế nhật hình thành tam hình, trong quẻ xuất hiện thông tin con cháu không học cao làm quan. Hào 5 Tử Tôn Dậu Kim trì Thế động mà hóa thoái, nhưng vượng tại Tuế nhật, mà hào 3 Huynh Đệ Thìn Thổ nguyên thần vượng tại nguyệt lệnh, là nhân đinh vượng mà có thọ nguyên. Khóa là khóa đình tài, không có thông tin phát phú xuất quý, là một khóa bình thường.

Thực tế: Trạch này kiến tạo đến này đã hơn 90 năm, mặc dù nhân đinh hưng vượng, nhưng con cháu hậu thế không có lấy một người làm quan, không có lấy một người vang danh lưu truyền. Toàn bộ đều bình thường cả một đời.

Ví dụ 34: Người họ Phan vào giờ Dần ngày 24 tháng 10 năm 1995 âm lịch dọn vào Bính kiềm Ngọ trạch.

Nhật khóa: Ất Hợi Đinh Hợi Canh Ngọ Mậu Dần

Thêm họ lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Lôi Sơn Tiểu Quá", quẻ biến "Lôi Hỏa Phong", hào sơ phát động.

Tiểu Quá	Phong
-- Phụ Mẫu Tuất thổ	-- Phụ Mẫu Tuất thổ Xà
-- Huynh Đệ Thân kim	-- Huynh Đệ Thân kim Câu
T --- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tử Hợi	--- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tước
--- Huynh Đệ Thân kim	--- Tử Tôn Hợi thủy Long
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Phụ Mẫu Sửu thổ Vũ
Ư -- Phụ Mẫu Thìn thổ	--- Thê Tài Mão mộc Hổ

KIM

Không Vong: Tuất, Hợi

Khóa này quẻ chủ "Lôi Sơn Tiểu Quá" nghĩa là có sơ xuất nhỏ, quái tượng không cát cho lắm. Hào sơ Phụ Mẫu Thìn Thổ là cha mẹ, mặc dù vượng tại nhật kiến nhưng lâm Bạch Hổ phát động, lại hóa Thê Tài Mão Mộc tương vượng hồi đầu khắc, rõ ràng không có lợi cho cha (hào âm hóa hào dương chủ cha), cha ắt gặp phải họa. Phục thần Thê Tài Mão Mộc phục bên cạnh hào 2 Quan Quỷ Ngọ Hỏa, lại lâm Huyền Vũ, phục đến sinh phi là xuất bạo, không có lợi cho Thê Tài, e là có tai họa thoái tài hoặc vợ gặp họa. Khóa này có thông tin bất lợi cho cha và vợ cùng thông tin thoái tài, là quẻ nhật khóa không cát.

Thực tế: Gia chủ sau khi dọn vào nhà ở tháng 2 năm 1996 âm lịch, cha bị bệnh, uống thuốc cũng không có tác dụng, cha anh ta được biết căn nhà này gây bất lợi cho bản thân, sau không dám ở trong căn nhà mới này nữa, chuyển về căn nhà cũ. Sau đó còn mất 500 tệ, vợ cũng thường xuyên bị bệnh, nhân đinh bất an, rồi nghe theo tác giả tiến hành hóa giải, mới được bình an.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 35: Người họ Phan vào giờ Ngọ ngày mùng 3 tháng 9 năm 1990 âm lịch động thổ kiến Cấn kiêm Dần trạch.

Nhật khóa: Canh Ngọ Bính Tuất Mậu Ngọ Mậu Ngọ

Thêm họ (16 nét) lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ “Hỏa Trạch Khuê”, quẻ biến “Lôi Trạch Quy Muội”, hào 6 phát động.

Khuê	Quy Muội
— Phụ Mẫu Ty hỏa	-- Huynh Đệ Tuất thổ Tước
-- Huynh Đệ Mùi thổ Tài Tý	-- Tử Tôn Thân kim Long
T — Tử Tôn Dậu kim	— Phụ Mẫu Ngọ hỏa Vũ
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Hổ
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Xà
Ư — Phụ Mẫu Ty hỏa	— Phụ Mẫu Ty hỏa Câu

THỔ

Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này quẻ chủ “Hỏa Trạch Khuê” có hào Ứng khắc hào Thế đã là không cát rồi. Bây giờ hào 6 Phụ Mẫu Ty Hỏa vượng tại Tuất nguyệt, lại có Nhật nguyệt tam hợp cục hỏa khắc hào Thế Tử Tôn Dậu Kim, cũng đã là đại hung, mà hào 4 Tử Tôn Dậu Kim còn hóa hào Thái Tuế, hào nhật kiến hồi đầu khắc, thực sự là khắc sát trùng trùng. Tử Tôn Dậu Kim hữu tử vô sinh. Cấn trạch là thiếu nam, trong quẻ đã ẩn tàng thông tin con trai gia chủ bị khắc thiên vong. Tai họa ứng kỳ là khi hào hóa khắc của năm tháng tam hợp Dần Ngọ Tuất, là tháng 5 năm 1994 âm lịch ứng nghiệm.

Thực tế: Ngày 7 tháng 5 năm 1994 âm lịch con trai của gia chủ làm việc tại Quảng Đông mất mạng, hưởng thọ 20 tuổi.

Ví dụ 36: Người họ Bành vào giờ Mão ngày mùng 7 tháng 9 năm 1994 âm lịch động thổ kiến Tân kiêm Tuất trạch.

Nhật khóa: Giáp Tuất Giáp Tuất Canh Ngọ Kỷ Mão

Lập được quẻ thông tin nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Hỏa Sơn Lữ", quẻ biến "Ly Vi Hỏa", hào sơ phát động.

Lữ	Ly
— Huynh Đệ Ty hỏa	— Huynh Đệ Ty hỏa Xà
-- Tử Tôn Mùi thổ	-- Tử Tôn Mùi thổ Câu
Ư — Thê Tài Dậu kim	— Thê Tài Dậu kim Tước
— Thê Tài Thân kim Quan Hợi	— Quan Quỷ Hợi thủy Long
-- Huynh Đệ Ngọ hỏa	-- Tử Tôn Sửu thổ Vũ
T -- Tử Tôn Thìn thổ Phụ Mão	— Phụ Mẫu Mão mộc Hổ

HỎA

Không Vong: Tuất, Hợi

Khóa này quẻ chủ hào sơ Tử Tôn Thìn Thổ trì Thế vượng tại nguyệt kiến, lại được Tuế nguyệt xung vượng (chỉ có Thổ không sợ xung, tất cả những cái khác gồm Kim, Mộc, Thủy, Hỏa đều kỵ xung, đặc biệt là Thái Tuế phá, gọi là Tuế Phá) vô sự, nhưng lâm Bạch Hổ phát động lại hóa Phụ Mẫu Mão Mộc hồi đầu khắc, mặc dù nhân đinh vô sự, nhưng ắt có tai họa tổn hại lục súc và thoái tài. Bởi vì khắc tinh Phụ Mẫu Mão Mộc hưu tù mà lại cũng hợp với Tuế nguyệt, nếu không ắt phát sinh tai họa về chuyện thương vong máu chảy. Khóa chỉ có thông tin tổn hại lục súc thoái tài.

Thực tế: Gia chủ sau khi dụng sự từ tháng dụng sự đến tháng 10 năm dụng sự ứng nghiệm tổn hại lục súc và tổn thất hơn 3000 tệ, nhân đinh vô sự.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 37: Người họ Liễu vào giờ Thìn ngày 17 tháng 2 năm 1989 âm lịch vào ở Sứ kiêm Cấn trạch.

Nhật khóa: Kỷ Ty Đinh Mão Quý Mùi Bính Thìn

Thêm họ lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Trạch Sơn Hàm", quẻ biến "Trạch Địa Tụ", hào 3 phát động.

Hàm	Tụ
Ư -- Phụ Mẫu Mùi thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Hổ
-- Huynh Đệ Dậu kim	-- Huynh Đệ Dậu kim Xà
-- Tử Tôn Hợi thủy	-- Tử Tôn Hợi thủy Câu
T -- Huynh Đệ Thân kim	-- Thê Tài Mão mộc Tước
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Quan Quỷ Ty hỏa Long
-- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Vũ

KIM

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ Huynh Đệ Thân Kim trì Thế vượng tại nhật kiến, bây giờ phát động hóa xuất Thê Tài Mão Mộc là hào nguyệt kiến. Vốn có trước thoái tài ít sau phát tài, nhưng đáng tiếc nguyên thần của Tài là Tử Tôn Hợi Thủy hưu tù tại nguyệt lệnh, phá tại Thái Tuế, là Tài tinh không có căn nguyên, lại có hào 5 Huynh Đệ Dậu Kim sinh trưởng (tức trường sinh) tại Thái Tuế, bị xung động tại nguyệt lệnh, có thông tin thoái tài. Khóa này quái hào Tử Tôn hưu tù lại bị xung phá tại Thái Tuế, may mà có hai hào Huynh Đệ động đến sinh, có thể giải được thông tin nhân đinh bất an, nhưng nhất định sẽ phá tài. Tục ngữ có nói: "thoái tài đáng họa" (VP: tức của đi thay người) chính là đạo lý này đây. Khóa này mặc dù Tài vượng, nhưng Tài không có căn nguyên, hào Huynh Đệ kiếp thần khắc Tài, không những không thể phát tài, mà còn gặp họa thoái đại tài. Quẻ khóa này là quẻ khóa không tốt.

Thực tế: Gia chủ vốn làm ăn kinh doanh, từ khi xây nhà này, làm ăn kinh doanh thất bại, đến năm 1992, tổn thất hơn 4 vạn tệ, nhưng nhân đinh may mắn bình an vô sự.

Ví dụ 38: Người họ Hà mẫu vào giờ Thìn ngày mùng 8 tháng 11 năm 1994 âm lịch dọn vào ở Ất kiềm Thìn trạch.

Nhật khóa: Giáp Tuất Ất Hợi Canh Tý Canh Thìn

Thêm họ (7 nét) lập được quẻ năm dựng sự gồm quẻ chủ “Lôi Thiên Đại Tráng”, quẻ biến “Trạch Thiên Quải”, hào 5 phát động.

Đại Tráng			Quải		
--	Huỳnh Đệ	Tuất thổ	--	Huỳnh Đệ	Mùi thổ Xà
--	Tử Tôn	Thân kim	--	Tử Tôn	Dậu kim Câu
T --	Phụ Mẫu	Ngo hỏa	--	Thê Tài	Hợi thủy Tước
--	Huỳnh Đệ	Thìn thổ	--	Huỳnh Đệ	Thìn thổ Long
--	Quan Quỷ	Dần mộc	--	Quan Quỷ	Dần mộc Vũ
Ư --	Thê Tài	Tý thủy	--	Thê Tài	Tý thủy Hổ
THỔ			Không Vong: Thìn, Ty		

Quẻ chủ “Lôi Thiên Đại Tráng” vốn là quẻ không cát, mà hào tượng cang không cát. Bởi vì hào Thế là gia chủ, là cha mẹ, ở quẻ cung Khôn là chủ cha mẹ. Bây giờ hào Ứng và hào biến cang khắc hào Thế, tai họa không cát. Khóa này dùng vào tháng Hợi năm Tuất, hào Thế nhập mộ khố, lại hưu tù tại nguyệt lệnh, xung phá tại nhật kiến, cực bất lợi cho mẹ. Giờ Bạch Hổ ở tại hào Ứng, đến nguyệt lệnh thì xung động, ắt có hung thương hiếu phục. Hào Thế Phụ Mẫu Ngọ Hỏa lại hóa Thê Tài Hợi Thủy hóa hồi đầu khắc, rõ ràng năm Ất Hợi 1995 đối với cha mẹ mà nói có tai họa tổn thương. Ứng kỳ vào tháng 3,4 năm Ất Hợi 1995 mẹ gặp tai họa trước, tháng 5 âm lịch Ngọ Hỏa xung động hào Ứng mà khắc hào Thế, lại có Bạch Hổ phát động, phải chịu tang mẹ. Khóa này bởi vì Thế suy Tài vượng, ngược lại không thuận lợi cầu tài, còn gặp họa thoái đại tài.

Thực tế: Khóa này sau dựng sự đến cuối tháng 3 năm 1995 âm lịch, mẹ gia chủ bị bệnh, đến tháng 5 âm lịch, mẹ gia chủ chết vì bệnh. Cũng vì các vấn đề kinh doanh và thời gian ở lại bệnh viện mà tổn mất không ít tiền tài.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 39: Người họ Phan vào giờ Tý ngày 14 tháng 12 năm 1994 âm lịch vào ở Khôn kiêm Thân trạch.

Nhật khóa: Giáp Tuất

Đình Sửu Ất Ty Bính Tý

Thêm họ lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ “Phong Thủy Hoán”, quẻ biến “Khảm Vi Thủy”, hào 6 phát động.

Hoán	Khảm
— Phụ Mẫu Mão mộc	-- Quan Quỷ Tý thủy Vũ
T — Huynh Đệ Ty hỏa	— Tử Tôn Tuất thổ Hổ
-- Tử Tôn Mùi thổ Tài Dậu	-- Thê Tài Thân kim Xà
-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Quan Hợi	-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Câu
Ư — Tử Tôn Thìn thổ	— Tử Tôn Thìn thổ Tước
-- Phụ Mẫu Dần mộc	-- Phụ Mẫu Dần mộc Long

HỎA

Không Vong: Dần, Mão

Khóa này có quẻ thông tin nhật khóa không tốt, một là đại tượng hóa hồi đầu khắc, hai là hào không cát. Hào thế Huynh Đệ Ty Hỏa, quẻ Khảm dụng thần là nữ chủ, bây giờ nhập mộ tại Thái Tuế, Bạch Hổ ở tại đó, lại hóa mộ là rất xấu. Năm 1995 Thái Tuế Hợi Thủy xung Thế lâm Bạch Hổ phát động, nữ chủ ắt gặp tai họa bị thương. Hào 4 Tử Tôn Mùi Thổ cùng nguyệt lệnh và Thái Tuế cấu thành tam hình, lại lâm Đăng Xà. Con cái gặp tai họa hoặc chuyện kinh sợ. Lại có Huynh Đệ phát động ắt kiếp tài, cũng bất lợi cho cả nữ đình. Ứng kỳ trong khoảng tháng 3 đến tháng 9 năm 1995 sẽ ứng nghiệm.

Thực tế: Gia chủ sau khi vào nhà ở từ tháng 3 đến tháng 9 năm 1995, gia chủ liên tiếp gặp chuyện mất tiền. Con cái bị kinh sợ hai lần, sau nữ chủ nhận còn bị thương ở tay do ngã, tổn mất hơn 1000 tệ. Sau khi nghe theo tác giả tiến hành hóa giải mới bình an cát lợi mà ở tại căn nhà đó.

Ví dụ 40: Người họ Phan vào giờ Dần ngày 28 tháng 1 năm 1998 âm lịch động thổ xây Họi kiêm Tý trạch.

Nhật khóa: Mậu Dần Giáp Dần Nhâm Dần Nhâm Dần

Lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Trạch Phong Đại Quá", quẻ biến "Trạch Thiên Quải", hào sơ phát động.

Đại Quá	Quải
-- Thê Tài Mùi thổ	-- Thê Tài Mùi thổ Hổ
— Quan Quỷ Dậu kim	— Quan Quỷ Dậu kim Xà
T — Phụ Mẫu Hợi thủy Tử Ngọ	— Phụ Mẫu Hợi thủy Câu
— Quan Quỷ Dậu kim	— Thê Tài Thìn thổ Tước
— Phụ Mẫu Hợi thủy Huỳnh Dần	— Huỳnh Đệ Dần mộc Long
Ư -- Thê Tài Sửu thổ	— Phụ Mẫu Tý thủy Vũ

MỘC

Không Vong: Thìn, Ty

Quẻ chủ hào Thế Phụ Mẫu Hợi Thủy, mặc dù cùng năm tháng ngày Lục hợp, nhưng tiết tận nguyên khí nên không cát. Bây giờ hào sơ Thê Tài Sửu Thổ lâm Ứng phát động khắc hào Thế, khắc hào 2 Phụ Mẫu Hợi Thủy, ắt có thông tin khắc chủ hoặc khắc cha, bởi vì quẻ Càn dụng sự, Càn là cha. Do những ngày sau Thê Tài Sửu Thổ ở tại tử địa, vô năng vô lực, nhưng một khi giao với tháng 4 âm lịch, Phụ Mẫu Hợi Thủy bị nguyệt lệnh xung phá, Thê Tài Thổ được nguyệt lệnh sinh vượng, tất sẽ khắc Phụ Mẫu. Khóa này vốn là khắc chủ, nhưng được hào 2 Phụ Mẫu chống đỡ, nên khắc cha. Tháng 4 âm lịch ứng nghiệm xảy ra tai họa. Nguyên nhân do Phụ Mẫu bị khắc là vì bệnh tật, bởi vì hào sơ Huỳnh Vũ phát động. Huỳnh Vũ lại chủ bệnh tật đeo bám.

Thực tế: Cha của gia chủ vào tháng 4 năm 1999 âm lịch mất, đúng là vì bệnh mà chết. Nhật khóa cha mất đã chống đỡ được tai họa khắc chủ, cha gia chủ cũng đã hơn 70 rồi, đây là trong họa có phúc.

Ví dụ 41: Người họ Chu vào giờ Thìn ngày mùng 8 tháng 1 năm 1997 âm lịch động thổ xây sửa nhà tại vọng hướng.

Nhật khóa: Đinh Sửu Nhâm Dần Đinh Hợi Giáp Thìn

Thêm họ (8 nét) lập được quẻ chủ "Hỏa Địa Tấn", quẻ biến "Lôi Địa Dự", hào 6 phát động.

Tấn	Dự
— Quan Quỷ Ty hỏa	-- Phụ Mẫu Tuất thổ Long
-- Phụ Mẫu Mùi thổ	-- Huynh Đệ Thân kim Vĩ
T — Huynh Đệ Dậu kim	— Quan Quỷ Ngọ hỏa Hổ
-- Thê Tài Mão mộc	-- Thê Tài Mão mộc Xà
-- Quan Quỷ Ty hỏa	-- Quan Quỷ Ty hỏa Câu
Ư -- Phụ Mẫu Mùi thổ Tử Tý	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Tước

KIM

Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này ý nghĩa hai quẻ chủ biến đều là cát, nhưng quái hào lại không cát. Hào 4 Huynh Đệ Dậu Kim trì Thế hưu tù tại nhật nguyệt kiến lâm Bạch Hổ, lại bị Quan Quỷ Ngọ Hỏa tương vượng hóa hồi đầu khắc và hào động khắc sát, trong quẻ xuất hiện thông tin thương tổn nhân đình, bởi vì các anh em khác nhau ở cùng với nhau, hào Thế là gia chủ hoặc con trai (Dậu Kim là nguyên thần của Tử Tôn Tý Thủy, nguyên thần bị khắc, không có lợi cho con trai), Bạch Hổ chủ hung thương hiếu phục, khóa này ắt có tai họa tổn hại nhân đình. Ứng kỳ vào tháng 2 âm lịch (tháng Quý Mão), nguyệt lệnh xung phá hào Thế và xung động Bạch Hổ, khắc tinh Quan Quỷ Ty Hỏa được sinh vượng mà ứng nghiệm.

Thực tế: Tháng 2 năm 1997 âm lịch, con trai thứ của gia chủ chết, hưởng thọ 20 tuổi.

Ví dụ 42: Người họ Hoàng vào giờ Ty ngày mùng 7 tháng 8 năm 1995 âm lịch động thổ kiến Đình kiêm Ngọ trạch.

Nhật khóa: Ất Hợi Ất Dậu Ất Sửu Tân Ty

Thêm họ (12 nét) lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Sơn Phong Cổ", quẻ biến "Sơn Thủy Mông", hào 3 phát động.

Cổ	Mông
Ư — Huynh Đệ Dần mộc	— Huynh Đệ Dần mộc Vũ
-- Phụ Mẫu Tý thủy Tử Ty	-- Phụ Mẫu Tý thủy Hồ
-- Thê Tài Tuất thổ	-- Thê Tài Tuất thổ Xà
T — Quan Quỷ Dậu kim	-- Tử Tôn Ngọ hỏa Câu
— Phụ Mẫu Hợi thủy	— Thê Tài Thìn thổ Tước
-- Thê Tài Sửu thổ	-- Huynh Đệ Dần mộc Long

MỘC

Không Vong: Tuất, Hợi

Khóa này quẻ chủ hào sơ Thê Tài Sửu Thổ, hào 2 Phụ Mẫu Hợi Thủy, hào 3 Quan Quỷ Dậu Kim, đều có hào của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, là quái tượng hào tượng đại hung, ắt có tai họa khắc chủ thoái tài. Trong đó Phụ Mẫu Hợi Thủy là hào Thái Tuế, được nhật nguyệt thời thành công cấu thành tam hợp cục Kim đến sinh, vốn là hào lục súc vô sự. Nhưng đối với hào Thế là gia chủ, hào sơ là Thê Tài, bởi vì hào của hóa khắc được Thái Tuế hoặc thời thần vượng, ắt có tai họa khắc sát. Tai họa ứng kỳ khi hào hóa khắc được sinh vượng vào tháng 1 đến tháng 5, sẽ ứng nghiệm xảy ra tai họa.

Thực tế: Trạch này sau khi dụng sự đến đầu tháng 1 năm Bính Tý 1996 âm lịch, chuyện thoái tài liên tục xảy ra, đến tháng 4 âm lịch, hóa khắc Tử Tôn Ngọ Hỏa đương lệnh, gia chủ do bệnh cấp cứu không kịp mà mất, hưởng thọ 50 tuổi.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 43: Người họ Trần mẫu vào giờ Tý ngày mùng 10 tháng 3 năm 1997 âm lịch xây trại heo ở hướng Nam

Nhật khóa: Đinh Sửu Giáp Thìn Mậu Tý Mậu Tý

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Sơn Lôi Di", quẻ biến "Sơn Trạch Tổn", hào 2 phát động.

	Di		Tổn
	— Huynh Đệ Dần mộc	— Huynh Đệ Dần mộc	Tước
	-- Phụ Mẫu Tý thủy	-- Phụ Mẫu Tý thủy	Long
T	-- Thê Tài Tuất thổ	-- Thê Tài Tuất thổ	Vũ
	-- Thê Tài Thìn thổ	-- Thê Tài Sửu thổ	Hổ
	-- Huynh Đệ Dần mộc	-- Huynh Đệ Mão mộc	Xà
Ư	— Phụ Mẫu Tý thủy	— Tử Tôn Tỵ hỏa	Câu

MỘC

Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này quẻ chủ hào Thê Tài Tuất Thổ, bị nguyệt lệnh xung động khắc Phụ Mẫu Tý Thủy, vượng khắc suy, đương nhiên cha mẹ trưởng bối hoặc xe cộ gặp phải tai họa.

Hào 2 Huynh Đệ Dần Mộc động hóa tiến thần, lại cùng nguyệt lệnh Thìn Thổ tam hợp Dần Mão Thìn cục Huynh Đệ kiếp tài đến khắc hào Thê Tài Tuất Thổ, gia chủ ắt gặp tai họa kiện tụng thị phi và thoái đại tài, phương vị xảy ra tai họa ứng với hướng Đông. Ứng kỳ tai họa lấy số hào động để xác định, hào 2 động ứng với hai tiếng hoặc hai ngày, vì là nhật khóa Tam sát của khóa này, nên ứng nghiệm đến nhanh, số thoái tài cũng lấy số hào động để xác định, thoái tài từ 2 nghìn đến 2 vạn tệ. Khóa này ở vị trí hướng Đông người lớn hoặc xe cộ sẽ gặp phải tai họa.

Thực tế: Gia chủ sau khi dụng sự hơn 10 giờ sáng có lái xe máy đi đến một nơi ở hướng Đông, nhưng rồi tông bị thương một ông già, sau đó đưa đến bệnh viện cứu chữa nhưng không được mà chết, thông qua thương lượng thỏa hiệp phí bồi thường hơn 2 vạn tệ thì mọi chuyện mới kết thúc.

Ví dụ 44: Người họ Phương mẫu vào giờ Dần ngày 24 tháng 3 năm 1997 âm lịch kiến Sửu kiêm Cấn trạch.

Nhật khóa: Đinh Sửu Giáp Thìn Nhâm Dần Nhâm Dần
 Thêm họ (2 nét) lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thiên Lôi Vô Vọng", quẻ biến "Trạch Lôi Tùy", hào 6 phát động.

Vô Vọng				Tùy			
—	Thê Tài	Tuất thổ	—	Thê Tài	Mùi thổ	Hổ	
—	Quan Quỷ	Thân kim	—	Quan Quỷ	Dậu kim	Xà	
T —	Tử Tôn	Ngọ hỏa	—	Phụ Mẫu	Hợi thủy	Câu	
—	Thê Tài	Thìn thổ	—	Thê Tài	Thìn thổ	Tước	
—	Huỳnh Đệ	Dần mộc	—	Huỳnh Đệ	Dần mộc	Long	
Ư —	Phụ Mẫu	Tý thủy	—	Phụ Mẫu	Tý thủy	Vũ	
MỘC				Không Vong: Thìn, Tỵ			

Khóa này hào 6 hào Thê Tài lâm Bạch Hổ phát động, ắt có họa hung thương hiếu phục. Hào 4 Tử Tôn Ngọ Hỏa, hóa Phụ Mẫu Hợi Thủy hồi đầu khắc, ắt con trai, thiếu chủ (Cấn là thiếu nam) bởi vì xe cộ mà gặp tai họa bị thương, lại có hào Ứng Phụ Mẫu Tý Thủy, khắc hào Thế, ắt có khắc thiếu chủ hoặc chuyện tổn hại lực sức. Bởi vì hào Tử Tôn cũng là lực sức. Khóa này hào 6 Thê Tài Tuất Thổ và hóa xuất hào Mùi Thổ và Thái Tuế Sửu Thổ hợp thành tam hình, ắt có tai họa thoát đại tài.

Thực tế: Gia chủ sau khi dụng sự đầu tiên chết mất một đàn gà, giá trị 100 tệ, lại vào tháng 6 âm lịch, thiếu chủ ở hướng Đông gặp tai nạn xe gãy chân, ở tại bệnh viện tổn mất hơn 1 vạn tệ.

Ví dụ 45: Người họ Hoàng vào giờ Thìn ngày 18 tháng 5 năm 1997 âm lịch dọn vào ở Căn kiem Hợ trạch.

Nhật khóa: Đinh Sửu Bính Ngọ Ất Mùi Canh Thìn

Lập được quẻ thuần nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ “Thiên Thủy Tụng”. quẻ biến “Trạch Thủy Khốn”, thêm họ (12 nét) lập được quẻ chủ “Phong Trạch Trung Phu”, quẻ biến “Thủy Trạch Tiết”. Hai quẻ khóa đều cho thông tin đại hung khắc chủ, bây giờ dựa theo quẻ thuần để nói.

Tụng	Khốn
— Tử Tôn Tuất thổ	-- Tử Tôn Mùi thổ Vũ
— Thê Tài Thân kim	— Thê Tài Dậu kim Hồ
T — Huynh Đệ Ngọ hỏa	— Quan Quỷ Hợ thủy Xà
-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Quan Hợ	-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Câu
— Tử Tôn Thìn thổ	— Tử Tôn Thìn thổ Tước
Ư -- Phụ Mẫu Dần mộc	-- Phụ Mẫu Dần mộc Long

HỎA

Không Vong: Thìn, Ty

Khóa này quẻ chủ hào Thế Huynh Đệ Ngọ Hỏa là gia chủ, mặc dù vượng tại nguyệt kiến, hợp tại nhật kiến thời thần, nhưng bị hào Quan Quỷ Hợ Thủy của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, có thông tin khắc chủ. Trước mắt mặc dù không vấn đề gì, nhưng một khi kỵ thần Thủy khắc sát được nguyệt kiến sinh vượng, ắt khắc gia chủ không chút nghi ngờ. Hào 6 Tử Tôn Tuất Thổ là mộ khố của hào Thế, phần mộ, bây giờ phát động và hóa xuất Mùi Thổ cùng Thái Tuế Sửu Thổ cấu thành tam hình, có tai họa cực kỳ xấu, như có sẵn mộ phần đợi gia chủ đến nằm vào vậy. Ứng kỳ vào tháng 7, 8, 10, 11 âm lịch, những tháng kỵ tinh khắc Thế được sinh vượng ứng nghiệm xảy ra tai họa. Nhanh thì sẽ là tháng 7 âm lịch, chậm thì là tháng 11 âm lịch ứng nghiệm tai họa khắc chủ.

Thực tế: Gia chủ sau khi vào nhà ở được 2 tháng đến đầu tháng 8 ngày mùng 4 Canh Tuất năm 1997 âm lịch là ngày hào Thế nhập mộ khố, bị xe máy tông khiến bị thương nặng, sau đó đưa đến bệnh viện quận cứu chữa tốn hơn 10 vạn tệ cũng không cứu được gia chủ, gia chủ vẫn chết, hưởng thọ chưa đến 50 tuổi. Gia chủ mặc dù một mặt do hào Phụ Mẫu quản, nhưng kiếp số vận mệnh và hung số của tên họ cũng với thông tin khắc chủ trong nhật khóa

lại ít nhiều xảy ra hiệu ứng đồng bộ, cho nên khó tránh khỏi tai họa lần này.

Ví dụ 46: Một người vào giờ Dần ngày mùng 2 tháng 8 năm 1994 âm lịch động thổ xây Đình kiêm Ngọ trạch.

Nhật khóa: Giáp Tuất Quý Tuất Giáp Ngọ Bính Dần

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Sơn Trạch Tồn", quẻ biến "Sơn Lô Di", hào 2 phát động.

Tồn	Di
Ư ䷏ Quan Quỷ Dần mộc	䷏ Quan Quỷ Dần mộc Vũ
䷏ Thê Tài Tý thủy	䷏ Thê Tài Tý thủy Hổ
䷏ Huynh Đệ Tuất thổ	䷏ Huynh Đệ Tuất thổ Xà
T ䷏ Huynh Đệ Sửu thổ	䷏ Huynh Đệ Thìn thổ Câu
䷏ Quan Quỷ Mão mộc	䷏ Quan Quỷ Dần mộc Tước
䷏ Phụ Mẫu Ty hỏa	䷏ Thê Tài Tý thủy Long
THỔ	Không Vong: Thìn, Ty

Khóa này quẻ chủ "Sơn Trạch Tồn", là quẻ có thông tin xấu nhất trong xây nhà cửa. Mà quẻ chủ đại tượng bị quẻ biến đại tượng hóa hồi đầu khắc, ắt có chuyện thương tổn và hao tổn, là quái tượng đại hung. Hào sơ Phụ Mẫu Ty Hỏa hóa hồi đầu khắc; hào 2 Quan Quỷ Mão Mộc động khắc hào Thế, hào Thế lại còn hóa Tuất phá, nguyệt phá. Hào 5 Thê Tài Tý Thủy có Bạch Hổ ở tại đó, bị nhật kiến xung ám động. Hào 6 lâm Ứng lại khắc hào Thế, khóa này thấy có tai họa thương tổn, tổn hại nhân đinh, thoái tài, đại hung. Tai họa ứng kỳ khi Quan Quỷ Mão Mộc đương lệnh khắc hào Thế ứng nghiệm vào tháng 10 âm lịch.

Thực tế: Gia chủ sau dụng sự vào tháng 10 âm lịch, móng nhà còn chưa xây được bao nhiêu, tường phòng khách còn chưa xây quá đầu, cả nhà bị tai nạn sẽ mà chết hết, trở thành một chuyện vô cùng thương tâm.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 47: Người họ Tạ vào giờ Tý ngày mùng 9 tháng 2 năm 1995 âm lịch dọn vào ở Tý kiếm Quý trạch.

Nhật khóa: Ất Hợi Kỷ Mão Kỷ Hợi Giáp Tý

Lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Phong Thủy Hoán", quẻ biến "Phong Địa Quan", hào 2 phát động.

Hoán

Quan

— Phụ Mẫu Mão mộc

— Phụ Mẫu Mão mộc Câu

T — Huynh Đệ Ty hỏa

— Huynh Đệ Ty hỏa Tước

-- Tử Tôn Mùi thổ Tài Dậu

-- Tử Tôn Mùi thổ Long

-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Quan Hợi

-- Phụ Mẫu Mão mộc Vũ

Ư — Tử Tôn Thìn thổ

-- Huynh Đệ Ty hỏa Hổ

-- Phụ Mẫu Dần mộc

-- Tử Tôn Mùi thổ Xà

HỎA

Không Vong: Thìn, Ty

Khóa này quẻ chủ hào 5 Huynh Đệ Ty Hỏa, vượng tại nguyệt lệnh, bị nhật kiến xung khởi kiếp Tài ất thoát đại tài, lại bị Thái Tuế xung phá, gia chủ ắt gặp họa, nếu hào Thế không được nguyệt lệnh sinh, ắt chịu khắc tổn. Lại có hào 2 Tử Tôn Thìn Thổ hưu tù tại Tuế nguyệt, mặc dù động hóa vượng tại nguyệt lệnh Huynh Đệ Ty Hỏa-hóa hồi đầu sinh, nhưng lại phá tại Thái Tuế, lại có Bạch Hổ phát động, cũng chính là có tai họa thương tổn lục súc (vì hóa sinh nguyên thần Ty Hỏa vượng tại nguyệt lệnh, cho nên chỉ tổn hại lục súc, không tổn hại đến con cái). Khóa này có tai họa khắc chủ và thoát đại tài.

Thực tế: Gia chủ bắt đầu từ năm 1996, bị mắc bệnh lạ, gia chủ mặc dù đã mời một bác sỹ có tiếng trong vùng đến, nhưng cũng bất lực. Bệnh tình lúc tốt lúc xấu, bị ép đến mức phải đi tìm bác sỹ chữa bệnh khắp nơi, đã tốn hết hơn 1 vạn tệ, đến năm 1997 vợ tìm đến tác giả xin tác giả giúp, bệnh tình mới có thể tốt hơn lên. Đương nhiên, cũng xảy ra chuyện vật nuôi trong nhà bị chết bị hao tổn.

Ví dụ 48: Người họ Phan vào giờ Dậu ngày 16 tháng 9 năm 1991 âm lịch động thổ xây Khôn kiêm Thân trạch.

Nhật khóa: Tân Mùi Mậu Tuất Bính Dần Đinh Dậu

Lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Thiên Hỏa Đồng Nhân", quẻ biến "Thiên Sơn Độn", hào sơ phát động.

	Đồng Nhân		Độn
Ư	— Tử Tôn	Tuất thổ	— Tử Tôn
	— Thê Tài	Thân kim	— Thê Tài
	— Huynh Đệ	Ngọ hỏa	— Huynh Đệ
T	— Quan Quỷ	Hợi thủy	— Thê Tài
	— Tử Tôn	Sửu thổ	— Huynh Đệ
	— Phụ Mẫu	Mão mộc	— Tử Tôn
			— Thên thổ

HỎA

Không Vong: Tuất, Hợi

Khóa này quẻ chủ hào Thế Quan Quỷ Hợi Thủy, tiết khí tại nhật kiến, hưu tù tại Tuế nguyệt, mà vào Địa vông của nguyệt lệnh. Bởi vì quẻ khóa ở Khôn sơn gia, hào Thế là nữ chủ nhân hoặc nữ thiếu chủ, mặc dù được hào 5 và hóa xuất hồi đầu sinh, nhưng cây khô héo gặp nước cũng khó mà sống lại, lại bị hào nguyệt lệnh hào Ứng khắc sát, hào 2 Tử Tôn Sửu Thổ vượng tại nguyệt lệnh và Thái Tuế hình thành tam hình mà khắc sát, hào Thế hữu tử vô sinh. Xuất tại hào Tử Tôn khắc sát, lại gặp tam hình, nữ chủ nhân đa phần do sinh đẻ mà mất hoặc gặp họa vì con cái, khóa này trong quẻ xuất hiện thông tin thoát tổn nữ chủ nhân. Ứng kỳ vào năm Sửu Tuất tai họa sẽ ứng nghiệm.

Thực tế: Năm 1994, bởi vì vợ của gia chủ mất sớm, ứng nghiệm gia chủ lấy một người mới còn trẻ trong lúc sinh nở khó khăn mà chết, lúc chết mới hơn 20 tuổi. Đứa trẻ cũng không giữ được. Bởi vì Tử Tôn Sửu Thổ và Tuế nguyệt Mùi Tuất cấu thành tam hình.

Ví dụ 49: Người họ Dương vào giờ Tý ngày mùng 7 tháng 8 năm 1997 âm lịch kiến Tuất kiêm Càn trạch.

Nhật khóa: Đinh Sửu Kỷ Dậu Quý Sửu Nhâm Tý

Lập được quẻ thông tin nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ “Thiên Trạch Lý”, quẻ biến “Đoài Vi Trạch”, hào 6 phát động.

Lý	Đoài
— Huynh Đệ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Mùi thổ Hổ
T — Tử Tôn Thân kim Tài Tý	— Tử Tôn Dậu kim Xà
— Phụ Mẫu Ngọ hỏa	— Thê Tài Hợi thủy Câu
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Tước
Ư — Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Long
— Phụ Mẫu Tý hỏa	— Phụ Mẫu Tý hỏa Vũ

THỔ

Không Vong: Dần, Mão

Khóa này quẻ chủ hào 6 Huynh Đệ Tuất Thổ vượng tại nhật kiến và Thái Tuế, mà lâm Bạch Hổ phát động, lại có hóa xuất Mùi Thổ cùng Tuế nhật Sửu Thổ hình thành tam hình, ắt có tai họa bị thương máu chảy, thoái tài hoặc tai họa tổn Thê. Hào 4 Phụ Mẫu Ngọ Hỏa lại hưu tù tại nguyệt lệnh nhật kiến, bị hào Thê Tài Hợi Thủy của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, có thông tin bất lợi cho cha mẹ, nhà cửa, xe cộ, ứng kỳ ứng nghiệm trong tháng dụng sự.

Thực tế: Lúc động thổ, gia chủ thấy một người thanh niên mặt đầy máu gần nhà, đây là thông tin hung ở bên ngoài (ngoại ứng) là không tốt. Trong tháng gia chủ và vợ cùng đi xe máy ra ngoài và gặp tai nạn, gia chủ bị thương nhẹ chảy máu, vợ bị thương nặng chảy máu, sau đó đưa vào viện điều trị 1 tháng, tổn mất hơn 1 nghìn tệ, còn móng nhà lại có vấn đề bị vỡ, phải xây lại lại tốn một khoản tiền.

Ngoài ra: Người họ Trạch cũng dùng khóa này kiến Càn trạch, trong tháng mất một con chó to, giá tầm mấy trăm vạn, sau đó lại bị mất một khoản hơn 1300 tệ.

Ví dụ 50: Người họ Vương vào giờ Thân ngày 11 tháng 8 năm 1997 âm lịch động thổ xây sửa lại căn nhà ở hướng Cấn.

Nhật khóa: Đinh Sửu Kỷ Dậu Đinh Tỵ Mậu Thân

Lập được quẻ thông tin nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Phong Thủy Hoán", quẻ biến "Khảm Vi Thủy", hào 6 phát động.

Hoán	Khảm
— Phụ Mẫu Mão mộc	-- Quan Quỷ Tý thủy Long
T — Huynh Đệ Tỵ hỏa	— Huynh Đệ Tuất thổ Vũ
-- Tử Tôn Mùi thổ Tài Dậu	-- Thê Tài Thân kim Hổ
-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Quan Hợi	-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Xà
Ư — Tử Tôn Thìn thổ	— Tử Tôn Thìn thổ Câu
-- Phụ Mẫu Dần mộc	-- Phụ Mẫu Dần mộc Tước

HỎA

Không Vong: Tý, Sửu

Quẻ khóa này rõ ràng không có lợi cho cha mẹ. Hào sơ Phụ Mẫu Dần Mộc, cùng nhật thời Tỵ Thân cấu thành tam hình. Có thông tin tai họa thương tổn. Hào sơ Phụ Mẫu Mão Mộc bị nguyệt lệnh xung phá, may mà động hóa Quan Quỷ Tý Thủy hồi đầu sinh, không để cho tai họa phát tán rộng ra, nhưng chuyện cha bị thương tổn là không thể tránh. Ứng kỳ lấy số hào động để xác định, 6 ngày sau ứng nghiệm.

Thực tế: Gia chủ sau khi dụng sự ngày thứ 6 là ngày Quý Hợi, nhật kiến xung động hào Thế Huynh Đệ Tỵ Hỏa, cha bị tai nạn bị thương. Bởi vì Huynh Đệ tri Thế gặp xung động, ắt ứng với thoái tài. Vì cha bị thương vào viện, nên ắt hẳn tổn tiền tài.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 51: Người họ Ngô vào giờ Tý ngày 26 tháng 5 năm 1989 âm lịch động thổ kiến Khôn kiêm Thân trạch.

Nhật khóa: Kỷ Tý Canh Ngọ Canh Thân Tân Tý

Lập được quẻ thông tin năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thủy Lôi Truân", quẻ biến "Thủy Trạch Tiết", hào 2 phát động.

Truân	Tiết
-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Huynh Đệ Tý thủy Xà
Ư -- Quan Quỷ Tuất thổ	-- Quan Quỷ Tuất thổ Câu
-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Phụ Mẫu Thân kim Tước
-- Quan Quỷ Thìn thổ Tài Ngọ	-- Quan Quỷ Sửu thổ Long
T -- Tử Tôn Dần mộc	-- Tử Tôn Mão mộc Vũ
-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Thê Tài Tý hỏa Hổ

THỦY

Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này quẻ chủ hào 2 Tử Tôn Dần Mộc phát động, cùng nhật, giờ (hoặc Thái Tuế) cấu thành Tý Thân Dần tam hình (bởi vì dụng sự tại quẻ Khôn, hào Thế là nữ chủ nhân) cực kỳ bất lợi cho nữ chủ nhân, nữ chủ nhân ắt gặp tai họa thương tổn. Lại có hào sơ Huynh Đệ Tý Thủy lâm Bạch Hổ, bị nguyệt lệnh xung động, ắt gặp tai họa thương tổn và chuyện thoái tài. Thông tin trong quẻ rất rõ ràng bất lợi cho nữ chủ nhân, bởi vì Huynh Đệ Tý Thủy được nhật kiến sinh trưởng. Khóa này bất lợi cho nữ chủ nhân, có thông tai tai họa thương tổn và thoái tài. Ứng kỳ lấy số hào động xác định được là 2 tháng tức là tháng 6 sẽ gặp tai họa, bởi vì tháng 6 là tháng hào Thế gặp mộ khố.

Thực tế: Gia chủ sau dụng sự vào tháng 6 âm lịch, vợ vì đun nấu mà xảy ra sự cố dẫn đến bị bỏng người, vào viện điều trị hơn 1 tháng, tổn mất hơn 1000 tệ.

Ví dụ 52: Người họ Trương và Triệu vào giờ Dần ngày 12 tháng 11 năm 1997 âm lịch để dọn vào ở Căn kiem Sửu trạch.

Nhật Khóa: Đinh Sửu Nhâm Tý Đinh Hợi Nhâm Dần

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thiên Lôi Vô Vọng", quẻ biến "Phong Lôi Ích", hào 4 phát động.

Vô Vọng				Ích			
—	Thê Tài	Tuất thổ	—	Huỳnh Đệ	Mão mộc	Long	
—	Quan Quỷ	Thân kim	—	Tử Tôn	Tý hỏa	Vũ	
T	—	Tử Tôn	Ngo hỏa	—	Thê Tài	Mùi thổ	Hổ
—	Thê Tài	Thìn thổ	—	Thê Tài	Thìn thổ	Xà	
—	Huỳnh Đệ	Dần mộc	—	Huỳnh Đệ	Dần mộc	Câu	
Ư	—	Phụ Mẫu	Tý thủy	—	Phụ Mẫu	Tý thủy	Tước
MỘC				Không Vong: Ngọ, Mùi			

Khóa này hào 4 Tử Tôn Ngọ Hỏa, vốn tuyệt tại nguyệt lệnh, bị nguyệt lệnh xung phá, lại lâm Bạch Hổ phát động, ứng với con trai gặp phải tai họa đại hung, may mắn có nguyệt chi và niên chi lục hợp hóa giảm sức mạnh xung khắc. Lại có ngày giờ Dần Hợi hóa Mộc, có thể ít nhiều sinh phù một chút cho hào Thế Tử Tôn, nhưng quẻ khóa này vốn hào Ứng Phụ Mẫu Tý Thủy khắc Tử Tôn Ngọ Hỏa, mức độ hung khó mà đoán được. Do đó quái tượng ắt tổn hại con trai, tổn hại lục súc và họa thoái tài, họa lớn hay nhỏ còn tùy vào phúc phần của gia chủ. Tác giả có tiến đến nghiên cứu sâu hơn về khóa này.

Dựa theo thông tin được biết, hai nhà Trương Triệu sau khi dụng sự trong năm đó không có xảy ra chuyện mất mạng chết người gì, chỉ là họ Trương sau khi dụng sự trong tháng đó có mất một chiếc xe. Giá trị khoảng hơn 4000 tệ. Mà họ Triệu sau khi dụng sự vào tháng 12 chết mất một con heo đang mang thai giá tầm hơn mấy trăm tệ.

Mãi đến tháng 2 năm 1998, quẻ năm đó quan chức viên mãn, vẫn chưa nghe thấy chuyện con trai thương tổn hay tử nạn gì. Có thể là do thông tin hung của nhật khóa và thông tin bản thể của gia chủ dụng sự không xảy ra đồng bộ với nhau, chỉ xảy ra chút chuyện thoái tài tổn thất lục súc nên đã ngăn được tai họa khắc tổn con cái thoái tổn nhân đình.

Ví dụ 53: Người họ Một thôn họ Liễu vào giờ Thìn ngày mùng 4 tháng 9 năm 1997 âm lịch kiến Nhâm Sơn xã công (miếu thổ địa).

Nhật khóa: Đinh Sửu Kỷ Dậu Canh Thìn Canh Thìn

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Sơn Trạch Tổn", quẻ biến "Địa Trạch Lâm", hào 6 phát động.

Tổn	Lâm
Ư ䷏ Quan Quỷ Dần mộc	䷏ Tử Tôn Dậu kim Xà
䷏ Thê Tài Tý thủy	䷏ Thê Tài Hợi thủy Câu
䷏ Huynh Đệ Tuất thổ	䷏ Huynh Đệ Sửu thổ Tước
T ䷏ Huynh Đệ Sửu thổ	䷏ Huynh Đệ Sửu thổ Long
䷏ Quan Quỷ Mão mộc	䷏ Quan Quỷ Mão mộc Vũ
䷏ Phụ Mẫu Ty hỏa	䷏ Phụ Mẫu Ty hỏa Hổ

THỔ

Không Vong: Thân, Dậu

Quẻ khóa này có 3 loại thông tin hung: tổn nhân đinh, thoái đại tài và thị phi. Quẻ chủ "Sơn Trạch Tổn" là quẻ xấu nhất, ắt có chuyện thương tổn hao tổn. Hào 4 hào Huynh Đệ Tuất Thổ lâm Chu Tước bị nhật kiến xung mà ám động, khóa này có thông tin thị phi xuất hiện. Lại có Huynh Đệ Tuất Thổ vượng tại Thái Tuế và nhật kiến, mà động kiếp tài, có thông tin thoái tài và nữ đinh thương tổn. Hào 4 Huynh Đệ Sửu Thổ hào Thế là gia chủ, là nam đinh (Nhâm Sơn quẻ Khảm là dương), bây giờ hào 2 Quan Quỷ Mão Mộc ám động khắc sát, lại có hào 6 Quan Quỷ Dần Mộc động mà khắc sát, ắt tổn hại nhiều cho nam đinh. Nhưng Mộc ở trong tháng bị khắc chế, không cách nào có quyền khắc sát, từ tháng 10 âm lịch đến tháng 1,2 âm lịch năm sau, Quan Quỷ Dần Mộc được sinh vượng, ắt tổn hại đến nhân đinh. Tổn nhân đinh ứng kỳ vào tháng 9 tổn hại nữ đinh, sau tháng 10 đa phần tổn hại nam đinh. Số tổn hại nhân đinh lấy số của hào động để xác định, hào 2 ám động, hào 6 động rõ ràng, hai hào này cộng lại được số 8, ứng với tổn hại 8 nhân đinh.

Tình trạng ứng nghiệm: Khóa này vốn do trạch sư bên ngoài huyện chọn, nói trước tốt sau tốt các kiểu. Sau một trạch sư trong thôn nói khóa này hung, không nên dùng, nhưng thôn (hơn 2 nghìn người) không tin mà lại tin trạch sư bên ngoài, cương quyết dùng đến (bởi vì đi những chỗ khác trạch sư nào cũng nói đây là nhật khóa tốt). Trạch sư ngoài huyện còn nói trạch sư trong thôn chỉ có

cái danh hảo, nói vậy làm tổn hại danh tiếng của ông ta, muốn mượn danh ông ta để nổi tiếng, phải đi xin lỗi ông ta. Trạch sư trong thôn bị mọi người ép đến mức phải đi qua xin lỗi ông ta. Sau đó một người khác hoài nghi nên nhờ tác giả xem hung cát cho nhật khóa này, tác giả đồng thời dựa theo cả tứ trụ và bát quái để dự đoán, đều phát hiện ra đây là khóa cực kỳ hung, liền bảo người đó giúp tác giả kiểm chứng và báo cáo lại. Kết quả đều như những gì tác giả dự đoán. Tháng dụng sự là tháng 9, Tuất Thổ khắc Tài trực phùng đương lệnh, đầu tiên chết một người phụ nữ khoảng 40 tuổi. Tháng 10 liên tiếp chết 3 người đàn ông trung niên, tháng 1 chết một người đàn ông lớn tuổi. Đến tháng 1 năm 1998, liên tiếp chết 3 người đàn ông tầm 60 tuổi. Đến tháng 1 năm 1998, khóa này dẫn đến chết cả nam lẫn nữ tổng cộng 8 người. Vì thôn sử dụng khóa đại hung như vậy, nên mới khiến cho gia tộc vô phúc, không nghe theo trạch sư trong thôn mà nghe theo mấy tên trạch sư dỏm bên ngoài! Cũng là báo ứng của ông trời thôi, tìm một tên trạch sư dỏm để làm gì.

Ngoài ra: Cũng có 3 quan chức chọn nhật khóa này để kiến trạch và tiến trạch, đều xảy ra tai họa thoái tài, đều gặp thị phi kiện tụng và mất chức giáng chức.

Ví dụ 54: Người họ Triệu mẫu vào giờ Tý ngày 29 tháng 7 năm 1992 âm lịch vào ở Nhâm kiêm Tý trạch.

Nhật khóa: Nhâm Thân Tân Hợi Quý Mão Nhâm Tý

Lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ “Địa Thiên Thái”, quẻ biến “Địa Phong Thăng”, thêm họ (14 nét) lập được quẻ chủ “Thủy Sơn Kiến”, quẻ biến “Thủy Địa Tỷ”. Quẻ thuần hào sơ phát động, quẻ thêm họ hào 3 phát động.

Thái	Thăng
Ư -- Tử Tôn Dậu kim	-- Tử Tôn Dậu kim Hổ
-- Thê Tài Hợi thủy	-- Thê Tài Hợi thủy Xà
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Câu
T -- Huynh Đệ Thìn thổ	-- Tử Tôn Dậu kim Tước
-- Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ty	-- Thê Tài Hợi thủy Long
-- Thê Tài Tý thủy	-- Huynh Đệ Sửu thổ Vĩ
THỔ	Không Vong: Thìn, Ty

Khóa này hai quẻ chủ biến vốn đều là quẻ cát, nhưng nhật khóa tứ trụ khiến cho quái hào trở nên không cát, ngược lại còn phát sinh tai họa. Hào 6 Tử Tôn Dậu Kim lâm Bạch Hổ, vốn được Thái Tuế tỉ phù nên vượng, nhưng tiết khí tại nguyệt lệnh, lại bị nhật kiến Mão Mộc phản xung khắc, phù vượng và tương khắc lực lượng khác xa nhau, ứng theo khắc mà nói, hào Tử Tôn chủ con trai, bây giờ ở hào âm là con gái, bị nhật kiến xung lâm Bạch Hổ ám động, ắt có chuyện hung thương hiếu phúc không tốt đẹp gì xảy ra, hoặc có tai họa chết yếu. Hào sơ Thê Tài Tý Thủy phát động, hóa xuất Sửu Thổ và nguyệt lệnh Hợi Thủy (ở tại hào 5) thành công hình thành tam hợp cục Thủy, là Tài tinh Thủy cực vượng, bây giờ Tử Tôn Dậu Kim vốn đến nơi không vượng, giờ lại ám động mà sinh đổ hết vào Thủy, tiết cạn nguyên khí, Thủy nhiều Kim trầm, ngược lại tạo thành tai họa phản khắc, ắt có chuyện tai họa xấu tổn hại con gái. Tai họa ứng kỳ là vào năm Hợi Thủy tiết cạn nguyên khí Tử Tôn Kim sẽ ứng nghiệm. Đồng thời, Huynh Đệ Thìn Thổ tri Thế là nền móng là gia chủ, hưu tù tại Tuế nguyệt, bị khắc tại nhật kiến, cũng là có thông tin bất lợi cho gia chủ và nhân đinh, quẻ khóa không cát.

Lại thêm họ vào để nói.

Quẻ chủ “Thủy Sơn Kiến” là quái tượng khó khăn, trở ngại, không cát. Hào 3 Huynh Đệ Thân Kim là Thái Tuế lại phát động, ắt có tổn hại kiếp tài và tổn hại nữ đinh. Hào 6 Tử Tôn Tý Thủy lâm Bạch Hổ vượng tại Thái Tuế và nguyệt lệnh, ngày giờ hội tụ lại tại hướng Bắc cục Thủy; bây giờ lại được hào Thái Tuế Huynh Đệ Thân Kim và hào động sinh, là sinh vượng quá mà ngược lại khắc (ngũ hành có định nghĩa sinh vượng quá mà quay ngược lại khắc), Thủy quá nhiều quá vượng ngược lại tràn ngập vào Hỏa. Tử Tôn Tý Thủy lại là hào âm, chủ con gái. Bây giờ quẻ thuần nhật khóa thêm họ được nhật khóa có thông tin thoái tài và bất lợi cho con gái, khóa này nhất định tổn hại đến con gái là chắc chắn. Ứng kỳ là năm Bạch Hổ trực phùng là năm Tý. Tử Tôn Tý Thủy quá vượng tràn ngập vào Hỏa, sẽ là năm ứng nghiệm tức năm Tý.

Thực tế: Gia chủ sau khi vào nhà mới ở, đúng là có thoái tài, mà nhân đinh cũng không bình an cho lắm, đặc biệt là con gái. Năm Bính Tý 1996, Bạch Hổ tinh đến vị trí, gia chủ có một người con gái đã trưởng thành nhưng chưa kịp lấy chồng đã mất.

Ví dụ 55: Người họ Đặng vào giờ Mão ngày 28 tháng 9 năm 1995 âm lịch dọn vào ở Mùi kiêm Khôn trạch.

Nhật khóa: Ất Hợi Đinh Hợi Ất Mão Kỷ Mão

Lập được quẻ thuần nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Sơn Hỏa Bí", quẻ biến "Cấn Vi Sơn", hào sơ phát động; thêm họ (19 nét) lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Trạch Thủy Khốn", quẻ biến "Trạch Địa Tụ", hào 2 phát động.

(1) Quẻ thuần nhật khóa thời gian dài.

Bí	Cấn
— Quan Quỷ Dần mộc	— Quan Quỷ Dần mộc Vũ
-- Thê Tài Tý thủy	-- Thê Tài Tý thủy Hổ
Ư -- Huynh Đệ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Tuất thổ Xà
— Thê Tài Hợi thủy Tử Thân	— Tử Tôn Thân kim Câu
-- Huynh Đệ Sửu thổ Phụ Ngọ	-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Tước
T — Quan Quỷ Mão mộc	-- Phụ Mẫu Thìn thổ Long
THỔ	Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này rõ ràng có thông tin bất lợi cho con trai. Phục thần Tử Tôn Thân Kim, hưu tù tại nhật kiến, tiết tận nguyên khí tại Tuế nguyệt, lại phục dưới Tuế Nguyệt, bên dưới hào Thê Tài Hợi Thủy, là phục thần sinh phi thần, là hung bạo, lại tiết tận nguyên khí của Kim, có Thủy nhiều Kim ít, vĩnh viễn không thể xuất hiện, thông tin tổn hại đến con trai đã thấy được trong quẻ. Tử Tôn là hào dương, tổn hại con trai. Ứng kỳ vào năm Sửu năm Tử Tôn Thân Kim nhập Mộ một số tai họa sẽ ứng nghiệm.

(2) Thêm họ lập quẻ nhật khóa thời gian dài.

Khốn	Tụ
-- Phụ Mẫu Mùi thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Vũ
— Huynh Đệ Dậu kim	— Huynh Đệ Dậu kim Hổ
Ư — Tử Tôn Hợi thủy	— Tử Tôn Hợi thủy Xà
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa	-- Thê Tài Mão mộc Câu
-- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Quan Quỷ Tý hỏa Tước
T -- Thê Tài Dần mộc	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Long
KIM	Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này hào ứng Tử Tôn Hợi Thủy lâm Thái Tuế và nguyệt lệnh, vốn dĩ tương vượng nhưng lại cùng Thái Tuế, nguyệt lệnh cấu thành tự hình đã không cát rồi. Giờ hào 2 Phụ Mẫu Thìn Thổ phát động sinh hào 5 Huynh Đệ Dậu Kim, Huynh Đệ Dậu Kim bị nhật kiến xung ám động lại sinh Tử Tôn Hợi Thủy, sinh quá mà ngược lại thành khắc. Nguyên thần Huynh Đệ Dậu kim của Tử Tôn Hợi Thủy ở tại hào 5 lâm Bạch Hổ phát động, ắt có tai họa bị thương máu chảy, Bạch Hổ ám động sinh Tử Tôn, họa đến bất ngờ, tai nạn đến không hề hay biết, gặp tai nạn trên đường, có liên quan đến nước và xe cộ. Năm Đinh Sửu 1997, Huynh Đệ Dậu Kim và hào động hóa xuất của Quan Quỷ Tỵ Hỏa cấu thành tam hợp Tỵ Dậu Sửu Kim cục đến sinh Bạch Hổ của Tử Tôn Hợi Thủy. Sinh vượng thái quá ắt ứng nghiệm xảy ra tai họa. Tử Tôn Hợi Thủy là con cái, bây giờ ở hào dương, ứng nghiệm con trai của gia chủ gặp tai họa.

Thực tế: Tháng 10 năm 1997, Tử Tôn Hợi Thủy sinh vượng thái quá lại gặp tự hình, con trai duy nhất của gia chủ bị tai nạn xe mà chết.

Con trai duy nhất của gia chủ chết, thật sự có liên quan đến nước và xe cộ. Con trai duy nhất của gia chủ sau khi tốt nghiệp cấp ba thi rớt đại học, ở nhà chờ việc, đến một ngày vào tháng 10 âm lịch, trời đổ mưa lớn, mà còn mưa rất lâu, họ Đặng sau khi tan làm bởi vì lúc đi làm quên mang ô, sau khi tam làm vì mưa quá lâu nên mãi chưa về nhà được. Ở nhà con trai lấy xe đạp đi đưa ô cho ông ta, vì tầm nhìn giới hạn, trên đường đi đưa ô bị xe tông phải thương nặng, cấp cứu ko kịp thời nên chết, hưởng thọ hơn 20 tuổi.

Ví dụ 56: Người họ Lưu vào giờ Mão ngày 15 tháng 9 năm 21997 âm lịch dọn vào ở Căn kiem Dân trạch.

Nhật khóa: Đinh Sửu Canh Tuất Tân Mão Tân Mão

Thêm họ (15 nét) lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thiên Phong Cấu", quẻ biến "Thiên Thủy Tụng", hào 3 phát động.

Cấu	Tụng
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Phụ Mẫu Tuất thổ Xà
— Huynh Đệ Thân kim	— Huynh Đệ Thân kim Câu
Ư — Quan Quỷ Ngọ hỏa	— Quan Quỷ Ngọ hỏa Tước
— Huynh Đệ Dậu kim	-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Long
— Tử Tôn Hợi thủy Tài Dân	— Phụ Mẫu Thìn thổ Vũ
T -- Phụ Mẫu Sửu thổ	-- Thê Tài Dân mộc Hổ

KIM

Không Vong: Ngọ, Mùi

Quẻ khóa này vừa nhìn đã thấy không phải quẻ cát, mà là quẻ hung, quẻ chủ "Thiên Phong Cấu" quẻ biến "Thiên Thủy Tụng" đại tượng hóa hồi đầu khắc. Quẻ chủ hào sơ lâm Thế, hào 2 Tử Tôn, hào 3 Huynh Đệ đều bị hào của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, quái hào đại hung. Hào sơ Phụ Mẫu Sửu Thổ trì Thế, vượng tại nguyệt kiến lại cũng là hào Thái Tuất, mặc dù tương vượng, nhưng hào quẻ biến Thê Tài Dân Mộc hóa hồi đầu khắc, chủ vì Thê Tài mà bị họa thị phi, mà vợ con đối với cha mẹ cũng khó bảo bất hiếu. Hào 2 Tử Tôn Hợi Thủy có Huyền Vũ ở đó, con cái khó thành tài, mà đa phần bị bệnh tật thương tổn hoặc khó dạy bảo. Đồng thời cũng đa phần gặp chuyện kiện tụng thị phi không thôi, cũng có lực sức khó nuôi dưỡng khó phát tài. Hào 3 Huynh Đệ Dậu Kim vượng tại nguyệt lệnh phát động, ắt mất tiền tài. Nhưng Huynh Đệ Dậu Kim nhập mộ tại Thái Tuất, lại có hào Quan Quỷ Ngọ Hỏa được nhật kiến sinh hóa hồi đầu khắc, ắt có chuyện anh em thương tổn. Bởi vì lâm Thanh Long mà thành vui quá hóa buồn, khóa vốn là khóa không tốt.

Ứng nghiệm: Gia chủ vào ngày nhập trạch, có một người anh em từ xa đến chúc mừng tân gia lại gặp tai nạn chết, thật sự là vui quá hóa buồn, là một khởi đầu không mấy tốt đẹp. Sau đó gia chủ làm gì cũng không hề thuận lợi, còn tiêu tốn mất hơn 3000 tệ.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 57: Người họ Phan vào giờ Hợi ngày 27 tháng 10 năm 1983 âm lịch kiến Càn kiêm Tuất trạch.

Nhật khóa: Quý Hợi Quý Hợi Quý Hợi Quý Hợi

Lập được quẻ thông tin nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Sơn Hỏa Bí", quẻ biến "Phong Hỏa Gia Nhân", hào 5 phát động.

Bí	Gia Nhân
— Quan Quỷ Dần mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Hổ
-- Thê Tài Tý thủy	— Phụ Mẫu Tỵ hỏa Xà
Ư -- Huynh Đệ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Mùi thổ Câu
— Thê Tài Hợi thủy Tử Thân	— Thê Tài Hợi thủy Tước
-- Huynh Đệ Sửu thổ Phụ Ngọ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Long
T — Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Vũ

THỔ

Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này nhìn một cái là biết khó thành gia lập nghiệp, khóa dẫn đến cô độc cả đời, đừng nhìn trong quẻ có hai hào Thê Tài đều vượng, nhưng phân tích theo lý luận ngũ hành, Thủy nhiều ngược lại tràn ra gây họa, cho nên ngược lại khó đắc tài lộc. Giờ hào 5 Thê Tài Tý Thủy động hóa xuất Tỵ Hỏa là Tuế nguyệt nhật thời đều toàn hóa tuyệt, ngược lại gây nên vô tài. Hào 6 Quan Quỷ Mão Mộc tri Thế vốn là Quý địa, nhưng trong khoảng Tài tinh Thủy ngập tràn ngược lại mà sinh nhiều thành khắc. Thủy quá nhiều Mộc hấp thụ không kịp nên úng, sẽ thối rữa gốc mà chết, phục thần Tử Tôn Thân Kim hưu tù tại Tuế nguyệt nhật thời, mà lại sinh phi thần, năm tháng bế tiết tận nguyên khí ắt tử tuyệt, khóa này vốn khó thành gia lập nghiệp, dẫn đến cô độc đó không phải là nói bừa.

Ứng nghiệm: Khóa này năm đó có rất nhiều người chọn dụng sự, qua tìm hiểu thì được biết họ làm gì cũng đều không thuận lợi, như nhà họ Phan mà nói, dụng sự đến nay đã 17 năm, cầu tài không được, cầu Thê không xong, cứ tầm thường như vậy, năm nay đã 40 tuổi rồi, mẹ mất sớm và em gái đi lấy chồng, đến nay vẫn cô đơn 1 mình. Nhà cửa mặc dù xây dựng không tệ, nhưng không có lấy một người đến hỏi chuyện hôn sự, cho dù việc kinh doanh của gia chủ không tệ, nhưng vẫn ứng nghiệm với câu hát khó lấy được vợ. "Muội tử nhân thế cao quá thiên, vô nhân vấn tân

thật đáng thương, đem cái ghế đầu ra cửa ngồi, vuốt râu thôi cũng đã lại hết một năm!”.

Ví dụ 58: Người họ Một người vào giờ Dần ngày 16 tháng 1 năm 1998 âm lịch dọn vào Ất kiem Mão trạch.

Nhật khóa: Mậu Dần Giáp Dần Canh Dần Mậu Dần

Lập được quẻ nhật khóa năm dựng sự gồm quẻ chủ “Lôi Sơn Tiểu Quá”, quẻ biến “Trạch Sơn Hàm”, hào 5 phát động.

Tiểu Quá	Hàm
-- Phụ Mẫu Tuất thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Câu
-- Huỳnh Đề Thân kim	-- Huỳnh Đề Dậu kim Tước
T -- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tử Hợi	-- Tử Tôn Hợi thủy Long
-- Huỳnh Đề Thân kim	-- Huỳnh Đề Thân kim Vũ
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Hổ
Ư -- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Phụ Mẫu Thìn thổ Xà
KIM	Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này quẻ chủ hào 5 Huỳnh Đề Thân Kim phát động hóa Dậu Kim tiến thần, mặc dù đương nhật không vượng, nhưng đến ngày sinh vượng tất khắc Tài, khóa này ắt có chuyện thoái đại tài. Hào 3 Huỳnh Đề Thân Kim bị nhật kiến xung ám động, lại hóa Huỳnh Đề Thân Kim, cũng có thông tin thoái tài, cũng vào ngày Huỳnh Đề Thân Kim sinh vượng mà thoái tài, lấy số hào động để xác định ứng kỳ, là 3 đến 5 ngày sẽ ứng nghiệm.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dọn vào nhà, ngày thứ 3 là ngày Nhâm Thìn, Huỳnh Đề Thân Kim kiếp thần được sinh vượng, nhật lệnh lại xung hào 6 Phụ Mẫu Tuất Thổ sinh kiếp thần, ngày này gia chủ mất hơn 1 vạn tệ.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 59: Người họ Một người vào giờ Thìn ngày mùng 6 tháng 2 năm 1998 âm lịch vào ở Ất kiem Mão trạch.

Nhật khóa: Mậu Dần Giáp Dần Canh Tuất Canh Thìn

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Hỏa Địa Tấn", quẻ biến "Sơn Địa Bác", hào 4 phát động.

Tấn	Bác
— Quan Quỷ Ty hỏa	— Thê Tài Dần mộc Xà
-- Phụ Mẫu Mùi thổ	-- Tử Tôn Tý thủy Câu
T — Huynh Đệ Dậu kim	-- Phụ Mẫu Tuất thổ Tước
-- Thê Tài Mão mộc	-- Thê Tài Mão mộc Long
-- Quan Quỷ Ty hỏa	-- Quan Quỷ Ty hỏa Vũ
Ư -- Phụ Mẫu Mùi thổ Tử Tý	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Hổ

KIM

Không Vong: Dần, Mão

Khóa này quẻ chủ hào 4 Huynh Đệ Dậu Kim vượng tại nhật kiến động và hóa Tuất Thổ hồi đầu sinh, trong tương sinh có tương hại, ắt có thông tin thoái tài. Nhanh thì có thể xác định sẽ xảy ra trong ngày, bởi vì hai quẻ chủ biến đều ở cung Càn, lấy số cũng mà quẻ ở tại đó xác định ứng kỳ.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi vào nhà ở ngay trong đêm tối hôm đó, đồ mừng tân gia đều bị trộm mất, tổn thất hơn 1 vạn tệ.

Ví dụ 60: Người họ Phan vào giờ Dần ngày mùng 7 tháng 11 năm 1993 âm lịch dọn vào ở Ngõ kiêm Mùi Trạch.

Nhật khóa: Quý Dậu Giáp Tý Giáp Tuất Bính Dần

Thêm họ lập được quẻ thời gian ngắn và quẻ thời gian dài đều gồm quẻ chủ "Lôi Sơn Tiểu Quá", quẻ biến "Trạch Sơn Hàm", hào 5 phát động.

Tiểu Quá	Hàm
-- Phụ Mẫu Tuất thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Vũ
-- Huynh Đệ Thân kim	-- Huynh Đệ Dậu kim Hổ
T -- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tử Hợi	-- Tử Tôn Hợi thủy Xà
-- Huynh Đệ Thân kim	-- Huynh Đệ Thân kim Câu
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tước
Ư -- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Phụ Mẫu Thìn thổ Long
KIM	Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này rõ ràng có thông tin tổn lộc súc và thoát tài, lại còn bất lợi cho gia chủ và gặp chuyện kinh sợ. Hào 2 Quan Quỷ Ngọ Hỏa, có Chu Tước ở tại đó, bị nguyệt lệnh xung động, ắt gặp chuyện miệng lưỡi thị phi. Phục thần Thê Tài Mão Mộc, mặc dù sinh tại nguyệt lệnh, nhưng tương hình, lại bị Thái Tuế xung phá, gặp tai họa thoát đại tài. Hào 5 Huynh Đệ Thân Kim vượng tại nhật kiến và Thái Tuế, lại hóa tiến thần, ắt có thông tin thoát đại tài hoặc bất lợi cho phụ nữ, bởi vì Bạch Hổ ở tại đó, cũng có cả tai họa tổn hại lộc súc. Nếu như gia chủ phúc phần không đủ, còn gặp cả chuyện thị phi kiện tụng và thương tổn nhân đinh. Tóm lại quẻ nhật khóa trên đây là quẻ hung.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dựng sự, đầu tiên xảy ra chuyện thương tổn lộc súc. Sau này con trai của trạch sư kia lại mượn danh trạch sư đến mượn tiền, nói là có chuyện gấp gì đó, gia chủ tin là thật, bởi vì gia chủ rất hiếu nhân nghĩa, tiền hiện có và đi vay ngân hàng tầm hai vạn tệ đều đưa cho con trai trạch sư kia. Nhưng con trai trạch sư kia mượn tiền xong là chạy mất, đến này vẫn không bắt được về. Có vẻ như gia chủ đã ứng nghiệm với câu tục ngữ: "Thoái tài đáng họa chi ứng", đến tận bây giờ vẫn chưa xảy ra chuyện khắc tổn nhân đinh gì, vẫn bình an. Nhưng gia chủ lại bị lừa mất 2 vạn tệ, lúc bấy giờ đó cũng là một con số lớn, vài

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

năm gần đây, tính riêng tiền lãi ngân hàng cũng đã lên đến nghìn tệ, khiến cho người nhà tức giận vô cùng, đó chính là thị thị phi miệng lưỡi, mà vợ con đối với chuyện này lại nghĩ không thông mà thường xuyên khóc thầm, cảm thấy quá phung phí vì chịu tổn thất quá, vất vả làm việc cả một năm còn không đủ đóng tiền lãi.

Ví dụ 61: Người thân của nhà họ Lê vào giờ Dậu ngày 18 tháng 11 năm 1997 âm lịch động thổ xây nhà bếp ở hướng Tây.

Nhật khóa: Đinh Sửu Nhâm Tý Quý Tỵ Tân Dậu

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Sơn Thiên Đại Súc", quẻ biến "Phong Thiên Tiểu Súc", hào 5 phát động.

Đại Súc	Tiểu Súc
— Quan Quỷ Dần mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Hổ
Ư -- Thê Tài Tý thủy	— Phụ Mẫu Tỵ hỏa Xà
-- Huynh Đệ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Mùi thổ Câu
— Huynh Đệ Thìn thổ Tử Thân	— Huynh Đệ Thìn thổ Tước
T — Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ngọ	— Quan Quỷ Dần mộc Long
— Thê Tài Tý thủy	— Thê Tài Tý thủy Vũ

THỔ · Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này quẻ chủ hào Thế Quan Quỷ Dần Mộc là gia chủ, vượng tại nguyệt lệnh, là cát. Giờ Thê Tài Tý Thủy là Tài tinh, là hào nguyệt lệnh, ở tại hào 5 vị trí để quân động mà sinh hào Thế, ắt được vợ giúp đỡ hoặc có tiền tài bất ngờ, hoặc tài đến tìm chủ, được đại tài. Phục thần Tử Tôn Thân Kim là con cái, là lục súc, phục mà được phi thần sinh, lại được tứ trụ tam hợp Tỵ Dậu Sửu cục Kim, là đình vượng, nuôi lục súc nhanh lớn, khóa này vốn là khóa cát đình tài lưỡng vượng.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự bình an đại cát, mà sau dụng sự ngày thứ 10, nhật được bọc tiền mặt dính đầy bùn đất bên ngoài, về nhà đếm thử, lại được hơn 1700 tệ. Ngày sau nuôi gia cầm cũng nhanh lớn bán được.

Ví dụ 62: Một người vào giờ Mùi ngày mùng 8 tháng 6 năm 1998 âm lịch động thổ xây dựng Cấn kiêm Dần trạch.

Nhật khóa: Mậu Dần Kỷ Mùi Mậu Dần Kỷ Mùi

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Càn Vi Thiên", quẻ biến "Thiên Phong Cấu", hào sơ phát động.

Càn	Cấu
T — Phụ Mẫu Tuất thổ	— Phụ Mẫu Tuất thổ Tước
— Huynh Đệ Thân kim	— Huynh Đệ Thân kim Long
— Quan Quỷ Ngọ hỏa	— Quan Quỷ Ngọ hỏa Vũ
Ư — Phụ Mẫu Thìn thổ	— Huynh Đệ Dậu kim Hổ
— Thê Tài Dần mộc	— Tử Tôn Hợi thủy Xà
— Tử Tôn Tý thủy	— Phụ Mẫu Sửu thổ Câu

KIM

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này rõ ràng có thông tin bất lợi cho trẻ nhỏ, thiếu chủ hoặc lục súc. Hào sơ Tử Tôn Tý Thủy, bị khắc tại nguyệt kiến, tuyệt tại nhật kiến, động hóa Phụ Mẫu Sửu Thổ hồi đầu khắc, ắt có chuyện thoái tổn nhân đinh hoặc lục súc, vì mục hạ hợp trứ, hóa hợp vọng khắc nên đến tháng 9 âm lịch Phụ Mẫu Sửu Thổ và nguyệt lệnh cấu thành Sửu Mùi Tuất tam hình, hình khởi vượng Thổ, ắt ứng nghiệm tổn hại thiếu đinh. Lại có hào 5 Huynh Đệ Thân Kim vượng tại nguyệt lệnh, bị nhật kiến xung ám động, ắt gặp tai họa thoái đại tài. Khóa này là khóa hung thoái tài tổn nhân đinh.

Ứng nghiệm: Khóa này sau khi dụng sự đầu tiên xảy ra chuyện thoái tài tổn thất mất 6 con vật. Đến tháng 9 năm 1998 âm lịch, khắc Tử tinh Phụ Mẫu Sửu Thổ gặp nguyệt kiến Tuất, lại gặp tam hình khiến Thổ hình vượng càng vượng, con trai gia chủ chết, còn tổn một khoản lớn.

Ví dụ 63: Một người vào giờ Dần ngày mùng 1 tháng 4 năm 1997 âm lịch dọn vào ở Canh kiem Dậu trạch.

Nhật khóa: Đinh Sửu Ất Ty Kỷ Dậu Bính Dần

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Sơn Trạch Tồn", quẻ biến "Hỏa Trạch Khuê", hào 4 phát động.

Tổn	Khuê
Ư — Quan Quỷ Dần mộc	— Phụ Mẫu Ty hỏa Long
-- Thê Tài Ty thủy	-- Huynh Đệ Mùi thổ Vũ
-- Huynh Đệ Tuất thổ	— Tử Tôn Dậu kim Hổ
T -- Huynh Đệ Sửu thổ Tử Thân	-- Huynh Đệ Sửu thổ Xà
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Câu
— Phụ Mẫu Ty hỏa	— Phụ Mẫu Ty hỏa Tước

THỔ

Không Vong: Dần, Mão

Khóa này quẻ chủ Sơn Trạch Tồn, là quẻ xấu nhất để kiến trạch nhập trạch, ắt xảy ra chuyện xấu như thương tổn, hao tổn. Hào 2 Quan Quỷ Mão Mộc, mặc dù trước mắt hưng tại nguyệt lệnh, nhưng bị nhật kiến xung mà ám động, lại hóa Quan Quỷ Mão Mộc khắc hào Thế, ắt gặp tai họa khắc chủ, lại có hào Ứng Quan Quỷ y Dần Mộc khắc hào Thế, cũng là thông tin khắc chủ. Mặc dù trước mắt Dần Mão Mộc hưng tại nguyệt lệnh không thể khắc Thế, nhưng năm Dần Mão vào tháng sinh vượng trực phùng, ắt khắc chủ. Hào 4 Huynh Đệ Tuất Thổ vượng tại nguyệt lệnh lâm Bạch Hổ, giờ còn phát động, cũng sẽ gặp hung thương hiểm phục và tai họa thoái đại tài.

Ứng nghiệm: Tháng 3 năm 1998 âm lịch, kỵ thần Quan Quỷ Mão Mộc và Thái Tuế, nguyệt kiến hội tụ thành công cục sát Dần Mão Thìn mà khắc thế. Gia chủ chết vì bệnh cấp tính, mà cũng mất một khoản tiền lớn.

Ví dụ 64: Người họ Đặng mẫu vào giờ Thìn ngày 16 tháng 10 năm 1998 âm lịch dọn vào ở Dân kiêm Cấn trạch.

Nhật khóa: Mậu Dần Quý Hợi Ất Dậu Canh Thìn

Lập được quẻ nhật khóa năm dựng sự gồm quẻ chủ "Phong Trạch Trung Phu", quẻ biến "Thiên Trạch Lý", hào 4 phát động.

Trung Phu	Lý
— Quan Quỷ Mão mộc	— Huynh Đệ Tuất thổ Vũ
— Phụ Mẫu Ty hỏa Tài Tý	— Tử Tôn Thân kim Hồ
T -- Huynh Đệ Mùi thổ	— Phụ Mẫu Ngọ hỏa Xà
-- Huynh Đệ Sửu thổ Tử Thân	-- Huynh Đệ Sửu thổ Câu
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Tước
Ư — Phụ Mẫu Ty hỏa	— Phụ Mẫu Ty hỏa Long
THỔ	Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này quẻ chủ hào sơ hào Phụ Mẫu Ty Hỏa, là cha mẹ, là xe cộ, bị xung phá tại nguyệt lệnh, cha mẹ hoặc xe cộ ắt gặp phải tai họa. Giờ có hào 2 Quan Quỷ Mão Mộc vượng tại nguyệt lệnh, bị nhật kiến xung ám động khắc hào Thế, ắt gặp chuyện thị phi kiện tụng, may mà có hào sơ và hào 5 Phụ Mẫu Ty Hỏa bị nguyệt xung động đến sinh hào thế, có thể giảm nhẹ mức độ chuyện thị phi. Hào 4 Huynh Đệ Mùi Thổ trì Thế lâm Đăng Xà phát động lại hóa hồi đầu khắc, ắt gặp chuyện thoái tài, gia chủ ắt bị kinh sợ. Hào 5 Phụ Mẫu Ty Hỏa xung phá bởi nguyệt kiến, hóa xuất Tử Tôn Thân Kim và Thái Tuế Dần Mộc cấu thành tam hình, mà có Bạch Hổ ở tại đó, ắt cha mẹ, người lớn, xe cộ hoặc lục súc gặp phải tai họa, quẻ khóa này đầu năm không tốt. Bởi vì quẻ khóa phục thần Thế Tài Tý Thủy là hào nguyệt kiến, lại được sinh bởi nhật kiến, không quá khắc tổn phụ nữ, mà chỉ ứng thoái tài. Ứng kỳ thoái tài nhanh thì 4 ngày (lấy số hào động để xác định), chậm thì trong tháng.

Ứng nghiệm: Ngày Tý ngày 19 tháng 10 năm 1998 âm lịch, nhật kiến xung hợp hào Thế Mùi Thổ của Ngọ Hỏa, nhập trạch mới có 4 ngày, Đặng mẫu đã bị trộm mất một chiếc xe daisha giá hơn 1 vạn tệ.

Ngoài ra: Họ Lê ở huyện Đăng cũng dùng khóa này, tháng đó chết mất 6 vật nuôi, đi xe máy còn tông bị thương người ta, tổn mất hơn 1000 tệ.

Ví dụ 65: Người họ Lý vào giờ Tý ngày 11 tháng 8 năm 1995 âm lịch động thổ kiến Tý kiêm Quý trạch.

Nhật khóa: Ất Hợi Giáp Thân Kỷ Hợi Giáp Tý

Lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ “Phong Thủy Hoán”, quẻ biến “Thiên Thủy Tụng”, hào 4 phát động.

Hoán	Tụng
— Phụ Mẫu Mão mộc	— Tử Tôn Tuất thổ Vũ
T — Huynh Đệ Ty hỏa	— Thê Tài Thân kim Hồ
-- Tử Tôn Mùi thổ Tài Dậu	— Huynh Đệ Ngọ hỏa Xà
-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Quan Hợi	-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Câu
Ư — Tử Tôn Thìn thổ	— Tử Tôn Thìn thổ Tước
-- Phụ Mẫu Dần mộc	-- Phụ Mẫu Dần mộc Long

HỎA

Không Vong: Thìn, Ty

Khóa này hào sơ Phụ Mẫu Dần Mộc, vượng tại Thái Tuế và nhật kiến, bị hào nguyệt kiến xung động mà khắc sát hưu tù Tử Tôn Thìn Thổ, Tử Tôn Mùi Thổ, con trai ắt gặp tai họa thương tổn bệnh tật. Hào Tử Tôn cũng chủ lực súc bị thương tổn. Ứng kỳ vào tháng Phụ Mẫu Dần Mộc trực phùng đương lệnh. Hào 5 Huynh Đệ Ty Hỏa tri Thế lâm Bạch Hổ (VP: tác giả an sai Lục thần nhưng luận theo sai) giờ bị xung phá tại Thái Tuế, gia chủ ắt gặp đại họa hung thương máu chảy. Huynh Đệ động lại kiếp tài, có họa thoái tài. Ứng vào tháng 10,11 âm lịch năm 1996 vào tháng Quan Quý Hợi Thủy đắc lệnh sinh vượng. Quẻ khóa này là khóa đại hung khắc chủ thương tổn nhân đình thoái đại tài.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dọn vào nhà mới ở, vào tháng 1,2 năm 1998, đầu tiên là con gái út không hiểu sao bị bệnh, sau đó cháu gái bị thương, tổn một khoản tiền không nhỏ. Năm 1995, hào Thế và nguyệt lệnh Thân, lưu niên Thái Tuế Dần cấu thành tam hình, xuất hiện thông tin gia chủ gặp họa đại hung, vào tháng 11 âm lịch, hào Thế Huynh Đệ Ty Hỏa vào tử địa, gia chủ trong quá trình xây dựng công trình bị ngã thương nặng, dẫn đến 1 chân tàn

phế, cuộc sống không còn tự do, ở lại bệnh viện điều trị hết hơn 1 vạn tiền viện phí.

Ví dụ 66: Người họ Hà vào giờ Thìn ngày 12 tháng 10 năm 1998 âm lịch động thổ xây bếp tại vị trí hướng Bắc.

Nhật khóa: Mậu Dần Quý Hợi Tân Ty Nhâm Thìn

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ “Thiên Thủy Tụng”, quẻ biến “Trạch Thủy Khốn”, hào 6 phát động.

Tụng	Khốn
— Tử Tôn Tuất thổ	-- Tử Tôn Mùi thổ Xà
— Thê Tài Thân kim	— Thê Tài Dậu kim Câu
T — Huynh Đệ Ngọ hỏa	— Quan Quỷ Hợi thủy Tước
-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Quan Hợi	-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Long
— Tử Tôn Thìn thổ	— Tử Tôn Thìn thổ Vũ
Ư -- Phụ Mẫu Dần mộc	-- Phụ Mẫu Dần mộc Hổ

HỎA

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ “Thiên Thủy Tụng” có thị phi kiện tụng. Hào 4 Huynh Đệ Ngọ Hỏa trì Thế, mặc dù vượng tại nhật kiến, nhưng hóa Quan Quỷ Hợi Thủy là hào nguyệt lệnh hóa hồi đầu khắc, lại có Chu Tước ở tại đó, rõ ràng trong quẻ có thông tin thị phi kiện tụng. Hào 5 Thê Tài Thân Kim hưu tù tại nguyệt lệnh, nhật kiến hình khắc, lại bị Thái Tuế xung phá, mặc dù hoá giả tiến thần, cũng có nguy hiểm phá tài. Hào 6 Tử Tôn Tuất Thổ vào Địa vống tại nguyệt lệnh, lại lâm Đăng Xà, động hóa tương hình lại hóa thoái thần, con cái ắt gặp họa thị kiện tụng. Ứng kỳ đa phần vào tháng 12 âm lịch, tháng Sửu Tuất Mùi tam hình sẽ xảy ra tai họa.

Tình hình ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự mọi việc không thuận lợi, vào giữa tháng 12 âm lịch, con trai duy nhất của gia chủ cũng người ta đánh nhau khiến đối phương bị thương nặng, con trai gia chủ bị thương nhẹ, gây nên kiện tụng. Bồi thường cho đối phương viện phí và tiền thuốc, tổn hết hơn 1 vạn tệ.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 67: Người họ Một người vào giờ Thân ngày 12 tháng 1 năm 1999 âm lịch động thổ xây nhà bếp ở hướng Giáp Mão.

Nhật khóa: Kỷ Mão Đinh Mão Canh Thân Giáp Thân

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Hỏa Lôi Phệ Hạp", quẻ biến "Chấn Vi Lôi", hào 6 phát động.

Phệ
Hạp

Chấn

—	Tử Tôn	Ty	hỏa	--	Thê Tài	Tuất thổ	Long
T	--	Thê Tài	Mùi thổ	--	Quan Quỷ	Thân kim	Vũ
—	Quan Quỷ	Dậu kim	—	Tử Tôn	Ngo	hỏa	Hổ
--	Thê Tài	Thìn thổ	--	Thê Tài	Thìn	thổ	Xà
Ư	--	Huỳnh Đệ	Dần mộc	--	Huỳnh Đệ	Dần	mộc
—	Phụ Mẫu	Tý	thủy	—	Phụ Mẫu	Tý	thủy

MỘC

Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này hào Thế Mùi Thổ là Thê Tài, là gia chủ, tử tại Tuế Nguyệt, hưu tù tại nhật kiến, đã là không cát rồi. Giờ hào Ứng Huỳnh Đệ Dần Mộc vượng tại thái tuế và nguyệt lệnh, bị nhật kiến xung ám động đến khắc hào Thế, hào Thế hữu tử vô sinh. Thông tin khắc chủ thoái tài cực xấu đã xuất hiện trong quẻ. Hào 6 hào Tử Tôn Ty Hỏa mặc dù vượng tại nguyệt kiến, nhưng động hóa Tuất Thổ mộ khố, lại bị nhật kiến hợp trú, sinh không nổi hào Thế, giờ hào Thế một mình bị hào Ứng Huỳnh Đệ Dần Mộc tương vượng khắc sát, ắt khắc chủ tổn tài. Lại có hào 4 Quan Quỷ Dậu Kim có Bạch Hổ ở tại đó (VP: tác giả an sai Lục thần nhưng luận theo sai), bị nguyệt lệnh xung động, thế nào cũng có chuyện hung thương hiếu phục xảy ra. Quẻ khóa này là quẻ đại hung khắc chủ tổn tài, ứng kỳ ở ngày Dần Mão Huỳnh Đệ Dần Mộc đương lệnh trực phùng.

Tình hình ứng nghiệm: Gia chủ sau dụng sự ngày thứ 7 (ngày Bính Dần), ở bên ngoài làm việc đột nhiên đổ bệnh cấp cứu, vì khi đó điều kiện có hạn, không cách nào cứu được mà mất mạng, sau đó là tang lễ thì đương nhiên hao tổn tiền tài.

Ví dụ 68: Người họ Triệu vào giờ Ty ngày 28 tháng 3 năm 1988 âm lịch xây cửa lớn tại hướng Thìn.

Nhật khóa: Mậu Thìn Đinh Ty Mậu Thìn Đinh Ty

Thêm họ (14 nét) lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Trạch Địa Tụ", quẻ biến "Trạch Thủy Khốn", hào 2 phát động.

Tụ	Khốn
-- Phụ Mẫu Mùi thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Long
Ư -- Huynh Đệ Dậu kim	-- Huynh Đệ Dậu kim Vũ
-- Tử Tôn Hợi thủy	-- Tử Tôn Hợi thủy Hổ
-- Thê Tài Mão mộc	-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Xà
T -- Quan Quỷ Ty hỏa	-- Phụ Mẫu Thìn thổ Câu
-- Phụ Mẫu Mùi thổ	-- Thê Tài Dần mộc Tước

KIM

Không Vong: Tuất, Hợi

Khóa này hào Thế Quan Quỷ Ty Hỏa, là hào nguyệt lệnh tương vượng cát, nhưng vì là Địa vông của Tuế nhật nên không cát. Thiên la Địa vông chủ chuyện bệnh tật thương tổn phạm vào pháp hình, trong tử trụ và quái hào thấy được đây là đại hung. Hào 4 Tử Tôn Hợi Thủy, hưu tù tử tuyệt tại năm tháng ngày, lại lâm Bạch Hổ (VP: tác giả an sai Lục thần nhưng luận theo sai) bị nguyệt lệnh xung động, ắt có chuyện tai họa hung thương hiếu phục và tổn nhân đinh, tổn lục súc. Hào Tử Tôn lại là nguyên thân của Tài, giờ bị xung phá, bất lợi cho Thê Tài, cũng là tai họa thoái tài hoặc thương tổn vợ con. Khóa này là khóa thương tổn nhân đinh, lục súc, thoái tài, hiếu phục, đại hung. Ứng kỳ ở trong tháng dụng sự.

Tình hình ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự vào ngày 12 tháng 4, vợ chết, ngày 13 tháng 4, lại chết mất một con trâu. Sau khi làm tang lễ xong, con trai lại bị bệnh lạ, tổn đinh tổn súc lại thoái tài, khiến cho con trai gia chủ không dám ở lại nhà, sau khi tìm cách hóa giải và con trai đi đến đơn vị ở cùng với đồng nghiệp mọi thứ mới yên bình lại.

Ví dụ 69: Người họ Lý mẫu vào giờ Thìn ngày 16 tháng 11 năm 1998 âm lịch tu sửa Giáp trạch.

Nhật khóa: Mậu Dần Giáp Tý Ất Mão Canh Thìn

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ “Thủy Hỏa Ký Tế”, quẻ biến “Địa Hỏa Minh Di”, hào 5 phát động.

Ký Tế	Di
Ư -- Huynh Đệ Tý thủy	-- Phụ Mẫu Dậu kim Vũ
-- Quan Quỷ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Hợi thủy Hổ
-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Quan Quỷ Sửu thổ Xà
T -- Huynh Đệ Hợi thủy Tài Ngọ	-- Huynh Đệ Hợi thủy Câu
-- Quan Quỷ Sửu thổ	-- Quan Quỷ Sửu thổ Tước
-- Tử Tôn Mão mộc	-- Tử Tôn Mão mộc Long

THỦY

Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này quẻ chủ quẻ dụng khắc quẻ thể đã là không cát rồi. Giờ lại có hào 5 Quan Quỷ Tuất Thổ lâm Bạch Hổ phát động khắc hào Thế, có chuyện thị phi kiện tụng và họa thương tổn. Huynh Đệ Hợi Thủy là hào Thế vượng tại nguyệt lệnh, mặc dù gia chủ vô sự, nhưng lại bất lợi cho vợ, bởi vì Thê Tài Ngọ Hỏa bị khắc tại nguyệt lệnh lại còn bị xung phá, lại có Phụ mà không được sinh, rõ ràng có thông tin thoái tài. Hào 4 Thân Kim là cha mẹ, là xe cộ, là đồ nội thất, hưu tù tại nguyệt nhật, mà còn bị Thái Tuế xung phá, cha mẹ, xe cộ ắt gặp tai họa. Khóa này vốn là cha mẹ xe cộ gặp họa còn là khóa không cát có thị phi kiện tụng, thoái tài. Ứng kỳ tai họa khi kỳ thần Quan Quỷ Tuất Thổ trực phùng đương lệnh là tháng 12 (tháng Ất Sửu) khắc Thế sẽ ứng nghiệm.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự vào tháng 12 lái xe đi đến hướng Đông để chọn vật liệu xây dựng, trên đường đi tông phải một học sinh, sau đó phải bồi thường hơn 1 vạn tệ mới kết thúc kiện tụng. Gia chủ là một tài xế xe cơ giới, kỹ năng lái xe rất tốt, kinh nghiệm phong phú, trước đến nay chưa từng gây tai nạn, lần này gặp chuyện thật sự là “lão miêu diệt hạ các” (VP: theo tiếng Quảng Đông là: mèo già ngã từ trên tường xuống).

Ví dụ 70: Một người vào giờ Sửu ngày mùng 6 tháng 5 năm 1973 âm lịch động thổ xây bếp ở hướng Đinh.

Nhật khóa: Quý Sửu Đinh Tỵ Quý Dậu Quý Sửu

Lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Phong Sơn Tiệm", quẻ biến "Cấn Vi Sơn", hào 5 phát động.

Tiệm	Cấn
Ư — Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Dần mộc Hổ
— Phụ Mẫu Tỵ hỏa Tài Tỵ	— Thê Tài Tỵ thủy Xà
— Huynh Đệ Mùi thổ	— Huynh Đệ Tuất thổ Câu
T — Tử Tôn Thân kim	— Tử Tôn Thân kim Tước
— Phụ Mẫu Ngọ hỏa	— Phụ Mẫu Ngọ hỏa Long
— Huynh Đệ Thìn thổ	— Huynh Đệ Thìn thổ Vũ

THỔ

Không Vong: Tuất, Hợi

Khóa này là của một kỹ sư cửa cảng đưa cho một nhà nghèo khó ở gần công trường thi công vẽ kỹ thuật nhanh chóng thoát nghèo, ứng nghiệm thoát nghèo đến rất nhanh, nên được người ở đó truyền nhau gọi là khóa cực kỳ tốt.

Hào Thế Tử Tôn Thân Kim, được nhật khóa tam hợp Tỵ Dậu Sửu cục Kim đến tỉ trợ, là nhân đình vượng, là nguyên thần của Tài vượng, ắt phát tài. Hào 5 Tài tinh Tỵ Thủy, được phi thần động mà đồng thời hóa xuất hào Tài, được sinh tại nhật kiến, đồng thời có tứ trụ tam hợp Tỵ Dậu Sửu cục Tử Tôn sinh, là Tài tinh tương vượng. Gia chủ vì không có cha mẹ nên hào 5 Phụ Mẫu Tỵ Hỏa khắc Thế không liên quan đến đại cục. Khóa này là khóa đình tài lưỡng vượng là không nghi ngờ gì cả.

Tình hình ứng nghiệm: Gia chủ sau dụng sự đại cát đại lợi, đồng thời trong 1-2 năm phát tài đến hơn 3 vạn tệ, một phát đá bay cái mác nghèo khổ.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 71: Người họ Hoàng vào giờ Dần ngày mùng 10 tháng 2 năm 1999 âm lịch động thổ kiến Dần kiêm Cấn trạch.

Nhật khóa: Kỷ Mão Đinh Mão Mậu Dần Giáp Dần

Lập được quẻ năm dựng sự (thêm họ 12 nét) gồm quẻ chủ "Lôi Sơn Tiểu Quá", quẻ biến "Lôi Hỏa Phong", hào sơ phát động.

Tiểu Quá	Phong
-- Phụ Mẫu Tuất thổ	-- Phụ Mẫu Tuất thổ Tước
-- Huynh Đệ Thân kim	-- Huynh Đệ Thân kim Long
T — Quan Quỷ Ngọ hỏa Tử Hợi	— Quan Quỷ Ngọ hỏa Vũ
— Huynh Đệ Thân kim	— Tử Tôn Hợi thủy Hổ
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Phụ Mẫu Sửu thổ Xà
Ư -- Phụ Mẫu Thìn thổ	— Thê Tài Mão mộc Câu

KIM

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ hào sơ Thìn Thổ là cha mẹ, là nhà cửa, lâm Câu Trần phát động hóa Thê Tài Mão Mộc hồi đầu khắc, ắt có chuyện kiện tụng thị phi không tốt xảy ra. Hào 3, hào 5 là Huynh Đệ Thân Kim mặc dù hưu tù, nhưng bị nhật kiến xung động, sẽ có chuyện tổn hại lục súc thoái tài xảy ra. Phục thần Tử Tôn Hợi Thủy khắc phi thần, Thê Tài Mão Mộc sinh phi thần, ứng xuất bạo, hao tổn. Khóa này có thông tin xấu về thương tổn lục súc, thoái tài thị phi kiện tụng, là khóa không cát.

Tình hình ứng nghiệm: Gia chủ sau khi xây nhà, thoái tài, vì xây nhà mà rước phải chuyện thị phi kiện tụng. Trước đó làm kinh doanh rất phát đạt, nhưng từ sau khi xây nhà, làm ăn cứ luôn thô lỗ, rất nhiều mặt kinh doanh đều chịu tổn thất. Đồng thời thường xuyên tổn hại lục súc, thoái tổn tiền tài hơn 1000 tệ, nhân đinh không thuận lợi. Từ nhật khóa không cát, ứng theo yêu cầu của gia chủ, tác giả đã giúp gia chủ làm hóa giải và có hiệu quả.

Ví dụ 72: Người họ Phan vào giờ Sửu ngày 19 tháng 5 năm 1995 âm lịch động thổ kiến Ngõ kiêm Đinh trạch

Nhật khóa: Ất Hợi Nhâm Ngọ Mậu Dần Quý Sửu

Lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ “Trạch Lôi Tuyền”, quẻ biến “Thủy Lôi Truân”, hào 4 phát động.

Tuyền	Truân
Ư -- Thê Tài Mùi thổ	-- Phụ Mẫu Tý thủy Tước
-- Quan Quỷ Dậu kim	-- Thê Tài Tuất thổ Long
-- Phụ Mẫu Hợi thủy Tử Ngọ	-- Quan Quỷ Thân kim Vũ
T -- Thê Tài Thìn thổ	-- Thê Tài Thìn thổ Hổ
-- Huynh Đệ Dần mộc	-- Huynh Đệ Dần mộc Xà
-- Phụ Mẫu Tý thủy	-- Phụ Mẫu Tý thủy Câu
MỘC	Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ Trạch Lôi Tuyền là quẻ cung Chấn, ngũ hành thuộc Mộc. Quẻ biến Thủy Lôi Truân thuộc cung Khảm, ngũ hành thuộc Thủy, đại tượng hóa hồi đầu sinh đại cát. Hào 3 hào Thê Tài Thìn Thổ vượng tại nguyệt lệnh, là tài vượng, là gia chủ nhân đinh hữu thọ. Phục thần Tử Tôn Ngọ Hỏa, là nhân đinh, là hào nguyệt lệnh, lại động hóa hồi đầu sinh, con cháu sau này học rộng tiến cao, xuất văn chương cái thế. Hào 5 Quan Quỷ Dậu Kim, mặc dù hưu tù, nhưng được Thê Tài Tuất Thổ hóa hồi đầu sinh, ngày sau gặp cung tinh đương lệnh, sẽ xuất hiện con cháu quan quý. Khóa này là cách cục cát cả đinh tài quý thọ, dùng về sau ắt may mắn phát đạt.

Tình hình ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự đại cát đại lợi. Vợ và con gái đều ở làm việc bộ phận kinh doanh không mấy tốt đẹp, nhưng về sau thuận lợi được chuyển đến bộ phận kinh doanh tốt làm việc. Năm 1996, gia chủ lại thăng chức lên nhân viên quan chức cấp trưởng. Năm 1997, con trai lại thi đậu đại học trở thành sinh viên đại học, con gái thì thi tốt nghiệp đại học liên thông. Cả nhà ai cũng mạnh khỏe, công việc may mắn thuận lợi.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 73: Người họ Mạc vào giờ Mùi ngày 25 tháng 10 năm 1984 âm lịch xây nhà bếp tại phương Chấn Tý.

Nhật khóa: Giáp Tý Ất Hợi Ất Mão Quý Mùi

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ “Chấn Vi Lôi”, quẻ biến “Lôi Trạch Quy Muội”, hào 2 phát động.

Chấn			Quy Muội		
T	--	Thê Tài	Tuất thổ	--	Thê Tài
					Tuất thổ
	--	Quan Quỷ	Thân kim	--	Quan Quỷ
					Thân kim
	—	Tử Tôn	Ngọ hỏa	—	Tử Tôn
					Ngọ hỏa
Ư	--	Thê Tài	Thìn thổ	--	Thê Tài
					Sửu thổ
	--	Huỳnh Đệ	Dần mộc	—	Huỳnh Đệ
					Mão mộc
	—	Phụ Mẫu	Tý thủy	—	Tử Tôn
					Tý hỏa
MỘC			Không Vong: Tý, Sửu		

Quẻ khóa này vừa nhìn đã thấy có thông tin tổn nhân đình thoái đại tài, là khóa hung. Hào 2 Huỳnh Đệ Dần Mộc vượng tại nhật nguyệt, lại động hóa tiến thần, ắt có thông tin khắc chủ hoặc thoái tài. Hào 4 Tử Tôn Ngọ Hỏa là thiếu chủ, là lục súc, giờ lại tuyệt tại nguyệt lệnh, lại bị Thái Tuế xung khắc, trong quẻ xuất hiện thông tin xấu hữu tử vô sinh, thoái tổn thiếu chủ.

Tình hình ứng nghiệm: Gia chủ sau dụng sự ngày thứ 10 là ngày Quý Hợi, con trai duy nhất của gia chủ chết, đồng thời tổn một khoản tiền lớn.

Ví dụ 74: Người họ Cam vào giờ Thìn ngày 23 tháng 12 năm 1988 âm lịch xây bếp tại hướng Hợi.

Nhật khóa: Mậu Thìn Ất Sửu Canh Dần Canh Thìn

Lập được quẻ thông tin năm dụng sự gồm quẻ chủ “Địa Phong Thăng”, quẻ biến “Địa Thủy Sư”, hào 3 phát động.

Thăng	Sư
-- Quan Quỷ Dậu kim	-- Quan Quỷ Dậu kim Xà
-- Phụ Mẫu Hợi thủy	-- Phụ Mẫu Hợi thủy Câu
T -- Thê Tài Sửu thổ Tử Ngọ	-- Thê Tài Sửu thổ Tước
-- Quan Quỷ Dậu kim	-- Tử Tôn Ngọ hỏa Long
-- Phụ Mẫu Hợi thủy	-- Thê Tài Thìn thổ Vũ
Ư -- Thê Tài Sửu thổ	-- Huynh Đệ Dần mộc Hổ
MỘC	Không Vong: Ngọ, Mùi

Quẻ khóa này rõ ràng có thông tin xấu bất lợi cho người lớn, Thê Tài và nữ đinh. Hào sơ Thê Tài Sửu Thổ mặc dù là lâm nguyệt lệnh, nhưng hào quẻ biến của Huynh Đệ Dần Mộc lâm nhật kiến hóa hồi đầu khắc, có thông tin xấu thoái tài và thương tổn nữ đinh. Lại có hào 2 Phụ Mẫu Tý Thủy có hào biến xuất lâm Thái Tuế hóa hồi đầu khắc, ắt cha mẹ người lớn, xe cộ sẽ xảy ra tai họa bất lợi.

Lại thêm pháp thêm họ vào để kiểm nghiệm, thêm họ (5 nét) lập được quẻ năm dụng sự với quẻ chủ “Phong Trạch Trung Phu”, quẻ biến “Phong Lôi Ích”, hào 2 phát động.

Trung Phu	Ích
-- Quan Quỷ Mão mộc	-- Quan Quỷ Mão mộc Xà
-- Phụ Mẫu Tý hỏa Tài Tý	-- Phụ Mẫu Tý hỏa Câu
T -- Huynh Đệ Mùi thổ	-- Huynh Đệ Mùi thổ Tước
-- Huynh Đệ Sửu thổ Tử Thân	-- Huynh Đệ Thìn thổ Long
-- Quan Quỷ Mão mộc	-- Quan Quỷ Dần mộc Vũ
Ư -- Phụ Mẫu Tý hỏa	-- Thê Tài Tý thủy Hổ
THỔ	Không Vong: Ngọ, Mùi

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Hào Thế Huynh Đệ Mùi Thổ, vượng tại Thái Tuế và nguyệt lệnh, giờ lại có nguyệt lệnh xung động ất khắc nữ đinh hoặc tổn tài, có hào 3 Huynh Đệ Sửu Thổ lâm Thái Tuế và nguyệt lệnh, có hào biến xuất hóa tiến thần. Hai hào Huynh Đệ cường vượng phát động, ất khắc tổn nữ đinh và kiếp tài. Phục thần Thê Tài Tý Thủy nhập mộ tại Thái Tuế, trong hợp có khắc tại nguyệt lệnh, hưu tù tại nhật kiến, giờ lại còn bị hào Huynh Đệ cực vượng khắc sát, hữu tử vô sinh. Quẻ khóa này rất rõ ràng có họa khắc tổn nữ đinh và thoái tài. Bởi vì ngày dụng sự là ngày tam sát, do đó ứng nghiệm nhanh. Nhanh thì trong ngày, chậm thì trong 10 ngày sẽ ứng nghiệm xảy ra tai họa.

Tình hình ứng nghiệm: Gia chủ sau dụng sự vào chiều ngày dụng sự, con dâu đột nhiên phải cấp cứu, đến bệnh viện cứu không kịp nên đã chết. Đương nhiên gia chủ vì chuyện này cũng khó mà tránh được tổn một khoản tiền lớn.

Ví dụ 75: Người họ Phùng vào giờ Thân ngày 15 tháng 7 năm 1986 âm lịch động thổ xây Hối kiêm Càn trạch.

Nhật khóa: Bính Dần Bính Thân Bính Thân Bính Thân

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thiên Trạch Lý", quẻ biến "Phong Trạch Trung Phu", hào 4 phát động.

Lý	Trung Phu
— Huynh Đệ Tuất thổ	— Quan Quỷ Mão mộc Long
T — Tử Tôn Thân kim Tài Tý	— Phụ Mẫu Tỵ hỏa Vũ
— Phụ Mẫu Ngọ hỏa	-- Huynh Đệ Mùi thổ Hổ
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Xà
Ư — Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Câu
— Phụ Mẫu Tỵ hỏa	— Phụ Mẫu Tỵ hỏa Tước
THỔ	Không Vong: Thìn, Tỵ

Quẻ khóa này có hào Thế Tử Tôn Thân Kim, vốn là hào cát ở nhật nguyệt, nhưng dùng tại năm Dần là đại hung. Tử Tôn Thân Kim và hóa xuất Phụ Mẫu Tỵ Hỏa cùng Thái Tuế Dần hợp thành tam hình, mà hòa Thái Tuế xung phá, có Huyền Vũ ở tại Thế, có tai họa cực hung. Lại có Bạch Hổ ở tại hào 4 Phụ Mẫu Ngọ Hỏa phát động khắc hào Thế Tử Tôn Thân Kim, càng họa chồng thêm họa.

Khóa này ắt có tai họa tổn hại lục súc, nặng thì tổn hại cả nhân đình hoặc tai họa thị phi kiện tụng, mức độ họa cũng phải xem phúc phần của gia chủ nữa. Có phúc phần thì tổn lục súc thoát đại tài, không có phúc phần thì tổn nhân đình rước phải thị phi kiện tụng.

Tình hình ứng nghiệm: Gia chủ sau khi động thổ dụng sự không đến 1 tuần, lục súc trong nhà chết hết, tổn thất một số tiền lớn, gia chủ quá kinh sợ, vội vã đi tìm cách cứu vớt sau đó không dám dụng sự nữa. Sau này cũng không còn chuyện xấu gì xảy ra. Đây là gia chủ có phúc, đầu tiên chỉ thoát tổn lục súc là ngừng dụng sự lại luôn, không kịp tổn hại đến nhân đình, thật sự là trong họa có phúc.

Ví dụ 76: Người họ Lý có căn nhà cũ tọa Càn hướng Tốn kiêm Hợi Tỵ động thổ vào giờ Thìn ngày mùng 1 tháng 8 năm 1995 âm lịch.

Ngày khóa: Ất Mùi Ất Dậu Canh Thìn Canh Thìn

Lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Hỏa Địa Tấn", quẻ biến "Sơn Địa Bác", hào 4 phát động.

Tấn	Bác
— Quan Quỷ Tỵ hỏa	— Thê Tài Dần mộc Xà
-- Phụ Mẫu Mùi thổ	-- Tử Tôn Tỵ thủy Câu
T — Huynh Đệ Dậu kim	-- Phụ Mẫu Tuất thổ Tước
-- Thê Tài Mão mộc	-- Thê Tài Mão mộc Long
-- Quan Quỷ Tỵ hỏa	-- Quan Quỷ Tỵ hỏa Vũ
Ư -- Phụ Mẫu Mùi thổ	Tử Tỵ -- Phụ Mẫu Mùi thổ Hổ
KIM	Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này là quẻ khóa đại hung. Hào Thế Huynh Đệ Dậu Kim, là gia chủ, là anh em, là hào nguyệt lệnh, vốn dĩ tương vượng, giờ lại đắc Tuế đồng thời cùng hào động hóa hồi đầu sinh, phản lại mà thành đại hung. Theo định nghĩa ngũ hành sinh nhiều ngược lại thành khắc. Khóa này ắt có tai họa tổn hại cha mẹ, anh em. Hào 3 Thê Tài Mão Mộc, hưu tù tại nguyệt lệnh, lại có hào Thế cực vượng động khắc, Thê Tài Mão Mộc hữu tử vô sinh. Thê Tài là tài, cũng là vợ, cũng là nữ đình, ngoài thoát đại tài tổn nữ đình ra, còn chủ

con cháu ngày sau khó thành gia lập nghiệp; khóa này vốn là quẻ cực hung, dẫn dắt con cháu cô độc cả một đời.

Tình hình ứng nghiệm: Khóa này sau khi dựng sự trong 10 năm, liên tục tổn hại nhân đinh đến 4 người, chỉ còn lại họ Lý cô đơn 1 mình, không có chỗ dựa, cuộc sống cực kỳ khổ sở khó khăn, chứ đừng nói đến chuyện lấy vợ xây nhà. Sau họ Lý gặp được một thầy chỉ điểm, sau khi sử dụng phương pháp hóa giải, mới dần dần thuận lợi hơn lên.

Ví dụ 77: Người họ Tạ vào giờ Ngọ ngày mùng 3 tháng 1 năm 1994 âm lịch động thổ kiến Đinh kiêm Mùi trạch.

Nhật khóa: Giáp Tuất Bính Dần Kỷ Tỵ Canh Ngọ

Lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Phong Lôi Ích", quẻ biến "Thủy Lôi Truân", hào 6 phát động.

Ích				Truân			
Ư	—	Huỳnh Đệ	Mão mộc	--	Phụ Mẫu	Tý	thủy Long
	—	Tử Tôn	Tỵ hỏa	—	Thê Tài	Tuất	thổ Vũ
	--	Thê Tài	Mùi thổ	--	Quan Quý	Thân	kim Hổ
T	--	Thê Tài	Thìn thổ	--	Thê Tài	Thìn	thổ Xà
	--	Huỳnh Đệ	Dần mộc	--	Huỳnh Đệ	Dần	mộc Câu
	—	Phụ Mẫu	Tý thủy	—	Phụ Mẫu	Tý	thủy Tước

MỘC

Không Vong: Tuất, Hợi

Khóa này quẻ chủ "Phong Lôi Ích" mặc dù ý nghĩa quẻ là cát, nhưng hào tượng hung. Hào 3 Thê Tài Thìn Thổ, là nữ chủ nhân, là tài vật, mặc dù được nhật kiến sinh, nhưng nhập Thiên la đã là không cát, lại còn ở tại nguyệt lệnh là tử địa, càng không cát nữa. Hào 6 là hào Ứng Huỳnh Đệ Mão Mộc, vượng tại nguyệt lệnh, giờ lại phát động khắc Thổ, nữ chủ nhân hữu tửu vô sinh, còn thoái đại tài. Hào 4 Thê Tài Mùi Thổ lâm Bạch Hổ (VP: Tác giả an Lục thân sai nhưng luận theo sai) hóa xuất Quan Quý Thân Kim và nguyệt lệnh Dần nhật kiến cấu thành tam hình, có thông tin cực hung đối với nữ chủ nhân. Khóa này chủ yếu là thông tin xấu khắc nữ chủ nhân và thoái tài.

Tình hình ứng nghiệm: Gia chủ sau dựng sự kinh doanh thất bại, tài sản trong tay đều mất hết, cầu tài cũng rất khó khăn. Thái Tuế Ất Hợi năm 1995, Huỳnh Đệ Mão Mộc được sinh vượng khắc Thổ

kiếp tài, gia chủ vừa 30 tuổi thì vợ vì một vài chuyện nhỏ mà nghĩ không thông rồi thắt cổ tự tử. Sau đó tác giả lại dự đoán vận mệnh của gia chủ và con cái trong nhà, phát hiện có thông tin xấu gia chủ khắc thê, con trai có khắc mẹ. Thông tin vận mệnh gia chủ và thông tin hung của nhật khóa phát sinh hiệu ứng đồng bộ, lại thêm mệnh cục của con trai cũng khắc mẹ tương hổ vào, nữ chủ nhân làm sao mà không chết cho được!

Ví dụ 78: Một người tạo Cấn kiêm Dần trạch.

Vốn nhật khóa chọn dùng là giờ Ngọ ngày mùng 8 tháng 11 năm 1998 âm lịch động thổ. Nhưng lại gặp một xx sư ở chợ bán rau nói nên đổi lại thành giờ Tuất dựng sự, bởi vì gia chủ tin tưởng xx sư đó nói, nên dựng sự vào giờ Tuất mà bỏ qua giờ Ngọ, khiến cho sau khi dựng sự xảy ra sự cố lớn, gia chủ bị tai nạn xe thương nặng, tiêu tốn hơn 1 vạn viện phí nhập viện, đây là lỗi của trạch sư kia.

Khóa cũ: Mậu Dần Giáp Tý Đinh Mùi Bính Ngọ

Nhật khóa đã đổi: Mậu Dần Giáp Tý Đinh Mùi Canh Tuất

Lập được quẻ nhật khóa thời gian dài theo khóa đã đổi được quẻ chủ “Thủy Thiên Nhu”, quẻ biến “Thủy Trạch Tiết”, hào 3 phát động.

Nhu	Tiết
-- Thê Tài Tý thủy	-- Thê Tài Tý thủy Long
— Huynh Đệ Tuất thổ	— Huynh Đệ Tuất thổ Vũ
T -- Tử Tôn Thân kim	-- Tử Tôn Thân kim Hổ
— Huynh Đệ Thìn thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Xà
— Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ty	— Quan Quỷ Mão mộc Câu
Ư — Thê Tài Tý thủy	— Phụ Mẫu Ty hỏa Tước
THỔ	Không Vong: Dần, Mão

Nhật khóa khi đổi giờ dựng sự thành giờ Tuất có thể nhìn thấy ngay, quẻ này đại hung, trạch sư này về vấn đề trình độ mà nói, không tạo phúc cho mọi người, mà tạo họa cho mọi người. Hào 4 Tử Tôn Thân Kim trì Thế là gia chủ, là con cái, có Bạch Hổ ở tại đó, bị Thái Tuế xung phá, gia chủ ắt gặp phải tai họa đại hung phá thân máu chảy. Hào 3 Huynh Đệ Thìn Thổ phát động, hóa xuất Sửu

Thổ và nhật kiến Mùi Thổ hình thành tam hình, hình vượng Huynh
Đệ kiếp thần mà thoát đại tài, khóa này là khóa đại hung.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự gặp tai nạn xe bị thương
nặng, tổn mất hơn vạn tệ, để lại di chứng liệt người cho gia chủ.

Mà nếu theo nhật khóa cũ, giờ Ngọ dụng sự, lập được quẻ năm
dụng sự gồm quẻ chủ "Thủy Phong Tỉnh" quẻ biến "Địa Phong
Thăng", hào 5 phát động. Khóa này mặc dù không phải thượng cát,
nhưng không có chuyện thương tổn thoát tài xảy ra, trách sự
không biết được huyền cơ bên trong mà thay đổi thành giờ Tuất,
khiến cho gia chủ gặp tai nạn, tạo thành tổn thất không thể bù đắp
được, trách sự này thật quá đáng trách. Đương nhiên, cũng còn do
phức phần của gia chủ và thông tin hung của mệnh cục dẫn đến
việc bỏ qua khóa cát mà chọn khóa hung.

Ví dụ 79: Người họ Triệu và Mạc cùng chọn giờ Tý ngày 28
tháng 11 năm 1995 kiến tạo và dọn vào ở Càn kiêm Hợi trạch.

Nhật khóa: Ất Hợi Kỷ Sửu Giáp Dần Giáp Tý

Sau khi dụng sự, trong năm đó họ Triệu và Mạc đều có những
hiệu quả khác nhau, họ Triệu vào năm sau khi dụng sự bị mất
chức, từ cấp trưởng cục xuống làm một nhân viên bình thường,
đồng thời vào tháng 12 âm lịch cùng năm gặp phải tai nạn xe mà
gãy tay, tai họa cứ thế ập đến; Họ Mạc sau khi dụng sự lại từ phó
huyện liên tục thăng hai cấp lên đến bí thư huyện cấp cao, đồng
thời tất cả đều thuận lợi. Bởi vì bọn họ dụng sự cùng chọn một con
đường giống nhau, cho nên thêm pháp thêm họ vào càng dễ biết
được hung cát hơn.

(1) Họ Triệu: Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự thêm họ (14
nét) được quẻ chủ "Phong Thủy Hoán", quẻ biến "Khảm Vi Thủy",
hào 6 phát động.

Hoán			Khảm		
—	Phụ Mẫu	Mão mộc	--	Quan Quỷ Tý	thủy Vũ
T —	Huynh Đệ Ty	hỏa	—	Tử Tôn	Tuất thổ Hổ
--	Tử Tôn	Mùi thổ Tài Dậu	--	Thê Tài	Thân kim Xà
--	Huynh Đệ Ngọ	hỏa Quan Hợi	--	Huynh Đệ Ngọ	hỏa Câu
Ư —	Tử Tôn	Thìn thổ	—	Tử Tôn	Thìn thổ Tước
--	Phụ Mẫu	Dần mộc	--	Phụ Mẫu	Dần mộc Long
HỎA			Không Vong: Tý, Sửu		

Khóa này Quan Tinh Hợi Thủy là phục thần, bị khắc tại nguyệt lệnh, hợp tại nhật thần, là Quan tinh phục mà không được sinh. Mà phục thần khắc phi thần, phục đến khắc phi là xuất bạo. Xuất bạo là hung đến nhanh, là nhanh mất chức. Hào 4 Tử Tôn Mùi Thổ là kỵ thần của Quan tinh, hào nguyệt lệnh Sửu Thổ xung khởi vượng Thổ, có nghĩa là mất chức bị giáng chức. Lại có hào 6 Phụ Mẫu Mão Mộc động hóa xuất Quan tinh Tý Thủy và nguyệt lệnh tác hợp. Hợp là hợp mất đi Quan tinh. Khóa này có thông tin mất chức xuất hiện, ứng kỳ là tháng 4 năm Bính Tý 1996 âm lịch tháng nguyệt lệnh xung phá Quan tinh Hợi Thủy mà mất chức giáng chức. Hào Thế Huynh Đệ Ty Hỏa, có Bạch Hổ ở tại đó bị hào Thái Tuế xung phá, gia chủ ắt gặp họa phá thân thương tổn. Ứng vào tháng 12 năm 1996 âm lịch sẽ ứng nghiệm (sau tháng 1 năm 1997 là quẻ nhật khóa thời gian dài).

Tình hình ứng nghiệm: Họ Triệu vào tháng 4 năm 1996 âm lịch bị điều động từ cấp trưởng cục xuống làm một nhân viên bình thường, lại còn bị điều đến một nơi thôn quê để làm việc. Họ Triệu vào tháng 12 năm 1996 âm lịch lên trên ý kiến, sau đó lái xe về lại nơi làm việc thì xảy ra tai nạn mà gãy tay, đến tận tháng 1 năm 1997 âm lịch tới hỏi tác giả giúp đỡ tay vẫn chưa lành, vẫn còn phải bó bột.

(2) Người họ Mạc: Lập quẻ nhật khóa năm dụng sự thêm họ (13 nét) được quẻ chủ "Lôi Phong Hằng", quẻ biến "Trạch Phong Đại Quá", hào 5 phát động.

Hằng				Đại Quá			
Ư	--	Thê Tài	Tuất thổ	--	Thê Tài	Mùi thổ	Vũ
	--	Quan Quỷ	Thân kim	--	Quan Quỷ	Dậu kim	Hổ
	—	Tử Tôn	Ngọ hỏa	—	Phụ Mẫu	Hợi thủy	Xà
T	—	Quan Quỷ	Dậu kim	—	Quan Quỷ	Dậu kim	Câu
	—	Phụ Mẫu	Hợi thủy	—	Phụ Mẫu	Hợi thủy	Tước
	--	Thê Tài	Sửu thổ	--	Thê Tài	Sửu thổ	Long
MỘC				Không Vong: Tý, Sửu			

Quẻ khóa này nhìn là biết, là quẻ khóa thăng quan tiến chức. Hào 3 Quan tinh Dậu Kim, vượng tại nguyệt lệnh, là quan vượng.

Hào 5 Quan Thân Kim vượng tại nguyệt lệnh động hóa tiến thần, là có thông tin thăng quan, thăng quan tại hướng Tây, cũng là quan cấp trưởng. Mà hào 5 là vị trí tôn quý, quan lớn, có Bạch Hổ ở tại đó, là chức quan uy quyền ở hướng Tây. Quẻ khóa này chỉ hơi xấu chút về hào Ứng Thê Tại Tuất Thổ và hóa xuất Mùi Thổ, nguyệt lệnh Sửu Thổ hình thành tam hình, Tài tinh vốn dĩ vượng, giờ lại hình mà quá vượng, ngược lại xuất hiện thông tin thoái tài, có họa thoái tài tầm 500-6000 tệ. Lại có hào 4 Tử Tôn Ngọ Hỏa, vượng tại nhật kiến, nhưng hào của quẻ biến Phụ Mẫu Hợi Thủy hóa hồi đầu khắc, không có lợi, may mà nhật kiến Dần Mộc đem khắc tinh hợp trứ, hóa hợp vọng khắc, không ảnh hưởng lớn lắm đến thiếu chủ. Nhưng khắc tinh Hợi Thủy là hào Thái Tuế, dù không có trở ngại lớn đến thiếu chủ, nhưng vẫn có ít, tổn hạ đến lục súc hoặc thoái tài. Đây đã là đẹp lắm rồi.

Ứng nghiệm: Họ Mạc sau dụng sự nhật khóa này, có một đồng thép thừa vứt bên ngoài bị trộm mất, giá trị tầm 5-6 trăm tệ, nhưng nhân đinh lại bình an thuận lợi. Tháng 5 năm 1996 âm lịch (lưu niên Kỷ), Quan tinh Dậu và nhật khóa nguyệt lệnh tam hợp Ty Dậu Sửu cục Quan tinh, họ Mạc có mơ cũng không nghĩ được thăng đến tận hai chức lận, đi đến một thành phố ở hướng Tây làm bí thư cấp cao (trưởng bí thư huyện).

Ví dụ 80: Người họ Triệu vào giờ Sửu ngày mùng 9 tháng 10 năm 1996 âm lịch dọn vào ở Dần kiêm Cấn trạch.

Nhật khóa: Bính Tý Canh Tý Canh Thìn Đinh Sửu

Thêm họ lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Địa Trạch Lâm", quẻ biến "Địa Lôi Phục", hào 2 phát động.

Lâm	Phục
-- Tử Tôn Dậu kim	-- Tử Tôn Dậu kim Xà
Ư -- Thê Tài Hợi thủy	-- Thê Tài Hợi thủy Câu
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Tước
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Thìn thổ Long
T -- Quan Quỷ Mão mộc	-- Quan Quỷ Dần mộc Vũ
-- Phụ Mẫu Ty hỏa	-- Thê Tài Tý thủy Hổ

THỔ

Không Vong: Thân, Dậu

Quẻ chủ “Địa Trạch Lâm”, hào sơ Phụ Mẫu Ty Hỏa, hưu tù tại nhật thời, bị khắc tại Tuế nguyệt, quẻ khóa này là quẻ bất lợi cho cha mẹ, cũng bất lợi cho cả người đi học đọc sách. Nhưng được hào Thế Quan Quỷ Mão Mộc tương vượng mà sinh, năm Phụ Mẫu Ấn tinh được Tuế vận tương vượng, có thể xuất hiện người đọc sách học cao, nếu cha mẹ gia chủ không còn, có thể không cần kỵ Thê Tài Tý Thủy hóa xuất khắc. Hào 2 Quan Tinh Mão Mộc động hóa Dần Mộc, bởi vì Quan Quỷ Mão Mộc vượng tại Tuế nguyệt, là giả thoái thần, Dần Mộc Quan tinh cùng nhật kiến tạo thành Dần Mão Thìn tam hội cục Mộc nhất khí Quan Tinh, là Quan tinh cực vượng. Hào Ứng Thê Tài Hợi Thủy vượng tại Tuế nguyệt, là Tài tinh cực vượng lại còn sinh Thế, chủ được vợ giúp đỡ, lại còn có tài đến tìm gia chủ. Hào 6 Tử Tôn Dậu Kim được sinh tại nhật kiến, mà lại là năm Thiên Ất Quý nhân, con cái tài giỏi có thành tựu. Khóa này là quẻ khóa cát, đình tài quý thọ đều có.

Tình hình ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự nhật khóa này, nhân đình bình an, tài tinh tương vượng, mà cấp bậc của vợ chồng được ổn định. Đến năm 1998 trong cơ quan của gia chủ có vấn đề về kinh tế, hầu hết các lãnh đạo đều bị mất chức, chỉ có gia chủ may mắn được giữ lại. Năm 1999, Quan tinh gặp Thái Tuế đương lệnh, Ấn tinh được sinh vượng, con trai duy nhất của gia chủ thi đỗ đại học trở thành sinh viên.

Ngoài ra còn có hai quan chức chọn nhật khóa này để dọn vào Cấn kiêm Dần trạch, sau khi dọn vào tất cả đều thuận lợi. Công việc như ý, tâm nguyện hoàn thành. Mà chức quan cũng được giữ vững, phương diện tài nguyên đều được tăng thêm lên, cũng đã lập gia đình, con cái học hành đều vượt trội.

Ví dụ 81: Người họ Tạ chọn giờ Ngọ ngày 19 tháng 8 năm 1995 âm lịch kiến Dần kiêm Cấn trạch.

Nhật khóa: Ất Hợi Ất Dậu Đinh Mùi Bính Ngọ

Thêm họ (17 nét) lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ “Địa sơn Khiêm”, quẻ biến “Khôn Vi Địa”, hào 3 phát động.

Khiêm	Khôn
-- Huynh Đệ Dậu kim	-- Huynh Đệ Dậu kim Long
T -- Tử Tôn Hợi thủy	-- Tử Tôn Hợi thủy Vũ
-- Phụ Mẫu Sửu thổ	-- Phụ Mẫu Sửu thổ Hổ
-- Huynh Đệ Thân kim	-- Thê Tài Mão mộc Xà
Ư -- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Quan Quỷ Tỵ hỏa Câu
-- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Tước

KIM

Không Vong: Dần, Mão

Quẻ chủ hào 5 Tử Tôn Hợi Thủy trì Thế, là gia chủ, là con trai, giờ lâm Thái Tuế, lại được sinh tại nguyệt lệnh, là quẻ đại cát. Nhưng hào 4 Phụ Mẫu Sửu Thổ có Bạch Hổ ở tại đó bị nhật kiến xung mà động, ắt có tai nạn xe mà gặp họa thương tổn hoặc thị phi kiện tụng (gia chủ là một nhân viên, cha mẹ mất sớm, có xe, luận theo xe cộ. Nếu như có cha mẹ, nên suy nghĩ đến họa thương tổn cha mẹ hoặc hung thương hiếu phục). Hào 3 Huynh Đệ Thân Kim vượng tại nguyệt lệnh và nhật kiến, giờ có Đăng Xà ở đó phát động, gia chủ ắt vì chuyện thoái tài và vợ con gặp họa mà chịu sự kinh sợ. Bởi vì phục thần Thê Tài Mão Mộc bị nguyệt phá, lại còn phục sinh phi thần, vì ở tại phá địa cho nên trừ vợ con gia chủ gặp họa ra, còn bị đại phá tài, gia chủ có thể không kinh sợ sao, mà còn là phá đại tài cơ đấy! Khóa này là khóa không tốt, vợ gặp họa, phá đại tài, thương tổn và thị phi kiện tụng.

Ứng nghiệm: Khóa này sau khi dụng sự liên tiếp xảy ra những chuyện xấu; 1, liên tiếp thoái tài 2 lần, tổng cộng tổn mất 4 vạn 4 nghìn tệ; 2, vợ bị bệnh, nằm viện 1 tháng; 3, gia chủ bị tai nạn xe, bị thương nhẹ; 4, thị phi nhiều, thường có người nói xấu sau lưng,... Sau tác giả dựa theo tình hình thực tế của gia chủ, kiến nghị anh ta bán nhà đi. Gia chủ nghe ý kiến của tác giả, cuối cùng cũng bán căn nhà đó đi.

Ví dụ 82: Người họ Cát vào giờ Thìn ngày 30 tháng 1 năm 1987 âm lịch động thổ xây Ất kiem Mão trạch.

Nhật khóa: Đinh Mão Nhâm Dần Đinh Mùi Giáp Thìn

Thêm họ (15 nét) lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Trạch Sơn Hàm", quẻ biến "Trạch Hỏa Cách", hào sơ phát động.

Hàm	Cách
Ư -- Phụ Mẫu Mùi thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Long
-- Huynh Đệ Dậu kim	-- Huynh Đệ Dậu kim Vũ
-- Tử Tôn Hợi thủy	-- Tử Tôn Hợi thủy Hổ
T -- Huynh Đệ Thân kim	-- Tử Tôn Hợi thủy Xà
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa	-- Phụ Mẫu Sửu thổ Câu
-- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Thê Tài Mão mộc Tước

KIM

Không Vong: Dần, Mão

Quẻ khóa này là quẻ khóa cát ít. Quẻ chủ hào sơ Thìn Thổ chủ cha mẹ, lại chủ văn thư, giờ lại còn động hóa Thê Tài Mão Mộc tương vượng hóa hồi đầu khắc, ngoài khắc tổn cha mẹ ra, còn xuất hiện thông tin con cái khó khăn trong việc học cao. Hào Thế Huynh Đệ Thân Kim được nhật kiến sinh, bị nguyệt kiến xung, là bất lợi cho gia chủ, đa phần là gặp chuyện kinh sợ, còn có thông tin khó cầu tài và thoái tài. Hào 4 Tử Tôn Hợi Thủy, mặc dù nhật kiến là Quý nhân, nhưng hưu tù tại ngày tháng năm, cũng xuất hiện thông tin con cái khó vượt trội, lại lâm Bạch Hổ chủ về con trai tính tình thô bạo. Đối với cha mẹ khắc tổn bất lợi. Ứng kỳ là ứng với năm dụng sự và năm Kỷ Ty 1989, Thái Tuế, nguyệt lệnh, hào Thế Ty Dần Thân hình thành tam hình, lại có lưu niên Thái Tuế xung động hào 4 Bạch Hổ mà ứng với hiệu phục, cha mất.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự vào năm đó cha bị bệnh, đến bệnh viện chẩn đoán và chữa trị, tận đến năm 1989 mới mất. Gia chủ sau khi dụng sự, cũng không mấy thuận lợi, cầu tài khó khăn, nuôi gà không được, nuôi heo không lớn, còn thường xuyên gặp chuyện thoái tài. Năm 1989 lại còn thảm hơn, hiệu phục (chịu tang), tổn hại lục súc, thoái tài đều lần lượt đến, con cái cũng không có gì vượt trội, học hành không cao, đồng thời cơ thể cũng hay bệnh tật. Sau tác giả kiến nghị gia chủ sử dụng phương pháp hóa giải, cơ bản nhất chính là bảo đảm được nhân đình bình an, tài

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

nguyên ổn định, thậm chí còn có thể đạt đến mức không mất mát thêm gì nữa là tốt nhất.

Ví dụ 83: Người họ Trương vào giờ Thìn ngày 22 tháng 10 năm 1999 âm lịch dọn vào ở Quý kiem Sửu trạch

Nhật khóa: Kỷ Mão Ất Hợi Ất Dậu Canh Thìn

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Lôi Thiên Đại Tráng", quẻ biến "Trạch Thiên Quải", hào 5 phát động.

Đại
Tráng

Quải

-- Huynh Đệ Tuất thổ -- Huynh Đệ Mùi thổ Vũ

-- Tử Tôn Thân kim -- Tử Tôn Dậu kim Hồ

T -- Phụ Mẫu Ngọ hỏa -- Thê Tài Hợi thủy Xà

-- Huynh Đệ Thìn thổ -- Huynh Đệ Thìn thổ Câu

-- Quan Quỷ Dần mộc -- Quan Quỷ Dần mộc Tước

Ư -- Thê Tài Tý thủy -- Thê Tài Tý thủy Long

THỎ

Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này quẻ chủ Lôi Thiên Đại Tráng, hào Thế Phụ Mẫu Ngọ Hỏa, hưu tù tử tuyệt tại nhật nguyệt kiến, lại có hào quẻ biến Thê Tài Hợi Thủy và hào Ứng Thê Tài Tý Thủy tương khắc, rất không tốt, là hung, ắt xảy ra chuyện tai họa khắc sát gia chủ, cha mẹ, ngoài ra tài khắc Thế, vốn là tài đến tìm chủ, nhưng Thế suy tài vượng ngược lại thoái tài hoặc vì cầu tài, vì nữ đỉnh mà xảy ra tai họa. Hào 5 Tử Tôn Thân Kim, có Bạch Hổ ở tại đó, vượng tại nhật kiến, phát động hóa Dậu Kim Tuất phá, con cái ắt gặp phải tai họa, Bạch Hổ phát động cũng là chủ chuyện hung thương máu chảy. Tử Tôn là chỉ lục súc, cũng là thông tin thoái tổn lục súc.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau dụng sự đầu tiên tổn lục súc thoái tài, sau con gái gặp phải họa, có chuyện máu chảy xảy ra, đến bệnh viện và nằm lại viện nên tổn mất hơn 7000 tệ. Sau gia chủ nghe theo lời tác giả, làm hoá giải khóa này.

Ví dụ 84: Nhà họ Trương vào giờ Ngọ ngày mừng 2 tháng 5 năm 1999 âm lịch động thổ xây Đình sơn xã công (miếu Thổ Địa).

Nhật khóa: Kỷ Mão Canh Ngọ Mậu Tuất Mậu Ngọ

Lập được quẻ thông tin nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ “Hỏa Trạch Khuê”, quẻ biến “Lôi Trạch Quy Muội”, hào 6 phát động.

Khuê	Quy Muội
— Phụ Mẫu Ty hỏa	-- Huynh Đệ Tuất thổ Tước
-- Huynh Đệ Mùi thổ Tài Tý	-- Tử Tôn Thân kim Long
T — Tử Tôn Dậu kim	— Phụ Mẫu Ngọ hỏa Vũ
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Hổ
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Xà
Ư — Phụ Mẫu Ty hỏa	— Phụ Mẫu Ty hỏa Câu
THỔ	Không Vong: Thìn, Ty

Khóa này quẻ chủ “Hỏa Trạch Khuê”, hào 4 Tử Tôn Dậu Kim, là gia chủ, là con cái gia chủ, là lục súc. Giờ vào là tháng 5 là đương lệnh đến khắc Thổ, còn gặp Thái Tuế xung phá, đã thấy hung rồi. Hào 6 Phụ Mẫu Ty Hỏa vượng tại nguyệt lệnh khắc sát, lại có hào Phụ Mẫu Ngọ Hỏa của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, khiến hung càng thêm hung. Khóa này còn có tổn hại lục súc, thương tổn con cháu (là thanh thiếu niên) hoặc họa thương tổn vì bệnh tật không có nghi ngờ gì hết (Huyền Vũ ở tại vị trí Tử Tôn chủ bệnh tật). Phục thần Thê Tài Tý Thủy bị khắc tại nhật kiến, lại còn bị nguyệt xung phá, có thông tin thoái đại tài. Quẻ khóa này là quẻ đại hung.

Thực tế: Người đến xin dự đoán nói với tác giả, khóa này sau khi dụng sự cả họ gặp hao tổn lục súc thoái tài, còn có mấy thanh niên nam nữ, gặp phải tai họa bệnh tật, đến tháng 4 năm 2000 tính đến lúc đến gặp tác giả đã mất tầm khoảng hơn 2 vạn tệ. Nhưng thanh niên nam nữ bị thương bệnh, vẫn chưa khỏi hẳn, nếu không tìm cách hóa giải, hậu quả không thể tưởng nổi.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 85: Người họ Lý vào giờ Ngọ ngày 20 tháng 6 năm 1997 âm lịch động thổ kiên Cấn kiêm Sửu trạch.

Nhật khóa: Đinh Sửu – Đinh Mùi – Đinh Mão – Bính Ngọ

Lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ “Thủy Phong Tỉnh”, quẻ biến “Thủy Thiên Nhu”, hào sơ phát động.

Tỉnh	Nhu
-- Phụ Mẫu Tý thủy	-- Phụ Mẫu Tý thủy Long
T -- Thê Tài Tuất thổ	-- Thê Tài Tuất thổ Vũ
-- Quan Quỷ Thân kim Tử Ngọ	-- Quan Quỷ Thân kim Hổ
-- Quan Quỷ Dậu kim	-- Thê Tài Thìn thổ Xà
Ư -- Phụ Mẫu Hợi thủy Huỳnh Dần	-- Huỳnh Đệ Dần mộc Câu
-- Thê Tài Sửu thổ	-- Phụ Mẫu Tý thủy Tước

MỘC

Không Vong: Tuất, Hợi

Khóa này quẻ chủ “Thủy Phong Tỉnh”, hào Thế Thê Tài Tuất Thổ, và nguyệt lệnh Mùi Thổ cùng hào động Thê Tài Sửu Thổ lâm Ứng, cấu thành tam hình. Hào Ứng Sửu Thổ là hào Thái Tuế, hào Thế cũng cùng Tuế nguyệt cấu thành tam hình, là đại hung. Mà Huyền Vũ lâm hào Thế, đa phần ứng với nữ chủ nhân xảy ra tai họa bệnh tật, mức độ tai họa không thể tưởng tượng nổi.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau dụng sự vợ quả nhiên mắc bệnh. Gia chủ mặc dù là bác sĩ, nhưng dùng thuốc không có tác dụng, lúc khỏe lúc yếu. Tác giả nói với gia chủ, nhật khóa này rất hung, có thông tin tổn hại vợ, nói anh ta mau thực hiện hóa giải, nhưng gia chủ lại nghe mấy ông thầy đầu đầu nói khóa này là “thượng cát”, không muốn tìm cách hóa giải. Tháng 2 năm 2000, gia chủ đến, nói với tác giả vợ gia chủ đã mất vào tháng 1 năm 1999. Giờ đã lấy một người vợ mới, nhưng người vợ mới trong lòng lo sợ, cho nên mới tìm đến tác giả, xem xem làm sao để hóa giải, phòng trừ ngày sau của cô ta không gặp phải tai họa.

2. Ví dụ về chọn ngày tốt trong an táng

Ví dụ 86: Người họ Vi vào giờ Tý ngày 14 tháng 3 năm 1994 âm lịch hạ táng táng Giáp kiêm Mão sơn.

Nhật khóa: Giáp Tuất Mậu Thìn Canh Dần Tân Ty

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thủy Lôi Truân", quẻ biến "Thủy Trạch Tiết", hào 2 phát động, lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Lôi Trạch Quy Muội", quẻ biến "Địa Trạch Lâm", hào 2 phát động.

Truân	Tiết
-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Huynh Đệ Tý thủy Xà
Ư -- Quan Quỷ Tuất thổ	-- Quan Quỷ Tuất thổ Câu
-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Phụ Mẫu Thân kim Tước
-- Quan Quỷ Thìn thổ Tài Ngọ	-- Quan Quỷ Sửu thổ Long
T -- Tử Tôn Dần mộc	-- Tử Tôn Mão mộc Vũ
-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Thê Tài Ty hỏa Hổ
THỦY	Không Vong: Ngọ, Mùi

Quẻ khóa này hào Thế Tử Tôn Dần Mộc là chủ sự dương nhân, là nhân đinh, là hậu đại, vượng tại nhật kiến mà hóa tiến thần, là Tử Tôn vượng, nguyên thần của Tài vượng, đại cát. Phục thần Thê Tài Ngọ Hỏa và hào Thế ứng cấu thành tam hợp Dần Ngọ Tuất cục Tài (hào Ứng Quan Quỷ Tuất Thổ bị nguyệt kiến xung động) là Tài vượng. Quan Quỷ Thìn Thổ là hào nguyệt lệnh, vốn bị hào Tử Tôn động khắc thương, nhưng Dần Ngọ Tuất hợp cục Tài đến sinh, có Quan Tài cùng vượng. Phụ Mẫu Thân Kim là ẩn tinh, là văn thư, giờ được sinh vượng tại nguyệt lệnh, lại được hào Ứng Tuất Thổ động mà sinh, là có văn chương xuất chúng, ắt xuất hiện người học cao làm quan, khóa này đinh tài lưỡng vượng, đều dẫn dắt xuất hiện người tài làm quan.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự tất cả đều bình an. Vào tháng 9 âm lịch năm dụng sự (nguyệt lệnh Quan Tinh sinh Phụ Mẫu ẩn tinh), con trai thứ của gia chủ làm công ở một thị trấn, được chính phủ bảo đảm đưa đến một trường Đại học nông nghiệp đào tạo, sau khi tốt nghiệp được phân về một thị trấn gần huyện thành làm việc, năm 1995 lại nên duyên lấy được vợ, năm 1999 lại sinh được quý tử.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Quẻ nhật khóa thời gian dài cũng được thông tin cát đỉnh tài quý đều vượng, ngày sau này, thế hệ sau sẽ luôn có người học cao làm quan, hưởng phú quý, khóa này thông tin nắm dụng sự và thông tin thời gian dài đều cát.

Ví dụ 87: Người họ Tạ vào giờ Mùi ngày mùng 7 tháng 5 năm 1993 âm lịch hạ táng táng Bính kiem Ty sơn.

Nhật khóa: Quý Dậu Mậu Ngọ Mậu Dần Kỷ Mùi

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Khảm Vi Thủy", quẻ biến "Phong Thủy Hoán", hào 6 phát động.

Khảm				Hoán			
T	--	Huynh Đệ Tý	thủy	--	Tử Tôn	Mão mộc	Tước
	--	Quan Quỷ Tuất	thổ	--	Thê Tài	Tỵ hỏa	Long
	--	Phụ Mẫu Thân	kim	--	Quan Quỷ Mùi	thổ	Vũ
Ư	--	Thê Tài Ngọ	hỏa	--	Thê Tài	Ngọ hỏa	Hổ
	--	Quan Quỷ Thìn	thổ	--	Quan Quỷ Thìn	thổ	Xà
	--	Tử Tôn Dần	mộc	--	Tử Tôn	Dần mộc	Câu

THỦY

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ "Khảm Vi Thủy", có ý nghĩa có nguy hiểm về nước, gặp khó khăn ngăn trở, quẻ không cát. Hào 6 Huynh Đệ Tý Thủy trì Thế lâm Chu Tước, động mà hóa xuất Tử Tôn Mão Mộc, phá tại Thái Tuế, là có phát sinh chuyện tổn lộc súc thoái tài. Lại có hào 4 Phụ Mẫu Thân Kim vượng tại Thái Tuế ám động, Phụ Mẫu động có thông tin thoái tổn lộc súc. Bởi vì Phụ Mẫu, hào Thế trước mắt hưu tù, tạm thời không thể hành động gây kiếp tài tổn hại lộc súc, nhưng một khi giao tháng 7,8 tháng Kim Thủy sinh vượng, ắt có chuyện kiếp tài tổn lộc súc.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự vào tháng 7,8, chết một con lợn và gặp chuyện thoái tài, tổn thất mấy hơn 500 tệ, nhân đình bình an. Nhưng gia chủ có gặp chút chuyện thị phi nhỏ.

Ví dụ 88: Người họ Phan vào giờ Dậu ngày mùng 2 tháng 8 năm 1980 âm lịch hạ táng tiểu ốc táng Dậu kiêm Tân sơn.

Nhật khóa: Canh Thân Ất Dậu Bính Tuất Đinh Dậu

Lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Thiên Hỏa Đồng Nhân", quẻ biến "Thiên Lôi Vô Vọng", hào 3 phát động.

Đồng Nhân				Vô Vọng			
Ư	—	Tử Tôn	Tuất thổ	—	Tử Tôn	Tuất thổ	Long
	—	Thê Tài	Thân kim	—	Thê Tài	Thân kim	Vũ
	—	Huỳnh Đệ	Ngọ hỏa	—	Huỳnh Đệ	Ngọ hỏa	Hổ
T	—	Quan Quỷ	Hợi thủy	—	Tử Tôn	Thìn thổ	Xà
	—	Tử Tôn	Sửu thổ	—	Phụ Mẫu	Dần mộc	Câu
	—	Phụ Mẫu	Mão mộc	—	Quan Quỷ	Tý thủy	Tước
HỎA				Không Vong: Ngọ, Mùi			

Khóa này quẻ chủ "Thiên Hỏa Đồng Nhân", hào sơ Phụ Mẫu Mão Mộc bị nguyệt lệnh xung động mà khắc hào 2 Tử Tôn Sửu Thổ, mặc dù vào suy địa, nhưng một khi đương lệnh; trực phùng Tuế nguyệt ắt thành khắc Tử Tôn. Lại có hào 2 Tử Tôn Sửu Thổ bị Phụ Mẫu Dần Mộc của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, có thông tin xấu khắc Tử Tôn. Khóa này có thông tin xấu khắc Tử Tôn, thiếu niên thương vong. Hào 3 Quan Quỷ Hợi Thủy là nền móng, là người dương, là Quan quý. Mặc dù vượng tại tứ trụ thành công hội thành Thân Dậu Tuất cục vượng Kim, nhưng bị hào Ứng (chủ sơn phần) khắc sát mà lại còn bị Tử Tôn Thìn Thổ của quẻ biến hóa hồi đầu khắc, nhân đinh không bình an, chứ nói gì đến có người làm quan. Bởi vì Phụ Mẫu Mão Mộc là Ấn tinh, là văn thư, ở tại vị trí hào khắc, con cháu sau này khó mà học cao thành tài. Hào 5 Thê Tài Thân Kim, tứ trụ có một khoảng Kim cường vượng, Tài tinh quá vượng cang thừa, dễ thọ yếu, ngược lại nói theo sự suy nhược, phán đoán theo lý luận ngũ hành sinh nhiều vượng nhiều ngược lại thành khắc, có chuyện lo lắng về nữ đinh gặp họa hoặc nam đinh khó lấy được vợ, dù có lấy được cũng khó mà giữ được. Bởi vì Thê Tài Thân Kim mạnh quá mà còn ở tại vị trí đế quân hào 5, là tài của hoàng đế, là phụ nữ của hoàng đế, không động sinh hào Thế, sao mà cầu được? Bởi vì vậy mà nam đinh khó thành gia lập nghiệp

hoặc sẽ xảy ra quả phu quả nam! Quẻ khóa này là quẻ khóa với thông tin nhật khóa không cát.

Ứng nghiệm: Khóa này dụng sự đến này đã 20 năm, con cháu trong nhà này đều khó lấy vợ, có 4 người đàn ông quá 40 tuổi mà vẫn chưa lấy được vợ, có một người đàn ông đã hơn 60 tuổi mà cũng chưa lấy được vợ. Có hai người đàn ông mặc dù lấy được vợ, nhưng đều một thì vợ chết hai thì vợ bỏ đi, đều không giữ được vợ. Năm 1999, Phụ Mẫu Mão Mộc khắc Tử tinh đương lệnh, có một người đàn ông vừa mới được 30 tuổi ở hướng Đông nơi Mộc vượng gặp tai nạn xe mà chết. Cả 4 nhà này, không có một ai học đến trung học, chứ nói gì đến làm quan, đến một nhân viên bình thường còn không có một ai, con cháu phát tài cũng không thấy có một ai.

Ví dụ 89: Người họ Phan vào giờ Tuất ngày 11 tháng 9 năm 1994 âm lịch hạ táng táng Dần kiêm Cấn sơn.

Nhật khóa: Giáp Tuất Giáp Tuất Giáp Tuất Giáp Tuất

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Sơn Trạch Tốn", quẻ biến "Địa Trạch Lâm", hào 6 phát động.

Tốn	Lâm
Ư — Quan Quỷ Dần mộc	— Tử Tôn Dậu kim Vũ
— Thê Tài Tý thủy	— Thê Tài Hợi thủy Hổ
— Huynh Đệ Tuất thổ	— Huynh Đệ Sửu thổ Xà
T — Huynh Đệ Sửu thổ	— Huynh Đệ Sửu thổ Câu
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Tước
— Phụ Mẫu Tỵ hỏa	— Phụ Mẫu Tỵ hỏa Long

THỎ

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này được quẻ "Sơn Trạch Tốn" là quẻ nhật khóa xấu nhất cho tạo táng, ắt có thương tổn, tổn thất xảy ra. Hào 3 Huynh Đệ Sửu Thổ trì Thế, vượng tại Tuế nguyệt nhật, Huynh Đệ quá vượng ắt thương tài, đối với nhân đình dương cư không có lợi. Hào ứng là sơn phần, là người khác, là quỷ quái, giờ lại động mà khắc hào thế, mặc dù tại vị trí hưu tù, không dẫn đến chuyện thương tổn nhân đình, nhưng được nhật nguyệt vượng, sẽ xuất hiện chuyện quan chức mà gây ra thị phi kiện tụng. Quẻ khóa này là quẻ khóa rước lấy thị phi kiện tụng mà thoái tài, không cát.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự không đến 15 ngày, phần tro cốt của tổ tiên đã được chôn cất bị chủ thầu phần đất đào lên, gây nên tranh chấp. Bởi vì khóa này đã được tác giả dự đoán qua, là khóa không cát, gọi bọn họ đừng nên dùng. Sau khi xảy ra sự việc gia chủ lại đến chỗ tác giả hỏi phải làm sao mới được, có nên kiện không? Tác giả dựa theo phương diện dự đoán thông tin để phán đoán, kiện tụng không thắng được, mà còn làm lớn chuyện này làm gì, dẫn đến càng thoái tài nữa. Giờ vì chuyện táng sơn mà đã gây tổn hại, sao phải làm chuyện này lớn hơn, như vậy ngược lại không có lợi cho bản thân, sau đó gia chủ cũng bỏ qua chuyện này.

Ví dụ 90: Người họ Hoàng vào giờ Mão ngày 26 tháng 6 năm 1995 âm lịch hạ táng táng Mão kiêm Giáp sơn.

Nhật khóa: Ất Hợi Quý Mùi Ất Mão Kỷ Mão

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Lôi Địa Dự", quẻ biến "Hỏa Địa Tấn", hào 6 phát động.

Dự	Tấn
-- Thê Tài Tuất thổ	-- Tử Tôn Ty hỏa Vũ
-- Quan Quỷ Thân kim	-- Thê Tài Mùi thổ Hổ
Ư -- Tử Tôn Ngọ hỏa	-- Quan Quỷ Dậu kim Xà
-- Huynh Đệ Mão mộc	-- Huynh Đệ Mão mộc Câu
-- Tử Tôn Ty hỏa	-- Tử Tôn Ty hỏa Tước
T -- Thê Tài Mùi thổ Phụ Tý	-- Thê Tài Mùi thổ Long
MỘC	Không Vong: Tý, Sửu

Quẻ khóa này vừa nhìn là thấy quẻ thoái tài tổn lục súc. Hào 2 Tử Tôn Ty Hỏa, là con cái, là lục súc, mặc dù được nhật sinh, nhưng bị Thái Tuế xung phá, mặc dù con cái vô sự, nhưng ắt có chuyện tổn hại lục súc xảy ra. Hào Ứng Tử Tôn Ngọ Hỏa, năm 1995 vô sự, nhưng vào năm Bính Tý 1996 tất bị Thái Tuế xung khắc, có chuyện tổn hại lục súc xảy ra. Hào 6 Thê Tài Tuất Thổ, là Địa vong của Thái Tuế, bị hình tại nhật kiến vốn là cát ít, nhưng lại có Huyền Vũ ở tại đó động hóa Tuế phá, ắt vì chuyện trộm cắp hoặc ám vị mà thoái tài, phá tài. Quẻ khóa này mặc dù ý nghĩa của hai quẻ chủ biến là cát, nhưng hào tượng hung, là khóa không cát.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự vào năm dụng sự vì chuyện ám vị mà phá tài hơn 1000 tệ; 6 tháng nửa đầu năm Bính Tý 1996. Lại chết mất 4 con lợn, một con trâu, theo giá trị lúc đó, số thoái tài hơn 1000 tệ.

Ví dụ 91: Người họ Mông vào giờ Ngọ ngày 26 tháng 8 năm 1996 âm lịch táng Tân kiêm Tây sơn

Nhật khóa: Bính Tý Mậu Tuất Mậu Dần Tuất Ngọ

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Hỏa Trạch Khuê", quẻ biến "Lôi Trạch Quy Muội", hào 6 phát động.

Khuê	Quy Muội
— Phụ Mẫu Ty hỏa	-- Huynh Đệ Tuất thổ Tước
-- Huynh Đệ Mùi thổ Tài Tý	-- Tử Tôn Thân kim Long
T — Tử Tôn Dậu kim	— Phụ Mẫu Ngọ hỏa Vũ
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Hổ
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Xà
Ư — Phụ Mẫu Ty hỏa	— Phụ Mẫu Ty hỏa Câu
THỔ	Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này quẻ chủ hào 6 Phụ Mẫu Ty Hỏa, vượng tại nhật khóa Dần Ngọ Tuất cục Hỏa, có Chu Tước ở tại đó phát động khắc hào Thế Tử Tôn Dậu Kim, là có tai họa tổn lục súc, thoái tài và thị phi. Tử Tôn Dậu Kim trị Thế, mặc dù vượng tại nguyệt lệnh, nhưng bị Phụ Mẫu Ngọ Hỏa vượng hóa hồi đầu khắc, có thông tin thị phi và tổn hại lục súc. Phụ Mẫu Ty Hỏa lâm Ứng là sơn phần, là tổ tiên, đến khắc hào Thế, không cát, thông tin đa phần rước thị phi và tổn hại lục súc, thoái tài. Hào Tử Tôn là nguyên thần của Tài, giờ lại bị khắc, không có lợi với Thê Tài, có lo lắng về nhân đinh mắc bệnh tật tai họa. Bởi vì Huyền Vũ ở tại hào Thế. Khóa này là quẻ khóa không cát.

Thực tế: Gia chủ có báo lại với tác giả, sau khi dụng sự thường xuyên tổn lục súc và thoái tài, mà người trong nhà thường xuyên dính vào thị phi, họ cũng rất hay bị bệnh. Có đi hỏi trạch sư khác và được biết đây không phải là do nhật khóa táng sơn gây nên, nhưng không tin mới lại đi hỏi tác giả. Sau tác giả chỉ cách hóa giải, thực hiện hóa giải rồi mọi thứ mới bình an.

Ví dụ 92: Người họ Tiết vào giờ Tý ngày 23 tháng 7 năm 1997 âm lịch hạ táng ngoại công táng Tý kiêm Quý sơn.

Nhật khóa: Đinh Sửu Mậu Thân Kỷ Hợi Giáp Tý

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Địa Thiên Thái", quẻ biến "Địa Trạch Lâm", hào 3 phát động.

Thái			Lâm		
Ư	--	Tử Tôn	Dậu kim	--	Tử Tôn
	--	Thê Tài	Hợi thủy	--	Thê Tài
	--	Huỳnh Đệ	Sửu thổ	--	Huỳnh Đệ
T	--	Huỳnh Đệ	Thìn thổ	--	Huỳnh Đệ
	--	Quan Quỷ	Dần mộc	Phụ Ty	--
	--	Thê Tài	Tý thủy	Phụ Mẫu	Ty
THỔ			Không Vong: Thìn, Ty		

Khóa này ý nghĩa của hai quẻ chủ biến đều là cát, nhưng quái hào lại không cát, quẻ cát cũng vô dụng. Hào 3 Huỳnh Đệ Thìn Thổ trì Thế, Huyền Vũ ở tại đó phát động mà kiếp tài. Bởi vì tháng 7 được Thân Tý Thìn hóa cục Tài, tháng 7 vô sự, một khi đến ngày Sửu tháng 8, nhật lệnh hợp Thân Tý Thủy trong cục Tài mất đi, ắt ứng nghiệm thoái tài. Xuất tại giờ hóa xuất của Sửu Thổ là hào lâm Thái Tuế, cho nên kiếp tài thoái tài ắt sẽ lớn! Ở tại hào 2 lại phục bên cạnh hào Quan Quỷ Dần Mộc là phục thần Phụ Mẫu Ty Hỏa, cùng phi thần và nguyệt lệnh Thân cấu thành tam hình, lại lâm Bạch Hổ, ắt thoái đại tài vì cha mẹ hoặc xe cộ gặp chuyện. Kiếp thần Huỳnh Đệ Thìn Thổ lâm Huyền Vũ phát động, Huyền Vũ chủ trộm cắp, cho nên thoái tài có 2 nguyên nhân: một là vì xe cộ bị trộm mất mà thoái đại tài; 2 là vì cha mẹ hung thương hiếu phục mà thoái đại tài. Nói theo tình hình thực tế ngoại công của người họ Tiết không còn cha mẹ, cho nên ắt là vì xe cộ bị trộm mà xuất hiện thoái đại tài. Theo kinh nghiệm của tác giả, hào Phụ Mẫu trừ là người lớn hoặc cha mẹ ra, đa phần chủ xe cộ, cũng như đồ nội thất trong nhà.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự 15 ngày là ngày mùng 7 ngày Quý Sửu tháng 8 (đã qua tháng 8 tiết lệnh), một chiếc xe mô tô hàng hiệu của nhà gia chủ có giá trị hơn 1 vạn tệ bị trộm mất, thoái đại tài.

Ví dụ 93: Gia tộc nhà họ Triệu vào ngày 22 tháng 8 năm 1991 âm lịch hạ táng táng Cấn kiểm Dần sơn.

Nhật khóa: Tân Mùi Đinh Dậu Nhâm Dần Nhâm Dần

Lập được quẻ nhật khóa thời gian dài (cũng là quẻ năm dụng sự) gồm quẻ chủ “Thủy Thiên Nhu”, quẻ biến “Địa Trạch Lâm”, hào 5 phát động.

Nhu	Lâm
-- Thê Tài Tý thủy	-- Tử Tôn Dậu kim Hổ
— Huynh Đệ Tuất thổ	-- Thê Tài Hợi thủy Xà
T -- Tử Tôn Thân kim	-- Huynh Đệ Sửu thổ Câu
— Huynh Đệ Thìn thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Tước
— Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ty	— Quan Quỷ Mão mộc Long
Ư -- Thê Tài Tý thủy	— Phụ Mẫu Ty hỏa Vũ
THỎ	Không Vong: Thìn, Ty

Bởi vì quẻ khóa này đều là quẻ thông tin năm dụng sự và thời gian dài, nên cũng chủ về hung cát năm dụng sự, và cũng chủ về hung cát thời gian dài. Hào 4 Tử Tôn Thân Kim là hào Thế, là con cháu, là gia tộc, vốn vượng tại nguyệt lệnh, là cát. Nhưng lại bị nhất kiến xung ám động hóa mộ, hóa Tuế phá, ắt gia tộc gặp phải họa mà đa phần là nam đinh gặp họa (Tử Tôn Thân Kim vốn là hào âm, bị nhất kiến xung động biến hào dương, hào Tử Tôn dương là chỉ nam đinh), ứng kỳ đa phần ứng vào sau năm Nhâm Thân 1992. Hào 5 Huynh Đệ Tuất Thổ ở đế vị, được tể trợ tại Thái Tuế, giờ lại có Đăng Xà ở đó động mà kiếp tài, lại có Xà là chủ chuyện kinh sợ. Bởi vì quẻ khóa này vừa chủ thông tin năm dụng sự, cũng chủ năm dụng sự gặp chuyện thoái tài không tốt. Bởi vì Tuất Thổ động khắc Tài, năm Giáp Tuất 1994, kiếp thần Huynh Đệ Tuất Thổ trực phùng đương lệnh, ắt gặp chuyện kiếp tài hoặc tổn hại nữ đinh xảy ra. Năm Đinh Sửu 1997, là Tử Tôn Thân Kim nhập mộ khố gặp tai họa thương tổn nam đinh. Năm Mậu Dần 1996, là năm tam Dần trực xung hào Thế, ứng với nam đinh gặp tai họa. Quẻ khóa này đây là khóa đại hung thương tổn nhân đinh kiêm thoái đại tài.

Thực tế: Đại diện nhà họ Triệu nói với tác giả, từ lúc sơn tự an táng xong trong gia tộc nhân đinh không hề yên ổn. Năm dụng sự lúc an táng có thấy một con rắn lớn gần sơn phần, tầm 5-6 cân,

cuộn tròn thành một đồng. Ban đầu thấy rắn liền kêu người trong nhà đi đập rắn, nhưng đến khi đến thì không thấy rắn đâu nữa. Sau có đó thì người thấy rắn bị một trận bệnh nặng, tốn viện phí tới hơn mấy nghìn tệ. Từ năm 1992 đến năm 1997, liên tiếp thoái tổn 4 nhân đinh (1 nữ, 3 nam, nam đinh đa phần không quá 60 tuổi), thoái tài hơn 4 vạn tệ. Đầu năm 1998, lại có một người đàn ông trung niên bị bệnh nặng, phải đưa đến bệnh viện huyện và bệnh viện đại học gần đó nhập viện, sống chết chưa rõ, sau người trong gia tộc cử đại diện đi hỏi tác giả. Tác giả dựa theo quẻ nhật khóa để dự đoán, đoán định là sơn phần tổ tiên bất an và nhật khóa hung, gọi bọn họ đến và dặn bắt buộc phải đào phần mộ tổ tiên này lên, để tránh tai họa tổn hại nhân đinh tiếp tục xảy ra.

Sau đó người nhà họ có hồi báo lại với tác giả: Nói phần mộ của tổ tiên đã được đào lên và đích thân ông ta tự mình hạ táng, bấy giờ mở ra thấy nắp quan tài không hiểu vì sao lại bị dịch xuống dưới phách đuôi, khiến cho quan tài hở ra, hơn một nửa không có nắp đây, dẫn đến xương cốt tổ tiên biến chất, đúng là tổ tiên không an, thì sao mà không xảy ra chuyện không tốt chứ? Nhưng tại sao nắp lại bị xê dịch như vậy, đây là một bí mật. Sau tác giả thay bọn họ viết cho thầy Thiệu Vĩ Hoa và thầy phong thủy Trương Thụ Hoài một bức thư để hỏi, nhưng cũng không thấy hồi đáp, nên tác giả đã tự mình nghiên cứu, biết được một bí mật trong đó. Năm 1999, tác giả lại gặp một người trong gia tộc đó, hỏi: Năm 1999 người nam đinh bị mắc bệnh nặng đã thế nào rồi? Người đó trả lời: Khỏe và đã ra viện rồi.

Ví dụ 94: Trạch sư họ Đàm tự dự đoán nhật khóa táng Giáp sơn.

Nhật khóa: Mậu Dần Quý Hợi Mậu Dần Quý Hợi

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ “Thủy Trạch Tiết”, quẻ biến “Đoài Vi Trạch”, hào 4 phát động.

Tiết	Đoài
-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Quan Quỷ Mùi thổ Tước
— Quan Quỷ Tuất thổ	— Phụ Mẫu Dậu kim Long
Ư' -- Phụ Mẫu Thân kim	— Huynh Đệ Hợi thủy Vũ
-- Quan Quỷ Sửu thổ	-- Quan Quỷ Sửu thổ Hổ
— Tử Tôn Mão mộc	— Tử Tôn Mão mộc Xà
T — Thê Tài Ty hỏa	— Thê Tài Ty hỏa Câu

THỦY

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ “Thủy Trạch Tiết”, hào Thế Thê Tài Ty Hỏa, vượng tại nhật kiến và Thái Tuế, nhưng bị xung khắc tại nguyệt kiến, ắt nữ định bất lợi hoặc tai họa thoái đại tài. Hào Thế và hào Ứng và nhật kiến cấu thành Ty Thân Dần tam hình, cũng là có thị phi kiện tụng. Hào 4 Phụ Mẫu Thân Kim là cha mẹ, là xe cộ, chịu sự xung phá tại Thái Tuế, lại còn có Huyền Vũ phát động, ắt có tai họa xe cộ bị trộm mất. Khóa này thông tin chủ yếu là tổn hại thị phi cho người nhà, xe cộ ở bên ngoài thì bị trộm mất. Ứng kỳ thông thường vào tháng dụng sự hoặc tháng 11 ứng nghiệm.

Ứng nghiệm: Người họ Đàm sau khi dụng sự, người anh em ở bên ngoài vào tháng 11 âm lịch Đông Chí bị trộm mất một chiếc xe, giá trị hơn 8000 tệ, họ Đàm mẫu cũng thoái tài, con trai vì tiền tài mà rước phải thị phi kiện tụng.

Ví dụ 95: Cô Lê vào giờ Mão ngày mùng 8 tháng 1 năm 1999 âm lịch hạ táng tiểu phòng táng Bính kiêm Ngọ sơn.

Nhật khóa: Kỷ Mão Bính Dần Bính Ngọ Tân Mão

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ “Phong Thiên Tiểu Súc”, quẻ biến “Sơn Thiên Đại Súc”, hào 5 phát động.

Tiểu
Súc

Đại
Súc

— Huynh Đệ Mão mộc — Quan Quỷ Dần mộc Long

— Tử Tôn Ty hỏa — Phụ Mẫu Tý thủy Vũ

Ư — Thê Tài Mùi thổ — Thê Tài Tuất thổ Hổ

— Thê Tài Thìn thổ — Thê Tài Thìn thổ Xà

— Huynh Đệ Dần mộc — Huynh Đệ Dần mộc Câu

T — Phụ Mẫu Tý thủy — Phụ Mẫu Tý thủy Tước

MỘC

Không Vong: Dần, Mão

Khóa này quẻ chủ “Phong Thiên Tiểu Súc”, hào Ứng khắc Thế đã là không cát rồi. Hào sơ Phụ Mẫu Tý Thủy trì Thế, là trưởng bối, là người lớn tuổi, cũng là sơn phần, hưu tù tại nguyệt lệnh, bị hình tại Thái Tuế, giờ còn bị nhật kiến Ngọ Hỏa xung phá, người già trưởng bối trong gia tộc ắt gặp họa. Hào 5 Tử Tôn Ty Hỏa, vượng tại Tuế nhật nguyệt, nhưng có Huyền Vũ ở tại đó, lại có hào biến hóa hồi đầu khắc, mặc dù tiểu đình vô sự, nhưng vẫn có chuyện

thương tổn lục súc thoái tài xảy ra. Khóa này là nhật khóa không cát.

Ứng nghiệm: Khóa này sau khi dụng sự, nhà nào cũng đều gặp phải chuyện thương tổn lục súc thoái tiểu tài. Đến tháng 4 âm lịch, một người lớn tuổi có địa vị đột nhiên bị bệnh, sau tổn mất hơn 5000 tệ bệnh mới tốt hơn lên, nhưng bệnh cứ bị đi bị lại. Sau đó nghe theo dự đoán của tác giả, mà đào tro cốt của tổ tiên lên tu sửa lại, sau đó uống thuốc bệnh mới dần dần đỡ hơn, rồi nhanh chóng hồi phục. Sau khi khỏe lại lại đến hỏi tác giả, hỏi xem ngày táng sơn có hung không? Tác giả nói với ông ta, pháp nhật khóa hung, may mà ông ta quyết đoán bắt người nhà đào tro cốt tổ tiên lên, nếu không ông ta khó mà bình phục, còn ảnh hưởng đến cả những người cùng tầm tuổi như ông ta nữa, sau này còn ảnh hưởng đến cả phụ nữ, thiếu nam thiếu nữ trong nhà. Theo tình hình thực tế, nếu như người gặp chuyện là người không có địa vị trong gia tộc, lời nói không có ai nghe, chuyện sẽ bị coi thường rồi lãng quên, như vậy sẽ rất tệ. Người có địa vị xảy ra tai họa sẽ khác, lời nói có trọng lượng, dù ông ta có nói gì hay làm gì, người trong nhà không tin hay tức giận cũng không dám nói gì.

Ví dụ 96: Nhà họ Di tu sửa tiểu phòng thờ cúng năm đời tổ tiên ở tại sơn phần sơn Dần hướng Dần.

Thời gian: Giờ Tý ngày 19 tháng 8 năm 1997 âm lịch.

Nhật khóa: Đinh Sửu Kỷ Dậu Ất Sửu Bính Tý

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ “Phong Thủy Hoán”, quẻ biến “Khảm Vi Thủy”, hào 6 phát động.

Hoán	Khảm
— Phụ Mẫu Mão mộc	-- Quan Quỷ Tý thủy Vũ
T — Huynh Đệ Ty hỏa	— Tử Tôn Tuất thổ Hổ
-- Tử Tôn Mùi thổ Tài Dậu	-- Thê Tài Thân kim Xà
-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Quan Hợi	-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Câu
Ư — Tử Tôn Thìn thổ	— Tử Tôn Thìn thổ Tước
-- Phụ Mẫu Dần mộc	-- Phụ Mẫu Dần mộc Long

HỎA

Không Vong: Tuất, Hợi

Quẻ chủ “Phong Thủy Hoán” bát quái cung Ly ngũ hành thuộc Hỏa, có nghĩa là phân tán, phân ly, không cát. Quẻ biến “Khảm Vi

Thủy” bát quái cung Khảm ngũ hành thuộc Thủy, gặp nguy liên quan đến nước, khó khăn ngăn chở, là quái tượng không cát. Giờ lại đại tượng vượng hóa hồi đầu khắc, lại là cát. Quẻ chủ hào 5 Huỳnh Đề Ty Hỏa tri Thế, hưu tù tại Tuất nhật nguyệt, có Bạch Hổ ở tại đó, hóa Tuất mộ là không cát. Giờ lại cùng với hào Ứng Tử Tôn Thìn Thổ phạm Thiên la, ắt rước thị phi kiện tụng hoặc nặng thì có chuyện bị thương chảy máu xảy ra. Hào 6 Phụ Mẫu Mão Mộc, là tổ tiên, là sơn phần lâm Huyền Vũ bị nguyệt lệnh xung phá, lại còn bị hào của quẻ biến hóa tương hình, vì sơn phần mà tổ tiên bất an nên xảy ra chuyện kiện tụng thị phi hoặc chuyện ám vị thoái tài. Hướng Mão vừa hay là vị trí tu tạo sơn phần, giờ bị nguyệt lệnh xung phá, phương vị tu sửa xây dựng ắt vì chuyện phá hoại mà dẫn đến thị phi kiện tụng. Khóa này là khóa hung rước phải thị phi kiện tụng thoái tài. May mà được Quan tinh Tý Thủy tương vượng hóa hồi đầu sinh, có được sức mạnh quan gia, không thì sơn phần bị phá hoại còn nghiêm trọng hơn, vấn đề càng khó giải quyết hơn.

Ứng nghiệm: Khóa này sau khi dụng sự bởi vì dùng bê tông cốt thép tu sửa thì phần mộ thờ cúng hướng Dần Mão lại chèn lên phần mộ của nhà họ Lý, dẫn đến tranh chấp sơn phần, bị nhà họ Lý cho nổ tung mộ phần, dẫn đến hai họ tranh giành lẫn nhau, cả nhóm người cứ tranh giành lẫn nhau. Đến cả chính quyền địa phương cũng không giải quyết ngăn cản được, sau đó ủy ban chính trị pháp luật và các ban ngành liên quan đã lập một đội hòa giải toàn diện để giải quyết vấn đề, sau nhiều lần cố gắng làm việc với cả hai bên mới miễn cưỡng ngăn chặn được tính nguy hiểm của việc tranh giành, tránh hai bên đánh nhau làm bị thương nhau, nhưng chuyện thoái tài là không thể tránh được.

Ví dụ 97: Người họ Lăng vào giờ Thân ngày mùng 7 tháng 8 năm 1989 âm lịch hạ táng táng Tân kiêm Tuất sơn.

Nhật khóa: Kỷ Ty Nhâm Thân Kỷ Ty Nhâm Thân

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Phong Thủy Hoán", quẻ biến "Khảm Vi Thủy", hào 6 phát động.

Hoán	Khảm
— Phụ Mẫu Mão mộc	-- Quan Quỷ Tý thủy Câu
T — Huynh Đệ Ty hỏa	— Tử Tôn Tuất thổ Tước
-- Tử Tôn Mùi thổ Tài Dậu	-- Thê Tài Thân kim Long
-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Quan Hợi	-- Huynh Đệ Ngọ hỏa Vũ
Ư — Tử Tôn Thìn thổ	— Tử Tôn Thìn thổ Hổ
-- Phụ Mẫu Dần mộc	-- Phụ Mẫu Dần mộc Xà

HỎA

Không Vong: Tuất, Hợi

Quẻ khóa này và khóa ví dụ 96 giống y nhau; đều là quẻ khóa hung rước thị phi kiện tụng thoái đại tài. Hào Thế Huynh Đệ Ty Hỏa là Thái Tuế, hào nhật kiến và hào Ứng Tử Tôn Thìn Thổ phạm Thiên la, chủ thương bệnh hoặc thường xuyên gặp chuyện thị phi, không cát. Hào sơ Phụ Mẫu Dần Mộc bị nguyệt lệnh xung động và hào Thế Huynh Đệ Ty Hỏa cấu thành Dần Ty Thân tam hình, ắt gặp tại họa kiện tụng và thoái đại tài. Hào 6 Phụ Mẫu Mão Mộc và hào sơ Phụ Mẫu Dần Mộc y như nhau, là tổ tiên, tuyệt tại nguyệt lệnh, động hóa Quan Quỷ Tý Thủy hồi đầu tương hình (trong hình có sinh), rõ ràng có thông tin thị phi kiện tụng. Khóa này sau khi dụng sự sẽ rước lấy thị phi kiện tụng và thoái tài, thông tin này đã xuất hiện rõ trong quẻ khóa.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi dụng sự ngay lập tức phạm vào thị phi kiện tụng, ngồi tù mất mấy tháng, đồng thời bị phạt tịch thu tài sản đến hơn 3 vạn tệ.

Ví dụ 98: Người họ Mạc mẫu vào giờ Tuất ngày 20 tháng 9 năm 1966 âm lịch hạ táng táng Bính kiêm Ngọ sơn.

Nhật khóa: Bính Ngọ Mậu Tuất Ất Sửu Bính Tuất

Lập được quẻ thông tin năm dụng sự gồm quẻ chủ "Lôi Sơn Tiểu Quá", quẻ biến "Trạch Sơn Hàm", hào 5 phát động.

Tiểu Quá	Hàm
-- Phụ Mẫu Tuất thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Vũ
-- Huỳnh Đệ Thân kim	-- Huỳnh Đệ Dậu kim Hổ
T -- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tử Hợi	-- Tử Tôn Hợi thủy Xà
-- Huỳnh Đệ Thân kim	-- Huỳnh Đệ Thân kim Câu
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tước
Ư -- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Phụ Mẫu Thìn thổ Long
KIM	Không Vong: Tuất, Hợi

Quẻ khóa này rất rõ ràng có tai họa tổn nữ đình và thoái đại tài. Hào 5 Huỳnh Đệ Thân Kim, là hung thần Kiếp tài khắc Thê, giờ lại vượng tại nguyệt lệnh, có Bạch Hổ ở tại đó động hóa tiến thần (có thể xác định được hóa thành công Thân Dậu Tuất phương Tây Kim cục) tương vượng vô cùng, ắt sẽ khắc tổn Thê Tài, tổn nữ đình. Bạch Hổ chủ hung thương hiếu phục, tương vượng tại vị trí phát động ắt tổn hại thê tổn nữ đình.

Ứng nghiệm: Sau khi táng sơn, người vợ đang mang thai của gia chủ bị bệnh, chữa trị không có hiệu quả mà chết, mất mất một lớn một nhỏ, còn thoái đại tài.

Ví dụ 99: Người họ Một người vào giờ Thìn ngày 15 tháng 3 năm 1999 âm lịch hạ táng táng Càn kiêm Hợi sơn.

Nhật khóa: Kỷ Mão Mậu Thìn Nhâm Tý Giáp Thìn

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thủy Hỏa Ký Tế", quẻ biến "Thủy Lôi Truân", hào 3 phát động.

Ký Tế	Truân
Ư -- Huynh Đệ Tý thủy	-- Thê Tài Tý thủy Hỏa
-- Quan Quỷ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Tuất thổ Xà
-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Tử Tôn Thân kim Câu
T -- Huynh Đệ Hợi thủy Tài Ngọ	-- Huynh Đệ Thìn thổ Tước
-- Quan Quỷ Sửu thổ	-- Quan Quỷ Dần mộc Long
-- Tử Tôn Mão mộc	-- Thê Tài Tý thủy Vũ

THỦY

Không Vong: Dần, Mão

Quẻ chủ hào 3 Huynh Đệ Hợi Thủy trì Thế lâm Chu Tước động hóa hồi đầu khắc, tang gia chủ sự ất gặp thị phi, nặng thì còn gặp tai họa khắc tổn. Hào Ứng Huynh Đệ Tý Thủy là người khác lại lâm Bạch Hổ, giờ có hào 5 hào để quân bị nguyệt lệnh ở vị trí bên cạnh xung động khắc sát, lực khắc sát mạnh, có thông tin đại hung tổn hại những người khác, có người bị thương, tai họa đại hung hiếu phục. Khóa này thông tin khắc tổn nhân đinh, thoái tài đã xuất hiện trong quái hào. Dựa theo số hào động để xác định ứng kỳ, nhanh thì 3 ngày, chậm thì trong tháng dụng sự sẽ ứng nghiệm.

Ứng nghiệm: Khóa này sau khi dụng sự mới được 3 ngày, cách sơn phần 500 mét về bên trên có một hộ gia đình, hai người con trai trong nhà đều chết; cha nhìn thấy con trai chết yếu, nghĩ đến những ngày sau không biết dựa vào đâu, tự sát. Sau này người trong họ đem phần mộ này đào lên, vậy là rước phải thị phi tranh chấp. Khóa này sau khi dụng sự không chết gia chủ dụng sự mà chết người khác, trừ việc gia chủ phúc lớn ra, còn có thể liên quan đến phong thủy môi trường xung quanh. Nếu như sơn phần không bị người ta đào lên sợ là ngày sau gia đình gia chủ không tránh khỏi tổn nhân đinh phạm vào tai họa đại hung thị phi kiện tụng, đây cũng là trong họa có phúc đối với gia chủ dụng sự táng phần nhật khóa này.

Ví dụ 100: Nhà họ Lữ vào giờ Tý ngày 28 tháng 10 năm 1983 âm lịch hạ táng táng Càn kiêm Hợi sơn.

Nhật khóa: Quý Hợi Quý Hợi Giáp Tý Giáp Tý

Lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Địa Thiên Thái", quẻ biến "Địa Phong Thăng", hào sơ phát động.

Thái	Thăng
Ư -- Tử Tôn Dậu kim	-- Tử Tôn Dậu kim Vũ
-- Thê Tài Hợi thủy	-- Thê Tài Hợi thủy Hổ
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Xà
T -- Huynh Đệ Thìn thổ	-- Tử Tôn Dậu kim Câu
-- Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ty	-- Thê Tài Hợi thủy Tước
-- Thê Tài Tý thủy	-- Huynh Đệ Sửu thổ Long

THỔ

Không Vong: Tuất, Hợi

Khóa này hai quẻ chủ biến đều cát, nhưng những quái hào sử dụng trong nhật khóa đều hung, mà đại tượng tương vượng hóa hồi đầu khắc đại tượng suy nhược, càng hung hơn. Hào Thế Huynh Đệ Thìn Thổ, hào Ứng Tử Tôn Dậu Kim, hưu tù tại Tuế nguyệt nhật, mà tiết tận nguyên khí, không chỉ nhân đình suy nhược, còn có tai họa thương tổn nhân đình xảy ra. Hào sơ, hào 5 Thê Tài Tý Thủy, cực vượng tại Tuế nguyệt nhật thời, có một khoảng thủy vượng tràn ngập hết ra. Theo lý luận của ngũ Hành vượng quá mà thành khắc để phán đoán, khóa này không chỉ Tài không vượng, còn có thông tin xấu thoát đại tài và tổn hại nữ đình. Hào 2 Dần Mộc là Quan Quỷ giờ bị khoảng Thủy cực vượng tràn ra, sinh nhiều quá mà thành khắc, đưa Quan Quỷ vào tử địa, quẻ không có ai làm quan, tổn hại nhân đình trừ người già ra, còn có tổn hại đến cả thanh thiếu niên, bởi vì Chấn trong Càn Khôn là lục tử (VP: tức 6 người con).

Ứng nghiệm: Gia tộc này trước khi dụng khóa này, trước đây chưa từng phát sinh qua chuyện tổn hại thanh thiếu niên. Nhưng từ sau khi dụng sự đến này đã là 16 năm rồi, chuyện thoát tài tổn đình xảy ra liên tục. Tính đến nay, tổn thanh thiếu niên tầm 6 người, nam đình nữ đình mỗi bên 3 người, còn có người phạm vào thị phi kiện tụng, có người mắc bệnh nặng, tổn hết hơn 5 vạn tệ. Có 4 người đàn ông đã quá 40 tuổi mà vẫn chưa lấy được vợ, trong đó có một người đã hơn 60 vẫn chưa lấy được vợ thì đã chết. Ngoài ra

có 3 thanh niên lấy được vợ, cũng hai người chết một người ly hôn. Con cháu gia tộc này khó mà học cao, chữ nói gì đến có người làm quan xuất hiện. Đó cũng là do sơn phần ốc trạch ảnh hưởng đến.

3. Ví dụ về chọn ngày tốt trong hôn nhân

Ví dụ 101: Người họ Trương và cô Trần lấy nhau vào giờ Ty ngày 16 tháng 10 năm 1992 âm lịch.

Nhật khóa: Nhâm Thân Tân Hợi Canh Dần Tân Ty

Thêm họ vợ chồng (27 nét) lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Thủy Lôi Truân", quẻ biến "Trạch Lôi Tùy", hào 4 phát động.

Truân	Tùy
-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Quan Quỷ Mùi thổ Xà
Ư -- Quan Quỷ Tuất thổ	-- Phụ Mẫu Dậu kim Câu
-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Huynh Đệ Hợi thủy Tước
-- Quan Quỷ Thìn thổ Tài Ngọ	-- Quan Quỷ Thìn thổ Long
T -- Tử Tôn Dần mộc	-- Tử Tôn Dần mộc Vũ
-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Huynh Đệ Tý thủy Hổ

THỦY

Không Vong: Ngọ, Mùi

Nhật khóa hôn nhân này có hào Thế là nhà trai, hào Ứng là nhà gái, lấy hào Tử Tôn và hào Thê Tài làm dụng thần. Hào Thế là gia chủ, hào Tử Tôn là con cái là thế hệ sau. Hào Thê Tài là vợ, cũng là tiền tài vật chất. Bây giờ hào Thế Tử Tôn Dần Mộc, được tương sinh tại nguyệt lệnh, cũng là hào lâm nhật kiến, là con cái vượng, con cái sinh ra dễ nuôi dưỡng. Mặc dù bây giờ bị hào 4 Phụ Mẫu Thân Kim lâm Thái Tuế xung động, xung mà không phá, ngược lại còn từ hào âm Tử Tôn biến thành hào dương, sau kết hôn sẽ sinh con trai trước. Huyền Vũ ở tại hào Thế, gia chủ không hiểu thảo, Phụ Mẫu động đến xung khắc hào Thế. Tử Tôn tri Thế tương vượng, con cái mạnh khỏe, gia chủ cũng thuận lợi bình an. Phục thần Thê Tài Ngọ Hỏa sinh trưởng (trưởng sinh) tại nhật kiến, sau kết hôn vợ con đều an khang, nhưng Tài tinh lại bình thường. Khóa này chủ thuận lợi, đầu tiên là sinh con trai sau khi kết hôn. Ứng kỳ sinh con ứng vào sau năm 1994 (năm 1992 Nhâm Thân, 1993 Quý Dậu hào Tử Tôn bị khắc không sinh con, năm 1994 Giáp Tuất cùng hào Thế hào Tài được tam hợp mà sinh được con).

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi kết hôn tất cả đều bình an. Cha mẹ không hài lòng với vợ gia chủ, nên ở cùng nhưng chia ra không ăn cùng nhau. Nhưng gia chủ cũng không hay ở nhà, đối với chuyện vợ gia chủ ở nhà cô đơn một mình không mấy để ý đến. Tháng 7 năm 1994 âm lịch, vợ của gia chủ ứng nghiệm theo như dự đoán, mang thai lần đầu sinh được đứa con trai, phá vỡ được tình trạng họ nhà chồng sinh con đầu lòng toàn là con gái, mà mẹ con cũng bình an.

Ví dụ 102: Người họ Phan và cô Lư kết hôn vào giờ Thân ngày 24 tháng 7 năm 1994 âm lịch.

Nhật khóa: Giáp Tuất Nhâm Thân Mậu Tý Canh Thân

Không thêm họ lập được quẻ gồm quẻ chủ "Địa Thiên Thái", quẻ biến "Thủy Thiên Nhu", hào 5 phát động; thêm họ (32 nét) lập được quẻ gồm quẻ chủ "Địa Thiên Thái", quẻ biến "Địa Phong Thăng", hào sơ phát động.

Thái	Thăng
Ư -- Tử Tôn Dậu kim	-- Tử Tôn Dậu kim Tước
-- Thê Tài Hợi thủy	-- Thê Tài Hợi thủy Long
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Vũ
T -- Huynh Đệ Thìn thổ	-- Tử Tôn Dậu kim Hổ
-- Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ty	-- Thê Tài Hợi thủy Xà
-- Thê Tài Tý thủy	-- Huynh Đệ Sửu thổ Câu

THỔ

Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này hai quẻ chủ biến đều là quẻ cát, hào 6 Tử Tôn Dậu Kim vượng tại nguyệt lệnh, con cháu mạnh khỏe dễ nuôi, nhưng Tử Tôn Dậu Kim ở tại hào âm lại hóa hào âm, sau kết hôn ắt sẽ sinh con gái trước, là nhiều nữ hơn nam. Hào 5 Thê Tài Hợi Thủy, hào sơ Thê Tài Tý Thủy, đều vượng tại nhật nguyệt, là vợ con bình an mạnh khỏe. Hào 3 Huynh Đệ Thìn Thổ tri Thế lâm Bạch Hổ bị Thái Tuế xung động, ắt có chuyện thoái tài hoặc tổn nhân thoái huyết tài. Phục thần Phụ Mẫu Ty Hỏa và phi thần Quan Quỷ Dần Mộc cùng với nguyệt lệnh Thân Kim hình thành tam hình, không có lợi cho cha mẹ. Mà phi thần Quan Quỷ Dần Mộc (là nguyên thần của Phụ Mẫu) xung động đến khắc hào Thế, có thông tin cha mẹ và gia chủ bất hòa, sau kết hôn khó cùng cha mẹ ở với nhau qua ngày. Mà ra riêng sinh sống.

Ứng nghiệm: Gia chủ trong tháng kết hôn, nhà có chết một con trâu, giá trị hơn 1000 tệ. Sau kết hôn sinh liền hai cô con gái, mẹ còn đều mạnh khỏe, con cái dễ nuôi dạy. Nhưng sau kết hôn lại không hòa hợp với nhà chồng, thường xuyên tranh cãi, không đến một năm đã ra riêng ở.

Ví dụ 103: Người họ Dịch và cô Hoàng kết hôn vào giờ Thìn ngày 21 tháng 12 năm 1995 âm lịch.

Nhật khóa: Bính Tý Canh Dần Bính Tý Nhâm Thìn

Thêm họ vợ chồng (20 nét) lại được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ “Địa Phong Thăng”, quẻ biến “Thủy Phong Tỉnh”, hào 5 phát động.

Thăng	Tỉnh
-- Quan Quỷ Dậu kim	-- Phụ Mẫu Tý thủy Long
-- Phụ Mẫu Hợi thủy	-- Thê Tài Tuất thổ Vũ
T -- Thê Tài Sửu thổ Tử Ngọ	-- Quan Quỷ Thân kim Hổ
-- Quan Quỷ Dậu kim	-- Quan Quỷ Dậu kim Xà
-- Phụ Mẫu Hợi thủy	-- Phụ Mẫu Hợi thủy Câu
Ư -- Thê Tài Sửu thổ	-- Thê Tài Sửu thổ Tước
MỘC	Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này phục thần Tử Tôn Ngọ Hỏa mặc dù được nguyệt lệnh sinh nhưng bị nhật kiến xung khắc, lại có hào Thái Tuế xung phá, phục thần sinh phi thần, lại có Bạch Hổ ở đó, xuất hiện thông tin sau kết hôn khó có con. Hào Thế Thê Tài Sửu Thổ là gia chủ, là vợ, lâm Bạch Hổ, lại hóa xuất Quan Quỷ Thân Kim gặp nguyệt phá, vợ chồng gia chủ tất sẽ gặp họa thương tổn bệnh tật. Hào 5 Phụ Mẫu Hợi Thủy mặc dù vượng tại Thái Tuế, còn lục hợp với nguyệt kiến, nhưng hóa Thê Tài Tuất Thổ Địa vông hồi đầu khắc, không có lợi cho cha mẹ. Khóa này là nhật khóa hôn nhân cát ít.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi kết hôn, hai vợ chồng đều không thuận lợi hay bị bệnh tật dày vò, thường xuyên phải đi khám bệnh, tốn rất nhiều tiền, mà cha mẹ cũng không thuận lợi. Sau khi kết hôn không có hỉ sự, tận đến cuối năm 1999, kết hôn được 4 năm, vẫn chưa thấy vợ có dấu hiệu mang thai.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 104: Người họ Nhâm và cô Bành kết hôn vào giờ Hợi ngày 28 tháng 12 năm 1999 âm lịch.

Nhật khóa: Kỷ Mão Đinh Mão Bính Tuất Kỷ Hợi

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Địa Lôi Phục", quẻ biến "Sơn Lôi Di", hào 6 phát động.

Phục	Di
-- Tử Tôn Dậu kim	— Quan Quỷ Dần mộc Long
-- Thê Tài Hợi thủy	-- Thê Tài .Tý thủy Vũ
Ư -- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Tuất thổ Hổ
-- Huynh Đệ Thìn thổ	-- Huynh Đệ Thìn thổ Xà
-- Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ty	-- Quan Quỷ Dần mộc Câu
T — Thê Tài Tý thủy	— Thê Tài Tý thủy Tước
THỔ	Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này quẻ chủ hào Thê Tài Tý Thủy, hưu tù tại Tuế nguyệt, bị khắc tại nhật kiến, đã là không cát rồi, giờ lại còn bị hình tại Tuế nguyệt, càng không cát nữa. Thấy hào 3 Huynh Đệ Thìn Thổ lâm Đăng Xà ám động khắc hào thê Thê Tài Tý Thủy, ắt có chuyện thoái tài hoặc vợ gặp phải họa. Hào 6 Tử Tôn Dậu Kim, phá tại nguyệt lệnh và Thái Tuế, còn động hóa Quỷ, khó có mà có con, đồng thời còn có chuyện tổn hại lục súc xảy ra. Khóa này là quẻ khóa không cát.

Ứng nghiệm: Khóa này trước ngày kết hôn 4 ngày, nhà gái có đến nhờ tác giả dự đoán, tác giả phát hiện khóa này không chỉ bất lợi cho Tài tinh mà còn bất lợi cho cả cô dâu, ắt hay bệnh tật hoặc có chuyện thoái tài. Nhưng bất lực cái là nhà trai đã mời khách rồi. Bên nhà gái không có quyền thay đổi ngày, chỉ có thể nghe theo. Hậu quả đúng như tác giả dự đoán, sau khi kết hôn hai bên vợ chồng đều không thuận lợi. Đặc biệt là bên cô dâu, sau khi kết hôn thường hay bị bệnh, tốn nhiều tiền mà bệnh càng ngày càng nghiêm trọng, bất lực, đến giữa tháng 4 năm 1998 âm lịch, người lớn hai nhà đến tìm tác giả, muốn xin tác giả giúp hóa giải. Tác giả giúp đỡ cách hóa giải, bệnh của cô dâu mới dần dần có chuyển biến tốt.

Ví dụ 105: Người họ Hoàng và cô Mẫu kết hôn vào giờ Tý ngày 12 tháng 9 năm 1992 âm lịch.

Nhật khóa: Nhâm Thân Kỷ Dậu Bính Thìn Quý Tý

Lập được quẻ năm dụng sự thời gian dài gồm quẻ chủ "Thủy Lôi Truân", quẻ biến "Phong Lôi Ích", hào 6 phát động.

Truân	Ích
-- Huynh Đệ Tý thủy	— Tử Tôn Mão mộc Long
Ư — Quan Quỷ Tuất thổ	— Thê Tài Ty hỏa Vũ
-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Quan Quỷ Mùi thổ Hổ
-- Quan Quỷ Thìn thổ Tài Ngọ	-- Quan Quỷ Thìn thổ Xà
T -- Tử Tôn Dần mộc	-- Tử Tôn Dần mộc Câu
— Huynh Đệ Tý thủy	— Huynh Đệ Tý thủy Tước

THỦY

Không Vong: Tý, Sửu

Quẻ khóa này rất rõ ràng có thông tin bất lợi cho gia chủ, vợ, lục súc. Hào 2 Tử Tôn Dần Mộc tri Thế, bị khắc tại nguyệt lệnh, lại có hào Thái Tuế xung động, ắt có tai họa tổn lục súc và con cái chết yếu. Bởi vì Tử Tôn chủ con cái, cũng chủ lục súc. Hào Thế Tứ Tôn Dần Mộc ở tại hào âm, có thông tin rất rõ ràng về việc sau khi kết hôn sinh con gái đầu lòng. Hào 6 hào Huynh Đệ Tý Thủy động hóa xuất Tử Tôn Mão Mộc là hào dương gặp nguyệt phá, chủ thông tin sinh con trai có tượng chết yếu. Phục thần Thê Tài Ngọ Hỏa là vợ, tài vật hư tù tại năm, tháng, ngày, giờ gây trở ngại lớn, nhưng vẫn bình bình.

Ứng kỳ: Gia chủ sau khi kết hôn nhà bị chết một con heo nái và một đàn gia cầm, tổn thất gần vạn tệ. Sau khi kết hôn sinh được một đứa con gái đầu lòng, sau đó khi sinh đứa con trai thứ, mặc dù là con trai, nhưng là không có mũi hở miệng, bị dị tật quái thai, nuôi dưỡng không lâu sau thì chết yếu.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 106: Người họ Phan và cô Mẫu kết hôn vào giờ Thân ngày mùng 2 (tiết thanh minh) tháng 3 năm 1992 âm lịch.

Nhật khóa: Nhâm Thân Quý Mão Canh Tuất Giáp Thân

Thêm họ của hai vợ chồng (21 nét) lập được quẻ năm dựng sự và quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Hỏa Lôi Phệ Hạp", quẻ biến "Hỏa Trạch Khuê", hào 2 phát động.

Phệ Hạp	Khuê								
—	Tử Tôn	Ty	hỏa	—	Tử Tôn	Ty	hỏa	Xà	
T —	Thê Tài	Mùi	thổ	—	Thê Tài	Mùi	thổ	Câu	
—	Quan Quỷ	Dậu	kim	—	Quan Quỷ	Dậu	kim	Tước	
—	Thê Tài	Thìn	thổ	—	Thê Tài	Sửu	thổ	Long	
Ư —	Huỳnh Đệ	Dần	mộc	—	Huỳnh Đệ	Mão	mộc	Vũ	
—	Phụ Mẫu	Tý	thủy	—	Tử Tôn	Ty	hỏa	Hổ	
MỘC	Không Vong: Dần, Mão								

Khóa này quẻ chủ Hỏa Lôi Phệ Hạp, có ý nghĩa cắt đoạn, hình phạt, dùng cho kết hôn là không cát. Hào Thế Thê Tài Mùi Thổ, hưu tù tại Thái Tể, tử tại nguyệt lệnh, bị hình tại nhật kiến, bất lợi đối với gia chủ, vợ con. Hào 2 Huỳnh Đệ Dần Mộc, vượng tại nguyệt lệnh hóa Huỳnh Đệ Mão Mộc tiến thần, mà lại cùng hào Thê Tài Thìn Thổ bị nhật kiến xung mà ám động hội cục tại hướng Đông Dần Mão Thìn nhất khí Mộc thành công khắc sát hào Thế Tài, hào Thế Tài tinh hữu tửu vô sinh. Khóa này có thông tin khắc Thế, kiếp tài và thị phi kiện tụng. Khóa này là khóa đại hung trong kết hôn. Ứng kỳ một là lấy số hào động để xác định, hào 2 động là 2 năm; hai là Tuổi nguyệt xung động hội cục trong Mão Mộc, là thần kiếp tài lấy năm tháng Dậu xác định là ứng kỳ, thời gian ứng kỳ là tháng 8 (tháng Tân Dậu năm Quý Dậu 1993) ứng nghiệm.

Ứng nghiệm: Vợ chồng gia chủ sau mùa xuân năm 1993 có đến hỏi tác giả, tác giả cũng nói hết thông tin xấu trong nhật khóa cho bọn họ, nói bọn họ thực hiện hóa giải, đề phòng hung tai xảy ra, nhưng bọn họ không tin. Cùng là vì tình nghĩa anh em, lại có suy nghĩ "cứu một mạng người hơn xây bảy tòa tháp", vẫn là không tính toàn thù hận mà giúp đỡ bọn họ, đem theo nhật khóa hóa giải và cách hóa giải về quê của bọn giúp đỡ, rồi bọn họ cũng như người nhà lại coi những gì tác giả nói như gió thoảng qua tai,

không chịu hóa giải, cũng có thể là vận mệnh của họ phải như vậy! Sau quả nhiên vào tháng 8 (tháng Tân Dậu) năm Quý Dậu 1993, vợ của gia chủ đi dự tiệc tại nhà cha mẹ ở hướng Tây, sau đó xảy ra chuyện không vui và tranh chấp với cha mẹ, nghĩ không thông, uống thuốc cỏ tự sát, cứu không được mà chết, hưởng thọ hơn 20 năm.

Ví dụ 107: Người họ Trương mẫu và cô Đường kết hôn vào giờ Tý ngày mùng 10 tháng 12 năm 1997 âm lịch.

Nhật khóa: Đinh Sửu Quý Sửu Ất Mão Bính Tý

Thêm họ vợ chồng (21 nét) lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Phong Thủy Hoán", quẻ biến "Phong Địa Quan", hào 2 phát động.

Hoán	Quan
— Phụ Mẫu Mão mộc T — Huỳnh Đệ Ty hỏa -- Tử Tôn Mùi thổ Tài Dậu -- Huỳnh Đệ Ngọ hỏa Quan Hợi Ư — Tử Tôn Thìn thổ -- Phụ Mẫu Dần mộc	— Phụ Mẫu Mão mộc Vũ — Huỳnh Đệ Ty hỏa Hổ -- Tử Tôn Mùi thổ Xà -- Phụ Mẫu Mão mộc Câu -- Huỳnh Đệ Ty hỏa Tước -- Tử Tôn Mùi thổ Long
HỎA	Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này quẻ chủ hào 2 Tử Tôn Thìn Thổ lâm Ứng là con cái, là thế hệ sau, giờ ở hào dương được tỉ phù tại Tuế nguyệt, động mà hóa Huỳnh Đệ Ty Hỏa hồi đầu sinh, là con cái dễ nuôi, cơ thể khỏe mạnh. Nhưng hào dương hóa hào âm, sau khi kết hôn ắt sinh con gái đầu lòng. Phục thần Thê Tài Dậu Kim là tài vật, là vợ, phục mà đắc sinh, vượng tại Tuế nguyệt, là sau khi kết hôn vợ mạnh khỏe. Hào Thế Huỳnh Đệ Ty Hỏa được sinh tại ngày dụng sự, là gia chủ có cơ thể khỏe mạnh bình an cát lợi. Khóa này là khóa hôn nhân tốt ở mức bình thường.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi kết hôn thì bình an may mắn. Vào tháng 2 năm 1999 âm lịch, vợ sinh được một cô con gái, mẹ con bình an, cơ thể khỏe mạnh.

Ví dụ 108: Người họ Phan và cô Mạc kết hôn vào giờ Ngọ ngày 19 (lễ Quốc Khánh) tháng 8 năm 1996 âm lịch.

Nhật khóa: Bính Tý Đinh Dậu Tân Mùi Giáp Ngọ

Thêm họ vợ chồng (29 nét) lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Hỏa Trạch Khuê", quẻ biến "Lôi Trạch Quy Muội", hào 6 phát động.

Khuê	Quy Muội
— Phụ Mẫu Ty hỏa	-- Huynh Đệ Tuất thổ Xà
-- Huynh Đệ Mùi thổ Tài Tý	-- Tử Tôn Thân kim Câu
T — Tử Tôn Dậu kim	— Phụ Mẫu Ngọ hỏa Tước
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Huynh Đệ Sửu thổ Long
— Quan Quỷ Mão mộc	— Quan Quỷ Mão mộc Vũ
Ư — Phụ Mẫu Ty hỏa	— Phụ Mẫu Ty hỏa Hổ

THỔ

Không Vong: Tuất, Hợi

Xuất khóa này có hai yêu cầu: một là cần sau khi kết hôn sinh được con trai đầu lòng, phá vỡ tình hình sinh con gái đầu lòng của dòng họ; hai là yêu cầu sinh được một quý tử cơ thể khỏe mạnh thông minh lanh lợi. Đương nhiên, sau khi kết hôn gia đình và mọi thứ bình an thuận lợi là yêu cầu cơ bản cần được xét đến.

Khóa này quẻ chủ hào 4 Tử Tôn Dậu Kim là gia chủ, là con cái, là thế hệ sau, giờ hào nguyệt lệnh tương vượng cát. Tử Tôn Dậu Kim là Lộc tinh của gia chủ, Thái Tuế là Thiên Ất Quý nhân, việc sinh quý tử mạnh khỏe đã có trong khóa. Giờ hào 6 Phụ Mẫu Ty Hỏa động và hào 3 Huynh Đệ Sửu Thổ bị nhật kiến xung động và hào Thế thành công tạo thành tam hợp Ty Dậu Sửu Kim cục Tử Tôn (Thế ở trong cục), giờ thông tin gia chủ và cha mẹ, anh em cùng bình an đã xuất hiện, lại thêm cả sức mạnh của Tử Tôn Dậu Kim hợp cục tạo thành vượng, lộc tinh và quý khí thực sự rất tuyệt vời! Mặc dù có hào biến là Phụ Mẫu Ngọ Hỏa hóa hồi đầu khắc, có hung, nhưng Phụ Mẫu Ngọ Hỏa bị Thái Tuế xung khắc, không dám làm gì, mà nhật kiến Mùi Thổ lại cùng Phụ Mẫu Ngọ Hỏa tham hợp quên khắc hào Tử Tôn lâm Thế, không có tai họa xảy ra. Phục thần Thê Tài Tý Thủy là hào Thái Tuế, nguyệt lệnh sinh vượng, vợ của gia chủ cũng bình an mạnh khỏe, mà ngày sau còn dễ cầu tài được tài. Quẻ khóa này ngoài sinh quý tử ra còn bình an đại cát đại lợi,

quẻ cát. Bởi vì hào Thế Tử Tôn Dậu Kim là hào dương, sau khi kết hôn nhất định sẽ sinh con trai đầu lòng.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi kết hôn, sống hòa thuận với cha mẹ anh em, các mặt khác cũng thuận lợi. Tháng 12 năm 1997 âm lịch, vợ của gia chủ quả nhiên sinh được con trai, như tác giả đã dự đoán là một cậu bé khỏe mạnh, sau này học cao, có thành tích học tập vượt trội. Mà sức khỏe hai mẹ con cũng rất tốt, bình an cát lợi, đạt được đến yêu cầu dự đoán. Thông tin cát của nhật khóa đạt tiêu chuẩn, đây là một ví dụ sâu sắc về yêu cầu của tác giả trong dự đoán để thông tin nhật khóa đạt đến tiêu chuẩn.

Ví dụ 109: Người họ Hà và cô Dư thành hôn vào giờ Dậu ngày 16 tháng 8 năm 1998 âm lịch.

Nhật khóa: Mậu Dần Đinh Tỵ Mậu Ngọ Tân Dậu

Thêm họ hai vợ chồng (14 nét) lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Sơn Thiên Đại Súc", quẻ biến "Sơn Phong Cổ", hào sơ phát động.

Đại Súc	Cổ
— Quan Quỷ Dần mộc	— Quan Quỷ Dần mộc Tước
U' -- Thê Tài Tỵ thủy	-- Thê Tài Tỵ thủy Long
-- Huynh Đệ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Tuất thổ Vũ
— Huynh Đệ Thìn thổ Tử Thân	— Tử Tôn Dậu kim Hổ
T — Quan Quỷ Dần mộc Phụ Ngọ	— Thê Tài Hợi thủy Xà
— Thê Tài Tỵ thủy	-- Huynh Đệ Sửu thổ Câu

THỔ

Không Vong: Tỵ, Sửu

Quẻ chủ "Sơn Thiên Đại Súc", Ứng sinh Thế, là vợ chồng sau khi kết hôn hòa thuận, quái tượng cát. Thê Tài Tỵ Thủy hưu tù tại nguyệt lệnh, bị nhật kiến xung phá, ắt có thông tin bất lợi cho vợ hoặc vì chuyện khác mà bại tài. Hào sơ Thê Tài Tỵ Thủy là doanh nghiệp, giờ phát động hóa xuất Huynh Đệ Sửu cùng nguyệt lệnh Tỵ thời Dậu tạo thành tam hợp cục Kim đến sinh, không có trở ngại gì cho vợ con. Hào Thế Quan Quỷ Dần Thủy là Thái Tuế, giờ lại được Tài động đến sinh, chủ được đức toàn tương trợ. Hào Ứng Thê Tài Tỵ Thủy ở tại vị trí hào đế quân, lại còn sinh hào Thế, gia chủ được lãnh đạo xem trọng mà có cơ hội phát tài. Phục Thần Phụ Mậu Ngọ Hỏa, được Tuế nhật nguyệt vượng, thực sự là quá vượng, ắt

gặp phải họa. Ứng với năm dụng sự và năm Kỷ Mão 1999. Phục thần Tử Tôn Thân Kim mặc dù được phi thần sinh phục thần, nhưng hưu tù tại ngày tháng, phá tại Thái Tuế, ắt có con muộn, thậm chí từ năm kết hôn đến năm Kỷ Mão 1999 vẫn không có dấu hiệu có thai gì, năm Canh Thìn 2000 hào Tử Tôn được sinh vượng, mới có con, nhưng sinh con đầu lòng là gái (heo như kinh nghiệm của tác giả, phạm là phục thần ở tại hào dương, đều sinh con gái đầu lòng, ngược lại thì là sinh con trai đầu lòng).

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi kết hôn tương hợp tương ái, lại có được sự xem trọng của lãnh đạo mà được làm ở bộ phận quản lý, còn phát chút tài. Nửa cuối năm 1998 cha bị mắc tái biến mạch máu não, năm 1999 mất, tốn một số tiền tài. Vợ đến tháng 3 năm 2000 âm lịch sinh con, quả nhiên là một bé gái.

Ví dụ 110: Người họ Lý mẫu và cô Tạ kết hôn vào giờ Ty ngày mùng 3 tháng 12 năm 1997 âm lịch.

Nhật khóa: Đinh Sửu Nhâm Tý Mậu Thân Đinh Ty

Thêm họ hai vợ chồng (24 nét) lập được quẻ thời gian dài gồm quẻ chủ "Hỏa Thiên Đại Hữu", quẻ biến "Hỏa Phong Đỉnh", hào sơ phát động.

Đại
Hữu

Đỉnh

Ư	—	Quan	Quý	Ty	hỏa	—	Quan	Quý	Ty	hỏa	Tước
	--	Phụ	Mẫu	Mùi	thổ	--	Phụ	Mẫu	Mùi	thổ	Long
	—	Huynh	Đệ	Dậu	kim	—	Huynh	Đệ	Dậu	kim	Vũ
T	—	Phụ	Mẫu	Thìn	thổ	—	Huynh	Đệ	Dậu	kim	Hổ
	—	Thê	Tài	Dần	mộc	—	Tử	Tôn	Hợi	thủy	Xà
	—	Tử	Tôn	Tý	thủy	--	Phụ	Mẫu	Sửu	thổ	Câu

KIM

Không Vong: Dần, Mão

Khóa này hai quẻ chủ biến vốn là quẻ cát, với nguyên tố nhật khóa tứ trụ, thì quái hào lại là hung, vợ và gia chủ, cha mẹ bất hòa, dẫn đến họa phân ly. Hào sơ Tử Tôn Tý Thủy, mặc dù vượng tại nguyệt lệnh nhật kiến, nhưng phát động và cùng Phụ Mẫu Sửu Thổ lâm Thái Tuế hợp trứ, trong hợp có khắc, sau khi kết hôn trong thời gian ngắn khó mà có được thông tin về con cái. Hào 2 Thê Tài Dần Mộc, được sinh tại nguyệt lệnh vốn là cát, nhưng bị nhật kiến xung

động khắc hào Thế Phụ Mẫu Thìn Thổ, vợ với gia chủ, cha mẹ không hòa hợp, cũng có thông tin hung bất lợi cho vợ, có cả thông tin gặp chuyện kinh sợ hay có gì đó không thuận lợi. Hào Ứng Quan Quỷ Tỵ Hỏa lại là chồng của vợ, bị khắc tại nguyệt lệnh, bị hình hợp tại nhật kiến, hợp mà không sinh, mẹ chồng con dâu bất hòa không cát, dẫn đến chuyện vợ chồng phân ly xảy ra.

Ứng nghiệm: Gia chủ trước khi kết hôn mấy ngày, cô Tạ cùng mẹ chồng đến chỗ tác giả dự đoán nhật khóa, cho rằng đây không phải là ngày tốt, khuyên nhà trai chọn một ngày khác để kết hôn, nhưng bên nhà mẹ chồng tính khí rất tệ, không nghe lời tác giả, nói nguyên đán là ngày đại cát, bao nhiêu người chọn ngày nguyên đán kết hôn đều thuận lợi, chọn ngày này kết hôn không có vấn đề gì hết, đồng thời nhà còn có cả trai gái nếp tẻ. Tác giả nói năm ngoái ngày nguyên đán có thể kết hôn, nhưng duy nhất có năm nay là không thể. Năm nay ngày nguyên đán là ngày Tuất Thân, là ngày ngũ cầm, âm dương thiếu hụt, sẽ dẫn đến sau khi kết hôn không hòa hợp hoặc có tai họa phân ly. Nhưng bên nhà mẹ chồng không nghe, đây có lẽ cũng là thông tin vận mệnh tai họa hôn nhân của hai nhà dẫn đến. Trước đây tác giả có giúp cô Tạ dự đoán vận mệnh, phát hiện thông tin cô ấy có hai đời chồng, gọi cô ấy vào ngày kết hôn cần đem nhật khóa kết hôn đến cho tác giả xem, mà còn giải họa, cô ấy trước khi kết hôn có đem mẹ chồng cùng để nhờ tác giả dự đoán nhật khóa kết hôn, mục đích cũng chính là vì như vậy.

Ứng nghiệm: Quả nhiên không ngoài dự đoán của tác giả, sau khi dùng khóa này kết hôn, mẹ chồng quả nhiên bất hòa với vợ gia chủ, vừa mới có thai, vợ của gia chủ cùng mẹ chồng càng bất hòa hơn nữa, con dâu bị ép bức đến sảy thai. Bởi vì gia chủ là con một, cứ luôn nghe theo lời mẹ, dẫn đến tình cảm rạn nứt, năm 1998 ly hôn.

4. Ví dụ về chọn ngày tốt trong khai trương, cầu tài, xuất hành

Ví dụ 111: Một ngân hàng cắt băng khánh thành khai trương vào giờ Thìn ngày mùng 8 tháng 6 năm 1997 âm lịch.

Nhật khóa: Đinh Sửu Đinh Mùi Ất Mão Canh Thìn

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ “Địa Phong Thăng”, quẻ biến “Địa Thủy Sư”, hào 3 phát động.

Thăng		Sư	
--	Quan Quỷ Dậu kim	--	Quan Quỷ Dậu kim Vũ
--	Phụ Mẫu Hợi thủy	--	Phụ Mẫu Hợi thủy Hổ
T	-- Thê Tài Sửu thổ	Tử Ngọ	-- Thê Tài Sửu thổ Xà
--	Quan Quỷ Dậu kim	--	Tử Tôn Ngọ hỏa Câu
--	Phụ Mẫu Hợi thủy	--	Thê Tài Thìn thổ Tước
Ư	-- Thê Tài Sửu thổ	--	Huỳnh Đệ Dần mộc Long
MỘC		Không Vong: Tý, Sửu	

Quẻ khóa này rõ ràng là quẻ không cát để cắt băng khánh thành khai trương. Hào sơ Thê Tài Sửu Thổ, là Tài tinh, là phụ nữ, giờ bị nguyệt lệnh xung động hóa kỵ thần Huỳnh Đệ Dần Mộc vượng tại nhật kiến hóa hồi đầu khắc, ắt có tai họa tổn tài và bất lợi cho phụ nữ, Thanh Long ở tại đó là vui quá hóa buồn. Hào 4 Thê Tài Sửu Thổ là gia chủ, là nền móng, giờ lâm Đăng Xà bị nguyệt lệnh xung, gia chủ ắt gặp chuyện kinh sợ. Lại có hào 3 Quan Quỷ Dậu Kim là Quan tinh, là chính quan, thanh liên liên chính, giờ phát động hóa hào Tử Tôn Ngọ Hỏa được nhật lệnh sinh vượng hóa hồi đầu khắc, chức vụ của gia chủ khó giữ còn gặp họa mất chức giáng chức.

Ứng nghiệm: Lúc ngân hàng này đốt pháo cắt băng khánh thành, hai cô gái PG đột nhiên ngã nhào ra đất, hôn mê bất tỉnh, sau kịp thời đưa đến bệnh viện cứu mới không sao. Quản lý trưởng ngân hàng này sau khi khai trương không lâu, lại bị cấp trên cắt chức quản lý trưởng, ứng nghiệm với tai họa mất chức giáng chức.

Ví dụ 112: Một nhà hàng cắt băng khánh thành vào giờ Tỵ ngày 19 tháng 7 năm 1994 âm lịch.

Nhật khóa: Giáp Tuất Nhâm Thân Quý Tỵ Đinh Tỵ

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Sơn Phong Cổ", quẻ biến "Tốn Vi Phong", hào 5 phát động.

Cổ	Tốn
Ư — Huynh Đệ Dần mộc	— Huynh Đệ Mão mộc Hồ
-- Phụ Mẫu Tý thủy Tử Tỵ	— Tử Tôn Tỵ hỏa Xà
-- Thê Tài Tuất thổ	-- Thê Tài Mùi thổ Câu
T — Quan Quỷ Dậu kim	— Quan Quỷ Dậu kim Tước
— Phụ Mẫu Hợi thủy	— Phụ Mẫu Hợi thủy Long
-- Thê Tài Sửu thổ	-- Thê Tài Sửu thổ Vũ
MỘC	Không Vong: Ngọ, Mùi

Quẻ khóa này có hào sơ Thê Tài Sửu Thổ, hào 4 Thê Tài Tuất Thổ, là dụng thần nhật khóa khai trương, hưu tù tại nguyệt kiến đắc sinh tại nhật lệnh, vốn là có chút tài. Nhưng nguyên thần Tử Tôn Tỵ Hỏa của Tài và nguyệt kiến Thân Kim hóa hợp Thủy thành công, mà lại cùng với hào 6 Huynh Đệ Dần Mộc cấu thành tam hình, vô lực sinh tài, Tài tinh khó mà có căn nguyên. Hào 6 Huynh Đệ Dần Mộc bị nguyệt kiến xung động hóa tiến thần, nhìn qua thì có vẻ thấy thần kiếp tài Huynh Đệ Dần Mão hưu tù vô khí. Nhưng không! Bởi vì nguyệt lệnh Thân Kim và nhật kiến Tỵ Hỏa hóa hợp Thủy thành công, giảm nhẹ đi sức mạnh khắc sát của kỵ thần Thân Kim đến Dần Mão Mộc, còn thành công phản sinh kỵ thần Dần Mão mộc, kỵ thần Tài tinh là Dần Mão Mộc ngược lại được phục sinh, Dần Mão Mộc không yếu nữa. Lại còn có hào 5 Phụ Mẫu Tý Thủy là Cừu thần vượng tại nguyệt lệnh, giờ lại còn động sinh kỵ thần Huynh Đệ Dần Mộc, khiến cho nó trở nên càng vượng. Kỵ thần Huynh Đệ Dần Mão Mộc tương vượng ắt sẽ kiếp tài, thêm cả nguyên thần Tử Tôn Tỵ Hỏa của Tài tinh bị hình hợp, vô lực sinh Tài, dẫn đến sau khi khai trương không chỉ khó đắc tài, còn có chuyện thoái tài thua lỗ. Khóa này là nhật khóa rất xấu trong việc cầu tài khai trương.

Ứng nghiệm: Nhà hàng này trước đây có tuyển hơn 100 nhân công, ai cũng chuẩn bị làm một trận lớn, đại phát tài lộc. Ai mà biết

vừa khai trương đã ế ẩm. Sau còn có tốn một khoản lớn vào quảng cáo trên ti vi, truyền hình ở Quảng Tây, Quảng Đông,... Nhưng cũng không xoay chuyển được tình hình thua lỗ, bị ép đến mức phải sa thải lượng lớn nhân viên mới tuyển dụng, nhưng cũng không cách nào thay đổi được, cuối cùng vì thua lỗ hơn mấy vạn tệ mà bị đóng cửa, sau phải bán cho người khác kinh doanh.

Ví dụ 113: Người họ Hoàng một mình đi đến Quảng Đông cầu tài vào giờ Thìn ngày 12 tháng 7 năm 1994 âm lịch.

Nhật khóa: Giáp Tuất Nhâm Thân Bính Tý Nhâm Thìn

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thủy Hỏa Ký Tế", quẻ biến "Địa Hỏa Minh Di", hào 5 phát động.

Ký Tế		Di
Ư	-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Phụ Mẫu Dậu kim Long
	-- Quan Quỷ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Hợi thủy Vũ
	-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Quan Quỷ Sửu thổ Hổ
T	-- Huynh Đệ Hợi thủy Tài Ngọ	-- Huynh Đệ Hợi thủy Xà
	-- Quan Quỷ Sửu thổ	-- Quan Quỷ Sửu thổ Câu
	-- Tử Tôn Mão mộc	-- Tử Tôn Mão mộc Tước

THỦY

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này hào 3 Huynh Đệ Hợi Thủy trì Thế, là gia chủ, vượng tại ngày tháng, lại có tứ trụ tam hợp Thân Tý Thìn cục Thủy vượng, thực sự quá vượng rồi, lại có Địa vông của Thái Tuế, cầu tài không được ngược lại còn gặp họa thoái tài. Tài tinh Thê Tài Ngọ Hỏa là phục thần, hưu tù tại Thân Tý Thìn cục Thủy của nhật khóa, còn phục mà không được sinh, nên có cầu tài cũng không được tài, ngược lại còn có chuyện thoái tài xảy ra. Hào 5 Quan Quỷ Tuất Thổ lâm Thái Tuế, ở vị trí đế quân lâm Huyền Vũ phát động mà khắc hào Thế, ắt có chuyện thị phi kiện tụng và bệnh tật. Hào 4 là Phụ Mẫu Thân Kim, vượng tại nguyệt lệnh, xe cộ mặc dù không gặp chuyện gì, nhưng có Bạch Hổ ở đó động mà hóa Quỷ hóa Mộ, sợ là trên đường đi sẽ gặp chuyện không tốt. Bởi vì hào 5 là đường đi, giờ động khắc hào Thế, trên đường hẳn là không bình an. Khóa này là khóa cực kỳ không tốt cho việc xuất hành cầu tài, tất sẽ gặp

chuyện thoái tài, thị phi kiện tụng, bệnh tật và chuyện kinh sợ xảy ra.

Ứng nghiệm: Người họ Hoàng một mình ngồi xe khách đi đến Quảng Đông, chiếc xe bị lật hai vòng và may mắn anh ta không vấn đề gì, các hành khách cũng chỉ bị thương nhẹ, nhưng kinh sợ một trận. Đến Quảng Đông được một tuần còn chưa tìm được công việc, chứng minh thư lại bị cục quản lý lao động địa phương giữ lại, nộp phạt rồi mới được trả về. Sau đó anh ta và vài người nữa lại bị bệnh truyền nhiễm, lại tốn mất một khoản tiền không nhỏ. Thấy phí đi đường đã sắp hết, lại không tìm được việc, sau đó lại nhận được lời dự đoán và ý kiến từ tác giả, dưới tình hình bất lực như này, nên đành cũng một đám người nữa lập tức quay lại quê nhà.

Ví dụ 114: Người họ Phương đi đến Quảng Đông để buôn bán hàng hóa vào giờ Mùi ngày 26 tháng 4 năm 1995 âm lịch.

Nhật khóa: Ất Hợi Tân Ty Bính Thìn Ất Mùi

Lập được quẻ thông tin năm dụng sự gồm quẻ chủ “Đoài Vi Trạch”, quẻ biến “Trạch Lôi Tuyền”, hào 2 phát động.

Đoài	Từ
T -- Phụ Mẫu Mùi thổ -- Phụ Mẫu Mùi thổ Long	
— Huynh Đệ Dậu kim — Huynh Đệ Dậu kim Vũ	
— Tử Tôn Hợi thủy — Tử Tôn Hợi thủy Hổ	
Ư -- Phụ Mẫu Sửu thổ -- Phụ Mẫu Thìn thổ Xà	
— Thê Tài Mão mộc -- Thê Tài Dần mộc Câu	
— Quan Quỷ Ty hỏa — Tử Tôn Tý thủy Tước	
KIM	Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này quẻ chủ “Đoài Vi Trạch” là quẻ Lục xung, thông thường mà nói nó không có lợi cho cầu tài, mà còn vất vả khó cầu được tài. Hào 2 Thê Tài Mão Mộc là dụng thần, hưu tù tại ngày tháng, lại còn động hóa chân thoái thần sinh Quỷ, thông tin cầu tài không được tài đã xuất hiện trong quẻ. Hào 4 Tử Tôn Hợi Thủy là nguyên thần của hào Tài, nhập mộ khố tại nhật kiến, phá tại nguyệt lệnh, là hung càng thêm hung, thông tin huyết bản vô quy (thua lỗ mất trắng) lại xuất hiện trong quẻ. Khóa này luận theo nhật khóa xuất hành, hào 5 là đường đi lâm Huyền Vũ, lại có Huynh Đệ Dậu Kim là thần kiếp tài cũng ở đó, có thông tin trộm cắp hoặc kiện tụng (hào 5 ở vị trí đế quân) kiếp tài xuất hiện ở trong quẻ. Khóa

này cầu tài không được tài lại còn có thông tin hung có huyết bản vô quy. Hào Thế là gia chủ, cũng là xe cộ thuyền bè giờ vượng tại nhật nguyệt kiến, trong quẻ xuất hiện thông tin nhân viên an toàn, thuyền bè xe cộ không có hao tổn gì.

Ứng nghiệm: Họ Phương cùng mọi người sau khi xuất phát rất thuận lợi, nhưng sau khi đến nơi, bởi vì hàng hóa là hàng hóa vật phẩm quốc gia, thủ tục làm lại chưa hoàn thiện, bị chính quyền địa phương thu hồi, còn phạt đến 8 nghìn nhân dân tệ, tính cả giá trị hàng hóa vào, tổn thất hết hơn 5 vạn tệ.

Ví dụ 115: Cô Lý khai trương một tiệm ăn vào giờ Tỵ ngày 12 tháng 1 năm 1998 âm lịch.

Nhật khóa: Mậu Dần Giáp Dần Bính Tuất Quý Tỵ

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ “Địa Thủy Sư” quẻ biến “Lôi Thủy Giải”, hào 4 phát động.

Sư			Giải			
Ư	--	Phụ Mẫu	Dậu kim	--	Quan Quỷ	Tuất thổ Long
	--	Huỳnh Đệ	Hợi thủy	--	Phụ Mẫu	Thân kim Vũ
	--	Quan Quỷ	Sửu thổ	--	Thê Tài	Ngọ hỏa Hổ
T	--	Thê Tài	Ngọ hỏa	--	Thê Tài	Ngọ hỏa Xà
	--	Quan Quỷ	Thìn thổ	--	Quan Quỷ	Thìn thổ Câu
	--	Tử Tôn	Dần mộc	--	Tử Tôn	Dần mộc Tước

THỦY

Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này quẻ chủ hào sơ Tử Tôn Dần Mộc là nguyên thần của Tài là hào lâm Tuế nguyệt nên được cực vượng. Hào 3 Thê Tài Ngọ Hỏa tri Thế là dụng thần vượng tại Tuế nguyệt cùng nhật nguyệt kiến cấu thành tam hợp Dần Ngọ Tuất cực Tài, là Tài tinh cực vượng, mà trong quẻ tài lại là vừa nhiều vừa có gốc, là khóa đại cát khai trương cầu tài phát đạt.

Cô Lý vốn muốn khai trương vào mùng 2 tháng 1, tác giả cảm thấy Tài khi đó không vượng, khuyên cô ấy cứ vui vẻ đón lễ đi rồi nói, sau đó nói cụ thể khóa cho cô ấy, tác giả nói: Dùng khóa này khai trương, một ngày có thể thu được nhiều hơn gấp mấy lần nếu cô ấy khai trương vào ngày mùng 2, sau đó cô ấy mới quyết định dùng khóa này khai trương. Sau này cô Lý có báo lại, khai trương kinh doanh rất thuận lợi, mấy năm kinh doanh đây là lần đầu cô ấy

thu được nhiều vậy. Ngày hôm đó bán được hơn 860 suất ăn, thu được hơn 2 vạn tệ, sau này kinh doanh cũng vẫn hưng vượng. Cô ấy còn nói, gần chỗ cô ấy có mấy nhà hàng (cho rằng thời gian là vàng bạc) mở cửa khai trương vào mùng 2 mùng 3, thật sự không làm ăn được. Cô cứ chơi chán mấy ngày liền, lại làm ăn tốt hơn bọn họ. Sau này cứ sau tiết xuân mà khai trương, lại tìm tác giả hỏi, quyết định không vì vội vã mấy ngày, nhất định phải chọn nhật khóa khai trương vượng tài mới mở cửa bán.

Ví dụ 116: Người họ Lư lái xe đến hướng Đông đón khách hàng vào giờ Dậu ngày 19 tháng 8 năm 1996 âm lịch.

Nhật khóa: Bính Tý Đinh Dậu Đinh Sửu Kỷ Dậu

Lập được quẻ nhật khóa gồm quẻ chủ “Trạch Lôi Tuyền”, quẻ biến “Đoài Vi Trạch”, hào 2 phát động.

Tuyền	Đoài
Ư -- Thê Tài Mùi thổ	-- Thê Tài Mùi thổ Long
-- Quan Quỷ Dậu kim	-- Quan Quỷ Dậu kim Vũ
-- Phụ Mẫu Hợi thủy Tử Ngọ	-- Phụ Mẫu Hợi thủy Hổ
T -- Thê Tài Thìn thổ	-- Thê Tài Sửu thổ Xà
-- Huynh Đệ Dần mộc	-- Huynh Đệ Mão mộc Câu
-- Phụ Mẫu Tý thủy	-- Tử Tôn Tý hỏa Tước

MỘC

Không Vong: Thân, Dậu

Khóa này quẻ chủ Thê Tài Thìn Thổ trì Thế là gia chủ, được tỉ phù bởi nhật kiến vốn là cát, nhưng hào 2 Huynh Đệ Dần Mộc phát động hóa tiến thần khắc hào Thế là không cát. Mặc dù kỵ thần Huynh Đệ Dần Mão Mộc tử tại nguyệt lệnh, hưu tù tại nhật kiến, vốn vô lực kiếp tài khắc Thế. Nhưng gia chủ ở hướng Đông, nơi mà kỵ thần sinh vượng, tất khắc Thế có thị phi kiện tụng hoặc tai họa thoái tài. Hào 4 hào Phụ Mẫu Hợi Thủy là xe cộ, vốn vượng tại Thái Tuế và nguyệt lệnh, xe cộ không có chuyện gì và rất tốt, nhưng có lâm Bạch Hổ, vì xe cộ mà xảy ra tai họa bị thương máu chảy. Hào 5 hào là đường đi có Quan Quỷ và Huyền Vũ đều ở tại đây, nên đều là không cát, trên đường đi ắt có chuyện thương bệnh hoặc ám vị xảy ra. Khóa này là quẻ khóa hung cho lái xe xuất hành, sẽ vì xe cộ tông bị thương người mà dẫn đến thị phi kiện tụng và thoái tài.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ứng nghiệm: Gia chủ khi lái xe trên đường đi đón khách hàng ở hướng Đông, ma xui quỷ khiến sao lại tông vào một học sinh cấp 2 đang qua đường. Sau đó đưa đến bệnh viện gần nhất để chữa trị và phải bồi thường viện phí hơn 3 nghìn tệ, như vậy mọi chuyện mới kết thúc, gia chủ cũng bị dọa cho một trận.

Ví dụ 117: Một người khai trương tiệm ăn gần bến xe vào giờ Mão ngày 23 tháng 1 năm 1996 âm lịch.

Nhật khóa: Bính Tý Tân Mão Mậu Thân Ất Mão

Tiệm ăn này mở ở gần một trạm xe, ở khá gần chỗ tác giả ở, từ lâu 4 có thể nhìn thấy được. Ngày hôm đó vào sáng sớm tác giả ở trên lầu tập thể dục, ngửi thấy mùi quấy bay lên, nên có suy xét về nhật khóa của bọn họ, rồi lập tức tiến hành dự đoán. Phát hiện nhật khóa cầu tài không được mà còn ngược lại phải dẹp tiệm, sau khi vào tháng 3 nhất định sẽ phải đóng cửa dẹp tiệm.

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thiên Phong Cầu", quẻ biến "Hỏa Phong Đỉnh", hào 5 phát động.

Cấu

Đỉnh

— Phụ Mẫu Tuất thổ

— Quan QuỷTy hỏa Tước

— Huynh Đệ Thân kim

-- Phụ Mẫu Mùi thổ Long

Ư — Quan QuỷNgọ hỏa

— Huynh Đệ Dậu kim Vũ

— Huynh Đệ Dậu kim

— Huynh Đệ Dậu kim Hổ

— Tử Tôn Hợi thủy Tài Dần

— Tử Tôn Hợi thủy Xà

T -- Phụ Mẫu Sửu thổ

-- Phụ Mẫu Sứu thổ Câu

KIM

Không Vong: Dần, Mão

Quẻ khóa này hào sơ Phụ Mẫu Sửu Thổ trì Thế, tử tại nguyệt lệnh, hưu tù tại nhật kiến, là nền móng không ổn định, cầu tài vất vả. Hào ứng Quan Quỷ Ngọ Hỏa là kinh doanh, là kế hoạch, mặc dù vượng tại nguyệt kiến, nhưng bị Thái Tuế xung phá, là làm ăn kinh doanh khó khăn, phục thần Thê Tài Dần Mộc được tĩ phù tại nguyệt lệnh, nhưng vì phản xung lại lâm Không Vong, dù phục được sinh trưởng, nhưng cũng khó mà đắc tài. Hào 5 Huynh Đệ Thân Kim là kỵ thần của Tài, ở tại vị trí đế quân tôn quý lâm nhật kiến, bây giờ phát động hóa hồi đầu sinh, tất sẽ kiếp tài, một khi vào tháng 3 nguyệt lệnh, kỵ thần được sinh vượng, kiếp tài nghiêm trọng, sẽ dẫn đến đóng cửa dẹp tiệm. Bởi vì hào 3 Huynh Đệ Dậu

Kim vượng tại nhật kiến, lại có hào nguyệt lệnh xung động mà kiếp tài; hào 3 là môn hộ. Bây giờ kỵ thần ở tại đó còn ám động kiếp tài, là kiếp thần thủ môn, làm gì có hi vọng phát tài. Một khi vào tiết tháng 3 nguyệt lệnh, kỵ thần ở đó sinh vượng, kinh doanh lại càng khó khăn, chỉ có thể đóng cửa, chứ làm gì có ai ngu ngốc mà kinh doanh tiếp.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi khai trương mấy ngày, mặc dù đã sửa chữa thay mới hết, nhà cửa vệ sinh sạch sẽ, nhưng không có mấy người đến ăn. Còn tiệm ăn cách đó 2 nhà lại làm ăn rất được, sau đó mặc dù có người đến ăn, nhưng ít đến đáng thương, một ngày thu vào không đủ trả lương cho 4 nhân viên. Càng chưa nói đến tiền nhà điện nước mỗi ngày. Cửa tiệm kiên trì không được bao lâu, thấy thua lỗ nghiêm trọng, thực sự không làm nổi nữa, cuối cùng vào ngày 28 tháng 2 âm lịch (giờ Tỵ ngày 17 tháng 2 là tiết Thanh Minh) đóng cửa tiệm, cũng đã thua lỗ mất hơn 2 vạn tệ.

Ví dụ 118: Người họ Trạch đi đến Quảng Đông kinh doanh cầu tài vào giờ Thìn ngày mùng 3 tháng 2 năm 1996 âm lịch.

Nhật khóa: Bính Tý Tân Mão Đinh Tỵ Giáp Thìn

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thủy Hỏa Ký Tế", quẻ biến "Địa Hỏa Minh Di", hào 5 phát động.

Ký	Minh
Tế	Di
Ư -- Huynh Đệ Tý thủy	-- Phụ Mẫu Dậu kim Long
-- Quan Quỷ Tuất thổ	-- Huynh Đệ Hợi thủy Vũ
-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Quan Quỷ Sửu thổ Hổ
T -- Huynh Đệ Hợi thủy Tài Ngọ	-- Huynh Đệ Hợi thủy Xà
-- Quan Quỷ Sửu thổ	-- Quan Quỷ Sửu thổ Câu
-- Tử Tôn Mão mộc	-- Tử Tôn Mão mộc Tước

THỦY

Không Vong: Tý, Sửu

Khóa này với ví dụ trước đó giống y nhau, là quẻ nhật khóa không cát về xuất hành cầu tài, phục thần Thê Tài Ngọ Hỏa bị Thái Tuế xung phá, không chỉ cầu tài không được, mà còn gặp họa thoái tài. Hào Thê Huynh Đệ Hợi Thủy vượng tại Thái Tuế, bị nhật kiến xung ám động có thông tin kiếp tài. Hào 5 là đường đi lâm Huyền Vũ phát động khắc hào Thê, có thông tin trộm cắp kiếp tài.

Bởi vì Tuất Thổ động và nguyệt lệnh hợp, hóa hợp vọng khắc hào Thế, không có chuyện thị phi kiện tụng. Khóa này quẻ chủ yếu là thông tin thoái đại tài. Thời gian thoái tài vào đúng ngày xuất hành mà ứng nghiệm, sau khi xuất phát tầm 6 tiếng vào khoảng trước 2 giờ chiều. (Lấy số hào động để xác định ứng kỳ, hào 5 động là 5 tiếng; lấy hào động biến xuất tam hợp giờ Hợi Mùi để xác định ứng kỳ, không phải giờ Mùi hợp Tài thì là giờ kiếp thần trực phùng).

Ứng nghiệm: Họ Trạch ở trên xe đi đến Quảng Đông, đến tầm 2 giờ chiều, số tiền mười vạn tệ cất trong túi áo trong của anh ta bị móc mất, không cách nào kiểm lại được.

Ví dụ 119: Một người khai trương nhà xe khách vào giờ Ty ngày 23 tháng 12 năm 1995 âm lịch.

Nhật khóa: Ất Hợi Kỷ Sửu Kỷ Dậu Kỷ Ty

Lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Phong Hỏa Gia Nhân", quẻ biến "Phong Sơn Tiệm", hào sơ phát động.

Gia Nhân		Tiệm	
—	Huynh Đệ Mão mộc	—	Huynh Đệ Mão mộc Câu
Ư —	Tử Tôn Ty hỏa	—	Tử Tôn Ty hỏa Tước
--	Thê Tài Mùi thổ	--	Thê Tài Mùi thổ Long
—	Phụ Mẫu Hợi thủy	—	Quan Quỷ Thân kim Vũ
T --	Thê Tài Sửu thổ	--	Tử Tôn Ngọ hỏa Hổ
—	Huynh Đệ Mão mộc	--	Thê Tài Thìn thổ Xà

MỘC

Không Vong: Dần, Mão

Quẻ khóa này là quẻ khóa thượng cát về khai trương nhà xe, nhà xe khai trường cần có hai yêu cầu, một là xe cộ hoàn toàn vô sự, hai là kinh doanh có hiệu quả. Cần lấy hào Phụ Mẫu và hào Thê Tài làm dụng thần. Bởi vì hào Phụ Mẫu là xe cộ, hào Thê Tài là kinh doanh phát tài, hai dụng thần này ứng kiêm cố (VP: tức xem cả 2). Hào 2 Thê Tài Sửu Thổ trị Thế, là nền móng, là làm ăn phát tài, bây giờ đắc vượng tại nguyệt kiến, lại hóa Tử Tôn Ngọ Hỏa hồi đầu sinh, làm ăn kinh doanh hưng thịnh, hiệu quả kinh doanh cao. Hào Phụ Mẫu Hợi Thủy là xe cộ, bây giờ là hào Thái Tuế, lại vượng tại tứ trụ tam hợp Ty Dậu Sửu cục Kim, còn hóa Quan Quỷ Thân Kim tương vượng hồi đầu sinh, là hào Phụ Mẫu cực vượng, xe cộ an toàn, tài xế vui vẻ hơn hờ đi, bình an quay về. Hào 5 là đường đi

lâm Tử Tôn Ty Hỏa và hóa Tử Tôn Ty Hỏa sinh hào Thế, được Huỳnh Đệ Mão Mộc động đến sinh là đắc vượng. Mặc dù năm nay hào Thái Tuế xung phá, nhưng năm Hợi ất không bị phá, không sao hết. Cũng có nghĩa là đi đường an toàn. Hào sơ Huỳnh Đệ Mão Mộc mặc dù động, nhưng bị nhật khóa Ty Dậu Sửu tam cục cục Quan chế, mà động hóa xuất Tài tương vượng, là cát, bởi vì hào Huỳnh Đệ không khắc hào biến. Khóa này là quẻ nhật khóa thượng cát cho việc khai trương nhà xe không chút gì ngờ.

Ứng nghiệm: Nhà xe này khai trương hoạt động được mấy năm nay, từ đầu đến giờ chưa hề xảy ra sự cố xe cộ gì, tài xế đều vui vẻ đi, bình an về, cùng vì làm ăn được nên cũng vui vẻ lạc quan. Đương nhiên cũng liên quan đến sự quản lý nghiêm túc với đội cảnh sát, bởi vì đội cảnh sát ở trong nhà xe này. Từ quẻ hào có thể thấy loại thông tin này, bởi vì hào Thế lâm Bạch Hổ, là người quản lý thực thi pháp luật.

Ví dụ 120: Người họ Mông mở một tiệm quần áo ở một thị trấn nhỏ tại hướng Nam vào giờ Ty ngày 11 tháng 1 năm 1997 âm lịch.

Nhật khóa: Đinh Sửu Nhâm Dần Canh Dần Tân Ty

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thủy Lôi Truân", quẻ biến "Thủy Trạch Tiết", hào 2 phát động.

Truân	Tiết
-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Huynh Đệ Tý thủy Xà
Ư — Quan Quỷ Tuất thổ	— Quan Quỷ Tuất thổ Câu
-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Phụ Mẫu Thân kim Tước
-- Quan Quỷ Thìn thổ Tài Ngọ	-- Quan Quỷ Sửu thổ Long
T -- Tử Tôn Dần mộc	— Tử Tôn Mão mộc Vũ
— Huynh Đệ Tý thủy	— Thê Tài Ty hỏa Hổ
THỦY	Không Vong: Ngọ, Mùi

Quẻ khóa này là quẻ nhật khóa thượng cát của khai trương cầu tài. Hào 2 Tử Tôn Dần Mộc trị Thế, là nguyên thần của Thê Tài, là hào lâm nguyệt kiến nhật lệnh, phát động hóa Tử Tôn Mão Mộc tiến thần là cực cát. Phục thần Thê Tài Ngọ Hỏa, được sinh vượng tại thời nhật nguyệt lệnh, phục đắc sinh trưởng (VP: sinh trưởng tức là trường sinh), là Tài tinh cực vượng. Khóa này là khóa Tài tinh cực vượng, khai trương kinh doanh ất sẽ phát tài.

Ứng nghiệm: Khóa này là chú ruột của người họ Mông nhờ phóng viên ở thành phố giúp nhờ tác giả xem nhật khóa cầu tài khai trương. Bởi vì họ Mông vốn đã mở cửa hàng quần áo ở quê rồi, nhưng làm ăn kinh doanh khó khăn, lợi nhuận mỗi ngày còn không đủ đóng tiền nhà, bị ép đến mức phải tha hương lập nghiệp. Sau nhờ phóng viên nói với tác giả, họ Mông nhờ nhật khóa này mà phát tài, hôm đó làm ăn rất hưng thịnh, thu được hơn 3 nghìn tệ, so với thu nhập một tháng khi kinh doanh ở quê nhiều hơn nhiều, bởi vì họ Mông phát tài rồi nên rất cảm ơn tác giả, khi gặp tác giả còn rất kính trọng và mời tác giả đi ăn nữa.

Ví dụ 121: Một bác sĩ trị liệu khai trương phòng khám vào giờ Ty ngày mùng 10 tháng 2 năm 1997 âm lịch.

Nhật khóa: Đinh Sửu – Quý Mão – Kỷ Mùi – Kỷ Ty

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ “Thủy Lôi Truân”, quẻ biến “Thủy Trạch Tiết”, hào 2 phát động. Quẻ khóa này và quẻ khóa trên giống y như nhau, vì đều là nhật khóa thượng cát trong kinh doanh. Khóa này cũng là nhật khóa mà thủ tướng Lý Bằng đã cắt băng khánh thành tại lễ khánh thành tuyến đường sắt Nam Côn nối liền Đông Nam.

Truân	Tiết
-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Huynh Đệ Tý thủy Xà
Ư -- Quan Quỷ Tuất thổ	-- Quan Quỷ Tuất thổ Câu
-- Phụ Mẫu Thân kim	-- Phụ Mẫu Thân kim Tước
-- Quan Quỷ Thìn thổ Tài Ngọ	-- Quan Quỷ Sửu thổ Long
T -- Tử Tôn Dần mộc	-- Tử Tôn Mão mộc Vũ
-- Huynh Đệ Tý thủy	-- Thê Tài Ty hỏa Hổ

THỦY

Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này hào Thế Tử Tôn Dần Mộc là gia chủ, là bác sĩ, là thuốc, là nguyên thần của Tài tinh, bây giờ vượng tại nguyệt lệnh, lại động hóa tiến thân, là hào Thế vượng, hào Tử Tôn vượng, sờ không cũng biết bệnh, có thuốc bệnh ắt khỏi, là làm ăn hưng thịnh, cầu tài được tài, là thông tin thương cát. Phục thần Thê Tài Ngọ Hỏa, vượng tại nguyệt lệnh, lại cũng đồng thời tam hội Ty Ngọ Mùi cục Tài, Tài tinh cực vượng. Khóa này là khóa cầu tài thượng cát không chút nghi ngờ.

Ứng nghiệm: Gia chủ sau khi khai trương, làm ăn hưng thịnh, bệnh nhân đến lũ lượt, đều là đau đớn đến, vui vẻ đi, hôm đó thu được hơn 1 nghìn 3 trăm tệ, sau này làm ăn vẫn rất hưng thịnh, về sau vợ gia chủ không quên ơn tác giả, đích thân đến cảm tạ tác giả.

Ví dụ 122: Người họ Mạc treo bảng hiệu khai trương vào giờ tai (chữ tai trong tai họa) ngày mùng 4 tháng 7 năm 1996 âm lịch.

Nhật khóa: Bính Tý Bính Thân Bính Tuất Bính Dần

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thủy Sơn Kiến", quẻ biến "Thủy Địa Tỷ", hào 3 phát động.

Kiến	Tỷ
-- Tử Tôn Tý thủy	-- Tử Tôn Tý thủy Long
— Phụ Mẫu Tuất thổ	— Phụ Mẫu Tuất thổ Vũ
T -- Huynh Đệ Thân kim	-- Huynh Đệ Thân kim Hổ
— Huynh Đệ Thân kim	-- Thê Tài Mão mộc Xà
-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Quan Quỷ Tý hỏa Câu
Ư -- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Phụ Mẫu Mùi thổ Tước
KIM	Không Vong: Ngọ, Mùi

Khóa này rõ ràng là quẻ không cát trong khai trương cầu tài. Hào 4 Huynh Đệ Thân Kim trì Thế, vượng tại nhật nguyệt, là khóa mà cầu tài không được tài ngược lại còn thoái đại tài. Phục thần Thê Tài Mão Mộc, tử tại nguyệt lệnh, còn hưu tù bị hợp ở nhật kiến, là chả có tài gì mà nói. Hào 3 Huynh Đệ Thân Kim là kỵ thần lâm nguyệt lệnh, lại được nhật lệnh sinh, là kiếp thần cực vượng, giờ phát động, ắt kiếp đại tài. Nếu công ty này còn đến hướng Tây cầu tài, thua lỗ càng nghiêm trọng hơn, bởi vì kỵ thần Thân Kim ở hướng Tây vượng địa, mà khóa này quẻ chủ "Thủy Sơn Kiến", là nguy hại, có cản trở, không thể mạo hiểm hành sự, cần đợi thời cơ.

Gia chủ dùng khóa này khai trương, làm ăn rất chán, thậm chí còn thua lỗ, hóa ra có rất nhiều khách hàng đều không coi trọng công ty này. Gia chủ lại nghe bạn bè nói, nói ở hướng Tây kinh doanh mới phát tài, nên mới tham gia vào. Sau này vì một vài nguyên nhân mà nửa đường lại bỏ, lại tổn thất hơn 10 vạn tệ, khiến cho gia chủ tức không thở nổi.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 123: Người họ Hoàng mẫu khai trương tiệm tạp hóa vào giờ Tý ngày 15 tháng 1 năm 1995 âm lịch.

Nhật khóa: Ất Hợi Mậu Dần Bính Tý Quý Tý

Lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Trạch Địa Tụ", quẻ biến "Thiên Địa Bĩ", hào 6 phát động.

Tụ

Bĩ

-- Phụ Mẫu Mùi thổ -- Phụ Mẫu Tuất thổ Long

Ư -- Huỳnh Đề Dậu kim -- Huỳnh Đề Thân kim . Vũ

-- Tử Tôn Hợi thủy -- Quan Quỷ Ngọ hỏa Hổ

-- Thê Tài Mão mộc -- Thê Tài Mão mộc Xà

T -- Quan Quỷ Tý hỏa -- Quan Quỷ Tý hỏa Câu

-- Phụ Mẫu Mùi thổ -- Phụ Mẫu Mùi thổ Tước

KIM

Không Vong: Thân, Dậu

Quẻ khóa này là quẻ khóa cát trong khai trương cầu tài. Hào 2 Quan Quỷ Tý Hỏa tri Thế, vượng tại nguyệt lệnh (mặc dù Tuế phá nhưng được Tuế nguyệt Dần Hợi hội cục Thủy thành công nên năm này không phá) là nền móng vượng, thân vượng là cát. Hào 3 Thê Tài Mão Mộc là dụng thần, vượng tại Tuế nguyệt nhật, là Tài vượng. Hào 4 Tử Tôn Hợi Thủy là nguyên thần của hào Tài, vượng tại nhật kiến, là hào lâm Thái Tuế, là Tử Tôn hào cực vượng. Khóa này là thân vượng, Tài vượng, nguyên thần vượng, Dùng khai trương cầu tài ắt phát tài.

Gia chủ dùng khóa này khai trương kinh doanh tạp hóa, làm ăn rất tốt, mỗi tháng lợi nhuận không ít hơn vạn tệ, đa số là 2,3 vạn tệ. Đây là một cửa hàng ở nông thôn, như này đã là thu nhập rất tốt rồi, trừ sự liên quan của thông tin nhật khóa cát ra, còn có có quan hệ rất lớn đến thái độ phục vụ khách hàng như thượng đế của gia chủ. Gia chủ từng nói với tác giả, anh ta rất trung thực, có nhiều khi vô tính thừa tiền cho khách hàng, phát hiện ra, lập tức đi đến trả tận tay khách hàng, cho nên rất được khách hàng quý mến, những người ở gần đó đều đến cửa hàng của anh ta mua đồ, làm ăn rất hưng thịnh.

Ví dụ 124: Thế vận hội thể thao Quảng Tây lần thứ 8 khai mạc tại thành phố Liễu Thâm vào giờ Dậu ngày 15 tháng 9 năm 1996 âm lịch.

Nhật khóa: Bính Tý Mậu Tuất Bính Thân Đinh Dậu

Lập được quẻ năm dụng sự gồm quẻ chủ "Thiên Hỏa Đồng Nhân", quẻ biến "Ly Vi Hỏa", hào 5 phát động.

Đồng
Nhân

Ly

Ư	—	Tử Tôn	Tuất thổ	—	Huỳnh Đệ Ty	hỏa	Long
	—	Thê Tài	Thân kim	--	Tử Tôn	Mùi thổ	Vũ
	—	Huỳnh Đệ Ngọ	hỏa	—	Thê Tài	Dậu kim	Hổ
T	—	Quan Quỷ Hợi	thủy	—	Quan Quỷ Hợi	thủy	Xà
	--	Tử Tôn	Sửu thổ	--	Tử Tôn	Sửu thổ	Câu
	—	Phụ Mẫu Mão	mộc	—	Phụ Mẫu Mão	mộc	Tước

HỎA

Không Vong: Thìn, Ty

Khóa này thuộc nhật khóa hạng mục thể dục thể thao, thi đấu. Lấy hào Quan Quỷ là dụng thần, hào Thê Tài là nguyên thần, giờ dụng thần Quan Quỷ Hợi Thủy trị Thế, được sinh vượng bởi nhật khóa tứ trụ tam hội thành công Thân Dậu Tuất phương Tây cực, là dụng thần cực vượng. Nguyên thần Thê Tài Thân Kim, được tam hội Thân Dậu Tuất cực tử vượng, nguyên thần cũng cực vượng. Hào Thế là dụng thần, là hội thể thao, được hào 5 tương vượng là Thê Tài Thân Kim phát động sinh, có được vị trí cao, ắt có chuyện phá vỡ nhiều kỷ lục. Quẻ khóa là quẻ nhật khóa cát, lại thêm Hậu thiên vận động viên nỗ lực hết mình, ắt có thể có được quán quân của nhiều hạng mục thể vận hội ở Quảng Tây.

Ứng nghiệm: Thế vận hội thể thao lần thứ 8 tại Quảng Tây sau khi khai mạc đã rất thuận lợi, tin vui không ngừng truyền đến, có vài hạng mục phá vỡ kỷ lục toàn quốc, thậm chí là toàn Châu Á. Thế vận hội ở Quảng Tây một lần nữa có được ấn tượng sâu sắc. Vận động viên đều cố gắng hết mình, dũng cảm tiến về phía trước để để lại cho người dân Quảng Tây một ấn tượng tinh thần cố gắng nỗ lực quý giá.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

Ví dụ 125: Người họ Trương khai trương một nhà xe vào giờ Ngọ ngày mùng 1 tháng 11 năm 1999 âm lịch.

Nhật khóa: Kỷ Mão Bính Tý Giáp Ngọ Canh Ngọ

Lập được quẻ nhật khóa năm dụng sự gồm quẻ chủ "Địa Sơn Khiêm", quẻ biến "Thủy Sơn Kiến", hào 5 phát động.

Khiêm	Kiến
-- Huynh Đệ Dậu kim	-- Tử Tôn Tý thủy Vũ
T -- Tử Tôn Hợi thủy	-- Phụ Mẫu Tuất thổ Hổ
-- Phụ Mẫu Sửu thổ	-- Huynh Đệ Thân kim Xà
-- Huynh Đệ Thân kim	-- Huynh Đệ Thân kim Câu
Ư -- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tài Mão	-- Quan Quỷ Ngọ hỏa Tước
-- Phụ Mẫu Thìn thổ	-- Phụ Mẫu Thìn thổ Long
KIM	Không Vong: Thìn, Ty

Quẻ khóa này rất rõ ràng có phát sinh sự cố tai nạn xe cộ làm bị thương người máu chảy. Hào 5 Tử Tôn Hợi Thủy vốn vượng tại nguyệt lệnh là cát, nhưng lại phát động hóa Phụ Mẫu Tuất Thổ tương vượng tại nhật kiến hóa hồi đầu khắc, gia chủ ắt gặp thị phi kiện tụng. Phụ Mẫu cũng là xe cộ, ở tại hào 5 là đường đi đến khắc Thế, lại có Bạch Hổ ở tại đó phát động khắc hào Thế, gia chủ ắt gặp sự cố tai nạn xe trên đường làm bị thương người ta mà rước phải thị phi kiện tụng.

Hào 5 là đường đi, có Bạch Hổ động khắc hào thế, là đại kỵ trong lái xe vận hành. Hào 2 Quan Quỷ Ngọ Hỏa là hào Ứng, là đường tha hương, lâm Chu Tước bị nguyệt lệnh xung động, có thông tin thị phi kiện tụng. Phục thần Thê Tài Mão Mộc, là hào Thái Tuế, mặc dù vượng tại nguyệt lệnh nhưng hào vượng lại phục sinh phi thần là xuất bạo, có thông tin thoái đại tài, mà tai họa xảy ra nhanh. Khóa này là quẻ khóa đại hung trong khai trương nhà xe vận hành. Theo tổng hợp từ tứ trụ và quái hào mà xác định ứng kỳ: Một là dựa theo số cung mà quẻ của nhật khóa ở đó để xác định ứng kỳ, khóa này quẻ đều ở cung 2 Đoài, là trong 2 tiếng sẽ xảy ra tai họa; hai là dựa vào thời gian Phụ Mẫu Tuất Thổ hóa hồi đầu khắc để xác định ứng kỳ, ứng vào buổi chiều giờ Mùi hoặc giờ Thìn tai họa sẽ xảy ra, tổng hợp phán đoán xác định buổi chiều khoảng 1 giờ xảy ra tai họa.

Ứng nghiệm: Chiều khoảng hơn 1 giờ, họ Trương đang ở một thị trấn phía Bắc thì gặp tai nạn, tông chết một ông già và một đứa trẻ. Dính kiện tụng, thoái tài đã được định, trở thành sự cố tang thương nhất trong vùng lúc bấy giờ.

Ví dụ 126: Một sân bay mới tại một thành phố bay thử chuyến bay vào giờ Ngọ ngày mừng 2 tháng 7 năm 1996 âm lịch.

Nhật khóa: Bính Tý Bính Thân Giáp Thân Canh Ngọ

Lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Lôi Hỏa Phong", quẻ biến "Lôi Sơn Tiểu Quá", hào sơ phát động.

Phong		Tiểu Quá
--	Quan Quỷ Tuất thổ	-- Quan Quỷ Tuất thổ Xà
T --	Phụ Mẫu Thân kim	-- Phụ Mẫu Thân kim Câu
—	Thê Tài Ngọ hỏa	— Thê Tài Ngọ hỏa Tước
—	Huynh Đệ Hợi thủy	— Phụ Mẫu Thân kim Long
Ư --	Quan Quỷ Sửu thổ	-- Thê Tài Ngọ hỏa Vĩ
—	Tử Tôn Mão mộc	-- Quan Quỷ Thìn thổ Hổ

THỦY

Không Vong: Ngọ, Mùi

Nhật khóa khi khai trương bộ phận giao thông đầu tiên cần chú ý nguyên tắc an toàn giao thông, lấy hào Phụ Mẫu làm dụng thần. Bởi vì hào Phụ Mẫu là công cụ giao thông, là máy bay. Hào Thế là nền móng, là sân bay. Bây giờ Phụ Mẫu Thân Kim vượng tại nguyệt lệnh nhật kiến, lại trì Thế, là sân bay, máy bay đều hoàn toàn không có sự cố gì, đó là sự dẫn dắt thông tin cát lợi đầu tiên. Hào 5 là hào đế quân cùng là Phụ Mẫu trì Thế, sân bay và máy bay của quốc gia đều xuất hiện trong quái hào Thân Kim, đồng thời đây là máy bay mới, sân bay mới. Hào 5 cũng là đường đi, bây giờ tương vượng ở hào Phụ Mẫu, là đường đi thông thoáng không có trở ngại, an toàn. Hào 2 tới Ứng là đường tha hương, giờ "ứng sinh thế, đường đi tha hương ắt bình an". Hào sơ tử Tôn Mão Mộc, được Tuế nguyệt và biến xuất Quan Quỷ Thìn Thổ tam hợp Thân Tý Thìn cục Thủy đến sinh, phát động chế Quỷ, là "Tử Tôn phát động, đường đi vạn dặm không gặp tai họa gì". Hào 3 là môn hộ, hào Huynh Đệ vượng tại Tuế nhật nguyệt, còn hóa Phụ Mẫu Thân Kim hồi đầu sinh, nói được rằng khách đông, sân bay đông đúc, là sau này khách hàng sẽ đông, làm ăn hưng thịnh. Quẻ khóa này là quẻ

thông tin nhật khóa thượng cát trong khai trương mở sân bay đường bay, lại thêm sự quản lý khoa học nghiêm ngặt từ Hậu thiên. Sân bay này ắt sẽ trở thành sân bay quốc tế, khách khứa từ các nước khác đến, đi lại đông đúc, đường bay an toàn và chất lượng phục vụ tốt, tất sẽ có nhiều cống hiến cho nền kinh tế địa phương.

Ứng kỳ: Sân bay này khi mở đường bay, an toàn đưa đón khách du lịch ở trong nước và ngoài nước, sân bay rất có tiếng tăm vẫn luôn vận hành an toàn như vậy, cống hiến rất nhiều cho nền kinh tế địa phương.

Ví dụ 127: Nhật khóa "Người bay đầu tiên của Châu Á" Kha Thụ Lương lái xe bay qua nơi nguy hiểm nhất của sông Hoàng Hà.

13 giờ 22 phút chiều ngày 26 tháng 4 âm lịch (dương lịch là ngày 1 tháng 6) năm 1997, để coi như một món quà hậu hĩnh nhân dịp quay lại Hong Kong ngày 1 tháng 7, đồng thời tạo ra kỷ lục lái xe bay mới của "Người bay đầu tiên của Châu Á", diễn viên đóng thế Kha Thụ Lương, dưới ánh mắt của hơn mấy chục vạn người và máy quay từ CCTV và truyền hình vệ tinh Phương Hoàng của Hong Kong đã dùng 1,58 giây thành công lái chiếc xe bay qua khoảng cách 56 mét tại nơi nguy hiểm của sông Hoàng Hà, đáp đất an toàn qua bờ bên kia Hoàng Hà, hoàn thành một kỷ lục mới kinh người, bây giờ khảo chứng ngày dựng sự hôm đó như sau.

Nhật khóa: Đinh Sửu Ất Ty Giáp Tuất Kỷ Mùi

Lập được quẻ nhật khóa dụng sự gồm quẻ chủ "Khôn Vi Địa", quẻ biến "Lôi Địa Dục", hào 4 phát động.

Khôn	Dục
T -- Tử Tôn	Dậu kim -- Huynh Đệ Tuất thổ Vũ
-- Thê Tài	Hợi thủy -- Tử Tôn Thân kim Hồ
-- Huynh Đệ Sửu thổ	-- Phụ Mẫu Ngọ hỏa Xà
Ư -- Quan Quỷ Mão mộc	-- Quan Quỷ Mão mộc Câu
-- Phụ Mẫu Ty hỏa	-- Phụ Mẫu Ty hỏa Tước
-- Huynh Đệ Mùi thổ	-- Huynh Đệ Mùi thổ Long

THỔ

Không Vong: Thân, Dậu

Nhật khóa dụng sự của Kha Thụ Lương tiên sinh trong lần bay qua nơi nguy hiểm nhất của Hoàng Hà, nhật khóa cần nói theo

hạng mục sự nghiệp, cũng cần dựa theo nhật khóa xuất hành để nói. Hai loại nhật khóa này dụng thần đều tổng hợp lại mà vận dụng, là thông tin cát dẫn dắt thành công việc làm này, lại thêm sự phát huy toàn bộ tính năng động chủ quan của con người, nên có thể thành công hoàn thành việc làm kinh người là bay qua hơi nguy hiểm nhất của Hoàng Hà chưa ai dám làm.

Khóa này quẻ chủ “Khôn Vi Địa”, là thuận lợi, là hòa thuận, là biểu tượng của chính đạo, âm nhu hòa thuận. Quẻ biến “Lôi Địa Dữ” là vui vẻ, vui vẻ đoàn kết cùng phấn đấu, thuận thiên thời mà làm, thiên đạo sẽ không phụ công lao, tạo dựng được sự nghiệp, quái tượng quái ý đại cát. “Khôn Vi Địa” là quẻ Lục xung, “Lôi Địa Dữ” là quẻ Lục hợp, là Lục xung biến Lục hợp, có nghĩa là thi thố (hoặc sự nghiệp đạt được mục tiêu) vang danh, là ám thị thành công khiến người khác kinh ngạc khi bay qua nơi nguy hiểm nhất của Hoàng Hà.

Lại nói theo nhật khóa xuất hành: “Hào Thế thuộc Kim, hỉ ở hướng Tây”, “Tử Tôn trì Thế, vạn dặm không gặp trở ngại tai họa”; “hào Phụ Mẫu là công cụ giao thông, tương vượng xe cộ thuyền bè vô sự”,... đây là thông tin nhật khóa xuất hành thượng cát, thông tin nhật khóa bay qua sông của Kha Thụ Lương tiên sinh, hoàn toàn đều đạt được tiêu chuẩn ở trên, là quẻ thông tin vô cùng thượng cát. Hào 6 Tử Tôn Dậu Kim trì Thế, là gia chủ, Thế khắc Ứng. Hào 4 Huỳnh Đề Sửu Thổ lâm Thái Tuế phát động sinh hào Thế, mà hào Thế cùng nguyệt lệnh và hào động tam hợp Ty Dậu Sửu Kim cục, hào Thế cực vượng. Hào 2 Phụ Mẫu Ty Hỏa là công cụ giao thông, là xe thể thao lâm nguyệt lệnh tương vượng, là xe cộ an toàn vô sự. Kha Thụ Lương tiên sinh đúng là từ hướng đông 26 mét bắt đầu khởi động xe, hướng hào Thế Tử Tôn Dậu Kim ở hướng Tây mà bay đến, xe, phương vị cùng hào Thế tam hợp Ty Dậu Sửu Kim cục; người, xe phương vị hoàn toàn đồng bộ với hợp cục, việc bay qua nơi nguy hiểm nhất của Hoàng Hà đã được thông tin Tiên thiên dẫn dắt. Khóa này hào 5 là đường đi lâm Bạch Hổ, rõ ràng nói rõ sự nguy hiểm khi bay qua như vậy, nhưng Bạch Hổ thuộc Kim, tuyệt tại nguyệt lệnh và bị chế hóa không có trở ngại gì. Khóa này hào 4 Huỳnh Đề Sửu Thổ vượng tại nguyệt lệnh và là hào Thái Tuế phát động, rõ ràng động sinh hào Thế giúp cho gia chủ thành công, nhưng rõ ràng lần này bay qua được cũng đã tổn hại cực lớn tài vật (theo báo cáo nói, lần này bay qua hao tổn hết hơn 2 nghìn vạn tệ).

Bởi vì là Lục xung biến Lục hợp, nên trước khó sau thành công.

12 giờ 20 phút, Kha Thụ Lương tiên sinh đi về hướng Bắc sông Hoàng Hà thành tâm thắp hương đốt giấy cầu khẩn được sự phù hộ. 12 giờ 15 phút, Kha Thụ Lương tiên sinh lại đi đến hướng Tây thiên về Bắc của sông Hoàng Hà, chắp hai tay, miệng lẩm bẩm gì đó, như khẩn tổ tông tổ tiên cũng như thần ở Hoàng Hà phù hộ bảo vệ thực hiện bay qua thành công. Đến 13 giờ 10 phút trợ thủ của Kha Thụ Lương tiên sinh thủ xe, sau đó đội nón và giúp Kha Thụ Lương tiên sinh mặc đồ bảo hộ. Kha Thụ Lương tiên sinh ngồi lên chiếc xe thể thao mã lực 300, 4 thì lùi xe lại đứng vào điểm xuất phát ở phía Đông. Kha Thụ Lương tiên sinh nhìn thấy trợ thủ vậy cờ đỏ ra hiệu ở phía Tây nhanh chóng khởi động xe, lao xe về phía trước. Mọi người như ngừng thở, nhưng rồi Kha Thụ Lương tiên sinh lại dừng xe lại, một lần nữa lùi về điểm xuất phát ở hướng Đôn. "13 giờ 22 phút, hơn 10 vạn con người cùng rất nhiều máy quay, đều hướng về một điểm, chỉ thấy một vết trắng lao qua và dừng lại ở bên kia sông, chỉ vón vện có 1,58 giây, đã đứng ở bờ Tây sông Hoàng Hà. "Người bay đầu tiên của Châu Á" Kha Thụ Lương lái xe bay thành công qua bờ bên kia của sông Hoàng Hà. Sau đó mới biết, tốc độ lúc đó của Kha Thụ Lương là 140km/h, bay qua khoảng cách tầm 56 mét" (theo thời báo Vương Hải đưa tin "Dùng tính mạng mà mẹ ban cho - Kha Thụ Lương thành công bay qua sông Hoàng Hà").

Ví dụ 128: Một tòa soạn báo thành lập vào 10 giờ sáng ngày 14 tháng 10 năm 1998 âm lịch.

Nhật khóa: Mậu Dần Mậu Ngọ Bính Tuất Quý Tỵ

Lập được quẻ nhật khóa thời gian dài gồm quẻ chủ "Địa Thủy Sư", quẻ biến "Sơn Thủy Mông", hào 6 phát động.

	Sư		Mông	
Ư	Phụ Mẫu Dậu kim	—	Tử Tôn Dần mộc Long	
	Huỳnh Đệ Hợi thủy	—	Huỳnh Đệ Tỵ thủy Vũ	
	Quan Quỷ Sửu thổ	—	Quan Quỷ Tuất thổ Hổ	
T	Thê Tài Ngọ hỏa	—	Thê Tài Ngọ hỏa Xà	
	Quan Quỷ Thìn thổ	—	Quan Quỷ Thìn thổ Câu	
	Tử Tôn Dần mộc	—	Tử Tôn Dần mộc Tước	

THỦY

Không Vong: Ngọ, Mùi.

Tòa soạn báo là đơn vị sự nghiệp văn hóa, yêu cầu báo và tạp chí phát hành cần có chất lượng cao và mức tiêu thụ lớn, đem đến lợi ích lớn và hiệu quả kinh tế. Bởi vì, sự nghiệp văn hóa nên lấy hào Quan Phụ là dụng thần; cần có hiệu quả kinh tế, lại lấy hào Tài làm dụng thần, hào Tử Tôn là nguyên thần. Giờ quẻ chủ “Địa Thủy Sư” là quái tượng nhất dương thống ngũ âm, là quẻ cát. Hào 2 Quan Quỷ Thìn Thổ, vượng tại ngày tháng, bị nhật kiến xung ám động sinh Ấn tinh Phụ Mẫu Dậu Kim. Hào 6 Phụ Mẫu Dậu Kim mặc dù hưu tù tại nguyệt lệnh, nhưng vượng tại nhật kiến, lại được Quan Quỷ Thìn Thổ vượng tương tại nhật nguyệt ám động sinh, cũng là Phụ Mẫu vượng. Thê Tài Ngọ Hỏa là Tài tinh cực vượng. Hào sơ Tử Tôn Dần Mộc là nguyên thần của Tài, là hào lâm Thái Tuế, thông tin con đường sinh tài, tài nguyên cứ thế mà đến xuất hiện trong quẻ. Quẻ khóa này hào Quan Phụ, hào Tài, hào Tử Tôn đều được tương vượng, là điều kiện đầu tiên để có quẻ khóa tốt, lại thêm sự quản lý khoa học nghiêm khắc của Hậu thiên, nên tòa soạn ngày càng làm ăn được và phát tài, tạo được hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội cao, tòa soạn đã gây dựng được một vị trí không thể đánh bại trong sự cạnh tranh khốc liệt.

Ứng nghiệm: Tòa soạn báo sau khi thành lập, đã chiếm được lòng tin của xã hội và công chúng với phong cách làm việc và thái độ phục vụ tuyệt vời, công việc kinh doanh phát triển vượt bậc, thu được lợi ích to lớn về cả mặt kinh doanh và xã hội.

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

TÁI BÚT

Lựa chọn một ngày giờ dụng sự tốt và may mắn, thật sự có thể có được tác dụng lớn như vậy sao? Có rất nhiều người hỏi tác giả như vậy. Câu hỏi này, tác giả đã suy nghĩ rất lâu, cũng rất khó mà dùng vài câu để trả lời. Nhưng từ nguyên lý âm dương và phương pháp ngũ hành làm nền móng, từ góc độ của thông tin làm xuất phát điểm, đối với tác dụng từ việc chọn lành giờ tốt sẽ lại càng dễ hiểu hơn. Chọn ngày là lấy tiền đề điều kiện từ vật chất cụ thể để tiến hành, thể hiện đầy đủ vật chất là quan điểm biện chứng đầu tiên. Không có vật chất, sẽ không thể có được trạch nhật học và bất cứ tính khoa học nào trong trạch nhật. Cũng chính là nói trạch nhật học là dựa vào, gắn liền với sự vật và phục vụ chúng, là “thời cơ học” trong dự đoán học, đây là điều thứ nhất; thứ 2 là thông tin trạch nhật đối với con người sự vật mà nói, là một loại thông tin được phản ánh trước, nó vẫn luôn lấy con người sự vật là điều kiện tiền đề, đồng thời phản ánh tương đồng với thông tin con người sự vật. Từ những góc độ không tương đồng, dùng những phương pháp không giống nhau để lấy được những yếu tố thông tin mà còn hội tụ được lại toàn bộ thông tin phản ánh. Thông tin phản ánh trong nhật khóa không phải “vô trung sinh hữu”, cũng tuyệt đối không vượt quá thông tin tự thân của con người sự vật, nó chỉ phản ánh mang tính đối xứng tương quan sự vật mà thôi. Nằm bắt lấy thời cơ - đây là khái niệm thời gian rất quan trọng, từ đó mà đạt được mục đích hướng cát tránh hung. Điều này cũng giống như gieo hạt thu hoạch đúng lúc vậy, nó có liên quan đến sự thành bại và hiệu quả của sự vật, ý nghĩa của nó là không nói mà chỉ dự đoán, quan trọng là ở sự nhận thức đúng đắn và vận dụng tốt.

“Kế hoạch của một năm bắt đầu từ mùa xuân, kế hoạch của một ngày bắt đầu từ sáng sớm”, mong rằng trạch nhật học sẽ tạo phúc cho các vị, khiến cuộc sống của chúng ta càng tốt đẹp hơn!

Cao Quảng Thâm.

Ngày 24 tháng 5 năm 2000.

LỜI KẾT

Trạch nhật học của Trung Quốc có lịch sử lâu dài và bền vững, đồng thời trên các phương diện của cuộc sống, cũng đạt đến mức độ ứng dụng rộng rãi. Trạch nhật, đúng như tên gọi của nó nghĩa là chọn lựa một ngày tốt giờ tốt, khiến cho thời gian và thời thế tốt nhất cho những sự việc cần tiến hành, đồng thời từ sự bắt đầu tốt đẹp này, sự vật phát triển và thay đổi biến hóa theo một mục tiêu đã định trước, cuối cùng thực hiện được mục tiêu đó. Cần đảm bảo về thời gian, không gian, thời thế, hoàn cảnh xã hội, điều kiện nhân văn, địa lý phong thủy cũng như các thông tin liên quan khác. Từ xưa đến nay, có rất nhiều ví dụ thực tiễn về sử dụng trạch nhật học để nắm bắt thời cơ, càng quan trọng hơn nhật khóa tứ trụ được xếp ra từ trạch nhật, có thể kiểm nghiệm hiệu quả ứng nghiệm của dụng sự sự vật và dự đoán dụng sự sự vật phát triển biến hóa như nào, đây là đang cung cấp trước cho chúng ta những thông tin dự đoán quý giá, vì vậy trạch nhật học có một vai trò, tác dụng rất quan trọng.

Trạch nhật học đều là dựa trên tư tưởng "Chu Dịch", lý luận bát quái, chủ yếu vận dụng pháp tắc sinh khắc của ngũ hành. Do đó ở Trung Quốc đã hình thành nên nhiều môn phái khác nhau, hình thành nên cục diện "Trí giả kiến trí, nhân giả kiến nhân", trong việc lựa chọn thời gian thích hợp nhất, đã sản sinh ra cục diện hỗn loạn, chỗ thì nói cát, chỗ lại nói hung, điều này đã tạo nên sự khó khăn cho việc phát triển và ứng dụng trạch nhật học. Rất nhiều người có học thức khi đối diện với tình trạng của trạch nhật học như này, đều đã nỗ lực không ngừng nghỉ, điều này có thể thấy trong các tác phẩm của họ. Nhưng những tác phẩm này đều có xu hướng hoài cổ, văn chương dài dòng, khiến cho người đọc khó mà lĩnh ngộ, nội dung cũng rất nhiều, khiến cho người đọc như lạc lối trong sương mù dày đặc, khiến cho người ta có cảm giác nghi ngờ nuối tiếc. Khảo sát thực chất của trạch nhật, vốn chỉ là chọn thời gian thích hợp nhất, chọn ra giờ, ngày, tháng, năm thích hợp, biểu đạt cũng chỉ có xếp ra tứ trụ hoặc quẻ, xem xét các yếu tố chỉ là xem xét các thông tin chủ yếu có liên quan đến dụng sự, tại sao nó lại sâu sắc, phức tạp và mâu thuẫn như vậy? Một bộ sách nhật khóa với nội dung đơn giản rõ ràng, chủ đề nổi bật, sử dụng chính xác trạch nhật học cần sớm xuất hiện, đó là con đường bắt buộc để giải quyết sự khó khăn phức tạp của lĩnh vực trạch nhật học. Đồng chí Phan Tín Thông với mười mấy năm

Tác giả: Phan Tín Thông | Chuyển ngữ: Vũ Phác

nghiên cứu kiểm nghiệm, tại thời điểm chuyển giao thế kỷ đã đưa ra tác phẩm nhật khóa đây thiết thực và dễ nắm bắt, có độ chính xác rất cao, quan điểm mới mẻ độc đáo. Nó có một vai trò không thể không nói đến về sự phát triển của trạch nhật học, chắc chắn sẽ sản sinh ra được ảnh hưởng tích cực. Rất ấn tượng và cảm kích về tinh thần nghiên cứu không mệt mỏi và sự thông minh tài trí của đồng chí Phan Tín Thông, đồng thời theo yêu cầu của đồng chí Phan Tín Thông, mà tôi đã viết phần kết này để giới thiệu với các vị. Hy vọng cuốn sách nhật khóa này có thể đem đến phúc âm cho các vị, đồng thời có thể tạo phúc cho xã hội. Vì để sớm có thể đưa đến các vị độc giả, cuốn sách này phát hành dưới hình thức tài liệu giảng dạy, do Viện Nghiên cứu dịch học Quảng Thâm biên soạn in ấn và phát hành, có chuyện liên quan xin vui lòng liên hệ trực tiếp.

Mọi ý kiến đóng góp đều được hoan nghênh
Cao Quảng Thâm

Hết/.

By Vũ Phác, Hà Nội, tháng 2 năm Nhâm Dần 2022.

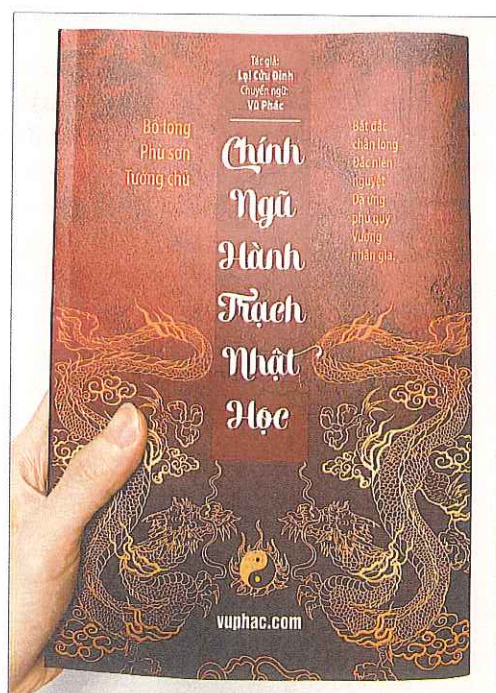
Sách được phân phối qua kênh FB cá nhân **"Vũ Phác"** và fanpage **"Nhà Sách Vũ Phác"**, trang web vuphac.com. Mọi fanpage bán các đầu sách chuyển ngữ bởi Vũ Phác khác ngoài các kênh trên đây hoàn toàn là giả mạo, xin quý vị độc giả hãy lưu ý. Đây là 1 hành động đáng bị lên án và vi phạm đạo đức nghiêm trọng, ăn cắp chất xám và công sức lao động của Vũ Phác. Thậm chí thô bạo và trắng trợn hơn họ còn nhận đó là sách gốc và họ chính là đại lý phân phối của Vũ Phác, điều này hoàn toàn là bịa đặt! Quý vị độc giả hãy liên hệ mua sách của Vũ Phác để dịch giả có động lực để chuyển ngữ được nhiều tác phẩm hay hơn đóng góp cho nền Huyền học của nước nhà!

Mọi thắc mắc xin liên hệ với Vũ Phác qua facebook **"Vũ Phác"** hoặc qua SĐT/Zalo: **0972 831 075**

Trân trọng!

CÁC CUỐN SÁCH ĐÃ CHUYỂN NGỮ VÀ XUẤT BẢN TỚI CỘNG ĐỒNG CỦA VŨ PHÁC

1. Chính Ngũ Hành Trạch Nhật Học – Lại Cửu Đỉnh



Trường phái của trạch nhật tương đối nhiều, đến nay, trạch nhật có không dưới 200 môn phái, điều đó đã hình thành nên một hệ thống lý luận khổng lồ, tuy nhiên phái trạch nhật thịnh hành nhất gồm có: ngũ hành, tạo mệnh, kiện trừ, đấu thủ, thiên tinh, vận khí, diễn cầm, xuyên sơn, huyền không, kỳ môn, lục nhâm, thái ất, hà lạc lý số, tam nguyên. Nhưng bất luận là phái nào đi chăng nữa, thì cũng đều phải phối hợp với thiên vận (thời gian), địa vận (không gian) và nhân vận (sinh mệnh) để tổng hợp cân nhắc, như vậy mới có thể chọn được ngày giờ cát lành thực sự, từ đó mà xu cát tị hung.

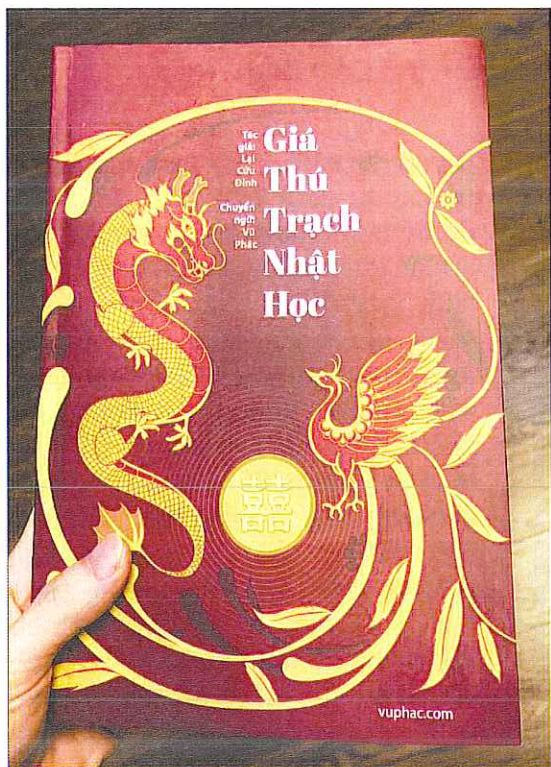
Chúng ta vẫn thường nói, nhất mệnh nhì vận tam phong thủy, nếu chỉ chú trọng tới phong thủy mà không phối hợp với ứng dụng của trạch nhật thì cũng chưa phải là hoàn thiện, thậm chí phản tác dụng từ cát chuyển thành hung. Bởi vì phong thủy là thể, nhật khóa là dụng, thể dụng kết hợp mới có thể thêm phúc phát quý, và cũng bởi vì phong thủy đã là chủ thể có số đã định, còn thời gian sử dụng (nhật khóa) luôn luôn do nhân tố hành vi con người quyết định. Chẳng hạn lấy phái tạo mệnh làm thí dụ, thì yêu cầu chúng ta phải xem xét từ 3 khâu gồm “bổ long, phù sơn, tướng chủ”, giúp cho khóa lựa chọn này có thể chế hung trợ cát, từ đó càng làm cho người sử dụng nhật khóa cảm thấy thuyết phục.

Tạo mệnh ca quyết viết: “bất đắc chân long đắc niên nguyệt, dã ứng phú quý vượng nhân gia” (chẳng được chân long, được năm tháng, cũng ứng sang giàu vượng nhân đình).

Cuốn ngũ hành trạch nhật học này sẽ đi từ dễ đến khó, tuần tự tiến dần, thông qua sự kết hợp giữa ngũ hành với tạo mệnh trong quá trình trạch cát của âm trạch và dương trạch, tổng kết ra quy luật cơ bản và phương pháp vận dụng của nó, từ đó giúp cho người mới học rất nhanh có thể bước vào cánh cổng của trạch nhật học.

Ngũ hành trạch nhật học là một trong những tài liệu giảng dạy cơ bản cho người nhập môn học tập trạch nhật, và nó cũng có thể là cuốn sách tham khảo nghiên cứu cho những bạn tìm hiểu trạch nhật.

2. Giá Thú Trạch Nhật Học – Lại Cửu Đỉnh



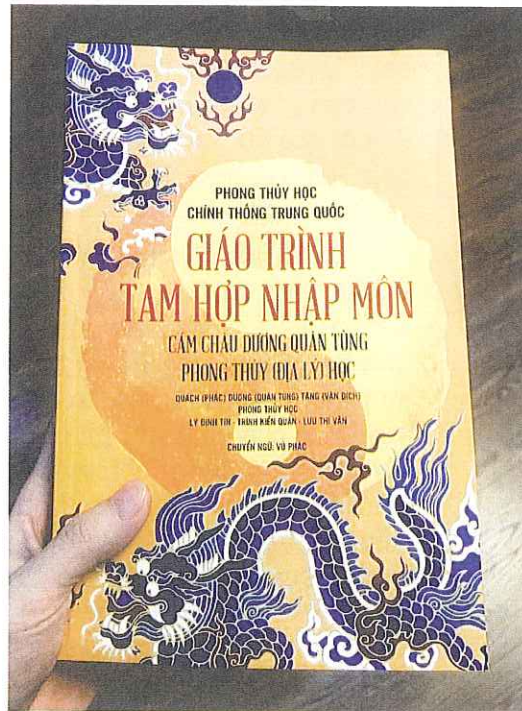
Bản thảo của quyển “Giá Thú Trạch Nhật Học” này đã được hoàn thành hơn phân nửa vào năm 2005, nhưng bởi vì tác phẩm chuyên ngành đầu tiên của tôi là “Chính Ngũ Hành Trạch Nhật Học” vừa mới xuất bản thì bị người ta lấy in bán sách lậu mấy mươi vạn cuốn kiếm tiền, ngay cả tác giả cũng bị người ta lợi dụng, nhưng nếu nhìn kỹ từ một góc độ khác thì điều này đã chứng minh thời kỳ đỉnh cao của trạch nhật học đã tới.

Mấy năm gần đây, không ít đồng đạo dịch học và người yêu thích nghiên cứu đối với giá thú trạch nhật học đã gia tăng rất mạnh, bởi vì không có một cuốn tài liệu phổ cập đã khiến cho không ít người lưỡng lự

chần chừ ở bên ngoài cánh cửa của trạch nhật, để bù đắp lỗ hổng của lĩnh vực này và phối hợp bản viện (bản hội) Thôi Phúc Lâu dựa theo bồi dưỡng dạy học của Viện khoa học phong thủy quốc tế và Tổng hội nghiên cứu phong thủy quốc tế Lại Bố Y cùng với việc đáp ứng nhu cầu tìm hiểu nghiên cứu giá thú trạch nhật học của các bạn trẻ yêu thích dịch học, tác giả mới biên soạn quyển tài liệu “nhập môn” này, hy vọng với sự xuất bản của quyển sách này sẽ có thể đóng vai trò “thả con săn sắt bắt con cá rô” đối với giá thú trạch nhật học, khiến cho càng nhiều tiền bối, chuyên gia và những bạn trẻ đam mê dịch học với vốn hiểu biết chính xác có thể đem tâm đắc trạch nhật của mình phụng hiến cho xã hội, tạo phúc cho quốc gia, tạo phúc cho nhân dân.

Nhiệt thành hoan nghênh các cao nhân đồng đạo trong giới dịch học và đồng đạo bạn đọc bình luận góp ý và chỉ ra chỗ sai đối với quyển sách này, đồng thời nói cho tác giả biết những chỗ nào còn sai lầm và sơ sót, tại đây tác giả xin chân thành cảm ơn trước!

3. Giáo Trình Nhập Môn Tam Hợp – Phong Thủy Học Chính Thống Trung Quốc



Phong thủy học của Cầm Châu Dương Cửu Bần không phải là thuật phong thủy phong kiến mê tín, từ lý luận tới thực tiễn, không hề có màu sắc mê tín, là khoa học!

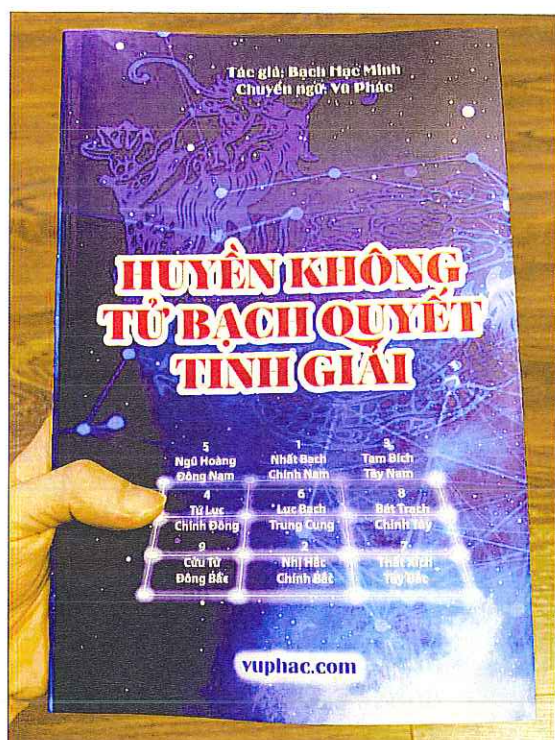
Dương Cửu Bần (834-906), tên Ích, tự Quân Tùng, hiệu Cửu Bần, người Cầm Châu. Đời Đường Hy Tông (năm 874-888), nắm giữ lĩnh đài địa lý, quan chức làm đến Kim Tử Quang Lộc Đại Phu. Năm Càn Phù thứ sáu (năm 874) Vương Tiên Chi khởi nghĩa, Hoàng Sào hưởng ứng. Năm Quảng Minh Canh Tý (năm 880), Hoàng Sào chiếm Trường An (Tây An ngày nay), Dương Cửu Bần lấy trộm được “Cẩm Trung Ngọc Hàm Bí Thuật”, tức “Táng Thư” của Quách Phác,

trở về Cầm Châu, tại Dương Tiên Lĩnh ngày nay nhận trò truyền thuật.

Dương Cửu Bần lấy “Táng Thư” của Quách Phác làm lý luận chủ đạo, biên soạn ra “Thanh Nang Áo Ngử” làm quy tắc thực hành chi tiết, truyền thụ cho cao đồ Tăng Văn Đích. Tăng Văn Đích nhờ đó viết ra “Thiên Ngọc Kinh Tự”, xây dựng lên cổ pháp phong thủy thuật Quách Dương Tăng có hệ thống lý luận, có phương pháp thực tiễn cụ thể và thao tác quy phạm hóa. Thuật này được truyền khắp tỉnh Giang Tây, lan rộng tại Trung Quốc và đến tận nơi sinh sống của Hoa kiều trên toàn thế giới, có thể coi đây lại là một phát minh lớn khác bên cạnh tứ đại phát minh cổ đại Trung Hoa.

Cơ sở lý luận của phong thủy học Dương Cửu Bần là “thừa sinh khí”, là duy vật. Mặt đối lập nội tại của sinh khí là ngũ thổ và thủy, tức nguyên tố và thủy. Tức là khí của “Hoa hướng dương lớn lên hướng về mặt trời”. Phương pháp của nó là biện chứng, “Táng thư” viết “ngoại khí cho nên tụ nội khí”, tức nhân tố bên ngoài ảnh hưởng nguyên tố bên trong. Nhân sinh quan của nó là cách mạng tích cực, “Táng thư” viết “quân tử đoạt thần công, cải thiên mệnh”. Thực tiễn của nó không hề có vẽ bùa, niệm chú, càng không treo bát quái, treo gương, lập Thạch cảm đương. Tại sao lại coi lý luận này là phong kiến mê tín được?.

4. Huyền Không Tử Bạch Quyết Tinh Giải – Bạch Hạc Minh



Huyền Không Phi Tinh còn có tên là Cửu Cung Phi Tinh hay Tử Bạch Phi Tinh, chủ yếu vận dụng tính toán quỹ đạo của 9 ngôi sao Tử Bạch, sau đó phối hợp với Nguyên Vận để tính toán hung cát.

Mà người nghiên cứu Huyền Không phong thủy, cũng biết trường phái này có học thuyết lý luận sâu rộng và thâm thúy, trừ việc có được kiến thức truyền lại của chính sư phụ, còn cần cố gắng chăm chỉ, mới có thể đạt đến mức độ tinh thông hiểu biết sâu rộng. Ai mà muốn nghiên cứu sâu hơn thì có thể tham khảo bộ sách “Thẩm Thị Huyền Không Học”, ngoài ra, có liên quan đến Phi Tinh Ca Phú Quyết còn có “Tử Bạch Quyết”, “

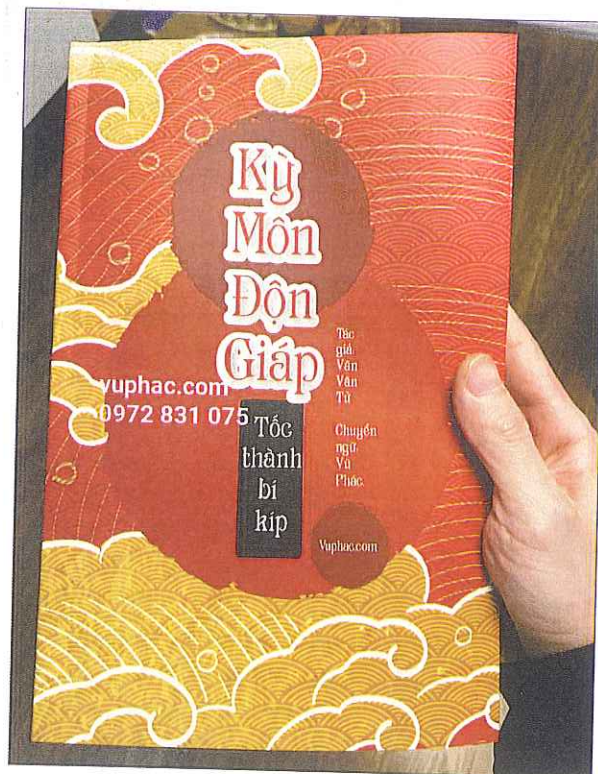
Huyền Cơ Phú”, “Huyền Không Bí Chỉ”, “Phi Tinh Phú” vân vân, đều là những quyển sách tham khảo kinh điển có nội dung phong phú.

Nội dung của “Tử Bạch Quyết” rất phong phú, nhưng chữ viết đều là những từ ngữ có từ rất lâu. Nếu có một kiến thức nền cơ bản về từ ngữ văn phong cổ, đọc hiểu không thành vấn đề, nhưng đối với những người nghiên cứu bình thường, những thuật ngữ có thể cần giải thích hoặc cần dịch sang văn phong hiện đại, thì sẽ càng dễ hiểu hơn. Tác giả đã dựa theo cách này để viết, hy vọng có thể cung cấp cho các bạn nghiên cứu Huyền Không Phong Thủy một quyển sách có giá trị tham khảo cao.

“Tử Bạch Quyết” chủ yếu bao gồm các nội dung sau:

- 1, Hà Đồ Vận
- 2, Lạc Thư Nguyên Vận
- 3, Quỹ đạo của Cửu Cung phi khởi
- 4, Phi Bàn Kỳ Môn
- 5, Tổ hợp tinh diệu hung cát

5. Kỳ Môn Độn Giáp Tốc Thành Bí Kíp – Văn Văn Tử



“Kỳ Môn Độn Giáp” đã lưu truyền hàng nghìn năm trong lịch sử lâu dài và không ngừng phát triển, không có gì nghi ngờ khi nói đó chính là tài sản văn hóa quý báu của dân tộc Trung Hoa. Kiến thức uyên thâm và rộng lớn của bộ môn này, đã khiến cho vô số văn nhân chí sĩ say mê. Nhưng khổ ở chỗ, nó có rất ít tư liệu và cũng rất khó hiểu, chỉ có thể xem “sách” mà học thôi.

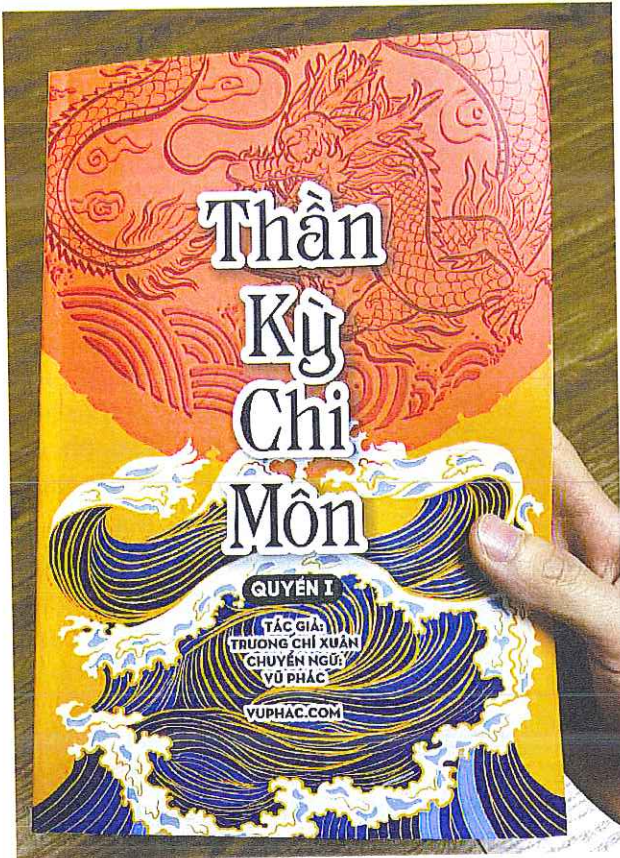
Tác giả may mắn được Khiết Hạn ân sư truyền dạy cho, không dám giữ làm của riêng, bây giờ dùng cách viết và từ ngữ đơn giản nhất, từ đơn giản đến khó hiểu, tỉ mỉ miêu tả giải thích phương pháp và quy luật

bắt đầu “Kỳ Môn”, quan hệ qua lại của Cửu cung, Cửu tinh, Bát môn, Bát thần, Kỳ Nghi, để tất cả độc giả có thể hiểu được “Kỳ Môn” là lấy sự chuyển hóa, thay đổi của không gian, thời gian, vị trí để làm rõ sự phát triển và biến hóa của sự vật, dùng Âm Dương Ngũ Hành sinh khắc chế hóa để tính toán suy luận ra sự được mất thành bại của sự việc.

Đặc điểm lớn nhất của quyển sách này là thông dụng dễ hiểu, vận dụng linh hoạt dễ dàng.

Được viết theo lối âm bản đạo gia, có phần sử dụng kỳ môn pháp thuật để hóa giải. Vũ Phác đã bổ sung thêm phụ lục “Kỳ Môn Dữ Trạch Cát” của tác giả Trương Chí Xuân, lưu ý phần kỳ môn trạch cát này không có trong cuốn sách “Thần Kỳ Chi Môn” của tác giả Trương Chí Xuân, mà nó là 1 chương riêng thuộc về kỳ môn cao cấp của Trương lão sư.

6. Thần Kỳ Chi Môn – Trương Chí Xuân (2 tập)

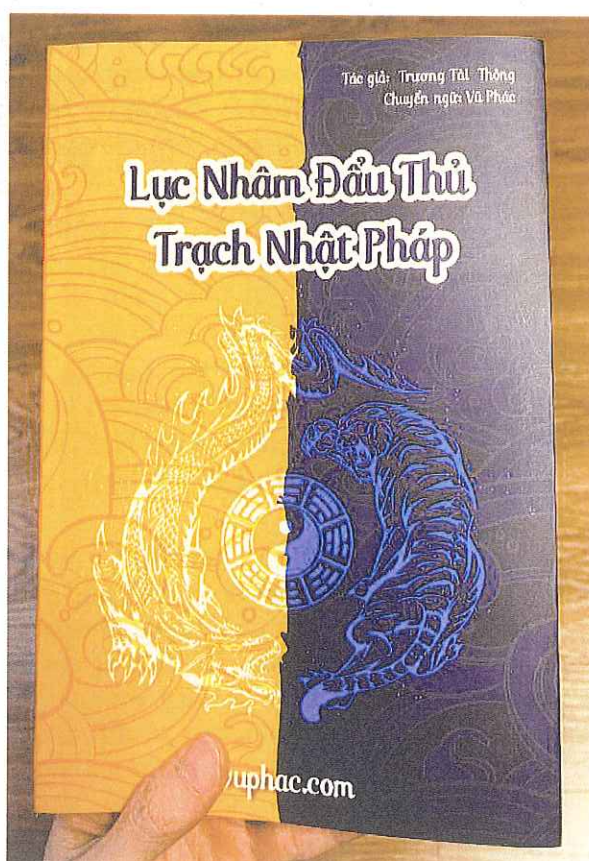


“Thần Kỳ Chi Môn” của Trương Chí Xuân là một cuốn sách về “Kỳ Môn Độn Giáp”. “Kỳ Môn” là một bộ môn dự đoán cao cấp trong lĩnh vực dịch học, là tài sản quý giá của các “thiên dịch giả” thời xưa để lại. Ông Trương khi còn trẻ tốt nghiệp khoa Ngôn ngữ và Ngữ văn Trung Quốc, Đại học Bắc Kinh, với tài văn chương uyên thâm, sau nhiều năm miệt mài nghiên cứu, ông đã tổ chức nhiều buổi thảo luận nghiên cứu cho những người bạn đồng chí hướng, sau nhiều năm tích lũy kinh nghiệm thực tiễn và nhiều lần sửa đổi bản thảo, cuối cùng ông đã đưa “Thần Kỳ Chi Môn” đến với công chúng. Trong cuốn sách, ông Trương đã dẫn

chứng các tác phẩm từ xưa đến nay, kết hợp với các thành tựu học thuật hiện đại, để giải thích được nguyên lý sâu xa của “Kỳ Môn” bằng ngôn ngữ đơn giản mà không kém sâu sắc. Trong sách, ông cũng đưa ra các phương pháp cụ thể để khởi cục, hơn nữa còn đưa ra các ví dụ thực tế để ứng dụng. Những điều này hiếm thấy trong các tác phẩm tương tự trước đây. Cuốn sách này quả thực có thể coi như một giáo trình nhập môn để học “Kỳ Môn”, đồng thời cũng có thể được sử dụng như một kiệt tác học thuật để nghiên cứu chuyên sâu về “Kỳ Môn”. Đây là một tác phẩm kế thừa và phát huy những giá trị cốt lõi trong lĩnh vực học thuật của nó và đáng được lưu truyền, là một “công cụ” hữu ích. Ông Trương Chí Xuân qua đó đã có những đóng góp mới trong việc phát huy văn hóa truyền thống đặc sắc của dân tộc Trung Hoa.

Là cuốn sách phải đọc khi muốn bước chân vào cánh cửa của Kỳ môn độn giáp thần bí. Được viết theo phái dương bản sách bổ vô trí nhuận pháp. Những lý luận của tác giả rất chặt chẽ và đều có ví dụ thực tế chứng minh cụ thể chứ không đơn thuần là lý thuyết suông. Vì quá dày, hơn 700 trang nên được in làm 2 cuốn tập 1 và tập 2. Tới đây, Vũ Phác sẽ cố gắng giảm số trang xuống còn 1 cuốn để tiết kiệm chi phí in ấn và giảm giá sản phẩm.

7. Lục Nhâm Đẩu Thủ Trạch Nhật Pháp – Trương Tài Thông



Cùng một nhật khóa, trừ phi môn phái sở học của các thầy bình khóa (đánh giá nhật khóa) tương đồng, trình độ tương đương, nếu không thì kết quả đánh giá sẽ khó mà thống nhất, cho nên giới trạch nhật trước giờ luôn có thuyết pháp “phái thì nói cát, phái thì nói hung”.

Quyển sách này giới thiệu 2 loại “Lục Nhâm Trạch Nhật Pháp” và “Đẩu Thủ Trạch Nhật Pháp” nhằm giúp cho các bạn có đam mê với bộ môn trạch nhật học có thêm tài liệu tham khảo và nghiên cứu.

Thuật số Trung Quốc bác đại tinh thâm, do đó chúng ta không nên có quan niệm một cái đúng

thì tất cả đúng, một cái sai thì tất cả sai đối với bất kỳ lưu phái học thuật nào cả, mà phải nhìn nhận tổng thể khách quan, đối xử công bằng.

Tác giả luôn luôn hy vọng tất cả những người hữu duyên trong thiên hạ đều đem bí pháp thuật số mà tự mình nắm được chia sẻ cho mọi người cùng học và phát huy, qua đó làm rõ được những thật giả chân nguy, tạo phúc cho mình tạo phúc cho người.

Cát nhật cát địa chỉ có thể gặp chứ không thể cầu, cho nên những người tinh thông thuật này cũng chưa chắc đã có thể hoạch phúc nhờ vào nó, ngược lại, những người không tinh thông thuật này cũng chưa chắc chưa thể hoạch phúc do không tinh thông về nó.

Nhật khóa địa lý có cái có thể của nó, nhưng cũng có cái không thể của nó, cho nên người học tập môn này không thể cứ hể thấy hy vọng gì là cũng trông chờ ủy thác hết vào nó.

CẢNH BÁO LỪA ĐẢO, ĂN CẮP TRÍ TUỆ CỦA VŨ PHÁC

09:38



< 🔍 Kinh Dịch Lục Hào - Vũ... ➔



Kinh Dịch Lục Hào -
Vương Hồ Ứng

Sách **Fanpage này là giả mạo!**



Thích

📩 Nhắn tin

Xin chào! Chúng tôi có thể giúp gì cho...



Triệu, Hạnh, Tài và 93 người khác thích
địa điểm này

Hiện nay, trên thị trường và facebook xuất hiện fanpage: **Kinh Dịch Lục Hào – Vương Hồ Ứng** đã ăn cắp chất xám, làm giả sách của Vũ Phác để bán.

Hành động cực kỳ đáng bị lên án và vi phạm đạo đức nghiêm trọng, ăn cắp chất xám và công sức lao động của Vũ Phác.

Thậm chí thô bạo và trắng trợn hơn họ còn nhận đó là sách gốc và họ chính là đại lý phân phối của Vũ Phác, điều này hoàn toàn là bịa đặt!

Công việc chuyển ngữ và hiệu đính sách cực kỳ vất vả, để có được bản in chất lượng không phải điều đơn giản. Đòi hỏi người dịch phải có tâm, có tầm, có kiến thức và kinh tế mới duy trì được. Công

việc này là công việc bới bèo ra bọ. Sai 1 li người đọc áp dụng sau nghiệp quả ăn cả đời không hết.

Thay vì bỏ công sức trí tuệ ra để làm việc, thì họ chỉ chờ để ăn cắp, đợi Vũ Phác xuất bản sách mới ra rồi lấy về scan đem bán, điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế và ức chế về tinh thần đến bản thân Vũ Phác tôi.

Hành động ăn cắp này quả thực không còn lời gì để nói. Họ bao biện rằng sách Vũ Phác dịch là không có bản quyền. Xin thưa, sách Vũ Phác dịch là hoàn toàn đúng đắn và hợp pháp về mặt pháp luật. Vũ Phác dịch và lưu hành nội bộ trong cộng đồng huyền học, giúp truyền bá kiến thức đến cho cộng đồng, không vì mục đích thương mại qua Nhà Xuất bản nên điều này là không vi phạm pháp luật nước CHXHCN Việt Nam. Mà chính hành động ăn cắp công sức trí tuệ của người khác một cách trắng trợn mới là hành động đáng bị lên án và vi phạm pháp luật.

Không những làm giả, đạo nhái lại sách của Vũ Phác thậm chí họ còn tự nhận họ làm đại lý phân phối sách của Vũ Phác. Rồi thì nhận là sách gốc (nhưng bản chất là sách họ fake) để đánh lừa khách hàng. Thật là "Ăn cắp quen tay, ngủ ngày quen mắt".

Sách được phân phối qua kênh FB cá nhân "**Vũ Phác**" và fanpage "**Nhà Sách Vũ Phác**", trang web **vuphac.com**. Mọi fanpage bán các đầu sách chuyển ngữ bởi Vũ Phác khác ngoài các kênh trên đây hoàn toàn là giả mạo, xin quý vị độc giả hãy lưu ý.

← **Kinh Dịch Lục Hào -...**
Thường trả lời trong một ngày

Chi tiết quảng cáo

  **SÁCH CHÍNH NGŨ HÀNH TRẠCH NHẬT HỌC-LẠI CỬU ĐỈNH**
Sách không thể thiếu để ...

Tại hôm trước có bên
kia bán giá cao hơn
nhưng cũng nói sách
gốc

 Dạ đều nhập bên tác giả
mỗi shop sẽ có giá khác
nhau ạ

Ủa bên mình mua đi
bán lại, chứ ko phải gốc
tác giả hả

 Anh có thể hiểu là đại lý ạ

**Vũ Phác không nhận họ là đại lý,
là 1 sự bịa đặt trắng trợn**

 **A**

A có thể lên trang web
của tác giả để tham khảo

 ...

    Aa

← **Kinh Dịch Lục Hào -...**
Thường trả lời trong một ngày

Chi tiết quảng cáo

  **SÁCH CHÍNH NGŨ HÀNH TRẠCH NHẬT HỌC-LẠI CỬU ĐỈNH**
Sách không thể thiếu để ...

Cảm ơn Anh/Chị đã quan
tâm tới Cuốn Chính Ngũ
Hành Trạch Nhật Học –
Lại Cửu Đỉnh, bên em
đang bán giá chỉ
299.000đ + freeship.
Anh/Chị để lại SỐ ĐIỆN
THOẠI và ĐỊA CHỈ, nhà
sách lên đơn cho mình ạ.



sách gốc hay photo

Dạ sách gốc ạ

Mỗi trang đều có dấu
chìm của tác giả

Giấy trơn đẹp ạ

Anh có thể kiểm tra sách
khi nhận hàng ạ



    Aa

**Đây là sách
fake nhưng
họ tự nhận
là sách gốc
để đánh lừa
khách hàng**

Nay thông báo để quý vị độc giả được biết. Kính mong quý vị độc giả hãy
liên hệ mua sách của Vũ Phác để dịch giả có động lực để chuyển ngữ được
nhiều tác phẩm hay hơn đóng góp cho nền Huyền học của nước nhà!

Liên hệ mua sách: qua Facebook "**Vũ Phác**" hoặc Zalo/SĐT: **0972 831
075** hoặc fanpage "**Nhà Sách Vũ Phác**".

